**\* Sưu tầm, thống kê, phân loại, nghiên cứu, biên soạn địa danh Địa danh Gò:**

**\* Khái niệm Gò:**

Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.

**1. Gò Cát**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Vật liệu dạng hạt (Cát).

Gò Cát rộng khoảng 150 ha tọa lạc tại xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho. Đây là địa danh được ghi chép trong các sách cổ là *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn với đặc sản rượu Gò Cát (Sa tửu). Gò Cát cũng là nơi sản xuất gạo Gò Cát rất ngon, được dùng làm bánh hủ tiếu để tạo nên món hủ tiếu Mỹ Tho vang danh khắp nơi[[1]](#footnote-1).

Các địa danh có liên quan đến Gò Cát là rạch Gò Cát, cầu Gò Cát, cống Gò Cát, chợ Gò Cát, đường Gò Cát. Trong đó, chợ Gò Cát được phản ánh qua ca dao:

*Sớm mai đi chợ* ***Gò Cát***

*Cây cao bóng mát, cát nhỏ dễ đi*

*Gái như em, mặt tròn như bông hoa lý*

*Trai như anh, thấm ý vừa lòng*

*Em với anh thương thiệt, sao ông tơ hồng không se?*

**2. Gò Me (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Thực vật (Cây me).

Gò Me rộng khoảng 7 ha, thuộc xã Trung An, thành phố Mỹ Tho. Địa danh này liên quan đến đường Gò Me có chiều ngang 3,5 m, dài khoảng 2 km dẫn vào khu du lịch sinh thái Ao Sen.

**3.** **Gò Ông Giảng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Gò) + Giới tính (Ông) + Tên người (Giảng).

Gò Ông Giảng là gò cát do ông Giảng tổ chức khai khẩn hoặc ông có công lao nhất định đối với địa phương, rộng khoảng 10 ha, nay thuộc Phường 9, thành phố Mỹ Tho.

\* **Địa danh Việt gốc Khmer:**

**1. Bưng Tra Sập**

Bưng Tra Sập tọa lạc tại đường Lý Thường Kiệt, Phường 5, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Thời xưa, tại đây, có một cái bưng rộng khoảng 5 ha, trong đó có một số cây tra cổ thụ, do đặc tính thân cây không mọc theo hướng thẳng đứng mà oằn mình sát xuống mặt đất trông giống như sập ngã, nên thành địa danh.

**2.** **Mỹ Tho**

Địa danh Mỹ Tho là do tiếng Khmer “Mêso” nói trại mà ra, có nghĩa là “Cô gái trắng trẻo”.

Tên Mỹ Tho viết bằng chữ Quốc ngữ xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1747: “MI THO” trong quyển *Lịch sử truyền giáo xứ Nam Kỳ* của Launay.

**Mê** có thể biến thành **Mi** được, bởi vì trong tiếng Việt, âm **ê** có thể biến đổi thành âm **i** (b**ê**nh vực – b**i**nh vực). **So** có thể biến thành **Tho**, bởi vì âm **s** có thể biến đổi thành **th** (**s**ụp lạy - **th**ụp lạy, **s**ụt lùi - **th**ụt lùi). Từ đó, Mêso được gọi trại thành Mi Tho, về sau thành Mỹ Tho.

Một khi nói đến Mỹ Tho là phải nói đến Mỹ Tho Đại Phố (chợ phố lớn Mỹ Tho) được thành lập năm 1679, tọa lạc tại thôn Mỹ Chánh. Đây là ngôi chợ có hoạt động thương mại rất nhộn nhịp. Trong quyển *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức viết: “Chợ phố lớn Mỹ Tho có nhà ngói cột chạm, đình cao, chùa rộng, ghe thuyền ở các ngả sông biển đến đậu đông đúc, làm thành chốn đại đô hội, rất phồn hoa, huyên náo”.

Trên cơ sở đó, năm 1781, chúa Nguyễn cho dời lỵ sở của dinh Trấn Định từ thôn Tân Hiệp (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) về thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho. Từ đây, Mỹ Tho không chỉ là trung tâm kinh tế - thương mại, mà còn là trung tâm chính trị của địa phương.

Thời Pháp, Mỹ Tho được đổi thành tên tỉnh. Thời chính quyền Sài Gòn (1954-1975), Mỹ Tho là tỉnh lỵ của tỉnh Định Tường. Về phía chính quyền cách mạng, vẫn gọi là tỉnh Mỹ Tho; riêng thị xã Mỹ Tho, cuối năm 1967, được nâng cấp lên thành phố Mỹ Tho, trực thuộc Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ), ngang với cấp tỉnh.

Năm 1976, Mỹ Tho được công nhận là thành phố cấp 3, tỉnh lỵ của tỉnh Tiền Giang. Ngày 7/10/2005, thành phố Mỹ Tho được nâng lên thành đô thị loại 2; ngày 05/02/2016, được nâng lên thành đô thị loại 1; đây là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh đầu tiên ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**\* Địa danh Việt gốc Pháp:**

**1. Bót số 8**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng quân sự (Bót: xuất phát từ tiếng Pháp - Poste, có nghĩa là Trạm canh gác của binh lính hoặc cảnh sát) + Số thứ tự (Số 8)

Bót số 8 là trạm canh gác thứ tám của cảnh sát do chính quyền thực dân Pháp tỉnh Mỹ Tho lập ra nằm trong hệ thống các trạm canh gác ở nội ô Mỹ Tho trước năm 1954. Hiện nay, địa điểm Bót số 8 tọa lạc gần Cơ sở chính của Trường Đại học Tiền Giang, số 119, đường Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**2.** **Đường Yersin (đọc theo Tiếng Việt: Yéc-xanh)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Tên người Pháp (Yersin).

- Yersin: Alexandre Émile Jean Yersin (sinh năm 1863 tại Thụy Sĩ, mất năm 1943 tại Nha Trang, Việt Nam), là bác sĩ y khoa, nhà vi khuẩn học và nhà thám hiểm người Pháp gốc Thụy Sĩ. Ông là người khám phá Cao nguyên Lâm Viên (tỉnh Lâm Đồng), vạch ra một con đường bộ từ Trung Bộ, Việt Nam sang Campuchia, là người thành lập và là hiệu trưởng đầu tiên của Trường Y khoa thuộc Viện Đại học Đông Dương (tiền thân của Đại học Y Hà Nội hiện nay), đặt nền móng xây dựng Viện Pasteur Nha Trang và Trại chăn nuôi Suối Dầu. Đặc biệt, ông đã tìm ra trực khuẩn gây bệnh dịch hạch, sau này được đặt theo tên ông: Yersinia pestis.

Đường Yersinthuộc Phường 4, thành phố Mỹ Tho, từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Ấp Bắc, chiều dài: 1,10 km; chiều rộng: 6,0 m.

**3.** **Hãng Xáng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức sản xuất, kinh doanh (Hãng) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng).

Xáng: có gốc Tiếng Pháp - chaland (đọc theo Tiếng Việt : Sa-lan) gọi trại, thường gọi là chiếc sà lan, trên đó người ta đặt chiếc máy đào kênh/kinh, vét bùn; trước đây, người ta gọi là xáng múc; hiện nay gọi là tàu cuốc.

Năm 1902, một Công ty tư bản Pháp ở Paris thành lập Công ty nạo vét đường sông và công ty chính ở Việt Nam. Công ty có trụ sở chính tại Sài Gòn và chi nhánh đặt tại Mỹ Tho. Chi nhánh Mỹ Tho có nhiệm vụ trực tiếp làm việc tại các công trường khai thác, sửa chữa cơ khí, máy móc cho các loại tàu thủy và xáng. Vì thế, được gọi là Hãng Xáng Mỹ Tho. Lúc mới thành lập, Hãng Xáng tọa lạc tại vàm kênh/kinh Nicolas và Sông Tiền, nay ở góc đường Lê Thị Hồng Gấm và Tết Mậu Thân, Phường 4, thành phố Mỹ Tho. Lúc đó, Hãng Xáng có tổng số thầy, thợ (công nhân) khoảng 600 người, gồm có các phân xưởng nguội, tiện, sắt, hàn, điện, đúc và văn phòng. Hãng có 10 chiếc xáng khá lớn và một số tàu kéo hoạt động ở vùng sông nước Cửu Long[[2]](#footnote-2).

Hãng Xáng là một trong những nơi có Chi bộ Đảng Cộng sản được thành lập sớm nhất ở tỉnh Mỹ Tho (khoảng từ tháng 2 - tháng 4/1930) và là nơi có truyền thống phong trào đấu tranh mạnh mẽ chống thực dân Pháp của công nhân ở đây[[3]](#footnote-3).

Năm 1954, Hãng Xáng chấm dứt hoạt động. Từ năm 1954 - 1975, địa điểm này chỉ là một xưởng cơ khí nhỏ, hoạt động cầm chừng. Sau 30/4/1975, địa điểm Hãng Xáng là Xưởng cơ khí thành phố Mỹ Tho, sau đó là một phân xưởng của Xí nghiệp cơ khí 1 tháng 5. Năm 2000, phân xưởng này giải thể, tại đây được xây dựng thành Thư viện tỉnh Tiền Giang.

**4. Hồ Piscine (đọc theo Tiếng Việt: Pis-xin)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Hồ) + Công trình xây dựng (Piscine)

- Hồ: là khoảng nước đọng tương đối rộng và sâu trong đất liền, thông thường có hai loại: hồ thiên nhiên và hồ nhân tạo.

- Piscine: xuất phát từ Tiếng Pháp - Piscine, có nghĩa là Hồ tắm.

Năm 1943, chính quyền thực dân Pháp ở Gò Công cho chặn một đoạn kênh/kinh Salicetti chảy trong nội thị Gò Công để làm hồ tắm, bởi vì Gò Công ở gần biển, khan hiếm nước ngọt dùng cho sinh hoạt. Dân chúng gọi là hồ Piscine. Theo tác giả Phan Thanh Sắc, đây là “hồ tắm dài và rộng hơn bất kỳ hồ tắm xây nào ở các tỉnh miền Nam và cả Sài Gòn. Piscine luôn đầy ắp nước, lâu lâu thay nước một lần. Nước là nước sông lấy khi nước lớn ở vàm bên phía chợ. Hồ đầy ắp nước, cũng trong cũng sạch. Thanh thiếu niên ở chợ bắt đầu đi tắm và bơi lội trên hồ. Lần lần các học trò của Trường Nam cũng xuống bơi lội, đùa giỡn...[[4]](#footnote-4)”.

Trong thập niên 60 của thế kỷ XX, hồ Piscine bị cạn lấp dần, trở thành ao tù. Sau năm 1975, hồ được lấp hoàn toàn; và tại đó, hình thành nên Công viên Đài Chiến tích Tết Mậu Thân tươi đẹp, thuộc Phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

**5. Kênh/Kinh Arroyo de la Poste (đọc theo tiếng Việt: A-rô-yô đờ la Pox-tơ)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Công trình xây dựng bằng Tiếng Pháp (Arroyo de la Poste).

- Kênh/Kinh: là dòng dẫn nước trên mặt đất do con người tạo ra, có giá trị giao thông thủy và thủy lợi.

- Kênh/kinh Arroyo de la Poste:

Kênh/kinh được đào đầu tiên ở Nam bộ vào năm 1705, gọi là kênh/kinh Vũng Gù. Năm 1819, dưới thời vua Gia Long, kênh/kinh được nạo vét và mở rộng, được đặt tên là kênh/kinh Bảo Định. Dưới thời vua Thiệu Trị (1841 - 1847), kênh/kinh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Trong nửa đầu thế kỷ XIX, dưới thời nhà Nguyễn, kênh/kinh được sử dụng như là tuyến giao thông đường thủy duy nhất nối Sài Gòn - Gia Định với lục tỉnh Nam Kỳ. Trên con kênh/kinh này, chính quyền nhà Nguyễn còn cho đặt các trạm để đảm nhiệm việc vận chuyển văn thư, giấy tờ của nhà nước phong kiến. Do đó, kênh/kinh còn có tên là kênh/kinh Trạm.

Năm 1867, sau khi thiết lập nền thống trị trên đất Nam Kỳ, giới cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho đã sử dụng xáng để nạo vét kênh/kinh Bảo Định. Lúc bấy giờ, kênh/kinh Bảo Định tiếp tục vẫn là thuỷ lộ quan trọng để vận chuyển hàng hóa, công văn, thư từ,… từ Sài Gòn đi Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại, nên chính quyền thực dân Pháp đặt tên là Arroyo de la Poste (kênh/kinh Bưu Điện).

Con kênh/kinh này dài 22 km, nối liền sông Vàm Cỏ Tây tại thành phố Tân An, tỉnh Long An với sông Mỹ Tho tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**6.** **Kênh/Kinh Xáng Cụt (Phường 3, thành phố Mỹ Tho)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tính từ (Cụt: đoạn cuối bị ùn tắc lại, không thông được với nơi khác).

Kênh/Kinh Xáng Cụt là con kênh được đào bằng xáng nhưng nơi cuối dòng bị tắc, không thông lưu với sông, rạch, kênh/kinh nào khác.

Kênh/Kinh Xáng Cụt thuộc Phường 3, thành phố Mỹ Tho. Con kênh/kinh này do chính quyền Sài Gòn đào, dài khoảng 1 km, chảy từ kênh/kinh Bảo Định đến đường Hoa Thám trên địa bàn Phường 3. Hiện nay, con kênh/kinh này đã được lấp để xây dựng thành Khu dân cư rất khang trang, có nhiều tiện ích, phục vụ cuộc sống của nhân dân sở tại.

**7. Kênh/Kinh Xáng Cụt (Phường 6, thành phố Mỹ Tho)**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kênh/Kinh) + Phương tiện đào kênh/kinh (Xáng) + Tính từ (Cụt).

Kênh/Kinh Xáng Cụt là con kênh được đào bằng xáng nhưng nơi cuối dòng bị tắc, không thông lưu với sông, rạch, kênh/kinh nào khác.

Kênh/Kinh Xáng Cụt thuộc Phường 6, thành phố Mỹ Tho. Con kênh/kinh này do quân đội Mỹ đào bằng xáng (tàu cuốc) năm 1967, dài khoảng 4 km, ngang khoảng 15 m, một đầu nối với sông Tiền tại cầu Quan Âm tu viện trên đường Lê Thị Hồng Gấm, một đầu chạm đến đường Trần Ngọc Giải và đường Lý Thường Kiệt, nhằm bảo vệ nội ô Mỹ Tho về phía tây trước sự tấn công của quân giải phóng.

Hiện nay, con kênh/kinh này đang trong quá trình bị cạn lấp. Đoạn cuối giáp với đường Trần Ngọc Giải và đường Lý Thường Kiệt đã được xây dựng thành khu dân cư với diện tích 9,8 ha, có một con đường mới mở tại khu dân cư này mang tên Đỗ Quang.

**8.** **Phú De**

Phú De gọi trại từ Tiếng Pháp: Fourrière (đọc theo Tiếng Việt: Phuốc-ri-e), là nơi giữ súc vật đi rong, đồ đạc bị đánh rơi, ô tô vi phạm luật giao thông,… bị cảnh sát tạm giữ cho đến khi nộp phạt. Thời xưa, địa danh này tọa lạc tại sân đình Bình Tạo, nay ở góc đường Lê Thị Hồng Gấm và Tết Mậu Thân, Phường 4, thành phố Mỹ Tho.

**\* Địa danh Việt có gốc Mã Lai :**

**Cù lao Thới Sơn**

Thôn Thới Sơn được lập trong khoảng cuối thế kỉ XVIII. Cù lao Thới Sơn (tên chữ Hán là Thới Sơn Châu), nằm ở hạ lưu [sông Tiền](http://mobile.coviet.vn/detail.aspx?key=s%C3%B4ng+Ti%E1%BB%81n&type=A0),  có diện tích tự nhiên khoảng 12km² với chiều dài khoảng 11km và chiều rộng khoảng 1km. Hiện nay, xã Thới Sơn thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**\* Địa hình thiên nhiên, thực vật :**

**1.** **Ấp Giáp Nước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Tổ chức dân cư (Ấp) + Địa hình thiên nhiên (Giáp Nước: Thông thường, vị thế giáp nướccó hai loại: 1. Nơi hai dòng nước từ hai nguồn khác hướng ở hai đầu chảy lại. 2. Nơi hai dòng nước không cùng chiều gặp nhau, tạo thành vùng nước xoáy).

Ấp Giáp Nước thuộc xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, là tổ chức dân cư mà nơi đó có một địa điểm ở vào vị thế giáp nước.

Ấp Giáp Nước đông giáp Ấp 1, xã Trung An, tây giáp ấp Xóm Vông, xã Thạnh Phú, bắc giáp ấp Thạnh Hưng, cùng xã, nam giáp ấp Đồng, xã Bình Đức; diện tích tự nhiên 137 ha; dân số (năm 2019): 1.558 người, nam 732, nữ 826; được công nhận ấp văn hóa.

**2.** **Cầu Bần**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây bần: là loài thực vật thân gỗ, chiều cao trung bình từ 10 - 15 m, **sinh sống và phát triển mạnh ở khu vực rừng ngập mặn, có tác dụng chắn sóng, chống sạt lở đất, trái bần còn được sử dụng để nấu canh, một số bộ phận của cây được sử dụng làm thuốc y học cổ truyền, như chữa chứng bong gân, bầm tím do ứ máu, tiểu tiện không thông,…**).

**Cầu Bần nằm trên Lộ Me, bắc qua Rạch Bần, được xây dựng năm 1990, dài 24 m, rộng 6 m, kết cấu bê tông cốt thép, thuộc xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho. Hiện tại, cầu đã được dỡ bỏ, thay bằng cống hộp để làm đường.**

**3.** **Hàng Bông**

### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Bông).

Hàng Bông là tên chợ, chuyên buôn bán trái cây, rau củ, bông hoa,… nên có tên là chợ Hàng Bông; những mặt hàng nông sản đó, dân gian quen gọi là “đồ hàng bông”. Chợ có từ đầu thế kỷ XX. Đến năm 1994, chợ được giải tỏa và thay vào đó là Trung tâm thương mại Mỹ Tho gồm có 4 tầng lầu và 1 tầng hầm. Hiện nay, địa điểm này tọa lạc tại Phường 1, thành phố Mỹ Tho.

**4. Hàng Còng**

### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Cây còng: là loại cây gỗ cực lớn, cao từ 15-25 m, thậm chí cao đến 50 m, tán rất rộng, làm cây che bóng mát, cây cảnh quan, chế biến đồ gỗ mỹ nghệ, cung cấp thực phẩm cho gia súc (dê, bò,...), một số bộ phận cây cũng có tác dụng làm thuốc,…).

Hàng Còng là nơi có nhiều cây còng, là tên của một chợ nhỏ nằm trên theo đường Tết Mậu Thân, dọc theo một phần bờ tây của Giếng Nước Lớn và Giếng Nước Nhỏ; đến khoảng năm 1980, dời vào một con hẽm nằm trên đường Lý Thường Kiệt thuộc Phường 4, thành phố Mỹ Tho.

**5. Hàng Keo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Cây keo).

Hàng Keo là tên dân gian gọi một con đường - đường Hàng Keo - trước đây lát đan (dale), năm 2019, được trải bê tông xi măng, ngang 3,5 m, dài 200 m, nằm giữa bờ tường của Trung tâm Mục vụ Công giáo (trước đây gọi là Chủng viện) và bờ tường của Tịnh xá Ngọc Tường (Phật giáo). Gọi là đường Hàng Keo là vì dọc theo bờ tường của Trung tâm Mục vụ, người ta có trồng một hàng keo để làm hàng rào. Hiện nay, hàng keo này đã bị đốn bỏ, nên còn gọi là đường Bờ Tường, thuộc Phường 6, thành phố Mỹ Tho.

\* **Địa danh chỉ đơn vị hành chính:**

**1.** **Trấn Định Tường**

鎮 Trấn: Chỗ chợ đông đúc, khu vực hành chánh dưới cấp Huyện.

定 Định: Yên ổn, không thay đổi.

祥 Tường: Tốt, lành.

定祥鎮: Định Tường Trấn

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên vua, xưng đế hiệu là Gia Long. Năm 1806, nhà vua cho đổi huyện Kiến Khương (thuộc dinh Trấn Định) thành huyện Kiến An.

Năm 1808, đơn vị **dinh** được đổi thành **trấn**. Lúc bấy giờ, ở Nam kỳ có 5 trấn: Biên Hòa, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Long và Hà Tiên; 5 trấn này thuộc thành Gia Định. Đứng đầu thành Gia Định có các chức Tổng trấn, Phó Tổng trấn và Hiệp trấn.

Tỉnh Tiền Giang ngày nay, lúc đó, được gọi là trấn Định Tường. Đồng thời, vua Gia Long còn cho thăng huyện Kiến An thành phủ Kiến An, thăng 3 thuộc Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng thành 3 huyện Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng.

Đứng đầu trấn Định Tường là Trấn thủ. Dưới có các chức vụ Thư ký (phụ trách công việc hành chính), Cai án (phụ trách công việc tư pháp), Tri bạ (phụ trách công việc ruộng đất, hộ khẩu), Ty Xá sai (phụ trách việc văn án, từ tụng) và Ty Tướng thần lại (phụ trách lương thực, thuế khóa). Sau đó, hai Ty Xá sai và Tướng thần lại được đổi thành hai Ty Tả thừa và Ty Hữu thừa.

Dưới trấn có phủ, huyện, tổng và thôn. Đứng đầu phủ có viên Tri phủ; đứng đầu huyện có viên Tri huyện.

Theo quyển *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, năm 1808, trấn Định Tường có: 1 phủ, 3 huyện, 6 tổng, 313 thôn và 1 ấp.

Phủ Kiến An

Phủ Kiến An có 3 huyện:

1. Huyện Kiến Hưng: có 2 tổng, 76 thôn. Lỵ sở đóng tại thôn Tân Lý Tây (nay thuộc huyện Châu Thành). Hai tổng[[5]](#footnote-5)1 gồm:

+ Tổng Kiến Thuận (nay thuộc vùng thành phố Mỹ Tho và vùng nam huyện Châu Thành), có 39 thôn (Thới sơn, Phú An Tây, Phú An Lộc, Điều Hòa giang trạm, An Đức Chánh, Bình Tạo, An Hòa, Trung Lương, Đạo Ngạn, An Đức Đông, Long Hội, An Vĩnh, Cửu Viễn, Ngãi Hữu, Thân Nhơn, An Thới, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Thạnh, Tân Thạnh Trung, An Phước, Tân An, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Bình Thuyên/Toàn Đông, Tân Đức Đông, Tân Đức Chánh, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Long Hưng, Bình Đông, Bình Toàn Tây, Hữu Đạo, Bình Sơn, Mỹ Điền, Tân Phú Sơn, Phú Hòa, Tân Hưng).

+ Tổng Hưng Xương (nay thuộc vùng bắc huyện Châu Thành đến bờ sông Vàm Cỏ - Long An) có 37 thôn (Hòa Mỹ, Tân Hiệp, Tân Lý Tây, Tân Lý Đông, Tân Hương Tây, Tân Hương, Tân Hương Trung, Nhơn Hậu, Nhơn Lợi Lương Hòa - Lương Thạnh nhị thôn, Bình Quân, Nhơn Lý Tây, Bình Định, Nhơn Nhượng, Xuân Sanh, Nhơn Hậu Đông, Bình An, Nghĩa Lợi, Dương Hòa, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Vĩnh Hòa, Phú Mỹ, Vĩnh Hòa Đông, Mỹ Thạnh, Long Định, Tường Khánh, Bình An Đông, Phú Khương, Phú Thượng, Thân Hòa, Đông An, Mỹ Phước, Đông An (mới lập), Thân Đông, Chánh Đông Trung, Tân Thanh, Tuyên Thạnh).

2. Huyện Kiến Hòa: có 2 tổng, 150 thôn, 1 ấp. Lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Hóa (nay thuộc xã Mỹ Phong - thành phố Mỹ Tho). Hai tổng[[6]](#footnote-6)2 gồm:

+ Tổng Kiến Thạnh (nay thuộc vùng đất từ Mỹ Tho, Chợ Gạo đến huyện Vàm Cỏ - Long An) có 65 thôn (Mỹ Chánh, Phú Hội, Mỹ Hóa, Bình Hài, Bình Phong, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Hạnh, An Hòa, Lương Phú, Phú An, Phú Đức, Mỹ Trung, Bình Trung, Bình Phú, Bình Trị, Nhơn Nghĩa, Phú Lộc, Bình Cang, Bình Nguyên, Bình Tâm, Phú Long, Bình Quới, Phú Đa, Bình Hiệp, Bình Định Đông, Bình Công Tây, Ái Nghĩa, Tân Nho, Tân Hòa, Bình Thạnh, Đông An, Tân Xuân, Tân Thạnh, Bình An, Bình Dương, Nhựt Tân, An Khương, Phú Hòa, Phú Xuân, Bình Phước, Tân Long Hưng, Tân Hội, Tân An Tây, Tân Thủy, Phú Tây, Bình Thuận, Mỹ Đức, Thanh Xuân Đông, Bình Thới, Tân An, Tân Giang, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Tân Mỹ, Tân Thạnh Lợi, Hưng Nghĩa, Long Trì, Long Hựu, Tân Tĩnh, Điền Trang, Bình Thời, Mỹ Thuận, Tân Hưng).

+ Tổng Hòa Bình (nay là vùng đất Gò Công (tỉnh Tiền Giang) và hai huyện Bình Đại, Châu Thành (tỉnh Bến Tre), có 85 thôn, 1 ấp (Bình Phú Đông, Bình Xuân, Bình Sơn, Tân Hóa, Long Thạnh, Bình Phương (Phan), Bình Hưng, Bình Quang, Thuận Hòa, An Định, Bình Thạnh, Toàn Thạnh, Bình Thủy, Bình Phục Nhứt, Bình Phục Nhứt Đông, Bình Phục Nhị, Bình Phú Chánh, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh An, Vĩnh Thạnh, Bình Long (Luông) Tây, Bình Long (Luông), An Long (Yên Luông) Đông, An Long (Yên Luông) Tây, Tân Cang (Cương), Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Bình Nghị, Bình Ân, Tăng Huy - An Hòa, Toàn Phước, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Dương Phước, Tân Long (Luông), Bình Thuận Đông, Bình Thuận Tây, Bình Thạnh Đông, Bình Công, Tân Phú, Miễu Ông, Giao Long, Phước An Đông, Phước Hòa, Tân Thạch - An Hồ, Phước Thới, Phước Hậu, Phú Vinh (Vang), Huỳnh Long - Quới Sơn, Phú Anh Thạnh, Phú An Hòa, An Hải, Giao Hòa, An Hòa Tân, Long Phụng, Phú Thuận, Thanh Long - Long Thạnh nhị thôn, Phú Mỹ, Châu Hưng, Thới Long, Vang Quới, Lộc Thuận, Tân Định, Tân Hội, Phú Hòa, Phước Thuận, Lương Thạnh, Bình Đại, An Lộc Tân, Thới Hòa, Vinh Thạnh, Tân Phong, Long Thới - Long Hòa, Phước Toàn, Phước Định, Phú Thạnh, Phước Hạnh Tây, Phú Mỹ, Phước Hạnh, Long Hưng, Bình Thành Đông, Phước Hạnh Đông, Vĩnh Đức Hòa, ấp An Hòa).

3. Huyện Kiến Đăng: có 2 tổng, 87 thôn, lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Đức Đông (vàm Cái Thia - nay là xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè). Hai tổng gồm:

+ Tổng Kiến Lợi: (nay là vùng Cai Lậy, một phần huyện Châu Thành) có 44 thôn (Kim Sơn, Giao Long, Phú Phong, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Bình Chánh Trung, Mỹ Đông Chánh, Mỹ Hòa, Mỹ Đông Trung, Mỹ Đông, An Thủy Đông, Long Phú, Hòa An, An Thủy Tây, Tân Sơn, Long Điền, Mỹ Quới, Mỹ Ân, Trà Luật, Mỹ An, Phú Long, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Mỹ Trinh, Tân Hội, Tân Hòa, Tân Thuận, Hữu Hòa - Thanh Sơn, Hội Sơn, Xuân Sơn, Cẩm Sơn, Phú Nhuận Đông, Bình Chánh Tây, Phú An, Bình Phú, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Tây, Phước An, Phú Mỹ, Đông An, An Mỹ, Bình Hiệp, Mỹ Hưng).

+ Tổng Kiến Phong (nay là vùng Cái Bè, Cao Lãnh và Chợ Mới - An Giang) có tất cả 43 thôn (Tân Đức, Tân Hiệp, Tân Phú Sơn, An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, Mỹ Chánh, Mỹ Thạnh, Hòa Mỹ, Mỹ Đức Đông, Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Mỹ Hòa, Mỹ Lương, An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, Mỹ Thuận, Mỹ An Đông, Thanh Hưng, Mỹ An Tây, An Mỹ, Mỹ Luông, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Mỹ Đảo, Mỹ Lộc, Mỹ Định, Mỹ Trà, Mỹ Nghĩa, Tân An, An Bình Long, Tân Mỹ, Tân Phú, Tân Thạnh, Tân An, Tân Khánh, Tân Phú Đông, Tân Phú Tây).

+ Thành trấn Định Tường: Năm Bính Tuất (1826), lỵ sở trấn Định Tường được dời từ thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho (huyện Kiến Hòa, nay thuộc khu vực Phường 2 và Phường 8, TP Mỹ Tho) về ranh thôn Điều Hòa và thôn Bình Tạo (huyện Kiến Hưng, nay thuộc khu vực các Phường 1, 4, 7, TP Mỹ Tho ). Theo đó, thành Định Tường được dựng lên. Thành này do Tổng trấn thành Gia Định Lê Văn Duyệt trực tiếp chỉ huy khoảng 11.000 nhân công xây dựng. Theo quyển Đại Nam nhất thống chí, thành Định Tường được đắp bằng đất, hình vuông, chu vi 320 trượng (khoảng 2.000 m), cao 9 thước 5 tấc (khoảng 4,5 m), mở 4 cửa, hào rộng 8 trượng (khoảng 3 m), sâu 6 thước 5 tấc (khoảng 3 m) . Phỏng đoán ngôi thành này nằm lọt khung trong các con đường 30 tháng 4 (phía nam), Lê Đại Hành (phía bắc), Lê Lợi (phía đông), Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía tây). Trong quyển “Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ năm 1861”, **Léopold Pallu mô tả ngôi thành như sau: “**Thành Mỹ Tho xây theo lối châu Âu. Thành vuông vức, có ụ làm pháo đài. Hào chung quanh rộng có nước, tường thành cao và rất dày. Xung quanh thành là đầm lầy. Khí giới của thành có đại pháo nòng lớn. Thành kiểm soát hết sông Tiền Giang và các đường thuỷ đổ vào sông này”.

Tại lỵ sở mới, ngoài việc xây dựng tỉnh thành, chính quyền nhà Nguyễn còn tiến hành xây dựng các công trình khác nhằm phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế và văn hóa, như trường học của tỉnh (1826), đàn Tiên nông thờ thần Nông (1832), đàn Xã tắc thờ thần Đất nước (1833), chợ, cửa quan thu thuế (1835), miếu Thành hoàng (1848), văn miếu đặt tại thôn Bình Tạo (tọa lạc ở khu vực bến phà Rạch Miễu cũ, Phường 6, thành phố Mỹ Tho) nhằm tôn vinh sự học, tôn vinh người trí thức, đặc biệt là người trí thức địa phương theo nguyên lý “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”,…

**2.** **Tỉnh Định Tường (1832 - 1867)**

省 Tỉnh

定 Định: Yên ổn, không thay đổi

祥 Tường: Tốt, lành

定祥省: Định Tường Tỉnh

Năm Đinh Mão (1831), vua Minh Mạng đổi đơn vị **trấn** thành đơn vị **tỉnh** trực thuộc chính quyền trung ương, xóa bỏ cấp trung gian “thành” (Gia Định Thành). Ở Nam Kỳ, năm 1832, chính quyền thành lập 6 tỉnh (quen gọi Nam Kỳ lục tỉnh), bao gồm ba tỉnh *kiêm nhiếp* (Chữ “Nhiếp”: 攝 có nghĩa “Thay quyền để thống trị, kiêm quyền”) và ba tỉnh *phân hạt* (tỉnh nhỏ):

+ Tỉnh Gia Định kiêm nhiếp tỉnh Biên Hòa (phân hạt).

+ Tỉnh Vĩnh Long kiêm nhiếp tỉnh Định Tường (phân hạt).

+ Tỉnh An Giang kiêm nhiếp tỉnh Hà Tiên (phân hạt).

Thống nhiếp hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường có Tổng đốc Long Tường, thường kiêm hàm Binh Bộ Thượng thư hoặc Đô Sát viện hữu Đô Ngự sử. Đứng đầu tỉnh Định Tường có Tuần phủ, giúp việc có Bố chánh, Án sát, Lãnh binh.

Tuần phủ là một quan văn nhưng có hàm Đô đốc. Bố Chánh là một quan văn làm nhiệm vụ hành chánh. Án Sát là một quan văn trông coi việc luật pháp, chấn hưng phong hóa. Lãnh binh là một quan võ, phụ trách việc quân sự.

Giúp việc Tuần phủ có hai ty chuyên trách:

+ Ty Bố chánh (Ty Phiên): phụ trách hành chính.

+ Ty Án sát (Ty Niết): phụ trách việc hình án từ tụng, chấn hưng phong hóa.

Ngoài ra, tại tỉnh còn 3 ty khác:

+ Ty Lễ sinh: phụ trách quản lý và phụ tế các đền miếu.

+ Ty Chiêm hậu: chuyên việc xem thiên tượng và làm lịch.

+ Ty Lương y: chuyên việc chữa trị bệnh tật.

Riêng về giáo dục, theo truyền thống của nước ta từ xưa, các việc giảng dạy đều do tư nhân đảm trách. Ở cấp tỉnh, nhà Nguyễn chỉ lập nhà Tỉnh học, cử một Đốc học; cấp phủ lập nhà Phủ học, cử một Giáo thọ; cấp huyện lập nhà Huyện học, cử một Huấn đạo. Các chức quan này vừa làm nhiệm vụ giảng dạy, vừa kiểm tra chất lượng giáo dục tư nhân, giới thiệu học trò đi thi.

Mỗi phủ có một chức Tri phủ, mỗi huyện có một chức Tri huyện.

Do địa bàn quá rộng, giao thông bất tiện nên vào năm Nhâm Thìn (1832), vùng Gò Công được tách rời khỏi tỉnh Định Tường và nhập vào tỉnh Gia Định. Theo đó, tổng Hòa Bình (vùng Gò Công) được tách ra khỏi tỉnh Định Tường và hợp nhất với một phần tổng Thuận Đạo thuộc tỉnh Gia Định để lập huyện Tân Hòa, thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo *Địa bạ tỉnh Định Tường năm 1836*, tỉnh Định Tường có 1 phủ (Kiến An), 3 huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng), 15 tổng và thôn. Cụ thể như sau:

- Phủ Kiến An

- Ba huyện (Kiến Hưng, Kiến Hòa, Kiến Đăng):

+ Huyện Kiến Hưng: Huyện Kiến Hưng do phủ Kiến An kiêm nhiếp, lỵ sở ở thôn Tân Hiệp (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành), có 5 tổng, 75 thôn, gồm:

- Tổng Thuận Trị có 19 thôn (An Đức, An Đức Đông, An Hòa, An Thành, An Vĩnh, Bình Tạo, Cửu Viễn, Đạo Ngạn, Điều Hòa, Long Hội, Long Hội Tây, Ngãi Hữu, Nhơn Hòa, Phú Đức Đông, Phú Đức Tây, Tân Thuận, Thân Nhơn, Thới Sơn, Trung Lương).

- Tổng Thuận Bình có 17 thôn (An Phước, An Thạnh, Bình Đông, Bình Sơn, Bình Thuyên Đông, Hữu Đạo, Long Hưng, Long Thạnh, Mỹ Thuận Đông, Mỹ Thuận Tây, Tân Đức Đông, Tân Đức Tây, Tân Phú Đông, Vĩnh Kim Đông, Vĩnh Kim Tây, Thạnh Phú).

- Tổng Hưng Nhơn có 12 thôn (Dương Hòa, Định Hòa, Hưng Thạnh, Long Định, Mỹ Điền, Nhị Bình, Phú Mỹ, Phước An, Tân Hội Đông, Tân Hội Tây, Tân Lý Đông, Tân Lý Tây).

- Tổng Hưng Nhượng có 13 thôn (Bình An Đông, Bình Cư, Bình Quân, Hòa Mỹ, Lợi Thạnh, Nhơn Hậu, Nhơn Lý Tây, Nhơn Nhương, Tân Hiệp, Tân Hương Tây, Tường Khánh, Xuân Sanh, Tân Hương).

- Tổng Hưng Long có 14 thôn (Bình An, Bình Long Đông, Chánh Đông, Đông An, Ngãi Lợi, Phú Khương, Phú Thượng, Tân Đông, Thân Hòa Đông, Thân Hòa Tây, Thủy Đông, Trường Thạnh, Tuyên Thạnh, Vĩnh Thạnh, Mỹ Phước).

+ Huyện Kiến Hòa: lỵ sở đóng ở thôn Tân Hóa (nay thuộc xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo), có 5 tổng, 78 thôn, gồm:

- Tổng Hòa Hảo có 12 thôn (An Định, Bình Phục Đông, Bình Phục Nhứt, Bình Phương (Phan), Bình Thủy, Mỹ Hảo, Tân Hóa, Toàn Thạnh, Vĩnh An, Bình Quang, Hòa Bình, Hòa Thạnh).

- Tổng Hòa Hằng có 20 thôn (Bình Đại, Châu Hưng, Hằng Thạnh, Hòa Thới, Lộc Thuận, Phú Thành, Phú Thạnh Đông, Phú Thuận, Phú Vinh, Phước An Đông, Quới Sơn, Tân Phong, Thạch Hồ, Thạnh Hội, Từ Linh, Vinh (Vang) Quới, Giao Hòa, Giao Long, Long Phụng, Tân Định).

- Tổng Hòa Thinh (Hòa Thanh) có 17 thôn (An Hòa Tân, Lộc Tân, Lương Thạnh, Minh Đức, Phú Hữu, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phú Thạnh, Phước Định, Phước Hậu, Phước Hòa, Phước Thới, Phước Thuận, Phước Toàn, Thọ Phú, Thới Lai, Thới Thuận).

- Tổng Thạnh Phong có 14 thôn (Bình Đăng, Bình Hài, Bình Hạnh, Bình Phong, Bình Thời, Điền Trang, Long Hựu, Mỹ Chánh, Mỹ Hóa, Phong Thuận, Phú Hội, Tân Tĩnh, Tân Tĩnh Đông, Thạnh Lợi).

- Tổng Thạnh Quơn (Thạnh Quang) có 15 thôn (An Khương, An Lạc, Bình Cách, Bình Dương, Long Hòa, Lương Phú, Mỹ Trung, Phú Kiết, Phú Hòa, Song Thạnh, Thanh Xuân, Trung Lộc, Vĩnh Phước, Hưng Ngãi, Nhựt Tân).

+ Huyện Kiến Đăng: lỵ sở đóng tại thôn Mỹ Trang (nay thuộc thị xã Cai Lậy), có 5 tổng, 80 thôn:

- Tổng Lợi Trinh có 19 thôn (An Mỹ, Bình Chánh Tây, Bình Phú, Cẩm Sơn, Giai Mỹ, Hòa Sơn, Hòa Thuận, Hội Sơn, Lợi An, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Hạnh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Trang, Mỹ Tường, Phú Nhuận, Phú Thuận Đông, Tân Hòa, Tân Hội, Xuân Sơn).

- Tổng Lợi Trường có 21 thôn (An Thủy Đông, An Thủy Tây, Bàn Long, Bình Chánh, Bình Chánh Đông, Hòa An, Kim Sơn, Long Điền, Long Phú, Mỹ An, Mỹ Ân, Mỹ Đông, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông Trung, Mỹ Hòa, Mỹ Quới, Mỹ Trinh, Phú Long, Phú Phong, Tân Sơn, Trà Tân, Bình Chánh Trung).

- Tổng Phong Hòa có 12 thôn (An Bình Đông, An Bình Tây, An Thành, An Cư, Hiệp Hòa, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông, Mỹ Hòa, Mỹ Thạnh, Mỹ Thiện, Phú Sơn, Tân Đức).

- Tổng Phong Phú có 17 thôn (An Thới Đông, An Thới Tây, An Thới Trung, Bình Hàn Tây, Bình Hàn Trung, Hòa Lộc, Mỹ An Đông, Mỹ An Tây, Mỹ Đức Tây, Mỹ Hưng, Mỹ Long, Mỹ Lợi, Mỹ Lương, Mỹ Thuận, Mỹ Toàn, Mỹ Xương, Thanh Hưng).

- Tổng Phong Thạnh có 11 thôn (An Bình, An Long, An Phong, Mỹ Đảo, Mỹ Ngãi, Mỹ Trà, Nhị Mỹ, Phong Mỹ, Tân An, Tân Phú, Tân Thạnh)[[7]](#footnote-7).

Năm 1838, chính quyền nhà Nguyễn nâng hai tổng Phong Phú và Phong Thạnh của huyện Kiến Đăng thành ba tổng Phong Phú, Phong Thạnh và Phong Nẫm thuộc huyện Kiến Phong mới lập, trực thuộc phủ Kiến Tường mới lập. Phủ Kiến Tường đóng lỵ sở tại thôn Mỹ Trà (nay thuộc TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp) kiêm lý huyện Kiến Phong.

Riêng về huyện Tân Hòa (vùng Gò Công) thuộc phủ Tân An, tỉnh Gia Định có những chuyển biến hành chánh như sau:

Lỵ sở huyện Tân Hòa đầu tiên đặt tại thôn Thanh Xuân Đông, tổng Thạnh Mục (nay thuộc huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An, giáp với xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Theo Địa bạ Minh Mạng năm 1836, huyện Tân Hòa có 4 tổng:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn.

+ Tổng Thạnh Hội có 16 thôn.

+ Tổng Thạnh Mục có 16 thôn.

Trong 4 tổng nêu trên, hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc thuộc vùng Gò Công (nay thuộc địa phận huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông); còn hai tổng Thạnh Hội và Thạnh Mục thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Long An ngày nay. Số thôn của hai tổng Hòa Đồng và Hòa Lạc như sau:

+ Tổng Hòa Đồng có 16 thôn: Bình Công, Bình Hưng, Bình Long, Bình Long Tây, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhị/Nhì, Bình Xuân Đông, Dương Phước, Đồng Sơn, Long Chánh, Tân Cang/Cương, Tân Nhựt, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

+ Tổng Hòa Lạc có 17 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước, Tăng Hòa, Thuận Ngãi (Bình Thuận Đông cũ), Thuận Tắc (Bình Thuận Tây cũ); và 1 phường: Toàn Phước.

Năm 1841, vua Thiệu Trị chia huyện Tân Hòa thành hai huyện: vùng ven sông Vàm Cỏ lập huyện Tân Thạnh; vùng Gò Công lập huyện Tân Hòa. Riêng huyện Tân Hoà có 4 tổng: Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ.

Lúc đó, huyện Tân Thạnh và huyện Tân Hòa thuộc phủ Hòa Thạnh, tỉnh Gia Định. Lỵ sở phủ Hòa Thạnh đặt tại Đồng Sơn.

Năm 1852, vua Tự Đức cho sáp nhập hai huyện Tân Thạnh và Tân Hòa để thành lập huyện mới lấy tên là huyện Tân Hòa vẫn thuộc tỉnh Gia Định. Huyện Tân Hòa (mới) có 8 tổng: Thạnh Hội Thượng, Thạnh Hội Hạ, Thạnh Mục Thượng, Thạnh Mục Hạ, Hòa Đồng Thượng, Hòa Đồng Hạ, Hòa Lạc Thượng và Hòa Lạc Hạ. Lỵ sở của huyện đóng tại thôn Thuận Ngãi, tổng Hòa Lạc Hạ (nay thuộc thị xã Gò Công).

Như vậy, vào năm 1852, vùng Gò Công thuộc huyện Tân Hòa, phủ Tân An, tỉnh Gia Định, có 4 tổng, 37 thôn, phường:

- Tổng Hòa Đồng Thượng: có 8 thôn: Bình Hưng, Bình Phú Đông, Bình Phú Tây, Bình Phục Nhì, Bình Phước, Đồng Sơn, Tân Nhựt, Trường Xuân.

- Tổng Hòa Đồng Hạ: có 9 thôn: Bình Công, Bình Hòa, Bình Luông Đông, Bình Luông Tây, Long Chánh, Tân Cương, Vĩnh Hựu, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thạnh.

- Hòa Lạc Thượng: có 8 thôn: Bình Thạnh Đông, Bình Thạnh Tây, Bình Xuân, Mỹ Xuân, Tân Niên Đông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước và 1 phường: Toàn Phước

- Tổng Hòa Lạc Hạ: có 11 thôn: An Long Đông/Yên Luông Đông, An Long Tây/Yên Luông Tây, Bình Ân, Bình Nghị, Dương Phước, Kiểng Phước (do phường Toàn Phước đổi thành), Tăng Hòa, Tân Duân Đông, Tân Duân Trung, Thuận Ngãi, Thuận Tắc.

**3.** **Hạt Thanh tra (Inspection: 1867-1871)**

Năm 1867, sau chiếm toàn bộ Nam kỳ, thực dân Pháp xóa bỏ Nam kỳ lục tỉnh của nhà Nguyễn, chia Nam kỳ ra nhiều hạt Thanh tra (Inspection), đứng đầu mỗi hạt Thanh Tra là một viên Thanh tra công việc nội chính bản xứ (Inspecteur des affaires Indigènes) do các sĩ quan Hải quân đảm nhiệm. Địa bàn các hạt Thanh tra tính theo đơn vị phủ, huyện cũ.

Theo đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ngày nay có 6 hạt Thanh tra:

- Hạt Thanh tra Mỹ Tho:

Phủ Kiến An kiêm lý huyện Kiến Hưng nên gọi là hạt Thanh tra Kiến An hay Kiến Hưng. Khi hạt Thanh tra này dời về Mỹ Tho thì gọi là hạt Thanh tra Mỹ Tho, coi huyện Kiến Hưng (cũ).

- Hạt Thanh tra Chợ Gạo:

Địa bàn huyện Kiến Hòa trở thành hạt Thanh tra Kiến Hòa; sau đó, dời về Chợ Gạo nên gọi là hạt Thanh tra Chợ Gạo, coi huyện Kiến Hòa (cũ).

- Hạt Thanh tra Cai Lậy

Địa bàn huyện Kiến Đăng trở thành hạt Thanh tra Kiến Đăng, vì đóng tại Cai Lậy nên được gọi là hạt Thanh tra Cai Lậy, coi huyện Kiến Đăng (cũ).

- Hạt Thanh tra Cần Lố:

Địa bàn phủ Kiến Tường kiêm lý huyện Kiến Phong trở thành hạt Thanh tra Kiến Tường, nhưng vì đóng tại Cần Lố nên được gọi là hạt Thanh tra Cần Lố, coi huyện Kiến Phong (cũ).

- Hạt Thanh tra Tân An:

Toàn bộ tổng Hưng Long của huyện Kiến Hưng và 9 thôn của tổng Hưng Nhơn cùng huyện nằm dọc theo bờ sông Vàm Cỏ và kênh Bưu Điện (kênh Bảo Định) được tách khỏi huyện Kiến Hưng để thành lập hạt Thanh tra Tân An.

- Hạt Thanh tra Gò Công:

Trông coi huyện Tân Hòa (cũ).

Ngày 5/12/1868, giải thể hạt Thanh tra Cai Lậy nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Tiếp theo, ngày 23/12/1868, giải thể hạt Thanh Tra Chợ Gạo nhập vào hạt Thanh tra Mỹ Tho. Nhưng đến ngày 20/10/1869, hạt Thanh tra Cai Lậy được lập lại theo địa bàn cũ; đến ngày 8/9/1870, dời trụ sở về Cái Bè, nên gọi là hạt Thanh tra Cái Bè. Ngày 20/9/1870, giải thể hạt Thanh tra Cần Lố, đưa hai tổng Phong Hòa và Phong Phú của hạt Thanh tra Cần Lố vào hạt Thanh Tra Cái Bè, đồng thời đưa hai tổng còn lại là Phong Nẫm và Phong Thạnh qua hạt Thanh tra Sa Đéc. Ngày 5/6/1871, giải thể hạt Thanh tra Cái Bè nhập vào địa bàn hạt Thanh tra Mỹ Tho.

**4.** **Hạt Tham biện Mỹ Tho (L’Arrondissement de Mytho: 1871-1876)**

Năm 1871, các hạt Thanh tra (Inspection) được đổi thành hạt Tham biện (Arrondissement). Theo đó, hạt Thanh tra Mỹ Tho được đổi thành hạt Tham biện Mỹ Tho. Đồng thời, Thống đốc Nam kỳ ban hành Nghị định thực hiện cuộc sửa đổi hành chính toàn xứ, thực hiện chính sách trực trị, bỏ cấp phủ và huyện, chỉ giữ lại cấp trung gian là tổng (canton) và cấp cơ sở là xã, thôn, nhưng thống nhất gọi là làng (village).

Hạt Tham biện Mỹ Tho năm 1871 có lỵ sở đặt tại Mỹ Tho (địa phận hai làng Điều Hòa và Bình Tạo), gồm 13 tổng với 182 làng:

- Tổng Thuận Trị có 20 làng.

- Tổng Thuận Bình có 16 làng.

- Tổng Hưng Nhơn có 13 làng.

- Tổng Hưng Nhượng có 06 làng.

- Tổng Thạnh Phong có 15 làng.

- Tổng Thạnh Quang/Quơn có 16 làng.

- Tổng Hòa Quới có 15 làng.

- Tổng Hòa Thinh có 18 làng.

- Tổng Hòa Hảo có 12 làng.

- Tổng Lợi Trinh có 14 làng.

- Tổng Lợi Trường có 12 làng.

- Tổng Lợi Thuận có 14 làng.

- Tổng Lợi Mỹ có 11 làng.

**5.** **Khu vực hành chính Mỹ Tho (Circonscription administratives de Mytho: 1876-1899)**

Địa bàn Khu vực hành chính Mỹ Tho quá rộng nên tuy đã xóa bỏ cấp phủ, huyện, nhưng vẫn phải dựa vào cơ sở cũ để lập các Trung tâm hành chính trực thuộc, bao gồm 3 Trung tâm hành chính là Mỹ Tho, Chợ Gạo và Cai Lậy với 15 tổng, 187 làng:

- Trung tâm hành chính Mỹ Tho có 4 tổng, 45 làng:

+ Tổng Thuận Trị có 10 làng.

+ Tổng Thuận Bình có 16 làng.

+ Tổng Hưng Nhơn có 13 làng.

+ Tổng Hưng Nhượng có 6 làng

- Trung tâm hành chính Chợ Gạo có 5 tổng, 73 làng:

+ Tổng Thạnh Phong có 15 làng.

+ Tổng Thạnh Quơn có 16 làng.

+ Tổng Hòa Hảo có 12 làng.

+ Tổng Hòa Quới có 12 làng.

+ Tổng Hòa Thinh có 18 làng.

- Trung tâm Hành chính Cai Lậy có 6 tổng, 69 làng:

+ Tổng Lợi Trinh có 14 làng.

+ Tổng Lợi Trường có 12 làng.

+ Tổng Lợi Mỹ có 11 làng.

+ Tổng Lợi Thuận có 14 làng.

+ Tổng Phong Hòa có 9 làng.

+ Tổng Phong Phú có 9 làng.

**6.** **Tỉnh Mỹ Tho (Province de Mytho: 1900-1954)**

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông dương ban hành Nghị định đổi các Tiểu khu hành chính thành tỉnh (Province) kể từ ngày 01/01/1900. Theo đó, Nam kỳ có 21 tỉnh. Mỹ Tho và Gò Công là hai tỉnh riêng biệt.

Theo *Địa phương chính tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, tỉnh Mỹ Tho có diện tích là 223.660 hecta, dân số là 233.802 người, bao gồm 231.276 người Việt, 2.381 người Hoa, 103 người Âu, 42 người Ấn. Tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho.

Toàn tỉnh có 15 tổng, 202 làng.

- Tổng Thuận Trị:

Có 19 làng: Điều Hòa, Thạnh Trị, Đạo Ngạn, An Vĩnh, Ngãi Hữu, Cửu Viễn, Thân Nhơn, Nhơn Hòa, Long Hội Tây, An Hội, Long Hội, Trung Lương, An Đức Đông, Bình Tạo, An Đức, Tân Thuận, Thới Sơn, Phú Đức, Phú Túc.

- Tổng Thuận Bình:

Có 15 làng: An Thạnh, An Phước, Thạnh Phú, Long Hưng, Mỹ Thuận Tây, Mỹ Thuận Đông, Vĩnh Kim Tây, Vĩnh Kim Đông, Bình Hòa Đông, Phong Trưng, Hữu Đạo, Điềm Hy, Dưỡng Điềm.

- Tổng Lợi Trường:

Có 12 làng: Mỹ Quý, Mỹ Quý Đông, Mỹ Phú, Mỹ Quý Tây, Long Điền, Mỹ Hậu, Bàn Long, Kim Sơn, Phú Phong, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Đông, Bình Chánh.

- Tổng Lợi Mỹ:

Có 08 làng: Phú Long, Mỹ Khánh, Mỹ Đông Thượng, Mỹ Đông, Mỹ Đông Trung, Tân Thới, Trà Tân, Ngũ Hiệp.

- Tổng Lợi Trinh:

Có 15 làng: Long Phước, Mỹ Hạnh Tây, Bình Chánh Tây, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Tân Phú Đông, Tân Hội, Mỹ Tường, Tân Long, Tân An, Hòa Sơn, Thanh Sơn, Mỹ Trang, Hòa Thuận, Cẩm Sơn.

- Tổng Hưng Nhơn:

Có 13 làng: Phú Mỹ, Hưng Thạnh, Mỹ Điền, Phước Lộc, Nhị Bình, Long Định, Định Hòa, Tân Lập, Tân Lý Đông, Tân Thành, Dương Hòa, Tân Hội Tây, Tân Hội Đông.

- Tổng Hưng Nhượng:

Có 06 làng: Tân Hương, Tân Hương Tây, Tân Lý Tây, Tân Hiệp, Hòa Mỹ, Tịnh Giang.

- Tổng Thạnh Quơn:

Có 13 làng: Tịnh Hà, An Khương, Trung Hòa, Song Thạnh, Bình Cách, Nhựt Tân, Mỹ Trung, Phú Kiết, Lương Phú, An Lạc, Long Hòa, Thanh Xuân, Bình Dương.

- Tổng Thạnh Phong:

Có 16 làng: Hưng Ngãi, Bình Đăng, Vĩnh Phước, Điền Trang, Bình Hài, Mỹ Phong, Phú Hội, Mỹ Chánh, Phong Thuận, Bình Phong, Bình Thạnh, Bình Hạnh, Long Thạnh, Tân Tĩnh Đông, Tân Xuân, Tân Tĩnh.

- Tổng Hòa Hảo:

Có 15 làng: Bình Long, Bình Phục Tây, Bình Quơn, Thuận Hòa, Bình Phục Đông, Tân Hóa, Hòa Thạnh, An Định, Hòa Bình, Hòa Ninh, Hòa An, Mỹ Thạnh, Bình Thủy, Bình Phan, Bình Trị.

- Tổng Hòa Quới:

Có 24 làng: An Hồ, Tân Thạch, Quới Sơn, Phú Thạnh, Giao Long, Giao Hòa, Nguyệt Thạnh, Long Phụng, Phú Thuận, Vang Quới, Phú Vang, Thới Lai, Châu Hưng, Tân Hưng, An Hóa, Phước Hậu, Phước Thới, Phước Hòa, Phú Ngãi, Phú Nhơn, Phước Khánh, Phước Thiện, Phước Định, Phú Thạnh.

- Tổng Hòa Thinh:

Có 11 làng: Lộc Thuận, Phú Long, Tân Định, Bình Trung, Bình Đại, Lộc Tân, Thạnh Lộc, Phước Thuận, Thọ Phú, Thừa Đức, Thới Thuận.

- Tổng Lợi Thuận:

Có 15 làng: Mỹ Thạnh, Đại Phú, Giai Mỹ, Phú Thuận Đông, Bình Phú, Phú Hưng, Phú Nhuận, Lợi Thành, Lợi An, An Mỹ, Phú Sơn, Hiệp Hòa, Tân Đức, Xuân Sơn, Hội Sơn.

- Tổng Phong Hòa:

Có 11 làng: Mỹ Đức Tây, Mỹ Thiện, Hậu Mỹ, Mỹ Hội, An Cư, Hậu Thành, An Bình Đông, Phú Hòa, An Hiệp, Hòa Khánh, Mỹ Đức Đông.

- Tổng Phong Phú:

Có 09 làng: Mỹ Lợi, Thanh Hưng, An Thái Đông, An Thái Trung, Mỹ Lương, Hòa Lộc, Mỹ Hưng, An Hữu, Mỹ Thuận[[8]](#footnote-8).

Sau thời gian thực hiện chính sách trực trị (tỉnh - tổng - làng) không thành công, ở tỉnh Mỹ Tho, thực dân Pháp bắt buộc phải lập cấp quận làm trung gian giữa tỉnh và tổng, làng.

**7.** **Tỉnh Mỹ Tho (Chính quyền cách mạng:** **1954-1975)**

Sau năm 1954, chính quyền cách mạng không công nhận tên gọi tỉnh Định Tường mà chính quyền Sài Gòn đặt và vẫn giữ tên tỉnh cũ là tỉnh Mỹ Tho. Từ năm 1957, do yêu cầu cách mạng, chính quyền cách mạng hợp nhất 2 tỉnh Mỹ Tho và Gò Công làm một đơn vị và gọi là tỉnh Mỹ Tho với các đơn vị cấp huyện, như Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, thị xã Mỹ Tho (thuộc tỉnh Mỹ Tho cũ), Gò Công và Hòa Đồng (thuộc tỉnh Gò Công cũ).

Tháng 9-1967, thị xã Mỹ Tho tách ra khỏi tỉnh Mỹ Tho và được nâng lên thành thành phố Mỹ Tho, trực thuộc Khu 8. Đến tháng 8-1968, Gò Công được tách khỏi tỉnh Mỹ Tho để lập lại tỉnh Gò Công. Địa bàn tỉnh Tiền Giang ngày nay, lúc đó có 3 đơn vị hành chính là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Riêng tỉnh Mỹ Tho có 04 huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo. Năm 1969, huyện Châu Thành được chia thành hai huyện Châu Thành Bắc và Châu Thành Nam; năm 1971, huyện Cai Lậy được chia thành hai huyện Cai Lậy Bắc và Cai Lậy Nam. Như vậy, từ năm 1971, tỉnh Mỹ Tho có 06 huyện Cái Bè, Cai Lậy Bắc, Cai Lậy Nam, Châu Thành Bắc, Châu Thành Nam, Chợ Gạo. Các đơn vị hành chính này tồn tại đến ngày 30-4-1975.

**8.** **Thành phố Mỹ Tho (Chính quyền cách mạng:** **1967-1975)**

Thành phố Mỹ Tho được thành lập tháng 9-1967, có 4 quận, cụ thể như sau:

- Quận 1: các Phường 1 và 7 hiện nay.

- Quận 2: các Phường 2, 3 và 8 hiện nay.

- Quận 3: các Phường 4, 5 và 6 hiện nay.

- Quận 4: các xã Tân Long, Tân Mỹ Chánh, Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Trung An, Phường 9, Phường 10 hiện nay.

Cuối năm 1973, đầu năm 1974, thành phố Mỹ Tho được sáp nhập vào tỉnh Mỹ Tho. Từ cuối năm 1974, thành phố Mỹ Tho lại được nâng lên đơn vị hành chính ngang tỉnh và tồn tại đến ngày 30-4-1975.

9. Tỉnh Định Tường (Chính quyền Sài Gòn: 1954-1975)

Về phía chính quyền Sài Gòn, theo Sắc lệnh 143-NV ngày 22-10-1956  của Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm về việc “thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam”, tỉnh Định Tường được thành lập trên phần đất tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại Mỹ Tho, về mặt hành chánh thuộc xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

Theo sự phân định hành chính của chính quyền Sài Gòn, Định Tường là một trong 22 tỉnh của Nam Phần lúc đó, bắc giáp tỉnh Kiến Tường, đông bắc giáp tỉnh Long An, đông giáp biển Đông, tây nam và nam giáp hai tỉnh Vĩnh Long và Kiến Hòa, tây giáp tỉnh Kiến Phong, tây nam giáp tỉnh Sa Đéc. Ranh giới phía nam của tỉnh Định Tường là sông Tiền Giang (đoạn này còn gọi là sông Mỹ Tho).

Ngày 24-4-1957, chính quyền Sài Gòn ấn định các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh. Tỉnh Định Tường có tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho, bao gồm 7 quận, 15 tổng, 123 xã. Cụ thể như sau:

(1) Quận Châu Thành (quận lỵ: xã Điều Hòa), có 2 tổng, 22 xã.

- Tổng Thuận Trị, gồm 09 xã: Bình Đức, Đạo Thạnh, Điều Hòa, Long An, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Thới Sơn, Trung An, Phước Thạnh.

- Tổng Thuận Bình, gồm 13 xã: Bàn Long, Bình Trưng, Dưỡng Điềm, Đông Hòa, Ðiềm Hy, Hữu Đạo, Kim Sơn, Long Ðịnh, Long Hưng, Nhị Bình, Phú Phong, Song Thuận, Vĩnh Kim.

(2) Quận Bến Tranh (quận lỵ: xã Lương Hòa Lạc), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hưng Nhơn, gồm 09 xã: Hưng Thạnh Mỹ, Tân Hội Ðông, Tân Lý Tây, Tân Lý Ðông, Tân Hương, Tân Hiệp, Thân Cửu Nghĩa, Tân Hòa Thành, Phú Mỹ.

- Tổng Thạnh Quơn, gồm 07 xã: Lương Hòa Lạc, Hoà Tịnh, Mỹ Tịnh An, Phú Kiết, Tân Bình Thạnh, Trung Hòa, Thanh Bình

(3) Quận Chợ Gạo (quận lỵ: xã Bình Phan), có 2 tổng, 13 xã.

- Tổng Thạnh Phong, gồm 06 xã: Ðăng Hưng Phước, Long Bình Điền, Mỹ Phong, Song Bình, Tân Mỹ Chánh, Xuân Ðông.

- Tổng Hòa Hảo, gồm 07 xã: An Thanh Thủy, Bình Ninh, Bình Phan, Bình Phục Nhứt, Quơn Long, Hoà Ðịnh, Tân Thuận Bình

(4) Quận Cái Bè (quận lỵ: xã Ðông Hoà Hiệp), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Phong Hòa, gồm 08 xã: Đông Hòa Hiệp, Hội Cư, Hòa Khánh, Hậu Thành, Hậu Mỹ, Mỹ Thiện, Mỹ Đức Đông, Mỹ Ðức Tây.

- Tổng Phong Phú, gồm 08 xã: An Hữu, Hưng Thuận (cù lao Quy), An Thái Đông, An Thái Trung, Thanh Hưng, Hòa Lộc, Mỹ Lợi, Mỹ Lương.

(5) Quận Cai Lậy (quận lỵ: xã Thanh Hòa), có 3 tổng, 25 xã.

- Tổng Lợi Trinh, gồm 09 xã: Thanh Hoà, Nhị Mỹ, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Phước Tây, Cẩm Sơn, Tân Phú Đông, Mỹ Hạnh Đông, Tân Bình, Tân Hội.

- Tổng Lợi Hoà, gồm 08 xã: Long Trung, Long Khánh, Tam Bình, Ngũ Hiệp, Mỹ Long, Long Tiên, Phú Quý, Nhị Quý.

- Tổng Lợi Thuận, gồm 08 xã: Phú An, Phú Nhuận Đông, Bình Phú, Thạnh Phú, Hiệp Đức, Hội Sơn, Xuân Sơn, Mỹ Thành.

(6) Quận Gò Công (quận lỵ: xã Long Thuận), có 2 tổng, 15 xã.

- Tổng Hòa Lạc Thượng, gồm 08 xã: Bình Thạnh Đông, Bình Xuân, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Niên Ðông, Tân Niên Tây, Tân Niên Trung, Tân Phước.

- Tổng Hòa Lạc Hạ, gồm 07: xã An Hòa, Bình An, Long Thuận, Phước Trung, Tân Bình Ðiền, Tăng Hòa, Tân Thành.

(7). Quận Hòa Đồng (quận lỵ: xã Đồng Sơn), có 2 tổng, 16 xã.

- Tổng Hòa Đồng Thượng, gồm 09 xã: Vĩnh Bình (Vĩnh Lợi và Bình Phú Tây cũ), Đồng Sơn, Bình Phú Đông, Thành Công (Bình Thành và Bình Công cũ), Thạnh Trị (Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trị cũ), Bình Phục Nhì, Thạnh Nhựt, Vĩnh Viễn và Vĩnh Hựu.

- Tổng Hòa Đồng Hạ, gồm 07 xã: Long Hựu, Bình Luông Đông, Tân Thới, Phú Thạnh Đông, Bình Long (Bình Luông Tây và Long Thạnh cũ), Yên Luông (Yên Luông Đông và Yên Luông Tây cũ), Bình Tân (Bình Luông Trung và Tân Cương cũ).

Ngày 05-12-1957, chính quyền Sài Gòn dời quận lỵ quận [Bến Tranh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%BFn_Tranh) từ xã Lương Hòa Lạc đến xã Tân Hiệp.

Ngày 08-11-1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ từ xã Điều Hòa tới xã Long Định. Ngày 09-8-1961, tách một phần đất thuộc quận Cái Bè lập một quận mới, lấy tên là quận Giáo Đức, quận lỵ đặt tại xã An Hữu, gồm 2 tổng Phong Phú và An Phú (mới lập). Quận Cái Bè đổi tên thành quận Sùng Hiếu. Quận Cai Lậy đổi tên thành quận Khiêm Ích.

Ngày 20-12-1963, chính quyền Sài Gòn tách hai quận Gò Công và Hòa Đồng ra khỏi tỉnh Định Tường để tái lập tỉnh Gò Công.

Ngày 23-5-1964, chia quận Long Định thành 2 quận: Châu Thành và Long Định. Quận Châu Thành có 2 tổng Thuận Trị và Thuận Hòa (mới lập), quận lỵ đặt tại xã Trung An, Quận Long Định có 2 tổng Thuận Bình và Lợi Trường, quận lỵ dời từ xã Long Định đến xã Vĩnh Kim.

Ngày 10-11-1964, đổi lại tên quận Sùng Hiếu thành quận Cái Bè, quận Khiêm Ích thành quận Cai Lậy như cũ. Sau năm 1965, chính quyền Sài Gòn giải thể cấp tổng; từ đó, các xã trực thuộc cấp quận. Ngày 24-3-1969, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Long Định thành quận Sầm Giang.

Ngày 30-9-1970, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn ban hành Sắc lệnh số 114/SL-NV cải biến xã Điều Hòa thuộc quận Châu Thành thành thị xã [Mỹ Tho](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9_Tho), là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền trung ương, đồng thời kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Lúc đó, tỉnh Định Tường có 01 thị xã, 07 quận, 92 xã, diện tích 1.686 km², dân số 453.562 người, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Mỹ Tho. Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN THỊ XÃ/TÊN QUẬN/ TÊN XÃ** | **DIỆN TÍCH**  **(km²)** | **DÂN SỐ**  **(Người)** |
| **I** | **Thị xã Mỹ Tho** | **8,0** | **109.975** |
| **II** | **Quận Bến Tranh: 15 xã, quận lỵ đặt tại xã Tân Hiệp** | **225,7** | **67.531** |
| 1 | Hòa Tịnh | 7,7 | 2.604 |
| 2 | Lương Hòa Lạc | 15,0 | 6.464 |
| 3 | Mỹ Tịnh An | 12,1 | 3.230 |
| 4 | Phú Kiết | 11,5 | 3.306 |
| 5 | Phú Mỹ | 46,8 | 5.612 |
| 6 | Tân Bình Thành | 12,5 | 2.458 |
| 7 | Tân Hiệp | 1,0 | 4.571 |
| 8 | Tân Hòa Thành | 20,1 | 3.309 |
| 9 | Tân Hội Đông | 8,4 | 4.118 |
| 10 | Tân Hương | 13,3 | 8.060 |
| 11 | Tân Lý Đông | 40.4 | 4.903 |
| 12 | Tân Lý Tây | 4,5 | 5.368 |
| 13 | Thanh Bình | 12,3 | 2.079 |
| 14 | Thân Cửu Nghĩa | 9,6 | 9.326 |
| 15 | Trung Hòa | 10,5 | 2.123 |
| **III** | **Quận Cái Bè: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Đông Hòa Hiệp** | **278,4** | **79.124** |
| 16 | Đông Hòa Hiệp | 17,0 | 27.197 |
| 17 | Hậu Mỹ | 60,9 | 10.474 |
| 18 | Hậu Thành | 10,6 | 8.130 |
| 19 | Hiệp Đức | 11,4 | 625 |
| 20 | Hòa Khánh | 25,5 | 10.311 |
| 21 | Hội Cư | 23,1 | 5.304 |
| 22 | Hội Sơn | 4,3 | 170 |
| 23 | Mỹ Thành | 40,6 | 8.273 |
| 24 | Mỹ Thiện | 64,7 | 3.742 |
| 25 | Phú An | 14,2 | 4.523 |
| 26 | Xuân Sơn | 6,1 | 375 |
| **IV** | **Quận Cai Lậy: 20 xã, quận lỵ đặt tại xã Thanh Hòa** | **363,5** | **101.017** |
| 27 | Bình Phú | 19,3 | 6.863 |
| 28 | Cẩm Sơn | 13,9 | 300 |
| 29 | Long Khánh | 17,9 | 5.024 |
| 30 | Long Tiên | 14,0 | 3.861 |
| 31 | Long Trung | 19,4 | 3.772 |
| 32 | Mỹ Hạnh Đông | 30,1 | 2.000 |
| 33 | Mỹ Hạnh Trung | 10,2 | 4.152 |
| 34 | Mỹ Long | 11,5 | 1.103 |
| 35 | Mỹ Phước Tây | 39,1 | 7.041 |
| 36 | Ngũ Hiệp | 27,3 | 6.039 |
| 37 | Nhị Mỹ | 12,5 | 5.823 |
| 38 | Nhị Quý | 11,8 | 7.344 |
| 39 | Phú Nhuận Đông | 15,6 | 4.980 |
| 40 | Phú Quý | 9,3 | 2.814 |
| 41 | Tam Bình | 16,9 | 4.885 |
| 42 | Tân Bình | 13,0 | 6.724 |
| 43 | Tân Hội | 10,9 | 3.519 |
| 44 | Tân Phú Đông | 5,3 | 675 |
| 45 | Thanh Hòa | 9,9 | 21.588 |
| 46 | Thạnh Phú | 55,6 | 2.510 |
| **V** | **Quận Châu Thành: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Trung An** | **107,3** | **52.208** |
| 47 | Bình Đức | 11,8 | 11.237 |
| 48 | Đạo Thạnh | 6,7 | 6.645 |
| 49 | Long An | 13,6 | 5.254 |
| 50 | Mỹ Phong | 11,1 | 5.456 |
| 51 | Phước Thạnh | 11,5 | 3.125 |
| 52 | Tam Hiệp | 13,6 | 2.749 |
| 53 | Tân Long | 4,9 | 7.208 |
| 54 | Tân Mỹ Chánh | 6,9 | 3.974 |
| 55 | Thạnh Phú | 7,9 | 2.183 |
| 56 | Thới Sơn | 13,8 | 2.148 |
| 57 | Trung An | 5,5 | 2.209 |
| **VI** | **Quận Chợ Gạo: 11 xã, quận lỵ đặt tại xã Bình Phan** | **163,1** | **52.664** |
| 58 | An Thạnh Thủy | 17,1 | 4.915 |
| 59 | Bình Ninh | 20,0 | 3.575 |
| 60 | Bình Phan | 9,0 | 5.903 |
| 61 | Bình Phục Nhứt | 18,3 | 5.786 |
| 62 | Đăng Hưng Phước | 14,5 | 6.257 |
| 63 | Hòa Định | 22,0 | 2.700 |
| 64 | Long Bình Điền | 12,1 | 4.331 |
| 65 | Quơn Long | 14,2 | 4.778 |
| 66 | Song Bình | 12,1 | 4.260 |
| 67 | Tân Thuận Bình | 14,9 | 5.579 |
| 68 | Xuân Đông | 8,9 | 4.580 |
| **VII** | **Quận Giáo Đức: 10 xã, quận lỵ đặt tại xã An Hữu** | **226,5** | **58.791** |
| 69 | An Hữu | 15,0 | 12.047 |
| 70 | An Thới Đông | 7,3 | 6.458 |
| 71 | An Thới Trung | 16,1 | 5.576 |
| 72 | Hòa Lộc | 5,1 | 1.214 |
| 73 | Hưng Thuận | 15,9 | 6.551 |
| 74 | Mỹ Đức Đông | 8,0 | 2.454 |
| 75 | Mỹ Đức Tây | 68,2 | 8.716 |
| 76 | Mỹ Lợi | 42,7 | 1.052 |
| 77 | Mỹ Lương | 13,6 | 5.404 |
| 78 | Thanh Hưng | 34,6 | 9.319 |
| **VIII** | **Quận Sầm Giang: 14 xã, quận lỵ đặt tại xã Vĩnh Kim** | **321,5** | **42.227** |
| 79 | Bàn Long | 10,2 | 385 |
| 80 | Bình Trưng | 6,5 | 1.146 |
| 81 | Điềm Hy | 4,6 | 1.762 |
| 82 | Dưỡng Điềm | 7,0 | 3.384 |
| 83 | Đông Hòa | 95,5 | 6.057 |
| 84 | Hữu Đạo | 4,6 | 941 |
| 85 | Hưng Thạnh Mỹ | 85,9 | Không có số liệu |
| 86 | Kim Sơn | 12,6 | 2.884 |
| 87 | Long Định | 22,6 | 7.599 |
| 88 | Long Hưng | 14,0 | 1.460 |
| 89 | Nhị Bình | 32,9 | 7.409 |
| 90 | Phú Phong | 10,9 | 1.338 |
| 91 | Song Thuận | 9,0 | 1.968 |
| 92 | Vĩnh Kim | 5,2 | 5.894 |

Ngày 12-7-1974, chính quyền Sài Gòn lập quận mới Hậu Mỹ, quận lỵ đặt tại xã Hậu Mỹ, quận này bao gồm một phần đất của các quận Cái Bè, Giáo Đức, Cai Lậy cùng tỉnh, của quận Kiến Bình (tỉnh Kiến Tường) và của quận Mỹ An (tỉnh Kiến Phong). Các đơn vị hành chính của quận Hậu Mỹ chưa sắp xếp xong thì miền Nam được giải phóng (30-4-1975).

**10.** **Tỉnh Tiền Giang**

**\* Diễn tiến hành chính**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi vào ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 245-NQ/TƯ về việc giải thể cấp khu, hợp nhất tỉnh trong toàn quốc “nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, về củng cố quốc phòng, bảo vệ trị an, và có khả năng đóng góp tốt nhất vào sự nghiệp chung của cả nước”. Theo Nghị quyết này, 4 tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Long An, Bến Tre sẽ hợp lại thành một tỉnh, tên gọi sẽ do địa phương đề nghị lên. Nhưng ngày 20-12-1975, Bộ Chính trị lại ra Nghị quyết số 19/NQ điều chỉnh lại việc hợp tỉnh ở miền Nam Việt Nam cho sát với tình hình thực tế, theo đó tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp lại thành một tỉnh. Ngày 24-2-1976, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ban hành Nghị quyết số 03-NQ/1976 về việc giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị quyết này tại miền Nam có 21 đơn vị trực thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, trong đó có tỉnh Tiền Giang do nhập tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Tỉnh Tiền Giang bấy giờ có 6 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công và thành phố Mỹ Tho. Tỉnh lỵ là thành phố Mỹ Tho, được công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh.

Sau đó, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang có những sự điều chỉnh về hành chính như sau:

Ngày 26-3-1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 77-CP về việc chuyển thị xã Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang thành thị trấn Gò Công thuộc huyện Gò Công cùng tỉnh.

Ngày 12-4-1979, trên địa bàn huyện Cai Lậy, xã Thạnh Phú chia thành 2 xã mới Thạnh Lộc và Phú Cường, hợp nhất 2 xã Hội Sơn, Xuân Sơn thành xã Hội Xuân; trên địa bàn huyện Cái Bè, chia xã Hậu Mỹ Nam thành 2 xã Hậu Mỹ Phú, Hậu Mỹ Trinh; chia xã Hậu Mỹ Bắc thành 2 xã Hậu Mỹ Bắc A, Hậu Mỹ Bắc B; chia xã Mỹ Thiện thành 2 xã Thiện Trí, Thiện Trung; chia xã Thanh Hưng thành 2 xã Tân Thanh, Tân Hưng; chia xã Mỹ Lợi thành 2 xã Mỹ Lợi A, Mỹ Lợi B.

Ngày 13-4-1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 155-CP về việc chia huyện Gò Công  thành huyện Gò Công Đông và huyện Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 4-1979, tỉnh Tiền Giang có 7 đơn vị hành chính trực thuộc là các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thành phố Mỹ Tho.

Ngày 13-2-1987, giải thể xã Tăng Hòa để thành lập thị trấn Tân Hòa là thị trấn huyện lỵ Gò Công Đông.

Ngày 16-2-1987,  Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 37-HĐBT về việc thành lập thị xã Gò Công trực thuộc tỉnh Tiền Giang trên cơ sở thị trấn Gò Công cũ và 1 phần diện tích và dân số của 2 huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Như vậy, đến tháng 2-1987, tỉnh Tiền Giang có 8 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

Ngày 23-11-1990, lập xã mới Mỹ Tân thuộc huyện Cái Bè trên cơ sở các phần đất và dân số tách từ các xã Mỹ Trung, Mỹ Lợi B, Mỹ Đức Tây và Nông trường Ngô Văn Nhạc.

Ngày 9-3-1992, trích 1 phần diện tích và dân số xã Phú Đông, huyện Gò Công Đông để thành lập xã Phú Tân.

Ngày 11-7-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 68-CP về việc thành lập huyện Tân Phước trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của của 2 huyện  Cai Lậy và Châu Thành.

Như vậy, đến tháng 7-1994, tỉnh Tiền Giang có 9 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước.

Ngày 14-1-2002, lập xã mới Tân Thạnh thuộc huyện Gò Công Tây trên cơ sở các phần đất tách từ các xã Tân Phú, Tân Thới và Phú Thạnh; tái lập xã Tăng Hòa thuộc huyện Gò Công Đông trên cơ sở phần đất và dân số tách từ thị trấn Tân Hòa.

Ngày 9-12-2003, lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho do cải biến xã Tân Long; lập phường 9 do tách một phần đất và dân số từ xã Tân Mỹ Chánh; lập phường 10 do tách một phần đất và dân số từ 2 xã Đạo Thạnh và Trung An; lập phường 5 thuộc thị xã Gò Công do tách một phần đất và dân số từ xã Long Hòa; chia xã Hội Cư của huyện Cái Bè thành 2 xã An Cư và Mỹ Hội.

Ngày 07-10-2005, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 248/2005/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho  là đô thị loại 2 trực thuộc tỉnh.

Ngày 21-01-2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2008/NĐ-CP, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Gò Công Đông và Gò Công Tây để mở rộng thị xã Gò Công và thành lập huyện Tân Phú Đông. Theo đó, huyện Tân Phú Đông bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã: Tân Thới, Tân Phú, Phú Thạnh, Tân Thạnh của huyện Gò Công Tây và toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phú Đông và xã Phú Tân của huyện Gò Công Đông.

Như vậy, đến tháng 01-2008, tỉnh Tiền Giang có 10 đơn vị hành chính trực thuộc là: thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phước và Tân Phú Đông.

Ngày 29-6-2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30-9-2010, thành lập thị trấn Vàm Láng thuộc huyện Gò Công Đông.

Ngày 26-12-2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Cai Lậy để thành lập thị xã Cai Lậy và huyện Cai Lậy.

Như vậy, đến tháng 12-2013, tỉnh Tiền Giang diện tích là 250.830,36 ha, dân số có 1.712.547 người, gồm 01 thành phố (Mỹ Tho), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công), 08 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và Tân Phước), 157 xã, phường, thị trấn (128 xã, 22 phường, 7 thị trấn). Cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Xã, phường, thị trấn** | **Diện tích (ha)**  **(Dấu , là ngàn; dấu . là số lẻ)** | **Dân số**  **(người)** |
|
| **I** | **Huyện Cái Bè** | **42,089.82** | **291,627** |
| 1 | Thị trấn Cái Bè | 426.26 | 16,856 |
| 2 | An Thái Đông | 728.12 | 9,834 |
| 3 | Hậu Mỹ Phú | 1,120.44 | 7,306 |
| 4 | An Cư | 1,142.82 | 14,211 |
| 5 | Hậu Thành | 1,163.09 | 14,354 |
| 6 | Mỹ Đức Đông | 1,208.66 | 9,445 |
| 7 | Thiện Trí | 1,314.59 | 9,210 |
| 8 | Mỹ Hội | 1,377.24 | 8,383 |
| 9 | An Hữu | 1,411.36 | 17,263 |
| 10 | Hoà Hưng | 1,540.34 | 15,335 |
| 11 | Mỹ Lương | 1,608.97 | 10,370 |
| 12 | Tân Thanh | 1,634.06 | 10,427 |
| 13 | Mỹ Tân | 1,736.26 | 4,893 |
| 14 | Mỹ Lợi A | 1,747.61 | 10,298 |
| 15 | Đông Hoà Hiệp | 1,781.23 | 14,023 |
| 16 | Tân Hưng | 1,888.60 | 12,282 |
| 17 | An Thái Trung | 1,911.87 | 14,901 |
| 18 | Mỹ Lợi B | 1,912.95 | 7,414 |
| 19 | Mỹ Đức Tây | 1,975.46 | 13,965 |
| 20 | Hậu Mỹ Bắc B | 1,977.17 | 10,480 |
| 21 | Thiện Trung | 2,018.96 | 8,991 |
| 22 | Hoà Khánh | 2,253.21 | 20,142 |
| 23 | Mỹ Trung | 2,416.47 | 8,347 |
| 24 | Hậu Mỹ Bắc A | 2,626.04 | 12,787 |
| 25 | Hậu Mỹ Trinh | 3,168.04 | 10,110 |
| **II** | **Huyện Cai Lậy** | **29,599.36** | **186,583** |
| 1 | Hiệp Đức | 1,013.78 | 5,977 |
| 2 | Mỹ Thành Bắc | 1,748.73 | 8,075 |
| 3 | Cẩm Sơn | 1,241.58 | 8,009 |
| 4 | Hội Xuân | 1,168.68 | 8,880 |
| 5 | Mỹ Long | 1,280.75 | 9,158 |
| 6 | Phú Nhuận | 1,363.58 | 9,206 |
| 7 | Thạnh Lộc | 2,384.06 | 11,298 |
| 8 | Long Tiên | 1,644.10 | 12,001 |
| 9 | Long Trung | 1,511.30 | 12,141 |
| 10 | Phú Cường | 3,259.79 | 12,733 |
| 11 | Mỹ Thành Nam | 2,179.25 | 12,652 |
| 12 | Tân Phong | 2,469.99 | 12,594 |
| 13 | Phú An | 1,577.08 | 15,149 |
| 14 | Ngũ Hiệp | 2,780.00 | 16,117 |
| 15 | Tam Bình | 2,081.75 | 16,383 |
| 16 | Bình Phú | 1,894.94 | 16,210 |
| **III** | **Thị xã Cai Lậy** | **14,018.95** | **123,775** |
| 1 | Phường 1 | 220.53 | 11,427 |
| 2 | Phường 2 | 349.19 | 5,416 |
| 3 | Phường 3 | 335.75 | 3,323 |
| 4 | Phường 4 | 203.74 | 6,039 |
| 5 | Phường 5 | 255.62 | 7,499 |
| 6 | Phường Nhị Mỹ | 553.84 | 4,586 |
| 7 | Thanh Hoà | 672.58 | 5,061 |
| 8 | Tân Phú | 826.44 | 5,410 |
| 9 | Phú Quí | 835.34 | 6,405 |
| 10 | Mỹ Hạnh Trung | 996.26 | 7,251 |
| 11 | Mỹ Hạnh Đông | 1,609.86 | 8,617 |
| 12 | Nhị Quí | 787.70 | 10,422 |
| 13 | Tân Bình | 900.93 | 5,669 |
| 14 | Tân Hội | 1,375.81 | 11,029 |
| 15 | Mỹ Phước Tây | 2,029.64 | 13,200 |
| 16 | Long Khánh | 2,065.72 | 12,421 |
| **IV** | **Huyện Châu Thành** | **22,991.09** | **242,757** |
| 1 | Thị trấn Tân Hiệp | 74.49 | 4,995 |
| 2 | Dưỡng Điềm | 341.58 | 6,192 |
| 3 | Hữu Đạo | 469.64 | 4,570 |
| 4 | Tân Lý Tây | 509.46 | 11,148 |
| 5 | Thạnh Phú | 733.81 | 9,686 |
| 6 | Đông Hoà | 758.96 | 9,530 |
| 7 | Song Thuận | 783.92 | 6,442 |
| 8 | Bình Trưng | 893.71 | 9,140 |
| 9 | Phú Phong | 900.03 | 6,980 |
| 10 | Tân Hội Đông | 913.62 | 7,589 |
| 11 | Long An | 591.85 | 9,258 |
| 12 | Bàn Long | 925.63 | 8,352 |
| 13 | Tân Hương | 1,103.29 | 15,170 |
| 14 | Bình Đức | 755.29 | 13,215 |
| 15 | Kim Sơn | 1,169.09 | 10,085 |
| 16 | Thân Cửu Nghĩa | 1,244.81 | 19,201 |
| 17 | Điềm Hy | 1,429.48 | 9,020 |
| 18 | Long Hưng | 1,475.67 | 12,355 |
| 19 | Tân Lý Đông | 1,555.24 | 14,275 |
| 20 | Long Định | 1,779.10 | 14,359 |
| 21 | Nhị Bình | 1,889.68 | 16,930 |
| 22 | Tam Hiệp | 2,121.40 | 14,015 |
| 23 | Vĩnh Kim | 571.34 | 10,250 |
| **V** | **Huyện Tân Phước** | **33,321.74** | **57,561** |
| 1 | Thị trấn Mỹ Phước | 279.40 | 2,792 |
| 2 | Phú Mỹ | 1,340.10 | 7,862 |
| 3 | Tân Lập 2 | 1,647.54 | 2,278 |
| 4 | Tân Hoà Thành | 1,747.22 | 9,847 |
| 5 | Thạnh Hoà | 2,533.85 | 842 |
| 6 | Tân Hoà Đông | 2,677.93 | 1,593 |
| 7 | Thạnh Mỹ | 2,832.35 | 2,134 |
| 8 | Tân Lập 1 | 2,870.98 | 5,549 |
| 9 | Thạnh Tân | 3,319.80 | 1,892 |
| 10 | Hưng Thạnh | 3,348.75 | 6,836 |
| 11 | Tân Hoà Tây | 3,352.21 | 4,257 |
| 12 | Phước Lập | 3,475.54 | 8,936 |
| 13 | Mỹ Phước | 3,896.07 | 2,743 |
| **VI** | **Thành phố Mỹ Tho** | **8,154.10** | **220,014** |
| 1 | Phường 1 | 77.71 | 7,994 |
| 2 | Phường 2 | 70.81 | 13,743 |
| 3 | Phường 3 | 54.11 | 10,452 |
| 4 | Phường 4 | 79.36 | 16,570 |
| 5 | Phường 5 | 271.77 | 20,653 |
| 6 | Phường 6 | 311.30 | 23,448 |
| 7 | Phường 7 | 40.15 | 9,128 |
| 8 | Phường 8 | 69.70 | 11,954 |
| 9 | Phường 9 | 237.57 | 7,116 |
| 10 | Phường 10 | 282.90 | 10,477 |
| 11 | Phường Tân Long | 272.79 | 3,470 |
| 12 | Đạo Thạnh | 1,031.47 | 15,866 |
| 13 | Trung An | 1,063.03 | 21,667 |
| 14 | Tân Mỹ Chánh | 931.59 | 12,271 |
| 15 | Mỹ Phong | 1,130.60 | 16,534 |
| 16 | Phước Thạnh | 1,017.60 | 12,291 |
| 17 | Thới Sơn | 1,211.64 | 6,380 |
| **VII** | **Huyện Chợ Gạo** | **23,256.81** | **178,803** |
| 1 | Thị trấn Chợ Gạo | 307.67 | 7,525 |
| 2 | Hoà Tịnh | 704.65 | 6,286 |
| 3 | Bình Phan | 1,059.00 | 7,039 |
| 4 | Tân Bình Thạnh | 1,126.85 | 7,555 |
| 5 | Trung Hoà | 1,077.76 | 6,452 |
| 6 | Song Bình | 932.58 | 8,055 |
| 7 | Phú Kiết | 1,154.46 | 9,942 |
| 8 | Đăng Hưng Phước | 1,476.48 | 11,151 |
| 9 | Tân Thuận Bình | 1,225.72 | 10,323 |
| 10 | Long Bình Điền | 1,192.33 | 11,875 |
| 11 | Mỹ Tịnh An | 1,143.39 | 8,782 |
| 12 | Quơn Long | 1,330.55 | 9,538 |
| 13 | Thanh Bình | 1,399.60 | 9,535 |
| 14 | Hoà Định | 1,359.25 | 8,136 |
| 15 | Lương Hoà Lạc | 1,007.99 | 12,477 |
| 16 | Xuân Đông | 1,514.64 | 8,666 |
| 17 | An Thạnh Thuỷ | 1,573.59 | 12,503 |
| 18 | Bình Phục Nhứt | 1,805.76 | 12,358 |
| 19 | Bình Ninh | 1,864.54 | 10,605 |
| **VIII** | **Huyện Gò Công Tây** | **18,220.53** | **131,252** |
| 1 | Thành Công | 810.52 | 5,934 |
| 2 | Yên Luông | 1,049.62 | 8,347 |
| 3 | Bình Phú | 1,321.53 | 7,569 |
| 4 | Long Vĩnh | 1,221.50 | 7,455 |
| 5 | Đồng Sơn | 1,483.55 | 8,844 |
| 6 | Thạnh Trị | 1,426.25 | 9,676 |
| 7 | Bình Tân | 1,669.13 | 10,368 |
| 8 | Bình Nhì | 1,375.49 | 11,750 |
| 9 | Đồng Thạnh | 1,567.52 | 10,351 |
| 10 | Vĩnh Hựu | 1,908.62 | 11,450 |
| 11 | Thạnh Nhựt | 1,783.72 | 12,821 |
| 12 | Long Bình | 1,839.67 | 15,055 |
| 13 | Thị Trấn Vĩnh Bình | 763.41 | 11,632 |
| **IX** | **Huyện Gò Công Đông** | **26,768.16** | **142,797** |
| 1 | Thị trấn Tân Hoà | 325.01 | 6,830 |
| 2 | Tân Điền | 2,002.19 | 7,182 |
| 3 | Tăng Hoà | 1,745.67 | 9,836 |
| 4 | Phước Trung | 2,103.03 | 10,201 |
| 5 | Bình Ân | 1,337.50 | 9,855 |
| 6 | Tân Đông | 1,137.91 | 10,002 |
| 7 | Bình Nghị | 1,319.05 | 11,176 |
| 8 | Gia Thuận | 1,912.06 | 6,066 |
| 9 | Kiểng Phước | 4,038.74 | 15,178 |
| 10 | Tân Phước | 2,194.76 | 13,857 |
| 11 | Tân Thành | 6,618.98 | 13,976 |
| 12 | Thị trấn Vàm Láng | 600.00 | 14,302 |
| 13 | Tân Tây | 1,433.26 | 14,336 |
| **X** | **Thị xã Gò Công** | **10,198.49** | **96,877** |
| 1 | Phường 1 | 45.35 | 5,625 |
| 2 | Phường 2 | 71.33 | 7,673 |
| 3 | Phường 3 | 109.71 | 5,656 |
| 4 | Phường 4 | 137.66 | 6,507 |
| 5 | Phường 5 | 160.00 | 4,623 |
| 6 | Long Hưng | 657.22 | 5,241 |
| 7 | Long Hoà | 642.64 | 6,211 |
| 8 | Long Chánh | 768.26 | 5,584 |
| 9 | Long Thuận | 615.32 | 6,553 |
| 10 | Bình Đông | 2,244.87 | 13,776 |
| 11 | Bình Xuân | 2,786.41 | 16,056 |
| 12 | Tân Trung | 1,959.72 | 13,372 |
| **XI** | **Huyện Tân Phú Đông** | **22,211.31** | **40,501** |
| 1 | Phú Thạnh | 2,232.10 | 7,769 |
| 2 | Tân Thới | 2,138.26 | 10,248 |
| 3 | Tân Phú | 2,025.49 | 8,708 |
| 4 | Tân Thạnh | 2,237.03 | 4,374 |
| 5 | Phú Tân | 10,629.13 | 3,472 |
| 6 | Phú Đông | 2,949.30 | 5,930 |

*Nguồn: Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Ngày 05-02-2016, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 242/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Mỹ Tho là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang.

Theo thống kê năm 2018, Tiền Giang có diện tích 2.087,315 km2; dân số 1.763.237 người; 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã, 08 huyện), 173 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 144 xã).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **TP**  **Mỹ Tho** | **TX**  **Cai Lậy** | **TX Gò Công** | **H. Cái Bè** | **H. Cai Lậy** | **H. Châu**  **Thành** |
| Diện tích (km2) | 81,541 | 140,189 | 101,985 | 420,898 | 295,993 | 229,910 |
| Dân số (người) | 270.704 | 23.775 | 96.877 | 291.627 | 242.757 | 186.583 |
| Mật độ dân (người/km2) | 3320 | 883 | 950 | 693 | 630 | 1056 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị hành chính** | **H. Chợ**  **Gạo** | **H. Gò Công Đông** | **H. Gò Công Tây** | **H. Tân Phú Đông** | | **H. Tân Phước** |
| Diện tích (km2) | 232,568 | 267,681 | 182,205 | 222,113 | 333,217 | |
| Dân số (người) | 178.803 | 142.797 | 131.252 | 40.501 | 57.561 | |
| Mật độ dân (người/km2) | 769 | 533 | 720 | 182 | 172 | |

Nguồn: *Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tiền Giang*

Năm 2021, tỉnh Tiền Giang có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố (Mỹ Tho, đô thị loại 1), 02 thị xã (Cai Lậy và Gò Công, đều đô thị loại 3) và 8 huyện (Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Tân Phước, Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và Tân Phú Đông) với 172 đơn vị hành chính cấp xã (07 thị trấn, 22 phường và 143 xã).

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 01-8-2021, dân số toàn tỉnh đạt 1.783.165 người, mật độ dân số đạt 710 người/km². Trong đó dân số sống tại thành thị đạt 247.742 người, chiếm 14% dân số toàn tỉnh, dân số sống tại nông thôn đạt 1.516.443 người, chiếm 86% dân số. Dân số nam đạt 865.821 người, trong khi đó nữ đạt 898.364 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 15%.

**\* Khái quát về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**

- Vị trí địa lý:

Tiền Giang là tỉnh nằm ở phía Đông Bắc của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có tọa độ địa lý từ 10012'20'' - 10035'26'' vĩ Bắc và 1050 49'07'' - 106048'06'' kinh Đông; Bắc giáp tỉnh Long An; Nam giáp sống Tiền, ngăn cách với tỉnh Vĩnh long và tỉnh Bến Tre; Tây giáp tỉnh Đồng Tháp; Đông Bắc giáp biển với chiều dài 32 km. Lãnh thổ Tiền Giang nằm trải dọc theo bờ Bắc của sông Tiền với chiều dài 120 km, nằm án ngữ ngay cửa ngõ phía Nam của Thành phố Hồ Chí Minh với 3 tuyến đường giao thông huyết mạch là quốc lộ 1A, quốc lộ 30 và quốc lộ 50. Ngoài ra, tuyến đường thủy quan trọng từ các tỉnh miền Tây lên Thành phố Hồ Chí Minh cũng đi qua kênh Chợ Gạo nằm trên địa bàn tỉnh này.

Với vị trí như trên, Tiền Giang có nhiều lợi thế trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, phát triển sản xuất hàng hoá và giao lưu kinh tế - xã hội với các tỉnh trong vùng và với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tuy nhiên, vị trí này cũng mang lại nhiều thách thức cho tỉnh trong việc cạnh tranh, thu hút chất xám, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và phát triển sản xuất công nghiệp.

Tiền Giang có diện tích tự nhiên là 2.510,61 km2, chiếm 0,76% diện tích cả nước, 6,2% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

- Khí hậu:

Tỉnh Tiền Giang có khí hậu cận xích đạo gió mùa; có lượng mưa lớn; có chế độ gió mùa, ít khi có bão. Nhìn chung tỉnh Tiền Giang có khí hậu thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Tuy nhiên, mùa khô cũng gây ra tình trạng thiếu nước và xâm nhập mặn ở các huyện Gò Công, Tân Phú Đông, Chợ Gạo, Châu Thành và phần cực bắc của hai huyện Cai Lậy và Tân Phước đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất của người dân([[9]](#footnote-9)).

- Thủy văn:

Tiền Giang có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, trục chính là sông Tiền, một nhánh của sông Tiền chảy qua địa phận tỉnh Tiền Giang đổ ra biển ra cửa Tiểu và cửa Đại. Đoạn sông Tiền chảy qua Tiền Giang có chiều dài 115 km. Đoạn hạ lưu sông Vàm Cỏ chảy qua Tiền Giang với chiều dài 42 km. Mạng mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất và giao lưu, trao đổi hàng hoá với các khu vực lân cận, đồng thời là môi trường cho việc nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản([[10]](#footnote-10)).

- Tài nguyên thiên nhiên:

+ Tài nguyên đất:

Tỉnh Tiền Giang có diện tích là 2508,3 km², chiếm 6% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long, 8,1% diện tích vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và 0,7 % diện tích cả nước. Tiền Giang có nhiều nhóm đất khác nhau như: đất phù sa chiếm 53% tổng diện tích đất tự nhiện của tỉnh, đất mặn chiếm 14.6% , đất phèn chiếm 19.4%, đất cát giồng chiếm 3,1%. Nhìn chung, Tiền Giang có nhiều loại đất phong phú và đa dạng phần lớn là đất phù sa thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp như trồng lúa, cây ăn trái, rau màu([[11]](#footnote-11)).

+ Tài nguyên nước:

Bên cạnh 2 sông lớn chảy qua là sông Tiền, sông Vàm Cỏ, Tiền Giang còn có hệ thống kênh rạch phong phú thuận lợi cho giao thông đường thủy và sản xuất nông nghiệp. Tỉnh Tiền Giang có chất lượng nguồn nước ngầm ngọt khá tốt. Đây là nguồn nước sạch quan trọng, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt của nhân dân, đặc biệt có ý nghĩa đối với những vùng bị nhiễm phèn, nhiềm mặn.

+ Tài nguyên khoáng sản: tương tự như các tỉnh Tây Nam Bộ, Tiền Giang không có nhiều khoáng sản. Có thể kể đến là đất sét và than bùn, cát sông. Vì tài nguyên khoáng sản ở Tiền Giang ít do nên khi khai thác cần đảm bảo việc phát triển bền vững.

+ Tài nguyên sinh vật: Bên cạnh những loại cây do nhân dân canh tác Tiền Giang còn 3 thảm thực vật mang tính chất hoang dại như rừng ngập mặn ven biển, thảm thực vật rừng nước lợ, thảm thực vật vùng đất phèn hoang. Bên cạnh các loài động vật nuôi, tài nguyên động vật phong phú và đa dạng, có giá trị kinh tế, ở đây chủ yếu là thủy sản.

**\* Khái quát về điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội**

Trong định hướng phát triển, Tiền Giang đã phân chia ba vùng kinh tế trọng điểm:

- Vùng các huyện phía Đông là vùng có tiềm năng rất lớn về kinh tế biển và phát triển các loại hình công nghiệp đóng tàu, cảng biển và vận tải biển, chế biến thủy hải sản; cùng các tiềm năng về du lịch và dịch vụ hậu cần nghề cá,...

- Vùng các huyện phía Tây có thế mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, đặc biệt là cây ăn trái lớn nhất tỉnh gắn liền với sự phát triển công nghiệp chế biến nông sản và các dịch vụ phục vụ dọc theo trục kinh tế Quốc lộ 1. Ngoài ra, vùng còn có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch, nơi hội tụ của ba vùng sinh thái như sinh thái mặn, ngọt gắn với sinh thái sông nước, cây ăn trái và sinh thái vùng ngập lũ Đồng Tháp Mười,...

- Vùng thành phố Mỹ Tho - Châu Thành là vùng động lực, đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và chủ động hội nhập, hợp tác kinh tế với vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đô thị TP. Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng sông Cử Long (ĐBSCL).

Bên cạnh đó, Tiền Giang có nhiều ưu thế trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên để phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tăng cường khả năng hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hóa, du lịch với các tỉnh, thành trong vùng ĐBSCL và vùng Đông Nam Bộ cũng như với các nước Đông Nam Á đặc biệt là các quốc gia cùng chia sẻ nguồn tài nguyên dọc sông Mekong.

Trên cơ sở phân định thế mạnh từng vùng, Tiền Giang đã tập trung phát triển toàn diện nông nghiệp - nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa; thâm canh, chuyên canh, ứng dụng công nghệ sinh học; tổ chức lại hệ thống sản xuất nông nghiệp theo hướng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, an toàn (GAP) gắn với hệ thống tiêu thụ và phục vụ cho công nghiệp chế biến,... Đầu tư ổn định khoảng 60 nghìn ha đất canh tác lúa để đảm bảo vững chắc an ninh lương thực và mục tiêu xuất khẩu; hình thành các vùng chuyên canh là thế mạnh của tỉnh như cây ăn trái, rau sạch... Tiếp tục khai thác thế mạnh trong phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường,... Phát triển thủy sản theo hướng quy hoạch các vùng nuôi, thâm canh tăng năng suất, đa dạng hóa đối tượng nuôi, kết hợp chặt chẽ khâu nuôi, bảo quản chế biến và quản lý bảo vệ môi trường; chú trọng phát triển các loại thủy sản có giá trị tiêu dùng nội địa và chế biến xuất khẩu như cá, tôm, nghêu, cá bè,... trên sông Tiền, các cồn, bãi bồi ven biển.

Tỉnh đã thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, ứng dụng công nghệ cao, đồng thời chú trọng các ngành, lĩnh vực tỉnh có lợi thế như công nghiệp chế biến, công nghệ sinh học, công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ nông nghiệp - nông thôn cùng các ngành công nghiệp bổ trợ cho vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) phía Nam và vùng ĐBSCL. Tập trung thu hút đầu tư phát triển nhanh các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt đồng thời củng cố và nâng cao hiệu quả các khu, cụm công nghiệp đã có.

Kinh tế của tỉnh phát triển tương đối toàn diện, chất lượng tăng trưởng từng bước được cải thiện. Theo thống kê năm 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 2016 - 2020 đạt 7,3%/năm[[12]](#footnote-12); trong đó, khu vực nông, lâm, ngư nghiệp đạt 3,7%/năm, khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 12,5%/năm và khu vực dịch vụ đạt 7,5%/năm. Tổng sản phẩm trên địa bàn(Gross Regional Domestic Product, viết tắt là GRDP) bình quân đầu người năm 2020 đạt 58,6 triệu đồng, tương đương 2.506 USD.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp. Tỷ trọng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp giảm từ 45,8% năm 2015 xuống còn 37,1% năm 2020; khu vực công nghiệp – xây dựng tăng từ 19,9% năm 2015 tăng lên 27,8% năm 2020; khu vực dịch vụ tăng từ 34,3% năm 2015 tăng lên 35,1% năm 2020.

Hoạt động xuất khẩu có bước phát triển mạnh mẽ, kim ngạch xuất khẩu đứng thứ 2/13 tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Cửu Long. Năm 2020, kim ngạch xuất khẩu đạt 3,0 tỷ USD, tăng bình quân 11,3%/năm.

Thu, chi ngân sách: Ước thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 05 năm 2016 - 2020 là 45.799 tỷ đồng (năm 2020 đạt 11.665 tỷ đồng, chiếm 11,2% so GRDP của tỉnh), tăng bình quân 15,9%/năm, đạt 124,2% so Nghị quyết (5 năm 2016-2020 đạt 36.875 tỷ đồng). Ước thực hiện tổng chi ngân sách địa phương 05 năm 2016 - 2020 là 64.982,4 tỷ đồng (năm 2020 là 13.761,6 tỷ đồng, chiếm 13,2% so GRDP của tỉnh), bằng 111,45% so với Nghị quyết, tăng bình quân 7,3%/năm.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng nhanh, giai đoạn 2016 - 2020 đạt trên 169.800 tỷ đồng, chiếm 38,2% so tổng GRDP (Nghị quyết là169.790 - 188.300 tỷ đồng); trong đó, năm 2019 - 2020 đầu tư hoàn thành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận với tổng vốn trên 11.000 tỷ đồng và hoàn hoàn thành vào năm 2021.

Xây dựng nông thôn mới: Tập trung triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách, giải pháp xây dựng nông thôn mới, lồng ghép với thực hiện nội dung của tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhất là trong đầu tư hạ tầng nông thôn, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nông dân. Nhờ nguồn lực từ phát triển kinh tế, xã hội, thu ngân sách,... Giai đoạn 2016 - 2020 có 107 xã nông thôn mới (giai đoạn 2011 - 2015 có 12 xã nông thôn mới), ước đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 119/143 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 83,2%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (mục tiêu kế hoạch đến cuối năm 2020 có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới); có 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; huyện Gò Công Đông và huyện Chợ Gạo đạt chuẩn huyện nông thôn mới; thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và thị xã Cai Lậy hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Công tác giảm nghèo được quan tâm thực hiện với nhiều giải pháp thiết thực, kết hợp đồng bộ với các chính sách trợ giúp người nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, vay vốn tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề lao động nông thôn... do vậy, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh theo chuẩn tiếp cận đa chiều được kéo giảm xuống còn 2,51% năm 2019, đạt kế hoạch sớm 1 năm (vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra dưới 3%)[[13]](#footnote-13); dự kiến năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh giảm còn 2,25%.

Về phát triển doanh nghiệp: Trong 5 năm 2016-2020, tổng số doanh nghiệp mới được thành lập là 3.250 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký là 21.017 tỷ đồng. Vốn đầu tư bình quân 6,5 tỷ đồng/doanh nghiệp (vốn đầu tư bình quân giai đoạn 2011-2015 là 4,3 tỷ đồng/doanh nghiệp). Ngoài ra, trong giai đoạn 2016-2020 còn có 870 doanh nghiệp đăng ký bổ sung vốn với tổng vốn bổ sung thêm là 13.593 tỷ. Đến nay, toàn tỉnh có 6.210 doanh nghiệp, vượt mục tiêu Nghị quyết 06-NQ/TU của Tỉnh ủy đề ra (đến năm 2020, toàn tỉnh có trên 5.000 doanh nghiệp). Các doanh nghiệp ngày càng đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế, đóng góp rất lớn trong tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách, giải quyết việc làm, giúp huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển. Ngoài những đóng góp trong phát triển kinh tế, doanh nghiệp còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, có ý thức trách nhiệm cao với cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Về thu hút đầu tư: Tỉnh đã tập trung các giải pháp nhằm tạo môi trường thông thoáng, minh bạch trong đầu tư kinh doanh cho các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp an tâm sản xuất kinh doanh. Trong đó, tập trung chỉ đạo rà soát, sửa đổi chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư trên địa bàn; cải cách hành chính: rà soát, đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết; ban hành quy chế liên thông trong giải quyết thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh.

+ Thu hút đầu tư trong nước: Thu hút được 65 dự án vốn đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký mới và tăng thêm đạt 15.112 tỷ đồng, tăng 26 dự án và gấp 2,27 lần về vốn so với giai đoạn 2011-2015. Các dự án vốn đầu tư lớn thu hút trong giai đoạn này gồm: Dự án Bến cảng – Tổng kho xăng dầu – Khí hóa lỏng và các sản phẩm sau dầu mỏ DKC Tiền Giang vốn đầu tư 3.646 tỷ đồng; Khu dân cư An Hòa vốn đầu tư 691 tỷ đồng; Cảng du thuyền vốn đầu tư 665 tỷ đồng; Hạ tầng Cụm công nghiệp An Thạnh 2 vốn đầu tư 599 tỷ đồng.

+ Về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Thu hút được 42 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 821,3 triệu USD, có 46 dự án đăng ký tăng vốn với tổng vốn đầu tư đăng ký tăng đạt 335,3 triệu USD. Nâng tổng vốn đầu tư nước ngoài thu hút được trong giai đoạn 2016 - 2020 đạt 1.156,6 triệu USD, tăng 8,6% so với thực hiện giai đoạn 2011 - 2015.

Các lĩnh vực văn hóa - xã hội luôn được quan tâm đầu tư, phát triển; công tác giảm nghèo được thực hiện tốt; công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm có nhiều chuyển biến tích cực; việc thu hút nhân tài và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được tỉnh quan tâm thực hiện thể hiện qua số lượng cán bộ, công chức, viên chức có trình độ sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) ngày càng tăng. Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác giáo dục - đào tạo; phổ cập giáo dục tiếp tục được củng cố; nâng cao chất lượng giảng dạy, đạo đức nghề nghiệp đội ngũ nhà giáo; giữ được kỷ cương, nền nếp trong các hoạt động giáo dục. Chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân và tinh thần thái độ phục vụ của nhân viên y tế được nâng lên; đã kiểm soát và khống chế tốt các loại dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra; công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm từng bước được củng cố; tính đến năm 2020, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (*mục tiêu đề ra là 82%*).

Với những kết quả trên đã cho thấy bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2015 - 2020 phát triển khá toàn diện, tạo nền tảng cho sự phát triển của tỉnh trong những giai đoạn tiếp theo.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh thành phố, xã, phường thuộc thành phố Mỹ Tho**

**1**. **Thành phố Mỹ Tho**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Việt gốc Khmer: Mỹ Tho là do “Mêso” nói trại mà ra, có nghĩa là “Cô gái trắng trẻo”.

Tên Mỹ Tho viết bằng chữ Quốc ngữ xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1747: “MI THO” trong quyển *Lịch sử truyền giáo xứ Nam Kỳ 1658 -1823 (Histoire de la Mission de Cochinchine 1658-1823)* của Adrien Launay.

**Mê** có thể biến thành **Mi**, bởi vì trong tiếng Việt, âm **ê** có thể biến đổi thành âm **i** (b**ê**nh vực - b**i**nh vực). **So** có thể biến thành **Tho**, bởi vì âm **s** có thể biến đổi thành **th** (**s**ụp lạy - **th**ụp lạy, **s**ụt lùi - **th**ụt lùi). Từ đó, Mêso được gọi trại thành Mi Tho, về sau thành Mỹ Tho.

**Vị trí địa lý:**

Thành phố Mỹ Tho là thành phố trực thuộc tỉnh, phía Đông và phía Bắc giáp huyện Chợ Gạo, phía Tây giáp huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, phía Nam giáp huyện Châu Thành của tỉnh Bến Tre qua sông Tiền.

**Diện tích tự nhiên:** 8.154,08 ha.

**Hành chính:**

Thành phố Mỹ Tho có 17 xã, phường: 11 phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, Tân Long và 6 xã: Đạo Thạnh, Trung An, Mỹ Phong, Tân Mỹ Chánh, Thới Sơn, Phước Thạnh.

**Lịch sử hình thành:**

Từ thế kỷ XVII, Mỹ Tho đã được lưu dân người Việt từ miền Trung, miền Bắc vào khai hoang, lập ấp. Trải qua quá trình lao động gian khổ, anh dũng, bền bĩ và sáng tạo,cùng với một số chính sách khuyến khích khai hoang của chúa Nguyễn, lưu dân người Việt đã biến Mỹ Tho, từ một vùng đất hoang vu trở thành nơi trù phú, có nền sản xuất nông nghiệp phát triển và đời sống của cư dân  ngày càng ổn định.

Năm 1679, một nhóm người Minh hương, được sự cho phép của chúa Nguyễn, đã vào Mỹ Tho lập nghiệp. Ở vùng đất mới, được sự bảo trợ của chính quyền chúa Nguyễn và sự cưu mang, đùm bọc của người Việt, số người Minh hương này chuyên về hoạt động thương mại. Trên cơ sở đó,  Mỹ Tho đại phố tức chợ phố lớn Mỹ Tho được thành lập ở làng Mỹ Chánh, huyện Kiến Hòa. Khu đại phố này kéo dài từ bờ sông Tiền chạy dọc theo đường Nguyễn Huỳnh Đức đến Cầu Vĩ, Gò Cát, tức khu vực xã Mỹ Phong hiện nay.

Lúc bấy giờ, Mỹ Tho đại phố là một trong hai trung tâm kinh tế - thương mãi lớn nhất ở  Nam bộ. Trịnh Hoài Đức trong quyển Gia Định thành thông chí mô tả sự phồn thịnh của Mỹ Tho đại phố như sau: “Mỹ Tho đại phố có nhà ngói cột chạm, đình cao, chùa rộng.... ghe thuyền sông biển ở các ngả đến đậu đông đúc, làm thành một chốn đại đô hội, phồn hoa huyên náo...” và “phàm thuyền buôn các nơi qua lại phải đậu nghỉ ở sông Mỹ Tho, hóng mát, xem trăng, đợi con nước lên, thuận dòng lên tây hay xuống đông”.

Sự sung thịnh của chợ Mỹ Tho chứng tỏ sản xuất nông nghiệp và nền kinh tế hàng hóa ở đây đã có những bước phát triển đáng kể. Nông sản không chỉ đủ dùng cho nhu cầu của cư dân Mỹ Tho, mà còn dư ra với số lượng lớn, trở thành hàng hóa được buôn bán trên thị trường cả nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Như vậy, thế mạnh vượt trội của Mỹ Tho đại phố là thương mãi; và thương mãi ở đây đã vươn ra tầm thế giới. Thế mạnh đó bắt nguồn từ sự gắn kết giữa sản xuất nông nghiệp với chế biến và xuất khẩu nông sản, nhất là thóc gạo, cau khô và thủy sản.

Vùng đất Mỹ Tho ngày nay lúc đó thuộc đạo Trường Đồn (từ năm 1772), dinh Trường Đồn (từ năm 1779). Năm 1781, trên cơ sở Mỹ Tho đại phố phát triển ngày càng phồn thịnh, ngay sau khi thành lập dinh Trấn Định, chúa Nguyễn Phúc Ánh đã cho dời lỵ sở của dinh Trấn Định từ giồng Kiến Định (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành) về thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho, thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An (nay là khu vực Chợ Cũ thuộc các phường 2, 3, 8, TP Mỹ Tho). Từ đó, Mỹ Tho trở thành trung tâm chánh trị, kinh tế và văn hóa của cả một vùng, mà ngày nay là tỉnh Tiền Giang. Có nhiều làng xã được thành lập xung quanh Mỹ Tho: Thái Trấn lập làng An Hoà (sau đổi là Thạnh Trị), Nguyễn Văn Trước lập làng Điều Hòa,…

Tiếp theo, năm 1792, cũng ngay tại lỵ sở của dinh Trấn Định, thành Mỹ Tho được dựng lên. Lúc bấy giờ, cả Nam bộ chỉ có hai thành được xây dựng với quy mô lớn là thành Mỹ Tho và thành Gia Định. Thành Mỹ Tho do Trần Văn Học vẽ kiểu theo phương pháp đồ họa phương Tây, có tham khảo kiểu thành Vô băng (Vauban) của Pháp. Khi hoàn tất việc xây dựng, đích thân chúa Nguyễn Phúc Ánh đã đến dự lễ khánh thành.

Theo *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, thành dinh Trấn Định *“được đắp bằng đất, có dạng hình vuông, chu vi 998 tầm (2.430,13 m[[14]](#footnote-14)), có mở hai cái cửa ở phía tả và phía hữu, nơi cửa có cầu treo bắc ngang hào, hào rộng 8 tầm (19,48 m), sâu 1 tầm (2,435 m), bốn mùa nước ngọt có nhiều tôm cá, dưới cầu có dòng nhỏ để thông với sông lớn Mỹ Tho, ngoài hào có đắp lũy đất, có cạnh góc lồi lõm như hình hoa mai, chân lũy mặt tiền ra 30 tầm (73,05 m) thì đến sông lớn. Trong đồn có kho gạo, kho thuốc súng, trại quân và súng lớn, tích trữ đầy đủ, nghiêm túc, mặt sông rộng lớn. Năm Giáp Dần 1794 trên đồn có đặt súng lớn...”*.

Theo quyển *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn thì *“tháng giêng năm Nhâm Tý (1792), vua (tức Nguyễn Phúc Ánh) sai đắp thành Mỹ Tho. Thành được đắp bằng đất, góc thành có dạng như hoa mai, chu vi 499 trượng (khoảng 2.430,13 m[[15]](#footnote-15)), phát quan quân các dinh đến ứng dịch, vua ngự đến xem”*.

Còn quyển *Đại Nam nhất thống chí* (*phần tỉnh Định Tường*) của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: *“Bảo cũ Mỹ Tho (tức thành dinh Trấn Định) ở địa phận huyện Kiến Hòa, cách lỵ sở tỉnh Định Tường chừng một dặm về phía Đông. Chu vi chừng 4 dặm, mở hai cửa tả hữu. Hào rộng 4 trượng, ngoài cửa có bắc cầu treo. Ngoài cửa hào có dạy đắp bằng đất có góc như hình con hổ. Bảo được dựng từ năm Nhâm Tý (1792) đầu đời trung hưng*”.

Vị trí của thành dinh Trấn Định phỏng đoán nằm lọt khung giữa các con đường Đinh Bộ Lĩnh (nam) - Nguyễn Huỳnh Đức (tây) - Học Lạc (bắc) - Thái Sanh Hạnh (đông) thuộc phường 8, phường 9, TP Mỹ Tho hiện nay. Thành có hai cửa: cửa tả, phỏng đoán tại ngã ba đường Học Lạc - Nguyễn Văn Nguyễn; cửa hữu, phỏng đoán tại ngã ba đường Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Văn Nguyễn.

Như vậy, đến cuối thế kỷ XVIII, do đã có phố chợ buôn bán náo nhiệt; đã có hệ thống hành chánh hoàn chỉnh và đã có ngôi thành kiên cố với đội quân thường trực bảo vệ thì Mỹ Tho đã trở thành một đô thị đích thực.

Năm 1808, dưới đời vua Gia Long, trấn Định Tường được thành lập; và lỵ sở của trấn vẫn được đặt tại thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho. Năm 1826, do yêu cầu phát triển của đô thị Mỹ Tho, vua Minh Mạng cho dời lỵ sở của trấn Định Tường từ thôn Mỹ Chánh - chợ Mỹ Tho sang địa điểm mới tại hai thôn Điều Hòa và Bình Tạo (nay thuộc các phường 1, 4, 7, TP Mỹ Tho). Theo đó, thành Định Tường được dựng lên. Thành này do Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt trực tiếp chỉ huy khoảng 11.000 nhân công xây dựng. Theo quyển Đại Nam nhất thống chí, thành Định Tường được đắp bằng đất, hình vuông, chu vi 320 trượng (khoảng 2.000 m), cao 9 thước 5 tấc (khoảng 4,5 m), mở 4 cửa, hào rộng 8 trượng (khoảng 3 m), sâu 6 thước 5 tấc (khoảng 3 m). Trong quyển Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ năm 1861, **Léopold Pallu mô tả ngôi thành như sau: “**Thành Mỹ Tho xây theo lối châu Âu. Thành vuông vức, có ụ làm pháo đài. Hào chung quanh rộng có nước, tường thành cao và rất dày. Xung quanh thành là đầm lầy. Khí giới của thành có đại pháo nòng lớn. Thành kiểm soát hết sông Tiền Giang và các đường thuỷ đổ vào sông này”. Phỏng đoán ngôi thành này nằm lọt khung trong các con đường 30 tháng 4 (phía nam), Lê Đại Hành (phía bắc), Lê Lợi (phía đông), Nam Kỳ Khởi Nghĩa (phía tây) hiện nay.

Năm 1832, dưới đời vua Minh Mạng, trấn Định Tường được đổi thành tỉnh Định Tường, lỵ sở vẫn được đặt tại hai thôn Điều Hòa và Bình Tạo. Tại đây, ngoài việc xây dựng tỉnh thành và trường học của tỉnh (1826), chính quyền nhà Nguyễn còn tiến hành xây dựng các công trình khác nhằm phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế và văn hóa, như đàn Tiên nông thờ thần Nông (1832), đàn Xã tắc thờ thần Đất nước (1833), chợ, cửa quan thu thuế (1835), miếu Thành hoàng (1848),…

Về kinh tế, Mỹ Tho vẫn là một đô thị lớn về thương mãi ở Nam Kỳ. Trong quyển  Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ năm 1861, **Léopold Pallu** viết: “Sài Gòn là trung tâm quân sự, Mỹ Tho là trung tâm thương mãi. Các ghe thuyền của người Nhật Bản, người Trung Hoa, người An Nam, người Xiêm (Thái Lan) có đáy cạn dễ di chuyển trên sông gần nơi sản xuất gạo, khiến cho Mỹ Tho trở thành trung tâm buôn bán lớn nhất của Nam kỳ, trước khi người Âu đến ...Mỹ tho còn là vựa thóc lại vừa là thị trường lúa gạo quan trọng của cả An Nam… Mỹ Tho là một vùng có nhà cửa rộng lớn, lợp bằng là dừa nước theo tập quán. Nhưng dọc theo bờ kinh Bưu Điện (Arroyo de la Poste hay kinh Bảo Định), nhà cửa thanh nhã hơn nhiều, mái lợp ngói giữa những vườn dừa, vườn cau, tất cả có vẻ trang nhã, phong lưu, đôi khi giàu có. Có thể so sánh với cảnh phồn hoa đô hội của Chợ Quán và kinh Tàu Hủ ở Sài Gòn...”.

Dưới thời thực dân Pháp thống trị, năm 1867, vùng đất Mỹ Tho ngày nay thuộc hạt Thanh tra Mỹ Tho; năm 1871, thuộc hạt Tham biện Mỹ Tho; năm 1876, thuộc Trung tâm hành chính Mỹ Tho, Tiểu khu hành chính Mỹ Tho[[16]](#footnote-16), Khu vực hành chính Mỹ Tho[[17]](#footnote-17).

Năm 1900, tỉnh Mỹ Tho được thành lập, tỉnh lỵ đặt tại Mỹ Tho

Năm 1912, chính quyền thực dân Pháp chia tỉnh lỵ Mỹ Tho ra hai vùng: Vùng 1 thị tứ có 2 đại lý (délégation), Vùng 2 có hai làng Điều Hòa và Bình Tạo. Năm 1933, mở rộng ranh giới tỉnh lỵ Mỹ Tho về phía tây, lấy thêm phần đất các làng Thạnh Trị, Đạo Ngạn và Bình Tạo.

Năm 1938, tỉnh lỵ Mỹ Tho được công nhận là thị xã hỗn hợp (còn gọi là Hiệp xã). Năm 1942, Hiệp xã Mỹ Tho có 4 khu hành chính:

- Khu hành chính 1: tương ứng các Phường 1 và 7 hiện nay.

- Khu hành chính 2: tương ứng các Phường 2, 3 và 8 hiện nay.

- Khu hành chính 3: tương ứng Phường 4 và một phần Phường 6 hiện nay.

- Khu hành chánh 4: tương ứng Phường 5 và một phần Phường 6 hiện nay.

Từ năm 1945 - 1954, chính quyền Cách mạng thành lập thị xã Mỹ Tho trực thuộc tỉnh Mỹ Tho. Địa bàn thị xã Mỹ Tho khi đó, ngoài 4 khu hành chính, còn bao gồm luôn ba xã vùng ven: Trung An, Đạo Thạnh, Tân Mỹ Chánh

Từ năm 1954 - 1975, về phía chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đổi tên tỉnh Mỹ Tho thành tỉnh Định Tường; giải thể thị xã Mỹ Tho, tỉnh lỵ tỉnh Định Tường đặt tại xã Điều Hòa, quận Châu Thành; đồng thời, xã Điều Hòa cũng là quận lỵ quận Châu Thành. Năm 1960, quận Châu Thành đổi tên thành quận Long Định, đồng thời dời quận lỵ tới xã Long Định (nay là xã Long Định, huyện Châu Thành). Lúc này, về mặt hành chính, tỉnh lỵ Mỹ Tho thuộc địa bàn xã Điều Hòa, quận Long Định, tỉnh Định Tường. Năm 1964, chính quyền Sài Gòn chia quận Long Định thành quận Châu Thành và quận Long Định. Khi đó, xã Điều Hòa trở lại thuộc quận Châu Thành và tỉnh lỵ Mỹ Tho tiếp tục nằm trên địa bàn xã Điều Hòa, quận Châu Thành.

Địa bàn xã Điều Hòa khi đó bao gồm 25 ấp trực thuộc: Lạc Hồng, Võ Tánh, Ngô Quyền, Nguyễn Huệ, Trương Vĩnh Ký, Thái Lập Thành, Nguyễn Trãi, Phan Văn Trị, Trịnh Hoài Đức, Đinh Bộ Lĩnh, Mỹ Chánh, Phan Thanh Giản, Học Lạc, Đốc Binh Kiều, Nguyễn Huỳnh Đức, Mỹ Phúc, Xóm Dầu, Cộng Hòa, Quyết Tiến, Cộng Đồng, Đồng Tiến, Dân Chủ, Võ Thắng, Bình Thành, Bình Tạo.

Năm 1970, cải biến xã Điều Hòa thành thị xã Mỹ Tho, là thị xã tự trị trực thuộc chính quyền Trung ương Sài Gòn; đồng thời, kiêm tỉnh lỵ tỉnh Định Tường. Năm 1971, thị xã Mỹ Tho có 6 khu phố:

- Khu phố 1: gồm các ấp Lạc Hồng, Võ Tánh, Ngô Quyền, Nguyễn Huệ, Trương Vĩnh Ký, Thái Lập Thành, Nguyễn Trãi (tương ứng Phường 1 và Phường 7 hiện nay).

- Khu phố 2: gồm các ấp Phan Văn Trị, Trịnh Hoài Đức, Đinh Bộ Lĩnh, Mỹ Chánh (tương ứng Phường 2 hiện nay).

- Khu phố 3: gồm các ấp Phan Thanh Giản, Học Lạc, Đốc Binh Kiều, Nguyễn Huỳnh Đức, Mỹ Phúc, Xóm Dầu (tương ứng Phường 3 và Phường 8 hiện nay).

- Khu phố 4: gồm các ấp Cộng Hòa, Quyết Tiến, Cộng Đồng, Đồng Tiến, Dân Chủ (tương ứng Phường 4 hiện nay).

- Khu phố 5: gồm các ấp Chiến Thắng, Nguyễn Tri Phương (tương ứng Phường 5 hiện nay).

- Khu phố 6: gồm các ấp Bình Thành, Bình Tạo (tương ứng Phường 6 hiện nay).

Năm 1972, đổi tất cả các đơn vị khu phố thành phường; ấp thành khóm; đồng thời khóm Bình Thành thuộc Khu phố 6/Phường 6 được chia làm 3 khóm: Bình Thành, Lý Thường Kiệt, Ngô Tùng Châu.

Về phía chính quyền Cách mạng, từ năm 1954-1967, vẫn giữ tên tỉnh cũ là tỉnh Mỹ Tho và tiếp tục duy trì thị xã Mỹ Tho trực thuộc tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1967, thị xã Mỹ Tho được tách ra khỏi tỉnh Mỹ Tho, đồng thời nâng thị xã lên thành thành phố Mỹ Tho, ngang với cấp tỉnh, trực thuộc Khu 8. Lúc bấy giờ, thành phố Mỹ Tho có 4 quận:

- Quận 1: tương ứng các Phường 1 và 7 hiện nay.

- Quận 2: tương ứng các Phường 2, 3 và 8 hiện nay.

- Quận 3: tương ứng các Phường 4, 5 và 6 hiện nay.

- Quận 4: tương ứng các Phường 9, 10 và Tân Long; các xã Tân Mỹ Chánh, Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Trung An hiện nay.

Sau ngày 30/4/1975, chính quyền Cách mạng vẫn duy trì ba đơn vị hành chính cấp tỉnh ngang bằng nhau là tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho.

Năm 1976, tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho hợp nhất để thành lập tỉnh mới có tên là tỉnh Tiền Giang. Từ đó, thành phố Mỹ Tho đóng vai trò là tỉnh lỵ tỉnh Tiền Giang, được Trung ương công nhận là đô thị loại 3 trực thuộc tỉnh Tiền Giang. Thành phố Mỹ Tho khi đó gồm có 8 phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 5 xã vùng ven: Tân Long, Tân Mỹ Chánh, Đạo Thạnh, Mỹ Phong, Trung An.

Năm 2003, theo Nghị định số 154/2003/NĐ-CP của Chính phủ, thành phố Mỹ Tho có biến chuyển về hành chính như sau:

- Thành lập phường Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Tân Long.

- Thành lập Phường 9 thuộc thành phố Mỹ Tho trên cơ sở 274 ha diện tích tự nhiên và 9.270 nhân khẩu của xã Tân Mỹ Chánh.

- Thành lập Phường 10 thuộc thành phố Mỹ Tho trên cơ sở 69,32 ha diện tích tự nhiên và 3.323 nhân khẩu của xã Đạo Thạnh, 197,26 ha diện tích tự nhiên và 6.964 nhân khẩu của xã Trung An. Phường 10 có 266,58 ha diện tích tự nhiên và 10.287 nhân khẩu.

Năm 2005, thành phố Mỹ Tho được công nhận là đô thị loại 2.

Ngày 26/9/2009, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang như sau:

1. Điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho: Mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho trên cơ sở điều chỉnh 2.585,77 ha diện tích tự nhiên và 24.440 nhân khẩu của huyện Châu Thành (bao gồm toàn bộ 1.211,64 ha diện tích tự nhiên và 5.505 nhân khẩu của xã Thới Sơn; 329,90 ha diện tích tự nhiên và 4.174 nhân khẩu của xã Long An; 177,69 ha diện tích tự nhiên và 1.754 nhân khẩu của xã Thạnh Phú; 510,01 ha diện tích tự nhiên và 6.177 nhân khẩu của xã Phước Thạnh; 356,53 ha diện tích tự nhiên và 6.830 nhân khẩu của xã Bình Đức) và 709,51 ha diện tích tự nhiên và 6.917 nhân khẩu của huyện Chợ Gạo (bao gồm 502,33 ha diện tích tự nhiên và 4.986 nhân khẩu của xã Lương Hòa Lạc; 207,18 ha diện tích tự nhiên và 1.931 nhân khẩu của xã Song Bình) về thành phố Mỹ Tho quản lý. Thành phố Mỹ Tho có 8.154,08 ha diện tích tự nhiên và 204.142 nhân khẩu.

2. Điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành và huyện Chợ Gạo.

Thành lập xã Phước Thạnh thuộc thành phố Mỹ Tho trên cơ sở điều chỉnh 329,90 ha diện tích tự nhiên và 4.174 nhân khẩu của xã Long An; 177,69 ha diện tích tự nhiên và 1.754 nhân khẩu của xã Thạnh Phú; 510,01 ha diện tích tự nhiên và 6.177 nhân khẩu của xã Phước Thạnh (phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu của xã Phước Thạnh thuộc huyện Châu Thành điều chỉnh về thành phố Mỹ Tho). Xã Phước Thạnh có 1.017,60 ha diện tích tự nhiên và 12.105 nhân khẩu.

Điều chỉnh 356,53 ha diện tích tự nhiên và 6.830 nhân khẩu của xã Bình Đức (phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu điều chỉnh về thành phố Mỹ Tho) về xã Trung An thuộc thành phố Mỹ Tho quản lý;

Điều chỉnh 502,33 ha diện tích tự nhiên và 4.986 nhân khẩu của xã Lương Hòa Lạc (phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu điều chỉnh về thành phố Mỹ Tho) về xã Đạo Thạnh thuộc thành phố Mỹ Tho quản lý;

Điều chỉnh 207,18 ha diện tích tự nhiên và 1.931 nhân khẩu của xã Song Bình (phần diện tích tự nhiên và nhân khẩu điều chỉnh về thành phố Mỹ Tho) về xã Tân Mỹ Chánh thuộc thành phố Mỹ Tho quản lý;

Điều chỉnh 323,14 ha diện tích tự nhiên và 3.093 nhân khẩu còn lại của xã Phước Thạnh về xã Thạnh Phú thuộc huyện Châu Thành quản lý.

3. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo để mở rộng địa giới hành chính thành phố Mỹ Tho; điều chỉnh địa giới hành chính xã, thành lập xã thuộc thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo:

- Xã Đạo Thạnh có 1.031,47 ha diện tích tự nhiên và 12.427 nhân khẩu.

- Xã Tân Mỹ Chánh có 931,59 ha diện tích tự nhiên và 8.975 nhân khẩu.

- Xã Trung An có 1.063,03 ha diện tích tự nhiên và 14.651 nhân khẩu.

Thành phố Mỹ Tho sau khi điều chỉnh, mở rộng có diện tích tự nhiên là 8.154,08 ha, dân số 204.142 người, có 17 đơn vị hành chính phường, xã: các Phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, Tân Long và các xã: Phước Thạnh, Trung An, Thới Sơn, Đạo Thạnh, Tân Mỹ Chánh, Mỹ Phong.

Năm 2016, thành phố Mỹ Tho được công nhận là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Tiền Giang. Đó là đô thị loại 1 thứ hai của Vùng đồng bằng sông Cửu Long sau thành phố Cần Thơ và là đô thị loại 1 thứ 17 của cả nước. Năm 2017, thành phố được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị. Năm 2019, thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

**Dân số:** 229.253 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 94,96 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Thành phố Mỹ Tho là trung tâm kinh tế của tỉnh Tiền Giang, trong giai đoạn 2015-2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố ở mức cao và phát triển khá toàn diện. Năm 2020, cơ cấu kinh tế là công nghiệp (55,25%) với 01 khu công nghiệp (Mỹ Tho), 02 cụm công nghiệp (Trung An và Tân Mỹ Chánh); dịch vụ (40,10%); nông nghiệp (4,65%).

Lợi thế kinh tế của thành phố là phát triển các ngành thương mại - dịch vụ; đặc biệt phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, các ngành dịch vụ tài chính, vận tải, bưu chính viễn thông, y tế, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; các khu dân cư - đô thị mới. Hoạt động thương mại trên địa bàn ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của người dân.

**Giáo dục:**

Hệ thống giáo dục trên địa bàn được đầu tư ngày càng hoàn thiện, năm 2020, toàn thành phố có 60 trường ở tất cả các bậc học, tỷ lệ học sinh đến trường luôn được đảm bảo. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được nhân rộng. Tỷ lệ các chuẩn phổ cập giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) và xóa mù chữ tiếp tục giữ vững ở mức khá cao, trường chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 62,7%. Thành phố là địa phương có số lượng học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp toàn quốc, cấp tỉnh cao nhất tỉnh Tiền Giang.

**Y tế:**

Thành phố Mỹ Tho thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế gắn với nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, thường xuyên đầu tư nâng cấp mạng lưới y tế, trang thiết bị; nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ y, bác sĩ. Năm 2020, thành phố có 1,95 bác sĩ/vạn dân; thành phó có 01 trung tâm y tế và 17/17 trạm y tế phường, xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2012 - 2020 và có bác sĩ khám, chữa bệnh; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90%.

Trong năm 2020, Trung tâm Y tế TP. Mỹ Tho và Trạm Y tế các phường, xã đã khám bệnh cho trên 550.800 lượt bệnh nhân, đạt tỷ lệ 183,6% so kế hoạch năm. Trung tâm Y tế thành phố còn điều trị nội trú cho 1.259 lượt bệnh nhân, đạt 44,9% so với kế hoạch. Đặc biệt, để bệnh nhân được thuận lợi trong việc sắp xếp thời gian khám bệnh, Trung tâm Y tế thành phố đã bố trí cho bệnh nhân bắt số đăng ký khám, chữa bệnh từ lúc 4 giờ 30 sáng mỗi ngày. Bên cạnh đó, Trung tâm Y tế thành phố còn duy trì việc khám, chữa bệnh ngoài giờ và triển khai thêm khám chuyên khoa đái tháo đường vào sáng ngày thứ Bảy hàng tuần; hàng quý đều tiến hành khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân.

**Giao thông:**

Thành phố Mỹ Tho có sông Tiền và Quốc lộ 1 chạy qua, có Quốc lộ 50 đi về các địa phương thuộc khu vực Gò Công và Đường tỉnh 864 chạy dọc sông Tiền lên Cai Lậy, Cái Bè. Có Quốc lộ 60 và cầu Rạch Miễu nối thành phố Mỹ Tho với tỉnh Bến Tre. Từ thành phố Mỹ Tho có thể dễ dàng đi bằng đường thủy hay bằng đường bộ lên thành phố Hồ Chí Minh hoặc xuống các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long hay ra Biển Đông, hoặc đến Phnông pênh (Campuchia).

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội của thành phố được đầu tư tương đối đồng bộ theo quy hoạch; các công trình trọng điểm như đường và kè Sông Tiền đoạn Phường 1, Phường 4, Phường 6, đoạn Phường 2, kè chống sạt lở ở cồn Tân Long, sông Bảo Định và các công trình giao thông, các trung tâm hành chính phường, xã, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa.

Tất cả các tuyến đường giao thông ở thành phố đều được trải nhựa, bê tông. Đặc biệt, thành phố là đã cải tạo, nâng cấp hầu hết các hẽm ở các khu dân cư theo Dự án nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long – Tiểu dự án thành phố Mỹ Tho... góp phần cho thành phố Mỹ Tho càng thêm khởi sắc và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân thành phố không ngừng được nâng cao.

**Văn hóa:**

Thành phố Mỹ Tho đã được công nhận đạt chuẩn văn minh đô thị vào năm 2017, được công nhận hoàn thành nông thôn mới vào năm 2020.

**Mỹ Tho - thành phố Anh hùng**

Song song với quá trình khai mở đất đai, nhân dân Mỹ Tho luôn phải đối phó với giặc ngoại xâm. Năm 1705, quân Cao Miên thường kéo đến quấy phá, cướp bóc. Chúa Nguyễn sai Nguyễn Cửu Vân đắp lũy và đào kinh Bảo Định để  chận đánh địch khiến bọn chúng phải đại bại rút quân về nước. Năm 1785, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, nghĩa quân Tây Sơn và nhân dân Mỹ Tho đã đánh bại quân Xiêm xâm lược tại đoạn sông Tiền từ Rạch Gầm đến rạch Xoài Mút. Viết về sự kiện này, sử triều Nguyễn ghi:“Kể từ sau trận Giáp Thìn, người Xiêm sợ quân Tây Sơn như sợ cọp”. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Mỹ Tho đã cùng với nghĩa quân Tây Sơn đánh bại sự xâm lược hung hãn của bọn phong kiến Xiêm, giữ vững nền độc lập dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ thành quả khai hoang của nhân dân Nam bộ.

Dưới thời thuộc Pháp (1861 – 1954) và dưới thời chính quyền Sài Gòn (1954 – 1975), mặc dù trải qua nhiều lần thay đổi địa giới hành chính và tên gọi, nhưng Mỹ Tho vẫn luôn là tỉnh lỵ. Đối với khu vực, Mỹ Tho là trung tâm của vùng Trung Nam bộ, là đầu mối giao thông thuỷ - bộ nối liền Sài Gòn với các tỉnh miền Tây. Đối với nội tỉnh, Mỹ Tho là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của địa bàn toàn tỉnh. Điều đó đã tạo cho Mỹ Tho có vị trí chiến lược quân sự hết sức quan trọng. Vì thế, cả thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã chọn đặt ở tại Mỹ Tho các cơ quan đầu não của bọn chúng. Thành phố Mỹ Tho từ đó trở thành chiến trường trọng điểm, là nơi diễn ra các cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt giữa ta và địch trong suốt thời kỳ tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc.

Có một điều chắc chắn là các phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân thành phố Mỹ Tho chống đế quốc xâm lược đã liên tục nổ ra và nối kết lại thành dòng chảy xuyên suốt chiều dài lịch sử đấu tranh của nhân dân thành phố. Cuộc khởi nghĩa của thủ khoa Nguyễn Hữu Huân và các phong trào Cần Vương, Hội kín, Minh Tân bùng nổ trong nửa sau thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX đều bắt đầu từ Mỹ Tho; và từ đó, lan tỏa đến các địa phương khác trong tỉnh.

Vào những năm 30 của thế kỷ XX, Mỹ Tho vẫn là trung tâm của phong trào yêu nước và cách mạng trong toàn tỉnh. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930) thì chỉ sau đó 2 tháng (tháng 4/1930) tại thành phố, một số chi bộ Đảng cũng được thành lập, như chi bộ Hãng Xáng, chi bộ Cô le đờ Mỹ Tho (Collège de Mytho - Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu hiện nay), chi bộ Xóm Dầu (Phường 3), chi bộ Hóc Đùn (xã Đạo Thạnh),…

Từ năm 1930 đến năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Mỹ Tho đã tích cực tham gia phong trào cách mạng, trải qua nhiều hy sinh, gian khổ, cùng với nhân cả nước liên tiếp giành những thắng lợi rực rỡ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Với những thành tích oanh liệt trong công cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, thành phố Mỹ Tho đã được Đảng và Nhà nước ta phong tặng danh hiệu cao quý: thành phố Anh hùng. Mỹ Tho có cái đẹp trong sự oai hùng, lẫm liệt.

**Mỹ Tho - cái nôi của nghệ thuật cải lương**

Vào đầu thế kỷ XX, ở tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) đã xuất hiện một số ban đờn ca tài tử. Tiêu biểu là Ban đờn ca tài tử Nguyễn Tống Triều (Tư Triều). Năm 1906, Ban đã được mời sang nước Pháp trình diễn tại cuộc đấu xảo được tổ chức ở thành phố cảng Mạc xây (Marseille).

Khi sang Pháp trình diễn, Ban đờn ca tài tử có 16 người gồm một người phụ trách, tám tài tử nam, năm tài tử nữ và hai em nhỏ. Nhạc cụ gồm bảy đờn tranh, một đờn kìm, một đờn đoản, một đờn cò, một đờn bầu, một đờn tì bà, một đờn tam, một thanh la và một trống cái. Ban Tư Triều đi Pháp biểu diễn với các nhạc sĩ chính gồm: Tư Triều đờn kìm, Chín Hoán đờn độc huyền, Bảy Võ đờn cò, cô Hai Nhiễu (con ông Tư Triều) đờn tranh, còn cô Ba Đắc là tài tử ca. Điểm đặc biệt của ban nhạc tài tử Tư Triều trong thời gian ở Pháp là được nhà tổ chức đưa lên sân khấu biểu diễn cho khán giả xem chứ không phải ngồi dưới sân khấu đờn hát cho khán giả nghe như ở Việt Nam.

Sau khi về nước, nghệ nhân Tư Triều sáng tạo ra một loại hình diễn xướng mới là ca ra bộ với nghĩa là diễn viên vừa ca vừa ra điệu bộ phù hợp với lời ca. Theo nhiều nhà nghiên cứu nghệ thuật, ca ra bộ là tiền thân của nghệ thuật cải lương. Từ đó, Ban đờn ca tài tử Tư Triều trở thành Ba ca ra bộ Tư Triều, được mời đi biểu diễn khắp nơi ở Nam Bộ, nhất là Sài Gòn và Mỹ Tho.

Về nghệ thuật cải lương, phải nói đến gánh hát thầy Năm Tú (Châu Văn Tú hay Pierre Tú) được thành lập năm 1918. Đây là gánh cải lương chuyên nghiệp đầu tiên ở Việt Nam. Ngay tại chợ Mỹ Tho, ông Năm Tú cho xây dựng một rạp hát với đầy đủ phương tiện, trang thiết bị nhằm phục vụ cho những buổi biểu diễn chuyên nghiệp của gánh hát do mình làm chủ. Rạp hát này có tên là rạp hát Thầy Năm Tú và đây là rạp hát cải lương đầu tiên ở nước ta. Và tối 15/3/1918, cũng chính tại rạp hát này, công chúng lục tỉnh Nam kỳ đã được xem vở cải lương đầu tiên là vở Kim Vân Kiều (có tài liệu viết vở Lục Vân Tiên) do ông Trương Duy Toản viết kịch bản.

Đồng thời, với tư duy nhạy bén của một người kinh doanh trong lĩnh vực nghệ thuật, ông Năm Tú còn sản xuất đĩa hát cải lương và đây là những đĩa hát cải lương đầu tiên ở Việt Nam.

Sau khi rạp hát cải lương ra đời và nghệ thuật cải lương được công chúng đón nhận nồng nhiệt, thầy Năm Tú đã nghĩ ra cách khuếch trương tên tuổi rạp hát, đồng thời quảng bá cải lương để bộ môn nghệ thuật này tiến xa hơn.

Khi đại diện hãng đĩa hát Pathé Phono của người Pháp đến rạp thầy Năm Tú xem cải lương, họ đã hài lòng trước cách tổ chức biểu diễn của ông. Chủ hãng đĩa đã đồng ý ký hợp đồng với thầy Năm Tú sản xuất đĩa hát cải lương. Lúc đó, để có thể cho dân chúng nghe đĩa một cách phổ biến, ông liên kết với các chủ sản xuất máy hát đĩa.

Để phân biệt với máy hát của Pháp, ông cho in nhãn hiệu con chó trên máy, còn trên đĩa hát thì in hình con gà trống đỏ. Đây là loại đĩa hát tiếng Hoa và Việt. Dành cho người Hoa nghe thì ông làm đĩa nhạc Hoa hoặc hòa tấu, còn loại tiếng Việt ưu tiên cho cải lương. Do đĩa có dung lượng thấp nên mỗi tuồng cải lương phải in từ 6 đến 12 đĩa. Nghe thì phải canh hết đĩa rồi lại thay.

# Với đĩa hát con gà trống đỏ, ông thu âm gần như đầy đủ những tuồng tích của gánh hát. Ông đã có công gắn liền tên gánh hát của mình vào đĩa hát Pathé Phono và đã phổ biến lối hát cải lương đến những nơi hẻo lánh. Ông tạo điều kiện cho những đào, kép giỏi có chỗ thể hiện tài nghệ và gầy dựng tên tuổi. Đĩa hát “Con gà trống đỏ” nào cũng khởi sự bằng câu “Alô! Bạn hát cải lương của thầy Năm Tú tại Mỹ Tho, ca cho hãng Pathé Phono nghe chơi”. Nhờ được thu âm với chất giọng mùi mẫn của cô Tư Sạng, cô Năm Cần Thơ mà các bà, các cô thính giả mê mẩn, mủi lòng. Thế là máy hát và đĩa hát bán chạy như tôm tươi. Sau mùa lúa thời đó, bà con đem tiền đến mua về để ngày Tết quây quần bên trà, bánh mà nghe đĩa hát “Con gà trống đỏ” (Theo “Con gà trống đỏ” của thầy Năm Tú” của nhà báo Thanh Hiệp đăng trên báo Người Lao Động, số ra ngày 31/01/2017).

Việc làm này của ông Năm Tú, ngoài mục đích tăng doanh thu, còn nhằm phổ biến nghệ thuật cải lương ra cả nước. Ngoài ra, trong những năm 20 của thế kỷ XX, ở Mỹ Tho còn có nhiều gánh cải lương nổi tiếng khác nữa, như Nam Đồng Ban, Tái Đồng Ban, Đồng Bào Nam, Huỳnh Kỳ,…

Từ trong cái nôi của nghệ thuật đờn ca tài tử - ca ra bộ - cải lương, ở Mỹ Tho đã sản sinh ra những tài danh cải lương tiền bối, như cố đệ nhất tài hoa cải lương Năm Phỉ (Lê Thị Phỉ), cố Nghệ sĩ nhân dân (NSND) Năm Châu (Nguyễn Thành Châu), cố NSND Tư Trang (Trần Hữu Trang), cố NSND Bảy Nam (Lê Thị Nam, em của cố nghệ sĩ Năm Phỉ), cố NSND Phùng Há (Trương Phụng Hảo),…

Mỹ Tho – Tiền Giang xứng danh là cái nôi của nghệ thuật đờn ca tài tử, ca ra bộ và cải lương.

**Mỹ Tho - nhìn từ góc độ thơ văn và môi trường sinh thái**

Từ lâu, Mỹ Tho đã đi vào ca dao và thi ca với vẻ đẹp đằm thắm, nền nã và thơ mộng. Đó là lời của cô gái Mỹ Tho dịu dàng, chung thủy khi động viên tinh thần dân tộc, yêu nước đối với người yêu:

Đèn Sài Gòn, ngọn xanh, ngọn đỏ,

Đèn Mỹ Tho, ngọn tỏ, ngọn lu.

Anh về học lấy chữ Nhu,

Chín trăng em đợi, mười thu em chờ.

(Ca dao)

Đó cũng là cô gái Mỹ Tho có sắc đẹp rạng ngời, nhưng anh dũng tuyệt vời trong công cuộc chống ngoại xâm:

Gái Mỹ Tho mày tằm, mắt phụng

Giặc đến nhà chẳng vụng huơ đao.

(Ca dao)

Về thi ca, lần đầu tiên, địa danh Mỹ Tho đã được xuất hiện ở bài thơ “Mỹ Tho dạ vũ” trong bộ “Cấn Trai thi tập” của Trịnh Hoài Đức (1765-1825), một đại trọng thần của nhà Nguyễn dưới hai triều vua Gia Long và Minh Mạng:

Mỹ Tho dạ vũ

Trạc anh xướng bãi nguyệt trầm tê (tây),

Tiêu tích Tho giang vũ chính thê.

Hòe thị trào đôi du giáp quán,

Tông kiềuvân ủng thạch ngưu nê.

Quang hàn liễu phố ngư thuyền hỏa,

Thanh thấp mai thành thú trại bề.

Vạn khoảnh minh triêu trình hợp dĩnh,

Tang lâm vô sự đảo kiền tê.

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

Mưa đêm ở Mỹ Tho

Khúc “giặt dải mũ” hát xong,

Nhìn ra trăng đã lặn vùng trời tây.

Chợ Hòe triều mới dâng đầy,

Quả du dồn đống phơi bày đường trơ.

Cầu Tông mây phủ mịt mờ,

Che hình trâu đá sau mưa lấm bùn.

Lửa thuyền chài bến liễu vờn,

Thành mai vọng gác trống dồn tong tong.

Sáng nom lúa trỗ đòng đòng,

Cần chi cầu đảo nhọc lòng rừng Tang.

Nhà thơ Học Lạc đã mô tả vẻ đẹp và sự sự sung thịnh của Mỹ Tho vào đầu thế kỷ XX trong bài thơ “Tức cảnh Mỹ Tho”; và lúc ấy, Mỹ Tho chỉ kém Sài Gòn mà thôi:

*Trên Sài Gòn dưới Mỹ Tho,*

*Đâu đâu phong cảnh cũng nhường cho.*

*Lớn ròng chung rạch, chia đôi ngả,*

*Cũ mới phân nhau cũng một đò.*

*Phố cất vẽ vời xanh tựa lục,*

*Buồm dong lên xuống trắng như cò.*

*Đắc tình trạo tử nên mưa nắng,*

*Dắn dỏi đua nhau tiếng hát hò.*

Nhà thơ nổi tiếng Xuân Diệu, năm 1940, khi đến Mỹ Tho làm việcđã có những vần thơ tuyệt tác về dòng sông Tiền giao hòa với dòng Bảo Định, tạo nên một khung cảnh trời mây, cây trái, sông nước hữu tình:

Mỹ Tho bóng mát đường cây,

Nước sông Bảo Định dồn mây với thuyền.

Cầu Quay phố xá hai bên,

Ta không buôn bán, chỉ ghiền văn thơ.

Nước sông mát rượi hồn thanh,

Con phà Rạch Miễu chạy quanh đảo Rồng.

 Năm 1976, nhà thơ Nông Quốc Chấn đến thăm Mỹ Tho và đã cảm nhận tình đất, tình người ở đây. Đó là sự hồn hậu, nồng ấm, phóng khoáng, thủy chung, bất khuất  và kiên cường:

Mời bạn ghé nhà tôi quê Mỹ Tho,

Ngã ba rẽ trái một đường to.

Dừa đang độ ngọt, xoài đang chín,

Đất của những người yêu tự do.

Trong thành phố có con rạch quan trọng là Bảo Định chia thành phố Mỹ Tho thành 2 khu vực tả ngạn và hữu ngạn. Đặc điểm nổi bật trong cảnh quan địa lý là vườn cây ăn trái ở các xã thuộc thành phố Mỹ Tho. Vườn đã tạo thành vành đai xanh của thành phố, bao bọc khu nội ô, tạo nên địa hình khá đặc biệt. Trong nội ô có hai giếng nước, nguyên là hào thành của thành Mỹ Tho xưa, được đào năm 1927, hiện là công viên Tết Mậu Thân, nơi điều hòa nhiệt độ và là lá phổi của thành phố. Cảnh quan thành phố càng nên thơ hơn với sự tiếp nối đan xen giữa phố phường, vườn cây, đồng ruộng, sông nước,…

Ở Mỹ Tho, vẻ đẹp từ thiên nhiên ban tặng gắn kết hài hòa với vẻ đẹp cổ kính của những công trình kiến trúc độc đáo, như chùa Vĩnh Tràng (xã Mỹ Phong), chùa Bửu Lâm (Phường 3), chùa Ông (Phường 8, phía sau Chợ Cũ), tòa nhà làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh (Công quán), tòa nhà Bảo tàng tỉnh, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu (Collège de Mytho),… Vẻ đẹp của Mỹ Tho còn được tôn thêm bởi những công viên rợp bóng cây xanh mát, như công viên Lạc Hồng, công viênTết Mậu Thân, công viên cầu Rạch Miễu,…

**Mỹ Tho - Vùng đất học**

Mỹ Tho còn là “đất học”, người dân Mỹ Tho có truyền thống hiếu học, nhiều người đỗ đạt, thành tài, nhiều sĩ phu yêu nước đã phục vụ quên mình cho đất nước nói chung và cho Mỹ Tho nói riêng, như Hàn lâm viện thị độc học sĩ Đinh Văn Như, Tổng đốc Bắc Ninh - Thái Nguyên Đinh Văn Lạc, Bộ Hộ Tả thị lang Ngô Phúc Hội, Tuần phủ Hưng Yên - Tiến sĩ Đinh Văn Minh, Bố chánh – Cử nhân Lương Quốc Quang (thời nhà Nguyễn),...

Collège de Mytho được thành lập năm 1879; đây là một trong những trường trung học theo giáo dục phương Tây được thành lập đầu tiên ở Việt Nam. Tuy trường do người Pháp thành lập; nhưng tuyệt đại đa số học sinh của trường với tinh thần dân tộc sâu đậm đã tích cực tham gia các phong trào yêu nước và cách mạng; trong đó có những trí thức nổi tiếng có những đóng góp quan trọng cho đất nước, xứng đáng với truyền thống cao quý của trường: Cách mạng – Dạy giỏi – Học giỏi. Ở đây, vẻ đẹp văn hóa của người trí thức nhập hòa với vẻ đẹp anh hùng cách mạng của người chiến sĩ cộng sản kiên cường.

**Mỹ Tho - Vang danh một đặc sản**

Đó là hủ tiếu Mỹ Tho. Đây là món ăn truyền thống, nổi tiếng cả nước và trên thế giới.

Điều đặc biệt là, sợi bánh hủ tiếu Mỹ Tho được làm từ gạo Gò Cát, thuộc phía đông bắc ngoại thành TP Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong và Phường 9). Loại gạo này cho sợi hủ tiếu trong, giòn và dai hơn các loại hủ tiếu khác, nhưng lại không quá dai như miến (bún Tàu).

Sở dĩ hủ tiếu Mỹ Tho ngon nổi tiếng là do bánh hủ tiếu được làm bằng bột gạo, không pha bột mì, bột lọc; sợi hủ tiếu trong, dai, không mặn, không chua, có mùi thơm của gạo. Nước lèo có vai trò làm “nền” cho sợi hủ tiếu Mĩ Tho phát huy sức hấp dẫn. Nước lèo của hủ tiếu Mỹ Tho có vị ngọt đậm đà do được ninh với xương tuỷ heo, giò heo và khô mực nướng cùng với củ cải, lại thêm củ hành phi mỡ heo và hành lá xắt nhuyễn chấy mỡ, giúp tô hủ tiếu béo ngậy và thơm lừng.

Tô hủ tiếu Mỹ Tho là cả một sự tổng hợp: vừa có chất bột của sợi hủ tiếu, vừa có thịt, tôm, trứng, rau; vừa có vị ngọt của xương và thịt, vị chua của chanh, vị cay của ớt; vừa có màu trắng đục của sợi hủ tiếu, màu trắng sáng của giá, màu xanh của hành lá, màu vàng của nhân trứng cút, màu đỏ của tôm và ớt; mùi thơm của củ hành phi, hành lá, rau cần tàu…

Năm 2009, hủ tiếu Mỹ Tho của Tổ hợp tác sản xuất hủ tiếu Mỹ Tho (ấp Hội Gia, xã Mỹ Phong, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) được Trung tâm Thương hiệu Việt, thuộc Hội liên hiệp Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, cấp giấy chứng nhận “Thương hiệu Việt”. Tháng 3/2014, Tổ chức Kỷ lục châu Á đã trao cúp vinh danh và chứng nhận “Hủ tiếu Mỹ Tho là món ăn đạt giá trị ẩm thực châu Á năm 2013”.

**Du lịch:**

Thành phố luôn định hướng bảo tồn các di tích cổ xưa gắn với khai thác các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể để thành phố phát triển một cách toàn diện, văn minh theo hướng bền vững, hiện đại.

Thành phố có các địa điểm tham quan du lịch nổi tiếng: chùa Vĩnh Tràng, chùa Bửu Lâm, chùa Linh Phước, đình Điều Hòa, trại rắn Đồng Tâm, Bảo tàng Tiền Giang, cù lao Thới Sơn, Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, Nhà Bạch công tử. Giếng Nước, Bờ Kè Sông Tiền, Quảng Trường Mỹ Tho,... Thật là:

Mỹ Tho cảnh đẹp người xinh,

Quyện lòng du khách gợi tình nước non.

Mỹ Tho đã và đang phát triển đa dạng nhiều loại hình du lịch theo tour liên kết và du lịch miệt vườn với nhiều chương trình tour đa dạng và mở rộng liên với Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ. Nhiều khu vui chơi du lịch trung tâm như: chùa Vĩnh Tràng, Trại rắn Đồng Tâm, khu vui chơi tổng hợp và du lịch miệt vườn sông nước Cửu Long Cù Lao Thới Sơn với các cồn: Cồn Long, cồn Lân, cồn Quy, cồn Phụng hợp thành vùng đất tứ linh vô cùng độc đáo mà du khách không thể không ghé qua. Ngoài ra, du khách còn có thể đón tàu ở bến Lạc Hồng để tham quan các cù lao miền sông nước, ăn trái cây, thăm trại làm mật ong, nghe đờn ca tài tử,...

**Thể thao:**

Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tiếp tục phát triển, số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 54% và số hộ gia đình luyện tập thể dục thể thao đạt tỷ lệ 39%.

Thành phố có trung tâm thể dục thể thao khá hiện đại, có những huấn luyện viên (HLV) nổi tiếng: HLV Cổ Hoàng Tuấn (bóng đá), HLV Nguyễn Tấn Cường (quần vợt), HLV Trần Đoàn (võ thuật), HLV Trần Thị Phương (thể dục thẩm mỹ),…; là địa phương cung cấp số lượng vận động viên các môn thể thao nhiều nhất cho tỉnh; có các đội tuyển bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bóng rỗ, bóng bàn, quần vợt, cờ tướng, cờ vua, võ thuật,… và nhiều câu lạc bộ võ thuật, dưỡng sinh, Yoga, cờ tướng, cờ vua,…

**Tổng số liệt sĩ:** 2.562 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 433 Bà mẹ.

**2.** **Xã Đạo Thạnh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

道 Đạo: Đạo lý, đạo nghĩa

盛 Thịnh (Thạnh): : Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

社 Xã: Đơn vị hành chính dưới tỉnh, phủ, huyện, tổng; trên thôn

道盛社: Đạo Thạnh (Thịnh) Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Đạo Thạnh nằm về phía Bắc thành phố Mỹ Tho; phía Đông giáp xã Mỹ Phong; phía Tây giáp xã Long An (huyện Châu Thành); phía Nam giáp Phường 10, Phường 7; phía Bắc giáp xã Lương Hòa Lạc (huyện Chợ Gạo).

**Diện tích tự nhiên:** 1.031,47 ha.

**Hành chính:**

Xã Đạo Thạnh có 08 ấp: Ấp 1, Ấp 2, Ấp 3A, Ấp 3B, Ấp 4, Ấp 5, ấp Long Hòa A và ấp Long Hòa B.

**Lịch sử hình thành:**

Vào năm 1808, đời vua Gia Long, có 2 thôn Đạo Ngạn và An Hòa thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Ngày 07-7-1877, làng[[18]](#footnote-18) An Hòa đổi thành Thạnh Trị, thuộc tổng Hưng Trị. Đến ngày 24-11-1932, làng Đạo Ngạn và làng Thạnh Trị nhập lại lấy tên là Đạo Thạnh, thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Đạo Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt làng Đạo Thạnh thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Đạo Thạnh thuộc thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Đạo Thạnh thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, xã Đạo Thạnh thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 21.029 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 60 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Xã phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, nhiều hộ dân chuyển sang mô hình chuyên canh như rau màu, cây ăn trái, hoa kiểng,… đạt hiệu quả cao.

Năm 2020, xã có 127 doanh nghiệp và 992 hộ sản xuất cá thể, quy mô vừa và nhỏ như may gia công, cơ khí, sản xuất thực phẩm và hàng tiêu dùng,…

Hoạt động thương mại – dịch vụ với nhiều hình thức kinh doanh đa dạng, đáp ứng nhu cầu lưu thông và phân phối hàng hóa đến người tiêu dùng.

**Giáo dục:**

Xã có 02 trường: Trường mầm non Đạo Thạnh (đạt chuẩn Quốc gia), Trường tiểu học Đạo Thạnh (đạt chuẩn Quốc gia). Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 01 điểm trường là cơ sở 2 Trường trung học cơ sở Lê Ngọc Hân.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Quốc lộ 1

Đường xã: Có 03 tuyến với chiều dài 2,781 km, được trải nhựa và bê tông đạt 100%.

Đường ấp: Có 17 tuyến với chiều dài 6,432 km, được trải bê tông đạt 88%.

Đường dân sinh:Có 133 tuyến với chiều dài 53,774 km, được trải bê tông đạt 83%; còn lại đảm bảo 100% không lầy lội vào mùa mưa.

Đường thủy có kênh/kinh Bảo Định xuyên qua chính giữa xã dài 3,2km; từ xã có thể xuôi ra sông Tiền để đi các nơi và đi ngược về sông Vàm Cỏ - thành phố Tân An (tỉnh Long An). Bên cạnh con kinh chính, xã còn có các con rạch nhỏ như rạch Cầu Bần 2km, rạch Bà Đắc 1,7km, rạch Dự Bị 1,6km. Nối liền 2 bờ kinh rạch là những cây cầu như cầu Hùng Vương, Thạnh Trị, Đạo Thạnh được xây dựng khá kiên cố; cầu Công Dân được xây dứng bán kiên cố; cầu cống ngăn mặn Bảo Định (công trình quốc gia), cống Quốc lộ 50, cống rạch Bà Đắc và bến đò Trần Minh Ký. Hệ thống kinh rạch, cầu cống của xã vừa phục vụ cho việc đi lại và giao lưu hàng hóa, vừa góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội cho địa phương.

**Văn hóa:**

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và 08 Nhà văn hóa ấp.

Tất cả 08 ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 96% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa. Xã có các câu lạc bộ Hát với nhau, câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

**Du lịch:**

Trên địa bàn xã có khu di tích Bia lưu niệm Thành ủy, Bia lưu niệm Thành đội hằng năm được người dân trong và ngoài địa phương đến tham quan. Các sơ sở thờ tự lớn như chùa Long Nguyên, đình Ông Quan Đế, chùa Phước Long Cổ Tự, chùa Linh Thứu, đình Thạnh Trị và đình Long Hòa, hằng năm tới ngày lễ đều thu hút được người dân trong và ngoài tỉnh đến thăm viếng.

**Thể thao:**

Xã có 01 phòng tập thể thao đa năng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, ngoài ra phường cũng trang bị dụng cụ thể dục - thể thao ngoài trời tại ấp Mỹ Phú, Mỹ Thạnh và Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đáp ứng nhu cầu tập thể dục - thể thao của người dân trên địa bàn xã. Phong trào rèn luyện thân thể cũng được nhân dân hưởng ứng tích cực, xã có phong trào võ thuật, cầu lông, quần vợt, bóng chuyền khá tốt, số người tham gia tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 32,94% so dân số. Xã có các câu lạc bộ Dưỡng sinh, Cầu lông, Bóng chuyền.

**Tổng số liệt sĩ:** 379 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 84 Bà mẹ.

**3.** **Xã Mỹ Phong**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

美 Mỹ: Tốt, đẹp

豐 Phong: Đầy đủ, thịnh, được mùa, đẹp.

美豐社 Mỹ Phong Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Mỹ Phong nằm ở phía Đông Bắc thành phố Mỹ Tho; phía Đông giáp phường 9, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho và xã Song Bình huyện Chợ Gạo; phía Tây giáp xã Đạo Thạnh; phía Nam giáp Phường 3 và Phường 8; phía Bắc: giáp xã Thanh Bình và xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo.

**Diện tích tự nhiên:** 1.130,60 ha.

**Hành chính:**

Xã có 8 ấp: Mỹ Lương, Mỹ Phú, Mỹ Hòa, Mỹ Hưng, Mỹ Thạnh, Mỹ An, Mỹ Lợi, Hội Gia.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Mỹ Phong hiện nay nguyên là thôn Mỹ Hóa thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Ngày 08-9-1867 đổi thành làng Mỹ Phong.

Trước cách mạng tháng Tám (1945), làng Mỹ Phong thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt xã Mỹ Phong thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt làng Mỹ Phong thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Mỹ Phong thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2015, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2021, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

**Dân số:** 21.805 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 63.334.000 đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Cơ cấu kinh tế của xã là nền kinh tế nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ.

Là xã thuộc thành phố nên quá trình đô thị hóa ngày càng cao, làm cho giá trị ngành nông nghiệp có xu hướng giảm dần, trên địa bàn xã đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đạt hiệu quả cao; xã không còn diện tích trồng lúa chuyển sang trồng các loại cây ăn quả, hoa màu đem lại hiệu quả kinh tế cao. Xã có 01 tổ hợp tác hoa tươi hoạt động ngày càng đi vào chiều sâu, phát triển cả về quy mô diện tích và số lượng hộ tham gia trồng.

Đàn gia súc, gia cầm trong toàn xã có: đàn bò hiện có 3.044 con, đàn heo hiện có 2.957 con, đàn gia cầm hiện có 294.000 con (thống kê năm 2020).

Ngoài việc chăn nuôi gia súc gia cầm bà con nông dân còn chú trọng đến việc tận dụng mương, ao vườn để nuôi cá các loại, hiện toàn xã có 4,7 ha mặt nước nuôi cá, sản lượng thu hoạch được khoảng 4.917 tấn/năm cá các loại.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp hoạt động ổn định góp phần tiêu thụ nông sản và giải quết việc làm cho người lao động. Các cơ sở sản xuất tiếp tục được mở ra và từng bước đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và thu hút lao động tại chỗ.

Nhu cầu trao đổi mua bán sản phẩm ngày càng cao nên ngành tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ mua bán ngày càng phát triển.

**Giáo dục:**

Năm 2020, xã có 04 trường học: Trường mầm non Hoa Mai, Trường tiểu học Mỹ Phong, Trường tiểu học Thạnh Trị, Trường tiểu học - trung học cơ sở Lê Văn Nghề). Tất cả các trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Quốc lộ 50, Đường tỉnh lộ 879B, Đường tỉnh 879 và 08 tuyến đường huyện.

Hệ thống giao thông nông thôn của xã gồm 64 tuyến với tổng chiều dài 31,5km. Các tuyến đường này đều được trải nhựa và bê tông.

Hệ thống giao thông thủy trên địa bàn xã khá phong phú, gồm: rạch Gò Cát, rạch Bà Ngọt, kênh Lộ Ngang, kênh N6… có thể phục vụ tốt cho việc vận chuyển hàng hóa, hàng nông sản vào mùa thu hoạch cũng như việc đi lại giữa các ấp trong và ngoài xã.

**Văn hóa:**

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, được công nhận danh hiệu Xã văn hóa. Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 95% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa.

Nét đặc sắc về công trình tôn giáo - tín ngưỡng của xã Mỹ Phong là có chùa Vĩnh Tràng. Đây là một ngôi chùa nổi tiếng, được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia và là một điểm du lịch nổi tiếng.

Xã có 03 Câu lạc bộ đờn ca tài tử; làng hoa Mỹ Phong phục vụ nhu cầu trao đổi, mua bán hoa tươi và thưởng hoa vào dịp Tết của người dân và khách du lịch; làng nghề truyền thống chuyên sản xuất bánh bún hủ tiếu.

Tất cả các ấp đều có nhà văn hóa và được công nhận danh hiệu ấp văn hóa.

**Du lịch:**

Xã có di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia: chùa Vĩnh Tràng thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan.

**Thể thao:**

Xã có 01 phòng tập thể thao đa năng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, ngoài ra xã còn trang bị dụng cụ tập thể dục thể thao ngoài trời tại ấp Mỹ Phú, Mỹ Thạnh và Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đáp ứng nhu cầu tập thể dục thể thao của người dân trên địa bàn xã. Các câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, cầu lông thu hút đông đảo người dân tham gia luyện tập.

**Tổng số liệt sĩ**: 318 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 71 Bà mẹ.

**4.** **Xã Phước Thạnh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

福 Phước: Tốt lành, hạnh phúc

盛 Thịnh (Thạnh): : Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh

福盛社 Phước Thạnh Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Phước Thạnh nằm về phía tây thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp xã Trung An; phía Tây giáp xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành; phía Nam giáp xã Trung An; phía Bắc giáp xã Tam Hiệp và xã Long An, huyện Châu Thành.

**Diện tích tự nhiên:** 1.017,60 ha.

**Hành chính:**

Xã Phước Thạnh có 5 ấp: Long Mỹ, Long Hưng, Phước Hòa, Phước Thuận, Giáp Nước.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long có 2 thôn An Phước và An Thạnh thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, hai thôn này thuộc tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Ngày 24-10-1925, hai làng này nhập lại lấy tên là Phước Thạnh thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt xã Phước Thạnh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt xã Phước Thạnh thuộc tổng Thuận Bình, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt xã thuộc huyện Châu Thành, từ năm 1969, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, xã Phước Thạnh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2009, xã thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2018, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 12.723 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 46.230.000đ/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Phước Thạnh là xã nông nghiệp, kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, nhân dân chủ yếu làm rẫy, trồng cây ăn trái, chăn nuôi và một bộ phận nhỏ kinh doanh nhỏ lẻ. Các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ cũng được quan tâm tạo điều kiện phát triển (năm 2020, trên địa bàn xã có 09 doanh nghiệp, 31 hộ kinh doanh dịch vụ).

**Giáo dục:**

Năm 2020, xã có 04 trường học: Trường mầm non Phước Thạnh (đạt chuẩn quốc gia), Trường tiểu học Phước Thạnh (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học cơ sở Phú Thạnh (đạt chuẩn quốc gia), Trường trung học phổ thông Phước Thạnh.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và công tác xóa mù chữ.

**Y tế:**

Xã có trạm y tế, có 09 biên chế: 1 bác sĩ, 1 dược sĩ, 4 y sĩ, 1 điều dưỡng, 2 hộ sinh. Trạm đã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020). Trên địa bàn xã có Bệnh viện Lao - Phổi tỉnh Tiền Giang.

**Giao thông:**

Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện đều được trải nhựa hoặc trải bê tông.

Đường ấp, đường liên ấp, đường ngõ, xóm đều được trải bê tông hoặc trải đá 04x04, không lầy lội vào mùa mưa.

**Văn hóa:**

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, trong đó có hội trường đa năng trên 300 chỗ ngồi, đảm bảo phục vụ sinh hoạt văn hóa của toàn xã

Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa. Tỷ lệ ấp có Nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt 100%.

Về gia đình văn hóa, năm 2020 có 100 % hộ đăng ký, qua bình xét cuối năm có 95% số hộ được công nhận gia đình văn hóa.

**Du lịch:**

Xã có 3 điểm tham quan du lịch như: Vườn hoa Mãn Đình Hồng, vườn hoa Thạch Thảo, vườn hoa Ao sen Gò Me. Hàng năm, vào dịp lễ, tết, các vườn hoa này đón hàng nghìn lượt khách từ các nơi đến tham quan.

**Thể thao:**

Xã có hội trường đa năng, phục vụ sinh hoạt thể thao của nhân dân trong xã, 02 sân bóng đá mini, 02 sân bóng chuyền, 04 sân cầu lông, 01 hồ bơi tại trường Tiểu học Phước Thạnh, 01 hồ bơi tư nhân ở ấp Phước Hòa. Phong trào tập luyện thể dục, thể thao trong nhân dân phát triển mạnh.

**Tổng số liệt sĩ:** 298 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 65 Bà mẹ.

**5**. **Xã Tân Mỹ Chánh**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới

美 Mỹ: Tốt, đẹp

**政** Chánh: ngay thẳng, chính trực

新美政社: Tân Mỹ Chánh Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Tân Mỹ Chánh nằm ở phía Đông thành phố Mỹ Tho; phía Đông giáp xã Song Bình, huyện Chợ Gạo; phía Tây giáp Phường 9; phía Nam giáp sông Tiền; phía Bắc giáp xã Mỹ Phong.

**Diện tích tự nhiên:** 931,59 ha.

**Hành chính:**

Xã có 06 ấp: Phong Thuận, Tân Tỉnh A, Tân Tỉnh B, Bình Phong, Bình Thành, Bình Lợi.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Tân Mỹ Chánh hiện nay có 3 thôn Phú Hội, Mỹ Chánh và Bình Phong thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng có thêm thôn Phong Thuận, thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Ngày 29-11-1923, chính quyền thực dân Pháp cho nhập hai làng Phú Hội và Mỹ Chánh lấy tên là làng Hội Mỹ; đồng thời, nhập hai làng Bình Phong và Phong Thuận lấy tên là làng Tân Phong. Năm 1936, hai làng Hội Mỹ và Tân Phong nhập lại lấy tên là Tân Hội Mỹ.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), làng Tân Hội Mỹ thuộc tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Tân Hội Mỹ, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân là làng Tân Hội Mỹ, tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), năm 1956, chính quyền Sài Gòn hợp nhất hai xã Tân Hội Mỹ và Mỹ Chánh thành xã Tân Mỹ Chánh thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường; chính quyền cách mạng đặt xã Tân Mỹ Chánh thuộc thành phố Mỹ Tho.

Sau năm 1975, xã Tân Mỹ Chánh thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 1976, xã Tân Mỹ Chánh tách một phần đất để thành lập Phường 8. Năm 2003, xã Tân Mỹ Chánh tách thêm một phần đất để thành lập Phường 9. Năm 2014, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới. Năm 2020, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao. Năm 2022, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu.

**Dân số:** 14.709 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 61 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Cơ cấu kinh tế của xã là công nghiệp (đóng tàu, dịch vụ hậu cần nghề cá, sản xuất chế biến hải sản, thức ăn chăn nuôi,…), tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp.

Trên địa bàn xã có 03 mô hình kinh tế hợp tác, gồm:

- Hợp tác xã (HTX) chế biến thức ăn gia súc Bình Minh có trên 100 lao động, doanh số bình quân mỗi năm đạt trên 300 tỷ đồng. Sản phẩm gồm các loại thức ăn cho heo, bò, gà, vịt, cá,...

+ HTX Nông nghiệp có trên 850 thành viên và 14 lao động trực tiếp làm việc tại HTX, doanh số bình quân hàng năm đạt từ 8 - 10 tỷ đồng, ngành nghề hoạt động của HTX là giết mổ gia súc - gia cầm, thu mua hàng hóa nông sản của nông dân, dịch vụ cung cấp nước sạch nông thôn, cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, hoa màu, thức ăn chăn nuôi, ứng trước vật tư cho thành viên vay phục vụ sản xuất sau thu hoạch thanh toán cho HTX.

+ Quỹ tín dụng nhân dân Tân Mỹ Chánh: có trên 1.000 thành viên, doanh số cho vay hàng năm trên 110 tỷ đồng, có 08 cán bộ nhân viên làm việc tại Quỹ tín dụng.

Ngoài ra còn có 04 tổ hợp tác ngành nghề: Tổ hợp tác sản xuất hoa kiểng, Tổ hợp tác nuôi bò, Iổ hợp tác nước sạch nông thôn, Iổ hợp tác bưởi da xanh VIET GAP.

**Giáo dục:**

Năm 2020, xã có 03 trường học: Trường mầm non Tân Mỹ Chánh, Trường tiểu học Tân Mỹ Chánh, Trường trung học cơ sở Tân Mỹ Chánh. Cả 03 trường đều đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và công tác xóa mù chữ.

Ngoài ra, còn có 01 trường của Trung ương đóng trên địa bàn là Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam bộ.

**Y tế:**

Xã có trạm y tế, có 08 biên chế: 01 dược sĩ, 04 y sĩ, 01 điều dưỡng, 02 nữ hộ sinh. Trạm đã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Quốc lộ 50 và 15 tuyến đường huyện.

Xã có 102 tuyến đường trục chính, đường xã, dân sinh được trải nhựa, đạt tỷ lệ 100%.

**Văn hóa:**

Xã có Nhà văn hóa của xã và 06/06 Nhà văn hóa ấp.

Tất cả các ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 96% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa. Xã có 01 câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

**Du lịch:**

Xã chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Năm 2020, xã có 01 sân bóng đá 11 người, 08 sân bóng đá mini, 02 sân cầu lông, 02 sân bóng chuyền, 02 sân tennis, 01 hồ bơi,…

**Tổng số liệt sĩ:** 204 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 34 Bà mẹ.

**6.** **Xã Thới Sơn**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính**:

Địa danh Hán Việt:

泰 Thái (Thới): To lớn, yên ổn

山 Sơn: Núi

泰山社: Thới Sơn Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Thới Sơn là một xã cù lao trên sông Tiền, phía Đông giáp phường Tân Long (thành phố Mỹ Tho); phía Tây và phía Nam giáp hai xã Phú Túc và An Khánh (huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) được ngăn cách bởi sông Tiền (đoạn chảy qua địa bàn xã thường gọi là sông Mỹ Tho); phía Bắc giáp xã Bình Đức (huyện Châu Thành) và Phường 6 (thành phố Mỹ Tho) qua sông Tiền.

**Diện tích tự nhiên:** 1.211 ha.

**Hành chính:**

Xã Thới Sơn có 4 ấp: Thới Hòa, Thới Bình, Thới Thuận và Thới Thạnh.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, thôn Thới Sơn thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), làng Thới Sơn thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt xã Thới Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt làng Thới Sơn thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), về chính quyền cách mạng, xã Thới Sơn thuộc huyện Châu Thành, từ năm 1969, thuộc huyện Châu Thành Nam, tỉnh Mỹ Tho; về phía chính quyền Sài Gòn, xã Thới Sơn thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, xã Thới Sơn thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2009, xã Thới Sơn thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2019, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 5.920 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 56,12 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế địa phương phát triển theo hướng “Dịch vụ – Nông nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp”. Trong đó, du lịch sinh thái sông nước miệt vườn là thế mạnh của xã. Về nông nghiệp, xã có các cây trồng chủ lực, như bưởi, nhãn, sầu riêng, mít. Bên cạnh đó, việc chăn nuôi cá lồng bè cũng phát triển mạnh trên địa bàn xã. Năm 2020, xã có 585 lồng bè nuôi cá (chủ yếu cá điêu hồng, cá tra).

**Giáo dục:**

Năm 2020, xã có 02 trường học đều đạt chuẩn Quốc gia: Trường tiểu học và trung học cơ sở Thới Sơn; Trường mầm non Thới Sơn.

Công tác giáo dục phổ cập bậc trung học cơ sở, tiểu học và mầm non đều đạt chuẩn quốc gia.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở, có 07 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 02 điều dưỡng, 01 nữ hộ sinh và 01dược sĩ. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Năm 2020, xã có 01 tuyến đường xã được trải bê tông và nhựa; 06 tuyến đường ấp và liên ấp được “cứng hóa” trên 71%; 37 tuyến đường dân sinh đầu tư “cứng hóa” trên 55% và 100% các tuyến đường không còn lầy lội vào mùa mưa.

Về giao thủy, xã có nhiều thuận lợi vì có sông Tiền chảy ngang qua và hệ thống kênh/kinh rạch chằng chịt.

**Văn hóa:**

Xã có Nhà văn hóa của xã và 04/04 ấp có Nhà văn hóa ấp. Tất cả 04/04 ấp đều đạt danh hiệu Ấp văn hóa.

Hàng năm, qua phát động đã có 100% hộ dân đăng ký thực hiện gia đình văn hóa và kết quả qua bình xét cuối năm đã có 90% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Xã có 08 nhóm Đờn ca tài tử.

**Du lịch:**

Thới Sơn là xã có thế mạnh về du lịch sinh thái, thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước đến tham quan. Năm 2020, trên địa bàn xã có 05 công ty du lịch xanh dẫn khách tham quan ở 19 điểm; có 56 quầy bán hàng thủ công mỹ nghệ lưu niệm, bánh kẹo đặc sản và nhà hàng ăn uống; có 40 phương tiện đò máy đưa rước khách du lịch trên sông và 02 tuyến đò chèo du lịch trong kênh rạch với 222 phương tiện, 08 nhóm đờn ca tài tử với 90 thành viên; 02 đội xe ngựa với 25 chiếc, 02 đội xe điện với 12 chiếc thường xuyên phục vụ khách tham quan du lịch.

**Thể thao:**

Lĩnh vực thể dục thể thao của xã cũng đã phát triển mạnh. Nhiều câu lạc bộ; đội, nhóm vui chơi giải trí, rèn luyện thân thể được hình thành và hoạt động tốt như câu lạc bộ dưỡng sinh, câu lạc bộ võ thuật.

Hàng năm, xã tổ chức hội thi thể thao và tham gia thi đấu võ thuật, hội thao, tranh giải bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng do thành phố tổ chức. Bên cạnh đó, xã còn được thành phố hỗ trợ 02 bộ tập thể dục giúp người dân có điều kiện rèn luyện sức khỏe.

**Tổng liệt sĩ:** 112 liệt sĩ.

**Tổng Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 20 Bà mẹ.

**7.** **Xã Trung An**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

忠: Trung: Trung thành

安: An: Bình an, an toàn, yên ổn

忠安社: Trung An Xã

**Vị trí địa lý:**

Xã Trung An nằm về phía Tây Bắc thành phố Mỹ Tho; phía đông giáp Phường 5, Phường 6; phía Tây giáp xã Phước Thạnh; phía Bắc giáp Quốc lộ 1; phía Nam giáp sông Tiền.

**Diện tích tự nhiên:** 1.063 ha.

**Hành chính:**

Xã có 09 ấp: ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 4, ấp 5, ấp Bình Tạo, ấp Bình Tạo A, ấp Chợ, ấp Đồng.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, xã Trung An hiện nay là hai thôn Trung Lương và An Đức Đông thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường. Ngày 24-10-1925, hai làng này nhập lại lấy tên là Trung An, thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt xã Trung An thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt xã Trung An thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), về phía chính quyền cách mạng, xã Trung An thuộc thành phố Mỹ Tho; về phía chính quyền Sài Gòn, xã Trung An thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, xã Trung An thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2016, xã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

**Dân số:** 26.611 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 64,5 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Xã Trung An là vùng đất nửa nông thôn, nửa thành thị, có Khu công nghiệp Mỹ Tho, Cụm công nghiệp Trung An với 47 công ty, xí nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động. Nguồn thu nhập của người dân là làm kinh tế vườn, chăn nuôi, kinh doanh, dịch vụ, buôn bán và làm công nhân ở các công ty, xí nghiệp ở khu, cụm công nghiệp.

Giáo dục:

Năm 2020, xã có 05 trường: Trường mầm non Vàng Anh, Trường mầm non Bình Minh; Trường tiểu học Trung An; Trường trung học cơ sở Bình Đức và Trường trung học cơ sở Trung An. Tất cả các trường đã được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia.

Xã đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về Y tế xã; có 07 biên chế:01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 02 điều dưỡng. Tất cả các ấp đều có Tổ y tế. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 90% (2020).

**Giao thông:**

Ngang qua xã có Quốc lộ 1, đường Phạm Hùng (Đường tỉnh 870B), đường Ngô Gia Tự (Đường tỉnh 864), Đường tỉnh 870.

Đường xã có 04 tuyến đường đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa với tổng chiều dài 8,8 km.

Đường ấp có tổng số 30 tuyến với tổng chiều dài 10,340 km, trong đó có 03 tuyến được trải nhựa, 22 tuyến được trải bê tông, 05 tuyến trả đá phối.

Đường dân sinh trên địa bàn xã có tổng số 93 tuyến với tổng chiều dài 21,740 km. Tất cả các tuyến đều được trải bê tông hoặ trải đá phối, không bị lầy lội vào mùa mưa.

**Văn hóa:**

Xã Trung An đạt Xã văn hóa năm 2009; đạt Xã văn hóa nông thôn mới năm 2015, có Nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định.

Có 09/09 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa và đều có Nhà văn hóa ấp.

Hàng năm, xã có 100% hộ đăng ký xây dựng gia đình văn hóa, bình xét có 96% hộ đạt 03 tiêu chí gia đình văn hóa. Xã có câu lạc bộ Đờn ca tài tử.

Trên địa bàn xã, có đình An Đức Đông được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2009 và Miễu Cây Vông được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh năm 2013.

**Du lịch:**

Hai di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh trên địa bàn xã (đình An Đức Đông và miễu Cây Vông) thu hút du khách trong và ngoài xã đến tham quan, cúng kiếng.

**Thể thao:**

Diện tích thể thao tại các trường học, cơ quan, nhà văn hóa xả và các ấp trên địa bàn là 4.800m2. Xã có 2 sân bóng đá mini, 01 sân bóng đá 11 người; 02 sân Cầu lông (CLB Câu lông Hải Yến, ấp 3, xã Trung An), sân công viên khu dân cư ấp Bình Tạo, sân Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, sân trụ sở các ấp và các trường học trên địa bàn.

Các câu lạc bộ được duy trì hoạt động thường xuyên như: Câu lạc bộ (CLB) dưỡng sinh, CLB bóng đá; CLB bóng chuyền; CLB bóng chuyền hơi; CLB cầu lông; CLB cờ vua, cờ tướng; CLB võ thuật, CLB thể dục thẩm mỹ; đội lân sư rồng.

**Tổng số liệt sĩ:** 284 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 56 Bà mẹ.

**8**. **Phường 1**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (1).

**Vị trí địa lý:**

Phường 1 nằm ở trung tâm thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp kênh/kinh Bảo Định, phía Tây giáp Phường 4, phía Nam giáp sông Tiền, phía Bắc giáp Phường 7.

**Diện tích tự nhiên:** 77,115 ha.

**Hành chính:**

Phường 1 có 06 khu phố gồm: Khu phố 1, Khu phố 3, Khu phố 4, Khu phố 5, Khu phố 6.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 1 hiện nay là thôn Giang Trạm Điều Hòa[[19]](#footnote-19), thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường vì hầu hết dân ở thôn này đều làm nghề đi trạm. Tiền hiền lập thôn này là Nguyễn Văn Trước (Nguyễn Văn Trúc), Trương Văn Ân, Nguyễn Văn Kiên.

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945) là làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là Khu I, thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là Khu I, hiệp xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là Phường 1, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn gọi là Phường 1 (gồm các khóm: Lạc Hồng, Võ Tánh, Ngô Quyền, Nguyễn Huệ, Trương Vĩnh Ký, Thái Lập Thành, Nguyễn Trãi và ấp Dân Chủ), thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 1 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**Dân số:** 24.380 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 110 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Thế mạnh của phường là thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp.

Đẩy mạnh phát triển các ngành thương mại dịch vụ, tiểu thủ công nhiệp, dịch vụ ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, y tế,…

Đầu tư phát triển đa dạng hóa các loại hình thương mại hiện đại, thương mại điện tử, hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ; kết hợp với du lịch mua sắm; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh theo cơ chế chính sách, kết hợp với tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp.

Tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phường phát triển như may mặc, sản xuất trà, chả lụa, sản xuất cafe, bánh kẹo, gia công vàng bạc, giày dép,... mạnh dạn đầu tư, mua sắm trang thiết bị mới hiện đại, ứng dụng khoa học theo công nghệ mới, mở rộng sản xuất có nhiều sản phẩm chất lượng để cạnh tranh ra thị trường ngoài tỉnh. Kiểm tra các cơ sở sản xuất về xử lý chất thải đúng theo quy định, để bảo vệ sức khỏe con người và môi trường xanh sạch đẹp, góp phần tạo vẻ mỹ quan.

**Giáo dục:**

Năm 2020, Phường có 06 trường:

- 03 trường mầm non (MN): MN Bông Sen, MN Sao Sáng, MN Hoa Hồng.

- 01 trường tiểu học (TH): TH Thủ Khoa Huân.

- 02 trường trung học cơ sở: THCS Xuân Diệu, THCS Lê Ngọc Hân.

Tất cả các trường được đầu tư nâng cấp, cơ sở vật chất khang trang, thiết bị phục vụ dạy và học hiện đại, đạt chuẩn Quốc gia. Hai trường THCS Xuân Diệu và THCS Lê Ngọc Hân có số lượng học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp tỉnh nhiều nhất tỉnh Tiền Giang.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

Ngoài ra, trên địa bàn phường còn có Trường trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu. Đây là ngôi trường có truyền thống “Cách mạng – Dạy giỏi – Học giỏi”.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 100% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Ngoài ra trên địa bàn phường còn có nhiều cơ sở y tế công lập, tư nhân như: Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh, Bệnh viện phụ sản tỉnh, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh, Bệnh viện Anh Đức,…

**Giao thông:**

Tất cả các tuyến đường chính đều được mở rộng, trải nhựa, các tuyến hẻm khu dân cư được bê tông hóa hoàn toàn. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Đường thủy có sông Tiền và kênh/kinh Bảo Định chạy ngang qua.

Nhìn chung, với nhiều tuyến đường giao thông, đường thủy quan trọng nhiều tuyến nhánh liên khu phố gắn liền với các trục giao thông chính tạo thành một mạng lưới giao thông thuận lợi cho việc đi lại cũng như giao lưu, trao đổi hàng hóa với các địa phương trong và ngoài phường.

**Văn hóa**:

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 97% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa. Phường có Nhà văn hóa với hội trường đa năng.

Các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu khu phố văn hóa.

Phường 1 có Chùa Ông là nơi tín ngưỡng tôn giáo, được tỉnh công nhận là cơ sở thờ tự văn hóa.

**Du lịch:**

Phường 1 là trung tâm của thành phố Mỹ Tho, trên địa bàn có nhiều di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, công viên, nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng, quán ăn, bến tàu,… phục vụ cho việc tham quan du lịch của du khách.

**Thể thao:**

Phong trào luyện tập thể dục, thể thao, rèn luyện thân thể, nâng cao sức khoẻ thể chất và tinh thần được nhân dân trong phường hưởng ứng tích cực; số hộ gia đình luyện tập thể thao đạt 30% - 35% số người thường xuyên tham gia luyện tập thể dục - thể thao. Có các câu lạc bộ bóng bàn, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, võ thuật, dưỡng sinh,...

**Tổng số liệt sĩ:** 27 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 08 Bà mẹ.

**9.** **Phường 2**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (2).

**Vị trí địa lý:**

Phường 2 nằm về phía Đông thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 9, phía Tây giáp Phường 1, phía Nam giáp Sông Tiền, phía Bắc giáp Phường 3 và Phường 8.

**Diện tích tự nhiên:** 71 ha.

**Hành chính:**

Phường 2 có05 khu phố: khu phố 1, khu phố 2, khu phố 3, khu phố 4, khu phố 5.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 2 hiện nay là thôn Giang Trạm Điều Hòa, thuộc tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường vì hầu hết dân ở thôn này đều làm nghề đi trạm. Tiền hiền lập thôn này là Nguyễn Văn Trước.

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), Phường 2 hiện nay thuộc làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là Khu II thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là Khu II, hiệp xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt Phường 2 (gồm các khóm Phan Văn Trị, Trịnh Hoài Đức, Đinh Bộ Lĩnh và Mỹ Chánh), thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 2 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Phường 2 đông giáp xã Tân Mỹ Chánh, tây giáp Phường 1, nam giáp sông Tiền, bắc giáp hai Phường 3 và 8, thành phố Mỹ Tho.

**Dân số:** 10.927 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 100 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Về dịch vụ: Hoạt động đa dạng, phong phú, phát huy được thế mạnh phường là mua bán hàng bông, tạp hóa nhỏ lẻ, mua bán hột vịt. Năm 2020, phường có 62 doanh nghiệp, 485 hộ kinh doanh cá thể (93 hộ hoạt động cố định).

Sản xuất công nghiệp: năm 2020, phường có 41 cơ sở sản xuất công nghiệp vẫn duy trì hoạt động, chủ yếu hàn tiện, làm cá khô, thêu, may mặc, kho đông, sản xuất nước đá,…

Phường 2 là một trong hai phường có kinh tế đường thủy phát triển nhất thành phố Mỹ Tho với những cảng sông tập trung dọc theo sông Tiền.

**Giáo dục:**

Năm 2020, Phường có 03 trường học và 01 Trung tâm: Trường trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức, Trường tiểu học Hồ Văn Nhánh, Trường mầm non Phường 2., Trung tâm Giáo dục Thường xuyên thành phố Mỹ Tho.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

**Giao thông:**

Tất cả các tuyến đường chính đều được mở rộng, trải nhựa, các tuyến đường hẻm ở khu dân cư được bê tông hóa hoàn toàn. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Đường Đinh Bộ Lĩnh nối liền với Quốc lộ 50 đi các huyện phía Đông của tỉnh. Đường thủy có sông Tiền và kênh/kinh Bảo Định chạy ngang qua. Giao thông thủy - bộ của phường đều thuận lợi, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**Văn hóa:**

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Hàng năm có 100% hộ dân đăng ký gia đình văn hóa, bình xét có 93% hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa. Phường có Nhà văn hóa với hội trường đa năng, phục vụ cho nhu cầu văn hóa của nhân dân trong phường.

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Phường 2 có đình Điều Hòa được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia.

**Du lịch:**

Phường có đình Điều Hòa được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia, 04 chùa (chùa Trường Sanh, chùa Bửu Hưng, chùa Bửu Đức, chùa Bửu Sơn), 02 tịnh xá (tịnh xá Ngọc Mỹ, tịnh xá Mỹ Đức), 02 cơ sở tín ngưỡng (Miếu Tiên Sư, Lăng Ông Nam Hải), thu hút đông đảo du khách đến tham quan và cúng bái.

**Thể thao:**

Phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao ở phường phát triển tốt; số hộ gia đình luyện tập thể thao đạt 30% - 35% số người thường xuyên tham gia luyện tập thể dục - thể thao. Có các câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, cờ tướng, đá cầu.

**Tổng số liệt sĩ:** 83 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** Không có.

**10.** **Phường 3**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (3).

**Vị trí địa lý:**

Phường 3 nằm về phía Đông thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 8, phía Tây giáp Phường 1 và Phường 7, phía Nam giáp Phường 2, phía Bắc giáp xã Mỹ Phong.

**Diện tích tự nhiên:** 54,11 ha.

**Hành chính:**

Phường có 07 khu phố: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 3 hiện nay một phần thuộc thôn Giang Trạm Điều Hòa, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường và thôn Phú Hội, tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường; thôn Phú Hội thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), Phường 3 hiện nay có một phần đất thuộc làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, một phần đất thuộc làng Phú Hội, thuộc tổng Thạnh Phong, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là Khu III thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là Khu III, thuộc hiệp xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là Phường 3, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt Phường 3, gồm các khóm Phan Thanh Giản, Học Lạc, Đốc Binh Kiều, Nguyễn Huỳnh Đức, Mỹ Phúc và Xóm Dầu, thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 3 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**Dân số:** 8.572 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 87 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Thế mạnh kinh tế của phường là sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thương mại và dịch vụ. Năm 2020, phường có 33 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, 30 doanh nghiệp và 307 hộ kinh doanh cá thể.

**Giáo dục:**

Năm 2020, Phường có 02 trường học: Trường tiểu học Hoàng Hoa Thám và Trường mầm non Kim Đồng.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

**Giao thông:**

Tất cả các tuyến đường chính của Phường 3 đều được mở rộng, trải nhựa, các tuyến đường hẻm ở khu dân cư được bê tông hóa đạt 100%. Việc lát vỉa hè các tuyến đường nội ô đạt 100%. Đường thủy có kênh/kinh Bảo Định chạy ngang qua. Giao thông thủy - bộ của phường đều thuận lợi, góp phần tích cực trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**Văn hóa:**

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Năm 2020, phường có 94,4% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 92% hộ được công nhận. Phường có Nhà văn hóa với hội trường đa năng, phục vụ cho nhu cầu văn hóa của nhân dân trong phường.

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu khu phố văn hóa.

Phường 3 có chùa Bửu Lâm được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia.

**Du lịch:**

Phường có đình chùa Bửu Lâm được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan, chiêm bái.

**Thể thao:**

Phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao ở phường phát triển tốt; số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 17,42%; số hộ gia đình thể thao đạt 27,3%. Có các câu lạc bộ bóng bàn, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, đá cầu.

**Tổng số liệt sĩ:** 61 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** 02 Bà mẹ.

**11**. **Phường 4**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (4).

**Vị trí địa lý:**

Phường 4 nằm ở phía Tây thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 1 và Phường 7, phía Tây giáp Phường 5 và Phường 6; phía Bắc giáp kênh/kinh Bảo Định, bên kia kênh/kinh là xã Đạo Thạnh; phía Nam giáp sông Tiền.

**Diện tích tự nhiên:** 80,72 ha.

**Hành chính:**

Phường 4 có 11 khu phố gồm các khu phố từ 1 đến 11.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 4 hiện nay thuộc thôn An Hòa, và thôn Bình Tạo, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), Phường 4 hiện nay một phần thuộc làng An Hòa và một phần đất thuộc làng Bình Tạo, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là Khu IV, thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt là Khu IV, hiệp xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ, chính quyền cách mạng gọi là Phường 4, thuộc thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn gọi là Phường 4 (gồm các khóm Cộng Hòa, Quyết Tiến, Cộng Đồng, Đồng Tiến, Dân Chủ) thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 4 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**Dân số:** 19.865 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 102 triệu đồng/năm (2020).

**Kinh tế:**

Thế mạnh kinh tế của Phường 4 hiện nay là thương mại - dịch vụ. Ngành thương mại - dịch vụ có 1.873 hộ kinh doanh. Trên địa bàn phường có 3 chợ mua bán rất sầm uất là chợ đầu mối Thạnh Trị, chợ trái cây và chợ Hàng Còng. Trên mặt tiền các tuyến đường của phường có các cửa hàng kinh doanh các loại sản phẩm thiết yếu cho đời sống, làm dịch vụ sửa chữa, cắt uốn tóc, khám chữa bệnh, chụp ảnh, ăn uống, khách sạn,… Sản xuất tiểu thủ công nghiệp có đồ sắt, chế biến bánh kẹo, lương thực thực phẩm, may mặc,…

**Giáo dục:**

Năm 2020, Phường có 02 trường học: Trường mầm non Tuổi Xanh và Trường tiểu học Lê Quý Đôn.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng.

Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

**Giao thông:**

Phường 4 có 11 tuyến đường chính Ấp Bắc, Lý Thường Kiệt, Tết Mậu Thân, Lê Thị Hồng Gấm, Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Trần Hưng Đạo, Yersin, Đống Đa, Trần Quốc Toản; Nguyễn Tri Phương, Đường bờ kè sông Tiền. Công tác nâng cấp, bảo trì các tuyến đường chính do thành phố quản lý. Bên cạnh đó, trong những năm vừa qua địa phương cũng tăng cường công tác chỉnh trang, mở rộng mạng lưới giao thông. Năm 2020, Phường có 100% tuyến đường trong phường được trải nhựa hoặc bê tông. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%.

**Văn hóa:**

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Năm 2020, phường có 100% hộ gia đình đăng ký gia đình văn hóa, cuối năm bình xét có 97% hộ được công nhận. Phường có Nhà văn hóa với hội trường đa năng, phục vụ cho nhu cầu văn hóa của nhân dân trong phường. Phường có 01 đội văn nghệ thường xuyên tập luyện và biểu diễn trong các dịp lễ tất và sự kiện quan trọng.

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Trên địa bàn phường có 03 công viên: Công viên Tết Mậu Thân, Công viên Giếng Nước Lớn, Công viên Giếng Nước Nhỏ; thư viện tỉnh; Nhà bia liệt sĩ thành phố Mỹ Tho; 04 cơ sở thờ tự: Chùa Phổ Minh, Chùa Phước Long, Chùa Dược Sư, 01 Thánh thất Cao đài. Tín ngưỡng dân gian có 03 miếu: miếu Hòa Tường, miếu Hòa Thành và miếu Vạn Linh.

**Du lịch:**

Trên địa bàn phường có Công viên Tết Mậu Thân, Công viên Giếng Nước Lớn, Công viên Giếng Nước Nhỏ, Thánh thất Cao đài, Chùa Dược Sư, Chùa Phổ Minh, Thư viện tỉnh, Nhà bia liệt sĩ,… là những điểm đến thu hút khách du lịch khi đến Phường 4.

**Thể thao:**

Phong trào toàn dân luyện tập thể dục, thể thao ở phường phát triển tốt. Qua phong trào thể dục, thể thao “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, cán bộ và nhân dân thường xuyên tham gia luyện tập ở các công viên, câu lạc bộ thể dục, thể thao trong phường, rõ nét là ở Công viên Tết Mậu Thân mỗi sáng sớm. Số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 30%; số hộ gia đình thể thao đạt 32%.

Có các câu lạc bộ bóng bàn, bóng chuyền, cầu lông, cờ tướng, đá cầu. Trung tâm thể dục thể thao thành phố Mỹ Tho đặt trên địa bàn phường thu hút đông đảo nhân dân trong và ngoài phường đến tập luyện

**Tổng số liệt sĩ:** 96 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ VN anh hùng:** Không có.

**12**. **Phường 5**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (5).

**Vị trí địa lý:**

Phường 5 nằm về phía Tây thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 10; phía Tây giáp xã Trung An, Phường 10; phía Nam giáp Phường 6; phía Bắc giáp kinh/kênh Bảo Định.

**Diện tích tự nhiên:** 271,7 ha.

**Hành chính:**

Phường 5có 10 khu phố; các khu phố được đánh số thứ tự từ 01 đến 10.

**Lịch sử hành chính:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 5 hiện nay thuộc thôn Giang Trạm Điều Hòa, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường vì hầu hết dân ở thôn này đều làm nghề đi trạm. Tiền hiền lập thôn này là Nguyễn Văn Trước.

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), phường thuộc làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là xã Điều Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt xã Điều Hòa, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là Phường 5, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn, đặt là Phường 5, gồm các khóm Chiến Thắng, Nguyễn Tri Phương, Xóm Tre, thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 5 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**Dân số:** 21.440 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 92 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Thương mại - dịch vụ là kinh tế mũi nhọn của phường. Phường có nhiều hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, ngân hàng, siêu thị thương mại. dịch vụ vận tải, khách sạn, nhà hàng,...

Ngoài ra, phường còn có các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, như may mặc, sản xuất cửa sắt, cửa nhôm, sản xuất cà phê, bánh kẹo,...

**Giáo dục:**

Năm 2020, Phường có 02 trường do địa phương quản lý: Trường tiểu học Thiên Hộ Dương, Trường mầm non Tuổi Ngọc. Ngoài ra, còn có Trường trung học phổ thông tư thục Ấp Bắc và Trường Đại học Tiền Giang.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế. Trên địa bàn phường còn có Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Tiền Giang.

**Giao Thông:**

Phường 5 là cửa ngõ vào trung tâm thành phố Mỹ Tho, có các tuyến đường chính, như Ấp Bắc, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Thị Thập,... Các tuyến đường nhỏ và hẻm trong phường đều được trải nhựa và trải bê tông. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Giao thông đường thủy có kênh/kinh Bảo Định, rạch Đạo Ngạn,...

**Văn hóa:**

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị. Phường có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Năm 2020, Phường có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 98% gia đình đạt chuẩn; 05 con đường văn hóa, 02 cơ sở thờ tự văn hóa, các đội nhóm văn nghệ quần chúng,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

**Du lịch:**

Phường chưa có địa điểm du lịch.

**Thể Thao:**

Phường có các câu lạc bộ, đội, nhóm yêu thích, như: bóng đá, bóng chuyền, dưỡng sinh, cầu lông, thể hình, khiêu vũ, võ thuật,... Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” phát triển tốt, tỷ lệ người tham gia tập thể dục đạt 32%, tỷ lệ hộ gia đình tham gia thể thao đạt 30% (năm 2020).

**Tổng sô liệt sĩ:** 173 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 07 Bà mẹ.

**13**. **Phường 6**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (6).

**Vị trí địa lý:**

Phường 6 nằm về phía Tây thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 4, phía Tây giáp xã Trung An, phía Nam giáp Sông Tiền, phía Bắc giáp Phường 5.

**Diện tích tự nhiên:** 311,3 ha.

**Hành chính:**

Phường 6 có 13 khu phố: từ khu phố 1 đến khu phố 12 và khu phố Mỹ Thạnh Hưng).

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 6 hiện nay thuộc thôn Bình Tạo, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn này thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945) , phường thuộc làng Bình Tạo, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là ấp Bình Tạo, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là ấp Bình Tạo, xã Bình Đức, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng gọi là Phường 6, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn gọi là Phường 6 (gồm các khóm Bình Thành, Bình Tạo, Ngô Tùng Châu, Lý Thường Kiệt), thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, Phường 6 thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**Dân số:** 22.634 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 61,8 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Thế mạnh kinh tế của phường là thương mại - dịch vụ. Năm 2020, phường có 1032 cơ sở kinh doanh. Về tiểu thủ công nghiệp, năm 2020, phường có có 260 cơ sở sản xuất.

**Giáo dục:**

Năm 2020, Phường có 04 trường học: Trường mầm non Phường 6, Trường tiểu học Kim Đồng, Trường tiểu học Nguyễn Huệ, Trường trung học cơ sở Nam Định.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 09 biên chế: 01 bác sĩ, 04 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế. Trên địa bàn phường có Bệnh viện quân y K120.

**Giao thông:**

Phường 6 có tuyến đường chính là đường Lê Thị Hồng Gấm. Các tuyến đường nhỏ và hẻm trong phường đều được trải nhựa và trải bê tông. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Giao thông đường thủy có sông Tiền.

**Văn hóa:**

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn, có câu lạc bộ gia đình hạnh phúc và các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

Năm 2020, Phường có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 96% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

**Du lịch:**

Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể Thao:**

Phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được đẩy mạnh và mở rộng. Kết quả bình xét gia đình thể dục thể thao cuối năm 2020, phường có 1.074/5.138 hộ, đạt 20,90%, có 6.987/22.634 người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, đạt tỷ lệ 30,87%.

Phường có các câu lạc bộ dưỡng sinh, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông võ thuật, đá cầu,…

**Tổng số liệt sĩ:** 144 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** 08 Bà mẹ.

**14.** **Phường 7**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (7).

**Vị trí địa lý:**

Phường 7 nằm về phía Nam thành phố Mỹ Tho, phía Đông và phía Bắc giáp với kênh/kinh Bảo Định, phía Tây giáp với Phường 4, phía Nam giáp Phường 1.

**Diện tích tự nhiên:** 45,15 ha.

**Hành chính:**

Phường có 07 khu phố, các khu phố được đánh số từ 01 đến 07.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 7 hiện nay thuộc thôn Giang Trạm Điều Hòa, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường vì hầu hết dân ở thôn này đều làm nghề đi trạm. Tiền hiền lập thôn này là Nguyễn Văn Trước.

Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa thuộc tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), phường thuộc làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, quân Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng gọi là Khu I thuộc thị xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân gọi là Khu I thuộc hiệp xã Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng ta gọi là Phường 1, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn gọi là Phường 1, thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường. Sau năm 1975, một phần đất và dân số của Phường 1 được tách ra để thành lập Phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

**Dân số:** 11.211 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 95 triệu/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Kinh tế chủ yếu của phường là thương mại - dịch vụ và sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

**Giáo dục:**

Năm 2020, Phường có 05 trường học: Trường mầm non Lê Thị Hồng Gấm, Trường mầm non Hùng Vương, Trường mầm non Họa Mi, Trường tiểu học Chu Văn An, Trường trung học cơ sở Lê Ngọc Hân (là một trong những trường có nhiều học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp thành phố và cấp tỉnh).

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 07 biên chế: 03 y sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 dược sĩ, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

Trên địa bàn phường có Trung tâm y tế thành phố Mỹ Tho, Bệnh viện Mắt tỉnh Tiền Giang, Trung tâm da liễu tỉnh Tiền Giang.

**Giao thông:**

Phường 7 có 04 tuyến đường chính là các đường Hùng Vương, Nguyễn Trải, Ngô Quyền, Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Các tuyến đường nhỏ và hẻm trong phường đều được trải nhựa và trải bê tông. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Giao thông đường thủy có kênh/kinh Bảo Định.

**Văn hóa:**

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Năm 2020, Phường có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 95% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu khu phố văn hóa.

Phường có câu lạc bộ đờn ca tài tử, các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

**Du lịch:**

Trên địa bàn phường có Bảo tàng Tiền Giang, thu hút khách du lịch các nơi đến tham quan.

**Thể thao:**

Phường không có sân bãi luyện tập thể dục - thể thao, chủ yếu luyện tập ở sân bãi của các trường học,… Phong trào luyện tập thể dục - thể thao của nhân dân trong phường phát triển mạnh, như tập thể dục buổi sáng, thể dục thẩm mỹ, bóng bàn, điền kinh, đá cầu, đi - chạy bộ, quần vợt, bóng đá, bóng đá, cầu lông,… Năm 2020, phường có 27% số hộ đạt tiêu chí gia đình thể dục thể thao, 29% số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên.

Năm 2020, phường có 01 câu lạc bộ bóng bàn, 01 câu lạc bộ dưỡng sinh, 07 đội bóng đá, 2 đội đá cầu, 08 đội bóng chuyền, 05 đội cờ tướng.

**Tổng số liệt sĩ:** 32 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** Không.

**15**. **Phường 8**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (8).

**Vị trí địa lý:**

Phường 8 nằm ở phía Đông thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp Phường 9, phía Tây giáp Phường 3, phía Nam giáp Phường 2, phía Bắc giáp Phường 3 và xã Mỹ Phong.

**Diện tích tự nhiên:** 69,96 ha.

**Hành chính**:

Phường 8 có 8 khu phố; các khu phố theo số thứ tự từ 01 đến 08.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 8 hiện nay thuộc thôn Giang Trạm Điều Hòa, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường và thôn Mỹ Chánh, tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, thôn Giang Trạm Điều Hòa được đổi thành thôn Điều Hòa, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường; thôn Mỹ Chánh thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), Phường 8 hiện nay một phần thuộc làng Điều Hoà, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, một phần thuộc làng Tân Hội Mỹ, tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt phường này thuộc xã Tân Mỹ Chánh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt một phần đất của phường thuộc làng Điều Hòa, quận Châu Thành và một phần đất thuộc làng Tân Hội Mỹ, tổng Thạnh Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt phường thuộc xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt phường thuộc Phường 2, thị xã Mỹ Tho, tỉnh Định Tường và Tân Mỹ Chánh, quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường. Năm 1976, Phường 8 được thành lập từ việc tách một phần Phường 2 và một phần xã Tân Mỹ Chánh, thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**Dân số:** 10.652 người (2020).

**Thu nhập bình quân đầu người:** 91 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Từ một địa bàn gần như thuần nông, kinh tế của phường đã chuyển sang thương mại - dịch vụ và sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Có Cảng cá Mỹ Tho và Chợ Cũ với hoạt động kinh doanh rất nhộn nhịp.

**Giáo dục:**

Năm 2020, Phường có 03 trường học: Trường mầm Non Sao Mai, Trường tiểu học Đinh Bộ Lĩnh, Trường trung học cơ sở Học Lạc. Ngoài ra, trên địa bàn phường còn có Trường Cao đẳng Tiền Giang.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 08 biên chế: 01 bác sĩ, 03 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 02 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

**Giao thông:**

Phường 8 có 06 tuyến đường chính là các đường Đinh Bộ Lĩnh, Học Lạc, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Huỳnh Đức, Thái Sanh Hạnh,.... Các tuyến đường nhỏ và hẻm trong phường đều được trải nhựa và trải bê tông. Việc lát vỉa hè các tuyến đường trong phường đạt 100%. Giao thông đường thủy có Sông Tiền.

**Văn hóa:**

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 96% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Phường có câu lạc bộ đờn ca tài tử, các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

**Du lịch:**

Trên địa bàn phường có Chùa Ông, thu hút khách du lịch các nơi đến tham quan, lễ bái.

**Thể thao:**

Phong trào luyện tập thể dục - thể thao của nhân dân trong phường phát triển mạnh, như tập thể dục buổi sáng, thể dục thẩm mỹ, bóng bàn, điền kinh, đá cầu, đi - chạy bộ, quần vợt, bóng đá, bóng đá, cầu lông,…

Năm 2020, phường có 28% số hộ đạt tiêu chí gia đình thể dục thể thao, 31% số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên. Phường có các câu lạc bộ bóng bàn, dưỡng sinh, đội bóng đá, đội đá cầu, đội bóng chuyền, đội cầu lông, đội cờ tướng.

**Tổng số liệt sĩ:** 68 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** Không.

**16.** **Phường 9**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (9).

**Vị trí địa lý:**

Phường 9 nằm về phía Đông thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp xã Tân Mỹ Chánh, phía Tây giáp Phường 8 và Phường 2, phía Nam giáp sông Tiền, phía Bắc giáp xã Mỹ Phong.

**Diện tích tự nhiên:** 274 ha.

**Hành chính:**

Phường có 06 khu phố: Khu phố 1, Khu phố 2, Khu phố 3, Khu phố 4, Khu phố 5, Khu phố 6.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long có 3 thôn Phú Hội, Mỹ Chánh và Bình Phong thuộc tổng Kiến Thạnh, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đến đời vua Minh Mạng có thêm thôn Phong Thuận, thuộc tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Ngày 29-11-1923, chính quyền thực dân Pháp cho nhập hai làng Phú Hội và Mỹ Chánh thành làng Hội Mỹ, đồng thời nhập hai làng Bình Phong và Phong Thuận thành làng Tân Phong. Năm 1936, Hội Mỹ và Tân Phong nhập lại lấy tên là Tân Hội Mỹ.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt xã Tân Hội Mỹ thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt làng Tân Hội Mỹ thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), xã Tân Hội Mỹ nhập với xã Mỹ Chánh thành xã Tân Mỹ Chánh (1956); chính quyền cách mạng đặt xã Tân Mỹ Chánh thuộc thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt xã Tân Mỹ Chánh thuộc quận Chợ Gạo, tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, xã Tân Mỹ Chánh thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2003 thực hiện Nghị định 154/NĐ-CP ngày 07/12/2003, Phường 9 được thành lập trên cơ sở điều chỉnh diện tích và dân số của 02 ấp Phong Thuận A và Bình Phong A của xã Tân Mỹ Chánh.

**Dân số:** 9.270 người.

**Thu nhập bình quân đầu người:** 65 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Năm 2020, phường có 65 cơ sở tiểu thủ công nghiệp, như sản xuất nước đá, bún, bánh kẹo,…; 118 cơ sở thương mại - dịch vụ; về công nghiệp có các cơ sở đóng tàu, dịch vụ hậu cần nghề cá, sản xuất chế biến hải sản; 13 phương tiện đánh bắt xa bờ, sản lượng đánh bắt bình quân 6.800 tấn/năm.

Bên cạnh đó, phường cũng có một ít diện tích canh tác lúa, rau màu và chăn nuôi cá, trong đó có 02 hộ nuôi cá sấu và ba ba,…

Trên địa bàn phường có một số doanh nghiệp lớn, như công ty An Việt, công ty Ticco; công ty May Tiền Tiến; Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh,…

**Giáo dục:**

Năm 2020, Phường có 02 trường học: Trường mầm non Rạng Đông, Trường tiểu học Âu Dương Lân. Cả 02 trường đều đạt Trường chuẩn quốc gia. Ngoài ra, trên địa bàn phường còn có Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.

Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

**Giao thông:**

Trên địa bàn phường có tuyến Quốc lộ 50 chạy ngang qua với chiều dài khoảng 03 km, 12 tuyến đường khu dân cư trên địa bàn các khu phố với chiều dài khoảng 10 km, 20 tuyến đường liên khu phố, liên tổ với chiều dài trên 12 km. Tất cả các tuyến đường này đều được trải nhựa và bê tông. Giao thông thủy có Sông Tiền.

**Văn hóa:**

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Năm 2020, Phường có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 96% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Phường có các câu lạc bộ đờn ca tài tử, Hát với nhau, các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

**Du lịch:**

Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Phong trào luyện tập thể dục - thể thao được nhân dân trong phường tích cực hưởng ứng. Năm 2020, phường có 27,6% số hộ đạt tiêu chí gia đình thể dục thể thao, 29,5% số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên. Phường có các câu lạc bộ dưỡng sinh, đội bóng đá, đội đá cầu, đội cầu lông, đội cờ tướng, 01 sân bóng đá mini, 02 sân cầu lông, 02 sân bóng chuyền, 02 sân tennis,…

**Tổng số liệt sĩ**: 45 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** Không.

**17**. **Phường 10**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Tên đơn vị hành chính được đặt theo đơn vị cấp phường và số từ (10).

**Vị trí địa lý:**

Phường 10 nằm về phía Tây thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp kênh/kinh Bảo Định, phía Tây giáp xã Trung An, phía Nam giáp Phường 5, phía Bắc giáp xã Long An, huyện Châu Thành.

**Diện tích tự nhiên:** 266,58 ha.

**Hành chính:**

Phường 10 có 06 khu phố: các khu phố 1, 2, 3, 4, 5 và Trung Lương.

**Lịch sử hình thành:**

Năm 1808, đời vua Gia Long, Phường 10 hiện nay thuộc hai thôn Trung Lương và Đạo Ngạn, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường. Năm 1836, đời vua Minh Mạng, hai thôn này tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), hai làng Trung Lương và An Đức Đông nhập lại thành làng Trung An (1925), làng Đạo Ngạn và làng Thạnh Trị nhập lại lấy tên là Đạo Thạnh (1932), hai làng này thuộc tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Phường 10 hiện nay thuộc hai làng Trung An và Đạo Thạnh.

Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt Phường 10 hiện nay thuộc hai xã Trung An và Đạo Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt phường thuộc hai làng Trung An và Đạo Thạnh, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), chính quyền cách mạng đặt Phường 10 hiện nay thuộc một phần xã Trung An và một phần xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho; chính quyền Sài Gòn đặt phường thuộc một phần xã Trung An và một phần xã Đạo Thạnh, quận Châu Thành , tỉnh Định Tường.

Sau năm 1975, hai xã Trung An và Đạo Thạnh thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2003, Phường 10 được thành lập từ việc tách một phần diện tích tự nhiên và dân số của xã Trung An và xã Đạo Thạnh.

**Dân số:** 12.122 người.

**Thu nhập bình quân đầu người**: 102 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Cơ cấu kinh tế của phường chuyển dịch và phát triển theo hướng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ.  Trên địa bàn phường có Siêu thị Coop Mart Mỹ Tho.

**Giáo dục:**

Phường có 02 trường học: Trường mầm non Sen Hồng, Trường tiểu học Thái Sanh Hạnh. Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 07 biên chế: 03 y sĩ, 02 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế. Trên địa bàn phường có bệnh viện đa khoa tư nhân Tâm Minh Đức.

**Giao thông:**

Chạy ngang qua phường có Quốc lộ 1, Quốc lộ 60. Phường có các tuyến đường chính: Ấp Bắc, Lê Văn Phẩm, Nguyễn Công Bình,… Tất cả các tuyến đường trên địa bàn phường đều được trải nhựa và bê tông. Giao thông thủy có kênh/kinh Bảo Định.

**Văn hóa:**

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Năm 2020. Phường có 100% gia đình đăng ký gia đình văn hóa, có 97% gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa,...

Tất cả các khu phố đều có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng. 100% khu phố được công nhận danh hiệu Khu phố văn hóa.

Phường có các câu lạc bộ đờn ca tài tử, Hát với nhau, các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

**Du lịch:**

Chưa có địa điểm du lịch.

**Thể thao:**

Phong trào luyện tập thể dục - thể thao được nhân dân trong phường tích cực hưởng ứng. Năm 2020, phường có 32,1% người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên, 26,9% hộ gia đình thể dục thể thao, có 20 câu lạc bộ thể dục thể thao sinh hoạt thường xuyên, như dưỡng sinh, bóng đá, đá cầu, cầu lông, cờ tướng, võ thuật, bóng chuyền, thể dục thẩm mỹ,…

**Tổng số liệt sĩ**: 157 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng**: 22 Bà mẹ.

**18.** **Phường Tân Long**

**Ý nghĩa tên đơn vị hành chính:**

Địa danh Hán Việt:

新 Tân: Mới mẻ

龍 Long: Rồng

坊 Phường: Đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố; trên khu phố, khóm.

新龍坊 Tân Long Phường

**Vị trí địa lý:**

Phường Tân Long là một cù lao nằm về phía Nam thành phố Mỹ Tho, phía Đông giáp xã Tân Mỹ Chánh, phía Tây giáp xã Thới Sơn và Phường 4, phía Nam giáp huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, phía Bắc: giáp các Phường 1, 2, 9.

**Diện tích tự nhiên:** 325,68 ha.

**Hành chính:** có 03 khu phố: Thuận Hà, Tân Hòa, Tân Bình.

**Lịch sử hình thành:**

Theo sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức, cồn Rồng bắt đầu nổi lên từ năm 1788.

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), phường có tên là Cồn Rồng. Trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), chính quyền cách mạng đặt Cồn Rồng thuộc xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho; chính quyền thực dân đặt cồn thuộc làng Bình Đức, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Trong kháng chiến chống Mỹ (1945-1975), ngày 31-01-1958, chính quyền Sài Gòn thành lập xã Tân Long, thuộc quận Châu Thành, tỉnh Định Tường; chính quyền cách mạng đặt xã Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Mỹ Tho.

Sau 1975, xã Tân Long thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2003, xã Tân Long được đổi thành phường Tân Long, thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

**Dân số:** 3.263 người (2020)

**Thu nhập bình quân đầu người:** 75 triệu đồng/người/năm (2020).

**Kinh tế:**

Phường có 45,32 ha đất nông nghiệp, chủ yếu trồng dừa, nhãn, bưởi, lá sâm, hoa kiểng, 169 bè nuôi cá, 40 tàu khai thác hải sản,205 cơ sở kinh doanh dịch vụ, 05 cơ sở sửa chữa ghe tàu, 01 hãng sản xuất nước đá, 05 cơ sở hàn tiện.

**Giáo dục:**

Năm 2020, Phườngcó 02 trường học: Trường mầm non Tuổi Thơ, Trường tiểu học Tân Long. Phường đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

**Y tế:**

Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia về Y tế cơ sở; có 06 biên chế: 01 bác sĩ, 02 y sĩ, 01 dược sĩ, 01 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng. Số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94% (2020). Tất cả các khu phố đều có tổ y tế.

**Giao thông:**

Trên địa bàn phường có 02 tuyến đường chính, 06 tuyến đường ngang; tất cả đều được trải nhựa và trải bê tông.

**Văn hóa:**

Phường được công nhận danh hiệu Phường đạt chuẩn văn minh đô thị, có Nhà văn hóa đạt chuẩn.

Năm 2020, tổng số hộ đăng ký xây dựng Gia đình văn hóa trên địa bàn phường là 726/726 hộ, đạt 100%, Kết quả bình xét gia đình văn hóa là 696/726 hộ, đạt 95,86%.

Tất cả các khu phố đều được công nhận Khu phố văn hóa, có trụ sở kiêm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng; đạt 100% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; cơ sở tín ngưỡng, cơ sở thờ tự các tôn giáo, chợ được công nhận “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá” và đạt danh hiệu “Nếp sống cộng đồng”.

Phường có các câu lạc bộ đờn ca tài tử, cờ tướng, Hát với nhau, các đội, nhóm văn nghệ quần chúng,…

**Du lịch:**

Phường là điểm du lịch sinh thái miệt vườn, thu hút du khách khắp nơi đến tham quan, có 01 điểm homestay (dịch vụ du lịch lưu trú nhà dân) và 01 nhà hàng sinh thái.

**Thể thao:**

Trên địa bàn phường có 09 điểm tập luyện thể dục thể thao (khu vực bờ kè phía Đông và phía Tây, 02 sân trường học, 3 điểm sinh hoạt văn hóa, 02 sân nhà văn hóa, sân của người dân cho sử dụng tạm) dùng để tập luyện các môn: cầu lông, đá cầu, thể dục tay không, thể dục dưỡng sinh, bóng đá mini, thể thao dân tộc, đi bộ, điền kinh và bóng chuyền,...

**Tổng số liệt sĩ:** 23 liệt sĩ.

**Tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng:** Không.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn quốc lộ,** đường cao tốc, đường tỉnh:

**1. Quốc lộ 1**, **đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (1).

Quốc lộ 1 trước đây, dưới thời nhà Nguyễn, trong nửa đầu thế kỷ 19, được gọi là đường Thiên lý; dưới thời thực dân Pháp (từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1954), là Lộ Đông Dương; dưới thời chính quyền Sài Gòn (1954-1975) là Lộ 4.

Quốc lộ 1 là tuyến đường giao thông xuyên suốt Việt Nam, bắt đầu từ cửa khẩu Hữu Nghị trên biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, nằm tại thị trấn Đồng Đăng thuộc huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, kết thúc tại thị trấn Năm Căn thuộc huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau với tổng chiều dài 2.482 km. Đây là tuyến đường quan trọng hàng đầu Việt Nam.

Quốc lộ 1 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 1954 tại cầu Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xuyên qua huyện Châu Thành, thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè, kết thúc tại km 2029 cầu Mỹ Thuận, xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, giáp giới tỉnh Vĩnh Long, dài 75 km.

**2.** **Quốc lộ 50**, **đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路: Đường) + Số hiệu (50).

Quốc lộ 50 là tuyến đường nối liền từ Thành phố Hồ Chí Minh qua tỉnh Long An đến tỉnh Tiền Giang, bắt đầu từ cầu Nhị Thiên Đường, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo hướng nam đi qua huyện Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh), sang hai huyện Cần Giuộc và Cần Đước, tỉnh Long An, đến thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Tại trung tâm thị xã Gò Công, con đường rẽ sang hướng tây qua hai huyện  Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, với tổng chiều khoảng dài 95 km.

Quốc lộ 50 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ km 41 tại cầu Mỹ Lợi, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, xuyên qua thị xã Gò Công, hai huyện  Gò Công Tây, Chợ Gạo và kết thúc tại km 95, ngã ba Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, dài 54 km.

**3.** **Quốc lộ 60, đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Quốc: 國: Nước; Lộ: 路 : Đường) + Số hiệu (60).

Quốc lộ 60 bắt đầu từ ngã ba Trung Lương, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh [Tiền Giang](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n_Giang), đi qua các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh  và kết thúc tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh [Sóc Trăng](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B3c_Tr%C4%83ng), với [chiều dài](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BB%81u_d%C3%A0i) khoảng 115 km.

Quốc lộ 60 giúp rút ngắn đường đi từ [Mỹ Tho](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9_Tho) đến [Sóc Trăng](https://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B3c_Tr%C4%83ng) trên 50 km, rút ngắn đường đi từ Mỹ Tho đến [Trà Vinh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%A0_Vinh) 60 km so với đi theo [Quốc lộ 1](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_l%E1%BB%99_1).

Quốc lộ 60 đoạn ngang qua tỉnh Tiền Giang bắt đầu từ ngã ba Trung Lương, Phường 10 đến cầu Rạch Miễu, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, dài 5,5 km.

**\* Đường tỉnh:**

**1.** **Đường tỉnh 864**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (864).

Đường tỉnh 864, có số hiệu đường bộ ĐT.864; điểm đầu: Đường vào mố cầu Bình Đức (đường Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Cầu Mỹ Thuận (xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè); chiều dài: 57,654 km.

**2.** **Đường tỉnh 870**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (870).

Đường tỉnh 870, có số hiệu đường bộ ĐT.870; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Ngã tư Đồng Tâm, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho và xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành); điểm cuối: ĐT.864  (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho và xã Bình Đức, huyện Châu Thành); chiều dài: 5,712 km.

**3.** **Đường tỉnh 870B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (870B).

Đường tỉnh 870B, có số hiệu đường bộ ĐT.870B; điểm đầu: Quốc lộ 1 (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: ĐT.864 (Khu Công nghiệp Mỹ Tho - xã Trung An); chiều dài: 4,506 km.

**4.** **Đường tỉnh 879**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879).

Đường tỉnh 879, có số hiệu đường bộ ĐT.879; điểm đầu: Đường Nguyễn Văn Giác (thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 15,358 km.

**5.** **Đường tỉnh 879B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường tỉnh) + Số hiệu (879B).

Đường tỉnh 879B, có số hiệu đường bộ ĐT.879B; điểm đầu: Đường Nguyễn Trung Trực (thành phố Mỹ Tho); điểm cuối: Giáp ranh tỉnh Long An (xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo); chiều dài: 13,434 km.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn đường huyện, đường phố ở thành phố Mỹ Tho:**

**Khái niệm đường bộ, tên đường bộ và số hiệu đường bộ:**

**- Theo Điều 3,** Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường bộ gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.

**- Theo Điều 40,** Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định cách đặt tên và số hiệu đường bộ như sau: Tên đường được đặt tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử, văn hóa, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết; trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu quốc lộ.

**Đường huyện: 23 địa danh.**

Điều 39, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

**1. Đường huyện 86**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (86).

Đường huyện 86 có số hiệu đường bộ ĐH.86; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Mỹ Chánh); điểm cuối: Đường Lộ Làng (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 1,600 km.

**2. Đường huyện 86C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (86C) + Chữ cái La tinh (C)

Đường huyện 86 có số hiệu đường bộ ĐH.86C; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Mỹ Chánh); điểm cuối: Đường Lộ Làng (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 1,850 km.

**3. Đường huyện 86D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (86D) + Chữ cái La tinh (D)

Đường huyện 86D có số hiệu đường bộ ĐH.86D; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Mỹ Chánh); điểm cuối: Sông Tiền (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 0,600 km.

**4. Đường huyện 87**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (87)

Đường huyện 87 có số hiệu đường bộ ĐH.87; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (cầu Gò Cát, Phường 9); điểm cuối: Sông Tiền (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 2,800 km.

**5. Đường huyện 87B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (87B) + Chữ cái La tinh (B)

Đường huyện 87B có số hiệu đường bộ ĐH.87B; điểm đầu: Cầu Bình Phong (xã Tân Mỹ Chánh); điểm cuối: Đường Lộ Xoài (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 2,100 km.

**6. Đường huyện 87C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (87C) + Chữ cái La tinh (C)

Đường huyện 87C có số hiệu đường bộ ĐH.87C; điểm đầu: Quốc lộ 50 (xã Tân Mỹ Chánh); điểm cuối: Đường Lộ Xoài (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 2,900 km.

**7. Đường huyện 88**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (88)

Đường huyện 88 có số hiệu đường bộ ĐH.88; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Giáp xã Song Bình, huyện Chợ Gạo (xã Mỹ Phong); chiều dài: 1,300 km.

**8. Đường huyện 89**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (89)

Đường huyện 89 có số hiệu đường bộ ĐH.89; điểm đầu: Đường tỉnh 879 (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Giáp ranh huyện Chợ Gạo (xã Tân Mỹ Chánh); chiều dài: 4,697 km.

**9. Đường huyện 90**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (90)

Đường huyện 90 có số hiệu đường bộ ĐH.90; điểm đầu: Đường Lộ Me (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Giáp ranh huyện Chợ Gạo (xã Mỹ Phong); chiều dài: 3,750 km.

**10. Đường huyện 90B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (90B) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 90 có số hiệu đường bộ ĐH.90B; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Đường Kênh Nổi (xã Mỹ Phong); chiều dài: 1,350 km.

**11. Đường huyện 90C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (90C) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 90 có số hiệu đường bộ ĐH.90C; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Đường Kênh Nổi (xã Mỹ Phong); chiều dài: 1,900 km.

**12. Đường huyện 90D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (90D) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 90 có số hiệu đường bộ ĐH.90D; điểm đầu: Đường Lộ Me (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Ranh Ấp Mỹ Hưng (xã Mỹ Phong); chiều dài: 2,000 km.

**13. Đường huyện 90E**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (90E) + Chữ cái La tinh (E).

Đường huyện 90 có số hiệu đường bộ ĐH.90E; điểm đầu: Đường tỉnh 879B (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Ranh Ấp Mỹ Lương (xã Mỹ Phong); chiều dài: 2,300 km.

**14. Đường huyện 91**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (91)

Đường huyện 91 có số hiệu đường bộ ĐH.91; điểm đầu: Kênh Ngang 1 (xã Mỹ Phong); điểm cuối: Rạch Gò Cát (xã Mỹ Phong); chiều dài: 2,200.

**15. Đường huyện 92**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (92)

Đường huyện 92 có số hiệu đường bộ ĐH.92; điểm đầu: Quốc lộ 1A (Phường 10); điểm cuối: Đường Nguyễn Minh Đường (xã Đạo Thạnh); chiều dài: 3,300 km.

**16. Đường huyện 92B**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (92B) + Chữ cái La tinh (B).

Đường huyện 92B có số hiệu đường bộ ĐH.92B; điểm đầu: Đường xã Đạo Thạnh; điểm cuối: Bia Thành Đội (xã Đạo Thạnh); chiều dài: 1,200 km.

**17. Đường huyện 92C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (92C) + Chữ cái La tinh (C).

Đường huyện 92C có số hiệu đường bộ ĐH.92C; điểm đầu: Cầu Đạo Thạnh (xã Đạo Thạnh); điểm cuối: Quốc lộ 50 (xã Đạo Thạnh); chiều dài: 1,050 km.

**18. Đường huyện 92D**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (92) + Chữ cái La tinh (D).

Đường huyện 92D có số hiệu đường bộ ĐH.92D; điểm đầu: Cầu Đạo Thạnh (xã Đạo Thạnh); điểm cuối: Quốc lộ 50 (xã Đạo Thạnh); chiều dài: 1,050.

**19. Đường huyện 92E**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (92E) + Chữ cái La tinh (E).

Đường huyện 92E có số hiệu đường bộ ĐH.92E; điểm đầu: Đường huyện 92 (xã Đạo Thạnh); điểm cuối: Sông Bảo Định (xã Đạo Thạnh); chiều dài: 1,100 km.

**20. Đường huyện 93**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (93)

Đường huyện 93 có số hiệu đường bộ ĐH.93; điểm đầu: Quốc lộ 1 (Phường 10, xã Trung An); điểm cuối: Đường Chùa Lương Phước (xã Trung An); chiều dài: 1,650 km.

**21. Đường huyện 94**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (94)

Đường huyện 94 có số hiệu đường bộ ĐH.94; điểm đầu: Đường tỉnh 870B (xã Trung An); điểm cuối: Rạch Cái Ngang (xã Trung An); chiều dài: 1,500 km.

**22. Đường huyện 94C**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (94C) + Chữ cái La tinh (C)

Đường huyện 94C có số hiệu đường bộ ĐH.94C; điểm đầu: Ấp Thới Thạnh (xã Thới Sơn); điểm cuối: Ấp Thới Bình (xã Thới Sơn); chiều dài: 7,600 km.

**23. Đường huyện 95**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường huyện) + Số hiệu (95)

Đường huyện 95 có số hiệu đường bộ ĐH.95; điểm đầu: Đường Chùa Lương Phước (xã Trung An); điểm cuối: Rạch Cái Ngang (xã Trung An); chiều dài: 1,000 km.

**Đường phố:**

Tại Khoản 9, Điều 3, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Đường phố là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

Theo định nghĩa trên thì có thể hiểu đường phố là phần đất được sử dụng cho việc đi lại của người dân và kết cấu hạ tầng công cộng, như cây xanh, đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông, hệ thống thoát nước, lòng đường cho xe di chuyển. Đường phố có vai trò quan trọng đối với những hoạt động đời sống của con người.

**1. Đường 30 - 4**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (30-4).

Sự kiện lịch sử:

Ngày 30/4/1975, thường được gọi là Ngày 30 tháng 4 - Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là sự kiện chấm dứt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam khi quân giải phóng tiến vào dinh “Độc Lập”, tổng thống chính quyền Sài Gòn Dương Văn Minh cùng nội các tuyên bố đầu hàng vô điều kiện Quân giải phóng miền Nam Việt Nam vào trưa ngày 30/4/1975. Chiến thắng ngày 30/4/1975 đã chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và chế độ quân chủ ở nước ta, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước; đồng thời, mở ra một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên cả nước bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng này đã đi vào lịch sử nước ta và của thế giới như một trang sử chói lọi ở những năm 70 của thế kỷ XX, mang tầm vóc quốc tế và ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Đường 30 tháng 4có điểm đầu: giáp đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa và đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: giao với đường Trưng Trắc bên bờ sông Bảo Định; chiều dài: 0,750 km; chiều rộng: 15,0 m.

**2. Đường Âu Dương Lân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Âu Dương Lân).

Tiểu sử danh nhân:

**ÂU DƯƠNG LÂN**

**( - 1875)**

Âu Dương Lân chưa rõ năm sinh, người thôn Phú An, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông là người thông minh, học giỏi, thi đỗ cử nhân năm 1858 tại trường thi hương Gia Định. Được biết, cha của ông là Âu Dương Xuân cũng từng đỗ cử nhân năm 1842. Sau đó, ông được triều đình bổ làm Tri huyện Kiến Hòa, nên còn được gọi là Huyện Lân.

Khi thực dân Pháp xâm chiếm Nam kỳ (1859), ông tham gia phong trào kháng chiến do Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Sau khi Nguyễn Hữu Huân bị giặc bắt và đày ra nước ngoài vào năm 1864; rồi tiếp theo Võ Duy Dương hy sinh vào năm 1866; ông lui về quê nhà, nuôi chí quật khởi và chờ đợi thời cơ. Năm 1867, ông hoạt động trở lại, cùng với một số thủ lãnh nghĩa quân, như Nguyễn Văn Thọ, Lê Quang Vì, Phan Tấn Kỳ, Trần Văn Thành,… tổ chức quyên góp tiền bạc, mua sắm vũ khí và lương thực,… chuẩn bị cho công cuộc đánh Pháp khi có thời cơ.

Năm 1869, Nguyễn Hữu Huân được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương (Tổng đốc Phương) ở Chợ Lớn. Năm 1872, Nguyễn Hữu Huân đào thoát khỏi nơi giam giữ và lẻn về Mỹ Tho chiêu mộ nghĩa sĩ tiếp tục cuộc kháng Pháp. Ngay lập tức, ông đã bắt liên lạc với vị Thủ khoa yêu nước; và được Nguyễn Hữu Huân tin tưởng giao trọng trách làm Phó tướng của cuộc khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân ngày càng phát triển mạnh mẽ và tỏa ra tấn công quân Pháp ở khắp mọi nơi. Một hệ thống chính quyền kháng chiến đã được thiết lập ở vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lượng hùng hậu đàn áp cuộc khởi nghĩa. Năm 1875, ông bị quân Pháp bắt được. Bọn chúng vừa dụ dỗ, vừa tra tấn ông rất tàn bạo hòng buộc ông phải quy thuận. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết của người sĩ phu chân chính.

Cuối cùng, ngày 12 tháng 7 năm Ất Hợi (12-8-1875), giặc Pháp đã hèn mạt chém đầu ông tại bờ sông Mỹ Tho (nay thuộc khu vực công viên Lạc Hồng, đường 30 tháng 4, phường 1, thành phố Mỹ Tho). Hiện nay, phần mộ của ông tọa lạc tại ấp Phú Khương A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và đã được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh (2010). Tên ông được đặt tên đường và tên trường ở Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; tên đường và tên trường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Âu Dương Lân có điểm đầu: giáp với Quốc lộ 50; điểm cuối: giao với Khu Hành chính Phường 9; chiều dài: 0,150 km; chiều rộng: 22,0 m.

**3. Đường Ấp Bắc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh lịch sử (Ấp Bắc).

Địa danh lịch sử:

Ngày 01/01/1963, các đơn vị bộ đội của ta tập hợp tại Ấp Bắc để chuẩn bị tấn công ấp chiến lược Giồng Dứa (xã Long Định, huyện Châu Thành). Dò biết hoạt động của quân ta, ngày 02/01/1963, địch mở trận càn mang tên “Đức Thắng 01 - 63”, do Sư đoàn 7 ngụy và chiến đoàn bảo an thuộc Tiểu khu Định Tường đảm trách.

Sau một ngày kiên cường chiến đấu chống địch càn quét, bắt đầu từ 5 giờ sáng và kéo dài liên tục đến 20 giờ, ta đã giành được thắng lợi vang dội: diệt và làm bị thương 450 tên, trong đó có 3 tên Mỹ và hàng chục sĩ quan ngụy, bắn rơi và bắn hỏng 16 máy bay trực thăng, bắn cháy 3 xe thiết giáp M.113, 2 tàu chiến.

Chiến thắng Ấp Bắc đã làm thất bại chiến thuật “trực thăng vận, thiết xa vận” của địch, mở đầu cho phong trào đánh bại chiến thuật mới của địch trên toàn chiến trường miền Nam. Đó là chiến công đặc biệt quan trọng, mở ra cục diện mới, tạo ra điển hình mới, đem lại lòng tin cho chiến sĩ và nhân dân ta ở miền Nam có khả năng đánh thắng Mỹ về quân sự trong “Chiến tranh đặc biệt”.

Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa chiến lược làm đảo lộn các chiến thuật và chiến lược của đế quốc Mỹ; làm nhụt ý chí xâm lược của kẻ thù, làm lung lay chế độ tay sai Ngô Đình Diệm, gây tiếng vang lớn trên trường quốc tế. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ chín, tháng 12/1963, đã chỉ rõ: “Sau những thất bại nặng nề của kế hoạch Xtalây - Taylo, nhất là sau Chiến thắng Ấp Bắc của quân và dân miền Nam, đế quốc Mỹ đã bắt đầu không tin là chúng sẽ thắng, và đã công khai nói lên sự mất tin tưởng đó”. Đồng chí Tổng bí thư Đảng Lê Duẩn cho rằng: “Với chiến thắng Ấp Bắc, Mỹ thấy không thể thắng ta trong chiến lược chiến tranh đặc biệt”.

Đường Ấp Bắc có điểm đầu: giáp Quốc lộ 60; điểm cuối: giao với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; chiều dài: 3,430 km; chiều rộng: 16,0 m.

**4. Đường Cô Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Danh nhân (Cô Giang).

Tiểu sử danh nhân:

**CÔ GIANG**

**(1906 – 1930)**

Cô Giang tên thật là Nguyễn Thị Giang, sinh năm 1906 tại thị xã Phủ Lạng Thương, tỉnh Bắc Giang.

Năm 1927, bà tham gia Việt Nam Quốc Dân Đảng và được cử làm Tổng thư ký. Đêm 10, rạng ngày 11/2/1930, Việt Nam Quốc Dân Đảng phát động cuộc khởi nghĩa ở Yên Bái và một số địa phương khác ở Bắc Kỳ. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man. Lãnh tụ Nguyễn Thái Học cùng nhiều thành viên nòng cốt của Việt Nam Quốc Dân Đảng bị thực dân Pháp bắt được. Khi cuộc khởi Nghĩa Yên Bái thất bại, ngày 17/6/1930, bà từ Hà Nội lên Yên Bái đến tận pháp trường chứng kiến cái chết anh dũng của Đảng trưởng Nguyễn Thái Học, đồng thời cũng là vị hôn phu của mình cùng với 12 đồng chí khác.

Tờ mờ sáng ngày 18/6/1930, bà về quê nhà của Nguyễn Thái Học ở làng Thổ Tang, tổng Lương Điền, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (nay là thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) lạy tạ bố mẹ chồng, tháo chiếc đồng hồ có khắc chữ “G” tặng cho Nguyễn Văn Lâm, em trai Nguyễn Thái Học và từ giã mọi người. Trên đường đi ra, bà ghé quán trà bên gốc cây đề, thuộc Xóm Mới, làng Đông Vệ, cách làng Thổ Tang ước chừng một cây số.

Sau khi uống bát nước trà xanh, bà đến đứng dưới gốc cây đề, mắt nhìn về hướng làng Thổ Tang và tự kết liễu đời mình bằng khẩu súng lục mà Nguyễn Thái Học đã tặng bà trước đó ở đền các vị Vua Hùng (tỉnh Phú Tho). Tên của bà được đặt tên một trường trung học phổ thông ở huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, tên phường Cô Giang ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, tên bà cũng được tên đường ở một số tỉnh trên cả nước, trong đó có thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Cô Giang có điểm đầu: giáp đường Trịnh Hoài Đức; điểm cuối: giao với đường Phan Thanh Giản; chiều dài: 0,08 km; chiều rộng 6,0 m.

**5. Đường Diệp Minh Tuyền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Diệp Minh Tuyền).

Tiểu sử danh nhân:

**DIỆP MINH TUYỀN**

**(1941 – 1997)**

Diệp Minh Tuyền sinh năm 1941 tại làng Phú Hội, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trí thức yêu nước. Cha của ông - cụ Diệp Tư - từng là nhà giáo, cán bộ cách mạng nổi tiếng.

Ông sớm có năng khiếu âm nhạc, từ thuở nhỏ, ông đã chơi thành thạo đàn nandoline. Năm 1950, ông theo thân mẫu vào chiến khu Đồng Tháp Mười, học thiếu sinh quân ở Phòng Dân quân Khu 8, sáng tác thơ văn đăng trên báo tường của cơ quan và nhất là tham gia biểu diễn văn nghệ tại các đơn vị bộ đội. Kể từ đó, trên lĩnh vực âm nhạc, ông bắt đầu chịu ảnh hưởng những ca khúc kháng chiến của các nhạc sĩ cách mạng, như Văn Cao, Lưu Hữu Phước, Hoàng Việt,...

Năm 1952, ông theo thân phụ về Phân liên khu miền Tây Nam bộ đóng ở rừng U Minh. Tại đây, ông theo học tại Trường Tiểu học kháng chiến xã Biển Bạch (huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau) và tham gia đội văn nghệ của nhà trường. Ông cũng tham gia phụ việc làm nhân viên in ấn thuộc Phòng Chính trị Bộ Tư lệnh miền Tây Nam bộ. Cũng ở đây, ông có dịp được gặp gỡ nghệ sĩ Quốc Hương, một tên tuổi lớn của nền tân nhạc cách mạng Việt Nam.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, học tập tại trường Học sinh miền Nam và tham gia Ban văn nghệ Trường Học sinh miền Nam số 14, một ban văn nghệ khá nổi tiếng ở Hải Phòng. Thời gian này ông viết ca khúc đầu tay *Em bé miền Nam*, rồi tiếp theo là ca khúc *Chiều Hạ Long*.

Năm 1961, ông thi đậu vào khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tại đây, ông vừa học tập vừa tiếp tục chơi nhạc và làm thơ. Năm 1962, ông có bài thơ đầu tay được đăng trên báo *Phụ nữ Việt Nam*, số Xuân Nhâm Dần. Năm 1965, sau khi tốt nghiệp đại học, ông công tác tại Tổ lý luận phê bình văn học,  Viện Văn học Việt Nam. Năm 1968, ông vượt Trường Sơn, trở về miền Nam chiến đấu, công tác tại Tổ Văn thuộc Tiểu ban Văn nghệ, Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam.

Sau ngày thống nhất đất nước (30-4-1975), ông đảm nhận chức vụ Phó Tổng Thư ký Hội Âm nhạc Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng biên tập Tạp chí *Sóng Nhạc*, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh và là Ủy viên Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Ông cũng là Hội viên của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam và Hội Nhạc sĩ Việt Nam.

Ông sáng tác thơ, nhạc và viết khảo luận, phê bình khá nhiều; ở lĩnh vực nào cũng thành công.

Về thơ, ông đã xuất bản 6 tập thơ, tiêu biểu là các tập thơ *Đêm châu thổ*, *Tình ca nơi cuối đất*,…; trong đó có những bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc, như *Con đường có lá me bay*, *Mùa chim én bay*, *Màu cờ tôi yêu*.

Về nhạc, ông có *Tuyển tập ca khúc Diệp Minh Tuyền* và hai album *Cánh hoa lưu ly*, *Chỉ một mình em*, trong đó, có nhiều ca khúc đã đi vào lòng người, như *Cánh hoa lưu ly*, *Bài ca tạm biệt*, *Bài ca người lính*, *Vì nhân dân quên mình*, *Tiến bước dưới quân kỳ*, đặc biệt, ca khúc *Hát mãi khúc quân hành* đã nhận được giải thưởng năm 1995 của Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Những sáng tác của ông xoay quanh chủ đề ca ngợi đất nước, cuộc chiến đấu chống ngoại xâm hào hùng của dân tộc, anh bộ đội Cụ Hồ và tình yêu thủy chung, trong sáng. Ông cho biết: “Thời gian cứ trôi qua, tôi đã trải qua biết bao thăng trầm của cuộc đời, của dân tộc; và tôi cũng đã lắng nghe được biết bao thanh âm, khi trầm hùng, sôi nổi, khi tha thiết, dịu dàng của bài ca đất nước. Trong những khoảnh khắc đáng ghi nhớ đó, tôi đã chộp bắt được những thanh âm đầy quyến rũ ấy để biến chúng thành những khúc hát của lòng tôi, ghi dấu trong tim mình về một thời đã sống, một thời không thể nào quên”.

Ông được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Ba. Năm 1997, ông mất tại Thành phố Hồ Chí Minh sau một cơn bạo bệnh. Mộ của ông hiện tọa lạc tại khu vườn của gia đình ở đường Trần Nguyên Hãn, Phường 8, thành phố Mỹ Tho. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã để lại cho đời sau những khúc tráng ca bất hủ, những bài thơ hay và những bài phê bình văn học có giá trị, góp phần tích cực vào sự phát triển của nền thi ca nước nhà.

Đường Diệp Minh Tuyền có điểm đầu: giáp đường Thái Sanh Hạnh; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Văn Nguyễn; chiều dài: 0,450 km; chiều rộng: 6,0 m.

**6. Đường Dương Khuy**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Dương Khuy).

Tiểu sử danh nhân:

**DƯƠNG KHUY**

**(1910 – 1946)**

Dương Khuy sinh năm 1910 tại làng An Thạnh Thủy, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình Nho học yêu nước.

Từ thuở thiếu niên, được các nhà yêu nước tiền bối, như Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Nguyễn, Trần Vĩnh Hoài (Hương trưởng Hoài) hết lòng chăm sóc, giáo dục, nên ông sớm có ý thức đấu tranh chống áp bức, bóc lột, giành độc lập, tự do cho đất nước và đồng bào. Vì thế, ông đã từng tham gia tổ chức Thanh niên Cao vọng do nhà yêu nước Nguyễn An Ninh sáng lập.

Năm 1930, ông giác ngộ chủ nghĩa cộng sản, được tổ chức phân công hoạt động ở huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tại đây, ông đã tích cực tham gia cuộc đấu tranh của nhân dân huyện Giồng Trôm trong Cao trào cách mạng 1930 - 1931. Tháng 4 - 1932, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam); hoạt động tại các xã Lương Quới, Bình Hòa, Bình Thành thuộc huyện Giồng Trôm.

Năm 1933, ông bị địch bắt trên đường công tác tại Châu Bình. Tòa án thực dân kết án ông 4 năm tù và 10 năm biệt xứ. Trong thời gian bị giam cầm, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với lý tuởng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp của Đảng.

Cuối năm 1936, mãn hạn tù, ông đến cư trú và hoạt động tại làng Long Hưng, một địa phương có phong trào cách mạng phát triển rất mạnh của huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho. Nhưng chỉ một năm sau, ông bị địch bắt trở lại; và phải chịu án 2 năm tù. Không khuất phục được ý chí kiên cường của người chiến sĩ cộng sản, đến cuối năm 1939, địch buộc phải thả ông ra tù. Ngay sau đó, ông tìm cách móc nối với các cơ sở cách mạng, hoạt động trở lại.

Năm 1940, để chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa Nam kì, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho phân công làm Trưởng ban Khởi nghĩa huyện Chợ Gạo. Đến trước cuộc khởi nghĩa nổ ra, ông bị địch bắt lần thứ ba; và lần này, chính quyền thực dân đày ông lên Tà Lài, chốn rừng thiêng nước độc thuộc vùng Đồng Nai Thượng, tỉnh Biên Hòa. Tại đây, ông sinh hoạt trong chi bộ Đảng của nhà tù, cùng với các nhà cách mạng nổi tiếng, như Trần Văn Giàu, Dương Quang Đông, Tô Ký,…

Cuối năm 1941, để gầy dựng lại cơ sở cách mạng ở các địa phương sau cuộc khủng bố trắng của thực dân Pháp, ông cùng với hai người khác được chi bộ nhà tù tổ chức vượt ngục. Cuộc vượt ngục, tuy trải qua nhiều gian nan, nguy hiểm, nhưng đã thành công. Ông lại trở về Mỹ Tho, bám dân và bắt tay vào việc xây dựng lực lượng cách mạng.

Đầu năm 1943, ông được cấp trên chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho; và đến tháng 5-1943, làm Bí thư Liên tỉnh ủy miền Trung Nam bộ (gồm các tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long). Tháng 10-1943, theo đề nghị của ông, hội nghị bầu Ban cán sự Xứ ủy Nam kỳ được tổ chức tại xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Hội nghị đề ra phương hướng hành động trước mắt và chuẩn bị tư thế để khi nhận được nghị quyết và tài liệu của Trung ương thì có hành động nhất quán. Tại hội nghị, ông được bầu làm Xứ ủy viên. Với cương vị là Bí thư Liên tỉnh ủy và trực tiếp phụ trách tỉnh Mỹ Tho, ông đã lãnh đạo và chỉ đạo việc khôi phục và phát triển phong trào cách mạng ở các tỉnh thuộc vùng trách nhiệm của mình, nhất là các cơ sở cách mạng trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), quán triệt Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ông đã triệu tập Ban Cán sự Tỉnh ủy Mỹ Tho nhằm đề ra những chủ trương cần kíp trong việc phát động nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 15-5-1945, tại Hội nghị Tỉnh ủy được tổ chức ở xã Trung An (nay thuộc TP Mỹ Tho), ông được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy. Tại hội nghị, Tỉnh ủy chủ trương tập trung khôi phục nhanh các cơ sở Đảng, tích cực chuẩn bị mọi mặt, sẵn sàng đón thời cơ và chớp thời cơ giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 17-8-1945, ông chủ trì Hội nghị Tỉnh ủy về việc phát động nhân dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị nhất trí nhận định thời cơ cách mạng đã chín muồi và quyết định phát lệnh khởi nghĩa với phương châm nơi nào có lực lượng mạnh, địch yếu thì khởi nghĩa trước, nơi nào lực lượng ta còn yếu thì khởi nghĩa sau, quyết phải giành cho được chính quyền về tay nhân dân.

Ở thị xã Mỹ Tho, các điều kiện khởi nghĩa có nhiều thuận lợi hơn các nơi khác, lại là nơi đầu não chính trị của địch trong toàn tỉnh, nên Tỉnh ủy quyết định chọn thị xã Mỹ Tho khởi nghĩa trước để lấy đà và tạo điệu kiện thuận lợi cho các quận khởi nghĩa. Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo khởi nghĩa ở Mỹ Tho, lấy lực lượng của trường quân sự tại đình An Vĩnh, xã Long An làm lực lượng chủ công. Lúc bấy giờ, trường quân sự tỉnh sắp mãn khóa 2 với gần 100 học viên, được biên chế thành 3 trung đội do đồng chí Phan Lương Trực chỉ huy. Nhiệm vụ được Tỉnh ủy giao là phải phối hợp chặt chẽ với lực lượng nội ô đánh chiếm bằng được các cơ sở trọng yếu. 4 giờ sáng ngày 18-8-1945, lực lượng chủ công tiến vào thị xã bằng 2 chiếc xe đò hiệu Hữu Lợi. Đến đường Bourdais (nay là đường Hùng Vương) tách làm 2 cánh, một cánh do đồng chí Phan Lương Trực chỉ huy tiến chiếm trại lính người Việt; một cánh do đồng chí Hàng Nhật Nguyên chỉ huy tiến chiếm sở mật thám và sở cảnh sát. Các cánh quân đều được sự tiếp ứng của lực lượng tại chỗ và sự hướng dẫn của cơ sở nội ứng nên đã nhanh chóng làm chủ các mục tiêu đã định. Sau đó, quần chúng đánh chiếm các công sở còn lại, bao gồm Tòa bố (dinh tỉnh trưởng), Tòa án, Kho bạc,…Đến trưa cùng ngày, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho đã toàn thắng. Sau khi chiếm được Tòa bố và làm chủ các công sở, ông cùng với tập thể Tỉnh ủy xúc tiến việc thành lập Ủy ban nhân dân tỉnh và chuẩn bị tổ chức cuộc mít tinh lớn chào mừng cách mạng thành công. Ngay sau khởi nghĩa thắng lợi tại thị xã Mỹ Tho, các huyện trong tỉnh lần lượt giành được chính quyền.

Đêm 24-8-1945, ông chủ trì cuộc họp Tỉnh ủy được tổ chức tại Tòa bố Mỹ Tho để xác định cơ cấu chính quyền nhân dân của tỉnh, triển khai ngay việc tổ chức mit-tinh lớn tại sân vận động Mỹ Tho (nay là Tòa nhà Shophouse Vincom Mỹ Tho) để chào mừng thắng lợi của cách mạng và ra mắt chính quyền của nhân dân. Sáng ngày 25-8, một cuộc mít tinh lớn gồm hơn 30.000 người từ các địa phương đổ về sân vận động Mỹ Tho để chào mừng cách thắng lợi và chứng kiến lễ ra mắt của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cho cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai của bọn chúng. Đầu tháng 10-1945, quân Pháp đánh chiếm Mỹ Tho, ông rút vào hoạt động bí mật và cùng với Tỉnh ủy lãnh đạo và chỉ đạo nhân dân tỉnh Mỹ Tho tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, như củng cố cơ sở Đảng, tổ chức và phát triển lực lượng vũ trang, xây dựng vùng căn cứ,…

Tháng 9-1946, quân Pháp hành quân càn quét vào xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo; và do có mật thám chỉ điểm, nên bọn chúng đã bắt được ông trong lúc ông đang triển khai Nghị quyết của Tỉnh ủy tại Chợ Gạo.

Biết ông là cán bộ lãnh đạo của Tỉnh ủy, nhà cầm quyền Pháp vừa bày trò mua chuộc, dụ dỗ; vừa tra tấn, đánh đập dã man hòng làm ông nhụt chí. Thế nhưng, ông vẫn giữ vững ý chí kiên cường, bất khuất của một chiến sĩ cộng sản chân chính. Trước sau, ông chỉ nhận mình là nhà báo với tên giả là Trần Văn Khá. Tỉnh ủy Mỹ Tho đã nhiều lần tổ chức giải thoát cho ông; nhưng đều không thành. Nhận thấy không thể khuất phục được ông; nên vào cuối năm 1946, giặc Pháp đã hèn hạ xử bắn ông tại xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo. Ông đã hy sinh anh dũng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, để lại bao niềm tíêc thương cho đồng bào, đồng chí. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Dương Khuy có điểm đầu: giáp đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: giao với đường Lý Thường Kiệt; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 6,0 m.

**7. Đường Đặng Minh Nhuận**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đặng Minh Nhuận).

Tiểu sử danh nhân:

**ĐẶNG MINH NHUẬN**

**(1932 – 1963)**

Đặng Minh Nhuận, còn có tên là Đoàn Triết Minh, Nguyễn Bảy, sinh năm 1932 tại làng Long Châu, quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long (nay là Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) trong một gia đình sinh sống bằng nghề công thương.

Được người chú ruột là Đặng Văn Thiềng giáo dục, giác ngộ lý tưởng cách mạng, năm 1948, lúc mới 16 tuổi, ông tham gia lực lượng võ trang chống Pháp, chiến đấu trên chiến trường Vĩnh Long và lập được nhiều chiến tích xuất sắc.Vì thế, năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc; và sau đó, được cấp trên bố trí vào học trường Sĩ quan lục quân. Sau khi hoàn thành khóa học với loại Xuất sắc, năm 1958, ông làm công tác biên phòng tại vùng biên giới Việt - Trung.

Năm 1962, mặc dù có vợ và ba con còn nhỏ dại, nhưng xuất phát từ lòng nung nấu giải phóng miền Nam, ông đã gạt bỏ tình riêng, đặt lợi ích của Tổ quốc lên trên hết, tình nguyện vượt Trường Sơn, trở về miền Nam chiến đấu. Trên đường đi, tuy trải qua nhiều gian khổ, nhưng ông vẫn luôn lạc quan, viết nhật ký và làm thơ, phản ảnh phẩm chất anh hùng và tinh thần lãng mạn cách mạng của “ Anh bộ đội Cụ Hồ”.

Cuối năm 1962, ông nhận nhiệm vụ tại chiến trường Khu Trung Nam bộ (Khu 8) với quân hàm trung úy, đại đội trưởng đại đội 1 tiểu đoàn 261 chủ lực Quân khu 8.

Ngày 01 - 01 - 1963, ông chỉ huy bộ đội hành quân về Ấp Bắc ( nay thuộc xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) để chuẩn bị tấn công ấp chiến lược Giồng Dứa (nay thuộc xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Dò biết hoạt động của quân ta, ngày 02 - 01 - 1963, địch mở cuộc càn mang tên “Đức Thắng 1/63”, huy động một lực lượng hùng hậu, với trang bị hiện đại, đông hơn bộ đội ta gấp hàng chục lần, gồm 3 tiểu đoàn của sư đoàn 7, 1 chiến đoàn Bảo an tỉnh Định Tường, 1 tiểu đoàn Dù thuộc lực lượng tổng trù bị chiến lược của Bộ Tổng Tham mưu quân đội Sài Gòn, một số đại đội biệt kích, dân vệ, 3 tàu chiến, 1 chi đoàn xe thiết giáp M.113, 15 máy bay trực thăng đổ quân, 5 máy bay trực thăng chiến đấu, 8 máy bay ném bom, 7 máy bay vận tải, 4 máy bay L.19 thám thính và chỉ huy, 10 khẩu pháo hạng nặng mở cuộc tấn công với quy mô lớn vào Ấp Bắc. Lúc bấy giờ, Mỹ đang cho thực hiện chiến thuật tân kì “*trực thăng vận*” và “*thiết xa vận*” ở miền Nam, nhằm “*bao vây* *hợp điểm*”, “*bủa lưới phóng lao*” để tiêu diệt bộ đội và du kích của ta. Trong thực tiễn chiến đấu, với chiến thuật này, quân đội Sài Gòn đã gây cho ta không ít khó khăn.

Trong ngày này, địch điên cuồng mở 5 cuộc tấn công hết sức ác liệt vào trận địa của đại đội1 trấn giữ. Nhưng, dưới sự chỉ huy tài giỏi và dũng cảm của ông, bộ đội ta đã đánh bại tất cả các đợt xung phong của địch. Đến 18 giờ cùng ngày, địch buộc phải rút lui.

Với việc chỉ huy bộ đội trụ lại, bám địch và đánh bọn chúng suốt cả ngày, ông và các chiến sĩ giải phóng quân đã sáng tạo ra một chiến thuật mới là “*Cắm cọc phá lưới, bám trụ bẻ lao*” nhằm đối phó có hiệu quả chiến thuật “*Bủa lưới phóng lao*” của địch.

Chiến thắng Ấp Bắc đã làm phá sản chiến thuật “*trực thăng vận*” và “*thiết xa vận*”, con át chủ bài trong chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*” của Mĩ ở miền Nam, tạo điều kiện cho phong trào du kích chiến tranh của nhân dân miền Nam được phát triển mạnh mẽ; và nói như Lê Duẩn – cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản VN – thì “*kể từ trận Ấp Bắc, Mỹ đã thấy không thể thắng được ta trong chiến tranh đặc biệt*”. Tại trận Ấp Bắc, ta diệt và làm bị thương 450 tên địch, trong đó có 9 cố vấn Mỹ; bắn cháy 3 xe M.113; bắn rơi 3 chiếc trực thăng và bắn hỏng 10 chiếc khác.

Sau chiến công vang dội này, ông còn chỉ huy đơn vị đánh thắng nhiều trận khác trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho, khiến cho quân địch vô cùng khiếp đảm. Ngày 30 - 8 - 1963, ông chỉ huy bộ đội tiến công và tiêu diệt đồn Thạnh Nhựt (nay thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang). Nhưng thật không may, ông bị thương nặng và đã anh dũng hy sinh. Trước lúc lìa trần, ông đã nói lời cuối cùng vô cùng cảm động với đồng đội: “*Cho tôi gởi lời thăm đến Bác Hồ. Chúc các đồng chí ở lại mạnh khỏe. Các con, ba đã làm tròn nhiệm vụ*”.

Ngày 20-12-1994, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. Hiện nay, phần mộ của ông tọa lạc tại Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Tiền Giang. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Đặng Minh Nhuận có điểm đầu: giáp với đường Lê Văn Nghề; điểm cuối: giao với khu dân cư; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 13,5 m.

**8. Đường Đinh Bộ Lĩnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đinh Bộ Lĩnh).

Tiểu sử danh nhân:

**ĐINH BỘ LĨNH**

**(924 – 979)**

Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 924, người động Hoa Lư, thôn Kim Lư, làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).

Thưở nhỏ, ông thường cùng các bạn đồng trang lứa chăn trâu, chơi trò tập trận, khiêng kiệu, lấy bông lau làm cờ, kết bạn rất thân với Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ và Trịnh Tú. Lớn lên, ông đầu quân trong đạo binh của sứ quân Trần Lâm ở Bố Hải Khẩu (nay thuộc tỉnh Thái Bình). Ít lâu, được Trần Lâm mến tài gả con gái cho. Sau khi Trần Lâm mất, ông đem quân về giữ Hoa Lư, chiêu mộ hào kiệt, hùng cứ một phương, chống nhà Ngô và các sứ quân khác.

Là người có tài, lại được nhân dân nhiều địa phương giúp sức, ủng hộ, đánh đâu thắng đó, được tôn là Vạn Thắng Vương. Năm 968, đất nước thống nhất, ông lên ngôi Hoàng đế, tự xưng là Đại Thắng Minh Hoàng đế, nên được Sử gọi là Đinh Tiên Hoàng, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Ông cho xây dựng cung điện, đúc tiền để tiêu dùng trong nước gọi là tiền đồng “Thái Bình”,…

Năm 979, ông mất, được an táng ở sơn lăng Trường Yên, kinh đô Hoa Lư. Ông là người có công đánh dẹp cục diện 12 sứ quân, thống nhất đất nước. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Đinh Bộ Lĩnh có điểm đầu: giáp với cầu Quay; điểm cuối: giao với Quốc lộ 50; chiều dài: 1,88 km; chiều rộng: 12,0 m.

**9. Đường Đoàn Giỏi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Giỏi).

Tiểu sử danh nhân:

**ĐOÀN GIỎI**

**(1925 – 1989)**

Đoàn Giỏi còn có tên là Đoàn Văn Hòa, bút danh Nguyễn Hoài, Nguyễn Phú Lễ, Huyền Tư, sinh năm 1925 tại làng Tân Hiệp, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình địa chủ yêu nước.

Sau khi có bằng Thành chung của Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), ông lên Sài Gòn học hội họa tại Trường Mỹ thuật Gia Định. Ông sáng tác văn chương từ rất sớm. Năm 1943, lúc mới 18 tuổi, ông đã có truyện ngắn Nhớ cố hương đăng trên tờ Nam kỳ tuần báo do Hồ Biểu Chánh làm chủ bút.

Năm 1945, ông tham gia cách mạng ở quê nhà. Năm 1947, ông làm Trưởng Công an, phụ trách mười xã của huyện Châu Thành. Năm 1948, ông được đề bạt làm Trưởng ban Trinh sát Công an huyện; rồi Phó Trưởng ty Tuyên truyền tỉnh Mỹ Tho, phụ trách Phòng Văn nghệ kiêm Chủ bút báo Tiền Phong, cơ quan của Mặt trận Việt Minh tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1950, ông được phân công xuống Rạch Giá, đảm nhiệm chức vụ Phó Trưởng ty Thông tin. Năm 1951, ông được bầu làm Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Hội Văn nghệ Nam bộ kiêm Phó Trưởng phòng Văn nghệ thuộc Sở Thông tin Nam bộ và là Ủy viên biên tập tạp chí Lá Lúa.

Về mặt văn chương, trong thời kỳ 1946 - 1954, ông viết nhiều thể loại khác nhau, như ký sự lịch sử có Khí hùng đất nước, Những dòng chữ máu, Nam kỳ năm 40; truyện ngắn có Đường về gia hương; kịch thơ có Người Nam thà chết không hàng, Chiến sĩ Tháp Mười; tập thơ có Giữ vững niềm tin.

Năm 1954, tập kết ra Bắc, ông công tác tại Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam rồi Hội Văn nghệ Việt Nam. Ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam, năm 1957, đồng thời, còn là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn các khóa I, II, III. Thời kỳ này, ông tập trung bút lực sáng tác văn xuôi; và có những tác phẩm nổi tiếng, phản ánh tính cách và cuộc chiến đấu chống Mỹ hào hùng của nhân dân Nam bộ, tiêu biểu là các tác phẩm Giòng máu Việt Nam phải lưu thông, Cây đước Cà Mau, Ngọn Tầm vông, Cá bống mú, Hoa hướng dương, Trần Văn Ơn, Rừng đêm xào xạc, Cuộc truy tìm kho vũ khí; Đất rừng phương Nam. Đặc biệt, quyển Đất rừng phương Nam được bạn đọc trong và ngoài nước đón nhận nồng nhiệt. Đây là quyển truyện viết cho lứa tuổi thiếu nhi rất thành công và nổi tiếng của ông. Truyện đã được dịch ra nhiều tiếng nước ngoài, tái bản nhiều lần, được dựng thành phim và in trong Tủ Sách Vàng của Nhà xuất bản Kim Đồng.

Đồng thời, ông còn sáng tác thơ và có ba tập thơ nổi tiếng: Giữ vững niềm tin, Bến nước mười hai, Truyện thằng Cồi. Ông còn viết kịch bản sân khấu, như các vở Ánh lửa, Trong cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, Bất tử, Ba lần dũng sĩ; trong đó, hai vở Bất tử, Ba lần dũng sĩ viết chung với Hoài Anh.

Sau năm 1975, ông trở về miền Nam, công tác tại Hội Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. Vẫn chủ đề về Nam bộ, ông có các quyển Người thủy thủ già trên hòn đảo lưu đày viết về Bác Tôn Đức Thắng, Từ đất Tiền Giang viết về cán bộ cách mạng lão thành Nguyễn Thị Thập, Tiếng gọi ngàn và Các con vật trên rừng dưới biển. Ông còn viết nhiều bài ký sự lịch sử về những người phụ nữ Nam bộ “thành đồng Tổ quốc” và hàng loạt bài về thổ sản của Đồng bằng sông Cửu Long với sự hiểu biết sâu sắc. Về biên khảo, ông có hai tác phẩm:  Những chuyện lạ về cá, Tê giác giữa ngàn xanh.

Ngoài ra, ông cũng đem hết tâm huyết và kinh nghiệm trong việc góp phần đào tạo, bồi dưỡng giới nhà văn trẻ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, ông đã hoàn thành việc sưu tập một khối lượng lớn tư liệu để chuẩn bị viết quyển Núi cả cây ngàn, nói về thuở hồng hoang và những trang sử thi của vùng đất mới phương Nam. Đề cương của tác phẩm này gồm 10 chương đã được ông viết xong; và dự định đến cuối năm 1989 sẽ hoàn tất bản thảo.

Đầu tháng 4 - 1989, ông từ trần tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đánh giá về sự nghiệp văn chương của ông, nhà văn Anh Đức nhận định: “Với một đời văn trên bốn mươi năm, nhà văn Đoàn Giỏi đã để lại cho đời những dòng đẹp đẽ đậm sắc thái và đầy sinh thú về quê hương, đất nước, con người ở vùng đất Nam bộ thân yêu của Tổ quốc ta. Văn của nhà văn Đoàn Giỏi vừa mang chất trữ tình lại vừa mang tính chất lạ kỳ, sôi động”. Nhà thơ Chế Lan Viên nhận xét: “Văn của Đoàn Giỏi luôn ngồn ngộn nguồn tư liệu và vốn sống mà tác giả chắt lọc. Là một nhà văn chịu khó tìm tòi nghiên cứu mọi chuyện một cách ngọn ngành, nên trang viết của ông thường rất góc cạnh, gồ ghề nhưng cũng đậm đặc chân tình như quê hương ông, miền đất hoang sơ và hào phóng miền Tây Nam bộ. Đoàn Giỏi là một trong những người đầu tiên truyền bá ngôn ngữ Nam bộ hiện đại qua những tác phẩm của mình”.

Do có công lao to lớn đối với nền văn học nước nhà, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật đợt 1 (2001). Tên ông được đặt tên trường trung học cơ sở ở thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Đoàn Giỏi có điểm đầu: giáp với đường Phùng Há; điểm cuối: giao với đường Phạm Hùng; chiều dài: 0,550 km; chiều rộng: 14,2 m.

**10. Đường Đoàn Thị Nghiệp**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đoàn Thị Nghiệp).

Tiểu sử danh nhân:

**ĐOÀN THỊ NGHIỆP**

**(1925 – 1972)**

Đoàn Thị Nghiệp sinh năm 1925 tại làng Hội Cư, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Hội Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Khi lập gia đình, bà về quê chồng tại làng Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang). Chồng bà là ông Bùi Văn Thô sinh năm 1924, nguyên là Trung tá Quân đội nhân dân Việt Nam. Bà có hai con là Bùi Văn Thưởng và Bùi Văn Tấn đều hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Năm 1946, bà tham gia cách mạng tại Bình Phú, làm công tác phụ nữ, lãnh đạo và vận động chị em tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, như đóng góp lương thực, thực phẩm thuốc men cho bộ đội, đi dân công phục vụ chiến trường,...

Sau năm 1954, bà vẫn tiếp tục bám trụ ở địa bàn công tác cũ, lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị. Do có thành tích trong công tác, bà được bầu làm Huyện uỷ viên huyện Cai Lậy. Trong những năm 1959 - 1960, mặc dù phong trào cách mạng ở địa phương bị địch đánh phá ác liệt, nhưng bà vẫn kiên cường bám chặt địa bàn cơ sở và cùng Huyện ủy ra sức củng cố xây dựng các chi bộ Đảng, phát động phong trào quần chúng và tổ chức lực lượng vũ trang của huyện. Sau đó, do yêu cầu của tổ chức, bà được điều sang An Giang công tác.

Năm 1967, bà được điều về Mỹ Tho và công tác tại Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức (huyện Châu Thành). Tại đây, bà đã lập kế hoạch bắt sống được một sĩ quan Mỹ. Đồng thời, bà còn tham gia nhiều trận đánh vào căn cứ Đồng Tâm do sư đoàn 9 Mỹ chiếm đóng. Năm 1968, Bà được phân công phụ trách Mãng 4 Cai Lậy Bắc. Thực hiện nghiêm túc và sáng tạo chủ trương “Bám trụ đánh địch” của Tỉnh đội, bà đã thành lập “Mặt trận chống phá bình định”, mà lực lượng chủ yếu là các cơ quan của Tỉnh đội và du kích các xã trong khu vực, nhằm kiên quyết bẻ gẫy các cuộc hành quân càn quét của địch, giữ vững địa bàn đứng chân.

Ngày 22-4-1972, địch huy động hai tiểu đoàn đánh phá ác liệt vào cơ quan Huyện đội Cai Lậy Bắc đóng ở xã Phú Nhuận (Cai Lậy). Lúc này, do các đơn vị đều đi tác chiến ở các chiến trường trong tỉnh, nên tại cơ quan Tỉnh đội chỉ còn 5 chiến sĩ và 8 du kích xã. Với cương vị là Tỉnh đội phó, bà đã nhanh chóng tổ chức và chỉ huy chiến đấu. Ỷ vào quân đông, địch liên tục mở nhiều đợt đột kích, nhưng đều bị quân ta đánh bật ra. Tuy nhiên, do có sự chênh lệch rất lớn về quân số và vũ khí, đến 12 giờ trưa cùng ngày, địch mới tiến vào vòng ngoài khu căn cứ. Lúc bấy giờ, bà bị thương nặng và sa vào tay địch. Biết bà giữ chức vụ quan trọng của Tỉnh đội Mỹ Tho, địch vừa mua chuộc, dụ dỗ, vừa tra tấn dã man nhằm buộc bà phải khai báo, đầu hàng; nhưng bà đã không chịu khuất phục và anh dũng hy sinh lúc 22 giờ  ngày 22-4-1972, hưởng dương 47 tuổi.

Bà đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, bà được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Năm 1994, bà được truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam anh hùng vì có hai người con đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu. Tên bà được đặt tên trường trung học cơ sở của xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và trường tiểu học ở xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, tên đường tại thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà được khắc họa qua bộ phim truyện “Rặng trâm bầu” do Hãng phim Phương Đông TP Hồ Chí Minh, Phát hành phim quân đội, Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang hợp tác sản xuất 2004 và vở kịch “Rặng trâm đầu” do Sân khấu Trịnh Kim Chi thực hiện năm 2018. Phần mộ của bà đặt tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Tiền Giang.

Đường Đoàn Thị Nghiệp có điểm đầu: giáp với đường Lý Thường Kiệt; điểm cuối: giao với Đường tỉnh 870; chiều dài: 2,9 km; chiều rộng: 3,50 m.

**11. Đường Đỗ Quang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đỗ Quang).

Tiểu sử danh nhân:

**ĐỖ QUANG**

**(1807 – 1866)**

Đỗ Quang có tên thật là Đỗ Tông Quang; nhưng sau đó, bỏ tên lót Tông vì kỵ húy tên của hoàng tử Nguyễn Phúc Miên Tông, tức vua Thiệu Trị. Ông sinh năm 1807 trong một gia đình khoa bảng ở xã Phương Điếm, tổng Hội Xuyên, huyện Gia Lộc, phủ Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là thôn Phương Điếm, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương).

Năm 1828, ông thi đỗ cử nhân lúc 21 tuổi, được sung chức Hành tẩu Bộ Binh. Năm 1832, ông thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, được bổ làm Tri phủ Diễn Châu (tỉnh Nghệ An); sau đó, làm Lang trung Bộ Công, rồi Án sát tỉnh Quảng Trị. Năm 1841, ông được thăng lên làm Thị lang Bộ Công và lần lượt trải qua các chức Trực học sĩ viện Hàn lâm, Toản tu Quốc sử quán. Năm 1845, ông chuyển qua Bộ Lại, giữ chức Thị lang, rồi Tham tri Bộ Lễ. Năm 1848, ông được triều đình điều động vào Nam, giữ chức thự Tuần phủ tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang).

Sau đó, vì để xảy ra việc tàu buôn nước ngoài lậu thuế, nên ông bị triều đình cách chức và phải bồi thường thiệt hại. Theo Đại Nam liệt truyện, lúc ông rời nhiệm sở, dân chúng ở tỉnh Định Tường “khóc như mưa”. Vua Tự Đức cho rằng: “nếu không phải ngày thường được lòng dân thì sao có như thế”. Việc bồi thường thiệt hại, do được tổng đốc Tôn Thất Cáp dâng sớ nói ông là người liêm chính, nên được nhà vua miễn thứ.

Sau đó, ông được triều đình bổ nhiệm trở lại, lần lượt giữ các chức Hàn lâm viện trước tác, Án sát tỉnh Nghệ An, Hồng lô tự khanh, Bố chính tỉnh Nghệ An, Bố chính tỉnh Nam Định, Quang lộc tự khanh, Biện lý Bộ Lại, Kinh duyên nhật giảng quan, Thị lang Bộ Lại. Tháng 02-1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định. Trước tình hình đó, năm 1860, triều đình cử ông vào Nam lần thứ hai, giữ chức thự Tuần phủ tỉnh Gia Định (vùng Gò Công lúc đó thuộc tỉnh Gia Định) để hợp cùng với Thống đốc quân vụ Nguyễn Tri Phương và Tham tán đại thần Phạm Thế Hiển chỉ huy quân dân đắp đại đồn Chí Hòa, tích cực chuẩn bị vũ khí và lương thực nhằm đối phó với thực dân Pháp.

Tháng 02-1861, mặt trận đại đồn Chí Hòa bị quân Pháp chọc thủng, tỉnh Gia Định bị thất thủ. Ông rút quân về tỉnh thành Biên Hòa. Tuy vậy, ông vẫn bí mật cử người tới vận động các hào mục và sĩ dân ở Gia Định, khuyên họ đứng ra tuyển mộ quân để chờ đợi thời cơ. Tháng 12-1861, quân Pháp đánh chiếm thành Biên Hòa, ông bèn dẫn quân di chuyển xuống Tân Hòa (Gò Công) để cùng với Phó lãnh binh Trương Định chiêu mộ nghĩa quân, tích trữ lương thực, rèn đúc vũ khí, luyện tập binh lính, mưu tính cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược. Từ đó cho đến tháng 6-1862, ông tham mưu cho Trương Định chỉ huy nghĩa quân tiến hành nhiều trận đánh dũng mãnh nhằm vào quân Pháp, gây cho bọn chúng nhiều thiệt hại nặng nề.

Trong lúc nhân dân Nam Kỳ đang chiến đấu quyết liệt chống giặc ngoại xâm thì ngày 05-6-1862, triều đình nhà Nguyễn ký hòa ước với Pháp, thuận giao cho bọn thực dân xâm lược ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và đảo Côn Lôn. Sau sự kiện đó, ông được triều đình triệu về kinh, bổ làm Tuần phủ tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, với lòng tự trọng, ông đã khẳng khái dâng sớ từ chối: *“Hôm thần về (kinh), sĩ dân đứng che kín cả đường nói: Nay cha bỏ con, quan bỏ dân. Quan về thì quan lại làm quan, nhưng dân ở lại thì dân không còn được làm dân của triều đình nữa. Tiếng khóc đầy đường, thần cũng phải gạt nước mắt mà đi. Trộm nghĩ, thần tài hèn sức mọn, nhưng từ trước tới nay vẫn xum vầy với dân, chưa từng tính đến ngày bỏ dân mà về. Nay thần được gọi về, mà nghĩa dân từ trước từng vì triều đình mà dốc hết sức người sức của, giờ chẳng biết bỏ thân nơi nào. Như thế là thần, ở trên thì phụ với triều đình, ở dưới thì phụ trăm họ, tội không thể chối được. Giờ nếu thần lại lạm dự chức ở Nam Định thì biết ăn nói thế nào với sĩ dân Gia Định? Biết trả lời thế nào với công luận trong nước? Thần vẫn còn có chút lòng, quả là rất hổ thẹn. Vả chăng, thần vốn là kẻ có kiến thức nông cạn và hạn hẹp, nếu cứ gắng gượng mà làm việc mãi cũng chẳng thể gọi là báo bổ. Vậy, xin bệ hạ hãy thu sắc mệnh, cho thần được bãi chức về với làng với ruộng, hầu làm nguôi bớt lòng oán giận của sĩ dân, và cũng để giữ tiết liêm sĩ của thần vậy”*.

Năm 1863, vua Tự Đức triệu ông vào kinh đô Huế và động viên ông nhận chức quan. Trong tình thế đó, ông buộc phải làm Hữu tham tri Bộ Hộ. Năm 1864, ông làm thự Tuần phủ tỉnh Bắc Ninh. Sau đó, ông trải qua các chức vụ thự Tham tri Bộ Binh, Hữu phó đô ngự sử ở Viện Đô sát, Tham tán quân vụ quân thứ Hải An, thự Tuần phủ Lạng Bình. Năm 1866, ông được điều động trở lại Bắc Ninh, làm Tuần phủ tỉnh này, nhưng it lâu sau, do bị bệnh nặng, ông xin từ quan về quê để chữa bệnh, nhưng không qua khỏi, mất cùng năm.

Nhận tin ông qua đời, vua Tự Đức vô cùng thương tiếc, cho rằng: *“Đỗ Quang ra làm quan 30 năm có lẻ, thanh bạch, trung chính, chăm chỉ, cẩn thận, được tiếng trong ngoài, trước đây ở Nam Kỳ dẫu gặp gian nan vẫn giữ một tiết, kịp làm Tham tán quân vụ ở Hải An có công lao. Hằng năm tới nay nhân ngoài biên có báo động, nên đặc cách khởi phục, còn trong khi có bệnh để vỗ yên nơi trọng khẩn, không ngờ bệnh ngày nặng thêm, bèn cho nghỉ việc về làng. Ta vẫn nghĩ tới người đương lúc cần dùng, không may vội chết, thực là đau xót”*.

Đồng thời, nhà vua còn truy tặng ông chức Lễ Bộ thượng thư, ban tên thuỵ là Trang Lượng và cho thờ ông trong đền Hiền Lương tại kinh đô Huế.

Kính trọng tài đức và công trạng của ông, nhân dân Phương Điếm đã lập bài vị thờ ông ở đình làng và suy tôn là Thành hoàng bản xã. Dù ở cương vị nào, với tấm lòng yêu nước, thương dân, ông đều đem hết tài năng ra phục vụ đất nước và nhân dân, được nhân dân kính trọng và thương yêu. Đối với Gò Công, ông có công lao trong việc hợp cùng với Trương Định tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nhằm bảo vệ quê hương.

Hiện nay, tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh đều có đường mang tên Đỗ Quang. Năm 1989, đình Phương Điếm và lăng mộ của ông được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

Đỗ Quang học giỏi, đỗ cao, tham gia quan trường theo đạo của người quân tử: trị quốc - an dân. Thời bình thì chăm lo xây dựng văn hóa, giáo dục, khi đất nước có ngoại xâm thì cùng dân kiên cường kháng chiến, ông đã đứng về phía nhân dân, vì quyền lợi của nhân dân, của đất nước. Ông xứng đáng tiêu biểu cho những danh sĩ hàng đầu Việt Nam trong thế kỷ XIX.

Đường Đỗ Quang có điểm đầu: giáp với đường Trần Ngọc Giải; điểm cuối: giao với Hẽm Khu phố 8, Phường 6; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 6,0 m.

**12. Đường Đỗ Văn Thống**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Đỗ Văn Thống).

Tiểu sử danh nhân:

**ĐỖ VĂN THỐNG**

**(1837 - )**

Đỗ Văn Thống còn có tên là Trần Xuân Sanh, sinh năm 1837 tại thôn Bình Quơn, tổng Hòa Hảo, huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1875, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Thủ khoa Huân ở Chợ Gạo, được giữ chức Đội trưởng rồi lên Phó Thống Quản. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp. Để tránh né sự truy lùng của giặc, ông di chuyển đến ngụ cư và làm ruộng tại làng Tân Thuận Đông, tổng Bình Trị Hạ, tỉnh Gia Định (nay là phường Tân Thuận Đông, Quân 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy vậy, ông vẫn thường xuyên liên lạc với những nhà yêu nước ở Trung kỳ, như Lê Công Chánh, Nguyễn Đăng Giai, Tống Hưng Nho,… để chờ thời cơ hoạt động trở lại.

Cuối tháng 9-1893, ông tham gia vào ban lãnh đạo của cuộc vận động khởi nghĩa Cần vương ở Nam kỳ với chức vụ Nam kỳ hiệp thống. Được biết, ban lãnh đạo, ngoài ông ra, còn có các ông Nguyễn Đăng Giai làm Chưởng lãnh lưỡng kỳ (Trung kỳ và Nam kỳ), Nguyễn Văn Lễ làm Nam kỳ tổng thống, Lê Công Chánh làm Nam kỳ chánh hội quân vụ.

Đầu tháng 10-1893, ông đã cùng với ban lãnh đạo phát hịch kêu gọi nhân dân tích cực quyên góp tiền bạc, sắm sửa vũ khí, đứng lên đánh đổ ách thống trị tàn bạo của thực dân Pháp. Bài hịch có đoạn:

*“Chúng tôi, Chánh hội biện quân vụ Lê (Công Chánh), Nam kỳ chánh Tổng thống Nguyễn (Văn Lễ) và Hiệp thống Trần (Xuân Sanh, tức Đỗ Văn Thống), thảo thông cáo này để các cấp quan lại cùng rõ:*

*Hồi chúng tôi còn cai quản bốn tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên, chúng tôi có gặp ông Hiệp biện Đào Công Thoại (tức Đào Công Bửu). Chúng tôi cùng nhận thấy trong dân gian ai ai cũng đều tha thiết nổi dậy, người góp tiền của, người giúp tuyển quân, nhằm khôi phục quốc gia (…).*

*Nay chúng tôi cử quan Hộ đốc quân vụ Huỳnh Văn Cơ đến 6 tỉnh yêu cầu các quan mang tiền quyên góp và ấn triện đến trình nộp và lập danh sách nghĩa binh*…*”*

Ngay sau đó, ông trở về Mỹ Tho chiêu tập nghĩa sĩ và gầy dựng lực lượng. Đến cuối năm 1893, tại vùng Chợ Gạo, Gò Công - vốn là những nơi có truyền thống đấu tranh mạnh mẽ - đã có hàng trăm cơ sở, sẵn sàng nổi lên khởi nghĩa chống Pháp.

Tháng 01-1894, cuộc vận động Cần vương bị thực dân Pháp phát hiện. Bọn chúng tổ chức truy lùng ráo riết các yếu nhân của phong trào. Tháng 02-1894, ông bị giặc bắt và giam tại nhà lao Mỹ Tho. Tuy bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn giữ vững lập trường yêu nước, không đầu hàng giặc. Vì thế, đến tháng 4-1894, chính quyền thực dân đày ông ra Côn Đảo. Ông mất tại chốn “địa ngục trần gian” này, nhưng chưa rõ mất vào năm nào.

Đỗ Văn Thống là nhà yêu nước kiên trì đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Từ năm 1861, thực dân Pháp đã thiết lập bộ máy cai trị trên địa bàn tỉnh Định Tường. Tuy nhiên, ông vẫn nung nấu ý chí quật khởi, vận động nhân dân chống chính quyền đô hộ và đã anh dũng hy sinh trong nhà tù của thực dân Pháp xâm lược. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Đỗ Văn Thống có điểm đầu: giáp với Quốc lộ 1; điểm cuối: giao với Khu dân cư; chiều dài: 0,280 km; chiều rộng: 10,0 m.

**13. Đường Đốc Binh Kiều**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chức vụ và tên danh nhân (Đốc binh Kiều).

Tiểu sử danh nhân:

**ĐỐC BINH KIỀU**

**( - 1866)**

Đốc binh Kiều tên thật là Nguyễn Tấn Kiều, còn gọi là Lê Công Kiều, Quan lớn thượng, chưa rõ năm sinh, nguyên quán miền Trung, di cư vào huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường (nay là vùng Cái Bè - Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1861, thực dân Pháp xâm chiếm Định Tường, ông chiêu mộ nghĩa dũng nổi lên chống giặc ở vùng Rạch Ruộng (Cái Bè). Sau đó, ông mang nghĩa quân thuộc quyền gia nhập lực lượng kháng chiến do Võ Duy Dương (Thiên hộ Dương) lãnh đạo. Do có tài thao lược, tinh thần chiến đấu dũng cảm và chỉ huy nghĩa quân lập được nhiều chiến công; nên ông được Võ Duy Dương phong chức Đốc binh, nên được người đời gọi là Đốc binh Kiều.

Năm 1864, để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, Võ Duy Dương rút quân vào vùng bưng biền Đồng Tháp Mười, thành lập căn cứ kháng chiến chống Pháp. Lúc bấy giờ, ông được Võ Duy Dương tin tưởng giao nhiệm vụ làm Phó tướng, trực tiếp chỉ huy xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười.

Bằng nhãn quan quân sự sắc sảo, ông cho xây dựng đại bản doanh của nghĩa quân ở Gò Tháp, thường được gọi là đồn Trung; và ba đồn khác bao quanh là đồn Tiền (hướng Cái Nứa), đồn Tả (hướng Gò Bắc Chiêng), đồn Hữu (hướng Cần Lố), để tạo thế chân vạc, bảo vệ đồn Trung.

Các đồn này đều có lũy đất chung quanh, cao khoảng 2,5 mét, thân lũy có trổ cửa và lỗ châu mai, ngoài lũy có những hàng cừ bằng cây sao nhằm chống địch tiếp cận đồn. Mỗi đồn có từ 200 - 300 nghĩa quân, được trang bị khoảng 10 khẩu súng thần công các loại và 40 - 50 khẩu súng bắn đá.

Ngoài ra, ông còn cho xây dựng nhiều đồn nhỏ (có khoảng 100 - 150 nghĩa quân) và trạm canh (có khoảng 10 nghĩa quân), tạo thành tuyến bảo vệ vòng ngoài cho căn cứ chính, trong đó quan trọng nhất là các đồn Cái Nứa (Hậu Thành, Cái Bè), Cái Thia (Mỹ Đức Đông, Cái Bè), Thủ Ngữ, Đất Sét, Quản Oai, Rạch Ruộng (Hậu Mỹ, Cái Bè), Mỹ Thạnh (Phú Nhuận, Cai Lậy), Trường Tháp (Mỹ Thành Bắc, Cai Lậy),…

Từ căn cứ Đồng Tháp Mười, dưới sự chỉ huy của ông và chủ tướng Võ Duy Dương, nghĩa quân đã liên tục tấn công các vị trí đóng quân của giặc Pháp, tạo nên những chiến thắng oai hùng, tiêu biểu là hai lần tấn công đồn Mỹ Trà (Cao Lãnh) vào giữa và cuối năm 1865, gây cho địch những tổn thất nặng nề. Có lần, ông đã chỉ huy nghĩa quân táo bạo tấn công đồn Cai Lậy.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng nghĩa quân, đầu tháng 4- 1866, thực dân Pháp huy động khoảng 1.000 quân tấn công căn cứ Đồng Tháp Mười. Để đối phó với quân giặc, được sự phân công của Bộ chỉ huy nghĩa quân và chủ tướng Võ Duy Dương, ông và Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn nhận lãnh trọng trách chỉ huy đồn Trung nhằm bảo vệ đại bản doanh và chi viện cho các đồn khác, trong đó có đồn Tả do Võ Duy Dương chỉ huy.

Sau những trận đánh thăm dò, ngày 14-4-1866, quân Pháp chia ra làm ba cánh đồng loạt tấn công Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân trú đóng trong các đồn đã kiên cường chống trả, khiến quân Pháp bị tiêu hao khá nhiều. Thế nhưng, do quân đông, hỏa lực mạnh, địch lần lượt chiếm đồn Tả (ngày 16-4), đồn Tiền và đồn Hữu (ngày 17-4).

Trước tình hình đó, ông đốc thúc nghĩa quân từ đồn Trung xông ra ứng chiến nhằm giải vây cho Võ Duy Dương và các toán nghĩa quân từ các nơi đổ về. Chiến sự diễn ra vô cùng ác liệt. Cuối cùng, trong một trận đánh giáp lá cà với quân địch, ông đã anh dũng đền nợ nước ngày 18-4-1866. Có tài liệu chép, lúc lên đài quan sát, ông bị trúng đạn, được đưa về gò Giồng Dung điều trị và sau đó vài ngày thì mất. Thi hài ông được an táng tại nền đồn Trung ở Gò Tháp, đồng thời, nghĩa quân cũng làm vài ngôi mộ giả để nghi trang. Hiện nay, ở Gò Tháp có đền thờ chung, thờ ông và chủ tướng Võ Duy Dương. Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ chung hai ông. Lễ giỗ này được chính quyền và nhân dân địa phương tổ chức rất trang nghiêm, thu hút đông đảo nhân dân đến chiêm bái và cúng kiếng.

Người đời sau có bài thơ ca ngợi ông như sau:

*Vì nước quên mình bởi chữ trung,*

*Thương dân chi sá chốn sình bùn.*

*Mấy năm Đồng Tháp danh vang dội,*

*Cọp sống ngoài truông cáo hãi hùng.*

*Hai thước im lìm nơi thạch động,*

*Đồng bào tưởng nhớ đứng thờ chung.*

*Nỗi lòng nghĩ đến nhiều năm trước,*

*Hương lửa đều không cảnh lạnh lùng.*

Hiện nay, đền thờ của ông và Võ Duy Dương tọa lạc ở Gò Tháp, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Nhân dân còn lập Miếu thờ ông ở thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Tên và chức vụ của ông (Đốc binh Kiều) được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho; tên trường trung học phổ thông ở thị xã Cai Lậy (tỉnh Tiền Giang), tên trường trung học phổ thông và tên xã ở huyện Tháp Mười (tỉnh Đồng Tháp).

Đường Đốc Binh Kiều có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn An Ninh; điểm cuối: giao với đường Hoàng Hoa Thám; chiều dài: 0,650 km; chiều rộng: 6,0 m.

**14. Đường Đống Đa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh lịch sử (Đống Đa).

Địa danh lịch sử:

Cuối năm 1788, lợi dụng việc Lê Chiêu Thống cầu viện, vau Càn Long nhà Đại Thanh (Trung Quốc) đã cử Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy 29 vạn quân, tiến vào nước ta nhằm xâm chiếm Đại Việt.

Trước tình hình cấp bách thù trong, giặc ngoài, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã làm lễ lên ngôi Hoàng đế tại Phú Xuân, lấy niên hiệu là Quang Trung, ra lệnh tiến quân ra Bắc.

Ngày 30 tháng Chạp năm Mậu Thân (1788), Hoàng đế Quang Trung khao quân ăn Tết sớm và hẹn với ba quân sẽ ăn Tết tại Kinh thành Thăng Long vào ngày mùng 7 Tết Kỷ Dậu (1789).

Quân Tây Sơn chia làm 5 đạo, đạo quân chủ lực do Hoàng đế Quang Trung chỉ huy đánh vào mặt chính Nam đã vượt sông Gián Thuỷ, mở màn cuộc đại phá quân Thanh. Các đồn tiền tiêu của địch như Gián Khẩu, Thanh Quyết, Nhật Tảo,... lần lượt bị tiêu diệt.

Nửa đêm mùng 3 Tết Kỷ Dậu (tức ngày 28-1-1789), quân Tây Sơn đã bao vây tiến đánh đồn Hà Hồi, bắt sống hàng vạn quân Thanh.

Sáng mùng 5 Tết Kỷ Dậu (tức ngày 30-1-1789), tại hướng Nam thành Thăng Long, quân Tây Sơn do Hoàng đế Quang Trung chỉ huy tấn công và tiêu diệt đồn Ngọc Hồi. Tướng chỉ huy đồn là Hứa Thế Hanh tử trận.

Tại hướng Tây, đạo quân Tây Sơn do Đô đốc Đặng Tiến Đông chỉ huy cũng đồng thời mở cuộc tiến công vào đồn Khương Thượng. Đồn quân Thanh bị tan vỡ. Tướng chỉ huy đồn là Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử. Tại khu vực Khương Thượng và xung quanh, do xác quân Thanh chết quá nhiều, sau chất thành 12 gò cao, có cây đa mọc um tùm nên gọi là gò Đống Đa. Trận diệt đồng Khương Thượng cũng còn gọi là trận Đống Đa.

Từ hai hướng Ngọc Hồi và Khương Thượng (Đống Đa), quân Tây Sơn tiếp tục thế tiến công, tiêu diệt các đồn Yên Quyết, Nam Đồng,… rồi nhanh chóng giải phóng kinh thành Thăng Long.

Trưa mùng 5 Tết Kỷ Dậu (tức ngày 30/1/1789), Hoàng đế Quang Trung với áo bào xạm đen khói súng đã ngự trên lưng voi, dẫn đầu đại quân tiến vào Kinh thành Thăng Long trong sự vui mừng của nhân dân.

Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa là sự hội tụ, kết tinh sâu sắc truyền thống yêu nước, yêu độc lập - tự do ngàn đời của nhân dân ta; khẳng định tinh thần đoàn kết, dũng cảm, ý chí quật cường, là bản anh hùng ca bất hủ trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước vĩ đại của dân tộc.

Nhân kỷ niệm 200 năm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, năm 1989, thành phố Hà Nội đã xây dựng tại đây Công viên văn hoá Gò Đống Đa (thuộc phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội) với tổng diện tích khoảng 21.000 m². Nơi đây có Tượng đài Hoàng đế Quang Trung cùng hai bức phù điêu mô tả lại diễn biến chiến thắng Đống Đa, nhà trưng bày,… Năm 1990, một tấm bia nặng 8 tấn đã được dựng lên trên đỉnh gò. Trên bia có khắc lại lời hịch của Hoàng đế Quang Trung để khích lệ tinh thần binh sĩ trước mỗi trận đánh. Lễ hội Gò Đống Đa diễn ra vào ngày **mùng 5 tháng 1 Âm lịch hàng năm**. Đây là dịp để mọi người tới dâng hương và tưởng nhớ những chiến công lừng lẫy, huy hoàng của Hoàng đế Quang Trung, nghĩa quân Tây Sơn và Nhân dân Bắc Hà trong trận chiến Ngọc Hồi - Đống Đa năm xưa. Không chỉ người dân thủ đô mà người dân ở khắp mọi nơi đều đổ về đây dâng hương tạo ra không khí vô cùng náo nhiệt, hân hoan vả tự hào. Gò Đống Đa được Thành phố Hà Nội công nhận là Di tích Lịch sử - Văn hoá trong đợt đầu tiên: tháng 4/1962.

Đường Đống Đa có điểm đầu: giáp với đường Lý Thường Kiệt; điểm cuối: giao với đường Ấp Bắc; chiều dài: 1,0 km; chiều rộng: 5,0 m.

**15. Đường Gò Cát**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa hình thiên nhiên (Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng) + Vật liệu dạng hạt (Cát).

Gò Cát rộng khoảng 150 ha tọa lạc tại xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho. Đây là địa danh được ghi chép trong các sách cổ là *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn với đặc sản rượu Gò Cát (Sa tửu). Gò Cát cũng là nơi sản xuất gạo Gò Cát rất ngon, được dùng làm bánh hủ tiếu để tạo nên món hủ tiếu Mỹ Tho vang danh khắp nơi.

Đường Gò Cát có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trung Trực; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Trung Trực; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 30,0m.

**16. Đường Giồng Dứa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh lịch sử (Giồng Dứa).

Địa danh lịch sử:

Giồng Dứa là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Giồng) + Thực vật (Cây Dứa gai): Giồng đất cao có nhiều cây dứa gai mọc hoang um tùm.

Thời xưa, đây là vùng đất hoang vu, hiểm trở, nên có câu ca dao:

Ai về Giồng Dứa qua truông,

Gió lay bông sậy để buồn cho em.

Địa danh Giồng Dứa gắn liền với một chiến công oanh liệt của quân dân tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang) - Chiến thắng Giồng Dứa.

Vào ngày 25 hàng tháng, Bộ Chỉ huy quân Pháp ở Nam bộ thường tổ chức một đoàn xe tiếp tế vũ khí, lương thực cho binh lính của bọn chúng ở các tỉnh miền Tây. Nắm được quy luật đó, Bộ Chỉ huy Khu 8 của ta quyết định tấn công đoàn xe này. Đúng 10 giờ ngày 25/4/1947, đoàn xe quân sự của địch lọt vào trận địa phục kích. Bộ đội ta anh dũng nổ súng tiến công. Bị đánh phủ đầu một cách bất ngờ, toàn bộ quân địch nhanh chóng tan rã. Sau 10 phút chiến đấu, ta giành thắng lợi hoàn toàn, phá hủy 14 xe quân sự; tịch thu nhiều vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng; diệt nhiều tên địch, trong đó có những sĩ quan cao cấp của quân đội thực dân Pháp.

Chiến thắng Giồng Dứa đã gây chấn động lớn trong dư luận trong và ngoài nước, chứng tỏ bộ đội ta ngày càng lớn mạnh, hoàn toàn có khả năng đánh bại lực lượng địch đông hơn gấp nhiều lần và được trang bị hiện đại; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh mẽ ở chiến trường Khu 8.  Chiến thắng này đã khiến cho quân địch càng hoang mang, dao động. Từ đây, địch buộc phải bố trí lực lượng cơ giới đi hộ tống các đoàn xe chở quân, vũ khí, lương thực; và không dám rút bớt quân để tăng viện cho chiến trường chính miền Bắc.

Để ghi dấu chiến công hiển hách này, năm 1985, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang tiến hành xây dựng tượng đài Chiến thắng Giồng Dứa trong khuôn viên Trường Quân sự Tiền Giang tại ấp Đông, xã Long Định. Năm 2000, do nhu cầu mở rộng Quốc lộ 1, tượng đài đã được quy hoạch tôn tạo và di dời vào phía bên trong, cách vị trí cũ 40 m, trên diện tích gần 9.000 m2 với các hạng mục: công viên, vườn hoa, cây cảnh, hồ cảnh bao bọc chung quanh. Tượng đài cao 7 m và phù điêu dài 24 m, được tạo tác bằng chất liệu bê tông cốt thép. Ngày 27/11/2003, Bộ Văn hóa - Thông tin đã có Quyết định công nhận Di tích Chiến thắng Giồng Dứa là Di tích Lịch sử cấp quốc gia.

Đường Giồng Dứa có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trãi; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 6,0 m.

**17. Đường Hoàng Hoa Thám**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hoàng Hoa Thám).

Tiểu sử danh nhân:

**HOÀNG HOA THÁM**

**(1858 – 1913)**

Hoàng Hoa Thám,  tên khai sinh là Trương Văn Thám, tên lúc nhỏ là Trương Văn Nghĩa, sinh năm 1858, quê ở xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Năm 16 tuổi, ông tham gia khởi nghĩa của Đại Trận (1870-1875). Khi Pháp chiếm Bắc Ninh (3-1884), ông gia nhập nghĩa binh của Trần Quang Loan, lãnh binh Bắc Ninh, rồi nghĩa quân của Hoàng Đình Kinh (1882-1888), sau đó ông đứng dưới cờ nghĩa Lương Văn Nắm (tức Đề Nắm) ở Yên Thế (Bắc Ninh) và trở thành một tướng lĩnh có tài. Tháng 4-1892, Đề Nắm bị thủ hạ là Đề Sặt sát hại, ông trở thành thủ lĩnh tối cao của phong trào Yên Thế.

Trong ba năm (1893-1895) giặc Pháp đã tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa do ông chỉ huy, chúng không từ một thủ đoạn nào, từ phủ dụ đến bao vây tàn sát. Tuy nhiên, bằng chiến thuật du kích tài tình, ông đã tránh được mũi nhọn của giặc và gây cho chúng những tổn thất nặng nề.

Thấy chưa thể dập tắt được phong trào Yên Thế, giặc Pháp đã yêu cầu giảng hòa. Ông cũng muốn tranh thủ thời gian để chuẩn bị thêm lực lượng, nên đồng ý hòa hoãn. Nhưng chỉ vài tháng sau (đến 10-1895), giặc Pháp đã bội ước, chúng huy động lực lượng mở những cuộc tấn công trên quy mô lớn vào Yên Thế. Chúng treo giải thưởng 30.000 Francs cho kẻ nào bắt được ông. Lần ra quân này của giặc Pháp cũng không đàn áp được phong trào nông dân Yên Thế. Chúng yêu cầu giảng hòa lần thứ 2.

Trong hơn 10 năm hòa hoãn (từ 12-1897 đến 29-1-1909), nghĩa quân Yên Thế đã có những bước phát triển mới: Địa bàn hoạt động được mở rộng từ trung du đến đồng bằng, kể cả Hà Nội. Ông tổ chức ra “đảng Nghĩa Hưng” và “Trung chân ứng nghĩa đạo” làm nòng cốt. Đặc biệt, ông đã chỉ đạo cuộc khởi nghĩa ngày 27-6-1908 của binh lính yêu nước ở Hà Nội (gọi là vụ Hà thành đầu độc). Sự kiện này làm chấn động khắp cả nước.

Ngày 29-1-1909, Thống sứ Bắc kỳ đã huy động 15.000 quân chính quy và khố xanh, 400 lính dõng là một lực lượng lớn nhất từ trước tới lúc đó do tên đại tá Ba-tay và tên Việt gian Lê Hoan chỉ huy. Chúng mở cuộc tổng tấn công vào căn cứ Yên Thế. Cuộc chiến đấu không cân sức này đã làm cho nghĩa quân tổn thất nặng nề.

Ngày 10/2/1913, ông bị giặc sát hại. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Hoàng Hoa Thám có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Giác; điểm cuối: giao với đường Phan Thanh Giản; chiều dài: 0,620 km; chiều rộng: 6,0 m.

**18. Đường Hoàng Việt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Nghệ danh của danh nhân (Hoàng Việt).

Tiểu sử danh nhân:

**HOÀNG VIỆT**

**(1928 – 1967)**

Hoàng Việt, tên thật là Lê Chí Trực, ngoài ra còn có các bút danh Lê Trực và Lê Quỳnh, sinh năm 1928 tại Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh), quê nội ở Bà Rịa (nay thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); nhưng sinh sống và lớn lên ở quê ngoại tại làng An Hữu, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã An Hữu, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang).

Có năng khiếu và đam mê âm nhạc, ông sáng tác từ rất sớm. Khoảng năm 1944 - 1945, ông có các ca khúc “Chí cả”, “Biệt đô thành”, “Tiếng còi trong sương đêm” được nhiều người yêu thích.

Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam bộ. Với lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần giác ngộ cách mạng, ông “xếp bút nghiên” lên đường tham gia kháng chiến. Lúc đầu, ông công tác ở Ty Công an Bà Rịa. Đến cuối năm 1946, ông chuyển về Đoàn Văn công Khu 8 đóng ở vùng Thiên Hộ - Hậu Mỹ (Cái Bè) giáp với Đồng Tháp Mười. Trong khoảng thời gian này, ông sáng tác các ca khúc “Thành đồng Tổ quốc”, “Lá xanh”, “Ai nghe chiến dịch mùa xuân”.

Năm 1951, ông được phân công về Đoàn Văn công Phân Liên khu miền Đông Nam bộ. Lúc bấy giờ, cuộc sống của cán bộ, chiến sĩ ở đây vô cùng gian khổ. Tuy vậy, với tinh thần lạc quan cách mạng, ông đã vượt qua những khó khăn đó; và hòa mình vào cuộc kháng chiến của nhân dân miền Đông “gian lao mà anh dũng”. Ngoài việc theo đoàn văn công đi biểu diễn, phục vụ chiến sĩ và nhân dân; ông còn tập trung bút lực và tâm huyết sáng tác nhiều ca khúc hay, phản ánh cuộc kháng chiến hào hùng và niềm tin tất thắng của nhân dân miền Nam “Thành đồng Tổ quốc”. Đó là các ca khúc “Tin tưởng”, “Đêm mưa dầm”, “Lửa sáng”, “Nhạc rừng”, “Mùa lúa chín”, “Lên ngàn”,…

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Năm 1956, ông học âm nhạc tại Nhạc viện Hà Nội. Sống trong cảnh “ngày Bắc đêm Nam”, từ trong niềm xúc cảm thương nhớ về quê hương miền Nam thân yêu, ông sáng tác hai ca khúc “Tình ca” và “Quê mẹ” với những giai điệu trữ tình, sâu lắng; nhưng cũng không kém phần sôi động, hùng tráng về một miền Nam đau thương, kiên trung và bất khuất, đang quật khởi vùng lên.

Năm 1958, ông được Nhà nước cử sang Bulgarie học ở Nhạc viện Sophia. Được sự hướng dẫn tận tình của Giáo sư nổi tiếng Goléminoff, ông lao vào viết khí nhạc; và trở thành người viết nhạc giao hưởng đầu tiên của giới nhạc sĩ Việt Nam với bản giao hưởng “Quê hương”. Trong bản giao hưởng này, với bút pháp tài hoa, ông đã sử dụng chất liệu của 9 ca khúc cách mạng và 2 bài dân ca để xây dựng nội dung tư tưởng và ngôn ngữ nghệ thuật. Qua 4 chương của tác phẩm, ông đã nêu bật truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc và hiện thực cách mạng sôi nổi của miền Nam trong những năm đầu chiến đấu chống ngoại bang và bọn tay sai bán nước. Với bản giao hưởng “Quê hương”, ông đã nhận được tấm bằng đỏ (hạng Ưu) của Nhạc viện Sophia.

Năm 1964, ông về nước, công tác tại Nhạc viện Hà Nội. Ít lâu sau, ông xin về miền Nam chiến đấu. Sau những ngày vượt Trường Sơn vô cùng gian khổ, năm 1966, ông về đến căn cứ Trung ương Cục miền Nam đóng ở miền Đông Nam bộ và công tác tại Đoàn Văn công Giải phóng. Với trình độ âm nhạc uyên bác, ông tận tình hướng dẫn, giúp đỡ các nhạc sĩ trẻ sáng tác ca khúc. Thời kỳ này, ông viết ca khúc “Bài ca thanh niên miền Nam thành đồng” và hợp tác với hai nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, Nguyễn Vũ viết vở nhạc kịch “Bông sen”.

Đầu tháng 12 - 1967, từ Đông Nam bộ, vượt qua nhiều chặng đường nguy hiểm, ông về đến quê ngoại Cái Bè với ý định là tìm cảm xúc để viết bài giao hưởng số 2 về cuộc sống, chiến đấu của đồng bào vùng sông nước Cửu Long. Lúc bấy giờ, chiến trường Cái Bè hết sức ác liệt. Do đó, điều kiện làm việc của ông gặp rất nhiều khó khăn. Hầu như mọi sinh hoạt đều diễn ra dưới hầm trú ẩn. Mặc dù vậy, ông vẫn hăng say sáng tác. Đề cương của bản giao hưởng số 2 có tựa đề “Cửu Long” đã được hoàn thành dưới ánh đèn dầu tù mù và trong mưa bom, bão đạn của quân thù.

Sáng ngày 31 - 12 - 1967, một đoàn trực thăng Mỹ bay vào vùng căn cứ Mỹ Thiện (Cái Bè) phóng hỏa tiển hủy diệt địa hình. Hầm trú ẩn của ông bị trúng đạn; và ông đã anh dũng hy sinh.

Nhận xét về sự nghiệp của ông, nhạc sĩ Xuân Hồng, Phó Tổng thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Tổng thư ký Hội Âm nhạc TP Hồ Chí Minh, viết: “Sự nghiệp của Hoàng Việt để lại cho đời những gì? Là một nhạc sĩ tất nhiên anh để lại tác phẩm, nhưng theo tôi, có một cái thật là cao cả, đó là lý tưởng và ý chí của một người nghệ sĩ chân chính, được thể hiện bằng một câu nói bất hủ của anh mà hiện nay vẫn còn bút tích: “Cho đến chết mới hết sáng tác cho đời”. Tác phẩm của anh để lại là những viên đá, là những cây cột lõi vững chắc góp phần xây dựng cho toà nhà âm nhạc cách mạng Việt Nam hiện đại”.

Do có những đóng góp to lớn vào nền âm nhạc nước nhà và sự nghiệp giải phóng miền Nam, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (1996). Nghệ danh Hoàng Việt của ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường tiểu học - trung học cơ sở - trung học phổ thông ở thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đường Hoàng Việt có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giao với đường Lý Thường Kiệt; chiều dài: 0,85 km; chiều rộng: 3,50 m.

**19. Đường Học Lạc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Ngạch học sinh và tên danh nhân (Học Lạc).

Tiểu sử danh nhân:

**HỌC LẠC**

**(1842 – 1915)**

Học Lạc, tên thật là Nguyễn Văn Lạc, hiệu Sầm Giang, sinh năm 1842 tại thôn Mỹ Chánh, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay thuộc Phường 8 và xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông theo học tại trường tỉnh tọa lạc ở thôn Bình Tạo (nay là phường 4 và phường 6, thành phố Mỹ Tho). Mặc dù gia cảnh gặp khó khăn; nhưng do thông minh lại chuyên cần, nên ông học rất giỏi, được hưởng học bổng của triều đình và xếp vào ngạch Học sinh. Vì thế, ông được mọi người gọi là Học sinh Lạc. Về sau, mất chữ “sinh”, chỉ còn hai chữ “Học Lạc” mà thôi.

Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, ông gác lại chuyện thi cử. Năm 1861, giặc Pháp đánh chiếm thành Định Tường, ông lánh về ở ẩn tại chợ Thuộc Nhiêu (nay thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành), tỏ thái độ bất hợp tác với nhà cầm quyền Pháp.

Tại đây, ông mở trường dạy chữ Nho nhằm mở mang dân trí và hun đúc tinh thần yêu nước, thương nhà cho lớp trẻ. Đồng thời, ông còn làm nghề thuốc Nam, chữa bệnh cho dân nghèo.

Vốn giỏi thơ văn lại có tính cương trực, khẳng khái, ông đã sáng tác nhiều bài thơ châm biếm, trào phúng nhằm đả kích chế độ thực dân thối nát và những kẻ phản dân hại nước, cúi đầu làm tay sai cho ngoại bang, những kẻ hãnh tiến, huyênh hoang, lố bịch và bọn xu thời hợm hĩnh. Qua đó, ông tỏ lòng đau xót trước cảnh nước mắt nhà tan; cũng như, tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của người trí thức chân chính.

Các bài thơ tiêu biểu của ông là *Ăn tiêu lâu*, *Tức cảnh Mỹ Tho*, *Tức cảnh Thuộc Nhiêu*, *Thơ ông làng (của hát Bội)*, *Con trâu*, *Con tôm*, *Chó chết trôi*, *Cặp gà*, *Tạ hương đăng*, *Tức cảnh buổi chiều*, *Ngồi trăng*,…

Trong khuynh hướng thi văn, nhiều nhà nghiên cứu văn học xếp ông vào các nhà thơ có khuynh hướng trào phúng và châm biếm như Chu Mạnh Trinh, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến... Có tác giả cho rằng, ông xứng đáng nối gót hai nhà thơ yêu nước nổi tiếng là Nguyễn Đình Chiểu và Phan Văn Trị.

Ông mất năm 1915 tại Thuộc Nhiêu. Biệt danh Học Lạc của ông được đặt đặt đường và tên trường trung học cơ sở ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tên thật của ông được đặt tên đường ở quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đường Học Lạc có điểm đầu: giáp với đường Phan Thanh Giản; điểm cuối: giao với đường Thái Sanh Hạnh; chiều dài: 1,370 km; chiều rộng: 8 m.

**20. Đường Hồ Bé**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hồ Bé).

Tiểu sử danh nhân:

**HỒ BÉ**

**(1942 – 2014)**

Hồ Bé hay Hồ Văn Bé tên thật là Võ Văn Lý, bí danh Hồng Hải, sinh năm 1942 tại làng Lương Hòa Lạc, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông tham gia cách mạng năm 1962, là chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Chợ Gạo. Năm 1963, ông là Chi ủy viên; Trung đội bậc phó rồi Trung đội bậc trưởng Đặc công, bộ đội địa phương huyện Chợ Gạo.

Năm 1967, ông được đề bạt làm Chính trị viên phó Đại đội Đặc công tỉnh Mỹ Tho. Năm 1968, ông được tham gia Ðoàn Anh hùng dũng sĩ miền Nam ra miền Bắc báo công. Tại Hà Nội, ông vinh dự được ba lần gặp Bác Hồ; từng được túc trực bên linh cữu của Người ngày Bác đi xa.  Sau đó, ông được học Trung cấp Chính trị tại tỉnh Vĩnh Phúc.

Năm 1970, ông trở về miền Nam, tiếp tục chiến đấu. Năm 1971, ông là Bí thư Đảng ủy, Chính trị viên phó Tiểu đoàn 281 Đặc công Quân khu 8. Năm 1973, ông đảm trách nhiệm vụ là Bí thư Đảng ủy, Chính trị viên Tiểu đoàn 269 rồi Tiểu đoàn 678 Đặc công Quân khu 8.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông đã tham gia chiến đấu tất cả 57 trận, đánh sập và phá hỏng 11 cầu giao thông, phá hủy 5 xe quân sự, diệt 29 và làm bị thương 19 lính địch. Tiêu biểu là các trận đánh sau đây:

Ngày 8-4-1964, ông cải trang thành người đi bắt ếch, trà trộn trong số dân đi làm ruộng, khéo léo gài mìn trên lộ Hòa Tịnh (huyện Chợ Gạo) và kiên trì phục chờ đến 16 giờ. Bỏ qua các xe chở lính đi trước, chờ cho 2 chiếc xe jeep chạy tới, ông cho nổ mìn, diệt 9 sĩ quan, trong đó có 2 cố vấn Mỹ, tiêu hủy 2 chiếc xe.

Ngày 24-4-1964, ông bí mật gài mìn trên lộ Phú Kiết (huyện Chợ Gạo), chờ cho xe chở cảnh sát và lính bảo vệ đi qua, ông cho nổ mìn vào chiếc xe chở bọn chỉ huy, diệt 3 sĩ quan cấp tá, 2 cố vấn Mỹ, trong đó có trung tá Trần Hoàng Quân, tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng Tiểu khu Định Tường.

Sau ngày thống nhất đất nước (30-4-1975), năm 1976, ông được bầu làm Đại biểu Quốc hội Khóa VI đơn vị tỉnh Tiền Giang. Năm 1977, ông mang quân hàm đại úy, Phó Chính ủy Trung đoàn 77, Sư đoàn 8, Quân khu 9. Năm 1981, ông là Thiếu tá, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 867 rồi Trung đoàn 506, Sư đoàn 868, QK9. Năm 1983, ông được thăng quân hàm Trung tá, Học viên Học viện Quân sự cấp cao. Năm 1985, ông là Bí thư Đảng ủy, Phó Tham mưu trưởng  Sư đoàn 868, Quân khu 9. Năm 1986, ông là Đảng ủy viên, Phó Hiệu trưởng Trường Văn hóa Quân khu 9. Năm 1987, ông là Bí thư Đảng ủy, Chủ nhiệm Hậu cần Sư đoàn 868, Quân khu 9. Năm 1988, ông được thăng quân hàm Thượng tá. Năm 1993, ông là Đại tá, Đảng ủy viên, Phó Sư đoàn trưởng Sư đoàn 868, Quân khu 9. Năm 1994, ông là Đảng ủy viên, Phó Sư đoàn trưởng Sư đoàn 8, Quân khu 9. Năm 1999, ông được Đảng, Nhà nước, Quân đội cho nghỉ hưu.

Mặc dù được nghỉ hưu, nhưng ông vẫn tham gia công tác xã hội. Năm 2002, ông là Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Kinh tế đời sống Hội Cựu chiến binh tỉnh Tiền Giang. Năm 2006, ông là Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin tỉnh Tiền Giang. Ở cương vị này, ông tích cực kiện toàn tổ chức Hội, tuyên truyền, vận động các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân hưởng ứng vụ kiện đòi công lý cho nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin với tinh thần “Tiếp sức cho các nạn nhân chất độc da cam Việt Nam đấu tranh đòi công lý”, chăm sóc giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam/đi-ô-xin về tinh thần và vật chất,... Năm 2014, ông bị bệnh qua đời.

**Do những công lao đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng, ông được Đảng, Nhà nước tặng thưởng:** Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Nhất; Huân chương Quân công hạng Ba; Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất; Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng; danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Đường Hồ Bé có điểm đầu: giáp với đường Phan Lương Trực; điểm cuối: giao với đường Vũ Mạnh; chiều dài: 0,917 km; chiều rộng: 8,0 m.

**21. Đường Hồ Văn Nhánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Hồ Văn Nhánh).

Tiểu sử danh nhân:

**HỒ VĂN NHÁNH**

**(1955 – 1969)**

Hồ Văn Nhánh sinh năm 1955 tại xã Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Thuở nhỏ, ông học hành rất chăm chỉ và cần cù lao động phụ giúp gia đình. Căm thù giặc Mỹ và bọn tay sai đã đốt phá xóm làng; lại được giáo dục, giác ngộ lý tưởng cách mạng, nên khi mới 13 tuổi (1968), ông đã tình nguyện xin vào Đội du kích mật của xã Long Hưng để góp phần công sức của mình vào sự nghiệp giải phóng quê hương.

Sau năm 1968, do địch phản kích quyết liệt, chiến trường bị chia cắt, nên hầu như địa phương nào, trong đó có xã Long Hưng, cũng đều gặp khó khăn về vũ khí và đạn dược. Trước tình hình đó, ông quyết định đột nhập vào căn cứ Đồng Tâm của Sư đoàn 9 Mỹ để gỡ mìn, lấy vũ khí địch đánh lại địch. Cứ thế, ngày qua ngày, sau khi đi học về, ông lại bí mật luồn qua các vòng rào dây thép gai, vào căn cứ của địch tiến hành việc gỡ mìn. Đây là một công tác cực kỳ nguy hiểm; nhưng do thông minh, cẩn thận và dũng cảm, ông đã gỡ được hàng ngàn quả mìn các loại, cung cấp cho bộ đội và du kích các xã chế tạo vũ khí đánh địch. Từ sáng kiến của ông, Đội du kích của các xã xung quanh căn cứ Đồng Tâm và Ban Chỉ huy Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức đã thành lập các tổ chuyên trách gỡ mìn; và số mìn thu được ngày càng nhiều.

Ngày 15-9-1969, trong một lần gỡ mìn ở vòng rào thứ 3 của căn cứ Đồng Tâm, ông đã anh dũng hy sinh. Chỉ trong một năm công tác, ông đã 131 lần đột nhập vào căn cứ Mỹ, trực tiếp gỡ hơn 4.500 quả mìn các loại, hướng dẫn cho bộ đội và du kích gỡ được hơn 1.100 quả, phục vụ cho bộ đội và du kích đánh trên 300 trận, tiêu diệt hàng trăm tên địch.

Ông được tặng thường 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường và tên trường tiểu học ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Hồ Văn Nhánh có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giao với Quốc lộ 60; chiều dài: 0,90 km; chiều rộng: 3,5 m.

**22. Đường Hùng Vương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Quốc tổ của dân tộc Việt Nam (Hùng Vương).

Quốc tổ:

**HÙNG VƯƠNG**

Thời đại các vị vua Hùng gắn liền với nước Văn Lang là giai đoạn lịch sử mở đầu cho dân tộc ta cách nay hàng mấy chục thế kỷ, mở ra một thời đại lịch sử mới - thời đại dựng nước và giữ nước đầu tiên của dân tộc.

Về sự ra đời của quốc gia Văn Lang, xét trên phương diện kinh tế, vào khoảng nửa đầu thiên niên kỷ I trước công nguyên (TCN), công cụ lao động bằng đồng thau đã trở nên phổ biến và bắt đầu có công cụ bằng sắt. Nhờ vậy, cư dân đã khai phá và biến vùng châu thổ sông Hồng, sông Mã, sông Cả thành những cánh đồng màu mỡ với nền nông nghiệp trồng lúa nước, dùng cày với sức kéo của trâu, bò. Đồng thời, sự phân công giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp cũng được hình thành.

Sự phát triển kinh tế đã dẫn đến sự chuyển biến xã hội. Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt. Công xã thị tộc tan vỡ, thay vào đó là công xã nông thôn và gia đình phụ hệ.

Sự chuyển biến về kinh tế, xã hội đã đặt ra những yêu cầu mới của xã hội lúc bấy giờ là: làm thủy lợi và trị thủy để phục vụ cho nền nông nghiệp trồng lúa nước; quản lý xã hội nhằm đảm bảo trật tự và ổn định đời sống dân cư; chống giặc ngoại xâm để bảo vệ lãnh thổ. Chính những yêu cầu đó đã đẩy mạnh quá trình hình thành nhà nước. Trên cơ sở đó, quốc gia Văn Lang đã được ra đời vào khoảng thế kỷ VII TCN

Tổ chức nhà nước Văn Lang còn đơn giản, sơ khai. Đứng đầu là vua Hùng; giúp việc có các Lạc hầu, Lạc tướng. Cả nước chia làm 15 bộ do Lạc tướng đứng đầu. Dưới bộ là các làng do là Bồ chính cai quản. Vua Hùng đóng đô ở Bạch Hạc (nay thuộc TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ). Cương vực nước Văn Lang bao gồm một vùng lãnh thổ từ khoảng Quảng Bình hiện nay trở ra đến giáp biên giới Việt - Trung, biên giới Việt - Lào; trong đó, biên giới phía Bắc có thể bao gồm một phần tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) hiện nay.

Sự ra đời của quốc gia Văn Lang và thời đại của các vị vua Hùng là có thực trong lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Đó là thời đại mà đất nước ta có cương vực, tên nước, chế độ xã hội, phong tục tập quán, lễ hội, tín ngưỡng riêng. Tất cả những cái đó là nền móng và trở thành ý thức, bản sắc và truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Để tưởng nhớ các vị vua Hùng đã “có công dựng nước” (lời Chủ tịch Hồ Chí Minh), ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm, toàn dân ta đều long trọng tố chức ngày Giỗ Tổ rất trọng thể và trang nghiêm; nếu ai có điều kiện thì thực hiện cuộc hành hương về cội nguồn dân tộc ở Đền Hùng tọa lạc trên núi Nghĩa Lĩnh, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trên thế giới, có lẽ duy nhất chỉ có dân tộc ta mới có ngày Quốc giỗ và cuộc hành hương về cội nguồn dân tộc.

Ngày 02/4/2007, Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phê chuẩn sửa đổi, bổ sung Điều 73 của Luật Lao động cho người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch). Kể từ đây, ngày 10/3 âm lịch hàng năm đã trở thành ngày lễ lớn - QUỐC LỄ mang ý nghĩa bản sắc văn hóa dân tộc. Ngày 6/12/2012, Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) đã chính thức công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ” là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Thời đại và Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng là dịp để giáo dục truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, lòng biết ơn sâu sắc các Vua Hùng đã có công dựng nước và các bậc tiền nhân kiên cường chống giặc ngoại xâm giữ nước, đồng thời còn là dịp quan trọng để chúng ta quảng bá ra thế giới về một Di sản vô cùng giá trị, độc đáo, đã tồn tại hàng nghìn năm, ăn sâu vào tâm hồn, tình cảm, trở thành đạo lý truyền thống của đồng bào cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài, là ngày để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cùng nguyện một lòng mãi mãi khắc ghi lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước - Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Đường Hùng Vương có điểm đầu: giáp với đường Rạch Gầm; điểm cuối: giao với Quốc lộ 50; chiều dài: 2,800 km; chiều rộng: 26,0 m.

**23. Đường Huyện Thoại**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chức vụ và tên danh nhân (Huyện Thoại).

Tiểu sử danh nhân:

**HUYỆN THOẠI**

**(1816 – 1861)**

Huyện Thoại tên thật là Đỗ Trình Thoại sinh năm 1816, người thôn Yên Luông Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và học giỏi. Năm 1843, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Gia Định; được triều đình bổ làm Tri huyện Tân Hòa, tỉnh Gia Định (bao gồm khu vực Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay); nên được mọi người quen gọi là Huyện Thoại.

Năm 1859, giặc Pháp tấn công thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn của một trí thức chân chính và với trách nhiệm của một viên quan đứng đầu một huyện thuộc tỉnh Gia Định, ông tham gia công cuộc chống Pháp ở mặt trận Chí Hòa (Gia Định, nay là thành phố Hồ Chí Minh).

Tháng 02-1861, đại đồn Chí Hòa bị thất thủ, ông trở về Tân Hòa (Gò Công), mộ nghĩa dũng và kết hợp với Trương Định nổi lên kháng chiến chống bọn thực dân xâm lược.

Sau khi hạ thành Mỹ Tho vào trung tuần tháng 4-1861, quân Pháp tiến đánh Gò Công; sau đó, bọn chúng đã cho thiết lập nhiều đồn bót ở đây nhằm kiểm soát và bình định vùng đất vừa mới chiếm được.

Với quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước và bảo vệ chủ quyền dân tộc, ông đã chỉ huy nghĩa quân tiến hành nhiều trận tập kích táo bạo vào các vị trí chiếm đóng của quân viễn chinh Pháp ở Gò Công, gây cho chúng những thiệt hại đáng kể.

Tiêu biểu là trận tập kích đồn Gò Công ngày 22-6-1861. Vào lúc tờ mờ sáng, ông trực tiếp điều động 600 nghĩa quân bất ngờ mở cuộc tấn công. Với cương vị là tướng chỉ huy, ông đã dũng cảm xông lên phía trước, bất chấp hiểm nguy mặc dù súng của địch từ trong đồn bắn ra hết sức dữ dội.

Sau khi vượt qua những vòng rào phòng thủ kiên cố, nghĩa quân đã đột nhập được vào bên trong đồn. Một trận giáp chiến kịch liệt giữa quân ta và quân Pháp đã diễn ra. Hàng ngũ của quân địch trở nên rối loạn. Bằng võ nghệ cao cường, ông đã dùng gươm giết chết tên lính thủy quân lục chiến Bodiez và làm trọng thương tên trung úy Paulin Vial, Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công.

Nhưng, thật không may, ông bị trúng đạn và hy sinh cùng với 12 nghĩa sĩ, hưởng dương 45 tuổi. Sau khi mất, ông được triều đình nhà Nguyễn cho lập đền thờ. Từ một sĩ phu và quan lại yêu nước, ông đã trở thành lãnh tụ nghĩa quân, trực tiếp xông pha nơi trận mạc, kiên cường chiến đấu chống lại kẻ thù và đã anh dũng đền nợ nước, để lại bao niềm thương tiếc của sĩ dân Gò Công.

Phần mộ của ông tọa lạc tại ấp Kim Liên, xã Long Hòa, thị xã Gò Công đã được công nhận Di tích lịch sử - văn hoá cấp quốc gia năm 2016.

Tên ông được đặt tên đường ở thị xã Gò Công, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; thành phố Tân An, tỉnh Long An; Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; tên trường tiểu học ở xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Huyện Thoại có điểm đầu: giáp với đường 30 tháng 4; điểm cuối: giao với đường Rạch Gầm; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 7,0 m.

**24. Đường Huỳnh Tịnh Của**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Huỳnh Tịnh Của).

Tiểu sử danh nhân:

**HUỲNH TỊNH CỦA**

**(1834 – 1907)**

**Huỳnh Tịnh Của, sinh năm 1834 tại làng Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa (nay là huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).**

Ông theo học Trường Công giáo Puylo - Pinang ở Malaysia từ khi còn nhỏ. Sớm tiếp thu phương pháp nghiên cứu và học thuật phương Tây lại tinh thông chữ Hán, chữ Nôm và tiếng Pháp, ông chủ trương học tập kỹ năng và phương pháp nghiên cứu khoa học của phương Tây; nhưng vẫn bảo tồn và phát triển những nét đặc sắc của văn hóa dân tộc để canh tân đất nước, giữ gìn độc lập dân tộc trên cơ sở tự lực, tự cường.

Năm 1861, tuy làm Đốc phủ sứ, Giám đốc Ty Phiên dịch Văn án ở Soái phủ Sài Gòn, nhưng ông vẫn dành nhiều thời gian nghiên cứu và truyền bá chữ quốc ngữ. Ông đã gửi bản điều trần lên vua Tự Đức đề nghị dùng chữ quốc ngữ thay thế chữ Hán, yêu cầu phổ cập giáo dục và cho xuất bản sách báo bằng chữ quốc ngữ, sử dụng chữ quốc ngữ làm văn tự chính thống. Bản điều trần của ông không được vua Tự Đức chấp nhận, nhưng đã tạo điều kiện để thúc đẩy quá trình phát triển và phổ cập chữ quốc ngữ ở Việt Nam, nhất là các tỉnh, thành Nam Bộ.

Năm 1865, ông tham gia sáng lập tờ báo quốc ngữ *Gia Định Báo* - tờ báo Việt ngữ đầu tiên ở Việt Nam - do Trương Vĩnh Ký làm chủ bút. Sau khi Trương Vĩnh Ký qua đời (1898), ông thay làm chủ bút.

Sự nghiệp nghiên cứu và sáng tác của ông rất đồ sộ, bao gồm các thể loại văn, thơ, nghiên cứu, biên khảo, ngôn ngữ, phong tục tập quán, thơ ca, tục ngữ,…

Trong số các tác phẩm sáng tác, nghiên cứu, biên khảo của ông, tác phẩm *Đại Nam quốc âm tự vị* là công trình khoa học lớn, có giá trị đối với các nhà nghiên cứu ngôn ngữ cũng như quá trình phát triển của Tiếng Việt hiện đại. Quyển sách này được in lần đầu năm 1895-1896 tại Sài Gòn, sau đó tái bản nhiều lần. Năm 1998, Nhà xuất bản Trẻ in thành hai tập, tổng số 1.210 trang sách.

**Ông mất năm 1907.** Với những đóng góp to lớn của mình, tên ông được nhiều địa phương đặt tên đường, trường học.

Đường Huỳnh Tịnh Của có điểm đầu: giáp với đường Ngô Quyền; điểm cuối: giao với đường Trương Vĩnh Ký; chiều dài: 0,210 km; chiều rộng: 6,0 m.

**25. Đường Kè sông Tiền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Công trình xây dựng (Kè: là dạng công trình bảo vệ bờ sông, bờ biển khỏi tác động xói lở gây ra bởi dòng chảy gay sóng) + Địa hình thiên nhiên (Sông Tiền).

Trước năm 2010, khu vực dọc sông Tiền đoạn qua thành phố Mỹ Tho từ Phường 6 đến Công ty Cấp nước Tiền Giang chưa đảm bảo mỹ quan đô thị. Nhiều hộ dân lấn bãi bồi để xây dựng nhà sàn; một số cơ sở sản xuất, hộ dân xây dựng kè tạm thời với nhiều hình thức và kết cấu vật liệu khác nhau, gây tác động xấu đến kết cấu dòng chảy, lòng dẫn, môi trường ven sông, ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường phát triển du lịch của thành phố.

Để góp phần hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại 1 và bảo vệ bờ sông, các công trình trên bờ trước tình trạng sạt lở nghiêm trọng dọc bờ sông, Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho đã lập Dự án Đầu tư xây dựng công trình Đường và kè sông Tiền khu vực thành phố Mỹ Tho trình ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt và bố trí vốn thực hiện. Công trình Đường và kè sông Tiền có tổng chiều dài 2.625 m với các hạng mục: Kè, đường, hệ thống chiếu sáng, đèn trang trí; tổng mức đầu tư 389,9 tỷ đồng từ vốn trái phiếu Chính phủ.

Công trình được triển khai thi công từ năm 2011 và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2015. Công trình Đường và kè sông Tiền khu vực thành phố Mỹ Tho hoàn thành, ngoài mục tiêu bảo vệ, chống sạt lở bờ sông Tiền do tác động của dòng chảy, công trình cũng góp phần chỉnh trang đô thị, phát triển khu dân cư, phát triển ngành Du lịch, là điểm nhấn của thành phố Mỹ Tho.

Đường Kè sông Tiền có điểm đầu: giáp với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; điểm cuối: giao với kênh Xáng Cụt; chiều dài: 2,625 km; chiều rộng: 12,0 m.

**26. Đường Ký Con**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Biệt danh (Ký Con).

Tiểu sử danh nhân:

**KÝ CON**

**(1908 – 1931)**

Ký Con tên thật là Đoàn Trần Nghiệp sinh năm 1908 tại làng Khúc Thuỷ, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay là xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội).

Năm 1926, ông làm thư ký cho Hãng Godard ở Hà Nội. Năm 1928, ông gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng và được giao việc trông coi sổ sách cho khách sạn Việt Nam - một cơ sở do Đảng này thành lập ở số nhà 38, phố Hàng Bông, Hà Nội. Ông nhỏ người, trắng trẻo như thư sinh, trong Việt Nam Quốc Dân Đảng ông nhỏ tuổi nhất, lại làm thư ký nên mọi người gọi thân mật là Ký Con.

Là một nhân vật tích cực của Việt Nam Quốc dân Đảng thời kỳ 1928 - 1930, ông từng giữ chức Trưởng ban ám sát của đảng này. Chính ông đã trừng trị một số tên mật thám và bọn phản bội.

Ngày 10/2/1930, cuộc khởi nghĩa do Việt Nam Quốc dân Đảng lãnh đạo bùng nổ, ông chỉ huy cảm tử quân tấn công vào một số vị trí trong thành phố Hà Nội. Ngày 8/5/1930, ông sa vào tay giặc tại Nam Định, bị Hội đồng đề hình của chính quyền thực dân Pháp mở từ ngày 5 - 9/8/1930 kết án tử hình cùng 11 chiến sĩ Việt Nam Quốc dân Đảng. Ngày 9/3/1931, ông bị hành hình tại nhà lao Hoả Lò (Hà Nội).

Đường Ký Con có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn An Ninh; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Huỳnh Đức; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 6,0 m.

**27. Đường Lãnh Binh Cẩn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chức vụ và tên danh nhân (Lãnh binh Cẩn).

Tiểu sử danh nhân:

**LÃNH BINH CẨN**

**(1802 – 1902)**

Lãnh binh Cẩn tên thật là Nguyễn Văn Cẩn, sinh năm 1802 tại thôn Mỹ Lợi, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường (nay là xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang).

Ngay sau khi thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Định Tường (1861), ông gia nhập lực lượng kháng chiến do Võ Duy Dương lãnh đạo. Do có nhiều thành tích trong chiến đấu, ông được Chủ tướng phong chức Lãnh binh.

Năm 1864, Võ Duy Dương thành lập căn cứ kháng chiến Đồng Tháp Mười. Lúc bấy giờ, ông được Bộ Tham mưu nghĩa quân tin tưởng giao cho nhiệm vụ chỉ huy đại bản doanh, còn được gọi là đồn Trung, cùng với Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều.

Ngày 14-4-1866, Thủy sư đô đốc De Lagrandière huy động khoảng 1.000 quân thủy bộ cùng với nhiều tàu chiến và đại bác, chia làm ba cánh, ồ ạt tấn công căn cứ Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân đã kiên cường chống trả. Nhưng, do thế giặc quá mạnh, các đồn Tiền, đồn Tả, đồn Hữu đều lần lượt bị thất thủ.

Trước tình hình vô cùng nguy ngập đó, để giải vây cho Chủ tướng Võ Duy Dương và nghĩa quân, ông và Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều chỉ huy lực lượng ở đồn Trung đánh mạnh vào các cánh quân của giặc Pháp.

Sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải nguy cho Chủ tướng, ông rút quân về cố thủ ở đồn Trung.Trước hỏa lực mạnh mẽ của đại bác Pháp, đồn Trung bị vỡ. Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều anh dũng đền nợ nước. Còn ông rút quân về Hồng Ngự (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp) tiếp tục chiến đấu.

Thực dân Pháp ra lệnh cho Trần Bá Lộc mang quân truy kích. Ông chỉ huy nghĩa quân đánh một trận mở đường máu; rồi sau đó, di chuyển đến Châu Đốc. Tại đây, sau khi gầy dựng lại lực lượng, ông chỉ huy nghĩa quân tấn công quân Pháp ở nhiều nơi, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề; tiêu biểu nhất là trận hạ đồn Châu Đốc.

Quyết tiêu diệt nghĩa quân, giặc Pháp tung lực lượng hùng hậu đàn áp. Trong một trận đánh không cân sức tại núi Sập, nghĩa quân tan rã. Trước tình hình đó, ông đến chùa Tây An gặp gỡ các nhà sư yêu nước để bàn bạc kế sách chống giặc. Tại đây, để che mắt địch, ông quy y đầu Phật với pháp danh là Minh Mai và pháp hiệu là Phương Danh. Cuối năm 1870, ông trở về Cái Bè trùng tu chùa Thắng Quang ở làng Hòa Hưng (nay là xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang). Hoằng pháp nơi đây ổn định, ông trở lại chiến trường Đồng Tháp Mười, khai sơn chùa Gò Tháp, lập bàn thờ Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều và những nghĩa sĩ đã vì nước hy sinh. Ngôi chùa này được xem là điểm tựa tâm linh cho những nhà yêu nước và nghĩa binh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trong nửa sau thế kỷ XIX. Sau đó, do bị tên Việt gian Trần Bá Lộc theo dõi truy bắt nên ông bí mật lẻn về Mỹ Lợi (Cái Bè) sinh sống và dựng một ngôi chùa, mang tên là chùa Phước Quang, nhằm thực hiện việc cứu đời, cứu người theo giáo lý nhà Phật.

Ông mất ngày 23-01-1902 (nhằm ngày 25 tháng Chạp năm Nhâm Dần) tại quê nhà, nay là xã Mỹ Lợi A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Mộ của ông được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh (2014). Tên và chức vụ của ông được đặt cho một con đường ở TP Mỹ Tho và huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lãnh Binh Cẩn có điểm đầu: giáp với đường Rạch Gầm; điểm cuối: giao với đường Thủ Khoa Huân; chiều dài: 1,150 km; chiều rộng: 6,0 m.

**28. Đường Lê Chân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Chân).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ CHÂN**

**(20 – 43)**

Lê Chân sinh năm 20, quê ở làng An Biên (tên cổ là làng Vẻn), Đông Triều, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay thuộc thôn An Biên, xã Thuỷ An, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

Khi lớn lên, bà là người có nhan sắc, giỏi võ nghệ lại có tài thơ phú nên tiếng đồn đến tai Thái thú nhà Hán là Tô Định. Tô Định toan lấy bà làm thiếp nhưng bị cha mẹ bà cự tuyệt. Vì thế, họ đã bị Thái thú Tô Định sát hại. Do đó, bà phải rời bỏ quê theo đường sông xuôi xuống phía Nam, đến vùng An Dương, cửa sông Cấm. Thấy địa hình, đất đai thuận lợi, bà dừng lại lập trại khai phá, phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm và đánh bắt thủy hải sản, tạo nên một vùng đất trù phú. Nhớ cội nguồn, bà đặt tên vùng này là An Biên trang.

Cùng với phát triển sản xuất, bà còn chiêu mộ trai tráng để luyện binh. Binh sĩ của bà có sở trường về thủy trận. Năm 40, Hai Bà Trưng dấy binh khởi nghĩa, bà đã gia nhập quân khởi nghĩa do Hai Bà Trưng lãnh đạo. Trong các trận đánh, bà thường được cử làm nữ tướng quân tiên phong, lập nhiều chiến công. Khởi nghĩa thành công, bà được Trưng Vương phong là Thánh Chân công chúa, giữ chức Chưởng quản binh quyền, đứng ra tổ chức, luyện tập quân sĩ, tăng gia sản xuất.

Được phép của Trưng Vương, bà đem quân trở về vùng đất An Biên trang, mở thêm trại, ấp, khai khẩn đất hoang dọc ven sông Tam Bạc thành đồng ruộng cấy lúa, trồng dâu xanh tốt. Chỉ trong thời gian ngắn, ở vùng đất này, dân cư đã đông đúc, kinh tế phát triển.

Năm 43, tướng nhà Hán là Mã Viện đưa quân sang xâm lược nước ta. Đội quân thường trực phòng thủ ven biển Đông Bắc do bà chỉ huy đã ra quân kịp thời chặn đánh quyết liệt đoàn thuyền binh đông đảo của giặc ngay từ cửa sông Bạch Đằng.

Suốt dọc sông Bạch Đằng, Đá Bạc, Lê Chân cho dựng chướng ngại vật trên sông, dùng những chiếc thuyền chiến nhỏ, nhẹ, dễ cơ động tập kích vào mạn sườn đoàn thuyền to lớn, nặng nề của giặc, làm chúng tổn thất không ít. Song do quá chênh lệch về lực lượng, trang bị, vũ khí so với địch nên bà phải lui quân.

Theo đường sông Bạch Đằng - Kinh Thầy - sông Đuống, thủy quân của bà tập kết về vùng Hồ Tây, Hoàng Mai (nay thuộc Hà Nội) bên bờ hữu sông Hồng. Tại đây, bà gấp rút củng cố lực lượng, tuyển thêm binh sĩ, đóng thêm thuyền chiến, sẵn sàng đánh địch.

Nhưng do giặc quá mạnh, quân Hai Bà Trưng chống cự không nổi phải lui về Cấm Khê (Hà Nội). Để giữ khí tiết, Hai Bà đã tự vẫn. Trước tình hình đó, bà đem quân về lập căn cứ địa ở Lạt Sơn (nay thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam) nhằm chờ thời cơ khôi phục cơ đồ. Căn cứ vừa hình thành chưa được bao lâu thì Mã Viện đem lực lượng lớn tới tấn công, nghĩa quân chống trả quyết liệt nhưng không bảo toàn được lực lượng. Cuối cùng, bà đã lên núi Giát Dâu gieo mình tự vẫn quyết không sa vào tay giặc. Năm ấy bà vừa 23 tuổi.

Các vua đời sau cũng có chiếu phong bà là Thượng đẳng Phúc thần công chúa. Để nhớ công ơn khai khẩn của bà, Hải Phòng đặt tên một quận mang tên bà và dựng tượng bà tại gần trung tâm thành phố; đồng thời, tên của bà được đặt tên cho giải thưởng “Nữ tướng Lê Chân” để trao cho những phụ nữ có thành tích xuất sắc của thành phố Hải Phòng. Tên của bà được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Lê Châncó điểm đầu tại Số 1 Lê Chân; điểm cuối tại số 131 Lê Chân; chiều dài: 2,0 km; chiều rộng: 4,0 m.

**29. Đường Lê Đại Hành**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Đại Hành).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ ĐẠI HÀNH**

**(941 – 1005)**

Lê Đại Hành tên thật là Lê Hoàn, sinh năm 941, quê Ái Châu (nay là tỉnh Thanh Hóa).

Ông là người trí dũng nên được sứ quân Đinh Bộ Lĩnh tin tưởng, giao cho trông coi hàng ngàn binh sĩ. Năm 968, sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, xưng đế hiệu là Đinh Tiên Hoàng, bắt đầu xây dựng nhà nước Đại Cồ Việt. Vua Đinh Tiên Hoàng phong cho ông chức Thập đạo tướng quân, Điện tiền đô chỉ huy sứ, cai quản quân đội của Đại Cồ Việt, trực tiếp chỉ huy đội quân cấm vệ của triều đình. Tháng 10/979, vua Đinh Tiên Hoàng bị viên quan hầu Đỗ Thích giết hại, triều đình tôn Vệ vương Đinh Toàn mới 6 tuổi lên ngôi vua. Lê Hoàn làm Nhiếp chính trong một tình thế đầy khó khăn.

Đầu năm 981, vua Tống (Trung Quốc) phát quân xâm lược Đại Cồ Việt, đường bộ đi theo ngả Lạng Sơn, đường thủy thì tiến vào sông Bạch Đằng. Trước khi bước vào cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược, Thái hậu Dương Vân Nga cùng triều thần đã đồng lòng tôn Lê Hoàn lên ngôi vua, chính danh chỉ huy quân dân ta chống giặc ngoại xâm.

Nghe tin quân giặc đến sông Bạch Đằng, ông tự làm tướng, sai quân cắm cọc nhọn trên sông, chờ thủy triều lên đem thuyền ra dụ địch. Khi thủy triều xuống, quân ta quay thuyền chặn đánh quyết liệt khiến cho thủy quân Tống bị thất bại thảm hại. Trên đường bộ, tướng giặc là Tôn Toàn Hưng dừng quân chần chừ không dám tiến. Hầu Nhân Bảo dẫn quân tiến theo sông Thương, kéo đến Chi Lăng. Tại đây, ông chỉ huy phục binh đổ ra đánh dữ dội, tiêu diệt quá nửa quân Tống. Hầu Nhân Bảo bị chết trận. Quân giặc hoảng loạn, vội vàng rút chạy về nước. Vua Tống Thái Tông buộc phải ra lệnh rút quân, từ bỏ dã tâm xâm lược Đại Cồ Việt. Chiến công đó mãi mãi là niềm tự hào trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Sau đó, ông còn chỉ huy quân dân Đại Cồ Việt đánh bại các cuộc xâm phạm biên giới phía Nam của quân Champa.

Năm 1005, ông mất. Những chiến công của quân dân ta dưới sự lãnh đạo của ông mãi mãi là niềm tự hào trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta; bảo vệ vững chắc nền nền độc lập dân tộc.

Về danh xưng “Lê Đại Hành” thì chữ “đại hành” vốn dùng cho đế, hậu sau khi qua đời mà chưa đưa vào lăng tẩm; vì chưa có miếu hiệu, thụy hiệu nên tạm gọi là “đại hành hoàng đế”, “đại hành hoàng hậu”. Lê Hoàn qua đời, con là Lê Long Đĩnh nối ngôi nhưng không đặt thụy hiệu cho cha. Từ đó, chữ “đại hành” vốn là thụy hiệu tạm thời lại được dùng vĩnh viễn cho đến ngày nay.

Đường Lê Đại Hành có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giao với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; chiều dài: 0,660 km; chiều rộng: 6,0 m.

**30. Đường Lê Lợi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Lợi).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ LỢI**

**(1385 – 1433)**

Lê Lợi sinh năm 1385 tại làng Lam Giang hay Lam Sơn, huyện Lương Giang, phủ Thanh Hóa (nay là thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa) xuất thân trong một gia đình hào trưởng giàu có.

Trước ách thống trị tàn bạo của nhà Minh (Trung Quốc) trên đất nước ta, năm 1416, ông cùng với 18 người bạn tâm giao, cùng chí hướng tham gia hội thề Lũng Nhai (Lam Sơn, Thanh Hóa) nguyện đánh quân Minh cứu nước. Hay tin ông dựng cờ nghĩa, anh hùng hào kiệt từ bốn phương kéo về đất Lam Sơn tụ nghĩa. Sau một thời gian chuẩn bị, đầu năm 1418, ông xưng là Bình Định Vương phát động cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và truyền hịch đi khắp nơi, kêu gọi nhân dân đứng lên đánh giặc cứu nước. Ông là linh hồn và là lãnh tụ tối cao của cuộc khởi nghĩa.

Trong suốt 10 năm đấu tranh gian khổ, tuy phải nếm mật nằm gai, nhiều lần bị địch bao vây, thiếu thốn lương thực; nhưng ông đã tổ chức xây dựng lực lượng, tổ chức nhiều trận đánh lớn, cuối cùng đã đánh thắng giặc Minh xâm lược, buộc chúng phải cầu hòa, rút quân về nước. Năm 1427, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng. Nếu Ngô Quyền với chiến thắng trên sông Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt thời kỳ 1.000 năm mất nước, mở ra thời kỳ độc lập mới của dân tộc thì Lê Lợi với sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã kết thúc 20 năm thống trị của giặc Minh, khôi phục nền độc lập lâu dài cho Tổ quốc, mở ra một kỷ nguyên mới trong việc xây dựng và phát triển của đất nước.

Năm 1428, ông lên ngôi vua với đế hiệu là Lê Thái Tổ, tiến hành xây dựng lại đất nước, chăm lo phục hồi phát triển kinh tế, văn hóa, mở mang giáo dục, củng cố nền độc lập của dân tộc.

Năm 1433, ông qua đời và được an táng tại Vĩnh Lăng (Lam Sơn). Văn bia tại mộ ông do Nguyễn Trãi viết đã ghi lại công lao và sự nghiệp của Lê Lợi - vị vua khai sáng của triều đại nhà Lê, vị Anh hùng dân tộc Việt Nam. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Lê Lợi có điểm đầu: giáp với đường 30 tháng 4; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 1,17 km; chiều rộng: 10 m.

**31. Đường Lê Thị Hồng Gấm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Thị Hồng Gấm).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ THỊ HỒNG GẤM**

**(1951 – 1970)**

Lê Thị Hồng Gấm sinh năm 1951 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Tháng 12-1967, bà tham gia cách mạng, làm giao liên xã. Đây là công tác vô cùng khó khăn, nguy hiểm; bởi vì, xã Long Hưng nằm cận kề với căn cứ Đồng Tâm của sư đoàn 9 Mỹ, địch thường xuyên đánh phá hết sức ác liệt.

Năm 1968, địch tăng cường lực lượng, điên cuồng phản kích nhằm đẩy quân giải phóng và du kích ra khỏi địa bàn đứng chân. Tình hình trở nên rất căng thẳng. Tuy vậy, bà vẫn dũng cảm bám chặt địa bàn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Bất kể bom pháo và địch càn quét hay phục kích; hàng ngày, bà như “con thoi” chuyển công văn, chỉ thị đến các nơi tuyệt đối an toàn. Có lúc cao điểm, mỗi ngày, bà đi từ 7 đến 10 chuyến. Nhiều khi gặp địch kiểm soát gắt gao, bà giả dạng dân thường, bình tỉnh, mưu trí, vượt qua.

Tháng 12-1968, bà được cấp trên chỉ định làm Xã đội phó xã Long Hưng. Bà đã cùng với Ban Chỉ huy Xã đội chỉ huy đội du kích xã đánh 49 trận, diệt và làm bị thương 217 lính địch (trong đó có 22 lính Mỹ). Tháng 8-1969, bà là Trung đội phó du kích vành đai liên xã. Ở cương vị mới, bà đã phối hợp với các Xã đội, Xã đoàn xây dựng được 5 trung đội dân quân tự vệ, 5 tổ du kích xã của các xã thuộc Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức. Tính đến tháng 3-1970, bà cùng đồng đội trực tiếp chiến đấu trên 10 trận, diệt 63 lính địch, bắn rơi 01 máy bay trực thăng.

Ngày 18-4-1970, bà cùng 2 đồng đội đi công tác. Khi ra đến cánh đồng, cả 3 bị 2 chiếc máy bay trực thăng của địch phát hiện. Từ trên máy bay, địch vừa bắn uy hiếp, vừa gọi hàng. Thế nhưng, bà vẫn bình tỉnh và dũng cảm bắn trả nhằm thu hút hỏa lực của địch về phía mình, tạo điều kiện cho đồng đội chạy thoát. Sau một lúc chiến đấu, bà bắn rơi một chiếc trực thăng; chiếc còn lại nã đại liên dữ dội về nơi người nữ du kích kiên cường đang ẩn nấp và bay ra xa đổ quân bao vây. Mặc dù quân địch rất đông và bản thân lại bị thương nặng, song bà không hề nao núng, dựa vào bờ ruộng đánh bật các đợt xung phong của bọn chúng, tiêu diệt thêm một số lính địch. Cuối cùng, khẩu súng của bà hết đạn. Quyết không để vũ khí lọt vào tay địch, bà lấy hết sức mình đập gãy khẩu carbine. Một loạt đạn từ phía quân địch vang lên; và bà đã anh dũng hy sinh.

Bà được tặng thưởng 3 bằng Dũng sĩ diệt Mỹ, 1 bằng Dũng sĩ diệt máy bay,1 Huân chương Chiến công hạng II, 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhì. Ngày 20-9-1971, bà được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng.

Tấm gương chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bất khuất của bà là nguồn cảm hứng để nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác ca khúc *Những cánh chim Hồng Gấm*. Xưởng phim tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã sản xuất bộ phim truyện có tựa đề *Lê Thị Hồng Gấm* của hai nhà biên kịch Võ Trần Nhã và Lê Văn Duy nhằm ca ngợi cuộc đời chiến đấu oanh liệt của bà. Tên bà được đặt tên cho một đại đội nữ chiến sĩ quân giải phóng - đại đội nữ Lê Thị Hồng Gấm - được thành lập ngày 22-2-1972 tại dốc Ba Hầm thuộc ranh giới huyện Ba Tơ và huyện Đức Phổ (tỉnh Quảng Ngãi). Đây là đại đội nữ quân giải phóng đầu tiên thành lập ở miền Nam trong thời kỳ chống giặc ngoại xâm. Sau năm 1975, tên bà được đặt tên trường học, tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và nhiều địa phương khác tên cả nước.

Đường Lê Thị Hồng Gấm có điểm đầu: giáp với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa và đường 30 tháng 4; điểm cuối: giáp cầu Bình Đức; chiều dài: 2,5 km; chiều rộng: 8,0 m.

**32. Đường Lê Thị Phỉ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Thị Phỉ).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ THỊ PHỈ**

**(1907 – 1954)**

Lê Thị Phỉ, nghệ danh là Năm Phỉ, sinh năm 1907 tại làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc các Phường 1, 2, 3, 4, 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình trí thức. Bà có các anh chị em là những nghệ sĩ cải lương nổi tiếng, như Ba Danh, Nghệ sĩ Nhân dân Bảy Nam, Chín Bia, Mười Truyền và là dì ruột của Nghệ sĩ Nhân dân Kim Cương.

Ngay từ nhỏ, bà đã có giọng ca thiên bẩm. Người đầu tiên phát hiện ra bà là một thợ bạc ở cùng dãy phố với nhà của bà. Do đam mê nghệ thuật cải lương, nên năm 1920, người thợ bạc đó đã vận động giới thợ bạc ở Mỹ Tho đóng góp tiền bạc thành lập gánh hát Nam Đồng Ban. Đào chánh của gánh là Năm Phỉ; và sự nghiệp cải lương của bà bắt đầu từ đó.

Năm 1921, gánh Nam Đồng Ban phải giải tán vì kép chánh Hai Giỏi (con trai của người thợ bạc lập gánh) bị bệnh mất; cho nên , bà cộng tác với gánh Tái Đồng Ban của bà Tư Sự. Năm 1926, gánh này giải thể, bà đi hát cho gánh Văn Hý Ban của ông Huỳnh Văn Vui; và tiếp đến là gánh Phước Cương với vai trò đào chánh.

Năm 1931, gánh Phước Cương mang vở “Xử án Bàng Quý Phi” sang Pháp trình diễn. Trong vai Bàng Quý Phi, bà được công chúng ở Pháp, nhất là bà con Việt kiều tán thưởng nồng nhiệt. Với vai này, bà đã được trao tặng 4 huy chương, nhận được 186 bức thư và 1009 tấm danh thiếp của khán giả mến mộ, 167 kiểu ảnh, 42 bài báo ca ngợi và 230.000 đồng tiền thù lao (trị giá hàng trăm lượng vàng). Riêng ở trong nước, báo *Phụ nữ tân văn* số 91 ngày 6 - 7 - 1931 trong bài *Đem chuông đi đánh nước người* viết: “Quả là cô Năm Phỉ đã không làm hổ danh nước Việt Nam”.

Vinh dự đó, như bà phát biểu, không chỉ thuộc về cá nhân bà, mà còn là vinh dự của nghệ thuật cải lương và của đất nước. Từ khi xuất hiện nghệ thuật cải lương (1918) đến khi bà còn chói sáng trên bầu trời sân khấu cải lương thì chưa có vở diễn nào đạt nhiều kỷ lục như vở *Xử án Bàng Quý Phi*. Vai diễn Bàng Quý Phi của bà đã trở thành huyền thoại nên sau này những diễn viên khác đóng vai Bàng Quý Phi thì khán giả không còn cảm giác “hỉ, nộ, ái, ố” như trước.

Ngoài ra, bà còn nổi tiếng với vai Lan trong vở *Lan và Điệp* của soạn giả Trần Hữu Trang. Đây là một thành công rực rỡ khác của bà. Vai Lan do bà đóng, theo những soạn giả và nghệ sĩ cải lương lão thành, thì không có một nghệ sĩ nào vượt qua nổi, dù sau đó, xuất hiện nhiều tài danh sân khấu cải lương. Thậm chí, có nhiều ký giả kịch trường đoan quyết rằng, vai Lan là vai diễn độc quyền của bà. Bà diễn vai này thành công đến độ thân mẫu của bà, dù đã xem vở “Lan và Điệp” rất nhiều lần, nhưng mỗi khi xem lại thì bà cụ đều xúc động, khóc nức nở.

Sở dĩ bà đạt được kỳ tích ấy, ngoài yếu bố thiên bẩm, còn là do sự trau dồi, rèn dũa không ngừng nghề nghiệp của mình vì công chúng, vì nghệ thuật. Bà thường nói: “Hễ bước ra sân khấu thì phải hát hết mình, sống trọn vẹn với vai tuồng của nhân vật mà mình thể hiện; phải hát cho thật hay, chứ không phải làm điệu bộ huê dạng để làm đẹp, để mua tiếng vỗ tay của khán giả”.

Năm 1954, bà bị bệnh mất. Một nghệ sĩ được xem là Đệ nhất tài hoa cải lương với nhiều vai diễn xuất sắc đã không còn nữa, để lại cho giới nghệ sĩ và quần chúng hâm mộ niềm tiếc thương vô hạn. Tên bà được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Thị Phỉ có điểm đầu: giáp với đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Lê Lợi; chiều dài: 0,140 km; chiều rộng: 8,0 m.

**33. Đường Lê Văn Duyệt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Duyệt).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ VĂN DUYỆT**

**(1763 – 1832)**

Lê Văn Duyệt sinh năm 1763 tại thôn Long Hưng, huyện Kiến Hưng, đạo Trường Đồn (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1780, ông theo phò chúa Nguyễn Phúc Ánh, được phong chức Cai cơ. Trong hai năm 1784 và 1785, ông hộ giá Nguyễn Phúc Ánh sang Xiêm (Thái Lan) lánh nạn. Năm 1788, ông là người góp công lớn trong việc giúp Nguyễn Phúc Ánh chiếm được đất Gia Định. Năm 1800, ông chỉ huy quân chúa Nguyễn đánh chiếm cửa Thị Nại và thành Quy Nhơn (Bình Định).

Năm 1802, ông được vua Gia Long (tức Nguyễn Phúc Ánh) phong Khâm sai Chưởng tả quân dinh Bình Tây tướng quân, tước Quận công. Sau đó, ông cùng với Trung quân Nguyễn Văn Thành và Hậu quân Lê Chất được lệnh mang quân bình định miền Bắc; rồi lãnh chức Kinh lược sứ Thanh - Nghệ.

Năm 1813, ông được vua Gia Long cử làm Tổng trấn Gia Định thành, trông coi mọi việc ở vùng đất Nam Bộ, gồm năm trấn Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long và Hà Tiên. Năm 1815, ông được triệu về Kinh. Năm 1820, ông được vua Minh Mạng cử làm Tổng trấn Gia Định thành lần thứ 2; và tại vị cho đến lúc mất vào năm 1832, thọ 69 tuổi.

Trong thời gian trấn nhậm Nam Bộ, ông có công lao to lớn trên các phương diện: giữ vững an ninh vùng biên giới tây nam của đất nước; tổ chức đào kênh Vĩnh Tế - một con kênh có giá trị về nhiều mặt ở miền tây Nam Bộ; khuyến khích dân chúng đẩy mạnh việc khẩn hoang để mở mang diện tích ruộng đất canh tác nông nghiệp; biết trọng dụng nhân tài; kiên quyết trừng trị bọn tham quan ô lại; có chính sách hợp lý đối với Thiên chúa giáo; mở cửa, thông thương với bên ngoài, nhất là đối với một số nước phương Tây; có chính sách đối ngoại khôn khéo, vừa mềm dẽo, vừa cương quyết,…

Ông là một đại công thần của triều Nguyễn. Cựu Thủ tướng Võ Văn Kiệt, trong buổi “Tọa đàm về nhân vật Lê Văn Duyệt” được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 7-8-2000, đã có nhận xét: “Lê Văn Duyệt là một tài năng lớn về chính trị, kinh tế và quân sự” (Trích từ tạp chí Xưa và Nay số 78B/8-2000).

Năm 1833, người con nuôi của ông là Lê Văn Khôi đã khởi binh chống lại triều đình. Hai năm sau, cuộc khởi binh bị đàn áp đẫm máu. Vốn có tỵ hiềm với ông, vua Minh Mạng ra lệnh san bằng phần mộ của ông và dựng lên đó tấm bia có ghi tám chữ: “Quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ” (Đây là nơi tên yêm hoạn Lê Văn Duyệt chịu phép nước). Nỗi oan khuất của ông mãi đến năm 1848 mới được vua Tự Đức giải tỏa.

Hiện nay, lăng mộ của ông - mà nhân dân quen gọi là Lăng Thượng công, Lăng Đức Tả quân hay Lăng Ông Bà Chiểu - tọa lạc tại vùng Bà Chiểu, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hằng năm, đến ngày giỗ kỵ của ông (30 tháng 7 âm lịch), nhân dân thường đến đây lễ bái rất đông. Ở Long Hưng (Châu Thành, Tiền Giang) cũng có phần mộ của ông và được nhân dân quanh năm hương khói. Tên ông được đặt tên đường ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Lê Văn Duyệt có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huệ; điểm cuối: giao với đường Trương Định; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 8,0 m.

**34. Đường Lê Văn Nghề**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Nghề).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ VĂN NGHỀ**

**(1946 – 1968)**

Lê Văn Nghề, bí danh Năm Lăng, sinh năm 1946 tại làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Vốn là một thợ may rất giỏi, năm 1963, khi mới 17 tuổi, ông giác ngộ cách mạng và lên Sài Gòn. Tại đây, bằng vỏ bọc là thợ may của tiệm may Tiến Đạt Phương trên đường Trương Minh Giảng, Quận 3 (nay là đường Trần Quốc Thảo), ông là thanh viên của Đội võ trang tuyên truyền thuộc Khu Đoàn Sài Gòn - Gia Định.

Thuộc thành phần công nhân trong Đội võ trang tuyên truyền, ông được giao phụ trách xây dựng cơ sở, lực lượng trong giới học sinh, nhất là các trường trung học, để tuyên truyền cách mạng. Ông đã tham gia nhiều trận đánh diệt ác ôn và nhiều cuộc tuyên truyền, phô trương thanh thế cách mạng ngay giữa trung tâm Sài Gòn. Có thể nói, ông chính là một trong những người “phát quang, dọn đường” để học sinh Sài Gòn giác ngộ cách mạng, tạo tiền đề cho những cuộc đấu tranh, xuống đường rực lửa chống Mỹ và xhi1nh quyền Sài Gòn. Cũng từ đây, ông đã giới thiệu và xây dựng nhiều cá nhân xuất sắc cho tổ chức.

Những trận đánh và những cuộc tuyên truyền của ông được thực hiện trong điều kiện vũ khí và phương tiện hỗ trợ hết sức khó khăn. Chỉ có súng Colt 45, di chuyển bằng xe đạp và không có nhiều sự yểm trợ của đồng đội. Điều đặc biệt hơn, những trận đánh đó đều diễn ra một cách công khai giữa nội đô Sài Gòn, ngay trước mắt quân thù. Đây chính là điểm mấu chốt khiến các trận đánh và tuyên truyền này gây được tiếng vang lớn, nâng cao thanh thế của cách mạng, góp phần thúc đẩy phong trào học sinh và quần chúng ủng hộ cách mạng ở Sài Gòn.

Từ năm 1964 đến năm 1968, ông đã thực hiện nhiều trận đánh và những cuộc tuyên truyền, phô trương thanh thế cách mạng ngay giữa nội đô, làm nức lòng quần chúng, khiến địch phải hoảng vía. Trong thời gian này, ông đã trực tiếp thực hiện bốn trận đánh, diệt bốn tên mật vụ, ác ôn vốn những kẻ đã chỉ điểm, phá hoại phong trào học sinh. Những trận đánh này không chỉ làm các tên ác ôn hoảng sợ mà còn cất lên tiếng nói mạnh mẽ của phong trào trong những buổi đầu tiên. Học sinh Sài Gòn bị bớt thế kềm kẹp và được tiếp thêm động lực rất lớn để đấu tranh.

Dấu ấn lớn trong thời gian hoạt động cách mạng của ông là đã thực hiện nhiều cuộc tuyên truyền, phô trương khí thế của các mạng trong học sinh và quần chúng. Được giao nhiệm vụ phụ trách địa bàn Tân Định, cùng với các đồng chí của mình, ông đã thực hiện những cuộc tuyên truyền tại rất nhiều trường trung học tư thục như Tân Thạnh, Việt Nam Học Đường, Huỳnh Khương Ninh, Huỳnh Thị Ngà, Văn Hiến,… Bằng phương thức vào trực tiếp các trường trong giờ dạy và học, ông và các đồng đội đã bình tĩnh, mưu trí thực hiện những cuộc tuyên truyền, vận động học sinh ủng hộ, tham gia cách mạng, thậm chí bày cả phương pháp tháo lắp súng ngay tại lớp học cho học sinh mà địch không kịp trở tay.

Không chỉ tại trường học, ông còn tham gia tuyên truyền tại nhiều khu dân cư giữa nội thành. Một trong những lần tiêu biểu nhất là bất ngờ có mặt ở khu vực Cống Bà Xếp (khu vực đường Nguyễn Thông ngày nay) tuyên truyền về cách mạng và bắt cả hai tên cảnh sát khi chúng có mặt ở đây.

Những lần tuyên truyền công khai đó đã làm cho hình ảnh cách mạng đi sâu vào lòng học sinh Sài Gòn. Từ chỗ còn ít nhiều hồ nghi vì luận điệu xuyên tạc của địch, học sinh Sài Gòn đã đặt niềm tin lớn vào cách mạng, nhiều bộ phận học sinh từ đó đã theo cách mạng, bổ sung một lực lượng đáng kể vào cuộc đấu tranh của dân tộc. Những đợt tuyên truyền này đã làm cho địch cay cú nhưng rất hoang mang và không kiểm soát nổi tinh thần đấu tranh của phong trào học sinh nói riêng và người dân Sài Gòn nói chung.

Vai trò “dọn đường, phát quang”, diệt ác, phá kềm cho phong trào học sinh Sài Gòn giai đoạn 1963 - 1968 của ông là cực kỳ to lớn. Với những năm tháng hoạt động này đồng chí đã mưu trí, dũng cảm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ gầy dựng cơ sở cách mạng, đưa ý chí cách mạng đi sâu vào một bộ phận học sinh và quần chúng Sài Gòn, phô trương thanh thế cách mạng và làm địch lung lạc tinh thần của địch. Đây chính là tiền đề để phong trào học sinh Sài Gòn lớn mạnh, góp công sức vào cuộc đấu tranh chống Mỹ - Ngụy của cả dân tộc.

Tháng 5 - 1968, trong đợt 2 của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, ông đã hy sinh anh dũng khi bị địch bao vây. Trận đánh đó ông đã dùng hỏa lực cản lực lượng của địch để hai đồng đội là Mười Thu (Nguyễn Thị Cúc) và Tư Yển (Võ Anh Khanh) rút lui an toàn.

Ngày 27-4-2012, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường và tên trường tiểu học - trung học cơ sở ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Văn Nghề có điểm đầu: giáp với Đường tỉnh 879; điểm cuối: giao với Cầu Thạnh Trị; chiều dài: 0,950 km; chiều rộng: 3,5 m.

**35. Đường Lê Văn Phẩm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Phẩm).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ VĂN PHẨM**

**(1922 – 1990)**

Lê Văn Phẩm, bí danh Chín Hải, sinh năm 1922 tại làng Mỹ Phước Tây, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Ông sớm giác ngộ cách mạng, đi giao liên, rải truyền đơn và tham gia cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940) ở quê nhà. Cuộc khởi nghĩa bị thực dân Pháp đàn áp dã man, ông di chuyển đến Mộc Hoá (nay thuộc tỉnh Long An) lao động sinh sống. Sau đó, ông trở về xã Mỹ Phước Tây tiếp tục hoạt động cách mạng. Tháng 3-1945, ông vinh dự được đứng vào hàng ngũ Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) và được cấp trên tin tưởng cử làm Trung đội trưởng kiêm Chính trị viên trung đội du kích xã Mỹ Phước Tây.

Tháng 8-1945, ông chỉ huy trung đội du kích tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở xã Mỹ Phước Tây nói riêng và huyện Cai Lậy nói chung. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ (23-9-1945), ông bám trụ tại xã nhà, tiếp tục xây dựng cơ sở cách mạng, phát động phong trào nhân dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tháng 11-1946, ông được đề bạt làm Phó bí thư chi bộ xã Mỹ Phước Tây. Táng 3-1947, được chỉ định làm Bí thư Chi bộ xã Mỹ Phước Tây kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã và Chính trị viên Xã đội. Bằng sự năng nỗ, nhiệt tình, ông đã góp công to lớn trong việc đẩy mạnh phong trào kháng chiến của xã nhà ngày càng phát triển vững chắc. Năm 1953, ông là một trong hai đồng chí Bí thư xã được bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Cai Lậy, phụ trách liên xã 3, gồm 6 xã là Tân Phú, Tân Bình, Mỹ Hạnh Trung, Mỹ Hạnh Đông, Mỹ Phước Tây, Hội Mỹ (Tân Hội và Nhị Mỹ).

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (1954), ông được phân công ở lại miền Nam, phụ trách xây dựng cơ sở cách mạng ở huyện Cai Lậy. Tháng 10-1955, ông được đề cử vào Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách công tác binh vận. Tháng 7-1957, ông được Tỉnh ủy Mỹ Tho cử làm Phó Bí thư Huyện ủy Châu Thành. Tháng 8-1957, ông làm Bí thư Huyện ủy Châu Thành. Tháng 3-1959, ông được cử vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho. Mặc dù phong trào cách mạng trong thời kỳ này gặp khó khăn nghiêm trọng, cơ sở Đảng bị vở lỡ, một số cán bộ, theo sự phân công của tổ chức, phải đi “điều lắng”; nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ, cùng với Huyện ủy lãnh đạo nhân dân tiến hành đấu tranh chính trị, nhằm bảo vệ Đảng, cán bộ cách mạng trước sự đánh phá khốc liệt của địch, đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống âm mưu chia cắt đất nước, khủng bố, đàn áp của địch,… Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương để làm đòn bẩy cho phong trào tiến lên.

Tháng 3-1960, ông được phân công phụ trách hai Huyện ủy Gò Công và Hoà Đồng (nay là các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây, Tân Phú Đông và thị xã Gò Công), trực tiếp làm Trưởng ban Cán sự Đảng huyện Hoà Đồng. Tại đây, ông đã góp phần quan trọng trong việc lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở huyện Hòa Đồng phát triển mạnh mẽ. Tính đến cuối năm 1961, ở huyện Hòa Đồng, ta đã giải phóng hoàn toàn 3 xã (Long Hựu, Thành Công, Bình Long), làm chủ 3 xã (Bình Phú Đông, Tân Thới, Bình Thạnh Đông). Do đó, tại Hội nghị tổng kết phong trào du kích chiến tranh toàn tỉnh Mỹ Tho được tổ chức cuối năm 1961, huyện Hòa Đồng được đánh giá là địa phương có phong trào du kích chiến tranh phát triển mạnh. Năm 1962, lực lượng cách mạng huyện Hòa Đồng vẫn làm chủ tình hình, du kích các xã vẫn tiếp tục bao vây đồn bót, tổ chức những trận đánh phục kích táo bạo, bộ đội, du kích và nhân dân phối hợp chặt chẽ chống phá mưu đồ gom dân, lập ấp chiến lược của địch.

Tháng 10-1962, ông được Tỉnh ủy bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách an ninh, kiêm Chính trị viên phó Tỉnh đội. Ở cương vị này, ông đã góp phần làm cho lực lượng vũ trang của tỉnh nhà, với ba thứ quân bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, có sự tiến triển vượt bậc cả về số lượng lẫn chất lượng, nhất là phong trào du kích chiến tranh có sự phát triển mạnh mẽ.

Cuối năm 1967, ông là Chính trị viên Tỉnh đội Mỹ Tho. Tháng 6-1968, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Lúc này, tình hình trên chiến trường diễn ra rất căng thẳng. Địch điên cuồng phản kích và tiến hành bình định vùng nông thôn, khiến cho ta gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, ông đã cùng với tập thể Tỉnh ủy đề ra những chủ trương và biện pháp đúng đắn, sáng tạo, lãnh đạo và chỉ đạo quân dân tỉnh nhà tiếp tục đẩy mạnh thế chiến lược tiến công, tạo nên những thắng lợi to lớn trên chiến trường. Tháng 6-1971, ông là Khu ủy viên Khu 8, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Phong trào cách mạng của tỉnh Mỹ Tho trong thời gian này tiếp tục phát triển mạnh mẽ, góp phần cùng với toàn Miền đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, buộc bọn chúng phải ký kết hiệp định Paris năm 1973.

Tháng 2-1974, ông được đề bạt làm Ủy viên Thường vụ Khu ủy Khu 8, trực tiếp chỉ đạo thắng lợi việc mở mãng chuyển vùng Khu vực 3 bao gồm Gò Công - nam Long An và huyện Chợ Gạo trong chiến dịch Mùa khô 1974 - 1975, tạo điều kiện thuận lợi để Quân khu 8 mở cuộc tấn công quyết định vào Sài Gòn từ phía tây nam trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất nước nhà. Giữa tháng 4-1975, trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ông là Tư lệnh phó Mặt trận Nam Sài Gòn.

Từ năm 1976-1986, ông là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa 4 và Khóa 5, Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang. Là Bí thư Tỉnh ủy, ông đã cùng với tập thể Tỉnh ủy ra sức lãnh đạo, chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hoá, khai hoang, ổn định chính trị - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, phát triển kinh tế, văn hoá - giáo dục, khuyếch trương các ngành nghề, mở mang đường xá, trường học, bệnh xá, cải thiện đời sống nhân dân; trong đó có những công trình mang dấu ấn thế kỷ gắn liền với trí tuệ, tâm huyết, công sức của đồng chí là chương trình vùng lúa năng suất cao, khai hoang Đồng Tháp Mười, dự án ngọt hoá Gò Công, xây dựng tuyến đường xuyên cù lao Lợi Quan (Tân Phú Đông),… Năm 1986, ông nghỉ hưu sau hơn 40 năm hoạt động cách mạng không mệt mõi. Năm 1990, ông lâm trọng bệnh qua đời.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Lao động quên mình do Chính phủ Liên Xô tặng và nhiều huân, huy chương khác.

Dù ở bất cứ cương vị nào, ông cũng đều gắn bó mật thiết với nhân dân, có nhiều đóng góp quan trọng cho Tiền Giang trong công cuộc giải phóng dân tộc cũng như trong thời bình xây dựng đất nước. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho; tên đường và tên trường trung học phổ thông ở thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Văn Phẩm có điểm đầu: giáp với đường Lý Thường Kiệt; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Thị Thập; chiều dài: 1,4 km; chiều rộng: 12,0 m.

**36. Đường Lê Văn Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Thạnh).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ VĂN THẠNH**

**(1830 – 1899)**

Họ và tên chính xác của ông là Đặng Văn Thạnh. Ông sinh năm 1830, người thôn Trà Tân, huyện Kiến Đăng, trấn Định Tường (nay là xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), trong một gia đình nhà Nho.

Năm 1855, ông đỗ cử nhân hạng tư tại trường thi Gia Định; nên thường được gọi là Cử Thạnh. Sau đó, ông được triều đình bổ làm Huấn đạo Kiến Hòa, tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang). Mấy năm sau, ông lần lượt trải qua các chức vụ Kinh lịch, Thông phán, Tri huyện Phong Thạnh, tỉnh An Giang. Đầu năm 1861, khi thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam kỳ là Gia Định, Định Tường và Biên Hòa, ông chuyển ra làm Tri huyện Tuy Phong, rồi Bố Chính tỉnh Bình Thuận.

Cuối năm 1861, với lòng yêu nước nhiệt thành, ông xin từ quan và tập hợp một số người thân tín theo đường biển đi về Nam tham gia kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Nhưng khi đi ngang vùng biển Cần Giờ, ông bị hải quân Pháp bắt.

Biết ông là người nổi tiếng và có ảnh hưởng sâu rộng trong giới quan lại, trí thức yêu nước và nhân dân, giặc Pháp giao ông cho Đỗ Hữu Phương quản thúc để dễ bề mua chuộc, dụ dỗ. Song, ông đã khẳng khái từ chối mọi sự hợp tác với chính quyền thực dân và lên án Đỗ Hữu Phương là kẻ bán nước cầu vinh.

Sau đó, ông trốn thoát khỏi nhà Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn và đi về Mỹ Tho tìm cách bắt liên lạc với phong trào kháng chiến do Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Thế nhưng, một lần nữa, ông lại bị địch bắt. Bọn chúng giam lỏng ông ở nhà Trần Bá Lộc ở Cái Bè. Sống trong cảnh “*cá chậu chim lồng*”, ông phát sinh tâm bệnh. Do đó, ông được trả về quê nhà. Tại đây, ông dồn hết tâm huyết và trí lực sáng tác thơ văn và câu đối để tỏ rõ khí tiết của mình, châm biếm bọn Việt gian và tố cáo chế độ thực dân Pháp; đồng thời, ông còn mở lớp dạy học nhằm góp phần mở mang dân trí cho địa phương và rèn đúc tinh thần yeu nước cho môn sinh.

Năm 1899, ông lâm trọng bệnh và từ trần. Trước lúc mất, ông sáng tác bài thơ *Khuê oán* để giãi bài tâm sự của mình:

*Trương phu vạn lý ngụ sơn khê,*

*Tứ vọng du du nguyệt ảnh tê.*

*Nhất nẫm kiều hoành “Thất tịch” thước,*

*Tam thu lệ vĩnh, ngũ canh khê.*

*Bá thiên âm tín song tương trở.*

*Thốn xích công tư, bán bất tề.*

*Lục hiệp hốt lai, xuân cửu thập,*

*Nhập song đối thoại, nhị quyên đề.*

Bản dịch trong quyển *Địa chí Cai Lậy* (2010):

*Trượng phu muôn dặm ngụ sơn khê,*

*Bốn phía mênh mông bóng nguyệt tây.*

*Một nhịp cầu ngang, qua Thất tịch,*

*Ba thu tuôn lệ, gà năm canh.*

*Bặt tăm tin tức, hai ngăn cách,*

*Tấc thước công tư, nữa chẳng kề.*

*Lục hiệp bổng sang, xuân chín chục.*

*Vào song đối thoại, cặp quyên đề.*

Phần mộ của ông tọa lạc tại xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Ông là một chí sĩ nặng lòng với đất nước và có những đóng góp tích cực cho nền giáo dục cũng như văn học của nước nhà trong nửa sau thế kỷ XIX. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê (Đặng) Văn Thạnh có điểm đầu: giáp với đường Phan Hiển Đạo; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 0,250 km; chiều rộng: 6,0 m.

**37. Đường Lê Việt Thắng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lê Việt Thắng).

Tiểu sử danh nhân:

**LÊ VIỆT THẮNG**

**(1921 – 2006)**

Lê Văn Nhung, tên thường dùng là Lê Việt Thắng, bí danh Thành, Hai, 204, sinh năm 1921 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1936, ông giác ngộ cách mạng, tham gia phong trào thanh niên tương tế, sau làm Trưởng đoàn Thanh niên tương tế xã Long Hưng. Năm 1940, ông tham gia khởi nghĩa ở xã Long Hưng trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Tháng 8-1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền tại xã nhà. Sau tháng 8-1945, ông là Thư ký Ủy ban Hành chính xã. Tháng 6-1946, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Cuối năm 1946 đến 7-1947, ông là Phó Chủ nhiệm Thôn bộ Việt Minh và Bí thư xã. Năm 1947, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành. Năm 1949, ông là Tỉnh ủy viên tỉnh Mỹ Tho. Năm 1954, ông là Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch UBKCHC tỉnh Mỹ Tho.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam hoạt động, là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho. Năm 1957, ông đảm nhận nhiệm vụ Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Lúc này, chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh thực hiện chiến dịch “tố cộng, “diệt cộng”, tăng cường đánh phá cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng. Vì thế, phong trào cách mạng của nhân dân miền Nam nói chung và nhân dân tỉnh Mỹ Tho nói riêng bị thiệt hại nặng nề. Trước tình hình đó, ông cùng với tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết Bộ Chính trị, bản đề cương “Đường lối cách mạng miền Nam” và Nghị quyết của Xứ ủy; lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống “tố cộng”, “diệt cộng”, chống bắt lính, chống âm mưu cải cách điền địa của địch; đề ra phương châm: lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu nhưng đồng thời phải xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền để hoạt động hỗ trợ, đẩy mạnh công tác phá kềm; xây dựng, củng cố tổ chức đảng phải tinh gọn, thường xuyên xây dựng lập trường, khí tiết cho cán bộ, đảng viên. Nhờ đó, Đảng bám trụ được và tồn tại trong quần chúng, uy tín và ảnh hưởng của Đảng ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân, đội ngũ cán bộ, đảng viên được sàng lọc trưởng thành, tin tưởng vào thắng lợi, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng được duy trì và có xu hướng ngày càng phát triển mạnh mẽ; hoạt động vũ trang tuyên truyền bắt đầu được đẩy mạnh.

Năm 1960, với cương vị Bí thư Tỉnh ủy, ông chủ trì các hội nghị của Tỉnh ủy nhằm quán triệt Nghị quyết Trung ương Đảng lần thứ 15, Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ và Nghị quyết của Khu ủy Khu 8 về việc đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, phát động phong trào “Đồng khởi”, kiên quyết đánh đổ chính quyền địch ở cơ sở, làm chủ nông thôn. Từ đó, dưới sự lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, quân dân Mỹ Tho đã nổi dậy mạnh mẽ, liên tục tiến công địch bằng thế trận chiến tranh nhân dân, góp phần quan trọng vào thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” trên toàn miền Nam.

Năm 1961, ông được đề bạt Khu ủy viên Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ). Năm 1967, ông là Phó Bí thư Khu ủy Khu 8 kiêm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng Khu 8.

Sau ngày giải phóng miền Nam (30-4-1975), ông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Quân quản thành phố Mỹ Tho, tập trung vào các công việc, như củng cố chính quyền Nhân dân, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mở chiến dịch thu gom, truy quét tàn quân và những phần tử chống đối cách mạng, thành lập các tổ an ninh nhân dân; phát động phong trào “nhường cơm, sẻ áo” trong nhân dân nhằm giúp đỡ các gia đình nghèo đói, cơ nhỡ, song song với việc sắp xếp việc làm trong nhân dân; nhanh chóng, khôi phục ổn định hoạt động của một số ngành then chốt như điện lực, cấp thoát nước, thương nghiệp, giáo dục, y tế, giao thông vận tải,….; phát động phong trào khai hoang phục hóa, thủy lợi nội đồng; phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

Cuối 1975, ông được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy An Giang. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976) và lần thứ V (1982), ông được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy An Giang. Năm 1986, ông được Đảng, Nhà nước cho nghỉ hưu trí. Năm 2006, do tuổi cao sức yếu, ông từ trần. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Lê Việt Thắng có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giao với đường Ấp Bắc; chiều dài: 1,450 km; chiều rộng: 3,5 m.

**38. Đường Lý Công Uẩn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lý Công Uẩn).

Tiểu sử danh nhân:

**LÝ CÔNG UẨN**

**(974 – 1028)**

Lý Công Uẩn sinh năm 974, người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh).

Từ nhỏ, ông nổi tiếng thông minh và chăm học; lại được sự nuôi dạy của hai nhà trí thức lớn đương thời là Nhà sư Lý Khánh Văn và Thiền sư Đạo Hạnh. Năm 20 tuổi, ông được các nhà sư tiến cử vào triều đình nhà Tiền Lê làm một chức quan võ. Vốn là người có chí lớn, ông ngày càng được tin cậy trong triều, về sau làm tới chức Điện tiền chỉ huy sứ (chỉ huy quân đội) và trở thành trụ cột của nhà Tiền Lê.

Vì vậy, ngay sau khi vua Lê Long Đĩnh mất (1009), do nhận thấy ông là người khoan hoà, nhân thứ và được lòng dân nên triều thần đồng lòng tôn ông lên ngôi vua với đế hiệu là Lý Thái Tổ, thành lập ra triều Lý. Cuộc chuyển giao triều đại từ họ Lê sang họ Lý đã diễn ra một cách hoà bình, êm thấm.

Trong gần 20 năm làm vua (1010 - 1028), ngoài những công lao to lớn đối với đất nước trên phương diện kinh tế, văn hoá, củng cố tư thế độc lập, tự chủ dân tộc, ông đã có một đóng góp nổi bật mang ý nghĩa lịch sử; đó là công cuộc dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra Thăng Long (Hà Nội ngày nay), mở đầu cho một giai đoạn mới có ý nghĩa quyết định với vận mệnh dân tộc và sự phát triển đất nước. Ông mất năm 1028.

Đường Lý Công Uẩn có điểm đầu: giáp với đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Lê Lợi; chiều dài: 0,130 km; chiều rộng: 6,0 m.

**39. Đường Lý Thường Kiệt**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Lý Thường Kiệt).

Tiểu sử danh nhân:

**LÝ THƯỜNG KIỆT**

**(1019 – 1105)**

Lý Thường Kiệt, tên thật là Ngô Tuấn, tự là Thường Kiệt, sinh năm 1019, quê ở phường Thái Hoà, thành Thăng Long (Hà Nội). Từ nhỏ, ông đã có chí hướng, ham đọc sách, say sưa nghiên cứu binh thư, luyện tập võ nghệ. Ông có tài văn, võ. Năm 23 tuổi, ông được bổ nhiệm làm quan theo hầu vua Lý Thái Tông. Trải qua 3 triều vua: Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, ông có nhiều công lao trong việc chống giặc ngoại xâm, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh.

Năm 1061, một số tù trưởng ở miền Thanh Hoá, Nghệ An nổi lên quấy rối, chống lại triều đình. Vua Lý Thánh Tông cử ông giữ chức Kinh phòng sứ, sau một thời gian ông đã đem lại trật tự yên vui cho vùng đất này. Vua rất quý ông và ban cho Quốc tính. Từ đó, ông mang họ Lý.

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông mất, thái tử Lý Càn Đức lên ngôi kế vị, lúc đó nhà vua mới được 7 tuổi. Vốn sẵn dã tâm xâm lược, giặc phương Bắc xem đây là cơ hội tốt và ráo riết tiến hành mưu đồ tiến đánh nước ta. Khi ấy, Nguyên phi Ỷ Lan buông rèm nhiếp chính, ông với cương vị như Tể tướng nắm toàn quyền cả văn lẫn võ. Gánh vác trách nhiệm lớn và nặng nề với vận mệnh giang sơn xã tắc, ông nhận sứ mệnh thiêng liêng, trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược. Năm 1075, ông chủ trương tấn công các châu Khâm, Liêm, Ung của nhà Tống (Trung Quốc) để ngăn chặn trước cuộc xâm lược của kẻ địch. Chủ trương ấy đã giành thắng lợi rực rỡ.

Tháng 4/1076, ông rút quân về lập phòng tuyến sông Cầu nhằm ngăn chặn 10 vạn quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy tràn sang xâm lược nước ta. Tại khúc sông Như Nguyệt thuộc phòng tuyến này, giữa lúc trận chiến diễn ra vô cùng gay go, quyết liệt, vào một đêm, ông cho người tâm phúc đọc vang bài thơ thần “Nam Quốc Sơn Hà” trong đền thờ Trương Hống, Trương Hát:

**“Nam quốc sơn hà Nam đế cư,**

**Tiệt nhiên định phận tại thiên thư,**

**Như hà nghịch lỗ, lai xâm phạm,**

**Nhữ đẵng hành khan thủ bại hư”.**

**Dịch:**

**“Sông núi nước Nam, vua Nam ở,**

**Rành rành đã định tại sách trời,**

**Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,**

**Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”.**

Bài “thơ thần” truyền đi đã có một sức mạnh kỳ lạ, làm nao núng tinh thần quân địch, làm tăng nhuệ khí và sức chiến đấu cho quân ta, trực tiếp góp phần làm xoay chuyển cục diện cuộc chiến, tạo điều kiện cho cuộc phản công chiến lược của quân ta giành thắng lợi quyết định. Bài thơ đã đi vào lịch sử của dân tộc ta như một Bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất. Sau đó, ông gửi thư cho Quách Quỳ mở đường giảng hòa để giặc giữ thể diện rút lui về nước.

Đối với công cuộc bảo vệ vùng đất biên giới phía Nam của đất nước, ông có những đóng góp to lớn, tham gia hoặc chỉ huy các chiến trận đánh bại các cuộc xâm lấn của quân Champa vào những năm 1069, 1075, 1104.

Năm 1105, ông mất, thọ 86 tuổi, được truy tặng tước Kiểm hiệu Thái Uý Việt Quốc Công. Ông được lịch sử ghi nhận là anh hùng dân tộc kiệt xuất, một con người đã hiến dâng trí tuệ, tâm hồn, sức lực và tài năng cho sự nghiệp bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Tên ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Lý Thường Kiệt có điểm đầu: giáp với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; điểm cuối: giao với đường Ấp Bắc; chiều dài: 2,3 km; chiều rộng: 10 đến 12 m.

**40. Đường Mỹ Chánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh lịch sử (Mỹ Chánh).

Địa danh lịch sử:

Năm 1679, một nhóm người Minh hương do Dương Ngạn Địch chỉ huy, được sự cho phép của chúa Nguyễn, đã vào Mỹ Tho lập nghiệp. Ở vùng đất mới, được sự bảo trợ của chính quyền chúa Nguyễn và sự cưu mang, đùm bọc của người Việt, số người Minh hương này chuyên về hoạt động thương mại. Trên cơ sở đó, Mỹ Tho đại phố tức chợ phố lớn Mỹ Tho được thành lập ở thôn Mỹ Chánh, huyện Kiến Hòa . Lúc bấy giờ, Mỹ Tho đại phố là một trong hai trung tâm kinh tế - thương mãi lớn nhất ở  Nam Bộ. Trịnh Hoài Đức trong quyển Gia Định thành thông chí mô tả sự phồn thịnh của Mỹ Tho đại phố như sau: “Mỹ Tho đại phố có nhà ngói cột chạm, đình cao, chùa rộng.... ghe thuyền sông biển ở các ngả đến đậu đông đúc, làm thành một chốn đại đô hội, phồn hoa huyên náo...” và “phàm thuyền buôn các nơi qua lại phải đậu nghỉ ở sông Mỹ Tho, hóng mát, xem trăng, đợi con nước lên, thuận dòng lên tây hay xuống đông”.

Sự sung thịnh của chợ phố lớn Mỹ Tho chứng tỏ sản xuất nông nghiệp và nền kinh tế hàng hóa ở đây đã có những bước phát triển đáng kể. Nông sản không chỉ đủ dùng cho nhu cầu của cư dân địa phương, mà còn dư ra với số lượng lớn, trở thành hàng hóa được buôn bán trên thị trường cả nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Như vậy, thế mạnh vượt trội của Mỹ Tho đại phố là thương mãi; và thương mãi ở đây đã vươn ra tầm thế giới. Thế mạnh đó bắt nguồn từ sự gắn kết giữa sản xuất nông nghiệp với chế biến và xuất khẩu nông sản, nhất là thóc gạo, cau khô và thủy sản.

Trên cơ sở đó, năm 1781, lỵ sở của dinh Trấn Định từ giồng Kiến Định (nay là thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành) được dời về thôn Mỹ Chánh - chợ phố lớn Mỹ Tho (nay thuộc Phường 2 và Phường 8, TP Mỹ Tho). Từ đó, thôn Mỹ Chánh - chợ phố lớn Mỹ Tho là trị sở của của dinh Trấn Định (1781-1808) và của trấn Định Tường (1808-1826), là trung tâm chánh trị, kinh tế và văn hóa của cả một vùng đất rộng lớn, mà ngày nay là tỉnh Tiền Giang.

Năm 1792, cũng ngay tại trị sở - thôn Mỹ Chánh - của dinh Trấn Định, vâng mệnh chúa Nguyễn Phúc Ánh (vua Gia Long sau này), Trần Văn Học vẽ họa đồ thành Mỹ Tho. Sách *Đại Nam liệt truyện, phần chính biên* chép: “*Học dâng bản đồ (thành Mỹ Tho), cách thức, Học vẽ giỏi, phàm làm đồn luỹ, đo đường sá, vẽ bản đồ, nêu dấu, đều do tay Học làm*”. Trịnh Hoài Đức mô tả thành Mỹ Tho trong *Gia Định thành thông chí* như sau: “*Thành có dạng hình vuông, chu vi 998 tầm* (khoảng 2.000 mét)*, có mở hai cửa ở phía tả và phía hữu, nơi cửa có xây cầu bắc qua hào, hào rộng 8 tầm* (khoảng 16 mét)*, sâu 1 tầm* (khoảng 2 mét)*, dưới cầu có cửa cống nhỏ để lưu thông với sông lớn* (sông Tiền), *ngoài hào có đắp lũy đất, có cạnh góc lồi ra lõm vào như hình hoa mai, chân lũy mặt tiền 30 tầm* (khoảng 60 mét) *thì đến sông lớn. Trong thành có những kho gạo, kho thuốc đạn, trại quân và súng lớn, tích trữ đầy đủ, nghiêm chỉnh*”. Phỏng đoán thành này tọa lạc giữa các con đường Đinh Bộ Lĩnh (phía Nam), Học Lạc (phía Bắc), Thái Sanh Hạnh (phía Đông), Nguyễn Huỳnh Đức (phía Tây) hiện nay.

Thành Mỹ Tho có ba mặt giáp sông, rạch, kinh, được xem như những hào lũy tự nhiên: phía Nam giáp sông Tiền (tường thành nay là đường Đinh Bộ Lĩnh), nơi đây có một địa điểm để tắm ngựa, nay còn địa danh bến Tắm Ngựa; phía Đông giáp kinh Bảo Định (tường thành nay là đường Thái Sanh Hạnh); phía Tây giáp một con rạch tự nhiên (đường Nguyễn Huỳnh Đức ngày nay lúc đó là con rạch nối sông Tiền với kinh Bảo Định tại cầu Vỹ; con rạch này được lấp khoảng năm 1934-1935 theo kế hoạch chỉnh trang đô thị của chính quyền thực dân Pháp). Lúc bấy giờ, cả Nam bộ chỉ có hai thành được xây dựng với quy mô lớn là thành Mỹ Tho và thành Gia Định (xây dựng năm 1790 cũng do Trần Văn Học vẽ thiết kế). Như vậy, đến cuối thế kỷ XVIII, do đã có phố chợ buôn bán náo nhiệt (Mỹ Tho đại phố); đã có hệ thống hành chánh hoàn chỉnh (dinh Trấn Định) và đã có ngôi thành kiên cố (thành Mỹ Tho) với đội quân thường trực bảo vệ thì Mỹ Tho đã trở thành một đô thị đích thực. Mãi đến năm 1826, Tổng trấn Gia Định Thành Lê Văn Duyệt mới cho dời trị sở của trấn Định Tường và thành Mỹ Tho từ thôn Mỹ Chánh sang hai thôn Điều Hòa và Bình Tạo.

Đường Mỹ Chánh có điểm đầu: giáp với đường Đinh Bộ Lĩnh; điểm cuối: giao với Cảng cá Mỹ Tho; chiều dài: 0,940 km; chiều rộng: 20,0 m.

**41. Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (Nam Kỳ Khởi Nghĩa).

Sự kiện lịch sử:

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Ðảng lần thứ Bảy (khóa I) diễn ra từ ngày 06 đến ngày 08/11/1939 tại Bà Ðiểm (Hóc Môn, Gia Ðịnh) nhận định: Nhật sẽ xâm chiếm Đông Dương và Pháp sẽ đầu hàng Nhật, cách mạng Đông Dương sẽ bùng nổ; do vậy, phải đoàn kết thực hiện bằng được nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc; chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, giai cấp, dân tộc và các cá nhân yêu nước.

Tháng 3/1940, Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ do đồng chí Võ Văn Tần làm Bí thư soạn thảo Đề cương chuẩn bị bạo động. Ðến giữa tháng 11/1940, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định phát động toàn Nam Kỳ nổi dậy đánh đổ chính quyền thuộc địa, giành chính quyền về tay Nhân dân. Ngày 21/11/1940, Thường vụ Xứ ủy ra thông báo cho các cấp bộ Đảng và Nhân dân đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa vào lúc 24 giờ ngày 22, rạng sáng ngày 23/11/1940.

Trong một thời gian ngắn từ khi Thường vụ Xứ ủy ra Đề cương chuẩn bị bạo động (tháng 3/1940), công tác chuẩn bị khởi nghĩa được triển khai rất khẩn trương; các tổ chức phản đế xuất hiện nhiều nơi, nhất là ở vùng nông thôn. Mít tinh, biểu tình liên tiếp nổ ra. Nhiều nơi địch đến đánh phá, Nhân dân nổi trống mõ, uy hiếp địch, bảo vệ cán bộ. Các đội tự vệ, du kích phát triển ngay trong những xí nghiệp lớn ở Sài Gòn như Ba Son, nhà máy đèn Chợ Quán, trường Bách Nghệ,... Ở nông thôn, phần lớn các xã đều có từ một tiểu đội đến một trung đội du kích. Các cơ sở sản xuất vũ khí làm việc suốt ngày đêm. Phong trào chống chiến tranh, chống bắt lính với khẩu hiệu “không một đồng xu, không một người lính cho đế quốc chiến tranh” ngày càng lan rộng. Công tác binh vận được tổ chức ráo riết, phần lớn trong số 15.000 binh lính người Việt trong quân đội Pháp đóng ở Sài Gòn sẵn sàng phối hợp nổi dậy.

Đêm ngày 22, rạng sáng ngày 23/11/1940, khởi nghĩa bùng nổ đồng loạt tại hầu hết các tỉnh Nam Kỳ, mạnh nhất là ở Gia Ðịnh, Mỹ Tho, Vĩnh Long,... Lực lượng vũ trang và quần chúng đã nổi dậy tiến công địch ở các xã, tập kích nhiều đồn bốt, tiến đánh một số quận lỵ, phá hỏng nhiều cầu, đường... Tại một số xã, quận, chính quyền địch hoang mang, tan rã, chính quyền cách mạng được thành lập. Lần đầu tiên cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở những nơi đã thành lập chính quyền cách mạng và trong nhiều cuộc biểu tình. Bọn phản cách mạng bị xét xử. Ruộng, thóc của địa chủ phản động được chia cho dân cày nghèo. Lần đầu tiên, lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện tại đình Long Hưng (huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho).

Trước tình hình đó, thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp, tiến hành khủng bố trắng, dìm cuộc khởi nghĩa vào biển máu. Theo các báo cáo của chính quyền thuộc địa, tính đến hết ngày 31-1-1941, Pháp đã bắt 7.048 người. Hàng nghìn người bị xử tử, chết trong tù, bị đày ra Côn Ðảo và bị giam trong các trại tập trung Bà Rá, Tà Lài,...

Tháng 12/1940, Xứ ủy Nam Kỳ họp ở Bà Quẹo (Gia Định) quyết định dừng cuộc khởi nghĩa để tránh tổn thất, đưa lực lượng còn lại xây dựng căn cứ U Minh và Đồng Tháp Mười. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị dập tắt. Thực dân Pháp nhân cơ hội này xử bắn nhiều đồng chí cán bộ kiên trung của Ðảng bị bắt từ trước khởi nghĩa, như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Ðăng Lưu,...

Khởi nghĩa Nam Kỳ có ý nghĩa lịch sử rất lớn lao. Cuộc khởi nghĩa đã góp phần minh chứng tính chính xác và đúng đắn của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 6, tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, tích cực chuẩn bị lực lượng chuyển sang đấu tranh vũ trang giành lấy chính quyền cách mạng về tay Nhân dân. Đồng thời, khởi nghĩa Nam Kỳ đã chứng minh rằng muốn lật đổ ách thống trị của thực dân đế quốc để giành độc lập, tự do cho dân tộc, nhất thiết phải bằng khởi nghĩa cách mạng, bạo lực vũ trang của toàn dân, chứ không chỉ bằng đấu tranh chính trị đơn thuần.

Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng. Người triệu tập Hội nghị Trung ương 8 tháng 5/1941 tại Pắc Bó (Cao Bằng). Hội nghị đã kết luận sự chỉ đạo chuyển hướng chiến lược của Hội nghị Trung ương 6 là hoàn toàn đúng đắn. Đồng thời khi tổng kết kinh nghiệm của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Đô Lương và Nam Kỳ, Hội nghị cho rằng: “Mặc dù sự đàn áp của giặc Pháp rất dữ dội mà dân ta vẫn không lùi. Nhưng cuộc khởi nghĩa lại gây một ảnh hưởng rộng lớn toàn quốc. Đó là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đấu tranh bằng võ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ mang tính chất của một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tính chất Nhân dân rộng rãi, sâu sắc. Các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong xã hội đều tham gia khởi nghĩa trên quy mô rộng lớn khắp Nam Kỳ. Từ thực tiễn của cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ, Ðảng ta đúc rút nhiều kinh nghiệm, bài học quý báu vận dụng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, dẫn đến thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giáp với sông Tiền; chiều dài: 1,04 km; chiều rộng: 13,0 m.

**42. Đường Ngô Gia Tự**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Ngô Gia Tự).

Tiểu sử danh nhân:

**NGÔ GIA TỰ**

**(1908 – 1934)**

Ngô Gia Tự sinh năm 1908 tại làng Tam Sơn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Tam Sơn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Kế thừa truyền thống hiếu học của gia đình và quê hương, lại vốn thông minh, chăm chỉ, ông đã trở thành học sinh giỏi ngay từ bậc sơ học. Năm 1922, sau khi tốt nghiệp bậc tiểu học, ông thi đậu vào Lycée du Protectorat (Trường Trung học Bảo hộ, quen gọi là Trường Bưởi, nay là Trường Trung học phổ thông chuyên Chu Văn An, Hà Nội). Tại đây, ông đã được đọc báo “Người cùng khổ”, tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp” của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh). Cuối năm 1925, đầu năm 1926, sau khi tham gia phong trào đấu tranh của cả nước đòi thực dân Pháp thả nhà yêu nước Phan Bội Châu và để tang nhà yêu nước Phan Châu Trinh, ông bị chính quyền thực dân Pháp buộc thôi học.

Trở lại quê nhà, ông vừa lao động, vừa tự học và tham gia hoạt động cách mạng. Cuối năm 1926, ông được kết nạp vào tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Đầu năm 1927, ông được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện của Tổng bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách và là giảng viên chính. Sau hai tháng huấn luyện, ông trở về xây dựng phong trào cách mạng ở Bắc Ninh và Bắc Giang. Giữa năm 1927, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tỉnh Bắc Ninh được thành lập, ông được chỉ định là Ủy viên Tỉnh bộ. Giữa năm 1928, ông giữ chức vụ Bí thư Tỉnh bộ Bắc Ninh. Tháng 9-1928, ông được bầu làm Ủy viên Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Bắc Kỳ. Tại Hội nghị Kỳ bộ Bắc Kỳ, ông cùng với ông Nguyễn Đức Cảnh đề nghị tăng cường thâm nhập vào quần chúng công nông. Từ đó, hội nghị đã quyết định đưa hội viên đi “vô sản hóa”, tức là đưa hội viên vào làm công nhân ở các hầm mỏ, nhà máy, đồn điền để cùng sinh hoạt và lao động với công nhân nhằm tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê nin, vận động cách mạng, nâng cao ý thức chính trị cho giai cấp công nhân. Qua đó, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển, trở thành nòng cốt của phong trào đấu tranh trong cả nước.

Đồng thời, ông cùng với các hội viên tiên tiến khác trong Hội Việt Nam cách mạng thanh niên tích cực tuyên truyền vận động, chuẩn bị cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Tháng 3-1929, ông tham gia thành lập chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Cộng sản, Đại hội Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Bắc Kỳ họp ngày 28-3-1929 đã nhất trí tán thành chủ trương thành lập Đảng Cộng sản. Ngày 1-5-1929, Đại hội toàn quốc của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên họp ở Hương Cảng (Trung Quốc). Tại Đại hội, Đoàn đại biểu Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Bắc Kỳ, trong đó ông đóng vai trò quan trọng, đã đưa ra đề nghị giải tán Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, thành lập Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, đề nghị đó không được Đại hội chấp nhận. Đoàn đại biểu Bắc kỳ đã bỏ Đại hội ra về.

Ngày 17-6-1929, những thành viên tiên tiến của Kỳ bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Bắc Kỳ thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng. Ông đã tham gia Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Theo sự phân công của Trung ương Đông Dương Cộng sản Đảng, cuối tháng 7-1929, ông vào Nam Kỳ, phụ trách công tác xây dựng cơ sở Đảng. Tại Sài Gòn, ông đi “vô sản hóa” ở bến cảng Nhà Rồng và sống cùng anh em lao động ở Xóm Chiếu. Ông đặc biệt chú trọng xây dựng cơ sở cách mạng trong công nhân, góp phần xây dựng nhiều tổ chức Công hội ở Sài Gòn - Chợ Lớn, các chi bộ của Đông Dương Cộng sản Đảng ở nhà máy Ba Son, đồn điền cao su Phú Riềng và xã Vĩnh Kim (tỉnh Mỹ Tho). Sự ra đời và phát triển của Đông Dương Cộng sản Đảng đã có ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng trong nước. Chỉ trong thời gian ngắn đã có thêm hai tổ chức Cộng sản được thành lập trên đất nước ta là An Nam Cộng Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Sau Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03-02-1930); Hội nghị thống nhất các tổ chức Cộng sản ở Nam Kỳ thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Nam Kỳ và cử ông làm Bí thư cấp ủy lâm thời Đảng bộ Nam Kỳ.

Giữa lúc phong trào cách mạng đang dâng cao thì ông bị địch bắt vào cuối năm 1930 tại Sài Gòn. Biết ông là một nhân vật quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính quyền thực dân tìm mọi cách dụ dỗ, mua chuộc, giam cầm tại nhiều nhà tù, tra tấn dã man, nhưng không khuất phục được trước ý chí sắt đá và tinh thần dũng cảm của ông. Sau hơn 2 năm bị giam giữ, ngày 02-5-1933, thực dân Pháp đưa ông và nhiều đảng viên cộng sản khác ra phiên tòa “đại hình đặc biệt”, đày ra Côn Đảo vào tháng 5 năm 1933. Cuối năm 1934, Đảng bộ nhà tù Côn đảo quyết định tổ chức cho ông và một số người tù cộng sản khác vượt ngục trở về đất liền. Cuộc vượt ngục nguy hiểm đó đã không thành công. Chiếc thuyền đã bị chìm. Ông mất giữa biển khơi.

Ông là một tấm gương, một hình mẫu và tài năng, khí phách của một người cách mạng yêu nước, yêu dân tộc, kiên cường, bất khuất, một chiến sĩ cộng sản lỗi lạc của cách mạng Việt Nam. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Ngô Gia Tự có điểm đầu: giáp với Cầu Bình Đức; điểm cuối: giao với Đường tỉnh 870; chiều dài: 3,046 km; chiều rộng: 14,0 m.

**43. Đường Ngô Quyền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Ngô Quyền).

Tiểu sử danh nhân:

**NGÔ QUYỀN**

**(897 – 944)**

Ngô Quyền sinh năm 897 ở làng Đường Lâm, Ba Vì (nay là xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội).

Năm 931, ông theo Dương Đình Nghệ đánh chiếm thành Đại La, đánh đuổi quân Nam Hán (Trung Quốc) ra khỏi bờ cõi. Khi Dương Đình Nghệ lên cầm quyền, xưng là Tiết độ sứ, giao cho ông cai quản vùng Châu Ái (tỉnh Thanh Hóa ngày nay).

Năm 937, Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn giết chết để đoạt ngôi. Từ Châu Ái, ông kéo quân ra Bắc trị tội Kiều Công Tiễn và tên này đã hèn hạ cầu viện vua Nam Hán. Thấy đây là cơ hội xâm lược nước ta, vua Nam Hán sai con trai là Lưu Hoằng Thao đem thủy quân sang xâm lược nước ta. Nền độc lập của dân tộc vừa mới giành được bị đe dọa nghiêm trọng.

Trước tình thế đó, mùa đông năm 938, ông chỉ huy quân lính tấn công thành Đại La, giết chết Kiều Công Tiễn, diệt trừ bọn nội phản. Đối với quân Nam Hán xâm lược, ông dự đoán quân giặc sẽ tiến công vào nước ta theo cửa sông Bạch Đằng. Từ đó, ông đề ra một kế hoạch quân sự tài tình là lợi dụng quy luật thủy triều để đánh giặc. Ông cho vót nhọn đầu những cọc gỗ lớn, bịt sắt, cắm xuống lòng sông như những bàn chông sắc nhọn chờ giặc. Khi thủy triều lên, Hoằng Thao cho chiến thuyền kéo vào cửa sông Bạch Đằng, ông bèn cử tướng chỉ huy một đội thuyền khiêu chiến, nhử địch vào sâu bên trong bãi cọc. Chờ khi thủy triều xuống, ông trực tiếp chỉ huy quân từ ba phía đánh ập vào các thuyền địch. Quân giặc bị tấn công bất ngờ định quay đầu chạy ra biển nhưng không kịp, thủy triều rút đã làm các cọc nhọn nhô đầu đâm vào thuyền địch. Cửa sông Bạch Đằng trở thành mồ chôn quân xâm lược. Tướng giặc Hoằng Thao tử trận. Vua Nam Hán sợ hãi rút quân khỏi biên giới nước ta và từ bỏ giấc mộng xâm lăng. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 mở ra trang sử chói lọi của dân tộc, vĩnh viễn chấm dứt ách đô hộ của phong kiến phương Bắc. Đất nước giành được độc lập, tự chủ hoàn toàn.

Mùa xuân năm 939, ông bãi bỏ chức Tiết độ sứ, lên ngôi vua, xưng là Ngô vương. Ông tiến hành xây dựng nhà nước độc lập, tự chủ, đóng đô ở Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội). Năm 944, ông lâm bệnh rồi mất. Trong lịch sử dân tộc, ông được xem là người đã mở ra một kỷ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài của đất nước, chấm dứt hơn 1.000 năm bị ngoại bang thống trị .

Đường Ngô Quyền có điểm đầu: giáp với đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; chiều dài: 0,710 km; chiều rộng: 8,0 m.

**44. Đường Nguyễn An Ninh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn An Ninh).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN AN NINH**

**(1900 – 1943)**

Nguyễn An Ninh sinh năm 1900 tại làng Long Thượng, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An) trong một gia đình trí thức yêu nước.

Thuở nhỏ, ông rất thông minh, hiếu học và học giỏi. Ông được cha dạy chữ Hán trước khi cắp sách đến trường. Năm 1910, ông học tiểu học ở Trường dòng Lasan Taberd ở Sài Gòn; sau đó học trung học ở Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) và Collège Chasseloup-Laubat (nay là Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), tốt nghiệp hạng Ưu năm 1916.

Được miễn chuẩn bằng tú tài, ông ra Hà Nội học Trường Cao đẳng Y Dược thuộc Đại học Đông Dương. Học được nửa năm, ông nhận ra y dược không phải là sở nguyện của mình nên xin chuyển sang học luật tại Trường Cao đẳng Pháp chính thuộc Đại học Đông Dương. Năm 1918, ông dừng việc học tại Hà Nội và sang Pháp, thi đỗ vào khoa Luật của Đại học Sorbonne, Paris. Đây là ngôi trường danh tiếng của nước Pháp, đào tạo ra các chính khách, các nhà khoa học và văn hóa lớn. Sau hai năm học tập, ông đã hoàn thành chương trình học 4 năm và được cấp bằng Cử nhân Luật hạng xuất sắc.

Cũng chính trong thời gian sinh sống và học tập ở Pháp, ông bắt đầu tham gia và hoạt động tích cực trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp. Ông tham gia “*Nhóm ngũ long*” (gồm có Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tất Thành/Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh và Nguyễn An Ninh). Ông là bạn và là người cộng sự đắc lực của Nguyễn Ái Quốc, cùng tham gia sáng lập Hội Liên hiệp Các dân tộc thuộc địa, cùng viết bài và quảng bá cho báo *Le Paria* (Người cùng khổ). Ngoài ra, Nguyễn An Ninh còn dành thời gian nghiên cứu các học thuyết cách mạng trên thế giới. Ông cũng kết giao rộng rãi với các nhà hoạt động cánh tả, cộng sản ở Pháp và một số nước khác ở châu Âu.

Năm 1923, ông về nước, bắt đầu dấn thân vào hoạt động yêu nước và cách mạng chống lại chính quyền thực dân Pháp. Tại Sài Gòn, ông đã có hai lần diễn thuyết trước công chúng và tạo nên tiếng vang lớn. Thống đốc Nam Kỳ Cognacq và chánh mật thám Arnoux đã triệu tập ông đến Dinh Thống đốc để đe dọa và tuyên bố cấm ông diễn thuyết tại các nơi công cộng.

Sự đe dọa của chính quyền thực dân không làm Nguyễn An Ninh sờn lòng, chùn bước, mà trái lại càng làm cho ông kiên quyết tiến lên trên con đường đã chọn. Ngày 10/12/1923, ông lập ra tờ báo *La Cloche Fêleé* (Chuông rè) bằng tiếng Pháp, phát hành công khai ở Sài Gòn. Đây là một trong những tờ báo đầu tiên thuộc dòng báo chí công khai trực tiếp phê phán mạnh mẽ chính quyền thực dân Pháp, đồng thời giới thiệu quảng bá cho các tư tưởng cách mạng, đặc biệt là tư tưởng cách mạng Pháp, Ấn Độ và chủ nghĩa Mác. Nguyễn An Ninh còn đăng lại trên *La Cloche Fêleé* một số bài của Nguyễn Ái Quốc đã đăng trên báo *Le Paria*. Để đàn áp tờ báo, chính quyền thực dân đã cấm các nhà in và Sở Bưu điện không cho họ nhận in và phát hành, vận chuyển báo *La Cloche Fêleé*. Ông liền bán hết gia sản để lập xưởng in riêng. Sau đó, ông để đầu trần, xõa tóc, mặc đồ bà ba, đi guốc gỗ, tự mình rao bán báo *La Cloche fêleé* trên đường phố Sài Gòn. Hành động yêu nước bất khuất của ông đã được các tầng lớp nhân dân Sài Gòn và Nam Kỳ rất ngưỡng mộ và ủng hộ. Qua đó, ông đã đóng góp to lớn vào sự hình thành phát triển mạnh mẽ của cao trào đấu tranh quần chúng trong những năm 1925 - 1926.

Năm 1926, ông bị chính quyền thực dân bỏ tù 2 năm. Sau khi ra tù, ông đã sáng lập ra *Thanh niên Cao vọng Đảng*, một tổ chức yêu nước hoạt động theo nguyên tắc hội kín ở Nam Kỳ. Ông còn phối hợp với các cán bộ của Hội Việt Nam cách mệnh Thanh niên trong vận động quần chúng và phát triển tổ chức của Hội. Ông lại bị thực dân Pháp bỏ tù vào cuối năm 1928.

Sau khi ra tù lần thứ hai (1931), ông lại hăng hái tham gia các hoạt động yêu nước và cách mạng, sát cánh cùng với cách chiến sĩ cộng sản và yêu nước đấu tranh gìn giữ và phục hồi phong trào sau khi Cao trào cách mạng 1930 – 1931 bị thực dân Pháp đàn áp. Cùng với chiến sĩ cộng sản Nguyễn Văn Tạo, cuối tháng 4/1932, ông đã lập ra tờ báo công khai bằng tiếng Pháp *La Lutte* (Tranh đấu). Đây là tờ báo cách mạng rất có uy tín ở Sài Gòn và Nam Kỳ. Cùng với những người cộng sản, Nguyễn An Ninh đã tích cực tham gia vận động trong các cuộc tranh cử vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ trong năm 1933. Đây là lần đầu tiên các chiến sĩ cộng sản và yêu nước tổ chức thành công các cuộc đấu tranh công khai sôi nổi của quần chúng.

Tháng 6/1936, Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp được thành lập do Léon Blum đứng đầu, tuyên bố sẽ cử phái đoàn thanh tra sang khảo sát tình hình các xứ thuộc địa của nước Pháp, trong đó có Đông Dương. Nhân cơ hội đó, một số phần tử cơ hội trong giai cấp địa chủ và tư sản Nam Kỳ định tranh thủ nhân danh “dân chúng bản xứ” trình cho Chính phủ Bình dân các yêu sách của họ. Trong khi đó, cơ sở của Đảng Cộng sản Đông Dương còn chưa kịp khôi phục và Đảng cũng chưa có chủ trương cụ thể về vấn đề này. Trước tình hình đó, ông đã hết sức nhạy bén đứng ra phát động phong trào *“Đông Dương đại hội”*, một phong trào đấu tranh mang tính chất quần chúng rộng rãi. Sáng kiến của Nguyễn An Ninh nhanh chóng được Đảng Cộng sản Đông Dương ủng hộ mạnh mẽ. Chỉ trong vòng 2 tuần cuối tháng 9/1936, khoảng 600 Ủy ban hành động đã được thành lập ở Sài Gòn và Nam Kỳ, phần lớn do các Đảng viên cộng sản lãnh đạo, sôi nổi vận động thu thập dân nguyện và thức tỉnh quần chúng.

Phong trào Đông Dương đại hội đã mở đầu cho cao trào vận động đòi các quyền dân sinh, dân chủ của quần chúng diễn ra sôi nổi trên toàn cõi Việt Nam từ năm 1936 đến năm 1939. Cao trào này được coi như *“cuộc tổng diễn tập lần thứ hai*” cho thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám sau này. Trong suốt thời kỳ đó, Nguyễn An Ninh luôn luôn sát cánh cùng với các chiến sĩ cộng sản lăn lộn vận động trong các phong trào đấu tranh của quần chúng, đặc biệt là trên mặt trận tư tưởng, văn hoá, báo chí và trong các cuộc vận động tranh cử.

Ở Sài Gòn và Nam Kỳ lúc đó các phần tử Trotskits và Lập hiến cũng ráo riết hoạt động để tranh giành ảnh hưởng với Đảng Cộng sản Đông Dương. Tuy không có cơ sở sâu rộng trong quần chúng; nhưng họ phần lớn lại là những trí thức Tây học khá nổi tiếng, vì vậy, cuộc đấu tranh chống lại những luận điểm tuyên truyền của họ không dễ dàng. Trong bối cảnh đó, với tư cách là một lãnh tụ, một trí thức được nhân dân hết sức tin yêu, ông đã đứng về phía những người cộng sản, đấu tranh không khoan nhượng với hai nhóm người trên. Ông là bạn tâm giao tin cậy của Tổng Bí thư Hà Huy Tập và của các chiến sĩ cộng sản khác như Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Trấn, Dương Bạch Mai,…

Tháng 9/1939, Thế chiến II bùng nổ ở châu Âu. Ở Đông Dương, thực dân Pháp liền tuyên bố thiết quân luật, xiết chặt ách thống trị tàn bạo của chúng hòng ngăn ngừa nhân dân ta vùng lên tự giải phóng mình. Chúng ráo riết truy lùng, bắt bớ và sát hại các chiến sĩ yêu nước và cách mạng. Ngày 4/10/1939, ông lại bị thực dân Pháp bắt. Sau đó, ông bị kết án 5 năm tù và 10 năm lưu đày biệt xứ. Chúng đưa ông ra giam giữ và tra tấn dã man tại nhà tù Côn Đảo. Ông hy sinh ngày 14/8/1943, hai năm trước khi nước nhà giành lại được độc lập. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn An Ninh có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Giác; điểm cuối: giao với đường Phan Thanh Giản; chiều dài: 1,10 km; chiều rộng: 8,0 m.

**45. Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Bỉnh Khiêm).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN BỈNH KHIÊM**

**(1491 – 1585)**

Nguyễn Bỉnh Khiêm có tên khai sinh là Nguyễn Văn Đạt, tự là Hạnh Phủ, hiệu là Bạch vân am cư sĩ, sinh năm 1491 tại làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, phủ Hạ Hồng, trấn Hải Dương (nay thuộc xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng), trong gia đình có truyền thống hiếu học.

Tử thuở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, chăm học và học giỏi. Năm 1534, ông đỗ đầu kỳ thi Hương. Năm 1535, ông đỗ đầu kỳ thi Hội, gọi là Hội nguyên và đỗ đầu kỳ thi Đình, gọi là Trạng nguyên. Ông từng được vua Mạc bổ nhiệm làm nhiều chức vụ quan trọng và phong tước Trình Tuyên Hầu nên được người đời gọi là Trạng Trình.

Năm 1542, nhận thấy quyền thần lũng đoạn triều chính, ông dâng sớ đòi chém 18 viên quan to cậy thế làm càn; nhưng không được vua chấp nhận. Từ đó, ông từ quan, về quê dạy học. Học trò của ông rất đông và rất nhiều người trở thành nhân tài của đất nước như Trạng nguyên Giáp Hải, Phùng Khắc Khoan,... Dù đã về quê; nhưng các vua nhà Mạc rất kính trọng, xem ông là thầy và thường xuyên sai sứ đến hỏi kế sách trị nước.

Tương truyền, ông còn là một nhà tiên tri, tác giả của nhiều lời sấm. Nhà Mạc, nhà Trịnh, nhà Nguyễn đều đến xin lời khuyên của ông để dựng nghiệp. Ông còn là nhà thơ nổi tiếng, để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như: Bạch Vân am thi tập (gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán) và Bạch Vân quốc ngữ thi (với hàng trăm bài thơ chữ Nôm). Năm 1585, ông tạ thế tại quê nhà.

Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm có điểm đầu: giáp với đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Trương Định; chiều dài: 0,240 km; chiều rộng: 6,0 m.

**46. Đường Nguyễn Công Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Công Bình).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN CÔNG BÌNH**

**(1922 – 2014)**

Nguyễn Công Bình tên thật là Nguyễn Văn Mè, thường gọi Sáu Bình, sinh ngày 12-3-1922 tại làng Bình Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 11-1940, ông tham gia cách mạng, là nhân viên giao liên bí mật cho Chi bộ xã Bình Phú, huyện Cai Lậy. Tháng 5-1945, ông là Đội trưởng Thanh niên tiền phong xã Bình Phú, tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở xã nhà. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ông làm Chánh Thư ký Hội Nông dân cứu quốc xã Bình Phú. Do có nhiều thành tích trong công tác, ngày 19-5-1947, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam, hoạt động tại xã nhà, làm Bí thư chi bộ xã Bình Phú. Lúc này, chính quyền địch tiến hành chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” rất ác liệt, nhưng ông vẫn kiên cường bám đất, bám dân, xây dựng cơ sở cách mạng. Tháng 11-1958, theo chỉ đạo của cấp trên, ông đi điều lắng tại huyện Bến Cát, tỉnh Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Bình Dương). Tháng 10-1959, với tinh thần cách mạng tiến công, ông trở về huyện Cai Lậy công tác, làm Huyện ủy viên rồi Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Cai Lậy, phụ trách liên xã.

Từ tháng 11-1961 đến tháng 6-1966, ông được điều động làm cán bộ rồi Ủy viên Ban An ninh Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ). Từ tháng 6-1966 đến tháng 8-1969, ông đảm nhận chức vụ Phó ban An ninh rồi Tỉnh ủy viên, Trưởng ban An ninh tỉnh Mỹ Tho. Ở Cương vị này, ông cùng với tập thể lãnh đạo Ban An ninh tỉnh Mỹ Tho chỉ đạo lực lượng an ninh đánh bại các cuộc càn quét của quân địch; bảo vệ căn cứ cách mạng, cấp ủy Đảng, tài sản và tính mạng của nhân dân trong vùng giải phóng; diệt ác, trừ gian; phá vỡ nhiều mạng lưới mật báo viên của địch; góp phần quan trọng vào sự phát triển của phong trào cách mạng toàn tỉnh.

Tháng 9-1969, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Mỹ Tho. Tháng 6-1972, ông được phân công làm Phó ban thường trực Ban An ninh Khu 8. Tháng 7-1974, ông là Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Là người đứng đầu Tỉnh ủy, ông cùng với Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cuộc đấu tranh của quân dân tỉnh Mỹ Tho trên cả ba mặt chính trị, quân sự, binh vận ngày càng phát triển mạnh mẽ, thực hiện thắng lợi công cuộc giải phóng hoàn toàn tỉnh Mỹ Tho ngày 30-4-1975, cùng với quân dân toàn miền giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất (30-4-1975), ông tiếp tục giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Trong thời kỳ tỉnh nhà mới được giải phóng, ông đã cùng với Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, khai hoang phục hóa, ổn định chính trị - xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, phát triển kinh tế, văn hóa - giáo dục, chăm lo đời sống nhân dân.

Tháng 3-1976, khi tỉnh Tiền Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho, ông là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội khóa VI và khóa VII đơn vị tỉnh Tiền Giang. Ở cương vị này, ông đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tiền Giang, như khai hoang Đồng Tháp Mười, Ngọt hóa Gò Công, vùng lúa cao sản,…

Năm 1986, ông được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu theo chế độ. Từ khi nghỉ hưu đến năm 2000, ông vẫn tiếp tục làm việc với chức vụ Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Tiền Giang. Năm 2014, do tuổi cao sức yếu, ông qua đời.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất và nhiều Huy chương, Kỷ niệm chương, Bằng khen của Trung ương và địa phương. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Công Bình có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Thị Thập; điểm cuối: giao với đường Phạm Hùng; chiều dài: 1,496 km; chiều rộng: 12,0m.

**47. Đường Nguyễn Huệ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Huệ).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN HUỆ**

**(1753 – 1792)**

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 ra tại thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành, huyện Hoài Nhơn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

Năm 1771, ông dựng cờ khởi nghĩa, trở thành một trong ba lãnh tụ cao nhất của phong trào Tây Sơn (Nguyễn Nhạc , Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ).

Năm 1775, ông chỉ huy đánh chiếm Phú Yên, tạo ra bước ngoặt quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển mạnh mẽ sau đó của phong trào.

Năm 1777, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ hai, lật đổ cơ đồ thống trị của dòng họ chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Năm 1782, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ tư, đánh cho Nguyễn Ánh đại bại.

Năm 1783, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ năm, đánh đuổi tập đoàn Nguyễn Ánh ra khỏi bờ cõi.

Năm 1785, ông chỉ huy trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

Năm 1786, ông chỉ huy các đợt tấn công tiêu diệt chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

Ngày 22/12/1788, ông lên ngôi Hoàng đế tại Núi Bân (Phú Xuân - Huế). Niên hiệu vua Quang Trung bắt đầu xuất hiện từ đây.

Năm 1789, ông chỉ huy trận Ngọc Hồi - Đống Đa, quét sạch 29 vạn quân Thanh và bè lũ tay sai phản quốc Lê Chiêu Thống ra khỏi bờ cõi.

Từ năm 1789 đến năm 1792, ông ban bố Chiếu khuyến nông, Chiếu lập học, tiến hành những cải cách tích cực nhằm phát triển đất nước.

Ngày 15/9/1792, ông đột ngột qua đời. Ông xứng danh là vị Anh hùng dân tộc, có công lớn trong việc thống nhất đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Nguyễn Huệ có điểm đầu: giáp với đường Lý Công Uẩn; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 0,680 km; chiều rộng: 9,0 m.

**48. Đường Nguyễn Huỳnh Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Huỳnh Đức).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN HUỲNH ĐỨC**

**(1748 – 1819)**

Nguyễn Huỳnh Đức, nguyên họ Huỳnh, tên là Huỳnh Tường Đức, nhưng có công lớn đối với nhà Nguyễn nên ông được mang quốc tính (họ của nhà vua), sinh năm 1748 tại thôn Trường Khánh, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay là xã Khánh Hậu, TP Tân An, tỉnh Long An).

Thưở nhỏ, ông có sức mạnh hơn người, nên được người đương thời gọi là “*Hổ tướng*”. Năm 1781, ông theo chúa Nguyễn Phúc Ánh. Năm 1783, trong một trận đánh, ông bị quân Tây Sơn bắt; nhưng sau đó, trốn thoát được và sang Xiêm (Thái Lan) tìm gặp Nguyễn Phúc Ánh.

Sau khi Nguyễn Phúc Ánh trở về thu phục đất Gia Định (1788), ông được phong chức Trung dinh giám quân chưởng cơ; rồi được thăng làm Hữu quân Bình Tây tướng quân. Năm 1791, ông chỉ huy quân Nguyễn đánh chiếm cửa Thị Nại và hạ thành Quy Nhơn.

Sau khi Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, xưng là Gia Long (1802), ông được phong tước Quận công và giữ chức Trấn thủ trấn Bình Định. Năm 1810, ông làm Tổng trấn Bắc Thành, cai quản các địa phương toàn miền Bắc. Năm 1816, ông được điều về Nam, làm Tổng trấn Gia Định thành, cai quản cả năm trấn ở miền Nam là Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long và Hà Tiên.

Năm 1819, do tuổi cao sức yếu, ông qua đời thọ 71 tuổi, an táng tại quê nhà. Là một công thần của nhà Nguyễn, ông được triều đình truy tặng hàm Phụ quốc thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Thái phó quận công; bài vị được thờ chính ở miếu Trung Hưng công thần, thờ phụ tại Thế miếu (nơi thờ các vị chúa Nguyễn). Đến đời vua Minh Mạng, ông được truy tặng hàm Kiến xương quận công.

Hiện nay, lăng mộ của ông được Nhà nước xếp hạng Di tích văn hóa – lịch sử cấp quốc gia (1993), tọa lạc tại xã Khánh hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), thành phố Tân An (tỉnh Long An), thành phố Rạch Giá (tỉnh Kiên Giang), thành phố Vĩnh Long (tỉnh Vĩnh Long).

Đường Nguyễn Huỳnh Đức có điểm đầu: giáp với đường Trần Nguyên Hãn; điểm cuối: giao với đường Thái Văn Đẩu; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 8,0 m.

**49. Đường Nguyễn Hữu Trí**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Hữu Trí).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN HỮU TRÍ**

**(1926 – 1993)**

Nguyễn Hữu Trí còn có tên là Nguyễn Văn Bốn sinh năm 1926 tại làng Vĩnh Lợi, tổng Hòa Đồng Hạ, tỉnh Gò Công (nay là thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình có truyền thống cách mạng.

Hòa trong khí thế hào hùng của nhân dân Gò Công trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng 8-1945, ông giác ngộ và tham gia cách mạng ở quê nhà. Tháng 10-1945, ông tham gia lực lượng Cộng hòa vệ binh ở địa phương, góp phần vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Gò Công. Sau đó, ông lần lượt làm trinh sát viên ở Khu 7, tổ trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 8, trung đội trưởng trinh sát thuộc Phòng Tham mưu Khu 9. Năm 1949, ông được cấp trên phân công vào các đô thị ở vùng tạm chiếm với nhiệm vụ quan trọng là tổ chức mua những mặt hàng cần thiết cho kháng chiến, như thuốc tây, hóa chất, thuốc nổ, điện đài,… để bí mật vận chuyển ra vùng căn cứ Khu 9. Đồng thời, ông còn xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng ở nội thành Sài Gòn và trực tiếp đưa thư từ, tài liệu vận động cách mạng tới một số vị nhân sĩ, trí thức.

Năm 1951, ông được đề bạt làm cán bộ Phòng Tham mưu Khu 8. Sau đó ít lâu, trên đường đi công tác, ông bị địch bắt. Trải qua nhiều nhà tù và mặc dù bị tra tấn hết sức dã man, nhưng ông vẫn một lòng trung thành với Đảng và nhân dân, kiên cường giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản. Do không tìm ra chứng cớ để kết tội nên địch buộc phải trả tự do cho ông. Ngay sau đó, ông trở ra vùng giải phóng tiếp tục công tác. Năm 1953, ông làm Trưởng ban Hành chính - Quản trị thuộc Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây Nam Bộ.

Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc, làm Trưởng ban Hành chính của Trung đoàn 78, sau đó được cử đi học Trường Sĩ quan Lục quân. Năm 1959, ông tốt nghiệp, được phong quân hàm trung úy, công tác tại Cục Tình báo. Liên tục trong hai năm 1960 và 1961, ông được Cục Tình báo bồi dưỡng về chính trị và được huấn luyện nghiệp vụ tình báo. Đầu năm 1963, trên một chiếc tàu không số, ông theo đường biển trở vào miền Nam công tác, làm tổ trưởng điệp báo Cụm A20, có nhiệm vụ tạo lập bình phong, chỗ đứng chân, từng bước hợp pháp hóa tại địa bàn Sài Gòn.

Tại Sài Gòn, dựa vào người thân trong gia đình, ông đã nhanh chóng tạo được nơi ăn ở, làm được giấy tờ tùy thân hợp pháp, có nghề nghiệp phù hợp, tạo được nơi cất giấu và sử dụng điện đài an toàn, thuận tiện, thậm chí giữa năm 1964, khi nhu cầu liên lạc tăng cao, ông còn đón điện đài viên từ chiến khu vào, làm việc an toàn, có hiệu quả cho tới khi cán bộ này được rút về vào tháng 11-1965.

Trên cơ sở đó, với tất cả sự cẩn trọng, chặt chẽ, năng động, mưu trí và dũng cảm, ông đã xây dựng được mạng lưới tình báo chiến lược quân sự, hoạt động ngay trong lòng địch, trong đó có cả công chức, sĩ quan của chính quyền và quân đội Sài Gòn hoặc cài cắm người của ta vào làm việc trong bộ máy của chính quyền địch. Bên cạnh đó, ông còn chủ động mở rộng, đi sâu quan hệ với một số sĩ quan cao cấp và nhân vật tên tuổi trong các giới để thu thập tin tức.

Dưới sự tổ chức và chỉ đạo tài tình của ông, mạng lưới tình báo do ông làm tổ trưởng hoạt động rất có hiệu quả, thu được nhiều thông tin và tài liệu có ý nghĩa chiến lược từ phía Mỹ, chính quyền và quân đội Sài Gòn, được Cục Tình báo đánh giá cao, phục vụ đắc lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân dân cả nước. Từ năm 1963 đến năm 1970, mạng lưới điệp báo của ông có vai trò như là một trong vài mạng lưới chủ chốt của tình báo chiến lược quân sự. Đặc biệt, tuy số lượng điệp viên, quan hệ và cơ sở điệp báo,… của mạng lưới là khá lớn và nhiều người được xây dựng thông qua quan hệ “bắc cầu”; nhưng ông vẫn bảo đảm tốt yêu cầu cự ly, đơn tuyến trong lưới, giữ vững an toàn tuyệt đối, khiến cho cơ quan tình báo CIA của Mỹ và Phủ Đặc ủy trung ương tình báo của chính quyền Sài Gòn không tài nào phát hiện.

Năm 1970, sau khi hoàn thành nhiệm vụ do cấp trên giao phó, ông được điều ra vùng giải phóng.Năm 1971, ông được bổ nhiệm làm Phó phòng Tình báo chiến lược Miền (J22). Đầu năm 1973, ông được cử phụ trách Ban Tình báo ngoại giao của Phòng Tình báo chiến lược Miền và tham gia Đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vào làm việc tại trại David ở Sài Gòn trong khuôn khổ của hiệp định Paris.

Giữa năm 1973, theo sự điều động của tổ chức, ông trở về vùng giải phóng, làm Phó phòng; từ tháng 4/1974, làm Quyền Trưởng phòng Tình báo chiến lược Miền. Tháng 12/1974, khi Phòng Tình báo chiến lược Miền được chuyển thành Đoàn Tình báo 22 thuộc Bộ Tham mưu Miền, ông được chỉ định làm Quyền Đoàn trưởng. Trên những cương vị ấy, ông đã lãnh đạo, chỉ huy lực lượng tình báo chiến lược Miền hoàn thành tốt nhiệm vụ nắm tình hình địch, phục vụ cho công tác chỉ đạo chiến lược, chiến dịch của cấp trên và điều tra mục tiêu, chuẩn bị cho bộ đội tác chiến trong những năm tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Sau ngày đất nước hòa bình, thống nhất (30-4-1975), ông tiếp tục công tác trong quân đội, là Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1986, ông nghỉ hưu. Năm 1993, ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Là nhà tình báo chiến lược quân sự xuất sắc, ông có nhiều đóng góp quan trọng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Ông được tặng thưởng 4 Huân chương Chiến công (2 hạng Nhất, 2 hạng Nhì). Ngày 20-9-1971, ông được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam phong tặng ông danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng. Tên của ông được đặt tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Mỹ Tho và huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, tên trường tiểu học ở thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Hữu Trí có điểm đầu: giáp với đường Lê Văn Nghề; điểm cuối: giao với Khu dân cư; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 10,5 m.

**50. Đường Nguyễn Minh Đường**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Minh Đường).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN MINH ĐƯỜNG**

**(1919 – 2002)**

Nguyễn Minh Đường, tên thật là Nguyễn Văn Mùi thường gọi là Sáu Đường, bí danh Lê Mẫn, Lê An, bí số 206, sinh năm 1919 tại làng Phước Vân, quận Cần Đước, tỉnh Tân An (nay là xã Phước Vân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An). Sớm giác ngộ cách mạng, ông tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương, thường viết bài cho báo Dân Chúng và báo Lao Động. Năm 1937, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Năm 1940, ông tham gia khởi nghĩa Nam kỳ ở địa phương. Sau đó, ông tham gia xây dựng cơ sở Đảng trong quần chúng ở Cần Đước. Tháng 8-1945, ông tham gia lãnh đạo giành chính quyền ở quận Cần Đước, được bầu làm Bí thư, rồi Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện Cần Đước. Năm 1948, làm Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Chợ Lớn, rồi Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Tân An (1949), Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Đồng Tháp (1950).

Năm 1951-1954, sau khi có chủ trương của Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ sáp nhập các tỉnh ở Nam Bộ thành đơn vị hành chính mới để phù hợp việc chỉ đạo trong tình hình mới, ông được cử làm Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh Mỹ Tho còn gọi là tỉnh Tân Mỹ Gò (Tân An, Mỹ Tho và Gò Công). Trong giai đoạn này, ông đã chủ trì nhiều hội nghị Tỉnh ủy, đề ra chủ trương, biện pháp đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tiễn nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng ở toàn tỉnh tiến lên. Riêng ở Gò Công, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy do ông làm Bí thư, Đảng bộ và nhân dân địa phương đã kiên cường chiến đấu, giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của dân tộc, phá tan hệ thống đồn bót, làm thất bại âm mưu bình định của địch, đưa Gò Công trở thành một huyện có phong trào chiến tranh du kích mạnh, góp phần tích cực vào chiến thắng Đông Xuân 1953 - 1954 trên toàn quốc, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đi đến thắng lợi hoàn toàn, xứng đáng được Trung ương Đảng, Chính phủ tặng thưởng Huân chương Quân công hạng ba và Phân Liên khu miền Đông Nam bộ trao tặng giải thưởng trong phong trào thi đua hai năm 1953 - 1954.

Sau năm 1954, ông được phân công ở lại hoạt động tại miền Nam. Năm 1958, ông là Ủy viên Xứ ủy Nam Bộ, Bí thư Khu ủy 8. Tháng 01-1961, khi Trung ương Cục miền Nam được thành lập thay cho Xứ ủy Nam Bộ, ông được cử làm Ủy viên Trung ương Cục, Trưởng ban Dân vận Trung ương Cục miền Nam.

Sau ngày đất nước thống nhất, năm 1976, ông là Phó trưởng ban Dân vận Trung ương, Ủy viên Đảng đoàn, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Năm 1984, ông về hưu. Năm 2002, ông mất tại Thành phố Hồ Chí Minh, thọ 93 tuổi. Được biết, ông là phu quân của bà Nguyễn Ngọc Việt, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Gò Công.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông luôn tỏ rõ là một cán bộ lãnh đạo kiên trung, năng nỗ, có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc giải phóng dân tộc, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều bằng khen. Tên ông được đặt tên đường tại thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang) và thành phố Tân An (tỉnh Long An).

Đường Nguyễn Minh Đường có điểm đầu: giáp với đường xã Đạo Thạnh; điểm cuối: giao với Quốc lộ 50; chiều dài: 1,0 km; chiều rộng: 8,0 m.

**51. Đường Nguyễn Ngọc Ba**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Ngọc Ba).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN NGỌC BA**

**(1906 – 1997)**

**Nguyễn Ngọc Ba** sinh năm 1906 tại Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tháng 7-1926, ông được tổ chức yêu nước Hưng Nam ở Trung Kỳ cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) học lớp huấn luyện chính trị và phương pháp hoạt động cách mạng của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên do Lý Thụy (Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh) phụ trách. Đây là lớp huấn luyện cách mạng đầu tiên cho các chiến sĩ từ Việt Nam sang, được khai giảng tháng 8-1926 tại ngôi nhà ở đường Văn Minh thành phố Quảng Châu (Trung Quốc). Học viên lớp này khoảng 20 người, trong đó có Trần Phú, Nguyễn Công Thu, Nguyễn Danh Thọ, Nguyễn Ngọc Ba, Phan Trọng Quảng, Phan Trọng Bình, Nguyễn Văn Lợi,… Những học viên này được giao nhiệm vụ trở về ba miền Bắc, Trung, Nam để gieo mầm hạt giống cách mạng, gây dựng những cơ sở đầu tiên của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở trong nước

Năm 1927, sau khi mãn khóa học, ông về nước, lựa chọn một số thanh niên ưu tú ở Vinh để xuất dương dự học các lớp huấn luyện tiếp theo. Tháng 7-1927, ông được phân công vào Nam Kỳ phụ trách nhóm trí thức, học sinh ở Trường Trung học Cần Thơ (Collège de Cantho), tỉnh Cần Thơ.

Tháng 5-1928, ông được cử về tỉnh Mỹ Tho hoạt động. Tháng 8-1929, ông là Bí thư Tỉnh ủy An Nam Cộng sản Đảng tỉnh Mỹ Tho. Với cương vị của mình, ông đã đi về cơ sở, vận động cách mạng, thành lập các chi bộ An Nam Cộng sản Đảng ở tỉnh Gò Công, thị xã Mỹ Tho, các huyện An Hóa (nay thuộc tỉnh Bến Tre), Châu Thành. Ngoài ra, ông còn đến các huyện Chợ Gạo, Cai Lậy, Cái Bè lựa chọn những người nòng cốt trong tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên để kết nạp vào An Nam Cộng sản Đảng. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy An Nam Cộng sản Đảng tỉnh Mỹ Tho, do ông làm Bí thư, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân tỉnh Mỹ Tho phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp và bọn tay sai ra sức đàn áp, khủng bố phong trào quần chúng. Ngày 28-10-1929, ông bị thực dân Pháp bắt đày đi Côn Đảo. Ở trong tù, ông giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, kiên quyết không khai báo, một lòng trung thành với Tổ quốc và nhân dân. Tháng 9-1945, sau khi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, ông được Đảng đón về đất liền, tiếp tục hoạt động cách mạng. Sau khi Hiệp định Genève được ký kết (7-1954), ông tập kết ra miền Bắc, được Đảng và Nhà nước cho nghỉ hưu theo chế độ cán bộ lão thành cách mạng.

Năm 1997, do tuổi cao sức yếu, ông từ trần. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Ngọc Ba có điểm đầu: giáp với đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: giáp kinh Xáng Cụt; chiều dài: 0,450 km; chiều rộng: 3,5 m.

**52. Đường Nguyễn Thị Thập**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Thị Thập).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN THỊ THẬP**

**(1908 – 1996)**

Nguyễn Thị Thập tên thật là Nguyễn Thị Ngọc Tốt, sinh năm 1908 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1928, bà tham gia Nông hội đỏ tại địa phương với nhiệm vụ thông tin liên lạc. Ba năm sau, bà thoát ly gia đình, lên Sài Gòn hoạt động cách mạng, thâm nhập cuộc sống công nhân, thợ thuyền, những người lao động nghèo khổ để tuyên truyền giác ngộ, xây dựng cơ sở cách mạng ở thành phố Sài Gòn và các tỉnh: Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre và bà được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Từ đây bà lấy bí danh là Mười Thập.

Tháng 4-1935, bà được bầu làm Ủy viên Xứ ủy Nam kỳ. Sau đó không lâu bà bị thực dân Pháp bắt giam tại Khám Lớn Sài Gòn. Sự tù đày, tra tấn dã man của kẻ thù vẫn không làm lay chuyển được ý chí gang thép của người nữ chiến sĩ cộng sản. Trong những năm 1935 - 1936, ở nước Pháp, Mặt trận Bình dân lên nắm chính quyền, chế độ dân chủ được mở rộng, sự hà khắc đối với các nước thuộc địa cũng được nới lỏng hơn, bà và một số tù nhân chính trị chưa thành án được trả tự do.

Theo sự điều động của cấp trên, bà trở về quê hương tiếp tục tuyên truyền, giáo dục xóa bỏ hủ tục mê tín dị đoan, lề thói lạc hậu ở nông thôn, tuyên truyền lý tưởng cách mạng, qua đó xây dựng cơ sở cách mạng ở khắp các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Sa Đéc.…

Ở Mỹ Tho, bà cùng với ông Nguyễn Văn Cảnh (Tám Cảnh - anh ruột) và ông Lê Văn Giác (một người bạn thân, sau trở thành chồng bà, là Tỉnh ủy viên Mỹ Tho) thường xuyên tập hợp anh chị em thanh niên trong xã Long Hưng để tuyên truyền lý tưởng cách mạng, vạch tội ác thực dân Pháp, bọn cường hào ác bá và gầy dựng, phát triển lực lượng cách mạng. Xã Long Hưng trở thành nơi lực lượng cách mạng phát triển mạnh nhất của tỉnh Mỹ Tho.

Năm 1937, bà lãnh đạo nhân dân Long Hưng đấu tranh chống thuế thân. Cuộc đấu tranh diễn ra rất quyết liệt, địch tập trung đàn áp, bà bị chúng bắt giam 6 tháng tại khám đường Mỹ Tho. Ra tù, bà tiếp tục công tác vận động quần chúng, củng cố và phát triển cơ sở. Năm này, ông Lê Văn Giác được thả khỏi nhà tù Côn Đảo, 2 người kết hôn, sau đó không lâu ông Lê Văn Giác bị địch bắt trở lại và đày biệt xứ ở Bạc Liêu.

Năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, thực dân Pháp ra sức vơ vét nhân lực, tài lực phục vụ chiến tranh. Sưu cao thuế nặng, vật giá leo thang, nhân dân ngày càng khốn khổ. Ở Mỹ Tho, chúng cấm các tổ chức quần chúng hoạt động, ruồng bắt thanh niên đưa sang Pháp hoặc đưa ra biên giới đánh quân Xiêm. Nhân dân vô cùng căm tức bọn thực dân và tay sai, chỉ mong có cuộc nổi dậy.

Nắm được nguyện vọng của quần chúng, bà ngày đêm tuyên truyền, vận động quần chúng ủng hộ cách mạng và tham gia nổi dậy. Truyền đơn của Đảng kêu gọi đồng bào đoàn kết dưới ngọn cờ của Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương đứng lên cứu lấy Tổ quốc, được bà chuyển từ tay người này đến người khác, từ xóm ấp này đến xóm ấp khác.

Trong một lần rải truyền đơn, quyên góp lương thực, tài chính để hoạt động và mua vũ khí bà bị địch bắt. Khi biết sự việc này, hàng trăm người dân xã Long Hưng tay mác, tay giáo xông tới đòi bắt tên cò mật thám Trần Chánh, tên này và đám lính bỏ chạy, bà được giải thoát.

Năm 1940, địch ra sức khủng bố, nhân dân đòi bạo động đánh Pháp. Tỉnh ủy Mỹ Tho quyết định lấy rừng Ba U làm căn cứ, tổ chức nhiều cuộc hội nghị ở nhiều nơi khác nhau trong tỉnh bàn việc chuẩn bị khởi nghĩa ở Mỹ Tho, thành lập Ủy ban khởi nghĩa. Bà được giao nhiệm vụ phụ trách lực lượng vũ trang của tỉnh.

Từ tháng 8 đến tháng 11-1940, bà tích cực tổ chức các địa phương trong tỉnh luyện tập, chuẩn bị cho một cuộc khởi nghĩa lớn. Khi có lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy, lực lượng vũ trang và nhân dân Mỹ Tho làm một cuộc “tiến công lên trời”, cờ đỏ sao vàng (sau này trở thành Quốc kỳ của nước ta) lần đầu tiên được xuất hiện ở đình Long Hưng – nơi được chọn làm tổng hành dinh cách mạng của cuộc khởi nghĩa ở Mỹ Tho.

Cuộc khởi nghĩa thành lập được chính quyền công – nông, tuy là chính quyền tự quản và tồn tại không lâu do thực dân Pháp trở lại đàn áp khốc liệt, nhưng chính quyền đã thực thi chính sách đại đoàn kết dân tộc, khắc sâu dấu ấn đặc biệt trong ký ức của người dân Mỹ Tho và hình ảnh người đảng viên Nguyễn Thị Thập bụng mang dạ chửa gần ngày sinh nở vẫn thắt khăn nịt bụng chỉ huy lực lượng vũ trang xông vào chiếm đồn bót, trương biểu ngữ, trương cờ. Bị kẻ thù tập nã, niêm yết khắp nơi, kèm nhiều tiền thưởng cho ai bắt được bà, nhưng bà đã được cán bộ, nhân dân Mỹ Tho và Nam bộ yêu thương, che chở an toàn.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, địch ra tay đàn áp nhân dân, ruồng bố, bắt giam hàng ngàn người yêu nước. Chồng bà - ông Lê Văn Giác một lần nữa bị địch bắt và bị xử tử hình. Nén đau thương, bà trở lại quê nhà Long Hưng – cái nôi của cuộc khởi nghĩa để gầy dựng lại cơ sở cách mạng và tiếp tục xây dựng cơ sở quần chúng ở các tỉnh miền Tây Nam bộ.

Cuối năm 1944, bà cùng với nhiều cán bộ trong tỉnh Mỹ Tho và các tỉnh bạn xúc tiến việc khôi phục lại Tỉnh ủy Mỹ Tho và Xứ ủy Nam kỳ (tỉnh Mỹ Tho lúc bấy giờ có 2 Tỉnh ủy: Tỉnh ủy Tiền Phong và Tỉnh ủy Giải Phóng; Xứ ủy Nam kỳ cũng có 2 Xứ ủy: Xứ ủy Tiền Phong và Xứ ủy Giải Phóng).

Đầu tháng 8-1945, bà được cử đi dự Đại hội Quốc dân, họp ở Khu căn cứ  Tân Trào (Tuyên Quang). Do đường sá xa xôi nên khi tới Hà Nội thì Đại hội đã kết thúc và cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám giành được thắng lợi. Bà trở lại thủ đô gặp Trung ương Đảng và được Tổng Bí thư Trường Chinh giao trọng trách cùng với phái viên Trung ương tiến hành việc thống nhất Đảng bộ Nam bộ.

Cuối tháng 8-1945, bà về đến Mỹ Tho, thực hiện thành công việc thống nhất tổ chức Đảng bộ Nam bộ. Trong Cuộc bầu cử Quốc hội ngày 6-1-1946, bà trúng cử đại biểu Quốc hội, đơn vị tỉnh Mỹ Tho, được dự cuộc họp Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng 11-1946, bà trở về Nam bộ với nhiệm vụ do Chủ tịch Hồ Chí Minh giao phó là tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng và củng cố Đảng bộ Nam bộ vững mạnh. Với tấm lòng trong sáng, vô tư, vì sự nghiệp cao cả của Đảng, bà đã đề ra nhiều biện pháp hợp tình hợp lý trong việc chấn chỉnh tổ chức Đảng ở Nam Bộ, kết quả là Xứ ủy Nam Bộ và Tỉnh ủy các tỉnh được củng cố về nhiều mặt.

Từ năm 1947 đến năm 1952, bà là Hội trưởng Hội Phụ nữ cứu quốc Nam bộ, là một tổ chức quy tụ và phát huy sức mạnh của hàng triệu phụ nữ Nam bộ. Với nhiều phong trào cứu quốc, phụ nữ Nam bộ đã góp phần quan trọng vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta. Năm 1953 bà được Trung ương điều ra Việt Bắc. Sau khi Hiệp định Genève (ngày 20-7-1954) được ký kết, bà được cử vào miền Nam phổ biến việc thi hành Hiệp định đình chiến.

Sau khi tập kết ra miền Bắc (1954), bà được bầu là Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (1956-1974). Năm 1955, bà được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) cho đến khi nghỉ hưu (năm 1980). Bà còn được Đảng và Nhà nước Việt Nam giao nhiều chức vụ quan trọng như: Bí thư Đảng đoàn phụ nữ kiêm Trưởng ban phụ vận Trung ương Đảng.

Gần 60 năm tham gia hoạt động cách mạng, được Đảng và Nhà nước giao nhiều trọng trách quan trọng, bà luôn khắc phục và vượt mọi khó khăn, nguy hiểm, không sợ gian khổ, hy sinh để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó.

Trên cương vị là Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bà cùng với tập thể lãnh đạo đề ra những chủ trương chỉ đạo sáng tạo, phù hợp với tình hình của đất nước, tổ chức  nhiều hoạt động, nhiều phong trào thi đua sôi nổi của phụ nữ thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, đặc biệt là phong trào phụ nữ “Năm tốt” và phong trào “Ba đảm đang” có sức lôi cuốn toàn thể phụ nữ từ thành thị đến nông thôn hăng hái tham gia.

Trong thời gian giữ trọng trách là Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại biểu Quốc hội, bà đã đóng góp tiếng nói của Hội phụ nữ - đại điện cho giới nữ vào việc sửa đổi Hiến pháp (1959) và xây dựng một số văn bản luật trong thời kỳ này. Đồng thời, bà đã kiến nghị với Đảng và Nhà nước xây dựng Luật Hôn nhân và Gia đình.

Liên tục từ khóa I đến khóa VI (1946-1981), bà được bầu vào Quốc hội và giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ khóa III đến khóa VI (1964-1981). Năm 1985, bà được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Việt Nam và danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” vì có chồng và hai người con trai đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Bà mất năm 1996 tại TP Hồ Chí Minh, hưởng thọ 88 tuổi.

Trong Điếu văn do Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đọc tại lễ tang của bà, đã nhấn mạnh: “Gần 70 năm tham gia cách mạng, hơn 60 năm chiến đấu liên tục trong đội ngũ của Đảng, được Đảng và Nhà nước giao nhiều trọng trách, bà là một cán bộ có nhiều cống hiến xuất sắc đối với phong trào cách mạng, phong trào phụ nữ Việt Nam và phong trào phụ nữ thế giới. Bà là một cán bộ gương mẫu với nhiều phẩm chất cao quý: Trung thực, thẳng thắn, sống giản dị, tiết kiệm, thương yêu, gần gũi đồng chí, đồng bào”. Tên bà được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn Thị Thập có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: cầu Rạch Miễu; chiều dài: 2,2 km; chiều rộng: 22,0 m.

**53. Đường Nguyễn Quân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Quân).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN QUÂN**

**(1925 – 1972)**

Nguyễn Quân sinh năm 1925 tại xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ông là Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Bến Tre rồi Trưởng phòng Dân quân, Bộ Tham mưu Quân khu 8. Tháng 6-1968, Quân khu quyết định điều ông về thành phố Mỹ Tho, nhận nhiệm vụ Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Thành đội trưởng Thành đội Mỹ Tho. Dưới sự chỉ huy của ông, lực lượng Thành đội đã tổ chức nhiều trận đánh vào các căn cứ quân sự của địch, tiêu diệt sinh lực địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng ở các xã ven và các lõm du kích trong nội thành.

Tháng 02-1972, ông anh dũng hy sinh trong một trận chống địch hành quân càn quét tại ấp Phước Thuận, xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành Nam (nay là xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Quân có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: cầu Đạo Thạnh giáp sông Bảo Định; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 5,0 m.

**54. Đường Nguyễn Sáng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Sáng).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN SÁNG**

**(1923 – 1988)**

Nguyễn Sáng sinh năm 1923 tại làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là các Phường 1, 2, 3, 4, 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang trong một gia đình trí thức trung lưu.

Sau khi học hết bậc trung học ở Trường Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) và Trường Lycée de Pétrus Ký (nay là Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong, Thành Phố Hồ Chí Minh), ông thi đậu vào Trường Mỹ thuật Gia Định (1936 - 1938) rồi Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ở Hà Nội (1941 - 1945). Trong thời gian học ở đây, ông được đánh giá là một sinh viên đầy cá tính, có năng khiếu và năng lực sáng tạo nghệ thuật.

Tháng 8 - 1945, ông tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Đó cũng là lúc cuộc Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông tham gia lực lượng khởi nghĩa, tấn công Phủ Khâm sai (Hà Nội). Sau đó, ông vẽ tranh tuyên truyền, cổ động cho cách mạng; đồng thời, tham gia vẽ mẫu giấy bạc cho Bộ Tài chính của chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Cuối tháng 12 - 1946, cùng với nhiều văn nghệ sĩ khác, ông lên chiến khu Việt Bắc tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhận thức được giá trị của nghệ thuật trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc; nên ông đã dồn hết tâm huyết, trí tuệ và sức lực của mình cho hội họa nhằm phục vụ cuộc kháng chiến của dân tộc. Vì vậy, ông được đánh giá là một trong số những họa sĩ sớm giác ngộ cách mạng và đi đầu trong lĩnh vực văn hóa - tư tưởng. Ông là hội viên ngành hội họa thuộc Hội Mỹ thuật Việt Nam từ 1957; Ủy viên Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam khoá 1 (1957 - 1983); hoạ sĩ Tổ sáng tác Hội Mỹ thuật Việt Nam

Tranh của ông gồm nhiều thể loại; và hầu như ở thể loại nào, ông cũng đều thành công.

Về thể loại thiết kế [tem](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tem), ông chính là người có vinh dự thiết kế bộ tem [bưu chính](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C6%B0u_ch%C3%ADnh) đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, phát hành năm 1946, thể hiện chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh, người Công dân số 1, vị Chủ tịch đầu tiên của nước [Việt Nam Dân chủ Cộng hòa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a). Đây là lần đầu tiên con tem thuần chất của nước ta mang trên mình hai chữ “Việt Nam” cùng với hình ảnh vị lãnh tụ đã sáng lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vì thế, con tem này có ý nghĩa về nhiều mặt: chính trị, văn hóa, nghệ thuật, kinh tế, xã hội,... đánh dấu một mốc lớn đối với ngành Bưu điện Việt Nam nói riêng, đối với đất nước nói chung. Sau khi con tem được phát hành, ở các bưu cục trong cả nước, người mua tem thư “Cụ Hồ” rất nhiều. Đặc biệt, ở Hà Nội đã xuất hiện “Chợ tem” tại [Vườn hoa](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=V%C6%B0%E1%BB%9Dn_hoa_Ch%C3%AD_Linh&action=edit&redlink=1) Chí Linh, người chơi tem chen nhau mua tem “Cụ Hồ”.

Tiếp sau đó, vào năm 1949, trong thời kỳ kháng chiến cực kỳ gian khổ ở núi rừng [Việt Bắc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_B%E1%BA%AFc), nhằm đáp ứng yêu cầu kháng chiến, Nguyễn Sáng lại được giao thiết kế bộ tem thứ hai - “Kỷ niệm lần thứ 59 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh”, thể hiện chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh ở tư thế ngồi hơi nghiêng, vẻ mặt trầm tư, sâu lắng, đĩnh đạc và đầy kiên nghị, phản ánh được phong thái của Người trong những ngày kháng chiến ở thời kỳ quyết liệt. Tem in typo trên [giấy dó](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BA%A5y_d%C3%B3) gồm 2 mẫu với 2 màu: [nâu](https://vi.wikipedia.org/wiki/N%C3%A2u) vàng đất và [đỏ gạch](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BB%8F_g%E1%BA%A1ch&action=edit&redlink=1) mộc mạc, khiêm tốn, giản dị. Đây là bộ tem độc đáo của Việt Nam bởi được in trên giấy dó - một loại giấy được sản xuất thủ công chuyên dùng để in [tranh dân gian](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tranh_d%C3%A2n_gian&action=edit&redlink=1) ở miền Bắc Việt Nam và nó nhanh chóng trở thành bộ tem quý hiếm.

Đánh giá về những mẫu tem do ông thiết kế, họa sĩ Phan Kế An, Trưởng bộ môn Đồ họa - Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam, người chuyên vẽ Bác Hồ đã viết: *Nguyễn Sáng khi sáng tác hội họa là một tác giả có bút pháp phóng khoáng, có thể nói là tung hoành nữa, nhưng khi vẽ tem, vẽ giấy bạc lại là một nhà đồ họa vững vàng, tỉ mỉ, chính xác, biết tìm những biện pháp tối ưu, thích hợp với kỹ thuật thô sơ của thuở sơ khai... Con tem đầu tay của anh vẽ chân dung “Cụ Hồ” là con tem chững chạc, vẽ với tinh thần trách nhiệm cao, với tình cảm sâu đậm, hình ảnh Bác được mô tả đúng tinh thần, toàn thể con tem trang trọng.*

Về thể loại chiến tranh cách mạng, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ông có các tác phẩm Giặc đốt làng tôi, Kết nạp Đảng trong chiến hào Điện Biên Phủ, Bộ đội trú mưa, Bộ đội nghỉ trưa trên đồi; trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, ông có tác phẩm *Thành đồng Tổ quốc*. Các bức tranh đó, tuy kích thước không thật lớn, nhưng với những hình thể chắc nịch, gan góc, bố cục vừa chặt chẽ vừa thoáng đãng và với những đường nét dọc ngang mạnh mẽ, đã đọng lại mãi mãi trong người xem về hai cuộc kháng chiến hào hùng của dân tộc ta.Với thể loại này, ông là một họa sĩ xuất sắc của trường phái nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đặc biệt, bức tranh *Kết nạp Đảng trong chiến hào Điện Biên Phủ* là một tác phẩm tràn đầy cảm hứng chân thực, giàu chất sử thi, toát lên sức mạnh và sự hùng tráng của các nhân vật trong tranh. Bức tranh được đánh giá là một trong những tác phẩm sáng tác về Đảng và cách mạng thành công nhất. Được biết, năm 2004, bức tranh này khi mang ra nước ngoài triển lãm, Ban tổ chức đã mua bảo hiểm lên đến 1 triệu đô la.

Ông còn vẽ chân dung của một số bạn bè văn nghệ sĩ thân thiết, như Tô Hoài, Nguyễn Tuân, Nguyễn Tiến Chung, Bùi Xuân Phái, Dương Bích Liên…; trong đó phải kể đến hai bức *Tự họa* và *Không gian* đầy ấn tượng của ông. Có thể nói, ông là bậc thầy về mô tả, làm nổi bật cả tính cách lẫn đặc điểm của nhân vật.

Ngoài ra, ông còn vẽ tranh theo nhiều đề tài khác nhau, như phụ nữ và hoa (*Thiếu nữ bên hoa sen*), cảnh đẹp vừa cổ kính vừa lộng lẫy của chùa chiền (tác phẩm *Tháp Phổ Minh*), cảnh núi rừng thâm u mà hùng vĩ (tác phẩm *Pắc Bó*), cảnh nông thôn bình dị, hiền hòa (tác phẩm *Thiếu nữ trong vườn chuối*), cảnh ghi lại những trò chơi dân gian (các tác phẩm *Chọi trâu, Đấu vật*), cảnh sinh hoạt của động vật, như mèo, hổ, ngựa, gà,…

Về mặt nghệ thuật, ông đã làm cuộc cách tân đáng kể trong lĩnh vực sơn dầu và nhất là sơn mài. Về vấn đề này, có tác giả cho rằng: “*Cùng với họa sĩ Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Sáng đã góp phần đưa vị thế tranh sơn mài từ chất liệu mang nặng tính thủ công mỹ nghệ trở thành tác phẩm sơn mài mang tính nghệ thuật cao. Ông cố tránh những khâu kỹ thuật nan giải, hạn chế tối đa cách vẽ nhiều màu chồng lên nhau. Ông đã đẩy sơn mài trở về sự chân phác, thực chất nhất, thuần túy nhất của chất liệu và tạo hình*”. Đồng thời, ông cũng đã khai thác thành công hội họa hiện đại châu Âu nhưng vẫn không xa rời nghệ thuật dân gian cổ truyền Việt Nam. Nghệ thuật của ông là sự kết hợp hài hòa giữa tính hiện đại và tinh hoa cổ truyền của dân tộc.

Năm 1988, ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh. Với một cuộc đời lao động nghệ thuật bền bỉ, đầy nghị lực và sáng tạo; bằng những tác phẩm trứ danh, ông đã cắm một cột mốc quan trọng cho sự phát triển của nền mỹ thuật Việt Nam thời hiện đại.

**Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, ông vinh dự được trao tặng nhiều giải thưởng và huân, huy chương, như** Giải Nhất triển lãm Mỹ thuật toàn quốc 1954, Huân chương Độc lập hạng Ba; Huy chương Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam; Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam, Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật đợt 1 (1996) cho các tác phẩm: *Giặc đốt làng tôi* - Sơn dầu (1954); *Kết nạp Đảng trong chiến hào Điện Biên Phủ* - Sơn mài (1963); *Bộ đội trú mưa* - Sơn mài (1970), *Thiếu nữ bên hoa sen* - Sơn dầu (1972), *Thành đồng Tổ quốc* - Sơn mài (1978); trong đó bức tranh *Kết nạp Đảng trong chiến hào Điện Biên Phủ* được Thủ tướng Chính phủ công nhận Bảo vật quốc gia năm 2013. Tên tuổi của ông được ghi trong “*Bách khoa toàn thư từ điển Larousse*” ở Pháp. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đường Nguyễn Sáng có điểm đầu: giáp với đường Trần Hưng Đạo; điểm cuối giao với đường Hoàng Việt; chiều dài: 0,380 km; chiều rộng: 3,5 m.

**55. Đường Nguyễn Trãi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trãi).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TRÃI**

**(1380 – 1442)**

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, sinh năm 1380, quê ở làng Chi Ngại (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương) sau rời về làng Ngọc Ổi (nay thuộc xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội). Cha là Nguyễn Phi Khanh, một học trò nghèo, học giỏi, đỗ Thái học sinh. Mẹ là Trần Thị Thái, con quan tư đồ Trần Nguyên Đán, dòng dõi quí tộc.

Ông thi đỗ Thái học sinh năm 1400 và từng làm quan dưới triều Hồ. Sau khi đất nước bị rơi vào ách thống trị của nhà Minh (Trung Quốc), năm 1418, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo và trở thành mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn trong việc bày tính mưu kế cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với quân Minh.

Ông là bậc khai quốc công thần và là văn thần có uy tín ở thời đầu nhà Hậu Lê. Tuy nhiên, năm 1442, toàn thể gia đình của ông bị tru di tam tộc trong vụ án Lệ Chi Viên. Ngày 01 tháng 9 năm 1442, sau khi vua Lê Thái Tông đi duyệt binh ở Chí Linh, đã vào Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Khi vua rời Côn Sơn, về đến Trại Vải (Lệ Chi Viên, Bắc Ninh) bị chết đột ngột. Lúc chết có Nguyễn Thị Lộ, người thiếp của Nguyễn Trãi, lúc ấy phụ trách dạy dỗ các cung nữ (chức Lễ nghi học sĩ) hầu bên cạnh. Bọn triều thần bấy lâu nay muốn hãm hại Nguyễn Trãi, nhân cơ hội này liền vu cho ông cùng Nguyễn Thị Lộ mưu giết vua, khiến ông phải nhận án tru di tam tộc (bị giết cả ba họ). Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho ông.

Các tác phẩm của ông: *Đại cáo bình Ngô* xứng đáng là áng “Hùng văn muôn thuở”, được xem là bản Tuyên độc lần thứ hai của nước ta, bộ *Quốc âm thi tập* là tập thơ tiếng Việt (chữ Nôm) sớm nhất có giá trị lớn còn lại đến ngày nay. Ông đã góp phần xây đắp nền móng vững chắc cho nền văn học dân tộc. Năm 1980, ông được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Danh nhân văn hoá thế giới và tổ chức kỷ niệm 600 năm năm sinh của ông.

Đường Nguyễn Trãi có điểm đầu: giáp với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; điểm cuối: cầu Nguyễn Trãi; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 9,0 m.

**56. Đường Nguyễn Tri Phương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Tri Phương).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TRI PHƯƠNG**

**(1800 – 1873)**

Nguyễn Tri Phương tên thật là Nguyễn Văn Chương, sinh năm 1800 tại thôn Đường Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên (nay là xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế); tên Nguyễn Tri Phương là do vua Tự Đức đặt năm 1850, hàm ý nói về con người nghĩa dũng, nhiều mưu chước.

Xuất thân trong một gia đình nông dân, không được qua trường lớp, nhưng nhờ trí thông minh và ý chí tự học, tự lập cao, đã làm nên sự nghiệp lớn. Bắt đầu từ chức thư lại ở cấp huyện, do tài năng mà được tiến cử lên triều đình Minh Mạng, được thu dụng và lần lượt giữ nhiều chức vụ trọng yếu suốt ba triều Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Năm 1823, ông làm Điển bộ (bí thư ở nội điện), năm sau thăng Tu soạn, rồi Thừa chỉ ở Nội các, hai năm sau thăng Thị độc, Thị giảng học sĩ (1827), rồi Hồng lô tự khanh (1831). Năm 1832, sung phái bộ sang Trung Quốc thương lượng về quan hệ thương mại. Năm 1835, được cử vào Gia Định cùng Trương Minh Giảng tổ chức lại việc khẩn hoang. Năm 1840, được bổ Tuần phủ Nam – Ngãi trông coi việc bố phòng cửa biển Đà Nẵng, thăng Tham tri bộ Công. Năm 1844, vua Thiệu Trị cử ông làm Tổng đốc An - Hà (An Giang và Hà Tiên), rồi Tổng đốc Long - Tường (Vĩnh Long và Định Tường). Năm 1853, làm Kinh lược sứ Nam Kỳ.

Ngày 01/9/1858, tàu chiến Pháp - Tây Ban Nha dưới quyền chỉ huy của Rigault de Genouilly nổ súng, tấn công Đà Nẵng. Quân và dân ta đã anh dũng chiến đấu, ngăn bước tiến của giặc. Đô thống Lê Đình Lý trúng đạn, sau đó hy sinh. Vua Tự Đức điều ông đang làm Kinh lược sứ Nam Kỳ ra làm Tổng thống quân thứ Quảng Nam. Ông đã bố trí lại lực lượng phòng thủ và đề ra phương thức tác chiến phù hợp với tương quan lực lượng giữa ta và địch lúc bấy giờ. Ông chủ trương tránh những mũi tiến công chính diện của địch, mà bao vây, đánh chặn địch ở mé ngoài, liên tục phục kích tiêu hao địch, làm vườn không nhà trống, cô lập địch với dân.

Thực tế những diễn biến tình hình quân sự ở Đà Nẵng sau đó đã minh chứng tài thao lược và chiến thuật đánh địch của ông là hợp lý, đúng đắn. Đầu tháng 2/1859, Rigault de Genouilly buộc phải chuyển hướng tiến công vào Gia Định. Tháng 7/1860, ông lại được sung chức Gia Định quân thứ, Thống đốc quân vụ. Trong trận đánh ngày 25/10/1861, người em ruột của ông là Tán lý Nguyễn Duy tử trận, còn ông bị thương, đại đồn Chí Hòa thất thủ. Ông bị giáng chức xuống làm Tham tri, sau đó được Tự Đức cho khôi phục hàm Binh bộ Thượng thư Đổng nhung quân vụ Biên Hòa.

Năm 1862, ông được cử ra làm Tổng thống quân vụ Hải An. Năm 1871, được điều về kinh, giữ chức Lại bộ Thượng thư. Tháng 7/1872, vì ở Bắc Kỳ, giặc giã quấy nhiễu nhiều nơi, vị tướng tài ba này một lần nữa lại được cử làm Bắc Kỳ Khâm mạng Tuyên sát đổng sức đại thần thay vua để xử lý việc quân.

Ngày 19/11/1873, đại úy Pháp Francis Garnier theo lệnh của Soái phủ Nam Kỳ đánh úp thành Hà Nội và chỉ sau mấy giờ thì hạ được thành. Con trai ông, phò mã Nguyễn Lâm, trúng đạn chết tại trận, còn ông bị trọng thương. Giặc Pháp đưa ông xuống tàu để cứu chữa, nhưng ông khẳng khái từ chối. Chúng đem thuốc băng bó, ông giật đi, vứt bỏ, chúng đưa thức ăn vào miệng, ông đều phun ra, không chịu nuốt, mà nói rằng: “Bây giờ nếu ta chỉ gắng lây lất mà sống, sao bằng thong dong mà chết vì việc nghĩa”. Sau đó, ông tuyệt thực gần một tháng và mất ngày 1 tháng 11 năm Quý Dậu (20/12/1873). Tên ông được đặt tên nhiều công trình công cộng trên cả nước.

Đường Nguyễn Tri Phương có điểm đầu: giáp chợ Thạnh Trị nối với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giao với đường Ngô Quyền; chiều dài: 1,400 km; chiều rộng: 6,0 m.

**57. Đường Nguyễn Trung Trực**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trung Trực).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TRUNG TRỰC**

**(1838 – 1868)**

**Nguyễn Trung Trực tên thật là Nguyễn Văn Lịch, sinh năm 1838 tại thôn Bình Nhật, huyện Cửu An, phủ Tân An, tỉnh Gia Định (nay là xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An).**

**Lớn lên trong hoàn cảnh đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, ông tham gia và lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp.** Ngày 10/12/1861, ông chỉ huy nghĩa quân lập nên chiến công vang dội, đốt cháy tàu Espérance của giặc Pháp trên vàm sông Nhật Tảo, tiêu diệt nhiều tên địch. Sau chiến công này, ông được được triều đình phong chức Quản cơ, đây là bậc võ quan được xếp vào hàng chánh tứ phẩm.

Cuối tháng 6/1867, thực dân Pháp chiếm Vĩnh Long, tiếp đó là các tỉnh An Giang và Hà Tiên. Lúc này, ông chỉ huy nghĩa quân xây dựng căn cứ ở Hòn Chông (nay thuộc xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang), tiếp tục cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Rạng sáng ngày 16/6/1868, ông chỉ huy nghĩa quân tấn công đồn Kiên Giang, toàn bộ quân Pháp và lính giữ đồn bị tiêu diệt.

Trước những chiến công vang dội của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực, giặc Pháp và tay sai điên cuồng truy tìm ông, chúng treo giải thưởng cao cho ai bắt hoặc giết được ông. Độc ác hơn, chúng bắt giữ mẹ ông hòng gây áp lực, buộc ông đầu hàng; đồng thời chúng tăng cường lực lượng trấn áp nghĩa quân.

Không khuất phục kẻ thù xâm lược, ông chỉ huy nghĩa quân rút ra đảo Phú Quốc để bảo toàn lực lượng, xây dựng căn cứ, tiếp tục chống Pháp. Ngày 19/9/1868, giặc Pháp đưa hơn 100 lính Mã tà ra Phú Quốc, tấn công Hàm Ninh; sau đó chúng tăng cường thêm viện binh tấn công Dương Đông. Chúng bao vây, khủng bố, khống chế gắt gao nhân dân trên đảo hòng cô lập và triệt hạ nghĩa quân. Trước cảnh đồng bào bị đàn áp, khảo tra, vũ khí, lương thực của nghĩa quân cạn kiệt, thế giặc lại mạnh, ông đã quyết định hy sinh bản thân mình để bảo toàn tính mạng cho nghĩa quân và đồng bào.

Để làm phân tán lực lượng địch, ông đã tuyển chọn một số nghĩa quân trung kiên và dũng cảm cùng ông đánh trận cuối. Trong trận chiến đấu vô cùng ác liệt, ông cố tình kéo địch ra xa vùng căn cứ. Thật không may, ông bị trọng thương, ngất đi và sa vào tay giặc.

Sau đó, giặc Pháp đưa ông về Sài Gòn, giam tại Khám lớn. Chúng ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông theo chúng để được hưởng chức tước, lợi lộc, nhưng ông cương quyết từ chối. Trước mặt kẻ thù, ông hiên ngang nói: “Tôi chỉ muốn làm một chức thôi, chức gì có quyền chặt đầu tất cả bọn Tây” và “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây”.

Biết không thể khuất phục được vị lãnh tụ nghĩa quân, ngày 27/10/1868, thực dân Pháp đã xử chém ông tại chợ Rạch Giá (Kiên Giang). Nhà thơ Huỳnh Mẫn Đạt đã sáng tác bài thơ điếu bày tỏ lòng tự hào và tiếc thương vô hạn đối với ông:

**Điếu Nguyễn Trung Trực**

*Thắng phụ nhung trường bất túc luân*

*Đồi ba chỉ trụ ức ngư dân*

*Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa*

*Kiếm bạt Kiên Giang khấp quỷ thần*

*Nhất đán phi thường tiêu tiết nghĩa*

*Lưỡng toàn vô úy báo quân thân*

*Anh hùng cường cảnh phương danh thọ*

*Tu sát đê đầu vị tử nhân.*

Bản dịch của Thái Bạch:

*Thắng bại chi bàn việc tướng quân*

*Người chài trụ đá khúc gian truân*

*Lửa bừng Nhật Tảo rêm trời đất*

*Kiếm tuốt Kiên Giang rợn quỷ thần*

*Một sớm nhẹ mình nêu tiết nghĩa*

*Đôi đường trọn chữ báo quân thân*

*Anh hùng cứng cổ danh thơm mãi*

*Lũ sống khom lưng chết thẹn dần.*

Ông được nhân dân lập đền thờ ở nhiều nơi, nhất là ở tỉnh Kiên Giang. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Nguyễn Trung Trực có điểm đầu: giáp với đường Trần Nguyên Hãn; điểm cuối: giáp với xã Lương Hòa Lạc; chiều dài: 2,100 km; chiều rộng: 8,0m.

**58. Đường Nguyễn Tử Vân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Tử Vân).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN TỬ VÂN**

**(1870 – 1943)**

Nguyễn Tử Vân, tên thật là Nguyễn Kim Thinh, tức Bộ Dân, sinh năm 1870 tại làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Ông làm nghề bốc thuốc Nam và dạy chữ Nho cho học sinh trong vùng, nhưng có tinh thần yêu nước, đã từng tham gia hoạt động chống Pháp.

Tháng 7 - 1910, chính quyền thực dân đưa nhà yêu nước Phan Châu Trinh từ Côn Đảo về quản thúc ở Mỹ Tho. Cụ Phan được bố trí cư trú tại nhà của Chánh tổng Thạnh Phong là Đoàn Hữu Đức (có tài liệu viết là Đoàn Hữu Chung). Ông Đức là em vợ của ông. Vì mến mộ ý chí, đức độ và tài năng của vị lãnh tụ phong trào Duy Tân, bất chấp sự rình rập, theo dõi của bọn mật thám, ông đã đề nghị và được Đoàn Hữu Đức đồng ý cho rước cụ Phan về sinh sống tại nhà của mình ở gần cầu Vỹ, làng Mỹ Phong. Tại đây, cụ Phan thường cùng với bạn bè thân hữu ở Mỹ Tho xướng họa thi ca. Những bài thơ nổi tiếng, như *Khóc ông Tú Chiểu*, *Họa thơ Nguyễn Đình Chiểu*, *Khóc Trương Định*, *Họa thơ Tôn Thọ Tường*, *Tức cảnh Mỹ Tho* đều được cụ Phan sáng tác trong thời gian này. Những bài thơ đó có sức động viên rất lớn tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh bất khuất cho nhân dân ta.

Mặc dù luôn bị bọn mật thám theo dõi chặt chẽ, nhưng nhờ vào sự giúp đỡ và bảo mật của Nguyễn Tử Vân, nên Phan Châu Trinh đã có những cuộc tiếp xúc bí mật với những nhà yêu nước ở địa phương và những nơi khác. Tác giả Lê Thị Kinh (Phan Thị Minh), trong quyển *Phan Châu Trinh - Qua những tư liệu mới*, viết: “*Trong thời gian 9 tháng về an trí ở Mỹ Tho, với sự giúp đỡ hết sức tích cực của những người yêu nước tại chỗ, mà đại diện là gia đình ông Nguyễn Tử Vân, tức là ông Bộ Vân, chắc chắn các lực lượng yêu nước còn tồn tại ở khắp nơi đã tìm cách liên hệ với cụ Phan Châu Trinh*”.

Tại đây, ông đã hết lòng chăm sóc cụ Phan, giúp cho Cụ dần dần hồi phục sức khỏe sau những năm tháng bị hành hạ trong nhà tù thực dân. Đồng thời, ông còn bố trí cho cụ Phan gặp gỡ các nhà yêu nước, đặc biệt nhất là cuộc gặp giữa cụ Phan với Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh).

Theo quyển *Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc* do Nguyễn Đắc Hiền chủ biên, sau khi đến Long An, qua sự giới thiệu của nhân sĩ Đỗ Tường Ninh, cụ Nguyễn Sinh Sắc đến làng Tân Thuận Bình (huyện Chợ Gạo) gặp Hương trưởng Hoài (Trần Vĩnh Hoài), Hương hào Ngươn và Võ Văn Ký, vốn là những trí thức yêu nước ở địa phương, để luận bàn việc nước.

Sau mấy tháng ở nhà Hương trưởng Hoài, Nguyễn Sinh Sắc đi tìm gặp Phan Văn Viễn, cháu gọi Phan Đình Phùng, người lãnh đạo cuộc khởi Hương Khê (Hà Tĩnh), bằng bác ruột. Phan Văn Viễn bị thực dân Pháp đày vào Nam ở Châu Đốc, Trà Vinh rồi cầu Vỹ, làng Mỹ Phong. Tại cầu Vỹ, Phan Văn Viễn lấy biệt hiệu là Tòng Am, mở lớp dạy chữ Nho, thu hút rất đông học trò.

Do bị mật thám theo dõi nên Phan Văn Viễn giới thiệu cụ Nguyễn Sinh Sắc đến cư trú tại nhà Nguyễn Tử Vân. Tại đây, cụ Nguyễn Sinh Sắc được Nguyễn Tử Vân tiếp đãi rất trọng thị và thân tình. Biết sự hiện diện của Nguyễn Sinh Sắc tại nhà của Nguyễn Tử Vân, viên Chủ tỉnh Mỹ Tho lại cử Đoàn Hữu Đức đến theo dõi, như đã từng theo dõi Phan Châu Trinh. Lấy danh nghĩa là em vợ, Đoàn Hữu Đức đã nhiều lần đến nhà anh rễ để dò xét hành trạng của cụ Nguyễn Sinh Sắc. Ngoài ra, viên Thống đốc Nam kỳ còn điều một mật thám từ Sài Gòn xuống Mỹ Tho để theo dõi cụ Nguyễn Sinh Sắc. Nhưng người mật thám này đã từng chịu ơn Nguyễn Tử Vân nên mọi việc đều diễn ra bình thường.

Nguyễn Tử Vân có người anh em bạn rễ là Trần Năng Liễu, còn gọi là Bái Liễu, quê ở làng Vĩnh Kim (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Qua Nguyễn Tử Vân, Trần Năng Liễu có dịp gặp gỡ, bàn luận thơ văn và công cuộc cứu nước với cụ Nguyễn Sinh Sắc. Sau đó, Nguyễn Tử Vân và Trần Năng Liễu đã mời Nguyễn Sinh Sắc về thăm Vĩnh Kim, một làng quê miệt vườn trù phú, có truyền thống cách mạng, nổi tiếng hiếu học, giỏi thơ văn và âm nhạc. Tại Vĩnh Kim, Nguyễn Sinh Sắc được đón tiếp rất nồng nhiệt, thể hiện tấm lòng quý trọng của giới trí thức đất phương Nam đối với vị đại khoa đất Bắc vì yêu nước, thương dân, chống Pháp mà phải ly hương, xa gia đình.

Năm 1943, Nguyễn Tử Vân từ trần tại quê nhà. Ông là nhân sĩ yêu nước, được nhân dân trọng thị và yêu mến. Tên ông được đặt tên đường tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Tử Vân có điểm đầu: giáp với đường Ấp Bắc; điểm cuối: giáp với Trường Mẫu giáo Sen Hồng; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 10 m.

**59. Đường Nguyễn Văn Nguyễn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Nguyễn).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN VĂN NGUYỄN**

**(1910 – 1953)**

Nguyễn Văn Nguyễn có bút danh là Ngũ Yến, sinh năm 1910 trong một gia đình trí thức ở làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là các Phường 1, 2, 3, 4, 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Sau khi đỗ bằng Thành chung tại Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Mỹ Tho), ông được cấp học bổng học Trường Sư phạm Sài Gòn.

Vốn là một thanh niên trí thức yêu nước, ông tích cực tham gia phong trào đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp phải trả tự do cụ Phan Bội Châu (1925) và dự lễ truy điệu cụ Phan Châu Trinh (1926). Vì thế, ông bị chính quyền thực dân buộc thôi học.

Sau đó, ông làm việc tại Công ty Hỏa xa Đông Dương, để vừa kiếm sống, vừa bí mật tìm bắt liên lạc với các nhà hoạt động cách mạng. Nhờ sự dìu dắt của một số hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin; và đến năm 1928, ông được kết nạp vào tổ chức cách mạng này. Năm 1930, ông trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam và hoạt động ở Sài Gòn.

Tháng 7 - 1930, ông bị địch bắt; nhưng không có đủ chứng cớ, nên buộc phải thả sau khi kết án ông ba tháng tù treo. Tháng 6 - 1931, ông bị bắt ở Trà Vinh. Lần này, địch vừa ra sức mua chuộc, vừa tra tấn dã man, hòng khuất phục ông. Mặc dù vậy, ông vẫn giữ vững khí tiết, kiên quyết không đầu hàng địch. Bất lực trước ý chí gang thép của một chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi, tháng 4 - 1932, địch đày ông ra Côn Đảo. Tại hòn đảo địa ngục này, ông bị giam ở banh (bagne) 1 hơn một năm; rồi ra làm lao động khổ sai ở làng An Hải.

Tuy bị địch luôn khủng bố và đàn áp; nhưng ông vẫn tích cực tham gia các hoạt động đấu tranh trong nhà tù do Chi bộ Đảng lãnh đạo, như chống khuynh hướng cách mạng quốc gia tư sản của Việt Nam Quốc dân đảng và lôi kéo, cảm hóa những đảng viên chân chính của tổ chức này đi theo con đường cách mạng vô sản; đòi cải thiện chế độ lao tù; viết báo, dạy chữ, soạn kịch và cải lương, sinh hoạt văn nghệ,… nhằm góp phần tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản cho quần chúng công nông ở trong tù.

Tháng 8 - 1934, ông mãn hạn tù, trở về Sài Gòn tiếp tục hoạt động. Lúc bấy giờ, ông viết nhiều bài báo có giá trị đăng trên các báo La Lutte (Tranh Đấu), Dân Quyền, Mai, Việt Nam ở Sài Gòn, Đông Phương ở Mỹ Tho, trong đó, nổi bật nhất là loạt bài phóng sự về Côn đảo đăng nhiều kì trên tờ La Lutte.

Đầu năm 1935, theo chỉ thị của Đảng, ông ứng cử vào Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ; nhưng không được chính quyền Pháp chấp nhận. Ngày 1 - 5 - 1935, đề phòng ông cổ súy quần chúng đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động, chính quyền thực dân Pháp bắt giam ông mấy ngày rồi mới thả ra. Đầu năm 1936, ông hăng hái tham gia phong trào Đông Dương đại hội do Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) phát động. Với danh nghĩa là một nhà báo, ông ra sức tuyên truyền, giáo dục quần chúng lao động và vận động, tranh thủ giới trí thức.

Đồng thời, ông còn diễn thuyết và viết bài tranh luận với những phần tử Trôxkít nhằm vạch trần bộ mặt khiêu khích, chống phá cách mạng của nhóm này. Tháng 5 - 1937, ông đảm nhiệm trọng trách là Thư ký tòa soạn của báo tiếng Pháp L’avant Garde. Đây là cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Đông Dương do chính Tổng Bí thư Đảng Hà Huy Tập trực tiếp chỉ đạo.

Ngay sau đó, chính quyền Pháp tìm mọi cách tấn công vào tờ báo của Đảng; mà việc đầu tiên là nhắm vào ông. Ngày 19 - 7 - 1937, vu cho ông là người lãnh đạo cuộc biểu tình ở quận Càng Long (tỉnh Trà Vinh), địch bắt và xử ông hai năm tù giam và năm năm biệt xứ.

Việc nhà cầm quyền Pháp vô cớ xử tù ông đã gây nên một làn sóng phản đối mạnh mẽ ở trong và ngoài nước. Tuy vậy, mãi đến đầu năm 1939, ông mới được trả tự do. Nhưng chỉ khoảng hơn nửa tháng sau, địch lại bắt ông và đày ra Côn Đảo lần thứ hai. Cuối năm 1944, địch chuyển ông về giam ở Tà Lài, tỉnh Biên Hòa (nay là xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai), vốn là chốn “rừng thiêng nước độc”. Ở trong nhà tù đế quốc, ông vẫn tiếp tục đấu tranh, xứng đáng là một chiến sĩ cộng sản trung kiên.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp ở Đông Dương (9 - 3 - 1945), ông vượt ngục; và đến tháng 8 - 1945, tham gia lãnh đạo cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn. Tháng 9 - 1945, ông được cử làm Xứ ủy viên Nam bộ, Chủ tịch Mặt trận Việt Minh Nam bộ. Ngày 6 - 1 - 1946, ông trúng cử đại biểu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đơn vị tỉnh Mỹ Tho. Sau đó, ông ra Hà Nội, dự 2 kỳ họp Quốc hội. Tại Kỳ họp thứ nhất diễn ra vào tháng 3-1946, ông cùng với các đại biểu bỏ phiếu công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, bầu ra Ban Thường trực Quốc hội và Ban Dự thảo Hiến pháp. Tại Kỳ họp thứ hai diễn ra vào tháng 11-1946, ông và các đại biểu đã thảo luận, biểu quyết thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và 01 Dự án Luật.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), ông trở về Nam bộ lúc này đang chiến đấu oanh liệt chống lại sự xâm lược của quân đội Pháp. Bấy giờ, ông được Xứ ủy Nam bộ giao nhiều nhiệm vụ quan trọng, như Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ, Ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy, Giám đốc Sở Thông tin Nam bộ, Chủ bút báo “Cứu Quốc Nam bộ”, Giám đốc Đài phát thanh Tiếng nói Nam bộ, Chủ tịch Phân Hội Hữu nghị Việt - Xô (Việt Nam - Liên Xô) Nam bộ. Riêng đối với Đài phát thanh Tiếng nói Nam bộ, ông thường xuyên viết bài Tiếng Pháp để phục vụ cho buổi phát thanh Tiếng Pháp của Đài.

Với trách nhiệm của người lãnh đạo, người quản lý một bộ phận quan trọng trên lĩnh vực chính trị, văn hóa và tư tưởng, ông đã mang hết trí tuệ, tài năng và sức lực ra cống hiến; và có nhiều đóng góp quan trọng cho Nam bộ trong một chặng đường lịch sử hào hùng. Có thể nói rằng, ông là nhà chính trị, nhà lý luận, nhà báo, nhà văn đầy tài năng.

Đầu năm 1953, theo sự điều động của Trung ương, ông lên đường ra chiến khu Việt Bắc để nhận trọng trách mới. Nhưng, mới đến Bình Định, ông bị bệnh sốt thương hàn và từ trần vào tháng 3 - 1953. Hai mươi ngày sau khi ông qua đời, báo “Nhân dân miền Nam” số ra ngày [20-4](http://vi.wikipedia.org/wiki/20_th%C3%A1ng_4)-1953, đã dành một trang báo đưa tin và tiểu sử, tỏ lòng thương tiếc một tài năng lớn đã mất, trong đó có nhận định: “Đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn là một chiến sĩ cốt cán, một nhà viết báo có tài, nhà văn nghệ nhân dân”.

Ông mất đi, nhưng đã để lại cho đời hàng trăm bài viết có giá trị tư tưởng và văn chương sâu sắc. Có tác giả cho rằng: “Ông có lẽ là người cộng sản Việt Nam viết nhiều nhất kể từ năm 1953 trở về trước, sau người Thầy vĩ đại là Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Các tác phẩm chủ yếu của ông là Án mạng đường Barbier (1939), Lá rụng về cội (1940), Cán bộ cách mạng (1946); năm 1987, những bài báo có giá trị của ông được tập hợp lại và in thành sách có tên là “Tháng tám trời mạnh thu”, được tái bản năm 2001.

Do có nhiều đóng góp cho công cuộc giải phóng dân tộc và nền văn học, báo chí của nước nhà, năm 1957, ông được Chủ tịch [Hồ Chí Minh](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) đã ký quyết định truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Tên ông được đặt tên đường ở [thành phố Mỹ Tho](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_M%E1%BB%B9_Tho), [tỉnh Tiền Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%89nh_Ti%E1%BB%81n_Giang) và ở [Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%ADn_1,_Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh); tên trường trung học phổ thông ở huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Đường Nguyễn Văn Nguyễn có điểm đầu: giáp với đường Đinh Bộ Lĩnh; điểm cuối: giao với đường Học Lạc; chiều dài: 0,360 km; chiều rộng: 14,0 m.

**60. Đường Nguyễn Văn Giác**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Văn Giác).

Tiểu sử danh nhân:

**NGUYỄN VĂN GIÁC**

**(1902 – 1941)**

Ông tên thật là Lê Văn Giác, sinh năm 1902 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Ông sinh trưởng trong một gia đình nông dân có truyền thống đấu tranh chống áp bức, bất công.

Năm 1930, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin; và trở thành một cán bộ cách mạng hoạt động năng nổ ở địa phương. Năm 1940, ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Mỹ Tho, tham gia lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Nam kỳ trên địa bàn tỉnh Mỹ Tho vào tháng 11 – 1940. Mặc dù cuộc khởi nghĩa bị thất bại; nhưng ông vẫn kiên cường bám trụ Long Hưng, nơi được xem là “*cái nôi*” của cuộc khởi nghĩa và lúc bấy giờ đang bị địch khủng bố rất ác liệt.

Ngày 4-01-1941, quân Pháp tổ chức một trận càn quét với quy mô lớn vào Long Hưng. Dưới sự chỉ huy của ông, đội du kích ở đây đã kiên cường đánh trả. Nhưng do tương quan lực lượng có sự chênh lệch quá lớn, nên lực lượng cách mạng phải rút vào Gò Me cố thủ. Đến tờ mờ sáng ngày hôm sau, sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng, ông đã cùng với 3 đồng chí của mình quyết định tuẫn tiết để không sa vào tay giặc, bảo vệ cơ sở Đảng và cách mạng.

Tuy nhiên, giữa lúc ông còn đang hấp hối thì lính địch xông vào bắt được và chuyển về Mỹ Tho giam giữ nhằm điều tra và khai thác tin tức. Vừa bị thương tích nặng, vừa bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn giữ vững tấm lòng trung trinh đối với đất nước và dân tộc. Sau đó, ông bị chính quyền thực dân tuyên án tử hình tại Tòa án Binh Sài Gòn. Trong lúc chờ đợi thi hành án, ông bị địch đày ra Côn Đảo. Ngày xuống tàu rời khỏi đất liền, ông vẫn lạc quan làm thơ, tỏ rõ ý chí kiên trung, bất khuất của người chiến sĩ cộng sản và tuyệt đối tin tưởng Đảng sẽ lãnh đạo cách mạng giành được thắng lợi rực rỡ:

*Nhắn nhủ cùng ai hỡi ai ơi,*

*Rèn lòng sắt đá hãy dồi mài.*

*Gặp cơn sóng gió đừng nao núng,*

*Phải trận phong ba chớ chuyển lay.*

*Còn Đảng, còn ta, còn cách mạng,*

*Hết phường bóc lột, hết độc tài.*

*Đại đồng thế giới rày trông thấy,*

*Chủ nghĩa hòa bình ắt chẳng sai.*

Giữa năm 1941, ông hy sinh tại Côn Đảo. Được biết, ông là phu quân của nhà cách mạng nổi tiếng Nguyễn Thị Thập. Tên ông được ghi vinh danh trên Bia tưởng niệm Khởi nghĩa Nam Kỳ đặt tại Gò Me, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đường Nguyễn Văn Giác có điểm đầu: giáp với cầu Nguyễn Trãi; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Trung Trực; chiều dài: 0,700 km; chiều rộng: 8,0 m.

**61. Đường Phạm Hùng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phạm Hùng).

Tiểu sử danh nhân:

**PHẠM HÙNG**

**(1912 – 1988)**

Phạm Hùng, tên thật là Phạm Văn Thiện, bí danh Bảy Cường, sinh năm 1912 tại làng Long Hồ, quận Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long).

Năm 1927, ông thi đậu và học tại Collège de Mytho (nay là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Phải nói rằng vào học được trường này phải là học sinh giỏi, bởi vì việc thi tuyển có yêu cầu rất cao.

Vốn học giỏi, có lòng yêu nước và tinh thần chống áp bức, bất công, lại chịu sự tác động tích cực bởi dư âm của các cuộc đấu tranh trong những năm 1925 - 1926 của học sinh Collège de Mytho và đặc biệt là chịu sự ảnh hưởng sâu sắc bởi sách báo của Nguyễn Ái Quốc, như quyển “Bản án chế độ thực dân Pháp”, báo “Người Cùng khổ”, báo “Việt Nam Hồn” từ Pháp bí mật chuyển về Việt Nam nên ông bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng trong tổ chức “Nam Kỳ học sinh Liên hiệp Hội” rồi “Hội Việt Nam cách mạng thanh niên” và sau đó là “Thanh niên Cộng sản Đoàn”, để cuối cùng vào năm 1930 trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 4-1930, chấp hành chỉ đạo của Tỉnh ủy Mỹ Tho, ông thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Trường Collège de Mytho. Chi bộ này do đồng chí làm Bí thư. Đây là trường trung học đầu tiên ở nước ta có Chi bộ Đảng Cộng sản và cũng là một trong những chi bộ đầu tiên của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Mỹ Tho. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của chi bộ do ông làm Bí thư, phong trào đấu tranh yêu nước của học sinh trường Collège de Mytho dâng lên rất mạnh mẽ; tiêu biểu là cuộc “làm reo” (grève: bãi công) ngày 06-10-1930 của toàn thể học sinh trong đợt phối hợp với các cuộc đấu tranh sôi nổi của nhân dân tỉnh Mỹ Tho và nhân dân cả nước trong Cao trào cách mạng 1930-1931. Sau sự kiện gây chấn động đó, ông bị chính quyền thực dân Pháp buộc thôi học bởi Quyết định số 2782 ngày 20-10-1930 do Thống đốc Nam kỳ ký. Việc này chứng tỏ, tầm vóc và ảnh hưởng của cuộc đấu tranh đối với thanh niên - học sinh rất to lớn; đồng thời, kẻ địch cũng bắt đầu nể sợ nhà cách mạng trẻ tuổi Phạm Hùng. Rõ ràng, đây là một sự kiện có tác động to lớn đến phong trào đấu tranh của học sinh và nhân dân ta, cho nên việc đuổi học một học sinh trung học phải chính do viên Thống đốc của Nam kỳ ký tên. Sau khi rời khỏi Trường Collège de Mytho, ông vẫn ở lại Mỹ Tho và dấn thân vào con đường hoạt động cách mạng chuyên nghiệp.

Cuộc khủng bố đầu tiên của bọn thực dân không làm ông nao núng, khiếp sợ. Mà ngược lại, ông càng hăng hái hoạt động. Trong không khí hừng hực của những ngày cả tỉnh Mỹ Tho vùng lên chống kẻ thù, ông về vùng nông thôn lãnh đạo bà con nông dân và quần chúng lao khổ, bị áp bức, bóc lột đứng lên đấu tranh quyết liệt, đòi quyền lợi cho chính giai cấp mình và nền độc lập, tự do cho đất nước.

Tháng 4-1931, khi mới 19 tuổi, ông được Xứ ủy Nam kỳ phân công làm Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Với tinh thần cách mạng tiến công, ông cùng với các thành viên khác trong Tỉnh ủy lãnh đạo nhân dân toàn tỉnh Mỹ Tho tiếp tục quật khởi nổi lên đấu tranh. Bằng tất cả sự năng nỗ, nhiệt tình và phong cách đi sâu, đi sát phong trào quần chúng ở cơ sở, ông trực tiếp tổ chức và chỉ đạo nhiều cuộc biểu tình có quy mô lớn. Tiêu biểu là các cuộc biểu tình sau đây:

Ngày 16-01-1931, ông chỉ huy một đoàn biểu tình 200 người, từ gò Ông Cuốc (nay thuộc xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) kéo ra đồn Chợ Bưng đấu tranh. Nhà cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho cho tên đội Dương mang lính đến đàn áp. Để bảo vệ đoàn biểu tình và quần chúng, ông dùng súng bắn trả vào toán lính địch, khiến bọn chúng hoảng sợ tháo chạy tán loạn. Quần chúng thừa thắng kéo đến Nhà việc xã Thân Cửu Nghĩa đốt hết sổ sách, giấy tờ và rải truyền đơn kêu gọi đấu tranh.

Ngày 01-5-1931, nhân ngày Quốc tế Lao động, ông chỉ huy 3.000 người ở các xã Vĩnh Kim, Nhị Bình, Dưỡng Điềm, Bình Trưng, Song Thuận, Đông Hòa, Tam Hiệp, Thạnh Phú, Phước Thạnh, Long Hưng, Long Định (đều thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trương cờ đỏ búa liềm và biểu ngữ tiến về xã Long Định họp mít tinh, đòi chính quyền thực dân giảm tô thuế, giảm giờ làm, thực hiện Luật Lao động, chống khủng bố, đàn áp. Với khí thế sục sôi, quần chúng trừng trị tên tay sai khét tiếng tàn ác và thâm độc là Đặng Văn Châu (Hương quản Trâu) để tạo điều kiện thúc đẩy phong trào đấu tranh tiến lên ngày càng mạnh mẽ và cảnh cáo những tên tay sai khác.

Ngày 01-8-1931, kỷ niệm ngày Quốc tế chống chiến tranh đế quốc và nối tiếp phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước, ông chỉ huy cuộc biểu tình tuần hành của hàng ngàn quần chúng từ Nhơn Huề (Chợ Bưng, Tam Hiệp, Châu Thành) tiến ra lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1). Trước sức mạnh của quần chúng, bọn lính dùng súng bắn thẳng vào đoàn biểu tình tay không để khủng bố, đàn áp. Một số người ngã xuống vì đạn của quân thù. Tình hình diễn ra rất căng thẳng. Để đoàn biểu tình có điều kiện tiến lên, đồng chí dùng súng bắn trả. Bên cạnh đó, hàng ngàn người cũng la hét vang trời hòa với tiếng trống, mõ nổi lên dồn dập. Bọn địch hoảng sợ, phải rút lui. Thừa thế, quần chúng xốc tới vô cùng mãnh liệt.

Sau cuộc biểu tình này, ông bị bọn mật thám ở Mỹ Tho bắt tại Chợ Bưng (Tam Hiệp). Cuối năm 1931, ông bị thực dân Pháp bắt và kết án tử hình, nhưng do phong trào đấu tranh trong nước và ở Pháp nên buộc Pháp phải hạ xuống án chung thân khổ sai và đày đi Côn Đảo. Sau Cách mạng tháng Tám (1945), ông được Đảng rước về đất liền và tiếp tục hoạt động cách mạng, được bầu vào Xứ ủy Nam Bộ. Năm 1946, ông làm Bí thư Xứ ủy lâm thời Nam Bộ. Năm 1951, ông được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1952, ông đảm nhiệm chức vụ Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam kiêm Bí thư Phân Liên khu uỷ miền Đông Nam Bộ.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được cử làm Trưởng đoàn Quân đội Nhân dân Việt Nam (QĐNDVN) trong Ban Liên hiệp đình chiến Nam Bộ. Năm 1955, ông là Trưởng phái đoàn Liên lạc QĐNDVN bên cạnh Ủy ban Quốc tế giám sát và kiểm soát việc thi hành Hiệp định Genève tại Sài Gòn. Từ năm 1956, ông được bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Thống nhất Trung ương. Năm 1957, ông là Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng. Năm 1958, ông là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng. Tháng 4-1958, ông là là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Năm 1967, ông trở về miền Nam công tác, giữa chức vụ Bí thư Trung ương Cục miền Nam và Chính ủy các Lực lượng vũ trang Giải phóng miền Nam Việt nam. Năm 1975, ông là Chính ủy Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh. Năm 1976, ông là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Phó Thủ tướng). Năm 1980, ông kiêm thêm chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Năm 1986, ông được bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị. Tháng 6-1987, ông được Quốc hội bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (Thủ tướng chính phủ). Ông là Đại biểu Quốc hội các khóa II, III, VI, VII, VIII. Năm 1988, do lâm trọng bệnh, ông mất tại TP Hồ Chí Minh. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều địa phương trên cả nước. Ở tỉnh Vĩnh Long có đền thờ ông.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được khen thưởng Huân chương Sao vàng và nhiều huân chương khác. Nhà nước Liên Xô tặng Huân chương Cách mạng Tháng Mười, Huân chương Vì sự nghiệp củng cố liên minh chiến đấu; Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Tiệp Khắc tặng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất và Huy chương tình anh em chiến đấu; Nhà nước Cộng hòa nhân dân Bungari tặng Huân chương G. Đimitơrốp.

Đường Phạm Hùng có điểm đầu: giáp với Quốc lộ 1; điểm cuối: giao với Đường tỉnh 864; chiều dài: 5,700 km; chiều rộng: 12,0 m.

**62. Đường Phạm Thanh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phạm Thanh).

Tiểu sử danh nhân:

**PHẠM THANH**

**(1923 – 2006)**

Phạm Thanh, tên khai sinh Phạm Thanh Thế, bí danh Ba Thanh, sinh năm 1923 tại làng Điềm Hy, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Điềm Hy, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Tháng 8-1945, ông tham gia cách mạng, là dân quân tự vệ ấp Thới, xã Điềm Hy. Năm 1946, ông là thư ký và Ủy viên Ban Kinh tế - Tài chính xã. Năm 1947, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Từ 1948 trở đi, ông lần lượt giữ nhiều chức vụ trong tổ chức Đảng, chính quyền, từ cấp xã đến cấp huyện và tỉnh.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông được phân công ở lại miền Nam tiếp tục hoạt động cách mạng. Từ năm 1962, ông giữ các chức vụ: Tỉnh ủy viên, Chính trị viên Phó Tỉnh đội Mỹ Tho; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho, phụ trách Tuyên huấn - Tổ chức; Tỉnh ủy viên kiêm Bí thư huyện ủy Châu Thành; Phó Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh Mỹ Tho.

Tháng 1-1972, ông là Phó Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho; sau đó là Khu ủy viên Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ). Năm 1974, ông giữ chức vụ Bí thư Thành ủy Mỹ Tho trực thuộc Khu 8 (Khu Trung Nam Bộ) kiêm phụ trách phong trào đô thị Khu 8. Với cương vị này, ông cùng với Ban Thường vụ Thành ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng vũ trang thành phố đánh địch lấn chiếm, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng, đẩy mạnh xây dựng ba thứ quân (bộ chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích), lực lượng đấu tranh chính trị và binh vận. Nhờ đó, phong trào cách mạng thành phố Mỹ Tho giành được nhiều thắng lợi: tiêu diệt, bức hàng, bức rút hàng loạt đồn bót địch ở các xã ven; diệt và làm tan rã hàng ngàn tên, giải phóng hầu hết vùng ngoại ô, tiến lên giải phóng hoàn toàn thành phố vào ngày 30-4-1975.

Tháng 5-1975, ông là Khu ủy viên Khu 8, Bí thư Thành ủy Mỹ Tho, Phó Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Mỹ Tho. Năm 1976, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tiền Giang, Bí thư Thành ủy Mỹ Tho. Là người đứng đầu Thành ủy, ông cùng với Ban Thường vụ Thành ủy tập trung lãnh chỉ đạo công tác hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục sản xuất; nỗ lực xây dựng thành phố có cơ cấu kinh tế công - nông - ngư nghiệp hợp lý, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới trong tất cả các ngành kinh tế; phát triển văn hóa, xã hội; giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Từ đó, kinh tế thành phố có sự phát triển đáng kể trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp; lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; an ninh chính trị được đảm bảo; hệ thống quyền được củng cố; tổ chức cơ sở Đảng được phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng.

Năm 1983, ông được nghỉ hưu. Năm 2006, do tuổi cao, sức yếu, ông từ trần. Tên ông được tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, ông được tặng thưởng Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất và nhiều huân huy chương khác.

Đường Phạm Thanh có điểm đầu: giáp với đường Lý Thường Kiệt; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Thị Thập; chiều dài: 1,400 km; chiều rộng: 7,0 m.

**63. Đường Phan Bội Châu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Bội Châu).

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN BỘI CHÂU**

**(1867 – 1940)**

Phan Bội Châu tên thật là Phan Văn San, tự là Hài Thu, bút hiệu là Sào Nam, Thị Hán, Độc Kinh Tử, Việt Điểu, Hàn Mãn Tử,... sinh năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng học giỏi. Năm 19 tuổi (1885) ông cùng bạn là Trần Văn Lương lập đội nghĩa quân Cần Vương chống Pháp nhưng việc không thành. Năm 1900, ông dự khoa thi Hương ở trường thi Nghệ An và đỗ cử nhân thủ khoa.

Trong vòng 5 năm sau khi đỗ, ông bôn ba khắp nước Việt Nam liên kết với các nhà yêu nước, như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành), Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiện, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại để cùng họ chống Pháp. Ông chọn một hoàng thân nhà Nguyễn là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm lãnh tụ phong trào Cần Vương.

Năm 1904, ông cùng 20 nhà yêu nước họp tại Quảng Nam để thành lập Hội Duy Tân. Năm 1905, ông cùng Tăng Bạt Hổ sang Trung Quốc rồi sang Nhật Bản để gặp gỡ các nhà cách mạng Nhật và Trung Quốc và cầu viện trợ tài chính cho phong trào do ông thành lập. Tại Trung Quốc ông gặp Lương Khải Siêu và được khuyên nên dùng thơ văn để thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Từ đó, ông viết nhiều tác phẩm có tác động lớn với sĩ phu trong nước (Việt Nam quốc sử khảo, Ngục trung thư, Lưu Cầu huyết lệ tân thư, Việt Nam vong quốc sử, Việt Nam quốc sử bình diễn ca,…). Cùng thời điểm này chiến thắng của Nhật Bản trong Chiến tranh Nga - Nhật đã tạo nên nhiều lạc quan cho các phong trào chống thực dân ở châu Á. Do đó, các tác phẩm của ông đã tạo nên một làn sóng mới thúc đẩy nhiều thanh niên yêu nước tham gia phong trào Đông Du, xuất ngoại học tập để tìm đường chống Pháp.Ngày 30 tháng 6 năm 1925, ông lại bị Pháp bắt tại Hàng Châu, ông bị dẫn giải về Hà Nội và xử án chung thân khổ sai. Về sau, bản án được đổi lại thành án quản thúc tại gia. Theo Việt Nam Pháp Thuộc Sử, ông được giảm án vì phản ứng mạnh mẽ của toàn dân đối với nhà cầm quyền Pháp.

Từ năm 1926, ông bị đưa về sống ở Bến Ngự, Huế, cho đến khi mất tại Huế vào năm 1940.

Đường Phan Bội Châu có điểm đầu: giáp với đường Học Lạc; điểm cuối: giao với đường Hoàng Hoa Thám; chiều dài: 0,290 km; chiều rộng: 6,0 m.

**64. Đường Phan Lương Trực**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Lương Trực).

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN LƯƠNG TRỰC**

**(1929 – 2012)**

Phan Lương Trực là bí danh hoạt động cách mạng của ông Đỗ Hữu Công, sinh năm 1929 tại làng Bình Đức, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), trong một gia đình tư sản dân tộc có truyền thống cách mạng. Người cha và 8 anh chị em của ông đều tham gia kháng chiến và tất cả đều là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Năm 1941, sau học hết lớp nhì trường làng, ông lên Sài Gòn học nghề sửa chữa xe ô tô và trở thành thợ giỏi. Cuối năm 1944, ông trở về quê nhà tham gia hoạt động trong tổ chức thanh niên. Thấy ông chỉ mới chỉ 15 tuổi, nên cho ông lên Cái Bè tiếp tục đi học.

Ở Cái Bè, ông được thầy giáo Phan Lương Trực trực tiếp dạy dỗ. Từ cuối năm 1944 đến cuối năm 1945, ông được theo thầy hoạt động cách mạng, đi diễn thuyết khắp nơi trong tỉnh. Từ đó, ông tiếp thu những kiến thức cơ bản về chính trị, quân sự và chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tấm gương yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất, kiên cường của người thầy giáo thân yêu của mình.

Tháng 5-1946, ông vào bộ đội, khởi đầu binh nghiệp ở tuổi 17 với chiến công đầu tiên là trận diệt đồn Kinh Xáng. Tháng 8-1946, thầy giáo Phan Lương Trực anh dũng hy sinh tại xã Tường Đa, quận An Hóa, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tường Đa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre). Tháng 8-1947, kỷ niệm 1 năm ngày thầy giáo - chiến sĩ cách mạng Phan Lương Trực hy sinh vì nước, ông xin phép các đồng chí cấp trên cho lấy tên người thầy kính yêu làm bí danh. Từ đây cái tên Phan Lương Trực gắn bó suốt cuộc đời binh nghiệp của ông.

Ngày 15-8-1948, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Từ tháng 8-1948 đến tháng 7-1954, ông lần lượt giữ các chức vụ: Tiểu đội trưởng, Chính trị viên trung đội, Chính trị viên đại đội, Phó Bí thư chi bộ kiêm Đại đội trưởng đại đội 2053 của Tiểu đoàn 410 chủ lực Nam Bộ, Phó Trưởng ban Tác huấn của tiểu đoàn 404, quân khu 8.

Sau Hiệp định Genève (7-1954), ông tập kết ra miền Bắc. Năm 1958, ông là học viên khóa 11 Trường Lục quân với quân hàm thượng úy. Từ năm 1961 - 1964, là học viên khóa I của Học viện quân chánh. Sau khi ra trường, ông được thăng quân hàm đại úy, công tác tại Lữ đoàn 338.

Tháng 3-1965, ông được trở về miền Nam chiến đấu, làm cán bộ nghiên cứu Phòng tác chiến, Bộ Tham mưu Miền. Từ năm 1970 đến ngày 30-4-1975, ông làm Trưởng ban tác chiến, Quân khu 8 với quân hàm thiếu tá, góp phần tạo nên những chiến công vang dội của lực lượng vũ trang Quân khu 8.

Từ năm 1975 - 1979, ông là trung tá rồi đại tá, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Tháp. Trong cương vị này, ông cùng với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ: chỉ huy lực lượng vũ trang phối hợp dân quân du kích đánh bọn Pôn-Pốt (Khmer đỏ) xâm lấn biên giới nước ta, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ; cưu mang, đùm bọc, đào tạo số cán bộ Campuchia chạy sang Việt Nam lánh nạn diệt chủng để khi có điều kiện đưa họ trở về nước công tác; chủ động đào tạo sĩ quan trẻ cả về văn hóa lẫn quân sự để thay thế số cán bộ lớn tuổi nghỉ hưu hoặc chuyển ngành; thành lập 2 nông trường Đường Thét và Giồng Găng hoạt động có hiệu quả, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội - quốc phòng ở vùng Đồng Tháp Mười,…

Năm 1980, ông được thăng quân hàm thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu 9, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang. Ở cương vị này, đối với Tiền Giang, ông cùng với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân; huấn luyện, xây dựng lực lượng vũ tranh tỉnh nhà không ngừng lớn mạnh về mọi mặt: xây dựng Đảng, chính trị - tư tưởng, tác chiến, văn hóa - văn nghệ, thể thao,… Trong những năm làm nghĩa vụ quốc tế ở chiến trường Campuchia, ông hết lòng giúp đỡ, luôn gắn bó, tin tưởng và tôn trọng lực lượng cách mạng của nước bạn; giáo dục cán bộ, chiến sĩ thuộc quyền thấm nhuần quan điểm của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ. Trong hai chiến dịch mùa khô 1984 và 1985, là chỉ huy cơ bản, nhưng ông thường xuyên có mặt ở chiến trường Pursat (tỉnh kết nghĩa với tỉnh Tiền Giang), đến tận Rum Lích, Tà Lô,... là những nơi nóng bỏng thời ấy để kiểm tra việc tổ chức và chỉ huy chiến đấu nhằm tiêu diệt bọn tàn quân Pôn - Pốt, góp phần giúp đỡ nhân dân Campuchia hồi sinh, xây dựng đất nước.

Năm 1997, ông nghỉ hưu. Năm 2012, do tuổi cao sức yếu, ông lâm bệnh từ trần. Đánh giá về ông, đại tá Lê Dũng, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Tiền Giang, viết: “Thiếu tướng Phan Lương Trực là vị tướng toàn năng, với phong cách chỉ huy mẫu mực và có tầm nhìn chiến lược”.

Với thành tích và công lao cống hiến cho sự nghiệp cách mạng, ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, Huân chương kháng chiến Hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhì, hạng Ba và nhiều huy chương, kỷ niệm chương, bằng khen của Trung ương và địa phương. Bí danh của ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Lương Trực có điểm đầu: giáp với đường Lê Văn Phẩm; điểm cuối: giao với đường Lê Thị Hồng Gấm; chiều dài: 1,5 km; chiều rộng: 10,0 m.

**65. Đường Phan Hiển Đạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Hiển Đạo).

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN HIỂN ĐẠO**

**(1822 – 1864)**

Phan Hiển Đạo sinh năm 1822 tại thôn Vĩnh Kim Đông, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay là xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Thưở nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, hiếu học và học giỏi. Năm 1847, tại khoa thi Hương được tổ chức ở Gia Định, ông đỗ Cử nhân hạng ba; và là người duy nhất của tỉnh Định Tường được đăng khoa ở khoa thi này.

Sau đó, ông lại khăn gói ra kinh đô Huế tiếp tục dùi mài kinh sử. Tại đây, sau những giờ cần mẫn đèn sách, ông còn cất công đi tìm các thầy dạy nhạc ở chốn cung đình để thọ giáo môn âm nhạc. Vì thế, ông có kiến thức sâu rộng về âm nhạc truyền thống của dân tộc, nhất là âm nhạc bác học và dân gian Huế. Đồng thời, ông còn biết sử dụng nhiều loại nhạc khí; trong đó, điêu luyện nhất là đàn tranh và đàn kìm.

Giữa lúc quan niệm “*xướng ca vô loại*” của Nho giáo đang ngự trị trong xã hội; thì việc học nhạc của ông, vốn là người xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, được xem là một hành động cách tân và dũng cảm. Ông đã tiếp nối truyền thống yêu chuộng âm nhạc của dân tộc nói chung và của nhân dân tỉnh Định Tường nói riêng. (Sách *Đại Nam nhất thống chí*, ở mục Phong tục của tỉnh Định Tường, có ghi rằng: “*Người ở đây hay múa hát làm vui*”).

Năm 1856, ông cùng với hàng ngàn sĩ tử của mọi miền đất nước bước vào kì thi Hội được tổ chức tại kinh đô Huế. Kết quả, khoa thi đó, cả nước chỉ có sáu người đỗ Chánh bảng và một người đỗ Phó bảng; trong đó, ông được đăng khoa ở Chánh bảng và nhận học vị Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Sau khi được nhà vua ban áo mão tiến sĩ, ông “*vinh quy bái tổ*” về quê nhà; và được nhân dân tiếp đón nồng hậu; bởi vì, cho đến lúc đó, ông là vị tiến sĩ đầu tiên của tỉnh Định Tường và là một trong số rất ít tiến sĩ của cả Nam kì lục tỉnh hồi nửa đầu thế kỉ XIX.

Sau đó, ông được triều đình bổ chức Đốc học tỉnh Định Tường. Từ đó, ông đã đem hết tâm huyết và năng lực phục vụ sự nghiệp giáo dục của tỉnh nhà. Bên cạnh đó, ông còn ra sức quảng bá âm nhạc truyền thống dân tộc ở địa phương; nhất là ở Vĩnh Kim, để khiến nơi này sau đó trở thành một trong những “*cái nôi*” của nghệ thuật ca nhạc tài tử Nam bộ.

Năm 1861, thực dân Pháp chiếm tỉnh Định Tường. Trước sự thay đổi của thời cuộc, ông lui về ở ẩn tại quê nhà, bất hợp tác với địch; mặc dù, bọn chúng đã nhiều lần sai Tôn Thọ Tường đến Vĩnh Kim Đông, vừa mua chuộc, vừa ép buộc ông phải ra làm việc cho Pháp.

Năm 1864, ông đến Vĩnh Long, xin gặp Khâm sai đại thần Phan Thanh Giản; nhưng không được tiếp và nghi ngờ ông khiếp nhược đầu hàng giặc. Không thể chịu đựng nổi oan ức, ông lặng lẽ trở về quê nhà, uống thuốc độc tự vẫn, hưởng dương 42 tuổi.

Giữa lúc ở Nam kỳ đã xuất hiện những tên tay sai thực dân Pháp, như Trần Bá Lộc, Huỳnh Văn Tấn, Tôn Thọ Tường,…; việc ông không để giặc lợi dụng và tìm đến cái chết là một hành động đáng quý. Nó nói lên sự thanh khiết, lòng yêu nước của một trí thức chân chính.

Sau khi ông mất, một người học trò của ông là Dương Công Đức cùng với các vị bô lão ở Vĩnh Kim Đông có làm một bài văn bia tôn trí tại mộ của ông, trong đó có những đoạn ca ngợi cái chết đầy khí tiết của vị Tiến sĩ họ Phan: “*Công tên thật là Hiển Đạo, họ Phan … Khi giặc Pháp cướp nước, uẩn ức mà chết. Xử sĩ chọn cái chết bất khuất … Kẻ sĩ đến lúc cùng mới thấy tiết nghĩa, đến đứa trẻ con cũng nhận biết ai là kẻ thần trung … Chưa thể tranh hưng để cứu nạn cho nhà vua, lòng Công như có ngàn mũi kim châm. Không cứu được nước thì Công đành tìm đến cái chết … Liền tự xử mình, trở về trong lòng đất mẹ, an nghỉ đơn sơ, chẳng cầu cạnh chi ai*”.

Có bài thơ điếu Phan Hiển Đạo với lời lẽ rất cảm động:

*Nối dấu Văn tinh rạng vẻ son,*

*Rủi ro thời thế tiếng không tròn.*

*Cõi bờ chủ mới lăm vung quén,*

*Cờ biển ơn xưa nghĩ héo hon.*

*Tri kỉ mấy lời ghi bụng nhớ,*

*Dạ đài một giấc nín hơi ngon.*

*Khúc đờn Lưu thủy trôi dòng bích,*

*Mà giọng kìm tranh điệu Huế còn.*

Hiện nay, phần mộ ông tọa lạc tại ấp Vĩnh hòa, xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Hiển Đạo điểm đầu: giáp với đường Lê Lợi; điểm cuối: giao với đường Trần Quốc Toản; chiều dài: 0,550 km; chiều rộng: 6,0 m.

**66. Đường Phan Thanh Giản**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Thanh Giản).

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN THANH GIẢN**

**(1796 – 1867)**

Phan Thanh Giản tự Tĩnh Bá, Đạm Như, hiệu Ước Phu, Lương Khê; sinh năm 1796 tại làng Tân Thạnh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, tỉnh Vĩnh Long, nay là xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Nhà nghèo, mẹ mất sớm, việc học tập của ông gặp nhiều khó khăn; tuy vậy, ông rất hiếu học. Năm 1825, ông thi Hương, đậu cử nhân tại Trường thi Gia Định. Năm 1826, ông thi Hội ở kinh đô Huế, đậu đệ tam giáp đồng tiến sĩ và cũng là vị tiến sĩ đầu tiên của Nam Kỳ.

Ông làm quan trải qua 3 triều, Minh Mạng, Triệu Trị và Tự Đức. Mặc được triều đình trọng dụng, nhưng cuộc đời làm quan của ông cũng không ít long đong. Dưới triều Minh Mạng, ông đã 3 lần bị giáng chức.

Năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đổ bộ và tấn công cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta của bọn thực dân phương Tây. Sau đó, năm 1961, bọn chúng đánh chiếm các tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Định Tường và Gia Định. Với vai trò là Chánh sứ, ông được cử sang Pháp xin chuộc lại các tỉnh Nam Kỳ đã bị quân Pháp chiếm đóng. Nhưng cuộc điều đình thất bại.

Năm 1865, ông là Hiệp biện đại học sĩ, thượng thư bộ Hộ, Kinh lược sứ 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ là An Giang, Hà Tiên và Vĩnh Long.

Ngày 20/6/1867, thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh thành Vĩnh Long, yêu cầu ông gửi mật thư cho các chức quan giữ hai thành An Giang và Hà Tiên buông vũ khí đầu hàng. Trước sức mạnh áp đảo của Pháp về mặt quân sự, biết thế không thể giữ nổi, nên để tránh đổ máu vô ích, ông đã quyết định trao thành, không kháng cự, với yêu cầu người Pháp phải bảo đảm an toàn cho dân chúng. Thế là chỉ trong 5 ngày (20-24/6/1867), quân Pháp chiếm gọn ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Sau khi các tỉnh thành mất, ông tuyệt thực suốt 17 ngày, rồi uống thuốc độc tự tử vào ngày 4/8/1867, hưởng thọ 71 tuổi.

Tên của ông được đặt tên đường, tên trường học ở một số địa phương ở Nam Bộ.

Đường Phan Thanh Giản có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn An Ninh; điểm cuối: giao với đường Hoàng Hoa Thám; chiều dài: 0,750 km; chiều rộng: 8,0 m.

**67. Đường Phan Văn Khỏe**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Khỏe).

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN VĂN KHỎE**

**(1901 – 1946)**

Phan Văn Khoẻ sinh năm 1901 tại làng Mỹ Hạnh Đông, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong gia đình nông dân nghèo.

Năm 1928, ông giác ngộ cách mạng, là hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở xã Mỹ Hạnh Đông. Đầu năm 1930, khi chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được phát triển thành chi bộ An Nam cộng sản Đảng thì ông là đảng viên đầu tiên của quận Cai Lậy. Cuối tháng 4-1930, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Mỹ Tho phân công ông phụ trách hoạt động cách mạng ở Cai Lậy. Đầu năm 1933, ông được bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1933, ông được chỉ định làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, tập trung thực hiện nhiệm vụ củng cố tổ chức, phát triển lực lượng và chuẩn bị phong trào đấu tranh mới sau khi Cao trào cách mạng 1930-1931 của nhân dân ta bị thực dân Pháp đàn áp dã man.

Ngày 01-5-1936, ông lãnh đạo cuộc đấu tranh của gần 500 đồng bào các xã vùng Mỹ Hạnh Đông kéo ra chợ Cai Lậy đòi dân sinh, dân chủ. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi và gây tiếng vang khắp tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1936, ông là Xứ ủy viên Nam Kỳ, phụ trách phong trào cách mạng các tỉnh Trung Nam Kỳ. Đầu năm 1940, ông là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ được tăng cường cho tỉnh Mỹ Tho với chức vụ là Bí thư Tỉnh ủy, để duy trì sự ổn định về tổ chức và xây dựng lực lượng chuẩn bị phong trào cách mạng mang tính chất toàn Xứ. Ông là người được Xứ ủy Nam Kỳ trực tiếp giao nhiệm vụ chỉ đạo thiết kế lá cờ Mặt trận (Quốc kỳ nước ta hiện nay). Tháng 7-1940, tại xã Tân Hương, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, Hội nghị Xứ ủy Nam Kỳ thông qua cờ đỏ sao vàng 5 cánh do chính ông trực tiếp chỉ đạo và tham gia thiết kế. Với vai trò là Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy Nam kỳ, Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, ông trực tiếp chỉ đạo công cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Mỹ Tho.

Đêm 22 rạng 23-11-1940, cuộc khởi nghĩa nổ ra khắp quận Châu Thành và quận Cai Lậy. Ủy ban khởi nghĩa tỉnh Mỹ Tho đặt tại đình Long Hưng xã Long Hưng, quận Châu Thành. Tại đây, Ủy ban Nhân dân lâm thời tỉnh Mỹ Tho được thành lập do ông làm Chủ tịch. Đồng thời, cũng tại sân đình Long Hưng, lần đầu tiên, lá cờ đỏ sao vàng năm cánh được treo trên ngọn cây bàng. Cờ đỏ sao vàng trở thành biểu tượng cho ý chí và mục tiêu khởi nghĩa là giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Quốc hiệu “Việt Nam dân chủ chủ cộng hòa quốc” cũng ra đời tại ngôi đình này. Trong 49 ngày làm chủ từ ngày 23-11-1940 đến ngày 12-01-1941, Ủy ban Nhân dân lâm thời tỉnh Mỹ Tho thực hiện được một số việc có ý nghĩa lịch sử, như thành lập chính quyền nhân dân cấp tỉnh, quận, xã; thành lập Tòa án nhân dân tỉnh; thực thi một số chính sách: Xóa bỏ các thứ thuế vô lý, các khoản nợ của nông dân thiếu địa chủ, tịch thu lúa của địa chủ chia dân nghèo, giáo dục và khoan hồng người lầm đường lạc lối... Chế độ dân chủ cộng hòa trở thành hiện thực trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng ta.

Sau cuộc khởi nghĩa, nhiều cơ sở, tổ chức Đảng bị khủng bố tan rã và hàng ngàn đảng viên, cán bộ và quần chúng bị bắt, bị giết hại. Hệ thống tổ chức Đảng từ Xứ ủy xuống Tỉnh ủy, Quận ủy, Chi bộ đứt liên lạc. Tuy nhiên, ông vẫn bám địa bàn, tìm cách móc nối liên lạc từ Xứ ủy đến chi bộ cơ sở. Đầu năm 1941, các cán bộ Xứ ủy còn lại bầu ông giữ chức vụ Bí thư Xứ ủy Nam kỳ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Xứ ủy do ông đứng đầu, hệ thống tổ chức Đảng được phục hồi. Ngày 11-7-1941, trên đường công tác từ Cai Lậy ra lộ Đông Dương (nay là Quốc lộ 1) để qua Bến Tre, ông bị địch bắt. Trong nhà giam Cai Lậy và Mỹ Tho, mặc dù bị tra tấn dã man, nhưng ông vẫn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, một lòng trung thành với Đảng, kiên quyết không đầu hàng, khai báo. Bất lực, chính quyền thực dân Pháp kết án tử hình. Không khuất phục, ông chống án, khiến bọn chúng buộc phải giảm án xuống chung thân và đày đi Côn Đảo.

Tại nhà tù Côn Đảo, ông mang số tù: C.10018. Trong thời gian bị giam cầm, ông nhận được tin Phan Văn Lữ, con trai cả của ông cũng rơi vào tay giặc, bị tra tấn đến chết tại bót cảnh sát Catinat ở Sài Gòn; rồi lại được tin Phan Văn Nam - người em ruột cũng bị bắt ra Côn Đảo, đã vĩnh viễn nằm lại nơi đây. Tuy nhiên, những nỗi đau đó đã không làm ông gục ngã. Dù bị giam cấm cố và bị tra tấn cực hình nhưng ông đã giữ vững khí tiết cách mạng, không ngừng đấu tranh, chống áp bức, khủng bố của kẻ địch ngay trong nhà lao.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, ông trở về tiếp tục công tác ở tỉnh Mỹ Tho. Cuối năm 1945, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ, lực lượng cách mạng rút vào vùng Đồng Tháp Mười, ông vẫn bám vùng ven kinh Tổng đốc Lộc (nay là kinh Nguyễn Văn Tiếp) nắm tình hình, tập hợp và củng cố lực lượng kháng chiến. Ông liên lạc với các ông Trần Văn Trà, Nguyễn Văn Vịnh,… củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ Đồng Tháp Mười để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài ở các tỉnh Trung Nam Bộ.

Đầu tháng 3-1946, trên đường công tác từ Cai Lậy đến Cái Bè, ông bị giặc bắt lần thứ hai. Chúng tra tấn ông hết sức dã man. Không thể khuất phục được người cộng sản kiên cường, đêm mùng 7 tháng 3 năm 1946 bọn giặc hèn hạ thủ tiêu ông ở gò Bà Đội Phận - một bãi nghĩa địa hoang vắng ở phía đông chợ Cai Lậy. Ông đã anh dũng đền nợ nước khi vừa tròn 45 tuổi.

Ông đã hiến dâng trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, là tấm gương đạo đức cách mạng sáng ngời cho các thế hệ noi theo. Với những cống hiến lớn lao cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và Tổ quốc, ông được Đảng và Nhà nước truy tặng Huân chương cao quí - Huân chương Hồ Chí Minh. Tên ông được đặt tên công viên, tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh, tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phan Văn Khỏe có điểm đầu: giáp với Lộ Me; điểm cuối: giao với Quốc lộ 50; chiều dài: 1,000 km; chiều rộng: 8,0 m.

**68. Đường Phan Văn Trị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phan Văn Trị).

Tiểu sử danh nhân:

**PHAN VĂN TRỊ**

**(1830 – 1910)**

 Phan Văn Trị sinh năm 1830 tại tại thôn Hưng Thạnh, huyện Bảo An, phủ Hoằng An, trấn Vĩnh Thanh (nay là xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre).

Năm 1849, ông thi đỗ Cử nhân tại trường thi Hương Gia Định. Do thi đỗ cử nhân nên nhân dân trong vùng gọi ông là Cử Trị. Với tài học đó, ông có thể ra làm quan, nhưng buồn vì thời cuộc rối ren, ông không tham chính mà sống đạm bạc bằng việc dạy học ở làng Bình Cách (nay thuộc thị xã Tân An, tỉnh Long An).

Khi giặc Pháp xâm chiếm Gia Định (1859), ông cùng các sĩ phu yêu nước đề xướng phong trào “Tỵ địa”, chuyển cư đến sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long khi ấy vẫn còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình. Tại đây, ông tích cực hợp tác với Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Thông, Hồ Huấn Nghiệp sáng tác thơ văn yêu nước và cổ động nhân dân ủng hộ lực lượng kháng chiến chống giặc Pháp. Đến lúc giặc Pháp chiếm miền Tây (1868), ông dời về Phong Điền, Cần Thơ ở ẩn dạy học, giao du với một số trí thức yêu nước, như Huỳnh Mẫn Đạt, Bùi Hữu Nghĩa, cảm hóa Cai tổng Lê Quang Chiểu bỏ quan, giữ tiết tháo trong thời mất nước.

Ông sáng tác nhiều tác phẩm thơ văn nổi tiếng. Thơ văn ông còn lưu truyền đến nay rất nhiều, đầy tính chiến đấu, thanh cao, có khí tiết. Lòng yêu nước của ông chan chứa trong bài phú “Thất thủ Gia Định” và bài thơ “Thất thủ Vĩnh Long”. Sôi nổi nhất là bài thơ họa với Tôn Thọ Tường nhằm lên án bọn người vong bản, cam tâm làm tay sai cho thực dân Pháp. Ông là nhà thơ lớn đóng vai trò quan trọng trong dòng văn học yêu nước ở Nam Bộ nửa sau thế kỉ XIX.

Ông mất năm 1910 tại làng Nhơn Ái, tổng Định Bảo, quận Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (nay là xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ). Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Phan Văn Trị có điểm đầu: giáp với đường Trịnh Hoài Đức; điểm cuối: giao với đường Phan Thanh Giản; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 6,0 m.

**69. Đường Phùng Há**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Phùng Há).

Tiểu sử danh nhân:

**PHÙNG HÁ**

**(1911 – 2009)**

Phùng Há tên thật là Trương Phụng Hảo sinh năm 1911 tại làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, bà đã sớm bộc lộ năng khiếu ca hát. Năm 1924, lúc mới 13 tuổi, do gia cảnh khó khăn, nên bà phải xin làm nhân công trong một xưởng sản xuất gạch. Tại đây, bà được các nhân công làm thay phần việc của mình, đổi lại bà phải hát cho mọi người nghe. Cũng trong năm này, bà được ông bầu gánh cải lương Tái Đồng Ban mời về hát đào chánh với nghệ danh Phùng Há. Tại đây, bà được thầy tuồng (đạo diễn kiêm soạn giả) Nguyễn Công Mạnh, nghệ sĩ Năm Châu (Nghệ sĩ Nhân dân/NSND Nguyễn Thành Châu) và nhạc sĩ Tư Chơi (Huỳnh Thủ Trung) hết lòng hướng dẫn, dìu dắt nên khả năng ca diễn ngày càng tiến bộ.

Vai diễn đầu tiên đánh dấu cuộc đời hoạt động nghệ thuật của bà là vai Giả Thị trong vở cải lương *Hoàng Phi Hổ quy Châu* của Nguyễn Công Mạnh. Vai đào chánh đầu tiên mà bà đảm nhận là Thúy Kiều trong vở *Kim Vân Kiều* của soạn giả Trương Duy Toản. Sau đó, bà đóng vai đào chánh trong các vở *Thôi Tử thí Tề quân*, *Mổ tim Tỷ Can*, *Anh hùng náo Tam Môn Nhai* của Năm Châu; *Khúc oan vô lượng*; *Tội của ai* của Tư Chơi,... Thời gian này, bà đóng cặp với nghệ sĩ  Năm Châu và được công chúng rất yêu thích.

Năm 1926, bà cùng các nghệ sĩ Năm Châu, Tư Chơi, Ba Du gia nhập gánh hát Trần Đắc của ông bầu Trần Đắc Nghĩa. Năm  1929, khi mới 18 tuổi, bà vừa là đào chánh, vừa là bầu gánh cải lương Huỳnh Kỳ do chồng bà là ông Lê Công Phước (còn gọi là Bạch công tử) thành lập. Đây là gánh cải lương có quy mô lớn, quy tụ được rất nhiều đào kép nổi tiếng thời bấy giờ, như Phùng Há, Ba Vân, Năm Phỉ, Tám Du, Năm Thiện, Ba Thâu, Ba Đồng, Chín Móm, Năm Kiệt, Hai Sự, Hai Nữ, Tư Bé, Tư Hélènne,... Vở tuồng ăn khách nhất của gánh Huỳnh Kỳ là *Giọt máu chung tình*, do Năm Thiện đóng vai chánh Võ Đông Sơ và bà đóng vai chánh Bạch Thu Hà.

Năm 1935, bà hợp cùng nghệ sĩ Năm Phỉ (Lê Thị Phỉ) thành lập gánh cải lương Phi Phụng; rồi năm sau lại lập tiếp gánh cải lương Phụng Hảo. Bà còn hợp tác với các nghệ sĩ Năm Châu, Ba Vân (NSND Lê Long Vân) thành lập nhiều gánh cải lương khác.

Nhân vật mà bà hóa thân mang nhiều tính cách và diện mạo. Khi thì bà khoác áo võ tướng, lúc lại đắm mình vào khúc oan nghiệt của Lan và Điệp hay đau đớn đoạn tuyệt. Bà từng chia sẻ: “*Vai diễn nào tôi cũng thích, dù lớn hay nhỏ, chính hay phụ. Là diễn viên phải diễn tròn vai và hết khả năng, nhiệt tình để gởi đến khán giả*”.

Gần một thế kỷ gắn liền với nghệ thuật cải lương, bà đã để lại những vai diễn gây ấn tượng sâu đậm trong lòng người hâm mộ như: Lữ Bố trong vở *Phụng Nghi Đình*, Dương Quý Phi trong vở *Tình sử Dương Quý Phi*, An Lộc Sơn trong vở *Đường Minh Hoàng du nguyệt điện*, Nguyệt trong vở *Tô Ánh Nguyệt*, Lựu trong vở *Đời cô Lựu*,...

Để đạt được kết quả như vậy, ngoài năng khiếu bẩm sinh, bà đã phải dày công khổ luyện, tiêu biểu là vai Lữ Bố đã theo bà suốt mấy chục năm. Bà cho biết: “*Ngày trước, gánh Phụng Hảo của tôi thiếu người đóng kép, thế là tôi mạnh dạn tiến thân vào. Bắt đầu từ vở Phụng Nghi Đình, tôi vào vai Lữ Bố. Nhiều khán giả từng xem tôi diễn đào thương đã không nhận ra tôi khi mặc đồ võ vào, thật uy nghiêm hùng mạnh. Chỉ khi tôi cất tiếng hát thì họ mới ồ lên. Có khi vì vai diễn giả trai mà làm cho tôi ê ẩm suốt mấy ngày liền không bước đi nổi*”.

Không chỉ nổi tiếng với giọng hát xuất sắc, lối diễn xuất tinh tế, tài hoa, bà còn góp phần to lớn trong sự nghiệp đào tạo những thế hệ nghệ sĩ cải lương của Việt Nam. Từ năm 1963, bà tham gia giảng dạy tại Khoa diễn viên cải lương, Trường Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ Sài Gòn (nay là Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh). Trong số những học trò của bà có nhiều nghệ sĩ tài danh như Nghệ sĩ ưu tú (NSƯT) Thanh Nga, NSND Bạch Tuyết, NSƯT Thanh Sang, NSƯT Nam Hùng, NSƯT Tô Kim Hồng, nghệ sĩ Thanh Thanh Hoa,... Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất (30-4-1975), bà cùng NSND Nguyễn Thành Châu, NSND Ba Vân làm cố vấn cho Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang và tham gia giảng dạy, đào tạo nên nhiều nghệ sĩ trẻ có tên tuổi trong làng cải lương.

Hầu hết tất cả các thế hệ nghệ sĩ được bà đào tạo đều rất yêu quý và xem bà như người mẹ thứ hai của mình. Sự xuất hiện của bà ở bất cứ nơi đâu luôn là nguồn động viên cho lớp trẻ mạnh dạn hơn trên con đường nghệ thuật của họ. Bản thân họ cũng học hỏi được ở người nghệ sĩ gạo cội này nhiều bài học. Đó là sự linh hoạt, sáng tạo khi gặp các tình huống khó, bất ngờ, hay sự chu đáo, tận tâm, trách nhiệm với nghề.

Là tấm gương sáng về lao động nghệ thuật, bà còn là một hình mẫu về việc chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất của các đồng nghiệp có hoàn cảnh khó khăn. Bà là người sáng lập Hội Ái hữu nghệ sĩ, Viện Dưỡng lão nghệ sĩ ở Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là nơi chăm lo, nuôi dưỡng các nghệ sĩ già yếu, không nơi nương tựa. Đồng thời, bà còn đóng góp, sáng lập nên Chùa Nghệ sĩ và Nghĩa trang Nghệ sĩ tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù tuổi cao, nhưng mỗi khi Chùa Nghệ sĩ tổ chức các chuyến đi hoạt động từ thiện, bà đều nhiệt tình tham gia.

Trước hình ảnh của một “cây đại thụ” của nghệ thuật cải lương làm việc không biết mệt mỏi, “ông vua vọng cổ” - NSND Viễn Châu đã tặng bà những vần thơ:

Tuổi già lụm cụm thấy mà thương,

Đâu quản gần xa mấy chặng đường.

Quà tặng trao tay người khốn khổ,

Đẹp đời nghệ sĩ, đẹp quê hương.

Năm 1984, bà được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý Nghệ sĩ Nhân dân trong đợt đầu. Năm 2009, do tuổi cao sức yếu, bà qua đời, để lại một khoảng trống khó thể lấp đầy trên sân khấu Việt Nam nói chung và cải lương Nam bộ nói riêng. Bà là người có công lớn trong việc làm nên lịch sử sân khấu cải lương Việt Nam. Nghệ danh của bà được đặt tên đường ở Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Phùng Há có điểm đầu: giáp với đường Ngô Gia Tự; điểm cuối: giao với đường nhánh N1; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 16,0 m.

**70. Đường Rạch Gầm**

\* Nguồn gốc địa danh Rạch Gầm

- Rạch: là dòng nước tự nhiên, nhỏ hơn sông, ghe thuyền đi lại được. Ở Trung Bộ và Bắc Bộ hoàn toàn vắng mặt từ này. Còn ở Nam Bộ, nó hết sức phổ biến[[20]](#footnote-20).

Theo Lê Trung Hoa, rạch là tiếng Việt gốc Khmer *P*rêk, có nghĩa là *Dòng sông nhỏ*.Về ngữ âm, *prêk* có thể chuyển hóa thành *rạch*. Trong tiếng Việt, hiện tượng tổ hợp phụ âm đầu có âm lỏng “r” bị rụng âm “r” là điều rất phổ biến, như crème thành kem, frein thành phanh (thắng xe), fromage thành phó mát hay phô mai, (tấm) drap thành (tấm) ra: tấm trải giường, grève - (làm) reo: biểu tình. Như vậy, ***Pr*** hoàn toàn có khả năng chuyển thành ***R***. Âm tiết ***êk*** có thể chuyển thànhách, như méc - mách, (cù) léc - (cù) nách, vêk mục (tiếng Khmer) - vạch mặt[[21]](#footnote-21).

- Về từ “Gầm” có nhiều cách giải thích khác nhau:

+ Cách thứ nhất: Ngày xưa, Rạch Gầm là một vùng đất hoang vu. Thuở đó, khi những người Việt tiền phong đến đây khẩn đất, lập điền, thì chỉ thấy toàn là rừng rậm, cây cối mịt mùng, còn dã thú nhiều không sao kể, nhất là cọp. Tiếng rống của cọp vang dậy cả một vùng, nên những người đi khai hoang đặt tên là rạch Cọp Gầm, rồi về sau, gọi trại thành Rạch Gầm.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm thanh của động vật (Cọp Gầm).

- Cách thứ hai: Thuở xưa, tại vùng đất Rạch Gầm ở bên bờ tả ngạn sông Tiền và Phú Túc ở bên bờ hữu ngạn (nay thuộc tỉnh Bến Tre), trời đất tối tăm, mịt mù. Bỗng một đêm nọ, trời mưa như trút nước, sấm chớp nổi lên đùng đùng. Bất chợt, có tiếng gầm từ bờ bên này vang sang bờ bên kia; rồi sau đó, có tiếng hét dội lại, như đối đáp nhau. Đến sáng ra, trời quanh mây tạnh, phong cảnh sáng sủa, tươi tốt. Nhờ vậy, dân chúng làm ăn ngày càng khấm khá, phát đạt. Để ghi lại chuyện này, nhân dân đặt tên cho con rạch ở bờ tả ngạn là rạch Ông Gầm, sau đó gọi tắt là Rạch Gầm, còn con rạch ở bờ hữu ngạn đối diện thuộc cù lao Phú Túc là rạch Bà Hét.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Âm thanh của người đàn ông (Ông Gầm).

Với cách giải thích thứ nhất và thứ hai, rạch Gầm là địa danh gọi tắt từ rạch Cọp Gầm hay rạch ông Gầm mà ra. Như vậy, rạch Cọp Gầm hay rạch Ông Gầm là địa danh có ba âm tiết. Các địa danh loại này được lược bỏ âm tiết ở giữa là hiện tượng thường xảy ra, như cầu Xóm Kiệu - cầu Kiệu (Thành phố Hồ Chí Minh), sông Ông Đốc - sông Đốc (Cà Mau),…

- Cách thứ ba: Lê Trung Hoa trong quyển *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, có dẫn tư liệu từ quyển *Dictionnaire Vietnamien - Chinois – Français* (*Từ điển Việt Nam - Trung Hoa - Pháp*) của E.Gouin, cho biết “Gầm” là biến âm của “gằm” là tên cây. Cũng theo Lê Trung Hoa thì “không biết đó là loại cây gì, bởi vì không thấy tự điển nào định nghĩa”[[22]](#footnote-22). Riêng chúng tôi đã nhiều lần đi điền dã vùng Rạch Gầm, được gặp và hỏi nhiều vị bô lão về cây Gằm (?), nhưng không ai biết cả.

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Thực vật (Cây gằm).

- Cách thứ tư: Theo tác giả Việt Tuấn trong bài “Rạch Gầm – Xoài Mút” được in trong quyển *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Rạch Gầm có xuất xứ từ tiếng Khmer: Ca Răm, có nghĩa là Con Cọp. Ca Răm gọi trại thành Gầm[[23]](#footnote-23).

Theo cách giải thích này, Rạch Gầm là địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Động vật (Ca Răm: Con Cọp).

\* Sự kiện lịch sử có liên quan đến Rạch Gầm

Địa danh Rạch Gầm có liên quan đến chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (20/01/1785) của nghĩa quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền, bảo vệ vững chắc lãnh thổ phía Nam của Tổ quốc.

Đường Rạch Gầm có điểm đầu: giáp với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; điểm cuối: giao với đường Trưng Trắc giáp sông Bảo Định; chiều dài: 0,700 km; chiều rộng: 10 m.

**71. Đường Sơn Nam**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Sơn Nam).

Tiểu sử danh nhân:

**SƠN NAM**

**(1926 – 2008)**

Sơn Nam tên thật là Phạm Minh Tài, sinh năm 1926 tại làng Đông Thái, quận An Biên, tỉnh Rạch Giá (nay là xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Thuở nhỏ, ông học tại quê nhà rồi học trung học tại Collège de Cantho (nay là Trường Trung học phổ thông Châu Văn Liêm, Thành phố Cần Thơ). Năm 1945, ông tham gia phong trào Thanh niên tiền phong, rồi lần lượt công tác ở Hội Văn hóa cứu quốc tỉnh Rạch Giá, Phòng Chính trị Quân khu 8, Phòng Văn nghệ Ban Tuyên huấn Xứ ủy Nam Bộ.

Ông khởi nghiệp sáng tác văn chương bằng hai tập thơ *Lúa reo* (1948) và *Cho lòng em vui* (1950 - viết về công tác địch vận) do Hội Văn hóa kháng chiến Kiên Giang xuất bản ở chiến khu. Sau đó, ông chuyển sang viết văn xuôi. Năm 1951-1952, ông đoạt giải Nhất với hai truyện ngắn *Bên rừng cù lao Dung* và *Tây đầu đỏ* trong cuộc thi do Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ tổ chức.

Sau Hiệp định Genève (1954), từ Rạch Giá, ông lên Sài Gòn cộng tác với các báo *Nhân loại, Công Lý, Ánh sáng, Tiếng chuông, Lẽ sống,*... Năm 1960 - 1961, ông bị chính quyền Sài Gòn bắt, giam ở nhà tù Phú Lợi vì những bài viết của ông cổ súy lòng yêu nước và chống chính quyền tay sai thân Mỹ. Ra tù, ông tiếp tục làm báo, viết văn và khảo cứu về Nam Bộ. Những sáng tác của ông đều mang hơi thở của thiên nhiên, của văn hóa và con người Nam Bộ. Vì có công sáng tác, khảo cứu và sưu tầm văn hóa vùng đất Nam Bộ nên ông được mệnh danh là “Ông già Nam Bộ”, “Pho từ điển sống về miền Nam” hay là “Nhà Nam Bộ học”.

Sau năm 1975, ông tiếp tục hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - văn nghệ. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Cuối năm 2002, toàn bộ các tác phẩm của ông được Nhà xuất bản Trẻ tại thành phố Hồ Chí Minh mua tác quyền trọn đời.

Năm 2008, ông lâm trọng bệnh, qua đời  tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bút danh của ông được đặt tên đường ở một số tỉnh, thành. Nhà lưu niệm ông được người thân trong gia đình xây dựng ở xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Sơn Nam có điểm đầu: giáp với Đường tỉnh 879; điểm cuối: giao với Khu dân cư; chiều dài: 0,370 km; chiều rộng: 18 m.

**72. Đường Tết Mậu Thân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Sự kiện lịch sử (Tết Mậu Thân).

Sự kiện lịch sử:

Phát huy những thắng lợi to lớn của cách mạng miền Nam, nhất là từ sau thắng lợi mùa khô 1966 - 1967, tháng 5-1967, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chủ trương: “Gấp rút chuẩn bị mọi mặt, kịp thời nắm lấy thời cơ để giành thắng lợi, buộc Mỹ phải chịu thua về quân sự”.

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết: Ðộng viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Ðảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định; kết hợp tiến công quân sự với tiến công chính trị và tiến công ngoại giao, trong đó, cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang trên các chiến trường lớn và sự nổi dậy của nhân dân ở các đô thị lớn là hai mũi tiến công chính.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị (12-1967) và Nghị quyết hội nghị lần thứ 14 (01-1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thành ủy Mỹ Tho, Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tổ chức và triển khai cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 với phương châm vừa xây dựng lực lượng, vừa tấn công địch để tạo ra thế và lực mới. Thành phố Mỹ Tho được Khu ủy Khu 8 chọn làm trọng điểm chính trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Mục tiêu chủ yếu là thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện tự lực giải phóng.

Thắng lợi của quân và dân ta trong năm 1967 đã đẩy quân địch vào thế bị động, nhưng lực lượng của chúng vẫn còn đông. Tỉnh ủy Mỹ Tho và Thành ủy Mỹ Tho gấp rút xây dựng lực lượng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công và nổi dậy. Đảng bộ chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng 3 thứ quân, bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích; đồng thời, ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng. Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tập trung phát động quần chúng xây dựng các cơ sở Đảng, nhất là chi bộ; phát triển các ban, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang nhằm tấn công tiêu diệt, tiêu hao quân địch, phá rã thế kềm kẹp, bình định của địch.

24 giờ đêm Mùng 1 Tết Mậu Thân (tức đêm 29-01-1968), cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân bắt đầu.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân dân Mỹ Tho và Gò Công đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy hàng chục đồn bót, căn cứ quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh của bọn chúng.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân Mỹ Tho - Gò Công trong Tết Mậu Thân năm 1968 đã góp phần vào thắng lợi chung của cả nước. Ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm đảo lộn thế bố trí chiến lược của chúng. Đồng thời, ta đã tấn công quyết liệt vào các cơ quan đầu não của địch ở thị xã, thị trấn và hệ thống ấp chiến lược trong tỉnh, giải phóng một vùng nông thôn rộng lớn, tạo ra bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 ở tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho góp phần cùng cả nước làm thất bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Chính phủ Mỹ phải nhận rằng không thể dùng lực lượng quân đội viễn chinh Mỹ để thắng trong chiến tranh ở Việt Nam; đồng thời, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh; chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền bắc; ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris (Pháp) và sau đó phải rút quân Mỹ về nước, mở ra một cục diện mới trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đường Tết Mậu Thân có điểm đầu: giáp với đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: giao với đường Ấp Bắc; chiều dài: 1,100 km; chiều rộng: 6,0 m.

**73. Đường Thái Sanh Hạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Thái Sanh Hạnh).

Tiểu sử danh nhân:

**THÁI SANH HẠNH**

**(1925 – 1960)**

Thái Sanh Hạnh, bí danh là Trần Chí Nam, sinh năm 1925 tại làng Đăng Hưng Phước, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Sớm giác ngộ cách mạng, từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9 - 3 - 1945), ông gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong và hoạt động sôi nổi trong phong trào học sinh trường Collège de Mytho (nay là Trường trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu). Tháng 8 - 1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho; và sau đó gia nhập bộ đội đánh quân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Nam bộ.

Năm 1946, ông được phân công trở vào nội ô Mỹ Tho xây dựng phong trào đấu tranh của giới tư sản, trí thức yêu nước và thanh niên - học sinh. Năm 1950, ông bị địch bắt giam tại nhà tù Mỹ Tho. Mặc dù bị nhục hình tra tấn; nhưng ông vẫn giữ kín bí mật của tổ chức. Cuối cùng, do không đủ chứng cớ để buộc tội, địch phải trả tự do cho ông. Lúc này, do đã bị lộ, nên ông rút vào hoạt động bí mật, đảm nhận chức vụ Thị ủy viên thị xã Mỹ Tho, phụ trách quân sự. Dưới sự chỉ đạo của ông, lực lượng vũ trang thị xã Mỹ Tho đã tiến hành nhiều trận đánh táo bạo ở trong nội ô, khiến cho địch vô cùng hoang mang, lo sợ.

Sau năm 1954, ông được Đảng phân công ở lại miền Nam hoạt động. Năm 1957, ông được chỉ định là Bí thư Thị xã ủy Mỹ Tho. Đây cũng là thời điểm mà phong trào cách mạng đang gặp khó khăn nghiêm trọng. Tuy vậy, ông vẫn bám sát địa bàn, lãnh đạo và chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng cũng như xây dựng cơ sở cách mạng trong đội ngũ trí thức, công thương gia, thanh niên - học sinh,…

Năm 1958, ông được đề bạt làm Tỉnh ủy viên, phụ trách thị xã Mỹ Tho. Đầu năm 1960, ông được phân công phụ trách thêm huyện Chợ Gạo. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở Chợ Gạo bị thiệt hại nặng nề do địch đánh phá rất ác liệt. Tuy vậy, ông đã cùng với Ban Cán sự Huyện ra sức củng cố cơ sở Đảng, các tổ chức quần chúng và xây dựng lực lượng vũ trang. Nhờ thế, Huyện ủy Chợ Gạo được tái lập và phong trào nổi dậy của nhân dân trong sáu tháng đầu năm 1960 phát triển rất mạnh mẽ.

Đêm 31-8-1960, từ căn cứ của Tỉnh ủy đặt tại Tân Hòa Đông (nay là xã Tân Hòa Đông, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang), ông vượt Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) để về Chợ Gạo chỉ đạo đợt nổi dậy 23 tháng 9; nhưng khi đi đến Tân Lý Đông (huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), ông bị lọt vào ổ phục kích của địch; và đã anh dũng hy sinh sau khi chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Tên ông được đặt tên trường tiểu học và tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Đường Thái Sanh Hạnh có điểm đầu: giáp với đường Trần Nguyên Hãn; điểm cuối: giao với đường Đinh Bộ Lĩnh; chiều dài: 1,200 km; chiều rộng: 8,0 m.

**74. Đường Thái Văn Đẩu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Thái Văn Đẩu).

Tiểu sử danh nhân:

**THÁI VĂN ĐẨU**

**(1901 – 1942)**

Thái Văn Đẩu sinh năm 1901 tại làng Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Cuối năm 1927, ông giác ngộ cách mạng, gia nhập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Đầu năm 1930, ông vinh dự được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau đó, ông tham gia tổ chức nhiều cuộc biểu tình, gây được tiếng vang trong tỉnh. Cuối năm 1931, ông là quyền Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Năm 1932, ông là Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho. Với cương vị này, ông cùng với Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh chỉ đạo công tác củng cố cơ sở Đảng; xây dựng các đoàn thể quần chúng, nhất là Nông hội; đấu tranh khôi phục và phát triển phong trào cách mạng; lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, trong đó có việc đấu tranh đòi bỏ hẳn thuế thân; xuất bản tờ báo *Phấn đấu* để tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao lòng yêu nước, nâng cao lập trường giai cấp cho toàn Đảng bộ và quần chúng trong tỉnh,… Nhờ đó, hệ thống tổ chức Đảng từ tỉnh đến cơ sở được phục hồi và phát triển thêm; các tổ chức quần chúng dưới các hình thức bí mật, hợp pháp, bán hợp pháp phát triển, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia; phong trào đấu tranh của nhân dân dần dần được khôi phục tạo tiền đề cho cao trào cách mạng mới.

Từ năm 1936 đến năm 1939, ông là Xứ ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, hoạt động cho phong trào Đông Dương đại hội. Tháng 9-1940, ông là Xứ ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư Liên Tỉnh ủy Cần Thơ kiêm Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long. Với trọng trách được phân công, ông đã cùng với Ban Thường vụ Liên Tỉnh ủy Cần Thơ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long lãnh chỉ đạo công tác chuẩn bị khởi nghĩa và tiến hành khởi nghĩa Nam Kỳ ở hai tỉnh Cần Thơ và Vĩnh Long; trong đó cuộc khởi nghĩa ở tỉnh Vĩnh Long được xem là một trong những cuộc khởi nghĩa diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ nhất ở Nam Kỳ.

Sau khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ 23-11-1940 bị thực dân Pháp đàn áp dã man, ông mất liên lạc với cơ sở, trở về Mỹ Tho củng cố lực lượng, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa tiếp theo. Tuy nhiên, tháng 1-1941, ông bị chính quyền thực dân bắt, đày ra Côn Đảo. Tại chốn “địa ngục trần gian” này, mặc dù bị tra tấn cực hình, nhưng ông vẫn kiên cường giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cộng sản, không ngừng đấu tranh, chống áp bức, khủng bố của kẻ địch ngay trong nhà lao. Do bị bọn cai ngục đánh đập tàn nhẫn và chế độ lao tù vô cùng khắc nghiệt, ông đã anh dũng hy sinh tại đây năm 1942. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Thái Văn Đẩu có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Huỳnh Đức; điểm cuối: giao với đường Trịnh Hoài Đức; chiều dài: 0,320 km; chiều rộng: 4,0 m.

**75. Đường Thiên Hộ Dương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Chức vụ và tên danh nhân (Thiện hộ Dương).

Tiểu sử danh nhân:

**THIÊN HỘ DƯƠNG**

**(1827 – 1866)**

Thiên hộ Dương tên thật là Võ Duy Dương sinh năm 1827 tại thôn Cù Lâm Nam, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là thôn Nam Tương, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định) trong một gia đình nông dân nghèo, cần cù; nhưng hiếu học.

Thưở thiếu thời, ông rất chăm học, có sức khỏe hơn người và tinh thông võ nghệ, được mọi người gọi là “Ngũ linh Dương”, bởi vì cùng một lúc, ông cử nổi năm quả tạ (người Bình Định gọi quả tạ là “linh”), mỗi quả nặng 60 cân ta. Trong khoảng năm 1857 - 1858, ông chiêu mộ dân nghèo vào khai hoang lập ấp ở vùng Ba Giồng thuộc tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang), góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội và ổn định đời sống dân cư ở khu vực này.

Tháng 02-1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định. Trước cảnh nước mất nhà tan, ông đã cùng với Nguyễn Hữu Huân chiêu tập nghĩa sĩ, phất cờ khởi nghĩa, chống giặc ngoại xâm. Do có những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, tháng 5-1859, ông được triều đình phong chức Chánh quản đạo.

Sau đó, ông trở về kinh đô Huế, dâng kế sách chống giặc Pháp lên nhà vua. Lúc bấy giờ, ở Quảng Ngãi có giặc Đá Vách nổi lên làm loạn; quan quân địa phương không tài nào trị được. Biết ông là người dũng trí toàn tài, nên vua Tự Đức giao cho ông nhiệm vụ đánh dẹp; và ông đã hoàn thành mỹ mãn trọng trách được giao phó. Năm 1860, để tưởng thưởng công lao, triều đình đã phong ông chức Chánh thất phẩm Thiên hộ. Tên gọi Thiên hộ Dương có từ đó.

Tháng 5-1861, ông trở lại Ba Giồng chỉ huy cuộc kháng chiến chống Pháp. Tại đây, ông đã chiêu mộ hơn 1000 quân nghĩa dũng, nên được triều đình phong chức Quản cơ vào tháng 9-1861, cùng lúc với Trương Định. Nhận thấy Ba Giồng là nơi đông dân, nhiều của; lại là cửa ngõ đi vào vùng đồng bằng sông Cửu Long; hơn nữa, nhân dân ở đây rất quyết tâm chống giặc; nên ông đã xây dựng nơi đây thành một trung tâm kháng chiến mạnh mẽ, tồn tại đồng thời với trung tâm kháng chiến Tân Hòa (Gò Công) của Trương Định.

Cuộc kháng chiến do ông lãnh đạo đã thu hút được mọi tầng lớp nhân dân tham gia: nông dân, dân binh đồn điền, quan lại, địa chủ, phú hào yêu nước,… Nghĩa quân hoạt động trên một địa bàn rất rộng: từ phía nam sông Vàm Cỏ Tây, dọc theo kênh Bảo Định và sông Tiền, đến tận Cai Lậy và Cái Bè. Đồng thời, ông còn thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các lãnh tụ Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hòa ở Cai Lậy, Bùi Quang Diệu ở Long An,… nhằm phối hợp trong chiến đấu.

Dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tiến hành những trận đánh dũng mãnh và thu được những thắng lợi vang dội, điển hình là trận tấn công đồn Bourdais (04-9-1861), trận Cái Thia (14-10-1861), trận Cai Lậy (15-10-1861), trận Kỳ Hôn (22-10-1861), trận Rạch Gầm (tháng 11- 1861),… Bên cạnh đó, nghĩa quân còn đẩy mạnh công tác diệt ác trừ gian, như ngày 17-10-1861, nghĩa quân đột nhập vào đồn Cai Lậy, diệt 1 tên đội; trong các ngày 22, 23, 24-11-1861, nghĩa quân len lõi vào vùng địch tạm chiếm, diệt các tên xã trưởng của các xã Mỹ Quý, Trung Lương, Tân Lý, Mỹ An,…

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Để bảo toàn lực lượng, cuối năm 1864, ông rút quân vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tại đây, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã thực hiện chiến thuật du kích, đánh vào các đồn nhỏ và những toán quân tuần tiểu của địch, khiến bọn chúng đối phó vô cùng vất vã. Đến giữa năm 1865, lực lượng được hồi phục, ông ra lệnh cho nghĩa quân đánh kỳ tập vào các vị trí quân sự trọng yếu của địch, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề, tiêu biểu là hai trận tấn công đồn Mỹ Trà vào tháng 7 và cuối năm 1865, trận Cái Nứa vào tháng 3-1866.

Lo sợ ảnh hưởng ngày càng tỏa rộng của nghĩa quân, tháng 4-1866, thực dân Pháp huy động 1.000 quân thiện chiến mở cuộc tấn công đại quy mô vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân đã anh dũng chống trả. Cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra rất ác liệt. Do sức giặc quá mạnh, ông buộc phải rút quân lên vùng Đức Hòa (Long An) để liên minh với nghĩa quân Trương Quyền và nghĩa quân Campuchia do Pukombô lãnh đạo nhằm tiếp tục chống giặc Pháp xâm lược. Tháng 10-1866, Võ Duy Dương đi đường biển ra Bình Thuận nhằm vận động các tỉnh nam Trung kỳ giúp đỡ tiền bạc, lương thực, vũ khí cho các cuộc kháng chiến của nhân dân Nam kỳ. Nhưng không may, khi đến cửa biển Thần Mẫu (nay thuộc Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh), ông bị bọn cướp biển giết hại, để lại bao niềm thương tiếc cho nhân dân và nghĩa sĩ.

Để tưởng nhớ Võ Duy Dương, tại Gò Tháp (xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp), người dân đã lập đền thờ ông cùng với Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều). Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Tại nơi ông sinh ra (xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), năm [1997](https://vi.wikipedia.org/wiki/1997), dòng họ đã góp tiền xây dựng đền thờ và hàng năm tổ chức tế lễ. Năm 2007, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam trao tặng cho đền thờ Võ Duy Dương tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn một tượng đồng phác họa chân dung ông.

Tại đền thờ ông và  Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều) ở Gò Tháp có câu đối:

*Sử sách sáng chói danh Thiên Hộ*

*Bia miệng lưu truyền tiếng Đốc binh.*

Ở đây cũng còn lưu truyền câu [ca dao](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ca_dao):

*Chiều chiều mây giục gió vần*

*Cảm thương Thiên Hộ xả thân cứu đời!*

Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ chung hai ông. Tên ông được đặt tên đường ở thị trấn Cái Bè, tên trường trung học phổ thông và chợ ở huyện Cái Bè; tên trường tiểu học và tên đường ở TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, nhiều địa phương trên cả nước cũng có tên đường mang tên Võ Duy Dương hay Thiên hộ Dương.

Đường Thiên Hộ Dương có điểm đầu: giáp với đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Trương Định; chiều dài: 0,250 km; chiều rộng: 6,0 m.

**76. Đường Thủ Khoa Huân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Danh hiệu đứng đầu khoa thi và tên danh nhân (thủ khoa Huân).

Tiểu sử danh nhân:

**THỦ KHOA HUÂN**

**(1830 – 1875)**

Thủ khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân, sinh năm 1830[[24]](#footnote-24) tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình, đó là bài *Hãn mã gian quan*:

*Hãn mã gian quan báo quốc cừu,*

*Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.*

*Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,*

*Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.*

*Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,*

*Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.*

*Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,*

*Long đảo thu phong khởi mộ sầu[[25]](#footnote-25).*

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

*Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,*

*Binh bãi cho nên mạng mới cùng.*

*Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,*

*Hơn thua sá kể với anh hùng.*

*Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,*

*Quyết thác không hàng rạng núi sông.*

*Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,*

*Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.*

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

*Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,*

*Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.*

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

*Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,*

*Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.*

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

*Một lòng đền nợ nước non,*

*Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.*

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương “Trăng soi dòng Bảo Định” của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên công trình công cộng tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Đường Thủ Khoa Huân có điểm đầu: giáp với cầu Quay; điểm cuối: giao với đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa; chiều dài: 0,780 km; chiều rộng: 9,0 - 12,0 m.

**77. Đường Trần Hưng Đạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tước hiệu danh nhân (Trần Hưng Đạo).

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN HƯNG ĐẠO**

**(1228 - 1300)**

Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, sinh năm 1288 tại hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

Ông thuộc dòng dõi hoàng tộc nhà Trần, là nhà quân sự và văn hóa kiệt xuất, giữ chức Quốc công tiết chế, chỉ huy quân đội nhà Trần cùng với nhân dân Đại Việt ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông xâm lược vào các năm 1258, 1285, 1288, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Năm 1300, trước lúc lâm chung, ông vẫn còn dâng vua Trần Anh Tông kế sách giữ nước, rằng: “Quân giặc cậy vào trường trận, quân ta cậy vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét: Nếu thấy quân giặc tràn sang như gió như lửa, thì thế giặc có thể dễ dàng chống cự được; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dần, như tằm ăn dâu, không vơ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì ta phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ tùy thời cơ mà ứng biến cho đúng, làm thế nào thu hút được binh sĩ, như cha con một nhà mới có thể dùng để chiến thắng được. Phải khoan thư sức dân để làm cái kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”.

Do có công lao to lớn, ông được vua Trần Nhân Tông phong là Quốc Công Tiết Chế Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương hay là Đức Thượng Từ. Vua Trần Anh Tông phong ông là Đức Thượng Phụ Thượng Quốc Công Bình Bắc đại nguyên soái Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương.

Các tác phẩm của ông:

- Hịch tướng sĩ.

- Binh thư yếu lược.

- Vạn Kiếp tông bí truyền thư.

Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam  đã ghi tên ông trong danh sách 14 vị anh hùng tiêu biểu nhất trong lịch sử Việt Nam. Ông được nhân dân phong Thánh. Nhiều tỉnh thành trên cả nước có tên đường, tên trường học, tượng đài và đền thờ ông.

Đường Trần Hưng Đạo có điểm đầu: đường Ấp Bắc; điểm cuối: giao với đường Bờ kè sông Tiền; chiều dài: 1,400 km; chiều rộng: 10,0 m.

**78. Đường Trần Ngọc Giải**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Ngọc Giải).

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN NGỌC GIẢI**

**(1904 – 1931)**

Trần Ngọc Giải, bí danh là Thuận Hòa, sinh năm 1904 tại làng Thới Thuận, quận An Hóa, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Thới Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre).

Năm 1922, ông được Tôn Đức Thắng giác ngộ cách mạng và được phân công làm công tác vận động công nhân tại đồn điền cao su Dầu Tiếng. Từ đó, tổ chức Công hội đỏ ở đồn điền này được ra đời do ông làm Thư ký.

Năm 1926, ông là hội viên Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (HVNCMTN) và được cử sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp đào tạo cán bộ cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh) trực tiếp huấn luyện.

Cuối năm 1927, ông được phân công về nước hoạt động và chịu trách nhiệm xây dựng cơ sở cách mạng ở tỉnh Mỹ Tho. Từ đó, Tỉnh bộ HVNCMTN tỉnh Mỹ Tho được thành lập do ông làm Bí thư. Trong thời gian này, ông đã chỉ đạo thành lập gánh cải lương Đồng Nữ Ban ở Vĩnh Kim nhằm tuyên truyền cách mạng và tạo nguồn tài chính cho hoạt động của Tỉnh bộ.

Đồng thời, ông còn kiêm nhiệm việc mở rộng hoạt động của HVNCMTN sang các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Rạch Giá, Cà Mau. Cuối năm 1928, thực hiện chủ trương “vô sản hóa” của Trung ương HVNCMTN, ông chuyển về hoạt động ở địa bàn nông thôn. Tháng 8-1929, ông là cán bộ chủ chốt của tổ chức An Nam Cộng sản Đảng (ANCSĐ) tỉnh Mỹ Tho.

Tháng 2-1930, với tư cách là người đại diện nhóm ANCSĐ tỉnh Mỹ Tho, ông cùng với các ông Nguyễn Thiệu (Ủy viên Lâm thời Xứ ủy Nam kỳ, người dự Hội nghị hợp nhất Đảng ngày 03/02/1930 tại Hương Cảng, Trung Quốc), Trần Văn Vi tức Dân Tôn Tử (đại diện tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng tỉnh Mỹ Tho) tiến hành hợp nhất các cơ sở đảng của ANCSĐ và ĐDCSĐ tỉnh Mỹ Tho; và trên cơ sở đó, thành lập Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Mỹ Tho trực thuộc Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 10-1930, được sự phân công của cấp trên, ông về xã Thới Thuận xây dựng Chi bộ Đảng đầu tiên của xã này. Sau đó, ông được Xứ ủy Nam kỳ điều động đi xây dựng cơ sở Đảng ở khắp nơi; nhất là địa bàn Sài Gòn, Mỹ Tho và vùng Hậu Giang.

Tháng 4-1931, trên đường công tác từ Mỹ Tho đi Sài Gòn, ông bị địch bắt. Biết ông là cán bộ trọng yếu của Đảng, địch giam ông ở bót mật thám Catinat (Sài Gòn) và tra tấn hết sức dã man nhằm buộc ông phải khai báo cơ sở cách mạng. Nhưng trước sau, ông vẫn một lòng trung thành với Đảng, kiên cường chịu đựng đòn roi tra tấn của bọn thực dân, quyết giữ vững tinh thần chiến đấu bất khuất của người chiến sĩ cộng sản.

Cuối cùng, do bị đánh đập dã man, ông đã anh dũng hy sinh tại nhà thương Chợ Quán. Ông là một những cán bộ cách mạng đầu tiên ở tỉnh Mỹ Tho, có công xây dựng Đảng bộ tỉnh Mỹ Tho và cơ sở Đảng tại một số tỉnh ở Nam Kỳ trong những năm Đảng Cộng sản Việt Nam mới đươc thành lập. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Ngọc Giải có điểm đầu: giáp với đường Lý Thường Kiệt; điểm cuối: giao với Quốc lộ 60; chiều dài: 1,800 km; chiều rộng: 5,0 m.

**79. Đường Trần Nguyên Hãn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Nguyễn Hãn).

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN NGUYÊN HÃN**

**(1390 - 1429)**

Trần Nguyên Hãn sinh năm 1390, dòng dõi quan Tư đồ Trần Nguyên Đán thời nhà Trần, quê ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định), nhưng định cư tại thôn Sơn Đông, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc (nay là xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc).

Khi giặc Minh (Trung Quốc) xâm lược và thống trị đất nước ta, cuối năm 1417, ông vào Lam Sơn (Thanh Hóa) tham gia cuộc khởi nghĩa do Lê Lợi lãnh đạo, được giữ chức quan Tư đồ. Trong suốt 10 năm kháng chiến chống quân Minh (1418- 1427), ông lập được những chiến công oanh liệt. Tháng 8-1425, ông đem quân vào giải phóng xứ Tân Bình - Thuận Hóa (nay vùng đất từ phía bắc tỉnh Quảng Bình đến tỉnh Thừa Thiên - Huế). Tại đây, vâng mệnh Lê Lợi, ông lập căn cứ, tuyển binh lính, chuẩn bị cho công cuộc tiến quân ra đồng bằng Bắc bộ.

Tháng 11-1426, ông chỉ huy hơn 100 chiến thuyền, tiến đánh quân Minh ở phía bắc thành Đông Quan (Thăng Long - Hà Nội) khiến quân địch phải rút vào thành cố thủ. Sau trận này, ông được phong chức Thái úy, là chức quan đứng đầu hàng quan võ.

Tháng 10-1427, để cô lập thành Đông Quan với viện binh do tướng Liễu Thăng chỉ huy, cùng với các tướng Lê Sát, Lê Lý, ông chỉ huy quân ta đánh chiếm thành Xương Giang. Ngay sau đó, ông cùng tướng Lê Sát tổ chức phục binh ở Chi Lăng, góp công lớn trong việc chém tướng nhà Minh Liễu Thăng và đánh tan đạo quân chi viện của nhà Minh.

Đất nước hết bóng giặc ngoại xâm, trở lại thanh bình, tháng 4-1428, ông được vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) phong chức Tả Tướng quốc (Hữu Tướng quốc là Thái tử Tư Tề, con trưởng của nhà vua). Sau đó, ông xin về hưu, trở về quê sinh sống. Nhưng có kẻ vu cho ông mưu phản. Vua Lê Thái Tổ sai người về bắt ông. Tháng 3-1429, thuyền của ông trên đường về kinh thành Thăng Long; đến bến Đông Hồ thì bị chìm, ông chết theo thuyền. Năm 1455, vua Lê Nhân Tông xét rõ nỗi oan của ông, mới ra lệnh trả lại ruộng đất, nhà cửa, tha cho những người trong gia tộc còn sống sót. Ông được xây tượng đài ở Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đền thờ ở xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Trần Nguyên Hãn có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trung Trực; điểm cuối: giáp với cầu Gò Cát, xã Mỹ Phong; chiều dài: 2,0 km; chiều rộng: 7,0 m.

**80. Đường Trần Quốc Toản**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Quốc Toản).

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN QUỐC TOẢN**

**(1267 – 1285)**

Trần Quốc Toản sinh năm 1267 thuộc dõng dõi hoàng tộc triều Trần. Cha mất sớm, ông ở với mẹ và được chú là Chiêu thành vương Trần Thông dạy dỗ chu đáo. Ngay từ nhỏ, ông đã bộc lộ năng khiếu võ nghệ và lòng quả cảm hơn người, rất ham đọc sách quân sự và có chí lớn. Ông được phong tước Hoài văn hầu khi mới 15 tuổi.

 Năm 1282, vua Trần Nhân Tông tổ chức Hội nghị quân sự cấp cao gồm các vương hầu và tướng lĩnh tại bến Bình Than để bàn kế sách chống giặc Mông - Nguyên. Ông xin dự hội nghị; nhưng vì còn ít tuổi nên không được tham dự.  Để động viên, vua Trần Nhân Tông ban cho ông quả cam. Trước sự việc đó, ông đã bóp nát quả cam trong tay lúc nào không biết.

Không nản lòng, ông đã tập hợp những người thân thuộc và trai tráng trong vùng thành đạo quân hơn 1.000 người tự sắm sửa vũ khí, chiến thuyền và cùng nhau ngày đêm luyện võ, tập trận chờ thời cơ đánh giặc. Đội quân trẻ tuổi của ông giương cao lá cờ thêu sáu chữ vàng *“Phá cường địch, báo hoàng ân”* (“Phá giặc mạnh, đền ơn vua”).

Năm 1285, quân Mông - Nguyên tràn vào xâm lược nước ta lần thứ hai (lần thứ nhất vào năm 1258). Lá cờ thêu sáu chữ vàng của ông xuất hiện trên nhiều mặt trận. Ông đã trực tiếp chỉ huy đội quân hơn 1.000 người sát cánh chiến đấu với quân chủ lực của triều đình góp phần làm nên những chiến thắng vang dội ở Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương. Do bị đại bại, giặc Mông - Nguyên phải bỏ Thăng Long, chạy về Kinh Bắc (Bắc Ninh) để tìm đường về nước. Ông được lệnh điều quân đến mai phục chặn đánh địch ở vùng sông Như Nguyệt. Trong trận đánh quyết liệt đó, giặc thua to nhưng không may ông đã hy sinh anh dũng khi mới 18 tuổi. Được tin ông đã vì nước vong thân, vua Trần Nhân Tông vô cùng thương tiếc. Nhà vua cho cử hành tang lễ trọng thể, đích thân làm văn tế và truy tặng ông tước Hoài Văn Vương.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm *“Lịch sử nước ta”* ca ngợi ông như sau:

*“Thật là một đấng anh hùng*

*Trẻ con Nam Việt nên cùng noi theo”*

Tên của ông được đặt tên cho nhiều công trình công cộng ở các tỉnh, thành trên cả nước.

Đường Trần Quốc Toản có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Trãi; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 0,210 km; chiều rộng: 7,0 m.

**81. Đường Trần Thị Sanh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Thị Sanh).

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN THỊ SANH**

**(1820 – 1882)**

Trần Thị Sanh sinh năm 1820, người thôn Thuận Ngãi, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay thuộc phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Bà được xếp vào hàng Ngoại thích của Hoàng gia, vì bà là cháu gọi Đức Quốc công Phạm Đăng Hưng (thông gia vua Minh Mạng, cha vợ vua Thiệu Trị, ông ngoại vua Tự Đức) là cậu ruột, là em cô cậu ruột với Thái hậu Từ Dụ (ái nữ của Phạm Đăng Hưng, thân mẫu của vua Tự Đức) và là dì của vua Tự Đức.

Bà là một người rất giàu có, sở hữu hàng trăm mẫu ruộng, cho nên dân gian mới có câu:

*Gò Công có bốn tổng giàu,*

*Mà riêng có một bà Hầu giàu to.*

Bà là vợ của ông Dương Tấn Bổn, một hào phú ở địa phương; nhưng không may, ông Bổn mất sớm, bà thay chồng nuôi dạy người con gái là Dương Thị Hương nên người.

Khoảng năm 1861, bà tái giá với Trương Định. Theo lời truyền tụng của dòng họ Trần, cuộc hôn nhân này là do sự sắp xếp của Thái hậu Từ Dụ, nhằm sử dụng tiền bạc của bà để giúp Trương Định chiêu mộ nghĩa quân, mua vũ khí, lương thực, gây thanh thế đánh giặc Pháp, bảo vệ vùng đất Gò Công - quê hương bên ngoại của vua Tự Đức.

Khi Trương Định phất cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp ở Gò Công, để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc chiến đấu của nghĩa quân, với tư cách là “như phu nhân” (vợ thứ) của Bình Tây Đại tướng quân, bà đã đóng góp tài sản của mình cho phong trào kháng chiến; mà không toan tính thiệt hơn. Điều đó đã góp phần quan trọng trong việc tạo nên những chiến công vang dội của nghĩa quân Trương Định.

Sau khi Trương Định đền nợ nước (20/8/1864), bà đã đấu tranh quyết liệt với địch, đòi bọn chúng phải cho bà mang thi hài của chồng mình về an táng ngay tại trung tâm Gò Công. Bà đã khéo léo ứng phó, khiến giặc không có cớ để gây khó khăn trong việc an táng Trương Định.

Sau đó, bà tiến hành việc xây mộ Trương Định. Mộ được làm bằng hồ ô dước. Bia mộ ghi: “*Đại Nam An Hà Lãnh binh kiêm Bình Tây Đại tướng quân, Trương công húy Định chi mộ*”. Thế nhưng, thực dân Pháp biết được, ra lệnh cho bọn thuộc hạ đục hàng chữ “*Bình Tây Đại tướng quân*” và phạt bà 10.000 quan tiền vì tội lập bia mộ trái phép.

Liên tiếp trong hai năm 1873 và 1874, bà đã nhiều lần làm đơn đề nghị Thống đốc Nam kỳ cho phép bà xây lại lăng mộ Trương Định. Do áp lực của quần chúng và cho rằng ảnh hưởng của Trương Định đã không còn trong nhân dân, nên chính quyền thực dân chấp thuận cho bà xây dựng lăng mộ cho ông. Ngôi mộ mới của Trương Định được làm bằng đá hoa cương, rất chắn chắn và kiên cố. Đồng thời, bà còn cho làm bia mộ, các bức hoành phi và trụ đá ghi lại thân thế và ca ngợi sự nghiệp hào hùng của Trương Định.

Trước việc ấy, một lần nữa, thực dân Pháp ở Nam kỳ lại ra lệnh cho bọn tay sai ở Gò Công đục xóa bia mộ và phá hủy các bức hoành phi, trụ đá được tôn trí tại mộ của Trương Định.

Như vậy, sau khi Trương Định mất, với tấm lòng ngưỡng phục, thương tiếc người chồng đã vì nước quên thân, bà đã làm tròn bổn phận của người vợ đối với chồng. Đặc biệt, thông qua việc xây mộ cho Trương Định, bà muốn nhắc nhở người đương thời lẫn hậu thế hãy noi theo tấm gương kiên cường, bất khuất của vị Anh hùng dân tộc mà xốc tới chiến đấu một mất một còn với kẻ thù nhằm giành lại nền độc lập, tự do cho đất nước.

Ngoài những việc trên, bà còn có hành động trả thù cho chồng bằng việc mua toàn bộ điền sản của Huỳnh Văn Tấn, kẻ đã hại chết Trương Định, khi y ta do ăn chơi lâm vào cảnh nợ nần, khánh kiệt.

Năm 1882, bà mất, thọ 62 tuổi. Mộ của bà được xây bằng đá hoa cương do người con gái duy nhất Dương Thị Hương lập. Bia mộ ghi: “*Sa môn thọ giới Trần đại đạo thị quy phạm ích viết từ tề thục thận nhụ nhân chi mộ*” (nghĩa là “*Đây là mộ của người quy y Phật pháp, rũ sạch mọi ham muốn cuộc đời, từ mẫu nhu thuận, hiền từ, đoan chính*”). Ngôi mộ hiện tọa lạc tại Phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang và được công nhận Di tích lịch sử văn hoá cấp tỉnh năm 2016. Tên bà được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bà là một phụ nữ có chí khí, yêu nước, thương dân, làm điều nghĩa, việc thiện, góp công lớn trong cuộc khởi nghĩa Trương Định; đồng thời, thực hiện trọn vẹn đạo nghĩa vợ chồng với Bình Tây đại tướng quân Trương Định.

Đường Trần Thị Sanh có điểm đầu: giáp với đường Đinh Bộ Lĩnh; điểm cuối: giao với Sông Tiền; chiều dài: 0,300 km; chiều rộng: 14 m.

**82. Đường Trần Thị Thơm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Thị Thơm).

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN THỊ THƠM**

**(1933 – 1970)**

Trần Thị Thơm sinh năm 1933 tại làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là các Phường 1, 2, 3, 4, 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình lao động nghèo.

Năm 1950, bà giác ngộ cách mạng, tham gia tổ chức công đoàn, vận động quần chúng đấu tranh chống địch tăng thuế, chống mua bán ép giá,… tại khu vựa chợ Mỹ Tho.

Năm 1954, bà lãnh đạo quần chúng lao động kết hợp với học sinh Trường trung học Nguyễn Đình Chiểu đấu tranh yêu cầu chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành hiệp định Genève, đòi các quyền dân sinh dân chủ, chống bắt quân dịch, chống quân sự hóa học đường,…

Năm 1958, do địch ráo riết truy lùng cán bộ cách mạng, nên bà được cấp trên điều lắng đi Sài Gòn. Sau đó, cơ sở cách mạng bị lộ, bà được Tỉnh ủy Mỹ Tho rút về căn cứ và được giao nhiệm vụ làm công tác dân vận, trực tiếp phụ trách lớp huấn luyện cán bộ nông - thanh - phụ vận.

Năm 1960, bất chấp nguy hiểm, bà trở vào nội ô thị xã Mỹ Tho hoạt động nhằm gầy dựng lại phong trào đang hồi bị địch đánh phá ác liệt. Năm 1962, bà là ủy viên Thị xã ủy Mỹ Tho.

Năm 1967, bà được bầu làm Thành ủy viên Thành ủy Mỹ Tho kiêm Trưởng ban Cán sự Khu II (nay là khu vực Chợ Cũ thuộc các phường 2, 3, 8, 9, thành phố Mỹ Tho). Để chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược Tết Mậu Thân (1968), ở Khu II, bà đã xây dựng được 2 chi bộ mạnh và 1 đội biệt động vũ trang. Đồng thời, qua gia đình binh sĩ, bà đã móc nối được nhiều binh lính của quân đội Sài Gòn hoạt động cho ta. Khu II, do bà phụ trách, được đánh giá là một trong những nơi có phong trào cách mạng mạnh nhất của thành phố Mỹ Tho.

Trong cuộc tiến công chiến lược Tết Mậu Thân (1968), bà là Chỉ huy trưởng của Mặt trận phía đông đánh vào trại lính Mãnh hổ, Khám đường, cầu Quay,… gây cho địch những thiệt hại nặng nề. Năm 1969, bà được đề bạt làm Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, phụ trách công tác đô thị.

Tháng 3-1970, trên đường công tác từ Khu 8 về, do có chỉ điểm, bà bị địch bắt tại bến đò Quới Sơn (nay thuộc xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre). Ngay lập tức, địch đã chuyển bà về Trung tâm thẩm vấn Mỹ Tho để khai thác. Tại đây, mặc dù bị tra tấn rất dã man, nhưng bà vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, kiên quyết không khai báo. Bà bị địch đánh đập cho đến chết ngày 17 - 3 - 1970. Tên bà được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Thị Thơm có điểm đầu: giáp với đường Thái Sanh Hạnh; điểm cuối: cầu Bình Phong, xã Mỹ Phong; chiều dài: 1,300 km; chiều rộng: 3,5 m.

**83. Đường Trần Văn Dược**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Văn Dược).

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN VĂN DƯỢC**

**(1929 – 1988)**

Trần Văn Dược sinh năm 1929 tại làng Tuyên Thạnh, quận Mộc Hóa, tỉnh Tân An (nay là xã Tuyên Thạnh, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An).

Ngay từ nhỏ, ông đã học nghề bắt rắn và tìm hiểu cách lấy nọc rắn, cách chữa trị khi rắn cắn bằng những cây thuốc, lá cỏ trong dân gian. Đến khi tham gia kháng chiến chống Pháp, làm công tác Quân y, ông càng có thêm cơ hội tìm hiểu nghiên cứu về nọc độc của rắn nhằm chữa trị cho bộ đội, nhân dân trong vùng Đồng Tháp Mười.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc. Khi ra đến Hải Phòng không bao lâu, ông được tổ chức phân công về Nam công tác tại Huyện ủy Cái Bè. Sau đó, ông chuyển sang Quân y, tổ chức cứu chữa thương bệnh binh và nhân dân và tham gia đánh địch bảo vệ căn cứ.

Sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975), trong điều kiện thiếu thốn về thuốc chữa bệnh, được sự phân công của cấp trên, ông cùng với hai cán bộ của Phòng Quân y Quân khu 9 đến căn cứ Đồng Tâm của Sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn chọn một địa điểm để tiến hành sản xuất, nuôi trồng dược liệu. Ngày 27-10-1977, Đội Nuôi trồng dược liệu thuộc Cục Hậu cần Quân khu 9 được thành lập do ông làm Đội trưởng. Đến năm 1978, đơn vị đã trồng hơn 60 loại cây thuốc, ươm hàng ngàn cây giống cung cấp cho gần 20 đơn vị cả quân y và dân y phục vụ xây dựng và phát triển vườn thuốc Nam cấp đại đội, tiều đoàn, Trạm y tế xã, Bệnh xá Tỉnh đội góp phần đưa phong trào thuốc Nam phát triển mạnh mẽ ở các đơn vị quân đội và các tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre.

Đồng thời, ngay từ những ngày đầu thành lập, ông cũng xác định việc cấp cứu và điều trị rắn độc cắn là một nhiệm vụ trọng yếu. Với phương châm “Nuôi rắn phải trị được rắn cắn”, ông cùng với cán bộ, chiến sĩ của đơn vị ra sức xây dựng nơi đây thành trung tâm nuôi dưỡng, nghiên cứu rắn và điều trị rắn độc cắn lớn nhất ở Việt Nam.

Sau đó, với quân hàm đại tá, bác sĩ, ông được phân công làm Giám đốc Xí nghiệp 408 được phát triển từ Đội Nuôi trồng dược liệu. Với tên gọi mới, Xí nghiệp có nhiệm vụ bảo tồn các nguồn dược liệu quý; sản xuất thuốc y học dân tộc; cấp cứu và điều trị rắn độc cắn cho quân và dân các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Với cương vị Giám đốc Xí nghiệp 408, ông đã chủ trì việc nghiên cứu và thử nghiệm thành công việc nuôi rắn sinh sản tự nhiên với quy mô lớn và bằng nhiều hình thức rất đa dạng; chế biến nhiều sản phẩm từ rắn phục vụ chữa bệnh và xuất khẩu rắng sống ra nước ngoài; nghiên cứu thành công thuốc điều trị rắn độc cắn, lập ra phác đồ cấp cứu và điều trị rắn độc cắn rất hiệu quả, được phổ biến trong toàn quân; chỉ huy với cán bộ, chiến sĩ của đơn vị điều trị thành công hàng ngàn trường hợp bộ đội và nhân dân bị rắn độc cắn. Ngoài ra, ông còn chỉ đạo và tham gia nuôi trăn, kỳ đà, gấu, cá sấu,… và trồng nhiều loại dược thảo quý để cung cấp nguyên liệu chế biến 19 loại dược phẩm chữa bệnh. Đồng thời, ông đã tích cực truyền đạt kinh nghiệm và góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ quân y kế tiếp có chất lượng cao, xây dựng đơn vị ngày càng phát triển, đóng góp nhiều công trình trong nghiên cứu y học của toàn quân.

Do có thành tích trong công tác, ông được đề bạt làm Phó Chủ nhiệm Phòng Quân y Quân khu 9. Năm 1988, ông lâm trọng bệnh và qua đời.

Trong quá trình hoạt động cách mạng và lao động sáng tạo trong ngành Quân y, ông được tặng thưởng 08 Huân chương các loại; 01 Huy hiệu và Bằng Sáng tạo của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; danh hiệu Thầy thuốc Nhân dân. Năm 1989, ông được truy tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Văn Dược có điểm đầu: giáp với đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: Đường Kè sông Tiền; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 13 m.

**84. Đường Trần Văn Hiển**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trần Văn Hiển).

Tiểu sử danh nhân:

**TRẦN VĂN HIỂN**

**(1900 – 1945)**

Trần Văn Hiển còn được gọi là Trần Vinh Hiển, sinh năm 1900 tại làng Tân Thuận Bình, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông xuất thân trong một gia đình nhân sĩ yêu nước nổi tiếng. Thân sinh của ông là Trần Văn Hoài (Hương trưởng Hoài) vừa trực tiếp tham gia vừa có nhiều đóng góp to lớn cho cách mạng.

Năm 1925, ông sang Pháp du học. Lúc ấy, cha của ông có sáng tác một bài thơ, nhắn nhủ ông hãy làm tròn trách nhiệm của người trí thức yêu nước đối với Tổ quốc:

*Ba bảy muôn trùng lướt dặm khơi,*

*Đưa con đi học dặn đôi lời.*

*Bạc đầu chẳng tiếc công dời núi,*

*Xanh tóc đừng nao sức vá trời.*

*Đến nước thôi thời liều với nước,*

*Ở đời ai nỡ phú cho đời.*

*Đã sanh trách nhiệm làm nam tử,*

*Gánh vác cho đời há phải chơi.*

Ở Pháp, ông tích cực hoạt động trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và trí thức, nên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Pháp vào năm 1926.

Năm 1935, ông trở về nước; rồi lập ra nhà hàng “*Đêm Thanh*”, nhằm hoạt động, xây dựng cơ sở cách mạng và kinh doanh, tạo nguồn tài chính cho Đảng.

Năm 1940, ông tham gia chỉ huy cuộc khởi nghĩa Nam kỳ ở huyện Chợ Gạo; và nghĩa quân đã chiếm được một số xã. Nhưng sau đó, thực dân pháp tiến hành đàn áp khốc liệt và cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Vì thế, ông rút vào hoạt động bí mật tại Sài Gòn và Mỹ Tho.

Năm 1943, tại hội nghị Xứ ủy Nam kỳ được tổ chức tại nhà của cha ông ở Tân Thuận Bình (Chợ Gạo), ông được bầu là Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ. Từ đây, ông cùng với tập thể Xứ ủy ra sức hoạt động nhằm khôi phục phong trào cách mạng ở Nam kỳ.

Tháng 8 - 1945, ông cùng với các vị trong Tỉnh ủy Mỹ Tho lãnh đạo cuộc khởi nghĩa trên địa bàn toàn tỉnh giành được thắng lợi rực rỡ. Sau đó, ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Cách mạng lâm thời đầu tiên của tỉnh Mỹ Tho. Ở cương vị này, ông tích cực chỉ đạo công cuộc xây dựng chính quyền cách mạng, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân và chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 24 - 10 - 1945, ông đã anh dũng hy sinh khi thực dân Pháp xua quân tấn công trụ sở Ủy ban Cách mạng tỉnh. Ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trần Văn Hiển có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Thị Thập; điểm cuối: giao với đường Phạm Hùng; chiều dài: 0,175 km; chiều rộng: 5.0 m.

**85. Đường Trịnh Hoài Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trịnh Hoài Đức).

Tiểu sử danh nhân:

**TRỊNH HOÀI ĐỨC**

**(1765 – 1825)**

Trịnh Hoài Đức có tên gọi khác là An, tên tự Chỉ Sơn, hiệu Cấn Trai; sinh năm 1765, quê ở Trấn Biên (nay là thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày nay). Năm 1775, sau khi cha mất, ông mới 10 tuổi theo mẹ dời vào Phiên Trấn (Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Tại đây, ông theo học Xử sĩ Võ Trường Toản.

Năm Mậu Thân (1788), khi Nguyễn Ánh chiếm Gia Định, ông cùng nhóm Lê Quang Định ra ứng cử, được bổ làm Hàn lâm viện Chế cáo. Năm 1789, ông nhậm chức Điền Tuấn sứ huyện Tân Bình. Sau đó, ông đổi qua bộ Hình, kế nhiệm chức Thị giảng Đông cung. Năm 1794, ông được bổ làm Ký lục dinh Trấn Định (Tiền Giang ngày nay) (1). Năm 1801, ông làm Tham tri bộ Hộ.

Năm 1802, ông được thăng Thượng thư bộ Hộ, làm Chánh sứ sang Trung Quốc. Năm 1804, ông hộ giá vua Gia Long về Phú Xuân, vẫn đảm nhiệm chức Thượng thư bộ Hộ.

Năm 1802, ông được cử làm Hiệp Lưu trấn Gia Định. Năm 1808, Gia Định trấn được đổi thành Gia Định thành, Trịnh Hoài Đức được bổ làm Hiệp Tổng trấn.

Năm 1812, ông được triệu về kinh, giữ chức Thượng thư bộ Lễ, kiêm quản Khâm Thiên giám. Năm sau (1813), ông được chuyển sang làm Thượng thư bộ Lại. Đến năm 1816, ông lại được nhiệm chức Hiệp Tổng trấn Gia Định thành. Năm 1819, ông tham gia chỉ huy công trình nạo vét và mở rộng kênh Bảo Định ở trấn Định Tường.

Năm 1820, thời Minh Mạng, ông lãnh chức Tổng trấn Gia Định thành, sau đó được triệu về kinh, lãnh chức Thượng thư bộ Lại.

Năm 1821, ông được thăng hàm Hiệp biện Đại học sĩ, lãnh Thượng thư bộ Lại kiêm Thượng thư bộ Binh.

Tháng 3 năm 1822, ông được sung làm Chánh Chủ khảo trường thi Hội tại kinh đô Huế; tháng 11, ông kiêm lãnh Thượng thư bộ Lễ.

Tháng 7 năm 1823, ông xin về Gia Định nghỉ vì sức khỏe kém. Đến tháng 9 cùng năm, ông trở lại kinh lãnh chức Thượng thư bộ Lại và bộ Lễ. Tháng 10 cùng năm, ông trở về Gia Định. Tháng 3-1824, trở ra kinh, ông lãnh chức Thượng thư bộ Lại kiêm quản Lễ bộ sự vụ. Tháng 7 cùng năm, ông được sung chức Tổng tài và quyền lãnh công việc ở ty Thương Bạc. Chẳng bao lâu, do bệnh nặng, tuổi cao, ông từ trần tại Quỳ Viên vào tháng 3‑1825.

Khi ông mất, triều đình cho bãi triều ba ngày, truy tặng ông làm Thái bảo, Cần Chánh điện Đại học sĩ (hàm Chánh nhất phẩm), đặt tên thụy là Văn Khác. Thi hài ông được đưa về chôn tại quê nhà - thôn Bình Trước, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long (nay là phường Trung Dũng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Khu mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp Quốc gia năm 1990.

Tác phẩm của Trịnh Hoài Đức gồm có:

- *Cấn Trai thi tập* gồm 3 tập: *Thối thực truy biên tập, Quan quang tập, Khả dĩ tập*.

- *Gia Định Thành thông chí*.

- *Bắc sứ thi tập* (có ý kiến cho rằng *Bắc sứ thi tập* chính là *Quan quang tập* trong *Cấn Trai thi tập*.

- *Lịch đại kỷ nguyên*.

- *Khang tế lục*.

- *Gia Định tam gia thi tập*: chung với Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tĩnh.

Đương thời, ông cùng với Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tĩnh được mọi người tôn làm Gia Định tam gia. Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương trên cả nước.

Đường Trịnh Hoài Đức có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn An Ninh; điểm cuối: giao với đường Học Lạc; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 6,0 m.

**86. Đường Trừ Văn Thố**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trừ Văn Thố).

Tiểu sử danh nhân:

**TRỪ VĂN THỐ**

**(1937 – 1963)**

Trừ Văn Thố sinh năm 1937 tại làng Thanh Hòa, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay là Phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Năm 1961, ông vào du kích xã. Trong một trận đánh địch càn quét, mặc dù bị thương khá nặng, nhưng ông vẫn không rời trận địa và cùng với đồng đội chiến đấu, đánh bại quân địch.

Tháng 4-1962, ông gia nhập bộ đội,  được bổ sung về Trung đoàn 2, Công trường 9 bộ đội chủ lực Miền, chiến đấu ở miền Đông Nam bộ và tham gia đánh hàng chục trận lớn, nhỏ. Tháng 4-1963, ông được cử đi học trinh sát; rồi sau đó, được phân công về đơn vị Q 272. Đây là đơn vị đặc công đặc biệt tinh nhuệ thuộc Trung đoàn 2, Công trường 9 bộ đội chủ lực Miền. Ở đơn vị mới, ông được giao nhiệm vụ trinh sát đồn Cây Trường ở khu Dinh điền Văn Hữu (Hiếu Văn 1; Hiếu Văn 2) thuộc huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Đồn này rất kiên cố và có vị trí chiến lược cực kì quan trọng; bởi vì nó án ngữ đường số 13 và khu tam giác Dinh Điền - Căm Xe - Văn Hữu. Do vậy, địch bố trí một lực lượng mạnh để phòng thủ nơi đây. Trong hơn một tháng, ông đã dũng cảm vượt qua mọi gian lao, nguy hiểm; bí mật thâm nhập vào trinh sát đồn Cây Trường; nhằm giúp đơn vị nắm vững các vị trí bố phòng của địch; và trên cơ sở đó, xây dựng phương án chiến đấu, tiêu diệt căn cứ này.

Ngày 18-10-1963, đơn vị Q 272 nổ súng tấn công đồn Cây Trường. Ông được phân công phụ trách một tổ 3 người; và cùng với một số tổ khác đánh vào lô cốt cố thủ chính của địch. Sau khi tổ của ông dùng mìn mở được đột phá khẩu và đánh sập một lô cốt ở tiền duyên; thì các chiến sĩ Q 272, được hỏa lực súng cối chi viện, ồ ạt xung phong.

Thế nhưng, từ trong lô cốt chính, địch dùng súng đại liên bắn xối xả vào đội hình tiến công của bộ đội. Một số chiến sĩ đã gục ngã trên đường hành tiến, trong đó có 2 tổ viên của ông. Với quyết tâm giành thắng lợi, ông đã bí mật ôm bộc phá bò về phía lô cốt của địch.

Phát hiện ra ông, địch tập trung các cỡ súng bắn cấp tập vào nơi ông đang vận động. Một loạt đạn đã làm ông bị thương nặng ở chân. Tuy vậy, ông nén đau đớn, nhanh chóng tiếp cận lô cốt của địch đặt bộc phá và giật nụ xòe. Một chớp lửa bùng sáng và kèm theo là một tiếng nổ lớn vang lên. Tiếng súng địch tạm ngưng trong giây lát; nhưng sau đó lại rộ lên. Thêm một số chiến sĩ nữa đã hy sinh.

Lúc bấy giờ, từ một vị trí kín đáo, ông dùng thủ pháo ném về phía lô cốt của địch; nhưng không đạt kết quả. Trước tình hình gay go đó, ông trườn dần lên. Khi đến sát lô cốt của địch, ông bất ngờ bật dậy, dùng thân mình bịt lỗ châu mai. Tiếng đại liên của địch câm bặc. Chỉ chờ có thế, toàn đơn vị của ông đồng loạt xung phong; và đồn Cây Trường bị tiêu diệt hoàn toàn. Thế nhưng, người chiến sĩ trinh sát kiên cường và dũng cảm đã anh dũng hy sinh.

Ngày 5-8-1965, ông được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam truy tặng Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba và danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng”. Tên ông được đặt cho một xã thuộc huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; tên trường trung học cơ sở tại huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trừ Văn Thố có điểm đầu: giáp với đường Hoàng Việt; điểm cuối: giao với đường Lý Thường Kiệt; chiều dài: 0,200 km; chiều rộng: 3,5 m.

**87. Đường Trưng Trắc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trưng Trắc).

Tiểu sử danh nhân:

**TRƯNG TRẮC**

**(14 – 43)**

Trưng Trắc sinh năm 14 sau công nguyên, là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh (nay là huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) thuộc dòng dõi Hùng Vương. Bà là một phụ nữ đảm đang, dũng cảm, giàu lòng yêu nước. Chồng bà là Thi Sách, con trai Lạc tướng huyện Châu Diên (nay thuộc hai tỉnh Nam Định và Hà Nam) cũng là một người yêu nước và có chí khí quật cường.

Dưới ách thống trị của nhà Hán (Trung Quốc), nhân dân ta bị đàn áp và bóc lột tàn bạo. Trước tình hình đó, hai gia đình Lạc tướng Mê Linh và Châu Diên với sự ủng hộ của nhân dân cùng nhau liên kết với các thủ lĩnh khác chuẩn bị khởi nghĩa. Đúng lúc đó, Thi Sách bị Thái thú Tô Định giết chết. Hành vi bạo ngược của Tô Định không làm bà nhụt chí; mà ngược lại, bà càng quyết tâm tiến hành cuộc khởi nghĩa để đền nợ nước, trả thù nhà, giành lại nền độc lập cho đất nước

Tháng 3 năm 40, bà cùng em là Trưng Nhị phát động khởi nghĩa ở cửa sông Hát (nay thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội). Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh. Từ Mê Linh, nghĩa quân tiến đánh Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội); rồi từ đó tiến về Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), trung tâm của chính quyền đô hộ.

Dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, các cuộc khởi nghĩa ở bốn quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đã thống nhất thành một phong trào nổi dậy rộng lớn cả nước. Bị đòn bất ngờ, chính quyền đô hộ tan rã và sụp đổ nhanh chóng. Quân Hán hoảng sợ bỏ hết của cải, vũ khí, chạy tháo thân về nước. Tô Định phải cắt tóc, cạo râu, mặc giả thường dân, lẩn vào đám tàn quân trốn về Trung Quốc. Chỉ trong vòng không đầy một tháng, cuộc khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi, giành lại nền độc lập dân tộc sau hơn hai thế kỷ bị phong kiến nước ngoài đô hộ. Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua (Trưng Vương) và đóng đô ở Mê Linh.

Năm 42, nhà Hán sai Mã Viện đem 2 vạn quân và 2 ngàn xe thuyền sang xâm lược nước ta. Trong cuộc chiến đấu chống giặc ở Lãng Bạc (nay là khu vực Hồ Tây thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội), quân của Hai Bà bị thiệt hại nặng, phải lui về Cổ Loa, rồi Cấm Khê (nay thuộc huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) lập căn cứ chống giữ. Sau một năm chiến đấu quyết liệt, Hai Bà đã anh dũng hy sinh vào mùa hè năm 43.

Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai nữ anh hùng dân tộc đầu tiên trong  lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Đường Trưng Trắc có điểm đầu: giáp với đường 30 tháng 4; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Trãi; chiều dài: 0,800 km; chiều rộng: 8,0 m.

**88. Đường Trưng Nhị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trưng Nhị).

Tiểu sử danh nhân:

**TRƯNG NHỊ**

**(14 – 43)**

Trưng Nhị sinh năm 14 sau công nguyên, là con gái Lạc tướng huyện Mê Linh (nay là huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội) thuộc dòng dõi Hùng Vương. Tương truyền, bà là em sinh đôi với Trưng Trắc, có tính cách mạnh mẽ giống như chị.

Dưới ách thống trị của nhà Hán (Trung Quốc), nhân dân ta bị đàn áp và bóc lột tàn bạo. Trước tình hình đó, hai gia đình Lạc tướng Mê Linh và Châu Diên với sự ủng hộ của nhân dân cùng nhau liên kết với các thủ lĩnh khác chuẩn bị khởi nghĩa. Đúng lúc đó, Thi Sách là anh rễ của bà bị Thái thú Tô Định giết chết.

Trước tình hình đó, tháng 3 năm 40, bà cùng chị là Trưng Trắc phát động khởi nghĩa ở cửa sông Hát (nay thuộc xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội). Nghĩa quân nhanh chóng làm chủ Mê Linh. Từ Mê Linh, nghĩa quân tiến đánh Cổ Loa (nay thuộc huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội); rồi từ đó tiến về Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), trung tâm của chính quyền đô hộ.

Dưới sự lãnh đạo của Hai Bà Trưng, các cuộc khởi nghĩa ở bốn quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đã thống nhất thành một phong trào nổi dậy rộng lớn cả nước. Bị đòn bất ngờ, chính quyền đô hộ tan rã và sụp đổ nhanh chóng. Quân Hán hoảng sợ bỏ hết của cải, vũ khí, chạy tháo thân về nước. Tô Định phải cắt tóc, cạo râu, mặc giả thường dân, lẩn vào đám tàn quân trốn về Trung Quốc. Chỉ trong vòng không đầy một tháng, cuộc khởi nghĩa hoàn toàn thắng lợi, giành lại nền độc lập dân tộc sau hơn hai thế kỷ bị phong kiến nước ngoài đô hộ. Trưng Trắc được suy tôn lên làm vua (Trưng Vương), Trưng Nhị là Phó vương.

Năm 42, nhà Hán sai Mã Viện đem 2 vạn quân và 2 ngàn xe thuyền sang xâm lược nước ta. Trong cuộc chiến đấu chống giặc ở Lãng Bạc (nay là khu vực Hồ Tây thuộc quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội), quân của Hai Bà bị thiệt hại nặng, phải lui về Cổ Loa, rồi Cấm Khê (nay thuộc huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội) lập căn cứ chống giữ. Sau một năm chiến đấu quyết liệt, Hai Bà đã anh dũng hy sinh vào mùa hè năm 43.

Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai nữ anh hùng dân tộc đầu tiên trong  lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Đường Trưng Nhị có điểm đầu tại Số 2, đường Trưng Nhị; điểm cuối tại số 460, đường Trưng Nhị thuộc phường Tân Long; chiều dài: 2,800 km; chiều rộng: 2,7 m.

**89. Đường Trương Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Định).

Tiểu sử danh nhân:

**TRƯƠNG ĐỊNH**

**(1820 – 1864)**

Trương Định sinh năm 1820 tại xã Tư Cung, huyện Bình Sơn, phủ Tư Nghĩa, trấn Quảng Ngãi (nay là xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) trong một gia đình quan chức yêu nước.

Theo Nguyễn Thông trong *Lãnh binh Trương Định truyện*, ông có “*trang mạo khôi ngô, thông hiểu binh thư và bắn giỏi*”. Sách *Đại Nam liệt truyện* của Quốc sử quán triều Nguyễn chép: “(*Trương*) *Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược*”. Paulin François Alexandre Vial, nguyên Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công, Giám đốc Nội vụ Nam Kỳ, trong quyển *Những năm đầu tiên ở Nam Kỳ* cho biết, ông cao lớn, nước da trắng, dáng người thanh tú.

Năm 1844, cha của ông là Trương Cầm vào tỉnh Gia Định nhận chức Lãnh binh. Ông được đi theo và sau đó, kết hôn với Lê Thị Thưởng, vốn là con gái của một hào phú ở Tân Hòa (Gò Công). Năm 1854, nhờ sự trợ giúp của gia đình bên vợ, ông xuất tiền của, mộ dân lập đồn điền Gia Thuận (nay thuộc huyện Gò Công Đông, Tiền Giang) để khai hoang vùng đất này. Vì thế, ông được triều đình phong chức Phó quản cơ.

Năm 1859, quân Pháp hạ thành Gia Định. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông đã chỉ huy dân quân đồn điền Gia Thuận phối hợp với quân triều đình tiến đánh quân địch ở vùng Thuận Kiều và lập được nhiều chiến công. Vì vậy, đến tháng 10-1860, ông và nghĩa sĩ, bao gồm 50 người, được vua Tự Đức “*thưởng cho gia trật hoặc kỷ lục, ngân tiền*”. Chiến công nổi bật đầu tiên của Trương Định và nghĩa quân là trận phục kích tiêu diệt tên đại úy thủy quân lục chiến Barbé tại chùa Khải Tường (vị trí chùa nay là Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, số 28, đường Võ Văn Tần, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 07-12-1860.

Tháng 4-1861, quân Pháp lần lượt đánh chiếm Mỹ Tho và Gò Công. Với quyết tâm chống quân xâm lược, Trương Định đã chiêu mộ 6.000 nghĩa sĩ dựng cờ khởi nghĩa. Vì thế, ông được triều đình phong chức Quản Cơ rồi thăng lên Phó Lãnh binh tỉnh Gia Định. Bên cạnh đó, ông còn ra sức xây dựng căn cứ kháng chiến Tân Hòa ở Gò Công. Ngoài ra, Trương Định còn cho xây dựng đồn trại ở Gia Thuận, vốn là đồn điền do ông lập ra năm 1854.

Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo có sự liên kết chặt chẽ với nhiều cuộc khởi nghĩa khác, như khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực ở Tân An, Trần Xuân Hòa, Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân ở Ba Giồng,...

Ngày 22-6-1861, nghĩa quân Đỗ Trình Thoại tấn công quân Pháp ở đồn Gò Công. Cuộc tập kích này đã làm tên lính thủy Bodiez phải tử trận, tên trung úy Vial bị đâm trọng thương. Thế nhưng, thủ lãnh Đỗ Trình Thoại đã anh dũng đền nợ nước. Qua ngày hôm sau, để trả thù cho Đỗ Trình Thoại, Trương Định chỉ huy nghĩa quân đánh vào đồn Gò Công, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong tháng 9-1861, ông chỉ huy nghĩa quân tiến hành trừng trị những tên tay sai chỉ điểm cho giặc, tiêu biểu là vụ bắt bá hộ Huy ở Đồng Sơn (nay thuộc huyện Gò Công Tây, Tiền Giang) phải đền tội phản quốc.

Sau đó, hoạt động quân sự của nghĩa quân Trương Định đã diễn ra liên tục.Ngày 30-12-1861, tấn công đồn Kỳ Hôn (nay thuộc TP Mỹ Tho, TG). Ngày 10-01-1862, tấn công đồn Gia Thạnh (nay thuộc huyện Chợ Gạo, TG); ngày hôm sau, với 10 chiến thuyền, nghĩa quân lại đánh đồn Rạch Gầm (nay thuộc huyện Châu Thành, TG). Từ ngày 22-01-1862 đến ngày 28-02-1862, nghĩa quân Trương Định mở 3 cuộc tấn công vào đồn Kỳ Hôn, có lần giặc Pháp phải bỏ đồn tháo chạy, bị nghĩa quân truy kích ráo riết.

Do bị tấn công liên tục, đô đốc Bonard ra lệnh cho quân Pháp rút khỏi đồn Gò Công ngày 01-3-1862. Cũng trong khoảng thời gian này, ông nhận được vũ khí do triều đình cấp phát, gồm 20 cỗ Quá sơn, 300 cân hỏa dược, 20 viên đạn thép, 80 trường thương. Trên cơ sở đó, đêm 06-4-1862, Trương Định chỉ huy nghĩa quân táo bạo đột kích Chợ Lớn (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh). Trận đánh này đã khiến nhân dân rất phấn khởi; còn quân giặc thì hoang mang cực độ.

Để thực thi hiệp ước ký với Pháp năm 1862, vua Tự Đức ra lệnh giải binh ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ (Định Tường, Gia Định, Biên Hòa); trong đó có việc buộc Trương Định phải giải tán nghĩa quân và đi An Giang nhận chức Lãnh binh. Tuy nhiên, với tước vị Bình Tây đại tướng quân, ông đã dũng cảm và sáng suốt ở lại Gò Công, lãnh đạo nhân dân tiếp tục cuộc kháng chiến.

Tháng 11-1862, Trương Định cử các đội trinh sát đi hoạt động ở khắp nơi. Ngày 06-12-1862, nghĩa quân Trương Định tấn công một chiến thuyền của quân Pháp trên sông Vàm Cỏ ở gần Trảng Bàng (Tây Ninh). Ngày 17 và ngày 18-12-1862, Trương Định ra lệnh cho nghĩa quân đồng loạt mở cuộc tổng công kích vào các vị trí chiếm đóng của quân Pháp ở ba tỉnh miền đông Nam kỳ.

Trước tình hình đó, đầu năm 1863, quân Pháp tổ chức những cuộc hành quân càn quét vào căn cứ Tân Hòa (Gò Công) của nghĩa quân Trương Định. Ngày 16-02-1863, đô đốc Bonard, tổng chỉ huy quân Pháp ở Nam kỳ, đến Gò Công, trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công. Do thế giặc quá mạnh nên Trương Định vừa cho nghĩa quân mật phục đánh địch liên tục, vừa ra lệnh cho đại bộ phận nghĩa quân rút đi nơi khác để bảo toàn lực lượng cho cuộc chiến đấu lâu dài.

Sau đó, Trương Định di chuyển về khu vực “Đám lá tối trời” ở Gia Thuận để gầy dựng lại lực lượng. Thực dân Pháp tung bọn mật thám, bọn phản bội chỉ điểm ráo riết theo dõi mọi hoạt động của nghĩa quân. Theo đó, Huỳnh Văn Tấn (Đội Tấn) được lệnh truy lùng nơi ở của Trương Định. Ngày 20-8-1864, Đội Tấn chỉ huy bọn thuộc hạ bất ngờ đột kích vào nơi trú ngụ của ông tại Kiểng Phước (nay thuộc huyện Gò Công Đông, TG). Trận chiến không cân sức đã diễn ra; và cuối cùng, Trương Định đã anh dũng hy sinh vì đại nghĩa cứu nước, cứu dân, hưởng dương 44 tuổi, để lại bao niềm tiếc thương trong lòng người dân Gò Công và Nam bộ:

*Trời Bến Nghé mây mưa sùi sụt, thương đấng anh hùng gặp bước gian truân;*

*Đất Gò Công cây cỏ ủ ê, cám niềm thần tử hết lòng trung ái.*

*Xưa còn làm tướng, dốc rạng dồi hai chữ Bình Tây,*

*Nay thác theo thần, xin dâng hộ một câu phục thái.*

(*Văn tế Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Tuy nhiên, sự nghiệp của ông luôn sống mãi với hồn thiêng sông núi và gắn liền với những chiến công hiển hách:

*Trong Nam tên họ nổi như cồn,*

*Mấy trận Gò Công để tiếng đồn.*

*Dấu đạn hãy rêm tàu bạch quỷ,*

*Hơi gươm thêm rạng thể hoàng môn*.

(*Thơ điếu Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

và:

“*Vì nước tấm thân đã nấy, còn mất cũng cam.*

*Giúp đời cái nghĩa đáng làm, nên hư nào nại.*

*Rạch Lá, Gò Công mấy trận, giặc thấy đã kinh,*

*Cửa Khâu, Trại Cá mấy nơi, ai nghe chẳng hãi*”.

(*Văn tế* *Trương Định* - Nguyễn Đình Chiểu)

Sau khi ông mất, nhà yêu nước Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài văn tế và mười hai bài thơ điếu Trương Định, ca ngợi cuộc đời chiến đấu hào hùng và cái chết lẫm liệt của ông. Một *Tờ tấu* trong danh mục *Châu bản triều Nguyễn* nhận xét về ông như sau: “Cố Trương Định mộ nghĩa ở Gò Công, chấn động thôn dân, đánh lấy được thảy đều vui mừng, cùng nhau báo cáo. Hoặc cùng nộp đưa tiền bạc, lúa gạo, lấy đó làm quân lương; hoặc quyên nộp đồng sắt, hỏa dược, cứu tế quân nhu. Già trẻ khỏe mạnh ở nhà đều ứng mộ, lòng ham muốn nhanh chóng được giết giặc Tây di”. Con ông là Trương Quyền noi chí cha, tiếp tục phất cao cờ khởi nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược và hy sinh anh dũng vào năm 1867.

Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều địa phương khác trên cả nước. Lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 1989. Đền thờ của ông ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông được Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2004. Đền thờ ông tại xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử Quốc gia năm 2023.

Ngoài ra, đền thờ ông còn có ở một số nơi khác, như Tân Phước, Tân Tây, Tân Hòa (huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang), Bửu Hòa, Phước Hòa (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai),...

Năm 1995, tượng đài ông được tạo tác bằng đá hoa cương, cao 8 m, bệ bằng bê tông ốp đá cao 4 m. Đến năm 2006, tượng được thay bằng chất liệu đồng, tọa lạc tại phường 2, thị xã Gò Công, là di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh.

Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu và điện ảnh, như hai vở cải lương *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nghệ sĩ Nhân dân Nguyễn Thành Châu (1978), *Cờ nghĩa giồng Sơn Quy* của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh (vở này đạt Huy chương Bạc tại Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 2010), bộ phim *Bình Tây Đại nguyên soái* của Nhà biên kịch Phạm Thùy Nhân do Hãng phim Cửu Long sản xuất năm 2013.

Lễ hội tưởng niệm ông diễn ra trong các ngày 17 và 18/8 hàng năm tại xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi và trong các ngày 19 và 20/8 tại lăng mộ và đền thờ của ông ở thị xã Gò Công cũng như tại đền thờ ở xã Gia Thuận, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Định có điểm đầu: giáp với đường 30 tháng 4; điểm cuối: giao với đường Lê Văn Duyệt; chiều dài: 0,650 km; chiều rộng: 8,0 m.

**90. Đường Trương Thành Công**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Thành Công).

Tiểu sử danh nhân:

**TRƯƠNG THÀNH CÔNG**

**(1952 – 1973)**

Trương Thành Công sinh năm 1952 tại xã Quơn Long, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Quơn Long, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống cách mạng.

Sớm giác ngộ cách mạng, năm 1969, ông tham gia lực lượng An ninh vũ trang huyện Chợ Gạo. Tháng 8-1970, ông được cấp trên điều về Đội An ninh vũ trang chuyên trách bảo vệ Tỉnh ủy thuộc Ban An ninh tỉnh Mỹ Tho. Ông đã cùng đồng đội dũng cảm, mưu trí đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét ác liệt của địch vào căn cứ của Tỉnh ủy Mỹ Tho đặt tại xã Long Tiên (huyện Cai Lậy), bảo vệ tuyệt đối an toàn cán bộ và cơ quan Tỉnh ủy.

Tháng 5-1971, địch tung 8 đại đội địa phương quân thuộc Tiểu khu Định Tường và 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7, có phi pháo, máy bay yểm trợ, tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy. Trước tình hình đó, ông cùng với đơn vị liên tục đánh chặn các mũi tiến công của quân địch. Sau 10 ngày đêm không thực hiện được ý định, địch buộc phải rút quân.

Tháng 7-1971, địch sử dụng 1 tiểu đoàn đánh vào căn cứ Tỉnh ủy. Đơn vị nhanh chóng đưa cán bộ Tỉnh ủy đi sơ tán. Theo sự phân công của cấp trên, ông cùng 2 đồng đội ở lại bám trụ đánh địch. Suốt 23 ngày đêm, tổ chiến đấu do ông chỉ huy diệt 83 tên địch, riêng ông diệt và làm bị thương 45 tên, bẻ gãy cuộc tấn công của địch.

Tháng 12-1971, địch đưa 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 7, có chỉ điểm dẫn đường, bất ngờ tấn công vào căn cứ Tỉnh ủy. Ông và cùng với đơn vị anh dũng chiến đấu suốt 1 tháng, đánh bại các cuộc tấn công của địch, diệt 14 tên.

Tháng 4-1973, địch càn vào căn cứ, ông và đơn vị chiến đấu, diệt gần 100 tên, bảo vệ an toàn cho cán bộ và giữ vững địa bàn.

Ngày 9-5-1973, trong một trận đánh quyết liệt với địch, ông bị thương nặng và không may sa vào tay giặc. Địch tra tấn ông rất dã man hòng khai thác tin tức. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết của một chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất, quyết giữ bí mật của tổ chức. Bất lực, địch đã giết hại ông.

Trong quá trình công tác và chiến đấu, ông được khen thưởng 1 Huân chương Quân công giải phóng hạng Nhì, 1 Huy chương Giải phóng hạng Nhì, 1 giấy chứng nhận Dũng sĩ Quyết thắng hạng Nhì và nhiều bằng khen, giấy khen. Ngày 24-1-1976, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho và thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đường Trương Thành Công có điểm đầu: giáp với đường Hoàng Việt; điểm cuối: giao với đường Lý Thường Kiệt; chiều dài: 0,500 km; chiều rộng: 6 m.

**91. Đường Trương Vĩnh Ký**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Trương Vĩnh Ký).

Tiểu sử danh nhân:

**TRƯƠNG VĨNH KÝ**

**(1837 – 1898)**

Trương Vĩnh Ký tên thật là Trương Chánh Ký, hiệu Sĩ Tải, sinh năm 1837 tại thôn Vĩnh Thành, tổng Minh Lệ, huyện Tân Minh, phủ Hoằng An, tỉnh Vĩnh Long (nay là  xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre). Do theo đạo Thiên chúa nên ông có tên là  thánh là Jean - Baptiste Pétrus  Trương Vĩnh Ký, gọi tắt là Pétrus Ký.

Ông là người am tường nhiều ngoại ngữ và có cống hiến lớn trên lĩnh vực văn hóa Đông Tây, nên được kết nạp làm thành viên thứ 18 của Hội Savants du Monde (Hội những nhà bác học trên thế giới), bao gồm nhiều nhà khoa học và văn học Pháp. Ông để lại hơn 100 tác phẩm về văn học, lịch sử, địa lý, từ điển và dịch thuật,... Riêng đối với báo chí viết chữ Quốc ngữ tại Việt Nam, ông được coi là người tiên phong vì đã sáng lập và là Tổng biên tập tờ báo viết chữ Quốc ngữ đầu tiên mang tên là “Gia Định báo”.

Năm 1898, ông mất tại Chợ Quán, Sài Gòn (nay thuộc Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh). Tên ông được đặt tên công trình công cộng tại một số địa phương ở nước ta.

Đường Trương Vĩnh Ký có điểm đầu: giáp với đường Hùng Vương; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Tri Phương; chiều dài: 0,350 km; chiều rộng: 6,0 m.

**92. Đường Võ Tánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Võ Tánh).

Tiểu sử danh nhân:

**VÕ TÁNH**

**(1768 – 1801)**

# Võ Tánh sinh năm 1768, quê gốc ở thôn Phước Tỉnh, huyện Phước An, dinh Trấn Biên (nay là xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), sau dời về huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Từ năm 1783 đến năm 1788, ông dấy binh chống quân Tây Sơn ở Phù Viên (Vườn Trầu, nay thuộc vùng Bà Điểm - Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh). Nhưng sau đó, nhận thấy nơi đây đất đai bằng phẳng, không thích hợp cho việc dụng võ, nên ông di chuyển đến Gò Tre thuộc huyện Kiến Hòa, dinh Trấn Định (nay thuộc xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang).

Tại căn cứ mới, ông tự xưng Tổng nhung; xây thành Vạn Thắng; tiếp tục chiêu mộ quân lính, tổ chức thành năm chi, năm hiệu, gọi là đạo quân Kiến Hòa với 1 vạn quân và khai phá đất đai, mở mang ruộng đất, tích trữ quân lương. Thấy lực lượng của ông ngày càng lớn mạnh, thủ lãnh quân Tây Sơn là Nguyễn Nhạc sai tướng đem quân tới Gò Tre tiễu phạt; nhưng bị ông đánh tan. Từ đó, thanh thế của ông càng lừng lẫy. Người bấy giờ xưng tụng ông là một trong “*Gia Định tam hùng*” (hai người kia là Đỗ Thanh Nhơn và Châu Văn Tiếp).

Năm 1788, chúa Nguyễn Phúc Ánh cử người đến Gò Tre mời ông hợp tác. Ông nhận lời, mang các tướng thuộc quyền là Võ Văn Lượng, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô, Trần Văn Tín, Mai Tấn Huệ và toàn bộ binh lính theo về với Nguyễn Phúc Ánh. Dưới trướng của Nguyễn Phúc Ánh, ông lập được nhiều chiến công. Vì thế, ông được phong làm Khâm sai Tổng nhung Chưởng cơ dinh Tiền quân. Đồng thời, ông lại được Nguyễn Phúc Ánh gả em gái cho là Trưởng công chúa Ngọc Du, trở thành phò mã của nhà Nguyễn.

Năm 1790, vâng lệnh Nguyễn Phúc Ánh, ông mang quân đánh chiếm thành Diên Khánh (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa). Năm 1792, ông được lệnh cùng với Tôn Thất Hội giữ thành Gia Định trong khi Nguyễn Phúc Ánh thân chinh dẫn quân đánh thành Quy Nhơn. Năm 1793, ông được thăng Khâm sai chưởng hậu quân, Bình Tây tham thắng tướng quân hộ giá. Năm 1794, ông được thăng lên Đại tướng quân, tước Quận công.

Năm 1797, ông theo Nguyễn Phúc Ánh tiến quân đến sông Mỹ Khê (Quảng Ngãi). Tháng 1799, sau khi chiếm được thành Quy Nhơn và đổi tên Quy Nhơn thành Bình Định, Nguyễn Phúc Ánh giao cho ông cùng với Lễ bộ tham tri Ngô Tùng Châu giữ ngôi thành này.

Tháng 02-1800, hai tướng của vương triều Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng mang quân từ Phú Xuân vào tấn công và bao vây thành Bình Định. Ông ra lệnh cho binh sĩ cố thủ giữ thành. Tháng 4/1800, Nguyễn Phúc Ánh cho quân thủy bộ từ Gia Định ra cứu viện; nhưng không thành công. Tháng 02-1801, Nguyễn Phúc Ánh lại kéo ra quân nhằm giải nguy cho thành Bình Định. Thủy quân Nguyễn Phúc Ánh đánh thắng thủy quân Tây Sơn tại cửa Thị Nại. nhưng vẫn không giải vây được, thành Bình Định vẫn bị quân của vương triều Cảnh Thịnh vây chặt.

Trước tình hình đó, ông và Ngô Tùng Châu sai người lén đem mật thư ra cho Nguyễn Phúc Ánh; khuyên Nguyễn Phúc Ánh nên kéo quân ra đánh Phú Xuân, và khi đó, sẽ dễ dàng giành được thắng lợi, vì đại bộ phận quân Cảnh Thịnh đang đang tập trung tại mặt trận Bình Định; lực lượng ở Phú Xuân rất yếu. Đồng thời, bức mật thư cũng nói rõ, ông cùng Ngô Tùng Châu sẽ cố giữ thành nhằm cầm chân đối phương. Nghe theo lời khuyên hợp lý của ông và Ngô Tùng Châu, Nguyễn Phúc Ánh cho quân tấn công và chiếm được được Phú Xuân vào tháng 6-1801.

Hai tướng Cảnh Thịnh là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng nghe tin Phú Xuân mất về tay Nguyễn Phúc Ánh, liền chia quân ra cứu. Quân cứu viện Cảnh Thịnh ra tới Quảng Nam thì bị quân Nguyễn chận đánh nên phải quay trở lại Bình Định. Không có cách nào khác, Trần Quang Diệu ra lệnh quân lính ráo riết công kích thành Bình Định. Trước nguy cơ thành bị thất thủ, có người khuyên ông nên lẻn trốn ra ngoài; nhưng ông đã cự tuyệt, cương quyết ở lại với thành. Tình thế ngày càng khốn quẫn, thấy không thể giữ thành lâu hơn được nữa, ông viết thư cho Trần Quang Diệu đề nghị sau khi chiếm được thành thì quân Tây Sơn không giết hại binh lính của ông.

Ngày 5-7-1801, Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Ngày 7-7-1801 (nhằm này 27 tháng 5 năm Tân Dậu), ông tự thiêu mà chết tại lầu bát giác ở trong thành nội.

Trần Quang Diệu dẫn quân vào thành, rất xúc động trước cái chết của ông, nên cho quân lính mai táng tử tế thi hài của ông. Đồng thời, vị tướng này cũng không giết hại bất cứ người lính nào trong thành.

Năm 1802, sau khi đánh thắng vương triều Cảnh Thịnh, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, xưng là Gia Long. Tưởng nhớ đến công lao của ông, nhà vua truy tặng ông tước Dực vận công thần, Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Thái úy, Quốc công, tên thụy là Trung Liệt; sai Cai bạ là Đinh Công Khiêm, Cai đội là Tôn Thất Bính mang áo mũ gấm lụa đến thành Bình Định thu liệm hài cốt còn lại để đưa về chôn ở Gia Định. Năm 1804, trong lúc kinh đô Huế chưa được xây dựng xong, ông được thờ ở gian chính giữa đền Hiển Trung ở thành Gia Định, triều đình cấp cho tự dân, tự điền, mộ phu, sai con là Khánh coi việc giữ thờ tự. Năm 1805, cho phụ tế vào Thái miếu. Năm 1810, đổi cho phụ tế vào Thế miếu. Năm thứ 1813, ông được truy tặng là Tá vận công thần, Đặc tiến Tráng vũ Đại tướng quân, Hậu quân Đô thống phủ chưởng phủ sự, Thái sư, vẫn tên thụy là Trung Liệt, tước là Hoài Quốc công. Ông được xem là bậc trung thần khai sáng nhà Nguyễn.

Trước cái chết của ông, người dân Bình Định đã lưu truyền câu ca dao:

*Ngó lên ngọn tháp Cánh Tiên,*

*Cảm thương quan Hậu thủ thiềng (thành) ba năm!*

Hiền thê của ông là Trưởng công chúa Ngọc Du khóc ông bằng bài thơ đầy nước mắt:

*Những tưởng ra tay giúp nước nhà*

*Ai dè binh địa nổi phong ba.*

*Xót người vị quốc liều thân ngọc,*

*Khiến thiếp cô phòng ủ mặt hoa.*

*Gối mộng mơ màng duyên nợ cũ,*

*Đài mây xiêu lạc phách hồn xa.*

*Lửa trung đốt đỏ gương hào kiệt,*

*Nóng ruột thuyền quyên giọt lệ sa!*

Đồng thời, vua Gia Long cũng cho xây lăng mộ ông tại nơi ông tuẫn tiết: thành Bình Định. Ngoài ra, nhà vua còn sai lập một khu lăng mộ nữa cho ông ở Phú Nhuận, tỉnh Gia Định, nay tọa lạc tại số 19, đường Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Gò Công, ông được thờ ở nhiều nơi, như miếu Võ quốc công (xã Long Thuận, thị xã Gò Công, được công nhận là di tích Lịch sử - Văn hóa cấp tỉnh), Đình Trung (thị xã Gò Công), dinh quan Hậu quân (xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây), đình thần xã Long Bình (huyện Gò Công Tây), đình thần và miếu Tân Long xã Bình Nghị (huyện Gò Công Đông), đình thần và Lăng Ông Hiệp Thành hội xã Tân Thành (huyện Gò Công Đông), chùa Ông xã Long Vĩnh (huyện Gò Công Tây), Lăng Ông xã Tăng Hòa (huyện Gò Công Đông), Miếu Ông xã Phước Trung (huyện Gò Công Đông),... Tại thành phố Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang) có một con đường mang tên ông.

Đường Võ Tánh có điểm đầu là đường Trưng Trắc; điểm cuối: giao với đường Nguyễn Huệ; chiều dài: 0,160 km; chiều rộng: 8,0 m.

**93. Đường Vũ Mạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân (Vũ Mạnh).

Tiểu sử danh nhân:

**VŨ MẠNH**

**(1925 – 1968)**

Vũ Mạnh sinh năm 1925 tại thị xã Thanh Hóa (nay là thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) trong một gia đình công chức nhỏ, được cha mẹ cho học hết bậc trung học.

Năm 1940, ông cùng với gia đình sang Lào làm ăn. Tháng 8-1945, ông giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và tham gia cách mạng ở nước bạn Lào. Tháng 10-1945, khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Lào, ông gia nhập bộ đội, hoạt động ở phía nam thủ đô Viên Chăn. Tháng 2-1946, ông là đội viên của chi đội Hải ngoại Việt Nam ở Lào.

Theo lời kêu gọi của Tổ quốc, tháng 2-1947, ông cùng với chi đội Hải ngoại về nước, tham gia đánh giặc Pháp, giải phóng quê hương. Sau đó, ông được phân công về chiến đấu ở chiến trường Mỹ Tho, lần lượt đảm nhiệm các chức vụ trung đội trưởng, đại đội trưởng, tiểu đoàn phó thuộc Trung đoàn 115, Trung đoàn 105 và Tiểu đoàn 309 của Quân khu 8.

Ông đã chỉ huy đơn vị tham gia nhiều trận đánh lớn, giành được những chiến công vang dội, tiêu biểu là các trận Đồng Tháp Mười tháng 6-1949, tập kích Trung tâm huấn luyện Bình Đức (Châu Thành) tháng 5-1952, Gò Lách (Cái Bè) tháng 6-1949, Mũi Nhíp (Cai Lậy) tháng 2-1953, kinh Bùi (Cai Lậy) tháng 6-1953, Trung Hòa - Vĩnh Công (Chợ Gạo - Long An) tháng 2-1954, An Thạnh Thủy (Chợ Gạo) tháng 6-1954,… Bên cạnh đó, đơn vị của ông còn làm tốt công tác tăng gia sản xuất, vận động quần chúng, hỗ trợ phong trào chiến tranh du kích, tiêu diệt nhiều đồn bót địch, góp phần mở rộng vùng giải phóng ở Cái Bè, Cai Lậy, Chợ Gạo và Gò Công.

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc và được Bộ Tổng Tham mưu cử đi học tại Học viện Quân sự Trung Quốc. Cuối 1955, sau khi hoàn thành khóa học, ông trở về nước, công tác tại Sư đoàn 330 rồi Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam.

Cuối năm 1964, ông được lệnh trở về miền Nam chiến đấu và được phân công về chiến trường quen thuộc Khu 8. Tại đây, ông được giao nhiệm vụ làm Chiến đoàn phó Chiến đoàn Quân khu 8, phụ trách địa bàn Mỹ Tho.

Đầu năm 1966, ông được điều về tỉnh Mỹ Tho, làm Tỉnh ủy viên kiêm Tỉnh đội trưởng. Với kiến thức quân sự vững chắc và kinh nghiệm chiến trường dày dặn, ông đã có công lớn trong việc xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang tỉnh nhà, nhất là Tiểu đoàn 514 của tỉnh, cách đánh kết hợp giữa du kích chiến với vận động chiến, giữa đánh nhỏ, đánh vừa với đánh lớn.

Nhờ thế, trong năm 1966, lực lượng vũ trang Mỹ Tho - Gò Công không chỉ giành thắng lợi trong các trận chống càn, mà còn chủ động tập kích vào đồn bót và căn cứ quân sự của địch, khiến cho bọn chúng bị thiệt hại nặng nề, như các trận tấn công vào Trung tâm huấn luyện Tân Hiệp (Châu Thành) diệt 2 đại đội, căn cứ Đồng Tâm (Châu Thành) diệt 1 đại đội, căn cứ Thẻ 25 (Cái Bè) diệt 1 trung đội,…

Cuối năm 1966, khi Mỹ đổ quân xuống căn cứ Đồng Tâm, ông thường xuyên đi nghiên cứu thực địa, khảo sát chiến trường. Từ đó, với cương vị là người chỉ huy quân sự của tỉnh, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ông đã chỉ đạo thành lập Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức, nhằm tấn công quân địch ngay tại sào huyệt của bọn chúng, thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và tư tưởng chiến lược tiến công của quân dân ta.

Tháng 8-1967, ông được Quân khu 8 đề bạt làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 1 chủ lực của quân khu để chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược Xuân Mậu Thân 1968.

Ngày 9-01-1968, ông trở lại Mỹ Tho nghiên cứu chiến trường. Ngày 31-01-1968, ông chỉ huy trung đoàn đồng loạt nổ súng tấn công thị xã Mỹ Tho, vốn được quân khu chọn làm chiến trường trọng điểm của Khu 8. Cùng với các lực lượng khác, trung đoàn của ông đã chiến đấu vô cùng anh dũng ở trong nội ô Mỹ Tho, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, gây cho quân Mỹ và quân ngụy bao nỗi khiếp đảm, kinh hoàng. Sau đó, ông chỉ huy trung đoàn đánh địch phản kích, bảo vệ vùng giải phóng.

Giữa lúc đó, ngày 10-10-1968, trong khi đang làm việc với Tỉnh đội Mỹ Tho ở Bình Phú (huyện Cai Lậy), ông bị pháo địch bắn trúng và anh dũng hy sinh. Tuy không sinh trưởng ở Tiền Giang, nhưng ông luôn xem Tiền Giang là quê hương của mình vì ông đã lập gia đình ở đây và gần như cả cuộc đời gắn bó chặt chẽ với Tiền Giang, ngay cả lúc hy sinh cũng trên mảnh đất này. Tên ông được đặt tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đường Vũ Mạnh có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Thị Thập; điểm cuối: giao với đường Hồ Bé; chiều dài: 0,400 km; chiều rộng: 8,0 m.

**94. Đường Xóm Dầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây dầu).

- Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

- Cây dầu: là cây gỗ lớn, thân tròn, thẳng, cao 40 – 50 m, cây thường trồng ngoài trời làm bóng mát, là nguyên liệu cho ngành sơn, vẹc ni, gỗ dùng để đóng đồ nội thất thông thường.

Xóm Dầu là nơi có trồng nhiều cây dầu và người dân ở đây làm nghề nấu dầu. Xóm nghề này được Trịnh Hoài Đức nhắc đến trong bài thơ “Mưa đêm ở Mỹ Tho” khi ông giữ chức Ký lục dinh Trấn Định (Tiền Giang ngày nay) năm 1794. Tháng 9-1929, tại Xóm Dầu, Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng được thành lập, gồm các đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Văn Hồng,… do đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn làm Bí thư. Đây là một trong những chi bộ cộng sản đầu tiên ở tỉnh Mỹ Tho. Xóm Dầu ngày nay là Khu phố 7, Phường 3, thành phố Mỹ Tho, có diện tích khoảng 33 ha.

Đường Xóm Dầu có điểm đầu: giáp với đường Nguyễn Văn Giác; điểm cuối giao với đường Nguyễn Trung Trực; chiều dài: 0,900 km; chiều rộng: 3,5 m.

**95. Đường Yersin**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đường) + Họ và tên danh nhân nhân người Pháp (Yersin).

Tiểu sử danh nhân:

**YERSIN**

**(1863 – 1943)**

Alexandre Émile Jean Yersin sinh năm 1863 tại Thụy Sĩ, mất năm 1943 tại Nha Trang, Việt Nam, là bác sĩ y khoa, nhà vi khuẩn học và nhà thám hiểm người Pháp gốc Thụy Sĩ. Ông là người khám phá Cao nguyên Lâm Viên (tỉnh Lâm Đồng), vạch ra một con đường bộ từ Trung Bộ, Việt Nam sang Campuchia, là người thành lập và là hiệu trưởng đầu tiên của Trường Y khoa thuộc Viện Đại học Đông Dương (tiền thân của Đại học Y Hà Nội hiện nay), đặt nền móng xây dựng Viện Pasteur Nha Trang và Trại nông nghiệp Suối Dầu (Nha Trang). Đặc biệt, ông đã tìm ra trực khuẩn gây bệnh dịch hạch, sau này được đặt theo tên ông: Yersinia pestis.

Đường Yersin có điểm đầu: giáp với đường Lê Thị Hồng Gấm; điểm cuối: giao với đường Ấp Bắc; chiều dài: 1,100 km; chiều rộng: 6,0 m.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên cầu ở thành phố Mỹ Tho:**

**Khái niệm Cầu**

Cầu là một công trình giao thông được bắc qua các chướng ngại nước, như rãnh nước, dòng suối, dòng sông, dòng kênh/kinh, dòng rạch[,](https://wiki.edu.vn/wiki/index.php?title=H%E1%BB%93) hồ, biển hay các chướng ngại khác, như đường bộ, đường sắt,… đảm bảo cho giao thông được liên tục.

**Trên Đường tỉnh 864:**

**1. Cầu** **Bình Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đức)

- Vị trí: Km 0+030, Phường 6 và xã Trung An, TP Mỹ Tho, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Xáng Cụt

- Quy mô: 3 nhịp dài 42,75m; mặt BTCT rộng 9m; khổ cầu 12m; 9 dầm I.700; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1992

**2. Cầu Xoài Mút**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Thực vật (Cây xoài mút).

- Vị trí: Km 3+015, xã Bình Đức, TP Mỹ Tho, trên Đường tỉnh 864.

- Cầu bắc qua: Rạch Xoài Mút

- Quy mô: 3 nhịp dài 43,6m (2x12,5+18,6)– Mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 10m

- Tải trọng (Tấn): 25

- Năm đưa vào sử dụng: 1998

**Trên Đường tỉnh 870B:**

**1. Cầu** **Trung An 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Trung An) + Chữ số (1).

- Vị trí: Km 2+573, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, nằm trên Đường tỉnh 870B

- Cầu bắc qua: Rạch Xoài Hột

- Quy mô: 3 nhịp dài 33,34m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 11,5m; 6 dầm BTDƯL (nhịp chính); Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2003

**2. Cầu** **Trung An 2**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Trung An) + Chữ số (2).

- Vị trí: Km, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, nằm trên Đường tỉnh 870B

- Cầu bắc qua: Nhánh rạch Xoài Hột

- Quy mô: 1 nhịp dài 25,24m; mặt BTCT rộng 11m; khổ cầu 11,5m; 6 dầm BTDƯL; Htt: +2.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2003

**Trên Đường tỉnh 874:**

**Cầu Long Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Long Hòa).

- Vị trí: Km 3+008, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, trên Đường tỉnh 874

- Cầu bắc qua: Rạch Hóc Đùn - rạch Bà Ngọt

- Quy mô: 3 nhịp dài 37m; mặt BTCT rộng 7m; khổ cầu 9,5m; 5 dầm BTDƯL; Htt: +3.00

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

**Trên Đường tỉnh 879B:**

**Cầu Gò Cát**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Vật liệu (Cát).

- Vị trí: Km 1+713, xã Mỹ Phong, TP. Mỹ Tho, trên Đường tỉnh 879B

- Cầu bắc qua: Rạch Gò Cát

- Quy mô: 3 nhịp dài 44m; mặt BTCT rộng 6m; khổ cầu 6,5m; 6 dầm BTTA; Htt: +3.50

- Tải trọng: 13

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

**Trên Đường tỉnh 879C:**

**Cầu Vỉ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Danh từ (Vỉ: vật được đan bằng tre). Trước đây, cầu có mặt cầu được làm từ những tấm vỉ tre nên người dân gọi là Cầu Vỉ. Sau này, cầu được xây mới bằng bê tông cốt thép, nhưng vẫn giữa tên gọi cũ.

- Vị trí: Km 0+719, xã Mỹ Phong, TP. Mỹ Tho, trên Đường tỉnh 879C

- Cầu bắc qua: Rạch Gò Cát

- Quy mô: 3 nhịp dài 56m; mặt BTCT rộng 10m; khổ cầu 10,5m; dầm BTDƯL; móng cọc ống BTCTDƯL.

- Tải trọng (Tấn): HL93[[26]](#footnote-26)

- Năm đưa vào sử dụng: 2021

**Trên Quốc lộ 50:**

**1. Cầu Cống Đập Bảo Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Công trình xây dựng (Cống Đập) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh Bảo Định)

- Vị trí: km88+286

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định

- Số nhịp: 5

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Chiều dài: 66,54 m

- Chiều rộng: 11 m

**2. Cầu Mỹ Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Phong).

- Vị trí: km82+994

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

- Chiều dài: 50,34 m

- Chiều rộng: 11 m

**3. Cầu Thạnh Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Thạnh Hưng).

- Vị trí: km84+919

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Bảo Định

- Số nhịp: 3

- Tải trọng (Tấn): 30

- Năm đưa vào sử dụng: 2004

- Chiều dài: 50,34 m

- Chiều rộng: 11 m

**Trên Quốc lộ 60:**

**1. Cầu Đỏ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Màu sắc (Đỏ).

- Vị trí: km02+055

- Cầu bắc qua: Rạch Đỏ

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Chiều dài: 12,50 m

- Chiều rộng: 28 m

**2. Cầu K120**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Ký hiệu của Bệnh viện Quân đội K120

- Vị trí: km03+409

- Cầu bắc qua: Kinh/Kênh Dân Sinh

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Chiều dài: 24,54 m

- Chiều rộng: 28 m

**3. Cầu Rạch Miễu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo (Miễu).

- Vị trí: Nối hai tỉnh Tiền Giang và Bến Tre.

- Cầu bắc qua: 2 nhánh sông Tiền và cù lao Thới Sơn.

- Số nhịp:

+ Cầu số 1 dài 1.878 m gồm: 3 nhịp chính là cầu dây văng chiều dài 510m, nhịp giữa 270 m có chiều cao thông thuyền 37,5m (như cầu Mỹ Thuận) cho tàu 1 vạn tấn đi qua. Phần còn lại là các nhịp dầm dẫn bê tông cốt thép dự ứng lực, chiều dài mỗi nhịp 40m.

+ Cầu số 2 dài 990 m gồm các nhịp có chiều dài tới 90 m để thông thuyền với chiều cao 7 m. Các nhịp cầu dẫn là nhịp dầm bê tông cốt thép dự ứng lực chiều dài mỗi nhịp 40m.

- Tải trọng (Tấn): 60 tấn

- Năm đưa vào sử dụng: 2009

- Chiều dài: 2.868 m

- Chiều rộng: 15 m

- Đây là cầu dây văng thứ ba ở Đồng bằng sông Cửu Long (sau cầu Mỹ Thuận do Úc thiết kế và cầu Cần Thơ do Nhật Bản thiết kế) và là cây cầu đầu tiên do chính các kỹ sư Việt Nam thiết kế và thi công theo công nghệ mới.

**4. Cầu Trung Lương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cầu) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Trung Lương).

- Vị trí: km0+531,55

- Cầu bắc qua: Rạch Trung Lương

- Số nhịp: 01

- Tải trọng (Tấn): HL93

- Năm đưa vào sử dụng: 2011

- Chiều dài: 37,40 m

- Chiều rộng: 28 m

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Cống, Đập, Đê**

**Cống:**

**- Khái niệm**

Cống là công trình thủy nông, để lấy nước, tiêu nước, giữ nước hay điều tiết dòng chảy theo yêu cầu. Cống gồm có cửa vào, thân cống và cửa ra. Tùy theo quy mô, nhiệm vụ và thể loại, cống được xây dựng bằng những vật liệu thích hợp, như đá, gạch, gỗ, bê tông, bê tông cốt thép,…

**- Phân loại cống**

Theo Nghị định  67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi như sau:

- Cống đầu mối: Là hạng mục công trình thuỷ lợi ở vị trí khởi đầu của hệ thống dẫn, thoát nước; làm chức năng cấp hoặc thoát nước, điều tiết, khống chế và phân phối nước.

- Cống lớn: Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, cống lớn là cống có tổng chiều rộng thoát nước từ 30 m trở lên;

- Cống vừa: Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, cống vừa là cống có tổng chiều rộng thoát nước từ 10 m đến dưới 30 m;

- Cống nhỏ: Đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, cống nhỏ là cống có tổng chiều rộng thoát nước dưới 10 m.

**Cống đầu mối:**

**1. Cống Bảo Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa danh Hán Việt (Bảo Định).

Cống ở Phường 10 và xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 2004; là loại cống hở, số cửa 3, chiều rộng 10,5 m, sâu 4,2 m, diện tích phục vụ 10.300 ha.

**2. Cống Gò Cát**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Gò: Khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng) + Vật liệu dạng hạt (Cát).

Cống ở Phường 3, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 1999; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 8 m, sâu 3 m, diện tích phục vụ 2.400 ha.

**Cống vừa và nhỏ:**

**Cống Cái Ngang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Cống) + Địa hình thiên nhiên (Cái: do từ sông Cái gọi tắt, là sông lớn, có nhiều chi lưu đổ vào.) + Vị trí (Ngang).

Địa danh Xứ Cái Ngang ở thôn Trung Lương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường đã được ghi chép trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*. Theo *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, Cái Ngang là tên chợ; và khi mới lập chợ, người ta đã tụ tập thành từng nhóm, bày hàng hóa mua bán ở ngang giữa con đường, làm tắt nghẽn giao thông đi lại[[27]](#footnote-27). Chợ này hiện nay vẫn còn, mang tên là chợ Trung Lương, nằm sát Quốc lộ 1, gần vòng xoay Trung Lương, thuộc xã Trung An, thành phố Mỹ Tho.

Cống ở Phường 10 và xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 2006; là loại cống hở, số cửa 1, chiều rộng 5 m, sâu 2 m, diện tích phục vụ 120 ha.

**\*Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bến xe, bến đò, bến phà:**

**Bến xe:**

Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải có 2 loại bến xe là bến xe khách và bến xe hàng. Trong phạm vi đề tài, tập trung nghiên cứu về địa danh bến xe khách trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

**Khái niệm bến xe khách:**

Theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi lần 1 năm 2015, Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng được xây dựng trên một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề.

Cũng theo Thông tư nêu trên, Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong Bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí phân loại** | **Đơn vị tính** | **Loại bến xe khách** | | | | | |
| Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 | Loại 5 | Loại 6 |
| 1 | Diện tích mặt bằng (tối thiểu) | m2 | 15.000 | 10.000 | 5.000 | 2.500 | 1.500 | 500 |
| 2 | Diện tích bãi đỗ xe ôtô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu) | m2 | 5.000 | 3.000 | 1.000 | 500 | 160 | 80 |
| 3 | Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác | m2 | 2.000 | 1.500 | 900 | 400 | 30 | 20 |
| 4 | Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến) | m2 | 500 | 300 | 150 | 100 | 50 | 30 |
| 5 | Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu) | vị trí | 50 | 40 | 30 | 20 | 10 | 6 |
| 6 | Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách | chỗ | 100 | 60 | 30 | 20 | 10 | 10 |
| 7 | Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) | - | Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện | Quạt điện |
| 8 | Diện tích khu vực làm việc | - | Bình quân 4,5 m2/người | | | | | |
| 9 | Diện tích văn phòng dành cho Y tế | - | Tối thiểu 10 m2 | | | |  | |
| 10 | Diện tích khu vệ sinh | - | > 1 % tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2014/BXD) | | | | | |
| 11 | Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ | - | Tỷ lệ diện tích đất dành cho cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 2% tổng diện tích | | | | | |
| 12 | Đường xe ra, vào bến | - | riêng biệt | | | chung  (rộng tối thiểu 7,5 m) | | |
| 13 | Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách | - | Có mái che | |  | | | |
| 14 | Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến | - | Mặt đường nhựa hoặc bê tông xi măng | | |  | | |
| 15 | Hệ thống cung cấp thông tin | - | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn bằng điện tử, có thiết bị tra cứu thông tin tự động | | Có hệ thống phát thanh, có hệ thống bảng chỉ dẫn | |  | |
| 16 | Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến | - | Có phần mềm quản lý bến xe và trang bị hệ thống camera giám sát xe ra vào bến | | Có phần mềm quản lý bến xe | |  | |

**Bến xe Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến xe) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Bến xe Tiền Giang, mã số (63)31, tọa lạc tại số 42, đường Ấp Bắc, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, diện tích 15.601 m², điện thoại: (0273)3855429, xếp loại 1.

**\* Bến đò:**

**Khái niệm**

Bến đò là bến đỗ trên các bờ sông để đò dừng nhằm tiếp nhận hoặc trao trả hành khách, hàng hóa trong quá trình chuyên chở.

1. **Bến đò Phường 1 - Tân Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Phường 1 - phường Tân Long).

Bến đò Phường 1 - Tân Long bờ phải (Phường 1) nằm trên kinh/kênh Bảo Định, bờ trái (phường Tân Long) nằm trên sông Mỹ Tho thuộc sông Tiền, nối Phường 1 với phường Tân Long (và ngược lại) thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

1. **Bến đò Phường 2 - Tân Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Địa danh hành chính (Phường 2 - phường Tân Long).

Bến đò Phường 2 - Tân Long bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Mỹ Tho thuộc sông Tiền, nối Phường 2, thành phố Mỹ Tho với phường Tân Long, cùng thành phố (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

**3. Bến đò Lộ Vàm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến đò) + Công trình xây dựng (Lộ: đường) + Địa hình thiên nhiên (Vàm).

Bến đò Lộ Vàm bờ phải và bờ trái đều nằm trên sông Mỹ Tho thuộc sông Tiền, nối xã Song Bình, huyện Chợ Gạo với xã Xuân Đông, cùng huyện (và ngược lại), tỉnh Tiền Giang.

\* **Bến phà:**

**Khái niệm**

Bến phà là nơi đón, trả khách qua sông bằng phà.

**Bến phà Rạch Miễu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bến phà) + Địa hình thiên nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng mang yếu tố tín ngưỡng (Miễu).

Bến phà Rạch Miễu được lập vào những năm đầu thế kỷ 20. Năm 1909, bến phà này được nhắc đến trong quyển *Nam Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* của Nguyễn Liên Phong:

*Qua sông Rạch Miễu có đò*

### *Mỗi ngày hai chuyến vô ra hoài hoài.*

### Khi đó, phà là một chiếc sà lan do người chèo. Mỗi ngày có hai chuyến qua lại. Khoảng năm 1924, chiếc sà lan chèo mới được thay thế bằng những chiếc phà vận hành bằng động cơ.

### Bến phà nằm trên dòng sông Tiền, bờ phải thuộc làng Tân Thạch, quận An Hóa, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre), bờ trái ở đầu đường Général de Castelneu, làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1981, bến phà bên bờ trái được dời đến chợ Thanh Bình, đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; bờ phải vẫn thuộc địa điểm cũ. Năm 2009, khi cầu Rạch Miễu được khánh thành, bến phà dừng hoạt động. Tuy nhiên, ngày 27/01/2021, bến phà Rạch Miễu được khôi phục trở lại với tên gọi mới: bến phà tạm Rạch Miễu, nhằm hỗ trợ giải quyết ùn tắc giao thông qua cầu Rạch Miễu, góp phần “chia lửa” với cầu Rạch Miễu đang bị quá tải vào thời điểm lễ, Tết hay các ngày thứ bảy và chủ nhật. Bến phà tạm cách bến phà cũ khoảng 10 km về phía thượng lưu, bờ trái tọa lạc tại xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; bờ phải nằm trên địa bàn xã Phú Túc, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên bệnh viện (tỉnh, khu vực, huyện, quân đội):**

**Khái niệm**

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): Bệnh viện là một bộ phận của một tổ chức mang tính chất y học và xã hội, có chức năng đảm bảo cho nhân dân được săn sóc toàn diện về y tế cả chữa bệnh và phòng bệnh.

Trước đây bệnh viện chỉ được coi là một cơ sở khám và điều trị bệnh nhân đơn thuần. Bước sang thế kỷ XXI, cách mạng khoa học kỹ thuật - công nghệ trên thế giới đã phát triển như vũ bão và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, tác động sâu sắc làm thay đổi quan niệm về bệnh viện. Bệnh viện không chỉ đơn thuần làm công tác khám và điều trị mà còn thực hiện những chức năng khác trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, như giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe tại nhà và đồng thời còn là trung tâm đào tạo cán bộ y tế và tiến hành các nghiên cứu y học về khám chữa bệnh và phòng bệnh.

**Bệnh viện cấp tỉnh:**

**1. Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Tính từ (Đa khoa: có nhiều khoa) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang

+ Địa chỉ:

Trước đây, Bệnh viện đa khoa Tiền Giang tọa lạc tại số 02, Hùng Vương, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Năm 2023, bệnh viện di dời đến Quốc lộ 1, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3872.363

+ Trang thông tin điện tử: <http://benhvientiengiang.vn>

+ Email: [khthbvtg@gmail.com](mailto:khthbvtg@gmail.com)

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang.

+ Tổng diện tích:

100.000 m2; diện tích sử dụng: 22.983,5 m2.

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 1.061; trong đó nam: 368; nữ: 693.

Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang  được chính quyền Pháp xây dựng năm 1921 và khánh thành năm 1925 bởi sự chủ trì và đôn đốc của ông Đốc phủ sứ Đoàn Hữu Chung và tỉnh trưởng tỉnh Mỹ Tho Henri Caillard. Trước năm 1975, bệnh viện có tên là Trung tâm Y tế toàn khoa Định Tường. Sau khi đất nước thống nhất, ngày 20/12/1978, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh ký quyết định số 1577/QĐ-UB thành lập Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang nằm trong khuôn viên có diện tích 27.493 m2 tại số 2, đường Hùng Vương, Phường 1, thành phố Mỹ Tho.

Năm 2000, bệnh viện thành lập nhiều khoa mới, như Ngoại thần kinh, Nội thần kinh, Tim mạch - Lão khoa, Ung bướu, Hồi sức tích cực - Chống độc, Hồi sức tích cực - Chống độc Nhi, Nội tiết,…

Năm 2005, thực hiện chủ trương của Bộ Y tế về thành lập các bệnh viện chuyên khoa nếu đủ điều kiện; do vậy, các khoa Lao, Tâm thần, Mắt và Phụ sản được tách ra để thành lập bệnh viện chuyên khoa.

Tháng 7/2014, thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác y tế, bệnh viện đã liên kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn Thuận Phú xây dựng và thành lập Khu điều trị theo yêu cầu và kỹ thuật cao.

Ngày 07/2/2018, bệnh viện được xây mới tại Quốc lộ 1, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; hoàn thành vào tháng 7/2022; khánh thành ngày 25/2/2023 với tên Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang,

Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang có quy mô 1.000 giường bệnh với tổng mức đầu tư trên 2.300 tỷ đồng, là dự án thuộc nhóm A, công trình Bệnh viện cấp I. Bệnh viện được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích khoảng 100.000m2 (10 ha), trong đó tổng diện tích xây dựng là 23.258m2. Các hạng mục công trình của Bệnh viện bao gồm: 04 khối nhà chức năng chính, quy mô công trình cao từ 01 đến 10 tầng (Khối nhà chính N1, Khối nhà dinh dưỡng N2, Khối nhà truyền nhiễm N3 và Khối nhà tang lễ N4) và các hạng mục phụ trợ.

Khối nhà chính cao 10 tầng nổi và 01 tầng hầm được phân bố các Khoa Cấp cứu người lớn, Khoa Cấp cứu nhi, Khoa Hồi sức tích cực - chống độc người lớn và trẻ em, Phòng mổ (Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức), các Khoa lâm sàng nội trú, Khoa cận lâm sàng (xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh), Khoa Dược, Khoa Khám bệnh ngoại trú,  Khu Cấp phát thuốc bảo hiểm, nhà giữ xe tầng hầm và các Phòng chức năng, hành chánh…

Khối nhà dinh dưỡng, dịch vụ cao 03 tầng, gồm: Khoa Dinh dưỡng, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và bếp ăn cho bệnh nhân, người nhà người bệnh và nhân viên y tế. Khối nhà truyền nhiễm cao 04 tầng, đây là khối nhà thuộc Khoa Nhiễm phụ trách, thiết kế tách ra riêng biệt với các khoa, phòng khác nhằm đảm bảo vấn đề phòng, chống lây nhiễm.

Còn lại là Khối nhà tang lễ cao 01 tầng và các công trình phụ trợ quy mô đơn giản gồm các nhà bảo vệ, nhà khí y tế và nồi hơi, trạm điện, nhà lưu rác thải, khối nhà xử lý nước thải, các cổng, tường rào. Các hạng mục khác gồm sân vườn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà khác, chiếu sáng ngoài nhà, phòng chống mối, chống sét, camera, âm thanh công cộng, thông tin liên lạc, thông gió và điều hòa không khí, khí y tế.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang là bệnh viện tuyến cuối trong hệ điều trị của tỉnh Tiền Giang. Việc xây dựng mới bệnh viện đã tạo điều kiện để người dân tỉnh Tiền Giang được hưởng dịch vụ tiện ích hiện đại trong chăm sóc sức khỏe.

Bệnh viện có chức năng, nhiệm vụ:

\* Cấp cứu - khám bệnh - chữa bệnh:

Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh được chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú và ngoại trú.

Tổ chức khám sức khoẻ và chứng nhận sức khoẻ theo quy định của Nhà nước.

Có trách nhiệm giải quyết toàn bộ bệnh tật từ các nơi chuyển đến cũng như tại địa phương nơi bệnh viện đóng. Tổ chức khám giám định sức khoẻ khi hội đồng giám định y khoa trung ương hoặc tỉnh, thành phố trưng cầu; khám giám định pháp y khi cơ quan bảo vệ pháp luật trưng cầu.

\* Đào tạo cán bộ y tế:

Bệnh viện là cơ sở thực hành đào tạo cán bộ y tế bậc Đại học, trung học, đào tạo tại chỗ cho nhân viên bệnh viện và tuyến dưới nâng cao trình độ chuyên môn.

\* Nghiên cứu khoa học về y học:

Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu về y học và ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật y học ở cấp Nhà nước, cấp bộ, cấp Cơ sở, chú trọng nghiên cứu y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

Kết hợp với các bệnh viện chuyên khoa đầu ngành để phát triển kỹ thuật của Bệnh viện.

Nghiên cứu dịch tễ học cộng đồng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu…

\* Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật:

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chỉ đạo các Bệnh viện tuyến dưới phát triển kỹ thuật chuyên môn nâng cao chất lượng chuẩn đoán và điều trị.

Kết hợp với các Bệnh viện tuyến dưới thực hiện chương trình và kế hoạch chăm sóc sức khoẻ ban đầu trong khu vực.

\* Phòng bệnh:

Tuyên truyền, giáo dục sức khoẻ cho cộng đồng.

Phối hợp với các cơ sở y tế phòng thực hiện thường xuyên nhiệm vụ phòng bệnh, phòng dịch.

\* Hợp tác quốc tế:

Hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ở ngoài nước theo đúng quy định của Nhà nước.

\* Quản lý kinh tế y tế:

Có kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn thu của bệnh viện.

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi ngân sách của Bệnh viện. Từng bước hạch toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư của nước ngoài và các tổ chức kinh tế khác.

Năm 2022, Đảng bộ bệnh viện có 25 chi bộ trực thuộc với 305 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 giám đốc, 03 phó giám đốc; Công đoàn cơ sở có 33 tổ công đoàn với 1.046 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 09 chi đoàn với 147 đoàn viên.

Bệnh viện được xếp hạng 1, có 09 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Trang thiết bị, Phòng Điều dưỡng, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Hành chính quản trị, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Công tác xã hội, Phòng Quản lý chất lượng, Phòng Công nghệ thông tin; 01 tổ (Tổ Kiểm toán nội bộ); 28 khoa: Lâm sàng: Khám bệnh, Cấp cứu, Hồi sức tích cực chống độc, Nội A, Y học cổ truyền, Nội B, Lão, Nội tim mạch, Nội thần kinh, Nội tiết và Đái tháo đường, Ngoại tổng quát, Chấn thương chỉnh hình, Ung bướu, Phẫu thuật gây mê hồi sức, Ngoại thần kinh, Phẫu thuật tạo hình - Bỏng - Da liễu, Nhi, Hồi sức tích cực chống độc Nhi, Nhiễm, Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Phục hồi chức năng; Cận lâm sàng: Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm, Dược, Giải phẫu bệnh, Kiểm soát nhiễm khuẩn, Dinh dưỡng.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Giáo sư: 01; Tiến sĩ: 06; Thạc sĩ: 37; Bác sĩ chuyên khoa 1: 40; Bác sĩ chuyên khoa 2: 20; Bác sĩ đa khoa: 191; Cử nhân điều dưỡng: 126; Trình độ khác: 95.

Với những thành tích đạt được, bệnh viện Đa khoa Tiền Giang đã được trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Ba (1987), Huân chương Lao động hạng Nhì (1993), Huân chương Lao động hạng Nhất (2003); nhiều bằng khen, giấy khen của Chính phủ, Bộ Y tế, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**2. Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tiền Giang**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Bệnh lý (Bệnh lao: **là một bệnh truyền nhiễm do vi trùng lao gây nên)** + Bệnh lý (Bệnh phổi: là các cơn rối loạn ảnh hưởng đến phổi, cơ quan giúp con người thở) + Tên tỉnh (Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Tiền Giang

+ Địa chỉ: 504/1A, ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3855443             Fax: 0273.3856851

+ Trang thông tin điện tử: bvlaovabenhphoi.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: [syt.bvlp@tiengiang.gov.vn](mailto:syt.bvlp@tiengiang.gov.vn)

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 9274,3 m2; diện tích sử dụng: 3.039 m2

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 55 người.

Bệnh viện Lao và Bệnh phổi được thành lập theo Quyết định số 1443/QĐ-UB ngày 13/5/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Giúp Giám đốc Sở Y tế chỉ đạo, xây dựng mạng lưới thực hiện công tác phòng chống Lao trên địa bàn tỉnh; tổ chức khám, điều trị chuyên khoa và bệnh phổi cho bệnh nhân trên địa bàn tỉnh.

+ Đào tạo, tập huấn quản lý chương trình chống lao cho tuyến huyện và xã, xây dựng kế hoạch hàng năm và dài hạn về thực hiện nhiệm vụ chống lao theo chương trình chống lao Quốc gia.

+ Tổ chức xây dựng mạng lưới, chỉ đạo chuyên môn, kỹ thuật, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động chống Lao trên địa bàn tỉnh, khám và điều trị nội trú cho bệnh nhân lao và bệnh phổi, kiểm tra giám sát hoạt điều trị lao ngoại trú tại các huyện, thị, thành.

Năm 2022, Chi bộ Bệnh viện có 32 đảng viên. Lãnh đạo đơn vị gồm 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc. Công đoàn cơ sở có 55 công đoàn viên. Chi đoàn thanh niên có 17 đoàn viên.

Bệnh viện xếp hạng 3 với 60 giường bệnh; có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Điều Dưỡng, Phòng Tài chính kế toán; 07 khoa chuyên môn, gồm: 03 khoa kâm sàng: Khoa Khám bệnh - Hồi sức cấp cứu, Khoa Bệnh phổi, Khoa Lao/HIV, 04 khoa cận lâm sàng: Khoa Cận lâm sàng, Khoa Dược, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Khoa Dinh dưỡng.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Bệnh viện có: Thạc sĩ: 02; Bác sĩ chuyên khoa 2: 04; Bác sĩ chuyên khoa 1: 03; Cử nhân đại học: 30; Cử nhân cao đẳng: 04; Trình độ khác: 12.

**3. Bệnh viện Mắt Tiền Giang**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Cơ quan thị giác (Mắt: là cơ quan thị giác thực hiện chức năng nhìn, quan sát, thu nhận lại hình ảnh của sự vật, màu sắc để chuyển vào não xử lý và lưu trữ) + Tên tỉnh (Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện Mắt Tiền Giang

+ Địa chỉ: Số 44, Phan Hiển Đạo, Phường 7, TP Mỹ tho, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 0273.3884028

+ Trang thông tin điện tử: benhvienmat.soytetiengiang.gov.vn

+ Email: [bvmtgfhf@yahoo.com.vn](mailto:bvmtgfhf@yahoo.com.vn)

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 779,8 m² ; diện tích sử dụng: 779,8m²

+ Tổng số cán bộ, viên chức: 57 ; Trong đó nam: 23; nữ: 34

Bệnh viện Mắt Tiền Giang được thành lập theo Quyết định số 1445/QĐ-UB ngày 13/5/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ như sau:

+ Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật: khám bệnh, chữa bệnh, phòng các bệnh về mắt trên cơ sở của chương trình y tế Quốc gia và thực tế ở địa phương.

+ Cấp cứu, Khám bệnh, Chữa bệnh.

+ Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật.

+ Đào tạo cán bộ y tế.

+ Về phòng bệnh: phối hợp với Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh thực hiện hoạt động tuyên truyền, giáo dục về công tác phòng, chống mù lòa và các bệnh về mắt.

+ Hợp tác quốc tế: hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ở trong và ngoài nước theo đúng quy định của Nhà nước.

Năm 2022, Chi bộ Bệnh viện có 15 đảng viên; Lãnh đạo đơn vị có 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 04 tổ công đoàn với 57 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 23 đoàn viên.

Bệnh viện xếp hạng 3, với 50 giường bệnh, có 03 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chánh - Quản trị và Tài vụ; Phòng chỉ đạo tuyến; Phòng Kế hoạch tổng hợp; 04 khoa chuyên môn: Khoa khám bệnh và chẩn đoán chức năng; Khoa điều trị; Khoa Dược; Khoa Giải phẫu - chăm sóc hậu phẫu và kiểm soát nhiễm khuẩn.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Thạc sĩ: 03; Bác sĩ chuyên khoa 2: 02; Bác sĩ chuyên khoa 1: 08; Bác sĩ đại học: 04; Dược sĩ đại học: 04; Cử nhân cao đẳng: 02; Trình độ khác: 28

**4.** **Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Giới tính (Phụ: Phụ nữ) + Động từ (Sinh sản: là quá trình tạo ra những cá thể mới, đảm bảo sự phát triển liên tục của loài) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

- Khái quát Bệnh viện **Phụ sản** Tiền Giang

+ Địa chỉ: 04A, Hùng Vương, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

+ Điện thoại: (073) 3 887160, Fax: (073) 3 887160

+ Trang thông tin điện tử: [bvps.soytetiengiang.gov.vn](http://bvps.soytetiengiang.gov.vn/)

+ Email: [bvphusantg@gmail.com](mailto:bvphusantg@gmail.com)

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 14.460 m2; diện tích sử dụng: 7.232 m2

+ Tổng số cán bộ, viên chức (2022): 178 người.

Bệnh viện được thành lập năm 2003 theo Quyết định số 2417/QĐUB ngày 01/7/2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, có chức năng, nhiệm vụ: cấp cứu - khám bệnh (sản phụ khoa) - chữa bệnh và đỡ sinh; đào tạo cán bộ; nghiên cứu khoa học về y học; chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn kỹ thuật; phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng và thực hiện thường xuyên công tác phòng bệnh, phòng dịch; hợp tác với các tổ chức hoặc cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước; quản lý bệnh viện: quản lý kinh tế y tế, công tác thu viện phí, bảo hiểm y tế, trang thiết bị; công tác dược.

Năm 2022, Đảng bộ bệnh viện có 08 chi bộ với 79 đảng viên; lãnh đạo đơn vị: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 187 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 28 đoàn viên.

Bệnh viện xếp hạng 2, có 200 giường bệnh; 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Điều dưỡng, Phòng Tài chính kế toán; 08 khoa chuyên môn: Lâm sàng (05 khoa): Khoa khám và Dinh dưỡng, Khoa Sản - Cấp cứu, Khoa Gây mê hồi sức và Sơ sinh, Khoa Hậu sản - Hậu phẫu, Khoa Phụ và Hiếm muộn, Vô sinh; Cận lâm sàng (03 khoa): Khoa Dược, Khoa Xét nghiệm, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Thạc sĩ: 06; Bác sĩ chuyên khoa 1: 09; Bác sĩ chuyên khoa 2: 04; Cử nhân đại học: 35; Cử nhân cao đẳng: 46; Trình độ khác: 78.

**5. Bệnh viện Y học cổ truyền Tiền Giang**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Bệnh viện) + Loại hình bệnh viện (Y học cổ truyền: là ngành Đông y có nguồn gốc xuất phát từ Việt Nam (và Trung Hoa). Dựa trên nền tảng của Âm Dương - Ngũ Hành, y học cổ truyền Việt Nam đã hình thành từ rất sớm trong lịch sử) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

-  Khái quát Bệnh viện Y học cổ truyềnTiền Giang

+ Địa chỉ: 03, Thủ Khoa Huân, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

+ Điện thoại: (073)3872379, Fax: (073)3872379

+ Email: [syt.bvyhct@tiengiang.gov.vn](mailto:syt.bvyhct@tiengiang.gov.vn)

+ Trang thông tin điện tử: [Syt-bvyhct@tiengiang.gov.vn](mailto:Syt-bvyhct@tiengiang.gov.vn)

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 6.275,8 m2; diện tích sử dụng: 6.275,8 m2

+ Tổng số cán bộ, viên chức (năm 2022): 72 người; trong đó nam: 23 người; nữ: 49 người.

Bệnh viện được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-UB ngày 26/05/1978 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang với tên gọi Bệnh viện Y học dân tộc Tiền Giang và được đổi tên thành Bệnh viện Y học cổ truyền Tiền Giang theo Quyết định số 1921/QĐ-UB ngày 06/7/1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Bệnh viện xếp hạng 3, là tuyến khám bệnh, chữa bệnh bằng y dược cổ truyền cao nhất của tỉnh; có chức năng, nhiệm vụ thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và phục hồi chức năng bằng Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại; nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; đào tạo, chỉ đạo tuyến về chuyên môn kỹ thuật và là cơ sở thực hành về y, dược cổ truyền của các cơ sở đào tạo y, dược và các đơn vị có nhu cầu.

Năm 2022, Chi bộ Bệnh viện có 32 đảng viên; lãnh đạo đơn vị có 01 Giám đốc và 02 Phó giám đốc; Công đoàn cơ sở có 74 công đoàn viên; Đoàn thanh niên có 26 đoàn viên.

Bệnh viện có 120 giường bệnh; 03 phòng chức năng: Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Tổ chức - Hành chính; 05 khoa chuyên môn: Khoa Khám bệnh, Khoa Châm cứu, dưỡng sinh và phục hồi chức năng, Khoa Nội, Khoa Ngoại, Khoa Dược.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, bệnh viện có: Bác sĩ chuyên khoa 1: 09, Cử nhân đại học: 28, Cử nhân cao đẳng: 07, Trình độ khác: 28.

**\*Y tế tuyến huyện:**

**Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng mang tính chất chăm sóc sức khỏe (Trung tâm y tế) + Địa danh hành chính (Thành phố Mỹ Tho).

- Khái quát Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho

+ Địa chỉ: số 57, Hùng Vương, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

+ Điện thoại: 02733 873 776; Fax: 02733 885 981

+ Trang thông tin điện tử: [www.trungtamytethanhphomytho.com](http://www.trungtamytethanhphomytho.com)

+ Email: [trungtamytethanhphomytho@gmail.com](mailto:trungtamytethanhphomytho@gmail.com)

+ Cơ quan chủ quản: Sở Y tế tỉnh Tiền Giang

+ Tổng diện tích: 2.682,1m2; diện tích sử dụng: 2.682,1m2.

+ Tổng số cán bộ viên chức (2022): 258 người; trong đó nam: 82; nữ: 176

Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho được thành lập theo Quyết định số 2328/QĐ-TTYT ngày 02 tháng 7 năm 2009 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trên cơ sở hợp nhất Bệnh viện đa khoa thành phố Mỹ Tho và Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Mỹ Tho.

Trung tâm Y tếthành phố Mỹ Thocó chức năng, nhiệm vụ: tham mưu Thành ủy, UBND thành phố thực hiện công tác chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn thành phố Mỹ Tho; thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về khám chữa bệnh, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống HIV/AIDS; Quản lý điều trị bệnh xã hội; An toàn vệ sinh thực phẩm; Chăm sóc sức khoẻ sinh sản; Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý toàn diện các Trạm Y tế

Năm 2022,Đảng bộ Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho có 03 chi bộ trực thuộc với 59 đảng viên; Ban Giám đốc có 01Giám đốc và 03 Phó Giám đốc; Công đoàn cơ sở có 256 công đoàn viên; Chi đoàn thanh niên có 21 đoàn viên.

Trung tâm có 04 phòng chức năng: Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe; 09 khoa chuyên môn: Lâm sàng (07 khoa): Khoa Khám bệnh - Cấp cứu, Khoa Nội - Nhi - Nhiễm, Khoa Phụ sản, Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng, Khoa Liên chuyên khoa, Khoa Kiểm soát bệnh tật, Khoa Y tế công cộng - An toàn thực phẩm; Cận lâm sàng (02): Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược. Bệnh viện đa khoa thuộc Trung tâm được xếp hạng 3 với 50 giường bệnh.

Trung tâm có 17 Trạm Y tế phường, xã: Phường 1, 2 ,3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, Tân Long; xã Tân Mỹ Chánh, Mỹ Phong, Trung An, Đạo Thạnh, Phước Thạnh, Thới Sơn.

Về trình độ chuyên môn, năm 2022, Trung tâm có: Thạc sĩ: 04; Bác sĩ: 40; Bác sĩ chuyên khoa 1: 18; Dược sĩ đại học: 10; Dược sĩ chuyên khoa 1: 02; Cử nhân đại học: 34; Cử nhân cao đẳng: 45; Trình độ khác: 105.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm (nghiên cứu, biên soạn thêm bia tưởng niệm, khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Tượng đài:**

Tượng đài là công trình xây dựng nhằm phục vụ yêu cầu ghi nhớ, tưởng niệm các sự kiện, các nhân vật lịch sử, được thể hiện bằng nghệ thuật điêu khắc kết hợp với nghệ thuật kiến trúc, ở những nơi công cộng, bằng các chất liệu bền vững, như đá, kim loại không gỉ, bê tông,…

**1.Tượng đài Chiến thắng Tết Mậu Thân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Sự kiện lịch sử (Tết Mậu Thân).

Sự kiện lịch sử:

Phát huy những thắng lợi to lớn của cách mạng miền Nam, nhất là từ sau thắng lợi mùa khô 1966 - 1967, tháng 5-1967, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương chủ trương: “Gấp rút chuẩn bị mọi mặt, kịp thời nắm lấy thời cơ để giành thắng lợi, buộc Mỹ phải chịu thua về quân sự”.

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết: Ðộng viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Ðảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định; kết hợp tiến công quân sự với tiến công chính trị và tiến công ngoại giao, trong đó, cuộc tiến công của các lực lượng vũ trang trên các chiến trường lớn và sự nổi dậy của nhân dân ở các đô thị lớn là hai mũi tiến công chính.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị (12-1967) và Nghị quyết hội nghị lần thứ 14 (01-1968) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Mỹ Tho, Thành ủy Mỹ Tho, Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tổ chức và triển khai cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 với phương châm vừa xây dựng lực lượng, vừa tấn công địch để tạo ra thế và lực mới. Thành phố Mỹ Tho được Khu ủy Khu 8 chọn làm trọng điểm chính trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy. Mục tiêu chủ yếu là thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, các huyện tự lực giải phóng.

Thắng lợi của quân và dân ta trong năm 1967 đã đẩy quân địch vào thế bị động, nhưng lực lượng của chúng vẫn còn đông. Tỉnh ủy Mỹ Tho và Thành ủy Mỹ Tho gấp rút xây dựng lực lượng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công và nổi dậy. Đảng bộ chú trọng xây dựng và phát triển lực lượng 3 thứ quân, bao gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích; đồng thời, ra sức xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng. Phân ban Tỉnh ủy Gò Công tập trung phát động quần chúng xây dựng các cơ sở Đảng, nhất là chi bộ; phát triển các ban, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang nhằm tấn công tiêu diệt, tiêu hao quân địch, phá rã thế kềm kẹp, bình định của địch.

24 giờ đêm Mùng 1 Tết Mậu Thân (tức đêm 29-01-1968), cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân bắt đầu.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, quân dân Mỹ Tho và Gò Công đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá hủy hàng chục đồn bót, căn cứ quân sự và nhiều phương tiện chiến tranh của bọn chúng.

Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân Mỹ Tho - Gò Công trong Tết Mậu Thân năm 1968 đã góp phần vào thắng lợi chung của cả nước. Ta đã tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, làm đảo lộn thế bố trí chiến lược của chúng. Đồng thời, ta đã tấn công quyết liệt vào các cơ quan đầu não của địch ở thị xã, thị trấn và hệ thống ấp chiến lược trong tỉnh, giải phóng một vùng nông thôn rộng lớn, tạo ra bước ngoặt quyết định cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta.

Thắng lợi của cuộc tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 ở tỉnh Mỹ Tho, tỉnh Gò Công và thành phố Mỹ Tho góp phần cùng cả nước làm thất bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Chính phủ Mỹ phải nhận rằng không thể dùng lực lượng quân đội viễn chinh Mỹ để thắng trong chiến tranh ở Việt Nam; đồng thời, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh; chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền bắc; ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris (Pháp) và sau đó phải rút quân Mỹ về nước, mở ra một cục diện mới trong công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tượng đài Tết Mậu Thân được khánh thành năm 1993 nằm trong Khuôn viên của Công viên Tết Mậu Thân (Giếng Nước), với diện tích hơn 50.000 m2, tọa lạc tại nơi giao nhau giữa ba con đường Ấp Bắc, Tết Mậu Thân và Yersin ở Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Tượng đài cao 13 m, rộng 4 m, đặt trên nền cao 1 m. Tượng được ghép bằng 15 tảng sa thạch có kích thước khác nhau (tảng lớn nhất có chiều dài 2 m, ngang 1,8 m, cao 1,7 m; tảng nhỏ nhất dài 0,5 m, ngang 0,6 m, cao 1,2 m). Tượng mô tả hình ảnh các chiến sĩ giải phóng quân, các chiến sĩ biệt động nội thành đang tiến công đánh chiếm thành phố Mỹ Tho trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Tết Mậu Thân năm 1968.

Tượng có 3 mặt: Mặt trước tạc hình một chiến sĩ tay giương cao ngọn cờ hiên ngang trước hàng quân, thể hiện tinh thần dũng cảm tiên phong của lực lượng chủ lực của ta. Mặt bên phải thể hiện hình ảnh một chiến sĩ một tay cầm súng, một tay ném quả lựu vào quân địch, thể hiện sức mạnh chiến đấu và tính mưu trí khi đối diện với kẻ thù. Mặt bên trái thể hiện hình ảnh một chiến sĩ đang bị thương và được một chiến sĩ khác dìu đỡ, thể hiện ý trí sắt thép của người chiến sĩ dù mất mát, đau thương, khó khăn, gian khổ vẫn đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua, một lòng chiến đấu để hoàn thành nhiệm vụ chung.

Tượng đài Chiến thắng Tết Mậu Thân được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**2. Tượng đài Nguyễn Hữu Huân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Tượng đài) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Hữu Huân).

Tiểu sử danh nhân:

Nguyễn Hữu Huân, còn gọi là Thủ khoa Huân, sinh năm 1830 tại thôn Tịnh Giang, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ (chức quan trông coi giáo dục ở cấp “phủ”) phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác thơ và hai câu liễn tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình.

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên đường phố và trường học tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Tượng đài Nguyễn Hữu Huân được khánh thành năm 1985, do nhà điêu khắc Nguyễn Hải tạo mẫu, chủ đề của bức tượng phản ánh tư thế hiên ngang, bất khuất, lẫm liệt của nhà yêu nước Nguyễn Hữu Huân, phần đế cao 3 m được làm bằng bê tông cốt thép ốp đá, diện tích đế 64m², phần tượng cao 10 m được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, góc đường 30 tháng 4 và đường Trưng Trắc, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Tượng đài Nguyễn Hữu Huân được xếp hạng Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**\* Bia lưu niệm (Nghiên cứu, biên soạn thêm: Bia tưởng niệm, Khu tưởng niệm, bia căm thù, bia mộ):**

**Bia lưu niệm/tưởng niệm:**

Bia lưu niệm/tưởng niệm là vật được tạo tác dạng hình phiến dẹp có mặt phẳng, thường được làm bằng đá, kim loại, gỗ, bê tông cốt thép,… với kích thước thường có chiều cao lớn hơn chiều rộng, được dựng lên để lưu niệm/tưởng niệm danh nhân, sự kiện lịch sử, tổ chức chính trị - xã hội,…

**1. Bia lưu niệm căn cứ Thành đội Mỹ Tho**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (căn cứ Thành đội Mỹ Tho).

Địa danh lịch sử:

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Ban chỉ huy Thành đội Mỹ Tho đã xây dựng căn cứ “lòng dân” ở Ấp 5, xã Đạo Thạnh. Căn cứ Thành đội được nhân dân đùm bọc, che chở và đã lập nên những chiến công vang dội. Năm 1994, quân dân thành phố Mỹ Tho được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang”.

Bia lưu niệm căn cứ Thành đội Mỹ Tho, do nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng tại địa phận Ấp 5, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào năm 1995. Bia lưu niệm Thành đội Mỹ Tho được xây dựng trong khuôn viên khoảng 3.400 m², trên nền cao khoảng 1 m. Cấu trúc bia có hình ảnh nòng súng và mũi gươm nhọn, cao hơn 5 m chỉ thẳng lên trời, trên nền cờ đỏ sao vàng, tượng trưng cho sức mạnh chiến của quân và dân thành phố Mỹ Tho trong công cuộc giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Trên nền lá cờ cách điệu có dòng chữ “Bia Lưu niệm căn cứ của Thành đội Mỹ Tho”.

Bia lưu niệm căn cứ Thành đội Mỹ Tho nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Thành đội Mỹ Tho được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**2.** **Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Thành ủy Mỹ Tho).

Địa danh lịch sử:

Hóc Đùng là địa danh xưa, nay thuộc xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho. Theo tác giả Lê Trung Hoa trong quyển Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh, hóc là dạng cổ của từ “hói”, là “dòng nước nhỏ”; là con rạch nhỏ, hẻm hóc. Đùng: có nghĩa là dồn lại, ngoằn ngoèo. Hóc Đùng có tên chữ Hán được ghi trong quyển Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức là “Húc Đồng”. Tại đây, có một con rạch đổ ra kinh Bảo Định, tạo nên một vùng nước xoáy, đùn lại với nhau, nên từ đó có địa danh Hóc Đùng và rạch Hóc Đùng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), từ cuối năm 1967, Hóc Đùng là căn cứ của Thành ủy Mỹ Tho. Căn cứ Hóc Đùng được bao bọc, che chở bởi những vườn cây um tùm, mà nhiều nhất là mận Hồng Đào. Tại đây, đội kích xã Đạo Thạnh đã đào hào chiến đấu; gài lựu đạn, mìn; bố trí hầm chông, dựng bảng tử địa,… để bảo vệ căn cứ. Căn cứ Hóc Đùng còn là nơi đứng chân của lực lượng vũ trang tỉnh Mỹ Tho (tiểu đoàn 514), của Quân khu 8 (hai trung đoàn 24 và 88; ba tiểu đoàn 261A, 261B và 263; đội đặc công 70B).

Do đó, Hóc Đùng được xem là “vùng oanh kích tự do” của quân đội Sài Gòn. Các lực lượng của địch đã nhiều tấn công vào đây, nhưng tất cả đều bị đánh bại bởi Nhân dân xã Đạo Thạnh, vốn có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh bất khuất, đã một lòng đi theo Đảng và cách mạng, ra sức bảo vệ căn cứ, nuôi giấu, đùm bọc, che chở cán bộ, đảng viên Thành ủy Mỹ Tho.

Hóc Đùng là bàn đạp chiến lược để từ đây những đoàn quân giải phóng xuất kích tấn công vào tận hang ổ kẻ thù trên địa bàn thành phố Mỹ Tho trong cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 và trong Chiến dịch Hồ Chí Minh mùa Xuân 1975, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất nhất đất nước. Hiện nay, tại đây, có Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho và Bia lưu niệm Thành đội Mỹ Tho ghi dấu một thời oanh liệt của Hóc Đùng trong kháng chiến để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho thời chống Mỹ, do nghệ nhân ưu tú Trần Văn Trầm tạo mẫu, được xây dựng tại Ấp 3A, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang vào năm 1994. Bia được xây dựng trong khuôn viên khoảng 1.400 m², trên nền cao khoảng 1 m. Cấu trúc bia có hình ảnh thanh gươm cao hơn 5 m chỉ thẳng lên trời đã tượng trưng cho sức mạnh hào hùng chiến đấu của quân dân thành phố. Phía sau thanh gươm là hình lá cờ Đảng đỏ thắm. Trên nền lá cờ có in dòng chữ “Bia lưu niệm căn cứ của Thành ủy Mỹ Tho thời kỳ chống Mỹ”. Bên dưới lưỡi gươm là họa tiết chạm khắc chùm mận hồng đào, vốn là loại trái cây đặc sản của địa phương trước đây; và những chiếc hầm lớn nhỏ đã bảo vệ những chiến sĩ trong khi chiến đấu chống lại kẻ thù.

Văn bia của Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho có ghi chi tiết: “*Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nơi đây là căn cứ của Thành ủy Mỹ Tho. Được sự yêu thương, giúp đỡ và đùm bọc của nhân dân, lực lương An ninh vũ trang kết hợp với bộ đội địa phương và dân quân tự vệ đã mưu trí, dũng cảm chiến đấu bảo vệ an toàn căn cứ của Thành ủy Mỹ Tho. Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy Mỹ Tho, quân và dân thành phố Mỹ tho đã anh dũng tiến công địch bằng ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận để mở mảng chuyển vùng, tạo thế đứng chân cho bộ đội chủ lực tiến công giải phóng thành phố Mỹ Tho, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước”.*

Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho nằm trong khuôn viên Di tích Căn cứ Thành ủy Mỹ Tho được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 09/2000/QĐ.UB ngày 15/02/2000.

**3.** **Bia lưu niệm “Trận đánh Bờ Cộ”**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Bia lưu niệm) + Sự kiện lịch sử (Trận đánh Bờ Cộ). Bờ **là đường đi hẹp, bằng đất, dọc theo bờ ruộng; Cộ là xe không có bánh, do trâu bò kéo, trượt trên đất phẳng hay trên bùn ướt để vận chuyển nông sản hoặc nông cụ.**

Bia lưu niệm “Trận đánh Bờ Cộ” tọa lạc tại xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho.

10 giờ sáng ngày 07/02/1968, Lữ đoàn 2 thuộc Sư đoàn 9 Mỹ được hai chi đoàn xe bọc thép M.113 (khoảng 20 chiếc), không quân (máy bay trực thăng và máy bay cường kích), pháo binh yểm trợ ồ ạt tấn công vào nơi đóng quân của hai tiểu đoàn 263 và 265 quân giải phóng tại Bờ Cộ (nay thuộc ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho).

Mặc dù cường độ hỏa lực của địch từ máy bay, xe bọc thép, pháo binh và bộ binh rất mạnh mẽ, nhưng các chiến quân giải phóng đã bình tĩnh, kiên cường bám trụ, dũng cảm, mưu trí đánh địch, giữ vững trận địa, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Bị tổn thất nặng nề, địch điên cuồng cho máy bay cường kích ném bom xăng, bom hơi ngạt và nhiều loại bom khác có tính sát thương cao vào ven vườn cặp theo rạch Bến Chùa gây thiệt hại nặng về người và nhà ở của nhân dân (tử vong 11 người, cháy và sập 18 căn nhà). Đến chiều tối cùng ngày, do bị thất bại, địch buộc phải rút quân.

Với trận đánh Bờ Cộ, bộ đội ta đã bắn cháy, bắn hư 7 xe bọc thép M.113, bắn rơi 2 máy bay trực thăng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm chùn bước các cuộc hành quân phản kích của địch trong khi lực lượng vũ trang cách mạng đang bám vùng ven thành phố Mỹ Tho.

Nhằm tưởng nhớ đến công lao của bộ đội hy sinh và nhân dân tử nạn trong trận đánh, hằng năm, cứ vào ngày mùng 10 tháng giêng âm lịch, nhân dân tại khu vực Bờ Cộ, ấp Long Hưng tự vận động, đóng góp tổ chức giỗ hội rất trang trọng nhằm tri ân các liệt sĩ đã vì nước hy sinh trong công cuộc giải phóng miền Nam.

Địa điểm trận đánh Bờ Cộ được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 2271/QĐ-UBND, ngày 17/7/2019.

Bia lưu niệm “Trận đánh Bờ Cộ” cao khoảng 3 m, rộng khoảng 2 m, đế bia được làm bằng đá hoa cương, thân bia làm bằng xi măng cốt thép chạm nổi hình ảnh 3 chiến sĩ quân giải phóng trong tư thế chiến đấu (1 chiến sĩ cầm cờ đỏ sao vàng, 1 chiến sĩ cầm súng tiểu liên AK47 và lựu đạn, 1 chiến sĩ cầm súng chống tăng B40), phía dưới chân các chiến sĩ là hình ảnh lính Mỹ bị tiêu diệt, xe bọc thép, máy bay trực thăng địch bị bắn cháy.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên công viên/vườn hoa, rạp hát:**

**Công viên/Vườn hoa:**

**Khái niệm:**

- Công viên là khu vực được trồng cây xanh tập trung trong một diện tích đất lớn nhằm mục đích phục vụ công cộng, là nơi sinh hoạt ngoài trời, nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi, giải trí, tập luyện thể dục, nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Ngoài cây xanh, công viên còn có các công trình kiến trúc và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Phạm vi quản lý một công viên bao gồm diện tích bên trong công viên và vỉa hè của công viên đó.

- Vườn hoa: Loại công viên hoặc vườn nhỏ ở đô thị trong đó có trồng nhiều hoa. Có thể đứng độc lập hoặc gắn với công trình kiến trúc, có tác dụng tăng thẩm mỹ cho cảnh quan đô thị.

**Thành phố Mỹ Tho:**

**1. Công viên Căn cứ Thành đội Mỹ Tho**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Thành đội Mỹ Tho).

Công viên được khánh thành năm 1995, cải tạo năm 2018, tọa lạc tại Ấp 5, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, có diện tích khoảng 3.400 m².

Công viên có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây trồng chậu; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, hệ thống điện nước; bia lưu niệm căn cứ Thành đội Mỹ Tho[[28]](#footnote-28).

**2. Công viên Căn cứ Thành ủy Mỹ Tho**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Địa danh lịch sử (Căn cứ Thành ủy Mỹ Tho).

Công viên được khánh thành năm 1994, cải tạo năm 2018, tọa lạc tại Ấp 3A, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, có diện tích khoảng 1.400 m².

Công viên có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây trồng chậu; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, hệ thống điện nước; bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho[[29]](#footnote-29).

**3. Công viên/Vườn hoa Lạc Hồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên/Vườn hoa) + Truyền thuyết về nguồn gốc của dân tộc (Lạc Hồng).

Về khái niệm “Lạc”, theo sách Lĩnh Nam chích quái (tác giả: Trần Thế Pháp; nhuận chính: Vũ Quỳnh - Kiều Phú; phiên dịch: Đinh Gia Khánh - Nguyễn Ngọc San, NXB Trẻ và NXB Hồng Bàng ấn hành năm 2016)*,* cháu ba đời họ Viêm Đế Thần Nông là Đế Minh. Đế Minh sinh ra Đế Nghi. Sau đó, Đế Minh đi tuần thú phương Nam, tới miền Ngũ Lĩnh, gặp con gái bà Vụ Tiên, đem lòng yêu thích, lấy về, sinh ra Lộc Tục có dung mạo đoan chính, sớm tỏ ra thông minh, nhanh nhẹn. Đế Minh thấy thế lấy làm lạ, cho nối ngôi vua, nhưng Lộc Tục nhường cho anh là Đế Nghi, không dám vâng mệnh. Đế Minh vì vậy lập Đế Nghi thay mình cai trị đất Bắc, phong cho Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam, lấy hiệu nước là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương lấy con gái của Động Đình Quân là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm, ấy là Lạc Long Quân, thay cha trị nước. Lạc Long Quân kết hôn với Âu Cơ. Như vậy, Rồng chỉ Lạc Long Quân và Tiên chỉ Âu Cơ.

Về khái niệm “Hồng”, vẫn theo sách Lĩnh Nam chích quái, trong truyện Hồng Bàng thị (họ Hồng Bàng) giải thích, người Việt chúng ta thuộc họ ấy. Chữ Hồng xuất phát từ Hồng Bàng.

Như vậy, theo truyền thuyết, khái niệm “Lạc Hồng” là để chỉ người Việt thuộc dòng dõi Lạc Long Quân và Âu Cơ. Từ đó, có thành ngữ “Con Lạc cháu Hồng” với hàm nghĩa lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

Công viên/Vườn hoa Lạc Hồng được hình thành năm 1958, sau khi ga xe lửa Mỹ Tho bị dỡ bỏ, sát bờ sông Tiền. Trong quá trình phát triển, công viên/vườn hoa Lạc Hồng là một trong những cảnh đẹp của Mỹ Tho, được thi ca mô tả:

*Mỹ Tho có bến Lạc Hồng,*

*Hoa xinh người đẹp, mặn mà phô duyên.*

*Ngẩn ngơ du khách triền miên,*

*Tưởng chừng lạc bước Đào Nguyên[[30]](#footnote-30) thuở nào.*

Không chỉ thế, công viên vườn hoa Lạc Hồng còn có ý nghĩa sâu xa về tinh thần đấu tranh bất khuất, kiên cường của các vị tiền nhân và tương lai sáng ngời của dân tộc về một Việt Nam hùng cường và trường tồn cùng với hồn thiêng sông núi:

*Viếng thăm vườn cảnh Lạc Hồng,*

*Màu hoa thắm đượm say lòng.*

*Sông nước Cửu Long hừng chí,*

*Cồn Rồng gợi nhớ Thủ khoa Huân.*

*Rạch Miễu gương trong Mai[[31]](#footnote-31) ẩn sĩ,*

*Về đây bạn, dạo chơi đất Mỹ.*

*Ngắm Lạc Hồng, chạnh nghĩ nước non ta,*

*Dòng Tiên Rồng, nòi Hồng Lạc cao xa.*

*Nền văn hiến, bốn ngàn năm chói rạng,*

*Về đây bạn, Lạc Hồng vườn hoa thắm.*

*Ủ ấp lòng say đắm mộng phi đằng,*

*Thanh niên vượt tiến, hùng cường.*

*Vinh quang nòi Việt, trường tồn non sông.*

Hiện nay, công viên/vườn hoa Lạc Hồng có diện tích khoảng 6.200 m², tọa lạc tại đường 30 tháng 4, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; hệ thực vật gồm có cây thân gỗ (bằng lăng, phượng vỹ, đa, dương, lim xẹt,…); cây tạo hình và hoa (cau kiểng, hoa giấy,…); các loại cây lá màu và thảm cỏ,… Đồng thời, công viên còn có ghế đá; thiết bị tập thể dục; đèn trang trí; hệ thống điện nước; vỉa hè,… Tại đây còn có tượng đài Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân được tạo tác bằng đá hoa cương[[32]](#footnote-32).

**4. Công viên Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Tên địa bàn cư trú mang yếu tố Hán Việt (Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng: Mỹ: 美: Tốt, đẹp; Thạnh: 盛: Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh; Hưng: 興: Hưng thịnh).

Công viên khánh thành năm 2004 tọa lạc tại Khu dân cư Mỹ Thạnh Hưng, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công viên có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây thân gỗ có xà cừ, dương, bằng lăng, phượng; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, hệ thống điện nước;…

**5. Công viên Bờ kè sông Tiền**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Công trình xây dựng và địa hình thiên nhiên (Bờ kè) + Địa hình thiên nhiên (Sông Tiền).

Công viên được khánh thành năm 2011, cải tạo năm 2018, nằm dọc theo bờ kè sông Tiền thuộc Phường 4 và Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công viên có nền cỏ lá gừng, hoa và các loại cây lá màu; cây thân gỗ có xà cừ, dương, sao, bằng lăng, phượng vỹ; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đài phun nước, đèn trang trí, hệ thống điện nước;… Tại đây còn có Cảng du thuyền Mỹ Tho.

**6. Công viên Tết Mậu Thân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Công viên) + Sự kiện lịch sử (Tết Mậu Thân[[33]](#footnote-33)).

Công viên được khánh thành năm 1985 nhân kỷ niệm 10 năm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cải tạo năm 1999 và năm 2021, có diện tích khoảng 50.000 m2, tọa lạc giữa các đường Ấp Bắc, Tết Mậu Thân, Lý Thường Kiệt, Lê Thị Hồng Gấm, Yersin ở Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công viên có nền cỏ lá gừng, hoa và cây lá màu các loại; cây tạo dáng có cau kiểng, sứ trắng, trúc, tre,…; cây thân gỗ có xà cừ, dương, bằng lăng, phượng vỹ, đa, si, hoa sữa, me tây,…; vỉa hè, lối đi lát gạch Tezzaro; thiết bị tập thể dục, ghế đá, đèn trang trí, đài phun nước, hệ thống điện nước,… Đặc biệt, tại đây có Nhà bia liệt sĩ, Giếng Nước Lớn, Giếng nước nhỏ[[34]](#footnote-34) và tượng đài Tết Mậu Thân[[35]](#footnote-35).

**\* Rạp hát:**

**Khái niệm:**

Rạp hát là nơi để biểu diễn các tác phẩm âm nhạc, sân khấu (kịch, cải lương, chèo, tuồng,…), điện ảnh,…

**1. Rạp Cinestar Mỹ Tho**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Danh từ Tiếng Anh (Cinestar: Rạp chiếu phim) + Địa danh Việt gốc Khmer (Mê so: gọi trại thành Mỹ Tho, có nghĩa là “Cô gái trắng trẻo”).

Nguồn gốc của rạp này là rạp hát cải lương Huỳnh Kỳ của Lê Công Phước (còn gọi là George Phước hay Bạch Công Tử). Ông là con trai của Đốc phủ Lê Công Sủng, người làng Điều Hòa, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là các Phường 1, 2, 4, 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), từng đi du học tại Pháp.

Ông là người rất đam mê nghệ thuật cải lương. Vì thế, khoảng năm 1926, sau khi học ở Pháp về, ông cùng với ông Nguyễn Ngọc Cương lập gánh hát Phước Cương (tên ghép của hai người). Gánh hát quy tụ được rất nhiều đào kép nổi tiếng thời bấy giờ như Năm Phỉ, Tám Danh, Tám Mẹo,... Nhưng chỉ một năm sau, ông tách ra và xuất vốn, quy tụ diễn viên, thành lập gánh cải lương Huỳnh Kỳ. Sau đó, đổi tên là Huỳnh Kỳ - Phùng Há. Gánh bao gồm những diễn viên nổi tiếng, như Phùng Há, Năm Thiện, Ba Thiện, Ba Thâu, Ba Duy, Ba Đồng, Chín Móm, Năm Kiệt, Hai Sự, Tư Long, Hai Nữ, Tư Bé, Tư Hélène,… Đây là gánh cải lương có quy mô lớn với cô đào nổi tiếng Phùng Há cũng chính là vợ của ông.

Đồng thời, ông cũng cho xây dựng một rạp hát, cũng có tên Huỳnh Kỳ, để làm nơi gánh biểu diễn thường trực. Rạp hát này nằm ở bên cạnh ngôi nhà của ông tại khu vực Chợ Cũ Mỹ Tho. Ông còn sắm ba chiếc ghe máy được trang bị đầy đủ để làm phương tiện di chuyển cho gánh mỗi khi gánh đi lưu diễn; trong đó, chiếc ghe đi đầu chở ông và người vợ là Phùng Há, có lầu, phía trước có cột cờ và treo cờ vàng, biểu tượng của gánh Huỳnh Kỳ; chiếc ghe thứ hai chở đào kép (diễn viên), được ngăn thành nhiều phòng, nhiều ô cửa sổ, có bếp ăn, chỗ vệ sinh; chiếc ghe thứ ba chở thầy đờn, nhân viên phục vụ và cả một đội bóng đá. Mỗi lần ba chiếc ghe tách bến, để tạo khí thế, ông cho trương cờ hiệu của gánh cải lương có màu vàng (huỳnh kỳ) lên; rồi cho đốt pháo vang dội. Tiếp theo, tiếng còi của ba chiếc ghe rúc lên inh ỏi; và ông bắn chỉ thiên vài phát súng lục, ra lệnh cho toàn gánh khởi hành.

Sau khi đến địa điểm biểu diễn, ông cho đào kép từ dưới ghe lên bờ đứng xếp hàng và bắt tay xã giao với chính quyền sở tại. Sau đó, các đào kép hát bản Đoàn ca, cờ vàng được kéo lên và ông lại lấy súng lục ra đưa lên trời nổ liền mấy phát. Tiếp theo, trong lúc đào kép lo chuẩn bị cho đêm diễn thì đội bóng đá thi đấu giao hữu với đội bóng đá của địa phương, với mục đích quảng cáo, thu hút khán giả đến tối đi xem hát. Nhờ lưu diễn bằng ghe nên gánh cải lương Huỳnh Kỳ có điều kiện đến những quê xa xôi để biểu diễn, phục vụ công chúng. Và khi gánh dời đi nơi khác, ông lại cho kéo cờ vàng, đốt pháo và rút súng lục ra bắn. Khán giả đứng chen trên bờ vẫy tay chào tạm biệt.

Vở diễn nổi tiếng của gánh là vở cải lương thuộc chủ đề dã sử Trung Hoa (tuồng Tàu) mang tên “*Giọt máu chung tình*” của soạn giả Nguyễn Công Mạnh. Trong vở này, Phùng Há thủ vai Bạch Thu Hà, Năm Thiên thủ vai Võ Đông Sơ, Ba Thâu thủ vai Triệu Tuấn. Kịch bản hay cộng với tài diễn xuất của các diễn viên, nên gánh Huỳnh Kỳ đã tạo nên không khí sôi động ở những nơi gánh biểu diễn, nhất là ở Sài Gòn. Trong hồi ký *Nổi trôi trong ánh đèn màu*, nghệ sĩ Bảy Nhiêu cho biết: “*Đến 3 giờ chiều, vé các hạng của gánh Huỳnh Kỳ đều hết. Nhiều người thất vọng đón buổi tối để mua cho được vé đêm mai*”. Ngoài ra, gánh còn có những vở khác, không kém nổi tiếng thuộc đề tài lịch sử Việt Nam, như *Trần Hưng Đạo bình Nguyên*, *Võ Tánh tử tiết,*…

Năm 1930, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới xảy ra và tác động sâu sắc đến xã hội Việt Nam. Đời sống của nhân dân trở nên hết sức khó khăn. Nhiều gánh cải lương khó lòng đứng vững, phải giải tán. Gánh Huỳnh Kỳ cũng nằm trong tình cảnh đó. Sau đó, đến khoảng năm 1935, ông cho lập lại gánh; nhưng không gây được tiếng vang, chỉ hoạt động trong một khoảng thời gian ngắn rồi phải giải thể.

Do bị phá sản, ông bán ngôi nhà và rạp hát cho ông Lê Ngọc Chiếu, một thương gia giàu có ở Mỹ Tho. Vì vậy, rạp Huỳnh Kỳ được đổi tên thành Lê Ngọc. Năm 1963, ông Chiếu bán rạp hát lại cho người khác. Rạp Lê Ngọc được đổi tên thành rạp Viễn Trường, rồi Tân Viễn Trường. Rạp vừa là rạp hát cải lương, vừa là rạp chiếu phim.

Đến đầu thập niên 1980, rạp được đổi tên thành Mỹ Tho. Sau đó, vào giữa thập niên 1990, do nghệ thuật cải lương ngày càng ít khán giả và phim vidéo gia đình trở nên phổ biến, rạp phải dừng hoạt động và xuống cấp trầm trọng. Năm 2006, doanh nghiệp Thành Nghĩa thuê đất, phá bỏ rạp hát và xây mới thành siêu thị sách Thành Nghĩa.

Năm 2019, doanh nghiệp Cinestar thuê đất, dỡ bỏ siêu thị sách, xây dựng thành rạp chiếu phim mang tên Cinestar Mỹ Tho. Rạp này nằm ở đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng với tiêu chuẩn rạp Hollywood (Hoa Kỳ), chuẩn âm thanh Dolby 7.1, màn hình lớn, sắc nét, với 5 rạp chiếu phim đạt tiêu chuẩn quốc tế có sức chứa trên 800 chỗ ngồi (trong đó, có 1 phòng chiếu VIP cao cấp), chiếu đầy đủ các định dạng phim 2D/3D. Ngoài ra, Cinestar Mỹ Tho còn có khu vui chơi dành cho trẻ em và nhà hàng ẩm thực có tên Món ngon Mỹ Tho.

**2**. **Rạp Định Tường**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Địa danh hành chính (Trấn Định Tường: 1808-1832, tỉnh Định Tường: 1832-1861, tỉnh Định Tường: cách gọi của chính quyền Sài Gòn từ năm 1955 đến ngày 30/4/1975).

Rạp Định Tường được ra đời vào cuối thập niên 1950, chuyên chiếu phim, tọa lạc trên đường Trưng Trắc, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Hiện nay, do sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ viễn thông và Internet, rạp hoạt động không thường xuyên.

**3**. **Rạp hát Thầy Năm Tú**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Rạp hát) + Danh xưng chỉ người có học thức vào đầu thế kỷ XX (Thầy) + Thứ và tên người (Năm Tú).

Thầy Năm Tú hay Pierre Tú tên thật là Châu Văn Tú, chưa rõ năm sinh năm mất, người làng Vĩnh Kim, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Ông xuất thân từ một gia đình hào phú, là người Việt đầu tiên mua xe hơi ở nước ta (1907).

Vốn sinh ra ở vùng đất có truyền thống âm nhạc, nên ông rất say mê nghệ thuật. Năm 1905, ông xây dựng tại chợ Mỹ Tho rạp chiếu phim có tên gọi là Cinéma Théâtra (hiện nay tọa lạc ở ngả ba đường Lý Công Uẩn và đường Nguyễn Huệ, Phường 1, thành phố Mỹ Tho). Năm 1917, ông xuất tiền mua lại gánh “Xiếc và Ca ra bộ An Nam Trẻ” của André Thận do ông này kinh doanh nghệ thuật bị thua lỗ; và thành lập gánh hát thầy Năm Tú.

Để gánh hát có quy mô lớn, ông đã tuyển thêm đào kép mới, thuê họa sĩ vẽ tranh phong cảnh để làm phông (fond), phỏng theo lối trang trí của các rạp hát Tây ở Sài Gòn và mua sắm y phục đẹp cho đào kép. Đồng thời, ông còn mời Trương Duy Toản, một nhà Nho yêu nước, từng hoạt động trong phong trào Duy Tân, soạn tuồng. Ông cũng cho cải tạo lại rạp Cinéma Théâtra để gánh biểu diễn. Ngày 15/3/1918, nhân ngày sinh của mình, ông cho khai trương bảng hiệu “Gánh hát Thầy Năm Tú Mỹ Tho”. Gánh biểu diễn vở cải lương đầu tiên được mang tên “Kim Vân Kiều” của soạn giả Trương Duy Toản. Đồng thời, ông đổi tên rạp Cinéma Théâtra thành rạp hát Thầy Năm Tú. Đây là rạp hát cải lương đầu tiên của nước ta. Trước đó, các gánh hát thường biểu diễn ở đình, miếu hoặc che dựng tạm thời, hát xong dỡ bỏ.

Rạp hát Thầy Năm Tú có sân khấu rộng và cao; bố trí hệ thống ròng rọc để thay đổi phông màn; hai bên sân khấu có treo nhiều lớp cánh gà; có hệ thống ánh sáng theo sự điều khiển hàng đêm của thầy tuồng. Rạp có diện tích 732 m², 03 tầng: tầng trệt với 800 ghế, gác lửng 200 ghế và gác áp mái làm nơi ở cho nhân viên của rạp hát. Ghế chia theo thứ hạng, đặc biệt trên lầu cạnh hai bên sân khấu được chia thành từng “lô” dành cho các vị khách quan trọng. Mỗi tối trước khi khai diễn, ông bày ra tiết mục “tableau vivant” nhằm giúp khán giả nhìn mặt toàn thể diễn viên của gánh sẽ diễn trong đêm hát. Vở cải lương đầu tiên được biểu diễn trong ngày khai trương rạp hát Thầy Năm Tú 15-3-1918 là vở Kim Vân Kiều của soạn giả Trương Duy Toản.

# Đến giữa thập niên 1950, rạp được bán cho chủ tiệm vàng Phước Tín có cửa hàng đối diện với rạp hát. Người chủ mới đổi tên thành Hí viện Vĩnh Lợi. Lúc bấy giờ, Hí viện Vĩnh Lợi vừa là rạp hát cho các đoàn cải lương “đại ban” như “Dạ Lý Hương”, “Hương Mùa Thu”, “Kim Chung”, “Kim Chưởng”,… về biểu diễn các vở cải lương; vừa là rạp chiếu phim phục vụ công chúng.

# Năm 1981, rạp được đổi tên thành rạp Tiền Giang. Khoảng từ năm 1995, nghệ thuật cải lương đã bắt đầu suy thoái, sân khấu cải lương vắng khách, rạp hát đành phải dừng hoạt động.

# Năm 2010, sau khi được trùng tu, rạp được mang tên lúc mới được xây dựng: rạp hát Thầy Năm Tú. Ngày 4-6-2012, rạp hát Thầy Năm Tú được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ra Quyết định công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh. Từ năm 2013 đến nay, hàng tuần, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tiền Giang đều tổ chức chiếu phim màn ảnh rộng, biểu diễn đờn ca tài tử, trích đoạn các vở cải lương nổi tiếng và tổ chức một số sự kiện văn hóa của tỉnh. Năm 2022, rạp được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam (VietKings) công nhận đạt Kỷ lục Bất biến Việt Nam.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên chợ:**

**Chợ**

**-** Theo Hoàng Phê trong *Từ điển Tiếng Việt*, “Chợ là nơi công cộng, để đông người đến mua và bán trong những buổi,ngày nhất định”[[36]](#footnote-36).

- *Từ điển Bách khoa Việt Nam* ghi: “Chợ là nơi gặp nhau giữa nơi cung vàcầu các hàng hóa, dịch vụ, vốn; là nơi tập trung mua bán hàng hóa giữa ngườisản xuất, người mua bán và người tiêu dùng”[[37]](#footnote-37).

- Trong quyển *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng*, Vũ Xuân Phái định nghĩa: “Chợ là nơi tụ họp buôn bán”; “chợ búa là nơi tụ họp bày bánhàng hóa, để buôn bán trong làng, xóm (thời xưa) hay cái chợ là nơi quy định muabán”[[38]](#footnote-38).

- Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ là loại hình kinh doanh thương mại được hình thành vàphát triển mang tính truyền thống, được tổ chức tại một địa điểm theo quy hoạch,đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá và nhu cầu tiêu dùng của khu vựcdân cư”[[39]](#footnote-39).

**Chợ đầu mối**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, “Chợ đầu mối: là chợ có vai trò chủ yếu thu hút, tập trung lượng hàng hóa lớn từ các nguồn sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế hoặc của ngành hàng để tiếp tục phân phối tới các chợ và các kênh lưu thông khác”[[40]](#footnote-40).

**Phân loại chợ**

Tùy vào mục đích và tiêu chí, người ta phân loại chợ theo nhiều cách khác  
nhau: Phân loại chợ theo điều kiện môi sinh; Phân loại chợ theo số lượng hộ kinh doanh, vị trí và mặt bằng của chợ (theo quy mô: chợ loại I, chợ loại II và chợ loại III); Phân loại chợ theo tính chất mua bán (chợ bán buôn và chợ bán lẻ); Phân loại chợ theo đặc điểm mặt hàng kinh doanh (chợ tổng hợp và chợ chuyêndoanh); Theo địa giới hành chính (chợ đô thị và chợ nông thôn); Phân loại theo tính chất và quy mô xây dựng (chợ kiên cố, chợ bán kiên cố, chợ tạm).

- Trong công trình nghiên cứu “Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ gócnhìn văn hóa học”, Đặng Thị Hạnh đã lập bảng phân loại chợ như sau[[41]](#footnote-41):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI** | **LOẠI HÌNH CHỢ** |
| 1 | Theo thời gian họp chợ | - Chợ sáng  - Chợ hôm  - Chợ chiều  - Chợ đêm  - Chợ phiên |
| 2 | Theo lịch sử | - Chợ truyền thống  - Chợ hiện đại (siêu thị) |
| 3 | Theo khu vực địa lý | - Chợ quê  - Chợ ven đô  - Chợ đô thị  - Chợ đồng bằng  - Chợ miền núi |
| 4 | Theo quy mô hành chánh | - Chợ làng  - Chợ xã (liên làng)  - Chợ huyện (liên xã)  - Chợ thị trấn  - Chợ thị xã |
| 5 | Theo tình chất, quy mô trao đổi hàng hóa | - Chợ đầu mối  - Chợ bán lẻ  - Chợ chuyên doanh  - Chợ tổng hợp |
| 6 | Theo loại hình hàng hóa bán chủ yếu tại chợ | - Chợ vải  - Chợ trâu  - Chợ trái cây  - Chợ hải sản |
| 7 | Theo quy mô xây dựng | - Chợ kiên cố  - Chợ bán kiên cố  - Chợ tạm |

- Trong quyển *Chợ quê trong quá trình biến đổi*, Lê Thị Mai đã phân chia chợ ra thành nhiều loại hình khác nhau, với những tiêu chí khác nhau như sau[[42]](#footnote-42):

+ Thời gian hợp chợ có: Chợ sáng, chợ hôm, chợ chiều, chợ đêm, chợ phiên

+ Theo khu vực, địa vực có: chợ quê, chợ đô thị, chợ ven đô, chợ đồng bằng, chợ trung du, chợ miền biển…

+ Theo quy mô hành chánh có: Chợ làng, chợ xã (liên làng), chợ huyện (liên xã), chợ thị trấn, chợ thị xã,...

+ Theo tính chất, quy mô trao đổi hàng hóa có: Chợ đầu mối, chợ bán lẻ,

chợ chuyên doanh, chợ tổng hợp,…

+ Theo loại hình hàng hóa bán tại chợ có: chợ vải, chợ trâu, chợ lụa, chợ trái cây, chợ nông sản,…

Trong đề tài này, nhóm tác giả chọn cách phân loại chợ theo Nghị định 02/2003/NĐ - CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ[[43]](#footnote-43):

- Chợ loại 1: Là chợ có trên 400 điểm kinh doanh chợ, được đầu tư xây dựng kiên cố, hiện đại theo quy hoạch; được đặt ở các vị trí trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của tỉnh, thành phố hoặc là chợ đầu mối của ngành hàng, của khu vực kinh tế và được tổ chức họp thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động của chợ và tổ chức đầy đủ các dịch vụ tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường, dịch vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và các dịch vụ khác.

- Chợ loại 2: Là chợ có trên 200 điểm kinh doanh, được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố theo quy hoạch; được đặt ở trung tâm giao lưu kinh tế của khu vực và được tổ chức họp thường xuyên hay không thường xuyên; có mặt bằng phạm vi chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ và tổ chức các dịch vụ tối thiểu tại chợ: trông giữ xe, bốc xếp hàng hóa, kho bảo quản hàng hóa, dịch vụ đo lường.

- Chợ loại 3: Là các chợ có dưới 200 điểm kinh doanh hoặc các chợ chưa  
được đầu tư xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Chủ yếu phục vụ nhu cầu mua  
bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

**\* Quy mô chợ**

Theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ, có chợ kiên cố và chợ bán kiên cố[[44]](#footnote-44):

- Chợ kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng trên 10 năm.

- Chợ bán kiên cố: là chợ được xây dựng bảo đảm có thời gian sử dụng từ 5 đến 10 năm.

**Chợ ở thành phố Mỹ Tho:**

**1. Chợ Bảo Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Hán Việt (Bảo: 保 : gánh vác, giữ gìn; Định: 定 : Yên ổn).

Tên chợ được đặt theo tên kênh/kinh Bảo Định được đào năm 1705. Chợ được xây dựng năm 1962. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.272 m², tọa lạc ở Phường 10, với 132 hộ kinh doanh, hàng hóa buôn bán tại chợ lương thực, thực phẩm, quần áo, tạp hóa,…

**2. Chợ Cá**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Động vật (Cá).

Chợ được xây dựng vào đầu thế kỷ XX. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 540 m², tọa lạc ở Phường 1, với 50 hộ kinh doanh, hàng hóa buôn bán tại chợ: thủy sản tươi, khô các loại, rau, củ, trái cây,…

**3. Chợ Cũ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Tính chất (Cũ).

Chợ được xây dựng năm 1679 với tên gọi Mỹ Tho đại phố ở thôn Mỹ Chánh (nay thuộc Phường 8). Năm 1785, chợ trở nên tiêu điều vì bị quân [Xiêm](http://vi.wikipedia.org/wiki/Xi%C3%AAm) tàn phá. Năm 1788, mặc dù được khôi phục dần, nhưng chợ không còn nhộn nhịp như trước. Năm 1792, thêm một chợ Mỹ Tho nữa được hình thành. Chợ do ông Dương Văn Tuyên lập, tọa lạc ở thôn Điều Hòa, nằm ở giữa bờ hữu ngạn của vàm bên trái và bờ tả ngạn của vàm bên phải rạch Mỹ Tho (thuộc Phường 2 hiện nay). Vì thế, chợ Mỹ Tho được lập năm 1679 được gọi là chợ Cũ.

Năm 2022, chợ được xếp chợ loại 1, có diện tích 4.832 m², tọa lạc ở Phường 8, với 465 hộ kinh doanh, hàng hóa buôn bán tại chợ: lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, kim khí, điện máy,…

**4. Chợ Đêm Phường 1**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Tính chất (Đêm) + Địa danh hành chính (Phường 1).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.150 m², tọa lạc ở Phường 1, với 120 hộ kinh doanh ẩm thực.

**5. Chợ Đêm Phường 6**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Tính chất (Đêm) + Địa danh hành chính (Phường 6).

Chợ được thành lập năm 2009. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.496 m², tọa lạc ở Phường 6, với 130 hộ kinh doanh quần áo, giày dép, phụ kiện (mắt kiếng, dây nịch, đồ trang sức, đồng hồ,…).

**6. Chợ Hàng Bông**

### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Bông).

Hàng Bông là tên chợ, chuyên buôn bán trái cây, rau củ, bông hoa,…; những mặt hàng nông sản đó, dân gian quen gọi là “đồ hàng bông”, nên có tên chợ hàng Bông. Chợ có từ đầu thế kỷ XX.

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 561 m², tọa lạc ở Phường 1, với 195 hộ kinh doanh rau, củ, trái cây, thủy sản,…

**7. Chợ Hàng Còng**

### Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Hàng cây) + Thực vật (Cây còng: là loại cây gỗ cực lớn, cao từ 15-25 m, thậm chí cao đến 50 m, tán rất rộng, làm cây che bóng mát, cây cảnh quan, chế biến đồ gỗ mỹ nghệ, cung cấp thực phẩm cho gia súc (dê, bò,...), một số bộ phận cây cũng có tác dụng làm thuốc,…).

Hàng Còng là nơi có nhiều cây còng, là tên của một chợ nhỏ, được thành lập năm 1964, nằm trên theo đường Tết Mậu Thân, dọc theo một phần bờ tây của Giếng Nước Lớn và Giếng Nước Nhỏ; đến khoảng năm 1980, dời vào một con hẽm nằm trên đường Lý Thường Kiệt thuộc Phường 4, thành phố Mỹ Tho.

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 960 m², với 119 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, tạp hóa,…

**8. Chợ Mỹ Phong (chợ Gò Cát)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính mang yếu tố Hán Việt (xã Mỹ Phong).

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa hình thiên nhiên (Gò) + Vật liệu dạng hạt (Cát). Chợ tọa lạc trên Gò Cát.

Năm 2022, chợ được thành lập từ năm 1957, xếp loại 3, diện tích 1.822 m², tọa lạc ở xã Mỹ Phong, với 116 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,… Đặc biệt, nơi đây có đặc sản rượu Gò Cát nổi tiếng xưa nay.

**9. Chợ Mỹ Tho (chợ Thành)**

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh Việt gốc Khmer (Mỹ Tho).

Địa danh Mỹ Tho là do tiếng Khmer “Mêso” nói trại mà ra, có nghĩa là “Cô gái trắng trẻo”.

Tên Mỹ Tho viết bằng chữ Quốc ngữ xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1747: “MI THO” trong quyển *Lịch sử truyền giáo xứ Nam Kỳ* của Launay.

**Mê** có thể biến thành **Mi** được, bởi vì trong tiếng Việt, âm **ê** có thể biến đổi thành âm **i** (b**ê**nh vực – b**i**nh vực). **So** có thể biến thành **Tho**, bởi vì âm **s** có thể biến đổi thành **th** (**s**ụp lạy - **th**ụp lạy, **s**ụt lùi - **th**ụt lùi). Từ đó, Mêso được gọi trại thành Mi Tho, về sau thành Mỹ Tho.

- Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Thành)

Năm 1826, Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt cho dời lỵ sở trấn Định Tường từ thôn Mỹ Chánh (nay thuộc các Phường 2, 8, thành phố Mỹ Tho) sang hai thôn Điều Hòa và Bình Tạo (nay thuộc các Phường 1, 4, thành phố Mỹ Tho). Theo đó, thành Định Tường được xây dựng năm 1792 ở thôn Mỹ Chánh bị phá bỏ; thay vào đó là thành Định Tường được xây dựng năm 1826 ở lỵ sở mới. Cùng năm, một ngôi chợ gần thành Định Tường cũng được thành lập, dân gian gọi là chợ Thành.

Dưới thời Pháp thuộc, ngôi chợ này đóng vai trò quan trọng bậc nhất trong nền thương mãi của tỉnh Mỹ Tho lúc bấy giờ, như câu ca dao xưa: “*Đèn nào cao bằng đèn chợ Mỹ*/*Lộ nào kỷ bằng lộ Cần Thơ”*. *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* viết: *“Vị trí của chợ Mỹ Tho thật tuyệt diệu. Nó tọa lạc tại nơi qua lại của các loại ghe chài từ miền Tây đến và đi về Chợ Lớn qua kênh Bảo Định và kênh Chợ Gạo... Việc buôn bán còn được tiến hành bằng đường sắt. Đường sắt cho phép ta đến Sài Gòn trong hai tiếng đồng hồ”*.

Hoạt động buôn bán ở chợ Mỹ Tho diễn ra rất tấp nập, với cảnh “trên bến dưới thuyền”. Tác giả Nguyễn Liêng Phong viết trong cuốn *Nam kỳ phong tục nhơn vật diễn ca* như sau:

*Mỹ Tho nguyên tỉnh Định Tường,*

*Phía tiền một dãy, phố phường quá đông.*

*Trên bờ hàng hóa thạnh sung,*

*Dưới sông ghe đậu chật cùng ngoài trong.*

Nông sản, nhất là thóc gạo, là mặt hàng được buôn bán chủ yếu tại chợ Mỹ Tho. *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* cho biết: *“Việc thương mãi tổng quát của chợ, trước hết là việc xuất cảng lúa gạo. Lúa gạo được sơ chế; và sau đó, được chuyển về địa chỉ của các nhà máy xay xát gạo ở Sài Gòn và Chợ Lớn. Tại đó, gạo được chà sạch; rồi vận chuyển ra Trung kỳ hay Cambốt (Campuchia). Những loại trái cây, lá trầu rang cũng được xuất lên Cambốt”* .

Phạm Quỳnh trong quyển *Một tháng ở Nam Kỳ*, khi đến chợ Mỹ Tho, bắt gặp cảnh: *“Trên bến dưới thuyền, nhà cửa đông đúc, phố xá rộng rãi. Buổi chiều đứng trên nhà lầu trông xuống dưới bến, thuyền bè đậu san sát, đèn lửa nhấp nhô, tiếng hát dưới đò, giọng ca trên bến, không gì vui bằng (…) Cứ coi cái cảnh tượng sáng sủa, vui vẻ, mỹ miều mà khả ái của một chốn nhà quê đó, đủ biết xứ Nam Kỳ giàu có trù mật là dường nào”*[[45]](#footnote-45)*.*

Năm 2005, chợ Mỹ Tho được xây mới. Năm 2022, chợ được xếp loại 2, tọa lạc ở Phường 1, thành phố Mỹ Tho, diện tích 2.666 m², với 350 hộ kinh doanh quần áo may sẵn, giày dép, túi xách da, đồ gia dụng (sành sứ, nhựa, nhôm, inox,...), bách hoá tổng hợp, trang sức xi mạ, vàng bạc đá quí, lương thực, thực phẩm, trà, cà phê, các loại thủy sản khô,…

**10. Chợ Tân Mỹ Chánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Tân Mỹ Chánh).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 5.591 m², tọa lạc ở xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, với 76 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**11. Chợ Thạnh Trị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính xưa: làng Thạnh Trị (1877-1932), Thạnh: 盛 Thạnh: Thịnh vượng, tươi tốt, phồn vinh; Trị: 治: Trị an.

Chợ được thành lập năm 1975; xây dựng mới năm 2014. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 2.020 m², tọa lạc ở Phường 4, thành phố Mỹ Tho, với 531 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, thủy hải sản, trái cây, bông hoa, tạp hóa, quần áo, giày dép, vải, bánh kẹo, ăn uống,…

**12. Chợ Trái cây**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Thực vật (trái cây).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 1.941 m², tọa lạc ở Phường 4, thành phố Mỹ Tho, với 130 hộ kinh doanh trái cây (sầu riêng, mít, măng cụt, chưới, chôm chôm, xoài, thanh long, nhãn, mãng cầu, nhãn, bưởi, cam, quýt, chanh,…). Đây là chợ đầu mối lớn chuyên cung cấp trái cây cho các địa phương trong và ngoài tỉnh, kể cả xuất khẩu.

**13. Chợ Trung An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính (xã Trung An).

Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 606 m², tọa lạc ở xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, với 66 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, tạp hóa,…

**14. Chợ Trung Lương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Địa danh hành chính xưa: làng Trung Lương (1808-1925), Trung: 忠: Trung thành, trung nghĩa; Lương: 良: Lương thiện, hiền lành (*Địa chí Tiền Giang* -2, trang 507).

Chợ được thành lập vào đầu thế kỷ XIX. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 4.308 m², tọa lạc ở Phường 10, thành phố Mỹ Tho, với 120 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, bánh kẹo, tạp hóa,…

**15. Chợ Vòng Nhỏ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chợ) + Công trình xây dựng (Vòng Nhỏ: Khoảng cuối thế kỷ XIX, để phòng thủ trung tâm Mỹ Tho, về phía Tây, chính quyền thực dân Pháp hạt tham biện Mỹ Tho cho xây dựng 2 con đường vành đai: 1. Đường vành đai thứ nhất, gọi là lộ Vòng Lớn - Grand tour d’Inspection, nay là Quốc lộ 60, đoạn từ ngã ba Quốc lộ 60 - đường Ấp Bắc đến cầu Rạch Miễu; 2. Đường vành đai thứ hai, gọi là lộ Vòng Nhỏ - Petit tour d’Inspection, nay là đường Trần Hưng Đạo).

Chợ Vòng Nhỏ được xây dựng 1956, tọa lạc tại chỗ giao nhau giữa đường Vòng Nhỏ (trước năm 1975, gọi là đường Pasteur; sau năm 1975, gọi là đường Trần Hưng Đạo) với đường Ngô Tùng Châu (trước năm 1975), sau năm 1975 là đường Lê Thị Hồng Gấm.

Khoảng năm 1985, chợ Vòng Nhỏ được dời đến địa điểm hiện nay nằm trên đường Lê Thị Hồng Gấm, cách vị trí cũ 300 m. Năm 1998, chợ được xây mới. Năm 2022, chợ được xếp loại 3, có diện tích 4.235 m², tọa lạc ở Phường 10, thành phố Mỹ Tho, với 124 hộ kinh doanh lương thực, thực phẩm, quần áo, đồ gia dụng, bánh kẹo, tạp hóa,…

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên khu công nghiệp, kho, trạm:**

**Khu công nghiệp:**

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ.

**Khu công nghiệp Mỹ Tho**

\* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Khu công nghiệp) + Địa danh Việt gốc Khmer (Mê so gọi trại thành Mỹ Tho, có nghĩa là ”Cô gái trắng trẻo”).

\* Khái quát Khu công nghiệp Mỹ Tho:

**Khu công nghiệp Mỹ Tho được thành lập theo Quyết định số 782/TTG ngày 20/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ.**

Chủ đầu tư: Công ty Phát triển hạ tầng các Khu công nghiệp Tiền Giang.

Tình trạng: Đã lắp đầy 100%.

Địa chỉ: xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại : (+842733) 953 007 Fax: (+842733) 953 009

Tổng vốn đầu tư: 176,058 tỷ đồng.

Diện tích: 79,14 ha.

Địa đểm: nằm dọc sông Tiền và Đường tỉnh 864, với chiều dài khoảng 2,4 km, cách trung tâm thành phố Mỹ Tho 3 km về hướng Tây, cách Thành phố Hồ Chí Minh 72 km về hướng Tây Nam, cách Quốc lộ 1 4 km về hướng Nam.

Khu công nghiệp Mỹ Tho **có cơ sở hạ tầng và tiện ích công cộng hiện đại:**

- Hệ thống Giao thông: Hệ thống trục chính: rộng 26 m, dãy phân cách: 2 m, 6 làn đường: rộng 27 m, dãy phân cách: 3 m, 6 làn đường giao thông nội bộ: đường rộng 16m, dãy cây xanh giữa 3 m, cây xanh 2 bên vỉa hè 15 m.

- Điện: Hiện nay sử dụng lưới điện 110/220 kv

- Nước: do Công ty cấp thoát nước Tiền Giang cung cấp trực tiếp cho từng doanh nghiệp.

- Xử lý nước thải: Tiêu chuẩn nhà máy: xử lý vi sinh đạt cột A TCVN 40: 2011/BTNMT. Công suất xử lý tối đa: 3.500 m³/ngày

- Hệ thống cứu hỏa: Cột nước cứu hỏa được lắp dọc theo các tuyến đường trong khu công nghiệp, mỗi trụ cách 150 m

- Thông tin liên lạc: Internet: cáp quang (VNPT và Viettel)

Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu: Chế biến thức ăn gia súc; Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu; Sản xuất bao bì PP; Chế biến nông sản; Dịch vụ kho lạnh; Sản xuất kinh doanh, gia công hàng may mặc; Sản xuất bánh tráng; các loại nước giải khát,…

Đến năm 2022, có 28 doanh nghiệp đang hoạt động tại Khu Công nghiệp Mỹ Tho.

**Kho:**

Kho là một tòa nhà được xây dựng trên một địa điểm đạt các điều kiện nhất định để sử dụng cho việc chứa và lưu trữ lương thực, hàng hoá,...

**Kho Việt Nguyên**

\* Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kho) + Từ Hán Việt (Việt: 越: Nước Việt; Nguyên: 源: Nguồn gốc).

\* Khái quát Kho Việt Nguyên:

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Điện thoại: 02733.853.036

- Năm thành lập: 1996

- Hoạt động chính: Chế biến, kinh doanh lương thực tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Diện tích: 42.349 m2

- Diện tích chứa - bảo quản tốt hàng hóa: 18.639 m2

- Tổng tích lượng quy gạo: 25.000 tấn

**- Năng lực xay xát, chế biến lúa, gạo:**

+ Sấy lúa: 180 tấn/ngày

+ Xay xát, bóc vỏ lúa: 15 tấn/giờ

+ Xát trắng và lau bóng: 34 tấn/giờ

- Máy móc thiết bị:

+ Xát - Lau bóng:

Dây 1: 16 tấn/giờ

Dây 2: 08 tấn/giờ

+ Lau bóng:

Dây 3: 12 - 16 tấn/giờ

+ Máy tách màu:

 Dây 1: 14 tấn/giờ

Dây 2: 10 - 14 tấn/giờ

Dây 3: 07 tấn/giờ

Dây 4: 10 - 14 tấn/giờ

+ Trộn gạo trắng:

Dây trộn cân 1: 60 tấn/giờ

Dây trộn cân 2: 60 tấn/giờ

- Năng lực chế biến: 80.000 tấn/năm

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn trường học:**

**Trường đại học, cao đẳng:**

**Trường đại học:**

**Trường Đại học Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Đại học) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Địa chỉ: Số 119, đường Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 872 624

Trang thông tin điện tử: http://www.tgu.edu.vn

Email: truongdaihoc@tiengiang.gov.vn

Trường Đại học Tiền Giang được thành lập theo Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở hợp nhất Trường Cao đẳng sư phạm Tiền Giang và Trường Cao đẳng cộng đồng Tiền Giang. Tiền thân của hai ngôi trường này là Viện Đại học cộng đồng Tiền Giang (1971-1975), Trường Dự bị Đại học Tiền Giang (1975-1981), Cơ sở II Trường Đại học Cần Thơ (1981-1984), Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng tại chức liên tỉnh Tiền Giang - Long An - Bến Tre hệ đại học (1984-2000), Trường Công nhân kỹ thuật Tiền Giang và các Trường Sư phạm của tỉnh thành lập sau ngày đất nước thống nhất. Trường vinh dự được trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2013), Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (2015 và 2017).

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Đảng bộ nhả trường có 221 đảng viên; nam: 104; nữ: 117. Ban Chấp hành Đảng bộ: 15; nam: 10; nữ: 05. Ban Thường vụ Đảng ủy: 05; nam: 04; nữ: 01. Số lượng chi bộ: 12. Hội đồng trường: 24; nam: 22; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 03 người; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn cơ sở: 381 công đoàn viên; nam: 182; nữ: 199. Đoàn thanh niên: 4.142 Đoàn viên; nam: 1.495; nữ: 2.647

Sứ mạng, tầm nhìn, phương châm, chức năng, nhiệm vụ:

a) Sứ mạng của trường

“Trường Đại học Tiền Giang đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững vùng đồng bằng Sông Cửu Long, mang đến cho người học cơ hội nghề nghiệp để thăng tiến”.

b) Tầm nhìn

Trường Đại học Tiền Giang là cơ sở giáo dục đại học theo hướng ứng dụng. Đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ và cung ứng dịch vụ có uy tín, chất lượng; đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội.

Đến năm 2025, Trường là cơ sở đào tạo tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, đào tạo theo Luật Giáo dục đại học.

c) Phương châm: Thiết thực - Hiệu quả - Hài hòa

d) Chức năng của Trường

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ; thực hiện các hoạt động tư vấn, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

đ) Nhiệm vụ

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Tiền Giang và đất nước.

- Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

- Tuyển sinh và phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.

- Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý, viên chức, người lao động trên cơ sở chiến lược và quy hoạch phát triển Nhà trường.

- Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, viên chức quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm tốt nhất cho hoạt động giáo dục đào tạo.

- Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục.

- Được nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị.

- Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và các cơ quan quản lý nhà nước.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang giao theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện quyền tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Tổng số cán bộ, viên chức: 383; nam: 184; nữ: 199

Tổng số giảng viên: 235; nam: 113; nữ: 122

Khoa, Phòng, Ban, Trung tâm, trại:

- 05 khoa: Khoa Kinh tế - Luật, Khoa Nông nghiệp và Công nghệ thực phẩm, Khoa Sư phạm và Khoa học cơ bản, Khoa Lý luận chính trị - Giáo dục quốc phòng và Thể chất, Khoa Kỹ thuật - Công nghệ.

- 07 phòng: Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản lý khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Phòng Quản trị - Thiết bị, Phòng Công tác sinh viên.

- 04 Trung tâm: Trung tâm Khảo thí và Đản bảo chất lượng giáo dục, Trung tâm Tư vấn tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng thường xuyên - Tin học và Ngoại ngữ, Trung tâm Thông tin - Thư viện.

- 01 Trại thực nhiệm

Trình độ chuyên môn: Phó Giáo sư Tiến sĩ: 01; nam: 01; nữ: 00. Tiến sĩ: 33; nam: 21; nữ: 12. Thạc sĩ: 252; nam: 111; nữ: 141. Cử nhân đại học: 63; nam: 28; nữ: 35.

Tổng số sinh viên: 4.357; nam: 1737; nữ: 2620

Tổng diện tích: 302.500 m2; Diện tích sử dụng: 80.457,425 m2

Trong đó:

- Cơ sở chính (Số 119, đường Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho: Diện tích 20.015,500 m2; Diện tích sử dụng: 25.205,600 m2

- Cơ sở Thân Cửu Nghĩa (Xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành): Diện tích 282.484,500 m2; Diện tích sử dụng: 55.251,825 m2

Cơ sở vật chất

- Phòng làm việc: 68

- Phòng họp: 15

- Phòng Y tế: 02

- Phòng học: 146

- Phòng thí nghiệm, thực hành : 33

- Phòng nghe nhìn: 02

- Phòng máy tính: 09

- Thư viện trung tâm: 01

- Sân phục vụ tập luyện thể thao: 12

- Kho lưu trữ: 16

- Nhà vệ sinh: 67

- Hội trường, Giảng đường: 07

- Bãi thực hành xây dựng: 01

**Trường cao đẳng:**

**1. Trường Cao đẳng Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Cao đẳng) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 11B/17, đường Học Lạc, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại trực hành chính: 0273.3851.588

Trang thông tin điện tử: <http://tgc.edu.vn>

Email: [caodangtiengiang@gmail.com](mailto:caodangtiengiang@gmail.com)

Trường Cao đẳng Tiền Giang được thành lập năm 2002 với tên gọi đầu tiên là Trường Dạy nghề Tiền Giang theo Quyết định số 635/QĐUB ngày 07/3/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 2007, Trường Dạy nghề Tiền Giang được nâng cấp thành Trường Trung cấp Nghề Tiền Giang theo Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 23/01/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 2010, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội có Quyết định số 799/QĐ-LĐTBXH ngày 28/6/2010 thành lập Trường Cao đẳng Nghề Tiền Giang trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp Nghề Tiền Giang.

Năm 2018, Trường Cao đẳng Nghề Tiền Giang được đổi tên thành Trường Cao đẳng Tiền Giang theo Quyết định số 1614/QĐ-LĐTBXH ngày 13/11/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang có Quyết định số 740/QĐ-UBND sáp nhập Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tiền Giang, Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải Tiền Giang và Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Tiền Giang vào Trường Cao đẳng Tiền Giang.

Các cơ sở đào tạo tiền thân của Trường Cao đẳng Tiền Giang gồm Trường Cao đẳng Nghề Tiền Giang (2002-2018), Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tiền Giang (1990-2019); Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Tiền Giang (1980-2019), Trường Trung cấp Nghề Giao thông vận tải Tiền Giang (1981-2019).

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Tỉnh Tiền Giang.

Trường có Sứ mạng, tầm nhìn, phương châm, chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Sứ mạng: Trường Cao đẳng Tiền Giang đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng; nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ của tỉnh Tiền Giang và vùng Đồng bằng sông Cửu Long; mang đến cho người học cơ hội nghề nghiệp và cơ hội học tiếp lên trình độ cao hơn.

- Tầm nhìn: Trường Cao đẳng Tiền Giang đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo để đạt tiêu chuẩn trường Cao đẳng chất lượng cao vào năm 2040; giữ vai trò đầu tàu trong hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh Tiền Giang và là một trong những cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nghề chất lượng cao của Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Phương châm và giá trị cốt lõi: Chuẩn mực - Chất lượng - Hiệu quả.

*Chuẩn mực*: Chuẩn mực trong giao tiếp, trong tổ chức, quản lý; chuẩn mực dạy - học, chuẩn mực trong đánh giá kết quả.

*Chất lượng*: Công tác quản lý điều hành các mặt hoạt động, nhất là hoạt động đào tạo nghề tiếp cận mục tiêu chất lượng. Văn hóa chất lượng trong tổ chức quản lý và trong dạy - học luôn được đề cao.

*Hiệu quả*: Sản phẩm đào tạo, sản phẩm dịch vụ của Trường được doanh nghiệp và xã hội chấp nhận. Người học và phụ huynh hài lòng về nội dung, phương pháp và phương thức đào tạo của Trường. Hoạt động đào tạo và dịch vụ của trường bù đắp đủ chi phí bỏ ra để từng bước thực hiện lộ trình tự chủ.

- Chức năng: (1) Đào tạo nhân lực cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và dịch vụ; văn hóa, nghệ thuật và du lịch ở 03 cấp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; (2) Đào tạo nghề thường xuyên theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất; (3) Tư vấn hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông; (d) Liên kết với các trường đại học tổ chức đào tạo liên thông cao đẳng, đại học các ngành nghề trường đào tạo.

- Nhiệm vụ:

(1) Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường;

(2) Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh đào nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; văn hóa, nghệ thuật và du lịch trình độ cao đẳng trở xuống theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường Cao đẳng;

(3) Tổ chức biên soạn hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo đối với từng ngành, nghề được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp phép đào tạo;

(4) Tư vấn về đào tạo, tư vấn việc làm miễn phí cho người học;

(5) Tổ chức các hoạt động đào tạo, kiểm tra đánh giá, xét công nhận tốt nghiệp; tổ chức quản lý việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; tổ chức cho người học thực hành thực tập tại doanh nghiệp và tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác;

(6) Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

(7) Thực hiện dân chủ, công khai trong các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, đời sống và hoạt động tài chính; hệ thống văn bằng, chứng chỉ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và các biện pháp kiểm tra, giám sát chất lượng đào đạo;

(8) Có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo, nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường;

(9) Thực hiện kiểm định và bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự giám sát, thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

(10) Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính của Trường theo quy định của pháp luật;

(11) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 122 đảng viên; nam: 86, nữ: 36; Ban Chấp hành Đảng bộ: 15 thành viên; nam: 12, nữ: 03. Ban Thường vụ: 05 thành viên; trong đó nam: 04, nữ: 01. Số lượng chi bộ: 08 chi bộ trực thuộc.

Hội đồng trường: 17 thành viên; nam: 14, nữ: 03.

Ban Giám hiệu: 03 thành viên; nam: 03, nữ: 00.

Công đoàn: 208 công đoàn viên; nam: 149, nữ: 60.

Đoàn thanh niên: 550 đoàn viên; nam: 389, nữ: 161;

Tổng số cán bộ, viên chức: 215 người; nam: 155, nữ: 60.

Tổng số giảng viên: 176 người; nam: 134, nữ: 42.

Khoa, Phòng, Trung tâm:

(1) Phòng chức năng: (7) Phòng Tổ chức - Hành chính và Pháp chế; Phòng Quản lý đào tạo; Phòng Công tác chính trị và Học sinh, Sinh viên; Phòng Quản trị - Thiết bị; Phòng Kế toán - Tài chính; Phòng Quản lý khoa học, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng;

(2) Khoa chuyên môn: (4) Khoa Cơ bản; Khoa Kinh tế - Tổng hợp; Khoa Điện - Điện tử; Khoa Cơ khí - Xây dựng;

(3) Trung tâm Đào tạo: (1) Trung tâm Đào tạo và Sát hạch giao thông thủy bộ.

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 01, nam: 01, nữ: 00. Thạc sĩ: 47; nam: 40, nữ: 07. Cử nhân/Kỹ sư: 116; nam: 74, nữ: 42.

Lưu lượng HSSV/năm: 2.200 HSSV ( nam chiếm tỉ lệ 80%, nữ: 20%)

Ngành nghề đào tạo: 22 ngành nghề thuộc 3 khối: Kinh tế - Công nghệ, Cơ khí - Xây dựng, Điện - Điện tử, Văn hóa nghệ thuật và Du lịch.

Tổng diện tích và Cơ sở vật chất:

(1) Diện tích khuôn viên đất: 50.987 m2

(Tọa lạc tại 3 cơ sở: Cơ sở 1 ở Phường 8 TPMT, Cơ sở 2 ở Phường 9 TPMT và Cơ sở 3 ở Phường 6 TPMT).

(2) Cơ sở vật chất:

Phòng chuyên môn: 42 phòng

Phòng học lý thuyết: 32 phòng.

Xưởng, phòng thực hành: 50 phòng.

Bãi tập lái xe: 02

Hội trường đa phương tiện: 02 (250 chỗ máy lạnh và 400 chỗ máy lạnh)

Giảng đường 200 chỗ: 02

Hội trường học và sát hạch lái xe: 03

Thư viện được trang bị máy vi tính và máy lạnh: 150 m2.

Phòng y tế: 02 (tại 02 cơ sở)

Căn tin : 02 (140 m2 và 133 m2 )

Nhà khách: 08 phòng ở

Ký túc xá : có 75 phòng ở

Bãi giữ xe cho HSSV: 02 (1500 m2 và 700m2).

**2. Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Cao đẳng) + Loại hình trường (Y tế) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Địa chỉ: số 83 Thái Sanh Hạnh, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

Số điện thoại: 02733.872970

Trang thông tin điện tử: www.caodangytetg.edu.vn

Email: caodangytetg@tiengiang.gov.vn

Tiền thân của trường là Trường Y sĩ dân y Khu 8 ra đời vào cuối năm 1965. Ngày 23 tháng 9 năm 1978, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang ra quyết định thành lập Trường Trung học Y tế Tiền Giang. Ngày 30 tháng 9 năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang. Năm 2019, trường vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất theo Quyết định số 387/QĐ-CTN ngày 11/3/2019 của Chủ tịch nước.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 51 đảng viên, nam: 26, nữ: 25); Ban Chấp hành đảng bộ: 08, nam: 05, nữ: 03; Ban Thường vụ: 03. nam: 03, nữ: 00; số lượng chi bộ: 05.

Sứ mạng: Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang là nơi đào tạo và đào tạo liên tục đội ngũ cán bộ y tế có chất lượng trong tỉnh Tiền Giang và khu vực, không ngừng phấn đấu vì sức khỏe con người thông qua những nỗ lực nâng cao chất lượng trong đào tạo nguồn nhân lực y tế, trong nghiên cứu khoa học, góp phần nâng cao sức khỏe và cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân trong tỉnh Tiền Giang và các tỉnh lân cận.

- Chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo và liên kết đào tạo nhân lực y tế trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp và sơ cấp đảm bảo nguồn nhân lực y tế phục vụ địa phương và các tỉnh có đầy đủ phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Hội đồng trường: 19 thành viên, nam: 12, nữ: 07.

Công đoàn: 92 công đoàn viên, nam: 40, nữ: 52.

Đoàn Thanh niên: 718 đoàn viên, nam: 228, nữ: 490.

Tổng số cán bộ, viên chức: 92 , nam: 40, nữ: 52).

Tổng số giảng viên: 63, nam: 38, nữ: 25.

Phòng, Khoa:

- Phòng (05): Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học, Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên, Phòng Tài chính - Kế toán.

- Khoa (04): Khoa Y, Khoa Điều dưỡng - Kỹ thuật y học, Khoa Dược, Khoa Khoa học cơ bản.

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 02, nam: 02, nữ: 00); Thạc sĩ: 33, nam: 10, nữ: 23); Chuyên khoa cấp I: 04, nam: 00, nữ: 04); Đại học: 36, nam: 13, nữ: 23; Cao đẳng, nam: 00, nữ: 02; Trung cấp:05, nam: 04, nữ: 01); trình độ khác: 10, nam: 05, nữ: 05.

Tổng số sinh viên: 1009 (Nam: 237, Nữ: 772).

Tổng diện tích: 18.228 m2; diện tích sử dụng: 16.200 m2.

Cơ sở vật chất: Phòng làm việc: 09; Phòng học: 23; Hội trường: 01; Phòng thí nghiệm: 22; Phòng nghe nhìn: 02; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01 nhà đa năng, 01 hồ bơi; Ký túc xá: 01; Nhà vệ sinh: 52.

**Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang:**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Loại hình trường (Chính trị) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Địa chỉ: 584 Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273 3 873 112

Email: [t-chinhtri@tiengiang.gov.vn](mailto:t-chinhtri@tiengiang.gov.vn)

Tháng 8/1949, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho quyết định thành lập Trường Đảng tỉnh Mỹ Tho, lấy tên là Trường Dương Khuy, sau đổi tên thành Trường Lê Duẩn, Trường Đảng Mỹ Tho. Thực hiện Quyết định số 88 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tháng 9/1994, Trường Hành chính, Trường Đảng tỉnh và các trường khối Đoàn thể hợp nhất thành Trường Chính trị tỉnh Tiền Giang. Năm 2004, Trường vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước; nhiều Bằng Khen, Cờ thi đua của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Đảng bộ nhà trường có 41 đảng viên; nam: 20; nữ: 21. Ban Chấp hành Đảng bộ: 08; nam: 05; nữ: 03. Số lượng chi bộ: 04. Ban Giám hiệu: 03; nam: 03; nữ: 00. Công đoàn: 51 công đoàn viên; nam: 25; nữ: 26. Đoàn Thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 03; nữ: 02

Trường Chính trị có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tố quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương.

Trường Chính trị có các nhiệm vụ:

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và các đơn vị tương đương); trưởng, phó phòng ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và tương đương; trưởng, phó phòng của sở, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; cán bộ được quy hoạch vào các chức danh trên; cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở và một số đối tượng khác về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức về một số lĩnh vực khác.

- Đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương.

- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch cán sự và tương đương, ngạch chuyên viên và tương đương, ngạch chuyên viên chính và tương đương.

- Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cho các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội cấp cơ sở. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện.

- Bồi dưỡng các chương trình khác do cấp có thẩm quyền giao.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên của trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

- Tham gia tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở, tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập.

- Đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng khác theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Năm 2022, Trường có 03 khoa (Khoa Lý luận cơ sở, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Nhà nước và pháp luật); 02 phòng (Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu; Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học)

Tổng số cán bộ, viên chức: 51; nam: 25; nữ: 26. Tổng số giảng viên: 24; nam: 11; nữ: 13. Tiến sĩ: 02; nam: 01; nữ: 01. Thạc sĩ: 24; nam: 12; nữ: 12. Cử nhân: 13; nam: 06; nữ: 07.

Tổng số học viên: 1.106.

Tổng diện tích: 23.011 m2; diện tích sử dụng: 23.011 m2

Phòng làm việc: 21; Phòng học: 10; Hội trường: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 01; Nhà vệ sinh: 13; Căn tin: 01, Ký túc xá: 01, phòng nghỉ giảng viên thỉnh viên: 06.

**\* Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở - trung học phổ thông:**

**Trường trung học phổ thông:**

**1. Trường Trung học phổ thông tư thục Ấp Bắc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Loại hỉnh trường (Tư thục) + Sự kiện lịch sử (Chiến thắng Ấp Bắc).

Địa chỉ: Số 555, đường Ấp Bắc, Khu phố 8, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.887.322.

Trang thông tin điện tử: Apbac.edu.vn

Email: [C3dlapbac.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:C3dlapbac.tiengiang@moet.edu.vn)

Tiền thân của trường là Trường Trung học phổ thông dân lập Ấp Bắc được thành lập năm 1990 theo Giấy phép số 11/GP.UB ngày 08/8/1990 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Năm 2007, trường được đổi tên thành Trường Trung học phổ thông tư thục Ấp Bắc theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 02/04/2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Sự kiện lịch sử được đặt tên trường:

Ngày 01/01/1963, các đơn vị bộ đội của ta tập hợp tại Ấp Bắc để chuẩn bị tấn công ấp chiến lược Giồng Dứa (xã Long Định, huyện Châu Thành). Dò biết hoạt động của quân ta, ngày 02/01/1963, địch mở trận càn mang tên “Đức Thắng 01 - 63”, do Sư đoàn 7 ngụy và chiến đoàn bảo an thuộc Tiểu khu Định Tường đảm trách.

Sau một ngày kiên cường chiến đấu chống địch càn quét, bắt đầu từ 5 giờ sáng và kéo dài liên tục đến 20 giờ, ta đã giành được thắng lợi vang dội: diệt và làm bị thương 450 tên, trong đó có 3 tên Mỹ và hàng chục sĩ quan ngụy, bắn rơi và bắn hỏng 16 máy bay trực thăng, bắn cháy 3 xe thiết giáp M.113, 2 tàu chiến.

Chiến thắng Ấp Bắc đã làm thất bại chiến thuật “trực thăng vận, thiết xa vận” của địch, mở đầu cho phong trào đánh bại chiến thuật mới của địch trên toàn chiến trường miền Nam. Đó là chiến công đặc biệt quan trọng, mở ra cục diện mới, tạo ra điển hình mới, đem lại lòng tin cho chiến sĩ và nhân dân ta ở miền Nam có khả năng đánh thắng Mỹ về quân sự trong “Chiến tranh đặc biệt”.

Chiến thắng Ấp Bắc có ý nghĩa chiến lược làm đảo lộn các chiến thuật và chiến lược của đế quốc Mỹ; làm nhụt ý chí xâm lược của kẻ thù, làm lung lay chế độ tay sai Ngô Đình Diệm, gây tiếng vang lớn trên trường quốc tế. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ chín, tháng 12/1963, đã chỉ rõ: “Sau những thất bại nặng nề của kế hoạch Xtalây - Taylo, nhất là sau Chiến thắng Ấp Bắc của quân và dân miền Nam, đế quốc Mỹ đã bắt đầu không tin là chúng sẽ thắng, và đã công khai nói lên sự mất tin tưởng đó”. Tổng bí thư Đảng Lê Duẩn cho rằng: “Với chiến thắng Ấp Bắc, Mỹ thấy không thể thắng ta trong chiến lược chiến tranh đặc biệt”.

Năm 2023, nhà trường chưa có chi bộ Đảng. Ban Giám hiệu: 01, nam: 01; nữ: 00. Công đoàn: 16 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 10. Đoàn thanh niên: 217 đoàn viên.

Tổng số viên chức: 38, nam: 09; nữ: 29. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 34; Trình độ khác: 02. Tổng số học sinh: 545; nam: 265; nữ: 280.

Tổng diện tích: 1.870,9 m2; diện tích sử dụng: 1.870,9 m2. Trường có 02 khu: Khu A: 04 tầng, khu B: 03 tầng. Phòng làm việc: 06; Phòng học 14 (toàn bộ phòng học đều được trang bị máy lạnh); Phòng thí nghiệm: 02; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 01; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 00; Nhà vệ sinh: 05 nhà vệ sinh nam, 05 nhà vệ sinh nữ.

**2**. **Trường Trung học phổ thông Chuyên Tiền Giang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Loại hình trường (Chuyên: Theo khoản 1 Điều 62 Luật Giáo dục năm 2019, trường chuyên là trường được thành lập ở cấp trung học phổ thông dành cho học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập nhằm phát triển năng khiếu về một số môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước) + Địa danh hành chính (Tỉnh Tiền Giang).

Địa chỉ: Ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

Số điện thoại: 02733 877 609

Trang thông tin điện tử:

Email: [c3chuyentiengiang.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c3chuyentiengiang.tiengiang@moet.edu.vn)

Trường Trung học phổ thông Chuyên Tiền Giang được thành lập năm 1995 theo Quyết định số: 1663/QĐ.UB ngày 20/10/1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 36 đảng viên; nam: 15; nữ: 21; Chi ủy: 06; nam: 02; nữ: 04. Ban Giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 77 công đoàn viên, nam: 33; nữ: 44. Đoàn thanh niên: 1.011 đoàn viên, nam: 441; nữ: 570.

Tổng số viên chức: 71, nam: 29; nữ: 42. Tổng số giáo viên: 63; nam: 27; nữ: 36. Tiến sĩ: 02; Thạc sĩ: 45; Cử nhân (đại học): 24. Tổng số học sinh: 1.012, nam: 441; nữ: 571;

Tổng diện tích: 32.000m2 . Diện tích sử dụng: 32.000m2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 3 tầng; phòng làm việc: 26; phòng học: 33; phòng thí nghiệm: 09; phòng nghe nhìn: (ngoại ngữ): 02; phòng máy tính: 03; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 04; nhà vệ sinh: 08; phòng truyền thống: 01; phòng tư vấn học đường: 01; phòng y tế: 01; ký túc xá: 84 phòng, tổ chức cho 500 học sinh ở bán trú, nội trú.

**3. Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Đình Chiểu).

Địa chỉ: số 8 bis Hùng Vương, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273.3872315

Trang thông tin điệntử: [www.ndc.edu.vn](http://www.ndc.edu.vn)

Email: c3nguyendinhchieu.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập ngày 17/3/1879 theo Giấy xác nhận số 123/SGDĐT của Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang ngày 25/12/2007. Tên trường lúc mới thành lập là Collège de Mitho. Năm 1942, đổi tên là Collège Le Myre de Vilers. Năm 1953, là Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu. Sau ngày 30-4-1975, Trường có tên là Trường Cấp 3 Nguyễn Đình Chiểu. Năm 1978, là Trường Phổ thông trung học Nguyễn Đình Chiểu. Năm 1997, trường có tên là Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu. Đây là một trong những ngôi trường trung học công lập lâu đời nhất ở Việt Nam, đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước, nổi tiếng với truyền thống “Cách mạng – Dạy giỏi – Học giỏi”. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động các hạng Nhất, Nhì, Ba và danh hiệu cao quý “Anh hùng Lao động thời kỳ Đổi Mới”.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

**(1822 - 1888)**

Nguyễn Đình Chiểu tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai. Sinh ngày 1 tháng 7 năm 1822, tại làng Tân Khánh , phủ Tân Bình, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay).  
Năm 1833, Lê Văn Khôi nổi lên chống triều Nguyễn, chiếm Gia Định, ông theo cha về Thừa Thiên tránh loạn và học tập. Năm 1843 ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định, đúng vào năm 21 tuổi.

Năm 1847, ông ra Huế học để chờ thi khoa Kỷ Dậu 1849. Nhưng chưa kịp thi thì được tin mẹ mất tại Sài Gòn (1849). Trên đường trở về chịu tang mẹ, vì thời tiết thất thường, vất vả và khóc thương nhiều nên ông bị bệnh rồi mù cả đôi mắt. Trong thời gian nghỉ lại Quảng Nam chữa bệnh, tuy bệnh không hết, nhưng ông đã được một vị danh y truyền dạy nghề thuốc. Ông mở trường dạy học, học trò rất đông.

Thời gian này, ông viết *Dương Từ - Hà Mậu*, nội dung cuốn sách nhằm bênh vực Nho giáo chân chính, chống bọn giả đạo đức, tham danh lợi. Khoảng năm 1850, ông viết truyện thơ *Lục Vân Tiên*, tỏ rõ lòng yêu chính nghĩa, ghét gian tà của mình. Quyển sách mang tính “tự truyện” này có tính chất nhân dân, có tác dụng giáo dục đạo đức rất lớn đối với quần chúng.

Ngày 17 tháng 2 năm 1859, Pháp chiếm thành Gia Định. Ông cùng gia đình chạy về quê vợ ở làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc. Cũng tại nơi đây, ông đã sáng tác *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, được nhiều người đánh giá cao.

Khi 3 tỉnh miền Đông rơi vào tay quân Pháp, không chịu sống trong vùng bị chiếm đóng, Nguyễn Đình Chiểu cùng gia đình xuôi thuyền về làng An Đức, tổng Bảo An, tỉnh Vĩnh Long (nay là huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Tại đây, ông tiếp tục dạy học, bốc thuốc, đồng thời vẫn giữ mối liên hệ với những sĩ phu yêu nước như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông và các lực lượng kháng chiến; từ chối trước mọi cám dỗ của đối phương. Thời gian này, ông sáng tác nhiều thơ văn bi tráng nhất, tiếc thương những đồng bào, bạn bè, nghĩa sĩ đã mất vì nước.

Ngày 3 tháng 7 năm 1888, ông cũng qua đời tại Ba Tri, thọ 66 tuổi. Người ta kể lại rằng ngày đưa đi an táng, cả cánh đồng An Bình Đông, nay là An Đức, trắng xóa khăn tang của những người mến mộ ông. Ông được an táng cạnh mộ vợ, nay thuộc ấp 3, xã An Đức, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Tên ông được đặt tên trường học, đường phố, công trình công cộng trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 40; nam: 16 nữ: 24. Công đoàn: 101 công đoàn viên; Nam: 36, Nữ: 65. Đoàn Thanh niên: 2.208 đoàn viên; Nam: 1.024, Nữ: 1.184.

Tổng số cán bộ, viên chức: 101; Nam: 36 ,Nữ: 65. Tổng số giáo viên: 96 ; Nam 34, Nữ: 61. Tiến sĩ: 01; Thạcsĩ: 28; Cử nhân (Đại học): 70; Trung học chuyên nghiệp: 02.

Tổng số học sinh: 2.357; Nam: 1.012, Nữ: 1.345.

Tổng diện tích: 39.378,2m2 , diện tích sử dụng: 39.378,2m2

Từ tháng 5/2012 đến tháng 5/2017, trường xây mới kiến trúc 01 trệt, 03 lầu, với trang thiết bị hiện đại:

+ Khu A - Khối hành chánh, 01 hội trường lớn có 350 chỗ ngồi, 01 thư viện.

+ Khu B - Khối 40 phòng học và 04 phòng giáo viên.

+ Khu C - Khối 05 phòng học, phòng bộ môn và 12 phòng thực hành - thí nghiệm.

+ Khu E - Khối thể dục, thể thao: gồm nhà thể thao đa môn, 01 hồ bơi, 02 sân tenis, 01 sân bóng đá mini và khu thể thao ngoài trời.

 Để bảo tồn di tích của Collège de Mitho, nhà trường đã cho di dời và phục dựng lại 01 nhà Giáo sư và 02 phòng học được xây dựng từ những năm 1879; đồng thời giữ lại và cho trùng tu 01 biệt thự dành cho hiệu trưởng và dãy lầu Bắc được xây dựng 1918.

**4. Trường Trung học phổ thông Phước Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Địa danh hành chính (Xã Phước Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.618.218

Trang thông tin điện tử: <http://thptphuocthanh.tiengiang.edu.vn>

Email: c3phuocthanh.tiengiang@moet.edu.vn

Năm 2010, Phân hiệu Phước Thạnh thuộc Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu được thành lập. Năm 2011, trên cơ sở Phân hiệu, Trường Trung học phổ thông Phước Thạnh được thành lập theo Quyết định số 1902/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo đơn vị hành chính: Xã Phước Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 10, nữ: 08; Chi ủy: 03; nam: 02, nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 51 công đoàn viên; nam: 18, nữ: 33. Đoàn Thanh niên: 461 đoàn viên; nam: 210, nữ: 251.

Tổng số viên chức: 51; nam: 18, nữ: 33.

Tổng số giáo viên: 44; nam: 15, nữ: 29. Thạc sĩ: 07; Cử nhân (Đại học): 40; trình độ khác: 04.

Tổng số học sinh: 1.043; nam: 456, nữ: 587.

Tổng diện tích: 11.055,9 m2; diện tích sử dụng: 1.981 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 02 tầng lầu; Phòng làm việc: 16; Phòng học: 24; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 03; Thư viện: 01; Sân chơi: 2.874,23 m2;Khu thể thao: 450 m2; Nhà vệ sinh: 04 khu; căn tin, nhà xe.

**5. Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học phổ thông) + Tước vị và họ danh nhân (Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn gọi tắt là trần Hưng Đạo)

Địa chỉ: 199, đường Trần Hưng Đạo, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733873308.

Trang thông tin điện tử: http://thpttranhungdao.tiengiang.edu.vn

Email: c3tranhungdao.tiengiang@moet.edu.vn

Tuền thân của trường là Trường Bán công Trương Công Định được thành lập 1963. Năm 1968, trường được đổi tên thành Trường Bán công Thiên Hộ Dương. Ít lâu sau, trường đổi tên thành Trường Bán công Mỹ Tho. Năm 1976, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Phường 6B. Năm 1991, trường đổi sang tên mới là Trường Trung học cơ sở Trần Hưng Đạo. Năm 1993, theo Quyết định số 841/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 1993 của ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trường hợp nhất với Trường Phổ thông trung học bán công Nguyễn Công Trứ, lấy tên là Trường Phổ thông trung học bán công Trần Hưng Đạo. Năm 2008, theo Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trường được chuyển đổi từ Trường Trung học phổ thông bán công Trần Hưng Đạo thành Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**TRẦN HƯNG ĐẠO**

**(1228 -1300)**

Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, sinh năm 1228 tại hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (nay thuộc phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định).

Ông thuộc dòng dõi hoàng tộc nhà Trần, là nhà quân sự và văn hóa kiệt xuất, giữ chức Quốc công tiết chế, chỉ huy quân đội nhà Trần cùng với nhân dân Đại Việt ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông xâm lược vào các năm 1258, 1285, 1288, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Năm 1300, trước lúc lâm chung, ông vẫn còn dâng vua Trần Anh Tông kế sách giữ nước, rằng: “Quân giặc cậy vào trường trận, quân ta cậy vào đoản binh, đem đoản binh đánh lại trường trận là việc thường trong binh pháp. Nhưng cần phải xét: Nếu thấy quân giặc tràn sang như gió như lửa, thì thế giặc có thể dễ dàng chống cự được; nếu giặc dùng cách chiếm cứ dần, như tằm ăn dâu, không vơ vét của dân, không mong đánh được ngay, thì ta phải dùng tướng giỏi, phải xem xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ tùy thời cơ mà ứng biến cho đúng, làm thế nào thu hút được binh sĩ, như cha con một nhà mới có thể dùng để chiến thắng được. Phải khoan thư sức dân để làm cái kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”.

Do có công lao to lớn, ông được vua Trần Nhân Tông phong là Quốc Công Tiết Chế Nhân Vũ Hưng Đạo Đại Vương hay là Đức Thượng Từ. Vua Trần Anh Tông phong ông là Đức Thượng Phụ Thượng Quốc Công Bình Bắc đại nguyên soái Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Đại Vương.

Các tác phẩm của ông:

- Hịch tướng sĩ.

- Binh thư yếu lược.

- Vạn Kiếp tông bí truyền thư.

Năm 2013, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam  đã ghi tên ông trong danh sách 14 vị anh hùng tiêu biểu nhất trong lịch sử Việt Nam. Ông được nhân dân phong Thánh. Nhiều tỉnh thành trên cả nước có tên đường, tên trường học, tượng đài và đền thờ ông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 29 đảng viên; nam: 10, nữ: 19. Chi ủy: 05; nam: 03, nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 01, nữ: 02. Công đoàn: 99 công đoàn viên; nam: 29, nữ: 70. Đoàn Thanh niên: 1.011 đoàn viên; nam: 387, nữ: 624.

Tổng số viên chức: 95; nam: 27, nữ: 68. Tổng số giáo viên: 89; nam: 26, nữ: 63. Thạc sĩ: 16; Cử nhân (đại học): 78; Cử nhân (Cao đẳng): 01.

Tổng số học sinh: 1659; nam:749, nữ: 910.

Tổng diện tích: 4.048m2; diện tích sử dụng: 3.966,6 m2

Trường có 04 dãy lầu (dãy A: 4 tầng; dãy B: 3 tầng; dãy C: 3 tầng; dãy D: 2 tầng); Phòng làm việc: 13; Phòng học: 29; Phòng thí nghiệm: 03; Phòng nghe nhìn: 00; Phòng máy tính: 04; Thư viện: 01; Sân chơi: 01; Khu thể thao: 00; Nhà vệ sinh: 06 (02 nhà vệ sinh dành cho nam học sinh, 02 nhà vệ sinh dành cho nữ học sinh, 02 nhà vệ sinh dành cho giáo viên); Căn tin; Nhà xe.

\***Trường Trung học cơ sở:**

**Thành phố Mỹ Tho:**

**1. Trường Trung học cơ sở Bảo Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Bảo Định).

Địa chỉ: 784, đường Ấp Bắc, Khu phố 3, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnhTiền Giang.

Số điện thoại: 02733 855 477

Trang thông tin điện tử: http://thcsbaodinh.tiengiang.edu.vn

Email: c2baodinhmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập theo Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 1989 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên công trình nhân tạo: Kinh/Kênh Bảo Định

Lịch sử kinh/kênh Bảo Định:

Đây là con kênh được đào đầu tiên ở Nam bộ. Trước khi có con kênh này, tại đây đã có rạch Vũng Cù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An); và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc – nam, tức là từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm 1705, vâng lệnh Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh dẹp quân Cao Miên ở khu vực này khi bọn chúng xâm phạm biên cảnh. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Cù và rạch Mỹ Tho. Sau đó, nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kênh, ghe thuyền đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhắm hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang trông; và về sau trở thành địa danh: chợ Thang Trông ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Do đoạn kênh tại Thang Trông có giáp nước, nên kênh thường bị bùn lầy làm cho nông cạn. Vì thế, năm 1819, vua Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động dân phu nạo vét và mở rộng kênh từ Thang Trông đến Húc Đồng (Hóc Đùn) – bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14 km).

Công trình cải tạo kênh được tiến hành trong khoảng 3 tháng; khởi công ngày 28 tháng Giêng năm Kỷ Mão (23–2–1819); kết thúc theo ghi chép của *Gia Định thành thông chí* là ngày 4 tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão (28–5–1819).

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Trông để “*truyền mãi về sau*”; và đặt tên cho kênh là Bảo Định. Lúc này, kênh có bề ngang 15 tầm (khoảng 32 mét), sâu 9 thước (khoảng 4 mét), hai bên bờ kênh có đường quan lộ được đắp bằng đất, rộng 6 tầm (khoảng 13 mét). Dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847), kênh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm, kênh Bảo Định gắn liền với chiến công của quân dân ta vào năm 1861. Đó là việc trung tá hải quân Buộc - đe (Bourdais), chỉ huy trưởng cuộc hành quân tấn công Mỹ Tho, bị bắn chết tại Thang Trông (Phú Kiết, Chợ Gạo) ngày 17-3-1861. Đây là viên sĩ quan cao cấp đầu tiên của thực dân Pháp bị đền tội khi bọn chúng xâm lược nước ta.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 01, nữ: 10 ; Chi uỷ: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 01; nam: 00; nữ: 01. Công đoàn: 26 công đoàn viên; nam: 06; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 33 đoàn viên; nam: 14; nữ: 19. Đội thiếu niên: 396 đội viên; nam: 204; nữ: 192.

Tổng số cán bộ, viên chức: 26; nam: 06; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 24; nam: 06; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 24 ; Cử nhân (cao đẳng): 02.

Tổng số học sinh: 427; nam: 217; nữ: 210.

Tổng diện tích: 3.341,7 m2; diện tích sử dụng: 3.341,7 m2.

Trường có 01 dãy lầu, gồm 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 03; phòng học: 06; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 02; sân chơi: 01; khu thể thao: 00; khu vệ sinh: 02.

**2. Trường Trung học cơ sở Bình Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Bình Đức).

Địa chỉ: Ấp Bình Tạo A, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0733853229

Trang thông tin điện tử: http://thcsbinhduc.tiengiang.edu.vn

Email: c2binhducmt.tiengiang@moet.edu.vn.

Tiền thân của trường là Trường Trung học Tỉnh hạt Học Lạc được thành lập năm 1972. Sau ngày 30-4-1975, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Bình Đức B. Năm 1987, hai Trường  Phổ thông cơ sở **Bình Đức A** và Trường Phổ thông cơ sở **Bình Đức B** hợp nhất thành Trường Phổ thông cấp II Bình Đức. Năm 1990, trường đổi tên là Trường Trung học cơ sở Bình Đức. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Bình Đức.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 05, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 44 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 29 đoàn viên; nam: 15; nữ: 14. Đội thiếu niên: 840; nam: 438; nữ: 402.

Tổng số cán bộ, viên chức: 44; nam: 16; nữ: 28. Tổng số giáo viên: 40; nam: 14; nữ: 26. Thạc sĩ: 03; Cử nhân (đại học): 31; Cử nhân (cao đẳng): 09; Trung học phổ thông: 01.

Tổng số học sinh: 856; nam: 448; nữ: 408.

Tổng diện tích: 8.436,1m2; diện tích sử dụng: 3.463,8 m2.

Trường có 02 dãy lầu (dãy hành chánh và dãy phòng học), mỗi dãy có 1 trệt, 03 lầu; phòng làm việc: 10; phòng học:15; phòng thí nghiệm: 04; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

**3. Trường Trung học cơ sở Học Lạc**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Ngạch học sinh và tên danh nhân (Học Lạc).

Địa chỉ: Số 23, đường Diệp Minh Tuyền, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733958121

Trang thông tin điện tử: http://thcshoclac.tiengiang.edu.vn

Email: c2hoclacmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học cơ sở Học Lạc được thành lập năm 1989. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

HỌC LẠC

(1842 – 1915)

Học Lạc, tên thật là Nguyễn Văn Lạc, hiệu Sầm Giang, sinh năm 1842 tại thôn Mỹ Chánh, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay thuộc Phường 8 và xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông theo học tại trường tỉnh tọa lạc ở thôn Bình Tạo (nay là Phường 4 và Phường 6, thành phố Mỹ Tho). Mặc dù gia cảnh gặp khó khăn; nhưng do thông minh lại chuyên cần, nên ông học rất giỏi, được hưởng học bổng của triều đình và xếp vào ngạch Học sinh. Vì thế, ông được mọi người gọi là Học sinh Lạc. Về sau, mất chữ “sinh”, chỉ còn hai chữ “Học Lạc” mà thôi.

Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, ông gác lại chuyện thi cử. Năm 1861, giặc Pháp đánh chiếm thành Định Tường, ông lánh về ở ẩn tại chợ Thuộc Nhiêu (nay thuộc xã Dưỡng Điềm, huyện Châu Thành), tỏ thái độ bất hợp tác với nhà cầm quyền Pháp.

Tại đây, ông mở trường dạy chữ Nho nhằm mở mang dân trí và hun đúc tinh thần yêu nước, thương nhà cho lớp trẻ. Đồng thời, ông còn làm nghề thuốc Nam, chữa bệnh cho dân nghèo.

Vốn giỏi thơ văn lại có tính cương trực, khẳng khái, ông đã sáng tác nhiều bài thơ châm biếm, trào phúng nhằm đả kích chế độ thực dân thối nát và những kẻ phản dân hại nước, cúi đầu làm tay sai cho ngoại bang, những kẻ hãnh tiến, huyênh hoang, lố bịch và bọn xu thời hợm hĩnh. Qua đó, ông tỏ lòng đau xót trước cảnh nước mắt nhà tan; cũng như, tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của người trí thức chân chính.

Các bài thơ tiêu biểu của ông là *Ăn tiêu lâu*, *Tức cảnh Mỹ Tho*, *Tức cảnh Thuộc Nhiêu*, *Thơ ông làng (của hát Bội)*, *Con trâu*, *Con tôm*, *Chó chết trôi*, *Cặp gà*, *Tạ hương đăng*, *Tức cảnh buổi chiều*, *Ngồi trăng*,…

Trong khuynh hướng thi văn, nhiều nhà nghiên cứu văn học xếp ông vào các nhà thơ có khuynh hướng trào phúng và châm biếm như Chu Mạnh Trinh, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến,... Có tác giả cho rằng, ông xứng đáng nối gót hai nhà thơ yêu nước nổi tiếng là Nguyễn Đình Chiểu và Phan Văn Trị.

Ông mất năm 1915 tại Thuộc Nhiêu. Biệt danh Học Lạc của ông được đặt đặt đường và tên trường trung học cơ sở ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; tên đường ở Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; tên thật của ông được đặt tên đường ở quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 02, nữ: 15; Chi uỷ: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 33; nam: 08; nữ: 25. Đoàn thanh niên: 29 đoàn viên; nam: 14; nữ: 15. Đội thiếu niên: 528 đội viên; nam: 282; nữ: 246.

Tổng số cán bộ, viên chức: 33; nam: 08; nữ: 25. Tổng số giáo viên: 28; nam: 06; nữ: 22. Cử nhân (đại học): 29; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 02. .

Tổng số học sinh: 540 nam: 290; nữ: 250. .

Tổng diện tích: 10.284,6 m2; diện tích sử dụng: 1.828,59 m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng, nhà đa năng: 01, phòng làm việc: 09; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 03; khu thể thao: 03; khu vệ sinh: 03.

**4. Trường Trung học cơ sở Lê Ngọc Hân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Lê Ngọc Hân).

Địa chỉ: Số 2, Ngô Quyền, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang

Số điện thoại: 0273.3872.319

Trang thông tin điện tử: http://lengochan.tiengiang.edu.vn

Email: c2lengochanmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1957 với tên gọi là Trường Nữ trung học Mỹ Tho. Năm 1964, trường đổi tên thành Trường Trung học Lê Ngọc Hân. Sau ngày 30-4-1975, là Trường Phổ thông cơ sở Lê Ngọc Hân. Năm 1979, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở phường 7B. Năm 1981, là Trường Phổ thông cấp I, II phường 7B. Năm 1989, trường đổi tên thành Trường Phổ thông cấp II Lê Ngọc Hân. Năm 1997, là Trường Trung học cơ sở Lê Ngọc Hân. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia, được Chủ tịch nước phong tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì và Ba, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**LÊ NGỌC HÂN**

**(1770-1799)**

Lê Ngọc Hân còn gọi Ngọc Hân công chúa hay Bắc Cung Hoàng hậu là công chúa thứ 21 của vua Lê Hiển Tông, vợ của vua Quang Trung (Nguyễn Huệ).

Công chúa thông minh từ bé, diện mạo thanh tú, xinh xắn, bản tính thùy mị dịu dàng, được vua cha yêu quí đặt tên là Chúa Tiên và truyền cho nữ quan Lễ sư vào cung rèn dạy chữ nghĩa và các môn cầm, kỳ, thi, họa cho công chúa,. Do đó, công chúa đã thuộc làu kinh điển, thông thạo âm luật, giỏi thơ văn cả Hán lẫn Nôm, nhưng có sở trường về văn thơ Nôm. Càng lớn, công chúa càng xinh đẹp nết na, duyên dáng đức hạnh, được tiếng thơm khắp hoàng cung; mọi người đều quí trọng.

Năm 1786, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đem quân tiến ra Bắc với danh nghĩa “Phù Lê diệt Trịnh”, được vua Lê Hiển Tông phong tước “Phù chính dực Vũ uy Quốc Công” và gả công chúa Ngọc Hân cho ông. Sau đó, công chúa theo chồng về Phú Xuân, ở phủ Bắc Bình Vương.

Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy hiệu Quang Trung, phong Ngọc Hân là Bắc cung Hoàng hậu, còn gọi Hữu cung Hoàng hậu.

Năm 1792, vua Quang Trung đột ngột qua đời. Sau tang lễ, Ngọc Hân đau xé lòng khóc chồng bằng bài “Ai tư vãn”. Đây là tiếng nói chân tình của bà đối với chồng, người anh hùng dân tộc Quang Trung (Nguyễn Huệ)

Hoàng hậu Ngọc Hân bị bệnh mất ở Phú Xuân năm Kỷ Tỵ (1799). Bà mất sau vua Quang Trung 7 năm, được tôn Miếu hiệu là Nhu Ý Trang Thận Trinh Nhất Vũ Hoàng Hậu. Tên bà được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 59 đảng viên; nam: 17, nữ: 42 ; Chi uỷ: 07; nam: 03; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 162 công đoàn viên; nam: 61 ; nữ: 101. Đoàn thanh niên: 25 đoàn viên; nam: 08 ; nữ: 17; Đội thiếu niên: 3.249 đội viên; nam: 1.648; nữ: 1.601.

Tổng số cán bộ, viên chức: 162; nam: 61; nữ: 101. Tổng số giáo viên: 147; nam: 52; nữ: 95. Thạc sĩ: 09; Cử nhân (đại học):125; Cử nhân (cao đẳng): 18 ; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 08. .

Tổng số học sinh: 3.249; nam: 1.648; nữ: 1.601 .

Tổng diện tích: 15.128,3 m2; diện tích sử dụng: 15.128,3 m2

Trường có 04 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 03 tầng lầu, phòng làm việc: 07; phòng học: 54; phòng thí nghiệm: 07; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 04; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 16.

**5. Trường Trung học cơ sở Nam Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Tỉnh Nam Định)

Địa chỉ: Khu phố 1, Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733875876

Trang thông tin điện tử: http://thcsnamdinh.tiengiang.edu.vn

Email: [thcsnamdinh@gmail.com](mailto:thcsnamdinh@gmail.com)

Trường được thành lập năm 2013 theo Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên tỉnh kết nghĩa với tỉnh Tiền Giang: Tỉnh Nam Định

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 04, nữ: 10; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 48; nam: 10; nữ: 38. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 02; nữ: 08; Đội thiếu niên: 817 đội viên; nam: 449; nữ: 368.

Tổng số cán bộ, viên chức: 48; nam: 10; nữ: 38. Tổng số giáo viên: 39; nam: 07; nữ: 32. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 38; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung cấp và trung học phổ thông: 05.

Tổng số học sinh: 817; nam: 449; nữ: 368. .

Tổng diện tích: 10.252,5 m2; diện tích sử dụng: 4.217m2

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng, phòng làm việc: 04; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 02; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; nhà đa năng: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02; các loại hình khác: 07.

**6. Trường Trung học cơ sở Phú Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thạnh Phú và xã Phước Thạnh ghép lại thành Phú Thạnh)

Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733893081

Trang thông tin điện tử: http://thcsphuthanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2phuthanhmt.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học cơ sở Phú Thạnh được thành lập năm 1990 trên cơ sở tách bậc trung học cơ sở của Trường Phổ thông cơ sở Phước Thạnh và Trường Phổ thông cơ sở Thạnh Phú. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên ghép của 02 đơn vị hành chính: Xã Thạnh **Phú** và xã Phước **Thạnh.**

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 05, nữ: 14; Chi uỷ: 01; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 56 công đoàn viên; nam: 19; nữ: 37. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 01; nữ: 06; Đội thiếu niên: 1.046 đội viên; nam: 534; nữ: 512.

Tổng số cán bộ, viên chức: 56; nam: 19; nữ: 37. Tổng số giáo viên: 51; nam: 1; nữ: 34. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 40; Cử nhân (cao đẳng): 10; Trung cấp và trung học phổ thông: 05.

Tổng số học sinh: 1.046; nam: 534; nữ: 512.

Tổng diện tích: 8.831m2; diện tích sử dụng: 6.287m2

Trường có 03 dãy lầu 2 tầng và 01 dãy lầu 1 tầng; phòng làm việc: 05; phòng học: 26; phòng thí nghiệm: 03; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao 01; khu vệ sinh: 03.

**7. Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ Chánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Tân Mỹ Chánh).

Địa chỉ: Ấp Phong Thuận, Xã Tân Mỹ Chánh, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733850134.

Trang thông tin điện tử: http://thcstanmychanh.tiengiang.edu.vn

Email: c2tanmychanhmytho.tiengiang@moet.edu.vn.

Năm 1976, Trường Phổ thông cấp I, II Tân Mỹ Chánh được thành lập. Năm 1984, tách các lớp Cấp II của Trường Phổ thông cấp I, II Tân Mỹ Chánh để thành lập Trường Phổ thông cấp II Tân Mỹ Chánh. Năm 1990, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ Chánh. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

 Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Tân Mỹ Chánh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 09, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 16; nữ: 19. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 02; nữ: 02; Đội thiếu niên: 640 đội viên; nam: 349; nữ: 291.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 16; nữ: 19. Tổng số giáo viên: 28; nam: 11; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 25; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung cấp và Trung học phổ thông: 07.

Tổng số học sinh: 640; nam: 349; nữ: 291.

Tổng diện tích: 3.930m2; diện tích sử dụng: 3.930m2.

Trường có 04 dãy lầu; 01 dãy có 02 lầu, 03 dãy có 01 lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 08; phòng thí nghiệm: 06; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; nhà đa năng: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao:01; khu vệ sinh: 05.

**8. Trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Trịnh Hoài Đức).

Địa chỉ: Số 65, đường Trịnh Hoài Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.975 422

Trang thông tin điện tử: [http://thcstrinhhoaiduc.tiengiang.edu.vn](http://thcstrinhhoaiduc.tiengiang.edu.vn/)

Email: c2trinhhoaiducmt.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức được thành lập tại cơ sở mà trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 là Trường Tiểu học Tân Dân. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, trường có tên là Trường Phổ thông cấp II Phường 2. Năm 1993, cơ sở được giao cho Trường Công nhân kỹ thuật giao thông Tiền Giang quản lý. Năm 2003, cơ sở được giao cho Trường Trung học cơ sở Học Lạc sử dụng tạm thời. Năm 2007, cơ sở được giao cho Trường Trung học cơ sở Xuân Diệu quản lý để thành lập Cơ sở 2. Năm 2008, Cơ sở 2 của Trường Trung học cơ sở Xuân Diệu được tách ra để thành lập Trường Trung học cơ sở Phường 2 theo Quyết định số 4715/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Năm 2009, trường được đổi tên thành Trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức theo Quyết định số 2503/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**TRỊNH HOÀI ĐỨC**

**(1765-1825)**

Trịnh Hoài Đức có tên gọi khác là An, tên tự Chỉ Sơn, hiệu Cấn Trai; quê ở Trấn Biên (nay là thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ngày nay). Năm 1775, sau khi cha mất, ông mới 10 tuổi theo mẹ dời vào Phiên Trấn (Gia Định - Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Tại đây, ông theo học Xử sĩ Võ Trường Toản.

Năm Mậu Thân (1788), khi Nguyễn Ánh chiếm Gia Định, ông cùng nhóm Lê Quang Định ra ứng cử, được bổ làm Hàn lâm viện Chế cáo. Năm 1789, ông nhậm chức Điền tuấn sứ huyện Tân Bình. Sau đó, ông đổi qua bộ Hình, kế nhiệm chức Thị giảng Đông cung. Năm 1794, ông được bổ làm Ký lục dinh Trấn Định (Tiền Giang ngày nay). Năm 1801, ông làm Tham tri bộ Hộ.

Năm 1802, ông được thăng Thượng thư bộ Hộ, làm Chánh sứ sang Trung Quốc. Năm 1804, ông hộ giá vua Gia Long về Phú Xuân, vẫn đảm nhiệm chức Thượng thư bộ Hộ.

Năm 1802, ông được cử làm Hiệp Lưu trấn Gia Định. Năm 1808, Gia Định trấn được đổi thành Gia Định thành, Trịnh Hoài Đức được bổ làm Hiệp Tổng trấn.

Năm 1812, ông được triệu về kinh, giữ chức Thượng thư bộ Lễ, kiêm quản Khâm Thiên giám. Năm sau (1813), ông được chuyển sang làm Thượng thư bộ Lại. Đến năm 1816, ông lại được nhiệm chức Hiệp Tổng trấn Gia Định thành. Năm 1819, ông tham gia chỉ huy công trình nạo vét và mở rộng kênh Bảo Định ở trấn Định Tường.

Năm 1820, thời Minh Mạng, ông lãnh chức Tổng trấn Gia Định thành, sau đó được triệu về kinh, lãnh chức Thượng thư bộ Lại. Năm 1821, ông được thăng hàm Hiệp biện Đại học sĩ, lãnh Thượng thư bộ Lại kiêm Thượng thư bộ Binh. Tháng 3 năm 1822, ông được sung làm Chánh Chủ khảo trường thi Hội tại kinh đô Huế; tháng 11, ông kiêm lãnh Thượng thư bộ Lễ.

Tháng 7 năm 1823, ông xin về Gia Định nghỉ vì sức khỏe kém. Đến tháng 9 cùng năm, ông trở lại kinh lãnh chức Thượng thư bộ Lại và bộ Lễ. Tháng 10 cùng năm, ông trở về Gia Định. Tháng 3-1824, trở ra kinh, ông lãnh chức Thượng thư bộ Lại kiêm quản Lễ bộ sự vụ. Tháng 7 cùng năm, ông được sung chức Tổng tài và quyền lãnh công việc ở ty Thương Bạc. Chẳng bao lâu, do bệnh nặng, tuổi cao, ông từ trần tại Quỳ Viên (3‑1825), thọ 61 tuổi.

Khi ông mất, triều đình cho bãi triều ba ngày, truy tặng ông làm Thái bảo, Cần Chánh điện Đại học sĩ (hàm Chánh nhất phẩm), đặt tên thụy là Văn Khác. Thi hài ông được đưa về chôn tại quê nhà - thôn Bình Trước, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long (nay là phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Khu mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp Quốc gia năm 1990.

Tác phẩm của Trịnh Hoài Đức gồm có:

- *Cấn Trai thi tập* gồm 3 tập: *Thối thực truy biên tập, Quan quang tập, Khả dĩ tập*.

- *Gia Định Thành thông chí*.

- *Bắc sứ thi tập* (có ý kiến cho rằng *Bắc sứ thi tập* chính là *Quan quang tập* trong *Cấn Trai thi tập*.

- *Lịch đại kỷ nguyên*.

- *Khang tế lục*.

- *Gia Định tam gia thi tập*: chung với Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tĩnh.

Đương thời, ông cùng với Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tĩnh được mọi người tôn làm Gia Định tam gia.

Tên ông được đặt tên công trình công cộng ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước; riêng ở thành phố Mỹ Tho, tên ông được đặt tên đường và tên trường trung học cơ sở.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 04, nữ: 07; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 01; nam: 00; nữ: 01. Công đoàn: 29 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 18. Đoàn thanh niên: 18 đoàn viên; nam: 09; nữ: 09. Đội thiếu niên: 448 đội viên; nam: 242; nữ: 206.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29; nam: 11; nữ: 18. Tổng số giáo viên: 23; nam: 09; nữ: 14. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 18; Cử nhân (cao đẳng): 04; Trung cấp và Trung học phổ thông: 03. .

Tổng số học sinh: 461; nam: 247; nữ: 214. .

Tổng diện tích: 3.882,7 m2; diện tích sử dụng: 2682.7m2

Trường có 03 dãy lầu, dãy phía Nam có 03 tầng, dãy phía Bắc có 03 tầng, dãy giữa có 03 tầng; phòng làm việc: 06; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 06; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao 01; khu vệ sinh: 16.

**9. Trường Trung học cơ sở Trung An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Trung An).

Địa chỉ: Số 1, Ấp 4, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733857097

Trang thông tin điện tử: thcstrungan.tiengiang.edu.vn

Email: c2trunganmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1986 với tên gọi là Trường Phổ thông cơ sở Trung An, gồm có 02 cấp học là trung học cơ sở và tiểu học. Năm 1990, trường được tách ra thành Trường Trung học cơ sở Trung An và Trường Tiểu học Trung An. Năm 2001, Trường Trung học cơ sở Trung An được xác nhận thành lập theo Quyết định số 679/QĐ-UB ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Trung An

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 05, nữ: 08; Chi uỷ: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 39 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 28. Đoàn thanh niên: 17 đoàn viên; nam: 07; nữ: 10. Đội thiếu niên: 680 đội viên; nam: 353; nữ: 327.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 11; nữ: 27. Tổng số giáo viên: 35; nam: 10; nữ: 25. Cử nhân (đại học): 33; Cử nhân (cao đẳng): 05.

Tổng số học sinh: 692; nam: 360; nữ: 332.

Tổng diện tích: 9.815,5m2; diện tích sử dụng: 1.744,7m2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 10; phòng học: 13; phòng thí nghiệm: 07; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; nhà đa năng: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

**10. Trường Trung học cơ sở Xuân Diệu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Xuân Diệu).

Địa chỉ: Số 3 Hùng Vương, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Số điện thoại: 0273.3872617

Trang thông tin điện tử: http://xuandieu.tiengiang.edu.vn/

Email: c2xuandieumytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập ngày 17-3-1879 với tên gọi là Trường tỉnh. Năm 1926, trường được đổi tên thành Le Groupe Scolaire de My - Tho. Năm 1946, trường có tên là École Primaire Complémentaire du Chef lieu. Năm 1955, trường tách ra làm hai trường: Trường Nam và Trường Nữ (Trường Nữ thoạt đầu lấy tên là Trường Trưng Vương sau đó là Trường Nữ Tiểu học, xây cất tại địa điểm bây giờ là Trường Tiểu học Thủ Khoa Huân). Năm 1956, Trường Nam được đổi tên thành Trường Tiểu học Trương Công Định. Năm 1963, trường được gọi là Trường Nam tiểu học cộng đồng Mỹ Tho. Năm 1968, là Trường Nam tiểu học Mỹ Tho. Năm 1976, trường mang tên Trường Phổ thông cơ sở Phường 1. Năm 1978, trường có tên là Trường Cấp II Phường 1. Năm 1987, trường được đổi tên thành Trường Trung học Cơ sở Xuân Diệu. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục. Trường vinh dự nhận được Bằng khen và Cờ thi đua của Thủ tướng chính phủ; Bằng khen và Cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**XUÂN DIỆU**

**(1916 - 1985)**

Ông tên thật là Ngô Xuân Diệu, sinh năm 1916, bút danh Xuân Diệu, Trảo Nha, quê cha ở làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, nhưng sinh tại quê mẹ ở Gò Bồi, thôn Tùng Giản, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Năm 1927, từ Tuy Phước, ông vào Quy Nhơn học tập. Năm 1936, ông ra Huế học tại Trường Trung học Khải Định. Năm 1937, ông thi đậu Tú tài. Sau đó, ông ra Hà Nội, thi đậu vào Trường Luật thuộc Viện Đại học Đông Dương và tham gia nhóm Tự lực văn đoàn, vốn là một tổ chức văn học bao gồm phần lớn các nhà văn trẻ Việt Nam. Cuối năm 1940, ông làm tham tá thương chánh tại Sở Quan thuế tỉnh Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang).

Năm 1942, ông trở ra Hà Nội, chuyên sáng tác văn chương, nhất là thơ. Năm 1944, ông tham gia cách mạng và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên lĩnh vực văn hóa - văn nghệ (1945-1954).

Hòa bình lập lại năm 1954, ông về sống tại Hà Nội, tiếp tục viết báo và sáng tác thơ, là một trong những người sáng lập Đoàn báo chí Việt Nam (nay là Hội Nhà báo Việt Nam), Ủy viên Ban Thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam trong nhiều năm, Đại biểu Quốc hội Khóa 1 (1946-1960), Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật nước Cộng hòa dân chủ Đức (1983).

Năm 1985, ông qua đời tại Hà Nội. Năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt 1) về Văn học nghệ thuật.

Là cây đại thụ của nền thi ca hiện đại Việt Nam, ông đã để lại khoảng 450 bài thơ , một số truyện ngắn và nhiều bút ký, tiểu luận, phê bình văn học. Bút danh của ông - Xuân Diệu - được đặt tên đường, tên trường ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 56 đảng viên; nam: 17, nữ: 39; Chi ủy: 07; nam: 03; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 139 công đoàn viên; nam: 47; nữ: 92. Đoàn thanh niên: 169 đoàn viên; nam: 82; nữ: 87; Đội thiếu niên: 2.924 đội viên; nam: 1.479; nữ: 1.445.

Tổng số cán bộ, viên chức: 139; nam: 47; nữ: 92. Tổng số giáo viên: 133; nam: 45; nữ: 88. Thạc sĩ: 05; Cử nhân (đại học): 124; Cử nhân (cao đẳng): 10.

Tổng số học sinh: 3.077; nam: 1.555; nữ: 1.522.

Tổng diện tích đất: 10.990,6 m2; diện tích sử dụng: 10.990,6 m2

Trường có 04 dãy lầu (3 dãy có 03 tầng, 1 dãy có 4 tầng); phòng làm việc: 06; phòng học: 44; phòng thí nghiệm: 08; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03 (02 khu mỗi khu có 3 nhà, 01 khu có 4 nhà); nhà tiền vãng: 01.

**Trường tiểu học, trường tiểu học - trung học cơ sở:**

**1. Trường Tiểu học Âu Dương Lân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Âu Dương Lân).

Địa chỉ: số 522, đường Đinh Bộ Lĩnh, Khu phố 5, Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 850 133

Trang thông tin điện tử: thauduonglan.tiengiang.edu.vn

Email: c1auduonglanmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Lịch sử trường:

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Tân Mỹ Chánh được thành lập năm 1950. Sau ngày 30/4/1975, trường được đổi tên là Trường Phổ thông cấp 1 Tân Mỹ Chánh. Năm 1976, hợp nhất 3 Trường Phổ thông cấp 1 Tân Mỹ Chánh, Trường Phổ thông cấp 1 Tân Tỉnh và Trường Phổ thông cấp 2 Tân Mỹ Chánh thành Trường Phổ thông cơ sở Tân Mỹ Chánh. Năm 1987, do số lượng học sinh quá đông, Trường Phổ thông cơ sở Tân Mỹ Chánh lại tách ra làm 3 trường như trước: Trường Phổ thông cấp 1 Tân Tỉnh, Trường Phổ thông cấp 1 Tân Mỹ Chánh và Trường Phổ thông cấp 2 Tân Mỹ Chánh. Năm 1997, Trường Phổ thông cấp 1 Tân Mỹ Chánh được đổi tên thành Trường Tiểu học Tân Mỹ Chánh. Ngày 21/8/2006, Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho ra Quyết định số 1045/QĐ-UBND đổi tên Trường Tiểu học Tân Mỹ Chánh thành Trường Tiểu học Âu Dương Lân.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**ÂU DƯƠNG LÂN**

**(? - 1875)**

Âu Dương Lân chưa rõ năm sinh, người thôn Phú An, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (nay là xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Ông là người thông minh, học giỏi, thi đỗ cử nhân năm 1858 tại trường thi hương Gia Định. Được biết, cha của ông là Âu Dương Xuân cũng từng đỗ cử nhân năm 1842. Sau đó, ông được triều đình bổ làm Tri huyện Kiến Hòa, nên còn được gọi là Huyện Lân.

Khi thực dân Pháp xâm chiếm Nam kỳ (1859), ông tham gia phong trào kháng chiến do Võ Duy Dương và Nguyễn Hữu Huân lãnh đạo. Sau khi Nguyễn Hữu Huân bị giặc bắt và đày sang Cayenne ở Trung Mỹ vào năm 1864; rồi tiếp theo Võ Duy Dương hy sinh vào năm 1866; ông lui về quê nhà, nuôi chí quật khởi và chờ đợi thời cơ. Năm 1867, ông hoạt động trở lại, cùng với một số thủ lãnh nghĩa quân, như Nguyễn Văn Thọ, Lê Quang Vì, Phan Tấn Kỳ, Trần Văn Thành,… tổ chức quyên góp tiền bạc, mua sắm vũ khí và lương thực,… chuẩn bị cho công cuộc đánh Pháp khi có thời cơ.

Năm 1869, Nguyễn Hữu Huân được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương (Tổng đốc Phương) ở Chợ Lớn. Năm 1872, Nguyễn Hữu Huân đào thoát khỏi nơi giam giữ, trở về Mỹ Tho chiêu mộ nghĩa sĩ tiếp tục cuộc kháng Pháp. Ngay lập tức, ông đã bắt liên lạc với vị Thủ khoa yêu nước; và được Nguyễn Hữu Huân tin tưởng giao trọng trách làm Phó tướng của cuộc khởi nghĩa. Lực lượng nghĩa quân ngày càng phát triển mạnh mẽ và tỏa ra tấn công quân Pháp ở khắp mọi nơi. Một hệ thống chính quyền kháng chiến đã được thiết lập ở vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo.

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lượng hùng hậu đàn áp cuộc khởi nghĩa. Năm 1875, ông bị quân Pháp bắt được. Bọn chúng vừa dụ dỗ, vừa tra tấn ông rất tàn bạo hòng buộc ông phải quy thuận. Nhưng, ông vẫn giữ vững khí tiết của người sĩ phu chân chính.

Mấy tháng sau ngày thực dân Pháp hành hình Nguyễn Hữu Huân (ngày 15 tháng 4 năm Ất Hợi nhằm ngày 19/5/1875), giặc Pháp đã chém đầu ông tại bờ sông Mỹ Tho (nay thuộc khu vực công viên Lạc Hồng, đường 30 tháng 4, Phường 1, thành phố Mỹ Tho). Hiện nay, phần mộ của ông tọa lạc tại ấp Phú Khương A, xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang và đã được công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh (2010). Tên ông được đặt tên đường và tên trường ở Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; tên đường và tên trường tiểu học ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 05, nữ: 11; Chi uỷ: 33; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 8; nữ: 20. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 02; nữ: 03; Đội thiếu niên: 356 đội viên; nam: 185; nữ: 171

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 08; nữ: 20. Tổng số giáo viên: 22 ; nam: 5 ; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 26; Cử nhân (cao đẳng): 02. .

Tổng số học sinh: 563; nam: 293; nữ: 270 .

Tổng diện tích: 3.094,4 m2; diện tích sử dụng: 1.895 m2.

Trường có 04 dãy lầu; dãy 1 và 2 có 2 tầng, dãy 3 và 4 có 3 tầng; phòng làm việc: 07 ; phòng học: 21 ; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; hội trường: 01; sân chơi: 1.190m2; khu thể thao: 1.190m2 ; khu vệ sinh: 09; nhà ăn: 01.

**2. Trường Tiểu học Đạo Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Đạo Thạnh)

Địa chỉ: Ấp 3A, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 855 476

Trang thông tin điện tử: http://thdaothanh.tiengiang.edu.vn

Email: c1daothanhamytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Đạo Thạnh được thành lập theo Quyết định số 2875/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho cấp ngày 20 tháng 5 năm 2019 trên cở sở hợp nhất Trường Tiểu học Đạo Thạnh A và Trường Tiểu học Long Hòa. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Đạo Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 14 đảng viên; nam: 03, nữ:11; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 45 công đoàn viên; nam: 11; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 07 đoàn viên; nam: 04; nữ: 03; Đội thiếu niên: 558 đội viên; nam: 292 ; nữ: 266.

Tổng số cán bộ, viên chức: 45; nam: 11; nữ: 34. Tổng số giáo viên: 35; nam: 08; nữ: 27. Cử nhân (đại học): 34 ; Cử nhân (cao đẳng): 08 ; Trung học sư phạm: 03.

Tổng số học sinh: 934 ; nam: 474; nữ: 460.

Tổng diện tích: 10.664 m2; diện tích sử dụng: 3.801 m2

Trường có 02 dãy lầu; 01 dãy lầu có 3 tầng, 01 dãy lầu có 1 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 02 ; thư viện: 5; sân chơi: 02 ; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 02.

**3. Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Đinh Bộ Lĩnh)

Địa chỉ: Số 55, đường Diệp Minh Tuyền, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3872890

Trang thông tin điện tử: thdinhbolinh.tiengiang.edu.vn

Email: c1dinhbolinhmt.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Mỹ Phúc được thành lập trước năm 1975. Sau ngày 30/4/1975, là Trường Phổ thông cơ sở Phường 8. Năm 1990, trường được tách ra thành trường Trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**ĐINH BỘ LĨNH**

**(924 – 979)**

Đinh Bộ Lĩnh sinh năm 924, người động Hoa Lư, thôn Kim Lư, làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).

Thưở nhỏ, ông thường cùng các bạn đồng trang lứa chăn trâu, chơi trò tập trận, khiêng kiệu, lấy bông lau làm cờ, kết bạn rất thân với Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ và Trịnh Tú. Lớn lên, ông đầu quân trong đạo binh của sứ quân Trần Lâm ở Bố Hải Khẩu (nay thuộc tỉnh Thái Bình). Ít lâu, được Trần Lâm mến tài gả con gái cho. Sau khi Trần Lâm mất, ông đem quân về giữ Hoa Lư, chiêu mộ hào kiệt, hùng cứ một phương, chống nhà Ngô và các sứ quân khác.

Là người có tài, lại được nhân dân nhiều địa phương giúp sức, ủng hộ, đánh đâu thắng đó, được tôn là Vạn Thắng Vương. Năm 968, đất nước thống nhất, ông lên ngôi Hoàng đế, tự xưng là Đại Thắng Minh Hoàng đế, nên được Sử gọi là Đinh Tiên Hoàng, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Ông cho xây dựng cung điện, đúc tiền để tiêu dùng trong nước gọi là tiền đồng “Thái Bình”,…

Năm 979, ông mất, được an táng ở sơn lăng Trường Yên, kinh đô Hoa Lư. Ông là người có công đánh dẹp cục diện 12 sứ quân, thống nhất đất nước. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 17 đảng viên; nam: 04, nữ: 13; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 31 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 01; nữ: 04. Đội thiếu niên: 372 đội viên; nam: 179; nữ: 193

Tổng số cán bộ, viên chức: 31; nam: 07; nữ: 24. Tổng số giáo viên: 26; nam: 05; nữ: 21. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 03.

Tổng số học sinh: 621; nam: 314; nữ: 307 .

Tổng diện tích: 5.208 m2; diện tích sử dụng: 5.208 m2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng; phòng làm việc: 03; phòng học: 22; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 2.000 m2; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 03.

**4. Trường Tiểu học Hồ Văn Nhánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Hồ Văn Nhánh).

Địa chỉ: 103, đường Trịnh Hoài Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 872 891

Trang thông tin điện tử: Chưa có.

Email: c1hovannhanhmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1989 và được xác nhận theo Quyết định số 5127/QĐ-QĐUB ngày 09 tháng 8 năm 2018 của ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

# HỒ VĂN NHÁNH

**(1955 – 1969)**

Hồ Văn Nhánh sinh năm 1955 tại xã Long Hưng, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân.

Thuở nhỏ, ông học hành rất chăm chỉ và cần cù lao động phụ giúp gia đình. Căm thù giặc Mỹ và bọn tay sai đã đốt phá xóm làng; lại được giáo dục, giác ngộ lý tưởng cách mạng, nên khi mới 13 tuổi (1968), ông đã tình nguyện xin vào Đội du kích mật của xã Long Hưng để góp phần công sức của mình vào sự nghiệp giải phóng quê hương.

Sau năm 1968, do địch phản kích quyết liệt, chiến trường bị chia cắt, nên hầu như địa phương nào, trong đó có xã Long Hưng, cũng đều gặp khó khăn về vũ khí và đạn dược. Trước tình hình đó, ông quyết định đột nhập vào căn cứ Đồng Tâm của Sư đoàn 9 Mỹ để gỡ mìn, lấy vũ khí địch đánh lại địch. Cứ thế, ngày qua ngày, sau khi đi học về, ông lại bí mật luồn qua các vòng rào dây thép gai, vào căn cứ của địch tiến hành việc gỡ mìn. Đây là một công tác cực kỳ nguy hiểm; nhưng do thông minh, cẩn thận và dũng cảm, ông đã gỡ được hàng ngàn quả mìn các loại, cung cấp cho bộ đội và du kích các xã chế tạo vũ khí đánh địch. Từ sáng kiến của ông, Đội du kích của các xã xung quanh căn cứ Đồng Tâm và Ban Chỉ huy Mặt trận vành đai diệt Mỹ Bình Đức đã thành lập các tổ chuyên trách gỡ mìn; và số mìn thu được ngày càng nhiều.

Ngày 15-9-1969, trong một lần gỡ mìn ở vòng rào thứ 3 của căn cứ Đồng Tâm, ông đã anh dũng hy sinh. Chỉ trong một năm công tác, ông đã 131 lần đột nhập vào căn cứ Mỹ, trực tiếp gỡ hơn 4.500 quả mìn các loại, hướng dẫn cho bộ đội và du kích gỡ được hơn 1.100 quả, phục vụ cho bộ đội và du kích đánh trên 300 trận, tiêu diệt hàng trăm tên địch.

Ông được tặng thường 1 Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất. Ngày 6-11-1978, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường và tên trường tiểu học ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 15 đảng viên; nam: 05, nữ: 10; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02 ; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 29 công đoàn viên; nam: 7; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 12 đoàn viên; nam: 03; nữ: 09; Đội thiếu niên: 318 đội viên; nam: 161; nữ: 157.

Tổng số cán bộ, viên chức: 29 ; nam: 7; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 25; nam: 6 ; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 02. .

Tổng số học sinh: 558; nam: 302; nữ: 256. .

Tổng diện tích: 7.358 m2; diện tích sử dụng: 7.358 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 09; phòng học: 17; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 06; phòng máy tính: 04 ; thư viện: 04; phòng thiết bị: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 04.

**5. Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Hoàng Hoa Thám)

Địa chỉ: Số ¼, đường Hoàng Hoa Thám, Phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733. 872.888

Trang thông tin điện tử: http://thhoanghoatham.tiengiang.edu.vn

Email: c1hoanghoathammytho.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tư thục Trí Nhơn được thành lập năm 1970. Năm 1976, trường đổi tên thành Trường Trí Nhơn. Năm 1978, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Phường 3. Năm 1987, trường tách ra thành 2 trường: Trường Phổ thông cấp II Chu Văn An và Trường Phổ thông cấp I Hoàng Hoa Thám. Năm 1990, Trường Phổ thông cấp I Hoàng Hoa Thám đổi tên thành Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**HOÀNG HOA THÁM**

**(1858 – 1913)**

Hoàng Hoa Thám,  tên khai sinh là Trương Văn Thám, tên lúc nhỏ là Trương Văn Nghĩa, sinh năm 1858, quê ở xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Năm 16 tuổi, ông tham gia khởi nghĩa của Đại Trận (1870-1875). Khi Pháp chiếm Bắc Ninh (3-1884), ông gia nhập nghĩa binh của Trần Quang Loan, lãnh binh Bắc Ninh, rồi nghĩa quân của Hoàng Đình Kinh (1882-1888), sau đó ông đứng dưới cờ nghĩa Lương Văn Nắm (tức Đề Nắm) ở Yên Thế (Bắc Ninh) và trở thành một tướng lĩnh có tài. Tháng 4-1892, Đề Nắm bị thủ hạ là Đề Sặt sát hại, ông trở thành thủ lĩnh tối cao của phong trào Yên Thế.

Trong ba năm (1893-1895) giặc Pháp đã tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa do ông chỉ huy, chúng không từ một thủ đoạn nào, từ phủ dụ đến bao vây tàn sát. Tuy nhiên, bằng chiến thuật du kích tài tình, ông đã tránh được mũi nhọn của giặc và gây cho chúng những tổn thất nặng nề.

Thấy chưa thể dập tắt được phong trào Yên Thế, giặc Pháp đã yêu cầu giảng hòa. Ông cũng muốn tranh thủ thời gian để chuẩn bị thêm lực lượng, nên đồng ý hòa hoãn. Nhưng chỉ vài tháng sau (đến 10-1895), giặc Pháp đã bội ước, chúng huy động lực lượng mở những cuộc tấn công trên quy mô lớn vào Yên Thế. Chúng treo giải thưởng 30.000 Francs cho kẻ nào bắt được ông. Lần ra quân này của giặc Pháp cũng không đàn áp được phong trào nông dân Yên Thế. Chúng yêu cầu giảng hòa lần thứ 2.

Trong hơn 10 năm hòa hoãn (từ 12-1897 đến 29-1-1909), nghĩa quân Yên Thế đã có những bước phát triển mới: Địa bàn hoạt động được mở rộng từ trung du đến đồng bằng, kể cả Hà Nội. Ông tổ chức ra “đảng Nghĩa Hưng” và “Trung chân ứng nghĩa đạo” làm nòng cốt. Đặc biệt, ông đã chỉ đạo cuộc khởi nghĩa ngày 27-6-1908 của binh lính yêu nước ở Hà Nội (gọi là vụ Hà thành đầu độc). Sự kiện này làm chấn động khắp cả nước.

Ngày 29-1-1909, Thống sứ Bắc kỳ đã huy động 15.000 quân chính quy và khố xanh, 400 lính dõng là một lực lượng lớn nhất từ trước tới lúc đó do tên đại tá Ba-tay và tên Việt gian Lê Hoan chỉ huy. Chúng mở cuộc tổng tấn công vào căn cứ Yên Thế. Cuộc chiến đấu không cân sức này đã làm cho nghĩa quân tổn thất nặng nề.

Ngày 10/2/1913, ông bị giặc sát hại. Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 03, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 21 công đoàn viên; nam: 05 ; nữ: 16. Đoàn thanh niên: 03 đoàn viên; nam: 00; nữ: 03; Đội thiếu niên: 236 đội viên; nam: 115; nữ:121.

Tổng số cán bộ, viên chức: 21; nam: 05; nữ: 16. Tổng số giáo viên: 14; nam: 02 ; nữ: 12. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 05. Trung cấp: 02; Trung học phổ thông: 02.

Tổng số học sinh: 394; nam: 212; nữ: 182.

Tổng diện tích: 1.250 m2; diện tích sử dụng: 1.250 m2.

Trường có 02 dãy lầu; mỗi dãy gồm 01 tầng trệt và 03 tầng lầu phòng làm việc: 07; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 01 ; thư viện: 01; phòng thiết bị: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 08; nhà bếp: 01.

**6. Trường Tiểu học Kim Đồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Kim Đồng).

Địa chỉ: 89/2C, đường Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 873307.

Trang thông tin điện tử: https://thkimdongmytho.edu.vn

Email: c1kimdongmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập sau năm 1975 với tên gọi là Trường Phổ thông cấp I Kim Đồng. Năm 1990, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Kim Đồng. Trường được xác nhận thành lập theo Quyết định số 7238/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho ngày 18/11/2019. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**KIM ĐỒNG**

**(1928 – 1943)**

Kim Đồng, tên thật là Nông Văn Dền, sinh năm 1928, dân tộc Nùng, tại bản Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Sinh ra và lớn lên trong chiếc nôi của chiến khu cách mạng, khi còn nhỏ, ông đã sớm được cán bộ Việt Minh giáo dục, giác ngộ. Ông đã vận động các bạn cùng lứa tuổi trong bản làm nhiệm vụ liên lạc, chuyển công văn, tài liệu, đưa đón cán bộ, trinh sát nắm tình hình địch để cung cấp cho cán bộ.

Tháng 5 năm 1941, Trung ương Đảng quyết định thành lập Đội Nhi đồng Cứu quốc. Ông là một trong số năm đội viên đầu tiên và được bầu làm đội trưởng Đội Nhi đồng Cứu quốc. Được rèn luyện thử thách, ông luôn thể hiện trí thông minh, lòng dũng cảm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Rạng sáng ngày 15 tháng 2 năm 1943, ông được giao nhiệm vụ canh gác, bảo vệ cuộc họp bí mật của Trung ương Đảng. Địch phát hiện và cho một lực lượng khá lớn bao vây hòng bắt sống các đồng chí lãnh đạo của Đảng. Trước tình thế nguy hiểm, ông đã mưu trí đánh lạc hướng, lừa địch tập trung lực lượng và hoả lực về phía mình, đồng thời phát tín hiệu cho các đồng chí cán bộ rút lui an toàn. Ông đã anh dũng hy sinh khi anh vừa tròn 15 tuổi, nêu tấm gương sáng chói cho các thế hệ thanh, thiếu niên Việt Nam noi theo.

Ngày 23 tháng 9 năm 1997, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân. Tên ông được đặt tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên; nam: 03, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02; nam: 02; nữ: 00. Công đoàn: 28 công đoàn viên; nam: 07; nữ: 21. Đoàn thanh niên: 11 đoàn viên; nam: 00; nữ: 11. Đội thiếu niên: 327 đội viên; nam: 169; nữ: 158.

Tổng số cán bộ, viên chức: 28; nam: 07; nữ: 21. Tổng số giáo viên: 21 ; nam: 03; nữ: 18. Cử nhân (đại học): 22; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 02; Trung học phổ thông: 02. .

Tổng số học sinh: 532; nam: 277; nữ: 255.

Tổng diện tích: 3.440 m2; diện tích sử dụng: 3.440 m2.

Trường có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 1 tầng lầu; phòng làm việc: 08; phòng học: 16; phòng thí nghiệm: 00; phòng thiết bị: 01; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng ngoại ngữ: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05; bếp ăn bán trú: 01; nhà ăn bán trú: 01.

**7. Trường Tiểu học Lê Quý Đôn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Lê Quý Đôn).

Địa chỉ: 205, đường Tết Mậu Thân, Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3978397

Trang thông tin điện tử: thlequydon.tiengiang.edu.vn

Email: c1LeQuyDonmt.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập theo Quyết định số 3031/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục và được trao tặng nhiều Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt trên trường:

**LÊ QUÝ ĐÔN**

**(1726 - 1784)**

Lê Quý Đôn nguyên là Lê Danh Phương, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường, sinh năm 1726, trong một gia đình khoa bảng; quê tại làng Diên Hà, trấn Sơn Nam Hạ, nay là thôn Phú Hiếu, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ngay từ nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh, chăm học. Năm 14 tuổi, ông theo cha lên học ở kinh đô Thăng Long. Năm 17 tuổi, ông thi Hương, đỗ Giải nguyên. Năm 27 tuổi, đỗ Hội nguyên, rồi đỗ Đình Nguyên Bảng nhãn.

Sau khi đã đỗ đạt, ông được bổ làm quan và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng của triều Lê - Trịnh, như: Hàn lâm thừa chỉ sung Toản tu quốc sử quán (năm 1754), Hàn lâm viện thị giảng (năm 1757), Đốc đồng xứ Kinh Bắc (năm 1764), Thị thư kiêm Tư nghiệp Quốc tử Giám (năm 1767), Tán lý quân vụ, Thự phó đô ngự sử (năm 1768), Công bộ hữu thị lang (năm 1769), Bồi tụng (năm 1773), Lại bộ tả thị lang kiêm Tổng tài quốc sử quán (năm 1775), Hiệp trấn tham tán quân cơ Trấn phủ Thuận Hóa (năm 1776), Hiệp trấn Nghệ An (năm 1783), Công bộ thượng thư (năm 1784).

Tác phẩm của ông có tới 40 bộ, bao gồm hàng trăm quyển, nhưng một số bị thất lạc. Những tác phẩm tiêu biểu của ông còn giữ được có thể kể ra như sau:

- Quần thư khảo biện.

- Vân đài loại ngữ.

- Đại Việt thông sử.

- Phủ biên tạp lục.

- Toàn Việt thi lục.

Ông mất năm 1784. Nhận xét về ông, Giáo sư Sử học Văn Tân trong bài *Kỷ niệm 250 năm ngày sinh Lê Quý Đôn* viết: “Lê Quý Đôn đã nắm được tất cả các tri thức mà con người Việt Nam hồi thế kỷ XVIII có thể có được. Có thể nói, Lê Quý Đôn là cái tủ sách tổng hợp biết nói của nước Việt Nam hồi thế kỷ XVIII. Trên thì thiên văn, dưới thì địa lý, giữa là con người, không gì Lê Quý Đôn không biết. Hiểu biết của ông rất rộng, lại rất sâu”.

Tại quê hương ông còn có Khu lưu niệm danh nhân văn hóa Lê Quý Đôn được công nhận là Khu di tích lịch sử văn hóa quốc gia (Quyết định 235 VH/QĐ ngày 12-12-1986 của Bộ Văn hóa Thông tin). Tên ông được đặt tên đường, tên trường học ở nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 30 đảng viên; nam: 11, nữ: 19; Chi uỷ: 05 ; nam: 00 ; nữ: 05. Ban giám hiệu: 03; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 72 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 54. Đoàn thanh niên: 15; nam: 03; nữ: 12; Đội thiếu niên: 1.034 đội viên; nam: 531; nữ: 503.

Tổng số cán bộ, viên chức: 72; nam: 18; nữ: 54. Tổng số giáo viên: 61; nam: 14; nữ: 47. Cử nhân (đại học): 56; Cử nhân (cao đẳng): 06; Trung học sư phạm: 03; Trung cấp: 03; trung học phổ thông: 04.

Tổng số học sinh: 1.617; nam: 821; nữ: 796

Tổng diện tích: 2.879,4 m2; diện tích sử dụng: 2.879,4 m2.

Nhà trường có 4 dãy phòng học và phòng chức năng.

- Dãy phía Bắc có: 03 lầu, 1 trệt

- Dãy phía Đông có: 03 lầu, 1 triệt

- Dãy phía Tây có: 03 lầu, 1 triệt

- Dãy phía Nam có: 02 lầu, 1 triệt

Phòng làm việc: 08; phòng học: 38; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 10; nhà kho: 01; nhà bếp: 01; nhà ăn: 01.

**8. Trường Tiểu học Mỹ Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Dịa danh hành chính (Xã Mỹ Phong).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3989026

Trang thông tin điện tử: thmyphong.tiengiang.edu.vn

Email: c1myphongmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Sơ học Mỹ Phong được thành lập năm 1947. Sau năm 1954, trường đổi tên thành Trường Tiểu học Mỹ Phong. Sau ngày 30/4/1975, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở cấp 1, 2 Mỹ Phong. Năm 1986, trường được tách ra thành Trường Phổ thông cơ sở cấp 2 Mỹ Phong và Trường Phổ thông cơ sở cấp 1 Mỹ Phong theo Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 22/9/1986 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Năm 1989, Trường Phổ thông cơ sở cấp 1 Mỹ Phong được đổi tên thành Trường Tiểu học Mỹ Phong. Năm 2019, thực hiện Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho, Trường Tiểu học Mỹ Hưng và Trường Tiểu học Mỹ Phong hợp nhất thành Trường Tiểu học Mỹ Phong. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Mỹ Phong.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 07, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 01; nữ: 02. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 35 công đoàn viên; nam: 13; nữ: 22. Đoàn thanh niên: 10 đoàn viên; nam: 02; nữ: 08. Đội thiếu niên: 345 đội viên; nam: 228; nữ: 117.

Tổng số cán bộ, viên chức: 35; nam: 13; nữ: 22. Tổng số giáo viên: 28; nam:11; nữ: 17. Cử nhân (đại học): 27; Cử nhân (cao đẳng): 02; Trung học sư phạm: 02; Trung cấp: 02; Trung học phổ thông: 02. .

Tổng số học sinh: 575; nam: 317 ; nữ: 258.

- Tổng diện tích: 9.733,3 m2; diện tích sử dụng: 9.733,3 m2.

+ Cơ sở 1

Có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 trệt 02 lầu, phòng làm việc: 06; phòng học: 11; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01 ; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 06.

+ Cơ sở 2

Có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 trệt 01 lầu, phòng làm việc: 06; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01 ; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 04.

**9. Trường Tiểu học Nguyễn Huệ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Huệ).

Địa chỉ: Số 8, Trịnh Văn Quảng, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Điện thoại: 0273.3873306.

Trang thông tin điện tử: http://www.thnguyenhue.edu.vn

Email: c1nguyenhuemytho.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Vòng Nhỏ được thành lập năm 1959. Năm 1969, Trường Tiểu học Vòng Nhỏ được đổi tên thành Trường Tiểu học cộng đồng Nguyễn Huệ. Sau ngày 30-4-1975, là Trường Phổ thông cấp 1, 2 Phường 6A. Năm 1989, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Nguyễn Huệ. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, được trao tặng nhiều Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN HUỆ**

**(1753 – 1792)**

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 ra tại thôn Kiên Mỹ, ấp Kiên Thành, huyện Hoài Nhơn, phủ Quy Nhơn (nay thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định).

Năm 1771, ông dựng cờ khởi nghĩa, trở thành một trong ba lãnh tụ cao nhất của phong trào Tây Sơn (Nguyễn Nhạc , Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ).

Năm 1775, ông chỉ huy đánh chiếm Phú Yên, tạo ra bước ngoặt quan trọng cho toàn bộ quá trình phát triển mạnh mẽ sau đó của phong trào.

Năm 1777, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ hai, lật đổ cơ đồ thống trị của dòng họ chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

Năm 1782, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ tư, đánh cho Nguyễn Ánh đại bại.

Năm 1783, ông chỉ huy cuộc tấn công vào Gia Định lần thứ năm, đánh đuổi tập đoàn Nguyễn Ánh ra khỏi bờ cõi.

Năm 1785, ông chỉ huy trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược.

Năm 1786, ông chỉ huy các đợt tấn công tiêu diệt chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

Ngày 22/12/1788, ông lên ngôi Hoàng đế tại Núi Bân (Phú Xuân - Huế). Niên hiệu vua Quang Trung bắt đầu xuất hiện từ đây.

Năm 1789, ông chỉ huy trận Ngọc Hồi - Đống Đa, quét sạch 29 vạn quân Thanh và bè lũ tay sai phản quốc Lê Chiêu Thống ra khỏi bờ cõi.

Từ năm 1789 đến năm 1792, ông ban bố Chiếu khuyến nông, Chiếu lập học, tiến hành những cải cách tích cực nhằm phát triển đất nước.

Ngày 15/9/1792, ông đột ngột qua đời. Ông xứng danh là vị Anh hùng dân tộc, có công lớn trong việc thống nhất đất nước và bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên; nam: 05, nữ: 13; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 53 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 14 đoàn viên; nam: 01; nữ: 13; Đội thiếu niên: 685 đội viên; nam: 361; nữ: 324.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 11; nữ: 41. Tổng số giáo viên: 47; nam: 08; nữ: 39. Thạc sĩ: 03; Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 01; Trung cấp : 01. .

Tổng số học sinh: 1.081; nam: 551; nữ: 530. .

Tổng diện tích: 9.878,8 m2; diện tích sử dụng: 9.878,8 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 02 tầng; phòng làm việc: 09; phòng học: 31; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao 01; khu vệ sinh: 04.

**10. Trường Tiểu học Nguyễn Trãi**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Nguyễn Trãi).

Địa chỉ: Số 11, đường Hùng Vương, Phường 7, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

Số điện thoại:0273 3872322

Trang thông tin điện tử: http://thnguyentrai.tiengiang.edu.vn

Email: c1nguyentraimytho.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Tư thục Việt Tú được thành lập năm 1970. Sau ngày 30-4-1975, trường được đổi tên thành Trường Phổ thông cơ sở Phường 7A. Năm 1990, các lớp từ lớp 6 đến lớp 9 của Trường Phổ thông cơ sở Phường 7A được tách ra, các lớp từ lớp 1 đến lớp 5 được giữ lại và hình thành Trường Tiểu học Nguyễn Trãi. Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục và được trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch Nước và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**NGUYỄN TRÃI**

**(1380 – 1442)**

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, sinh năm 1380, quê ở làng Chi Ngại (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương) sau rời về làng Ngọc Ổi (nay thuộc xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội). Cha là Nguyễn Phi Khanh, một học trò nghèo, học giỏi, đỗ Thái học sinh. Mẹ là Trần Thị Thái, con quan tư đồ Trần Nguyên Đán, dòng dõi quí tộc.

Ông thi đỗ Thái học sinh năm 1400 và từng làm quan dưới triều Hồ. Sau khi đất nước bị rơi vào ách thống trị của nhà Minh (Trung Quốc), năm 1418, ông tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo và trở thành mưu sĩ của nghĩa quân Lam Sơn trong việc bày tính mưu kế cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với quân Minh.

Ông là bậc khai quốc công thần và là văn thần có uy tín ở thời đầu nhà Hậu Lê. Tuy nhiên, năm 1442, toàn thể gia đình của ông bị tru di tam tộc trong vụ án Lệ Chi Viên. Ngày 01 tháng 9 năm 1442, sau khi vua Lê Thái Tông đi duyệt binh ở Chí Linh, đã vào Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Khi vua rời Côn Sơn, về đến Trại Vải (Lệ Chi Viên, Bắc Ninh) bị chết đột ngột. Lúc chết có Nguyễn Thị Lộ, người thiếp của Nguyễn Trãi, lúc ấy phụ trách dạy dỗ các cung nữ (chức Lễ nghi học sĩ) hầu bên cạnh. Bọn triều thần bấy lâu nay muốn hãm hại Nguyễn Trãi, nhân cơ hội này liền vu cho ông cùng Nguyễn Thị Lộ mưu giết vua, khiến ông phải nhận án tru di tam tộc (bị giết cả ba họ). Năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho ông.

Các tác phẩm của ông: *Đại cáo bình Ngô* xứng đáng là áng “Hùng văn muôn thuở”, được xem là bản Tuyên độc lần thứ hai của nước ta, bộ *Quốc âm thi tập* là tập thơ tiếng Việt (chữ Nôm) sớm nhất có giá trị lớn còn lại đến ngày nay. Ông đã góp phần xây đắp nền móng vững chắc cho nền văn học dân tộc. Năm 1980, ông được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Danh nhân văn hoá thế giới và tổ chức kỷ niệm 600 năm năm sinh của ông.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 03; nữ: 16; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 50 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 41. Đoàn thanh niên: 08 đoàn viên; nam: 01; nữ: 07. Đội thiếu niên: 697 đội viên; nam: 361; nữ: 336.

Tổng số cán bộ, viên chức: 50; nam: 09; nữ: 41. Tổng số giáo viên: 44; nam: 06; nữ: 38. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 47; Cử nhân (cao đẳng): 00; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 1.028; nam: 550; nữ: 478.

Tổng diện tích: 7.546,7m²; diện tích sử dụng: 7.546,7m².

Trường có 03 dãy lầu, trong đó 02 dãy có 02 tầng, 01 dãy 01 tầng; phòng làm việc: 19; phòng học: 30; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 02; phòng máy tính: 02; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; nhà vệ sinh 12.

**11. Trường Tiểu học Phước Thạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Phước Thạnh).

Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.893078

Trang thông tin điện tử: http://thphuocthanh.tiengiang.edu.vn

Email: c1PhuocThanhmt.tiengiang@moet.edu.vn

Tiền thân của trường là Trường Trung học Tỉnh hạt Phước Thạnh, được thành lập vào năm 1965. Sau năm 1975 là Trường Phổ thông cơ sở Phước Thạnh. Cuối năm 1990, thực hiện chủ trương của Bộ Giáo Dục và Đào tạo về việc tách bậc học Tiểu học và bậc học Trung học cơ sở ra khỏi bậc Phổ thông cơ sở, từ năm 1991 đến nay là Trường Tiểu học Phước Thạnh. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Phước Thạnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường 13 đảng viên; nam: 02, nữ: 11; Chi uỷ: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 38 công đoàn viên; nam: 12; nữ: 26. Đoàn thanh niên: 06 đoàn viên; nam: 02; nữ: 04; Đội thiếu niên: 680 đội viên; nam: 435; nữ: 245.

Tổng số cán bộ, viên chức: 38; nam: 12; nữ: 26. Tổng số giáo viên: 32; nam: 10; nữ: 22. Cử nhân (đại học): 32 ; Cử nhân (cao đẳng): 03; Trung học sư phạm: 01; Trung học phổ thông: 02. .

Tổng số học sinh: 909; nam: 484; nữ: 425.

Tổng diện tích: 9.077,8m2; diện tích sử dụng: 9.077,8m2.

Diện tích các điểm trường:

- Cơ sở 1: 668,5m2

- Cơ sở 2: 4.409,3m2

- Cơ sở 3: 4000m2

Cơ sở vật chất:

\* Cơ sở 1 (điểm chính - ấp Phước Hòa): gồm 01 nhà ăn, 01 nhà đa năng; 02 nhà vệ sinh; 01 nhà để xe; 01 nhà phòng cháy chữa cháy, 01 phòng bảo vệ; 03 dãy:

- Dãy 1: 01 trệt, 02 lầu gồm 05 phòng làm việc; 01 phòng họp; 01 phòng giáo viên; 01 phòng đa năng.

- Dãy 2: 01 trệt, 01 lầu gồm 01 phòng thư viện; 01 phòng thiết bị; 01 kho; 03 lớp học.

- Dãy 3: 01 trệt, 02 lầu gồm 02 kho; 15 lớp học.

\* Cơ sở 2 (điểm trường ấp Giáp Nước): gồm 01 dãy: 01 trệt, 01 lầu

- Tầng trệt: 01 nhà để xe; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng nghỉ giáo viên; 02 khu vệ sinh; 03 phòng học.

- Lầu 1: 03 phòng học.

\* Cơ sở 3 (điểm trường ấp Long Hưng): gồm 01 nhà ăn, 01 bếp ăn; 01 nhà vệ sinh; 02 nhà để xe; 01 nhà phòng cháy chữa cháy, 01 phòng bảo vệ; 03 dãy:

- Dãy 1: 01 trệt gồm 01 phòng máy vi tính; 05 phòng làm việc, 01 phòng họp, 02 khu vệ sinh

- Dãy 2: 01 trệt, 02 lầu gồm 12 phòng học, 03 khu vệ sinh; 02 phòng đọc sách

- Dãy 3: 01 trệt, 01 lầu gồm 01 phòng giáo viên, 02 phòng học, 01 phòng làm việc, 01 nhà đa năng.

**12. Trường Tiểu học Tân Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Tân Long).

Địa chỉ: 123, đườngTrưngNhị, khu phố Tân Hòa, phường Tân Long, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 3852 546

Trang thông tin điện tử: http://thtanlong.tiengiang.edu.vn

Email: c1tanlongmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường Tiểu học Tân Long được thành lập trước năm 1975. Sau ngày 30-4-1975, là Trường Phổ thông cơ sở Tân Long với hai cấp học: tiểu học và trung học cơ sở. Năm 1993, trường được tách ra, cấp tiểu học là Trường Tiểu học Tân Long.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Phường Tân Long.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 05 đảng viên; nam: 01, nữ: 04. Ban giám hiệu: 02; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 13 công đoàn viên; nam: 03; nữ: 10. Đoàn thanh niên: 05 đoàn viên; nam: 00; nữ: 05. Đội thiếu niên: 107 đội viên; nam: 57; nữ: 50.

Tổng số cán bộ, viên chức: 13; nam: 03; nữ: 10. Tổng số giáo viên: 10; nam: 02; nữ: 08. Cử nhân (đại học): 12; Cử nhân (cao đẳng): 01.

Tổng số học sinh: 174; nam: 85; nữ: 89.

Tổng diện tích: 1.681,7m2; diện tích sử dụng: 1.681,7m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 03 tầng, gồm 01 trệt, 02 tầng); phòng làm việc: 03; phòng học: 10; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao 01; khu vệ sinh: 02.

**13. Trường Tiểu học Tân Tỉnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Tân Tĩnh).

Địa chỉ: 986, Quốc lộ 50, ấp Tân Tỉnh A, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733850135

Trang thông tin điện tử: thtantinh.tiegiang.edu.vn

Email:c1tantinhmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập sau năm 1975.

Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Ấp Tân Tỉnh.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 11 đảng viên; nam: 02, nữ: 09; Chi uỷ: 03; nam: 02; nữ: 01. Ban giám hiệu: 02 ; nam: 01; nữ: 01. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 10; nữ: 17. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 01; nữ: 03; Đội thiếu niên: 279 đội viên; nam: 139; nữ: 140.

Tổng số cán bộ, viên chức: 27; nam: 10; nữ: 17. Tổng số giáo viên: 22; nam: 08; nữ: 14. Cử nhân (đại học): 21; Cử nhân (cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 03; Trung học phổ thông: 02.

Tổng số học sinh: 480; nam: 251; nữ: 229. .

Tổng diện tích: 4.280,9 m2; diện tích sử dụng: 4.280,9 m2.

Trường có 02 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 07; phòng học: 15; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 516 m2; khu thể thao: 513 m2; khu vệ sinh:

**14. Trường Tiểu học Thái Sanh Hạnh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Họ và tên danh nhân (Thái Sanh Hạnh).

Địa chỉ: Số 786, đường Ấp Bắc, Khu phố 3, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 855615

Trang thông tin điện tử: ththaisanhhanh.tiegiang.edu.vn

Email: c1thaisanhhanhmt@gmail.com

Trường Tiểu học Đạo Thạnh được thành lập năm 1989 tách từ Trường Phổ thôn cơ sở Đạo Thạnh B theo Quyết định số 1112/QĐ-UB ngày 04 tháng 10 năm 1989 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Năm 2009, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học Thái Sanh Hạnh theo Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

# THÁI SANH HẠNH

**(1925 – 1960)**

Thái Sanh Hạnh, bí danh là Trần Chí Nam, sinh năm 1925 tại làng Đăng Hưng Phước, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước.

Sớm giác ngộ cách mạng, từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9 - 3 - 1945), ông gia nhập lực lượng Thanh niên tiền phong và hoạt động sôi nổi trong phong trào học sinh trường Collège de Mytho (nay là Trường trung học phổ thông Nguyễn Đình Chiểu). Tháng 8 - 1945, ông tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Mỹ Tho; và sau đó gia nhập bộ đội đánh quân Pháp khi bọn chúng quay trở lại xâm lược Nam bộ.

Năm 1946, ông được phân công trở vào nội ô Mỹ Tho xây dựng phong trào đấu tranh của giới tư sản, trí thức yêu nước và thanh niên - học sinh. Năm 1950, ông bị địch bắt giam tại nhà tù Mỹ Tho. Mặc dù bị nhục hình tra tấn; nhưng ông vẫn giữ kín bí mật của tổ chức. Cuối cùng, do không đủ chứng cớ để buộc tội, địch phải trả tự do cho ông. Lúc này, do đã bị lộ, nên ông rút vào hoạt động bí mật, đảm nhận chức vụ Thị ủy viên thị xã Mỹ Tho, phụ trách quân sự. Dưới sự chỉ đạo của ông, lực lượng vũ trang thị xã Mỹ Tho đã tiến hành nhiều trận đánh táo bạo ở trong nội ô, khiến cho địch vô cùng hoang mang, lo sợ.

Sau năm 1954, ông được Đảng phân công ở lại miền Nam hoạt động. Năm 1957, ông được chỉ định là Bí thư Thị xã ủy Mỹ Tho. Đây cũng là thời điểm mà phong trào cách mạng đang gặp khó khăn nghiêm trọng. Tuy vậy, ông vẫn bám sát địa bàn, lãnh đạo và chỉ đạo phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng cũng như xây dựng cơ sở cách mạng trong đội ngũ trí thức, công thương gia, thanh niên - học sinh,…

Năm 1958, ông được đề bạt làm Tỉnh ủy viên, phụ trách thị xã Mỹ Tho. Đầu năm 1960, ông được phân công phụ trách thêm huyện Chợ Gạo. Lúc bấy giờ, phong trào cách mạng ở Chợ Gạo bị thiệt hại nặng nề do địch đánh phá rất ác liệt. Tuy vậy, ông đã cùng với Ban Cán sự Huyện ra sức củng cố cơ sở Đảng, các tổ chức quần chúng và xây dựng lực lượng vũ trang. Nhờ thế, Huyện ủy Chợ Gạo được tái lập và phong trào nổi dậy của nhân dân trong sáu tháng đầu năm 1960 phát triển rất mạnh mẽ.

Đêm 31-8-1960, từ căn cứ của Tỉnh ủy đặt tại Tân Hòa Đông (nay thuộc huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang), ông vượt Lộ 4 (nay là Quốc lộ 1) để về Chợ Gạo chỉ đạo đợt nổi dậy 23 tháng 9; nhưng khi đi đến Tân Lý Đông (huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), ông bị lọt vào ổ phục kích của địch; và đã anh dũng hy sinh sau khi chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Tên ông được đặt tên trường tiểu học và tên đường ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 16 đảng viên; nam: 04, nữ: 12; Chi uỷ: 03; nam: 00; nữ: 03. Ban giám hiệu: 02; nam: 00; nữ: 02. Công đoàn: 32 công đoàn viên; nam: 08; nữ: 24. Đoàn thanh niên: 04 đoàn viên; nam: 00; nữ: 04. Đội thiếu niên: 424 đội viên; nam: 233 ; nữ: 191.

Tổng số cán bộ, viên chức: 32; nam: 08; nữ: 24. Tổng số giáo viên: 26; nam: 07; nữ: 19. Cử nhân (đại học): 21; Cử nhân (cao đẳng): 4; Trung học sư phạm: 01. .

Tổng số học sinh: 701; nam: 346; nữ: 355. .

Tổng diện tích: 5.033,9 m2; diện tích sử dụng: 5.033,9 m2.

Trường có 01 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt, 01 tầng lầu; phòng làm việc: 2 ; phòng học: 19; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 02; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 02.

**15. Trường Tiểu học Thạnh Trị**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Thạnh Trị).

Địa chỉ: 204, đường Lê Văn Nghề, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733.989.345

Trang thông tin điện tử: http://ththanhtri.tiengiang.edu.vn/

Email: [c1thanhtrimytho.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c1thanhtrimytho.tiengiang@moet.edu.vn)

Trường được xây dựng năm 1958 với tên gọi là Trường Sơ Cấp Thạnh Trị. Năm 1961, trường đổi tên là Trường Tiểu học Thạnh Trị. Sau ngày 30-4-1975, là Trường Cấp I Thạnh Trị. Năm 1990, Trường đổi tên thành Trường Tiểu học Thạnh Trị. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính thời xưa: Xã Thạnh Trị,

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 13 đảng viên; nam: 05, nữ 08; Chi uỷ: 03, nam: 01, nữ: 02. Ban Giám hiệu: 02; nam: 01, nữ: 01. Công đoàn: 27 công đoàn viên; nam: 08, nữ: 19. Đội thiếu niên: 347 đội viên; nam: 181, nữ: 166.

Tổng số cán bộ, viên chức: 25, nam: 07, nữ: 18. Tổng số giáo viên: 21; nam: 06, nữ: 15. Thạc sĩ: 02 ; Cử nhân (đại học): 21 ; Cử nhân (cao đẳng): 02 .

Tổng số học sinh: 514; nam: 274, nữ: 243.

Tổng diện tích: 2.394,8m2; diện tích sử dụng: 1.968,3m2.

Trường có 03 dãy lầu, dãy 1, 3 có 2 tầng, dãy 2 có 3 tầng; phòng làm việc: 05; phòng học: 14; phòng máy tính: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 05.

**16. Trường Tiểu học Thiên Hộ Dương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Tước vị và tên danh nhân (Thiên hộ Dương).

Địa chỉ:

Cơ sở 1: 198B Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

* Cơ sở 2: 171B Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại:0273.3872614

Trang thông tin điện tử: [http://www.ththienhoduong.tiengiang.edu.vn](http://www.ththienhoduong.tiengiang.edu.vn/)

Email: [c1thienhoduongmytho.tiengiang@moet.edu.vn](file:///F:\2022-2023\BAO%20CAO\BAO%20CAO%20TONG%20KET\CUOI%20NAM%20HOC\20-21\c1thienhoduongmytho.tiengiang@moet.edu.vn)

Tiền thân của trường là Trường Tiểu học Tin Lành được thành lập năm 1967. Năm học 1975-1976, trường được đổi tên là Trường Cấp I, II Phường 5. Năm 1988, trường được tách ra thành Trường Cấp I Phường 5 và Trường Cấp II Phường 5. Năm 1989, Trường Cấp 1 Phường 5 được mang tên Trường Tiểu học Thiên Hộ Dương. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục, vinh dự được trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

# THIÊN HỘ DƯƠNG

**(1827 - 1866)**

Thiên hộ Dương tên thật là Võ Duy Dương, sinh năm 1827 tại thôn Cù Lâm Nam, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là thôn Nam Tương, xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định) trong một gia đình nông dân nghèo, cần cù; nhưng hiếu học.

Thưở thiếu thời, ông rất chăm học, có sức khỏe hơn người và tinh thông võ nghệ, được mọi người gọi là “Ngũ linh Dương”, bởi vì cùng một lúc, ông cử nổi năm quả tạ (người Bình Định gọi quả tạ là “linh”), mỗi quả nặng 60 cân ta. Trong khoảng năm 1857 - 1858, ông chiêu mộ dân nghèo vào khai hoang lập ấp ở vùng Ba Giồng thuộc tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang), góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội và ổn định đời sống dân cư ở khu vực này.

Tháng 02-1859, thực dân Pháp chiếm thành Gia Định. Trước cảnh nước mất nhà tan, ông đã cùng với Nguyễn Hữu Huân chiêu tập nghĩa sĩ, phất cờ khởi nghĩa, chống giặc ngoại xâm. Do có những thành tích xuất sắc trong chiến đấu, tháng 5-1859, ông được triều đình phong chức Chánh quản đạo.

Sau đó, ông trở về kinh đô Huế, dâng kế sách chống giặc Pháp lên nhà vua. Lúc bấy giờ, ở Quảng Ngãi có giặc Đá Vách nổi lên làm loạn; quan quân địa phương không tài nào trị được. Biết ông là người dũng trí toàn tài, nên vua Tự Đức giao cho ông nhiệm vụ đánh dẹp; và ông đã hoàn thành mỹ mãn trọng trách được giao phó. Năm 1860, để tưởng thưởng công lao, triều đình đã phong ông chức Chánh thất phẩm Thiên hộ. Tên gọi Thiên hộ Dương có từ đó.

Tháng 5-1861, ông trở lại Ba Giồng chỉ huy cuộc kháng chiến chống Pháp. Tại đây, ông đã chiêu mộ hơn 1000 quân nghĩa dũng, nên được triều đình phong chức Quản cơ vào tháng 9-1861, cùng lúc với Trương Định. Nhận thấy Ba Giồng là nơi đông dân, nhiều của; lại là cửa ngõ đi vào vùng đồng bằng sông Cửu Long; hơn nữa, nhân dân ở đây rất quyết tâm chống giặc; nên ông đã xây dựng nơi đây thành một trung tâm kháng chiến mạnh mẽ, tồn tại đồng thời với trung tâm kháng chiến Tân Hòa (Gò Công) của Trương Định.

Cuộc kháng chiến do ông lãnh đạo đã thu hút được mọi tầng lớp nhân dân tham gia: nông dân, dân binh đồn điền, quan lại, địa chủ, phú hào yêu nước,… Nghĩa quân hoạt động trên một địa bàn rất rộng: từ phía nam sông Vàm Cỏ Tây, dọc theo kênh Bảo Định và sông Tiền, đến tận Cai Lậy và Cái Bè. Đồng thời, ông còn thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với các lãnh tụ Trương Định ở Gò Công, Trần Xuân Hòa ở Cai Lậy, Bùi Quang Diệu ở Long An,… nhằm phối hợp trong chiến đấu.

Dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tiến hành những trận đánh dũng mãnh và thu được những thắng lợi vang dội, điển hình là trận tấn công đồn Bourdais (04-9-1861), trận Cái Thia (14-10-1861), trận Cai Lậy (15-10-1861), trận Kỳ Hôn (22-10-1861), trận Rạch Gầm (tháng 11- 1861),… Bên cạnh đó, nghĩa quân còn đẩy mạnh công tác diệt ác trừ gian, như ngày 17-10-1861, nghĩa quân đột nhập vào đồn Cai Lậy, diệt 1 tên đội; trong các ngày 22, 23, 24-11-1861, nghĩa quân len lõi vào vùng địch tạm chiếm, diệt các tên xã trưởng của các xã Mỹ Quý, Trung Lương, Tân Lý, Mỹ An,…

Trước tình hình đó, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp cuộc khởi nghĩa. Để bảo toàn lực lượng, cuối năm 1864, ông rút quân vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới, tiếp tục cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tại đây, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã thực hiện chiến thuật du kích, đánh vào các đồn nhỏ và những toán quân tuần tiểu của địch, khiến bọn chúng đối phó vô cùng vất vã. Đến giữa năm 1865, lực lượng được hồi phục, ông ra lệnh cho nghĩa quân đánh kỳ tập vào các vị trí quân sự trọng yếu của địch, gây cho quân Pháp những thiệt hại nặng nề, tiêu biểu là hai trận tấn công đồn Mỹ Trà vào tháng 7 và cuối năm 1865, trận Cái Nứa vào tháng 3-1866.

Lo sợ ảnh hưởng ngày càng tỏa rộng của nghĩa quân, tháng 4-1866, thực dân Pháp huy động 1.000 quân thiện chiến mở cuộc tấn công đại quy mô vào căn cứ Đồng Tháp Mười. Nghĩa quân đã anh dũng chống trả. Cuộc chiến đấu không cân sức diễn ra rất ác liệt. Do sức giặc quá mạnh, ông buộc phải rút quân lên vùng Đức Hòa (Long An) để liên minh với nghĩa quân Trương Quyền và nghĩa quân Campuchia do Pukombô lãnh đạo nhằm tiếp tục chống giặc Pháp xâm lược. Tháng 10-1866, Võ Duy Dương đi đường biển ra Bình Thuận nhằm vận động các tỉnh nam Trung kỳ giúp đỡ tiền bạc, lương thực, vũ khí cho các cuộc kháng chiến của nhân dân Nam kỳ. Nhưng không may, khi đến cửa biển Thần Mẫu (nay thuộc Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh), ông bị bọn cướp biển giết hại, để lại bao niềm thương tiếc cho nhân dân và nghĩa sĩ.

Để tưởng nhớ Võ Duy Dương, tại Gò Tháp (xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp), người dân đã lập đền thờ ông cùng với Phó tướng Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều). Đây là một trong những di tích nằm trong cụm Di tích quốc gia đặc biệt Gò Tháp (được công nhận năm 2012). Tại nơi ông sinh ra (xã Nhơn Tân, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định), năm [1997](https://vi.wikipedia.org/wiki/1997), dòng họ đã góp tiền xây dựng đền thờ và hàng năm tổ chức tế lễ. Năm 2007, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam trao tặng cho đền thờ Võ Duy Dương tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn một tượng đồng phác họa chân dung ông.

Tại đền thờ ông và  Nguyễn Tấn Kiều (Đốc binh Kiều) ở Gò Tháp có câu đối:

*Sử sách sáng chói danh Thiên Hộ*

*Bia miệng lưu truyền tiếng Đốc binh.*

Ở đây cũng còn lưu truyền câu [ca dao](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ca_dao):

*Chiều chiều mây giục gió vần*

*Cảm thương Thiên Hộ xả thân cứu đời!*

Ngày 14 tháng 11 âm lịch hàng năm là ngày giỗ chung hai ông. Tên ông được đặt tên trường trung học phổ thông và chợ ở huyện Cái Bè; tên trường tiểu học và tên đường ở TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, nhiều địa phương trên cả nước cũng có tên đường mang tên Võ Duy Dương hay Thiên hộ Dương.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 31 đảng viên; nam: 10, nữ: 21; Chi uỷ: 05; nam: 02; nữ: 03. Ban giám hiệu: 3; nam: 00; nữ: 03. Công đoàn: 157 công đoàn viên; nam: 31; nữ: 126. Đội thiếu niên: 1475; nam: 770; nữ: 705.

Tổng số cán bộ, viên chức: 87; nam: 20; nữ: 67. Tổng số giáo viên: 81; nam: 20; nữ: 61. Thạc sĩ: 02; Cử nhân (đại học): 72; Cử nhân (cao đẳng): 07.

Tổng số học sinh: 2.434; nam: 1.274; nữ: 1.160.

Tổng diện tích: 8.775 m2; diện tích sử dụng: 8.775 m2.

Trường có 3 dãy lầu 3 tầng (tính luôn tầng trệt), 3 dãy lầu 2 tầng (tính luôn tầng trệt), phòng làm việc: 6; phòng học: 53; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 00; phòng máy tính: 03; thư viện: 02; sân chơi: 02; khu thể thao: 02; khu vệ sinh: 10; nhà bếp: 01; nhà ăn: 01.

**17. Trường Tiểu học Thủ Khoa Huân**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Danh xưng đứng đầu khoa thi và tên danh nhân (Thủ khoa Huân).

Địa chỉ: 54, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733872621; 02733872627.

Trang thông tin điện tử: [http://thukhoahuan.tiengiang.edu.vn](http://thukhoahuan.tiengiang.edu.vn/)

Email: c[1thukhoahuanmytho.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:1thukhoahuanmytho.tiengiang@moet.edu.vn)

Tiền thân của trường là Trường Tỉnh được thành lập năm 1879. Năm 1926, trường được đổi tên thành Groupe Scolaire de Mitho. Năm 1946, trường có tên là École Primaire Complémentaire du Chef lieu. Năm 1955, trường tách ra hai: Trường Nam và Trường Nữ. Năm 1956, Trường Nữ được đổi tên thành Trường Tiểu học Trưng Vương. Năm 1963, trường được gọi là Trường Nữ tiểu học cộng đồng Mỹ Tho. Năm 1968, là Trường Nữ tiểu học Mỹ Tho. Sau ngày 30-4-1975, là Trường Phổ thông cơ sở Phường 4, bao gồm hai cấp học: Cấp I (từ lớp 1 đến lớp 5), Cấp II (từ lớp 6 đến lớp 9). Năm 1989, tách Cấp II để thành lập Trường Tiểu học Thủ Khoa Huân theo Quyết định số 1106/QĐ-UB ngày 04 tháng 10 năm 1989 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia. Trường vinh dự nhận được Cờ thi đua của Chính phủ; nhiều Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

#### THỦ KHOA HUÂN

**(1830 - 1875)**

Thủ khoa Huân tên thật là Nguyễn Hữu Huân, là, sinh năm 1830 tại thôn Lợi Thạnh, tổng Hưng Xương, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, trấn Định Tường (nay là ấp Hòa Quới, xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Thuở nhỏ, ông nổi tiếng hiếu học và học giỏi. Năm 1852, ông đỗ thủ khoa kỳ thi tại trường thi Hương Gia Định, nên được gọi là Thủ khoa Huân. Sau đó, ông ra làm quan, được bổ làm Giáo thọ phủ Kiến An.

Sau khi giặc Pháp hạ thành Gia Định (tháng 2-1859); giữa năm 1859, ông hợp lực với Võ Duy Dương chiêu mộ nghĩa dũng, phất cờ khởi nghĩa. Lúc bấy giờ, ông được triều đình phong chức Phó Quản đạo.

Tháng 7-1862, ông đến căn cứ Tân Hòa (Gò Công) bàn việc thống nhất lực lượng nghĩa quân với Trương Định nhằm nâng cao sức mạnh chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược. Tại đây, ông nhận chức Phó Đề đốc do vua Tự Đức ban cho.

Tháng 2-1863, sau khi căn cứ Tân Hòa thất thủ, ông về Chợ Gạo, xây dựng căn cứ Bình Cách (nay là xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang). Từ căn cứ này, dưới sự chỉ huy của ông, nghĩa quân đã tỏa ra đánh quân Pháp ở Mỹ Quý (nay thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang), Thuộc Nhiêu (nay thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang), Mỹ Tho, Chợ Gạo,…

Giữa năm 1863, giặc Pháp tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, khiến bọn chúng phải khó khăn lắm mới phá vỡ được căn cứ này. Để bảo toàn lực lượng, ông cho nghĩa quân rút qua Thuộc Nhiêu, tiếp tục cuộc chiến đấu. Nghĩa quân đã liên tiếp mở nhiều cuộc tấn công vào Cái Thia, Cái Bè, Cai Lậy, Rạch Gầm, Trung Lương, Tân Lý (nay thuộc tỉnh Tiền Giang),…

Cuối năm 1863, thực dân Pháp huy động lực lượng lớn tấn công Thuộc Nhiêu. Nghĩa quân phải rút vào Đồng Tháp Mười, xây dựng căn cứ mới. Theo sự phân công giữa ông với Võ Duy Dương; ông sang An Giang - nơi còn thuộc quyền kiểm soát của triều đình - để tuyển mộ nghĩa quân và vận động nhân dân, kể cả triều đình, ủng hộ, đóng góp tiền của, vũ khí, lương thực cho cuộc kháng chiến.

Thế nhưng, do áp lực của thực dân Pháp, tháng 7-1864, quan Tổng đốc An Giang là Phan Khắc Thận đã nhu nhược bắt ông giao nộp cho quân giặc. Một tháng sau, ông bị chính quyền thực dân kết án 10 năm tù, đày đi Cayenne,Trung Mỹ (có tài liệu viết ông bị đày ở đảo Réunion, đông nam châu Phi)

Tháng 2-1869, sau 5 năm bị giam trong ngục tù ở hải ngoại, ông được thả về nước và bị quản thúc tại nhà của Đỗ Hữu Phương ở Chợ Lớn. Tại đây, Đỗ Hữu Phương vâng lệnh quan thầy ra sức mua chuộc, dụ dỗ ông. Nhưng, ông vẫn một lòng một dạ trung thành với đất nước và nhân dân. Không những thế, ông còn tìm cách liên lạc với những người yêu nước và mưu tính phát động một cuộc khởi nghĩa mới.

Năm 1872, ông trốn thoát về Mỹ Tho, Chợ Gạo; cùng với Âu Dương Lân nổi lên khởi nghĩa với lực lượng nghĩa quân lên đến 3.000 người. Từ đây, phong trào chống Pháp do ông đứng đầu lan tỏa mạnh mẽ khắp vùng Mỹ Tho, Chợ Gạo, Cai Lậy, Tân An (nay thuộc tỉnh Long An), Chợ Lớn (nay thuộc TP Hồ Chí Minh),… Thủ lĩnh ở nhiều nơi cũng tham gia phong trào, như Nguyễn Văn Chất ở Vĩnh Long, Lê Công Thành, Phan Văn Đồng, Lâm Lễ ở Cần Thơ, Long Xuyên (nay thuộc tỉnh An Giang),… Một hệ thống chính quyền kháng chiến được xây dựng tại nhiều thôn xã, nhất là ở Mỹ Tho và Chợ Gạo.

Trước sự lớn mạnh của nghĩa quân, cuối năm 1874, thực dân Pháp huy động một lực lượng hùng hậu, từ nhiều hướng tấn công căn cứ Bình Cách. Nghĩa quân kháng cự vô cùng quyết liệt; nhưng do thế giặc quá mạnh, sau đó phải tan rã. Ông bị sa vào tay giặc. Bọn chúng giam ông ở nhà ngục Mỹ Tho; hết tra tấn dã man lại giở trò mua chuộc; nhưng vẫn không làm lung lay khí tiết của một đấng trượng phu anh hùng.

Tên Chánh tham biện Mỹ Tho là De Gailland chiêu hàng không thành, đã kết án và tử hình ông ngày 15-4 năm Ất Hợi (19-5-1875) tại chợ Tịnh Hà (nay thuộc xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo). Trước lúc hy sinh vì nghĩa lớn của dân tộc, ông vẫn lạc quan sáng tác một bài thơ tuyệt mạng, tỏ rõ ý chí kiên cường, bất khuất của mình:

*Hãn mã gian quan báo quốc cừu,*

*Chỉ nhân binh bãi trí thân hưu.*

*Anh hùng mạc bả doanh thâu luận,*

*Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.*

*Đản đắc tử kinh Hồ lỗ phách,*

*Bất cam sinh đoạn tướng quân đầu.*

*Đương kim Tho thủy ba lưu huyết,*

*Long đảo thu phong khởi mộ sầu.*

Nhà yêu nước Phan Bội Châu dịch:

*Ruổi rong gió ngựa báo thù chung,*

*Binh bãi cho nên mạng mới cùng.*

*Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,*

*Hơn thua sá kể với anh hùng.*

*Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ,*

*Quyết thác không hàng rạng núi sông.*

*Tho thủy ngày rày pha máu đỏ,*

*Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.*

Đồng thời, ông còn làm hai câu Liễn tuyệt mạng:

*Hữu chí nan thân, không uổng bách niên chiêu vật nghị,*

*Tuy công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân.*

Nhà nghiên cứu Cao Tự Thanh dịch:

*Việc lớn không thành, báo chúa cũng đành liều một chết,*

*Lòng ngay khó tỏ, miệng đời luống để luận trăm năm.*

Nghĩa nước tình dân, Nguyễn Hữu Huân đã trả xong khi ông vừa tròn 45 tuổi. Tấm gương sáng ngời của ông vẫn được lưu giữ mãi trong ký ức của nhân dân và của hồn thiêng sông núi; đúng như một câu ca dao ở địa phương đã ca ngợi:

*Một lòng đền nợ nước non,*

*Ngàn năm vẫn đỏ tim son anh hùng.*

Hiện nay, đền thờ và lăng mộ của ông đã được công nhận Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1987, tọa lạc tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Nơi ông thọ án chém tại chợ Tịnh Hà (xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo) cũng được xây bia tưởng niệm. Tượng đài của ông được tạc bằng đá hoa cương, tọa lạc tại công viên Lạc Hồng, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Cuộc đời và sự nghiệp của ông đã được khắc họa trên sân khấu qua vở cải lương “Trăng soi dòng Bảo Định” của Nghệ nhân ưu tú Huỳnh Anh. Tên Nguyễn Hữu Huân (hay Thủ khoa Huân) được đặt tên đường phố và trường học tại nhiều tỉnh thành trên cả nước.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 19 đảng viên; nam: 03, nữ: 16; Chi ủy: 05; nam: 01; nữ: 04. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 60 công đoàn viên; nam: 09; nữ: 51. Đoàn thanh niên: 08; nam: 00; nữ: 08; Đội thiếu niên: 802 đội viên; nam: 384; nữ: 418.

Tổng số cán bộ, viên chức: 58; nam: 08; nữ: 50. Tổng số giáo viên: 53; nam: 07; nữ: 46. Thạc sĩ: 01; Cử nhân (Đại học): 50 ; Cử nhân (Cao đẳng): 01; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 1267; nam: 618; nữ: 649.

Tổng diện tích: 4.827,5 m2; diện tích sử dụng: 4.827,5 m2.

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 4 tầng; phòng làm việc: 08; phòng học: 35; phòng máy tính: 02; phòng âm nhạc: 01; phòng mỹ thuật: 01; phòng ngoại ngữ: 91; phòng y tế: 01; thư viện: 01; sân chơi: 01; khu thể thao: 01; khu vệ sinh: 12; nhà bếp: 01; nhà ăn: 01.

**18. Trường Tiểu học Trung An**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học) + Địa danh hành chính (Xã Trung An).

Địa chỉ: Phạm Hùng, Ấp 1, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 0273 386 9010.

Trang thông tin điện tử: http://thtrungan.tiengiang.edu.vn

Email: c1trunganmytho.tiengiang@moet.edu.vn

Trường được thành lập năm 1986 với tên gọi là Trường Phổ thông cơ sở Trung An, gồm có 02 cấp học là trung học cơ sở và tiểu học. Năm 1990, tách trung học cơ sở ra còn lại cấp tiểu học, từ đó trường mang tên là Trường Tiểu học Trung An theo Quyết định số 448/QĐ-UB ngày 04 tháng 9 năm 1990 của ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Trung An.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 31 đảng viên; nam: 04, nữ: 27; Chi uỷ: 07; nam: 02; nữ: 05. Ban giám hiệu: 03; nam: 01; nữ: 02. Công đoàn: 80 công đoàn viên; nam: 18; nữ: 62. Đoàn thanh niên: 16 đoàn viên; nam: 02; nữ: 14; Đội thiếu niên: 1.126 đội viên; nam: 563; nữ: 563.

Tổng số cán bộ, viên chức: 80; nam: 18; nữ: 62. Tổng số giáo viên: 72; nam: 16; nữ: 56. Cử nhân (đại học): 64; Cử nhân (cao đẳng): 08; Trung học sư phạm: 06.

Tổng số học sinh: 1870; nam: 975; nữ: 895.

Tổng diện tích: 12.237,3 m2:

+ Cơ sở 1: 7.306,7 m2.

+ Cơ sở 2: 4.930,6 m2.

Mỗi cơ sở có 2 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 02 tầng lầu; phòng làm việc: 05; phòng học: 45; phòng máy tính: 02; phòng ngoại ngữ: 01; phòng đa chức năng: 02; phòng thư viện: 01; phòng thiết bị giáo dục: 01; phòng tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh hòa nhập: 01;phòng truyền thống: 01; phòng Đội thiếu niên: 01; phòng họp: 01; phòng y tế: 02; nhà kho: 02; nhà ăn: 01; nhà bếp: 02; khu vệ sinh: 09; sân chơi: 3.353 m2; khu thể thao: 958 m2.

**19. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Lê Văn Nghề**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Họ và tên danh nhân (Lê Văn Nghề).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733 899 291

Trang thông tin điện tử:thcsmyphong.tiengiang.edu.vn

Email: [c2myphongmytho.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c2myphongmytho.tiengiang@moet.edu.vn)

Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Mỹ Phong được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho trên cơ sở hợp nhất Trường Trung học cơ sở Mỹ Phong và Trường Tiểu học Mỹ Hòa. Năm 2019, trường được đổi tên thành Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Lê Văn Nghề. Trường đạt chuẩn Quốc gia và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Tiểu sử danh nhân được đặt tên trường:

**LÊ VĂN NGHỀ**

**(1946 – 1968)**

Lê Văn Nghề, bí danh Năm Lăng, sinh năm 1946 tại làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho (nay là xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang).

Vốn là một thợ may rất giỏi, năm 1963, khi mới 17 tuổi, ông giác ngộ cách mạng và lên Sài Gòn hoạt động. Tại đây, bằng vỏ bọc là thợ may của tiệm may Tiến Đạt Phương trên đường Trương Minh Giảng, Quận 3 (nay là đường Trần Quốc Thảo), ông là thanh viên của Đội võ trang tuyên truyền thuộc Khu Đoàn Sài Gòn - Gia Định.

Thuộc thành phần công nhân trong Đội võ trang tuyên truyền, ông được giao phụ trách xây dựng cơ sở, lực lượng trong giới học sinh, nhất là các trường trung học, để tuyên truyền cách mạng. Ông đã tham gia nhiều trận đánh diệt ác ôn và nhiều cuộc tuyên truyền, phô trương thanh thế cách mạng ngay giữa trung tâm Sài Gòn. Có thể nói, ông chính là một trong những người “phát quang, dọn đường” để học sinh Sài Gòn giác ngộ cách mạng, tạo tiền đề cho những cuộc đấu tranh, xuống đường rực lửa chống Mỹ và xhi1nh quyền Sài Gòn. Cũng từ đây, ông đã giới thiệu và xây dựng nhiều cá nhân xuất sắc cho tổ chức.

Những trận đánh và những cuộc tuyên truyền của ông được thực hiện trong điều kiện vũ khí và phương tiện hỗ trợ hết sức khó khăn. Chỉ có súng Colt 45, di chuyển bằng xe đạp và không có nhiều sự yểm trợ của đồng đội. Điều đặc biệt hơn, những trận đánh đó đều diễn ra một cách công khai giữa nội đô Sài Gòn, ngay trước mắt quân thù. Đây chính là điểm mấu chốt khiến các trận đánh và tuyên truyền này gây được tiếng vang lớn, nâng cao thanh thế của cách mạng, góp phần thúc đẩy phong trào học sinh và quần chúng ủng hộ cách mạng ở Sài Gòn.

Từ năm 1964 đến năm 1968, ông đã thực hiện nhiều trận đánh và những cuộc tuyên truyền, phô trương thanh thế cách mạng ngay giữa nội đô, làm nức lòng quần chúng, khiến địch phải hoảng vía. Trong thời gian này, ông đã trực tiếp thực hiện bốn trận đánh, diệt bốn tên mật vụ, ác ôn vốn những kẻ đã chỉ điểm, phá hoại phong trào học sinh. Những trận đánh này không chỉ làm các tên ác ôn hoảng sợ mà còn cất lên tiếng nói mạnh mẽ của phong trào trong những buổi đầu tiên. Học sinh Sài Gòn bị bớt thế kềm kẹp và được tiếp thêm động lực rất lớn để đấu tranh.

Dấu ấn lớn trong thời gian hoạt động cách mạng của ông là đã thực hiện nhiều cuộc tuyên truyền, phô trương khí thế của các mạng trong học sinh và quần chúng. Được giao nhiệm vụ phụ trách địa bàn Tân Định, cùng với các đồng chí của mình, ông đã thực hiện những cuộc tuyên truyền tại rất nhiều trường trung học tư thục như Tân Thạnh, Việt Nam Học Đường, Huỳnh Khương Ninh, Huỳnh Thị Ngà, Văn Hiến,… Bằng phương thức vào trực tiếp các trường trong giờ dạy và học, ông và các đồng đội đã bình tĩnh, mưu trí thực hiện những cuộc tuyên truyền, vận động học sinh ủng hộ, tham gia cách mạng, thậm chí bày cả phương pháp tháo lắp súng ngay tại lớp học cho học sinh mà địch không kịp trở tay.

Không chỉ tại trường học, ông còn tham gia tuyên truyền tại nhiều khu dân cư giữa nội thành. Một trong những lần tiêu biểu nhất là bất ngờ có mặt ở khu vực Cống Bà Xếp (khu vực đường Nguyễn Thông ngày nay) tuyên truyền về cách mạng và bắt cả hai tên cảnh sát khi chúng có mặt ở đây.

Những lần tuyên truyền công khai đó đã làm cho hình ảnh cách mạng đi sâu vào lòng học sinh Sài Gòn. Từ chỗ còn ít nhiều hồ nghi vì luận điệu xuyên tạc của địch, học sinh Sài Gòn đã đặt niềm tin lớn vào cách mạng, nhiều bộ phận học sinh từ đó đã theo cách mạng, bổ sung một lực lượng đáng kể vào cuộc đấu tranh của dân tộc. Những đợt tuyên truyền này đã làm cho địch cay cú nhưng rất hoang mang và không kiểm soát nổi tinh thần đấu tranh của phong trào học sinh nói riêng và người dân Sài Gòn nói chung.

Vai trò “dọn đường, phát quang”, diệt ác, phá kềm cho phong trào học sinh Sài Gòn giai đoạn 1963 - 1968 của ông là cực kỳ to lớn. Với những năm tháng hoạt động này đồng chí đã mưu trí, dũng cảm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ gầy dựng cơ sở cách mạng, đưa ý chí cách mạng đi sâu vào một bộ phận học sinh và quần chúng Sài Gòn, phô trương thanh thế cách mạng và làm địch lung lạc tinh thần của địch. Đây chính là tiền đề để phong trào học sinh Sài Gòn lớn mạnh, góp công sức vào cuộc đấu tranh chống Mỹ - Ngụy của cả dân tộc.

Tháng 5 - 1968, trong đợt 2 của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, ông đã hy sinh anh dũng khi bị địch bao vây. Trận đánh đó ông đã dùng hỏa lực cản lực lượng của địch để hai đồng đội là Mười Thu (Nguyễn Thị Cúc) và Tư Yển (Võ Anh Khanh) rút lui an toàn.

Ngày 27-4-2012, ông được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt tên đường và tên trường tiểu học - trung học cơ sở ở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2013, Chi bộ nhà trường có 21 đảng viên; nam: 09, nữ: 12; Chi uỷ: 05; nam: 04; nữ: 01. Ban giám hiệu: 03; nam: 02; nữ: 01. Công đoàn: 56 công đoàn viên; nam: 22; nữ: 34. Đoàn thanh niên: 33 đoàn viên; nam: 15; nữ: 18; Đội thiếu niên: 793 đội viên; nam: 412 ; nữ: 381.

Tổng số cán bộ, viên chức: 52; nam: 20 nữ: 32. Tổng số giáo viên: 46; nam: 17; nữ: 29. Cử nhân (đại học): 44; Cử nhân (cao đẳng): 07; Trung học sư phạm: 01.

Tổng số học sinh: 920 ; nam: 470 ; nữ: 450.

Tổng diện tích: 7.410 m2; diện tích sử dụng: 7.410 m2

Trường có 03 dãy lầu, mỗi dãy có 01 tầng trệt và 01 tầng lầu; phòng làm việc: 06; phòng học: 34; phòng thí nghiệm: 00; phòng nghe nhìn: 01; phòng máy tính: 03; thư viện: 01; sân chơi: 02 ; khu thể thao: 00 ; khu vệ sinh: 06; nhà đa năng: 01.

**20. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Thới Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Trường) + Cấp học (Tiểu học - Trung học cơ sở) + Địa danh hành chính (Xã Thới Sơn).

Địa chỉ: Ấp Thới Bình, xã Thới Sơn, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Số điện thoại: 02733895307

Trang thông tin điện tử: http://thcsthoison.tiengiang.edu.vn/

Email: [c2thoisonmt.tiengiang@moet.edu.vn](mailto:c2thoisonmt.tiengiang@moet.edu.vn)

Trường được thành lập theo Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Mỹ Tho trên cơ sở hợp nhất Trường Tiểu học Thới sơn và Trường Trung học cơ sở Thới Sơn.

Tên trường được đặt theo tên đơn vị hành chính: Xã Thới Sơn.

Năm 2023, Chi bộ nhà trường có 27 đảng viên; nam 16, nữ 11: Chi ủy: 05; nam: 04, nữ: 01. Ban giám hiệu: 03, nam: 02, nữ: 01. Công đoàn: 42 công đoàn viên, nam: 25, nữ: 17. Đoàn thanh niên: 24 đoàn viên, nam: 13 , nữ: 11. Đội thiếu niên: 464 đội viên, nam: 240, nữ: 224.

Tổng số cán bộ viên chức: 42, nam: 25, nữ: 17. Tổng số giáo viên: 36, nam: 23, nữ: 13. Cử nhân (đại học): 34, Cử nhân (cao đẳng): 02, Trung cấp: 06.

Tổng số học sinh: 626; nam: 331, nữ: 295.

Tổng diện tích đất: 8.602,3m2; diện tích sử dụng: 8.602,3m2.

Cơ sở vật chất:

+ Cơ sở 1 (Trung học cơ sở) Lầu: 02 dãy, dãy 1: có 1 trệt 2 lầu, dãy 2: có 1 trệt 1 lầu, phòng làm việc: 09, phòng học: 08 phòng, phòng thí nghiệm: 04, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 02.

+ Cơ sở 2 (Tiểu học) Lầu: 02 dãy, mỗi dãy có 1 trệt 2 lầu, phòng làm việc: 06, phòng học: 15 phòng, phòng thí nghiệm: 01, phòng nghe nhìn: 01, phòng máy tính: 01, thư viện: 01, sân chơi: 01, khu thể thao: 01, khu vệ sinh: 02.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh Kinh/Kênh:**

**Khái niệm**

Kinh/Kênh là dòng dẫn nước do con người tạo ra, nhằm vào nhiều mục đích, trong đó có hai mục đích chính là thủy lợi và giao thông thủy.

**1. Kinh/Kênh Bảo Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Địa danh Hán Việt (Bảo: : gánh vác, giữ gìn; Định: : Yên ổn).



Đây là con kênh được đào đầu tiên ở Nam bộ. Trước khi có con kênh này, tại đây đã có rạch Vũng Cù ở về phía đông bắc, chảy từ sông Vàm Cỏ Tây đến quán Thị Cai (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An); và rạch Mỹ Tho ở về phía nam, chảy từ chợ Lương Phú (nay thuộc xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) ra sông Tiền. Khoảng giữa bắc – nam, tức là từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú là ruộng vườn liên tiếp.

Năm 1705, vâng lệnh Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, Chính thống Vân trường hầu Nguyễn Cửu Vân đem quân đánh dẹp quân Cao Miên ở khu vực này khi bọn chúng xâm phạm biên cảnh. Để đề phòng quân giặc tập kích, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một phòng tuyến kéo dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú. Bên ngoài phòng tuyến, ông cho đào một con mương hào nối liền rạch Vũng Cù và rạch Mỹ Tho. Sau đó, nhân đường nước đã lưu thông, người ta đào sâu thêm, thành ra đường kênh, ghe thuyền đi lại được. Lúc bấy giờ, để tiện cho việc nhắm hướng đào mở, người ta có dựng một cái thang cao, tục gọi là thang trông; và về sau trở thành địa danh: chợ Thang Trông ở xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Về việc này, sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức ghi chép như sau: “*Thuở xưa, phía đông bắc từ sông nhỏ Vũng Cù chảy đến quán Thị Cai là hết, phía tây từ sông nhỏ Mỹ Tho cũng xuống đông đến chợ Lương Phú là hết, khoảng giữa thì ruộng đất liên tiếp từ nam đến bắc. Năm Ất dậu* (1705), *đời vua Hiển tông Hiếu minh hoàng đế thứ 15* (tứcQuốc chúa Nguyễn Phúc Chu)*, sai Chính thống Vân trường hầu qua đánh Cao Miên. Quân địch thường ra chỗ này quấy nhiễu quân ta. Sau Vân trường hầu bèn đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú, đào hai đầu tận cửa sông Vũng Cù và sông Mỹ Tho dẫn nước chảy đến làm hào mương ngồi lũy để củng cố cuộc phòng ngự. Sau nhân đường nước đã lưu thông, lại đào sâu thêm thành ra đường kinh đi ghe thuyền được*”.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* của Sử quán triều Nguyễn cũng ghi tương tự: “*Năm Ất Dậu* (1705*), đời Hiển tông, Chánh thống suất Nguyễn Cửu Vân đem quân đi đánh Cao Miên, cho đắp lũy dài từ quán Thị Cai đến chợ Lương Phú ở chỗ tận cùng hai đầu nguồn rạch Vũng Cù và Mỹ Tho, lấy nước làm hào vòng quanh lũy, để việc phòng thủ được vững vàng; sau đó, nhân đường nước lưu thông, đào sâu mãi xuống thành ra đường kinh thuận tiện cho thuyền bè*”.

Do đoạn kênh tại Thang Trông có giáp nước, nên kênh thường bị bùn lầy làm cho nông cạn. Vì thế, năm 1819, vua Gia Long ra lệnh cho các viên quan đứng đầu thành Gia Định và trấn Định Tường huy động dân phu nạo vét và mở rộng kênh từ Thang Trông đến Húc Đồng (Hóc Đùn) – bến Mỹ Tho dài 40 dặm rưỡi (khoảng 14 km).

Sự việc này được sách *Gia Định thành thông chí* viết như sau: “... *đường sông từ đông đến tây xa cách, nên đến chỗ Vọng Thê (tục gọi là Thang Trông, là chỗ khi đầu dựng cái thang cao để đứng nhắm địa thế đào mở, nhân đó gọi thành địa danh) nước thủy triều giao hội làm chỗ giáp nước, thế nước lênh đênh, khi lên, khi xuống, chảy mạnh, lại nhiều chỗ quanh quẹo hẹp nhỏ, vậy nên bùn cỏ tích tụ, càng ngày càng bị cạn lấp, thuyền lớn đi đến đây phải đợi nước lên cho đầy thì mới đi được. Năm Kỷ mão niên hiệu Gia Long thứ 18* (1819)*, vua xuống chỉ dụ sai đo thẳng từ chỗ Thang Trông đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn, nay thuộc xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), *sai Trấn thủ Định Tường là Bửu thiện hầu Nguyễn Văn Phong đem dân phu trong trấn thay phiên đào mở*”.

Bia *Phụng khai tân cảng ký* (còn gọi là Bia đào kênh Bảo Định), do vua Gia Long cho dựng năm 1819 tại Thang Trông, ghi : “*Đường sông này vốn có nhiều khúc quanh co, nhiều chỗ sâu cạn, nên ghe thuyền các loại khó đi lại*”.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: “*Về phía đông nam, đường nước khá dài; cho nên khi chảy đến địa phận Vọng Thê* (tức Thang Trông) *thì hợp với nước thủy triều; đây là chỗ hai ngọn nước giao nhau nên gọi là Giao đầu thủy. Sở dĩ gọi là Vọng Thê là vì lúc mới bắt đầu đào sông, người ta phải trèo lên thang nhìn nhận những chỗ cần phải đo đạc kinh dinh, tục gọi là Thang Trông. Tuy thế, sông này nhiều chỗ quanh co nhỏ hẹp, mỗi ngày một nông cạn dần, nên năm Gia Long thứ 18* (1819) *sai Trấn thủ Định Tường là Nguyễn Văn Phong bắt hơn 9.000 dân phu đào từ Vọng Thê* (tức Thang Trông) *đến Húc Đồng* (tức Hóc Đùn), *cũng có chỗ đào kinh mới cho liên lạc với sông*”.

Đây là công trình lớn, nên có đến 3 vị quan cao cấp của Gia Định thành và 2 vị quan đứng đầu của trấn Định Tường cùng tham gia chỉ huy, gồm :

- Gia Định thành Phó Tổng trấn - Thị trung Tả Thống chế Lý văn hầu Huỳnh Công Lý. Viên quan này có trách nhiệm chỉ huy toàn bộ công trình.

- Hiệp Tổng trấn, Lại bộ Thượng thư An toàn hầu Trịnh Hoài Đức.

- Tổng đốc Chưởng tiền quân - Bình Tây tướng quân - Đức quận công Nguyễn Huỳnh Đức.

- Trấn thủ Định Tường - Bửu Thiện hầu Nguyễn Văn Phong. Vị này có nhiệm vụ chỉ huy dân phu tại công trình.

- Chưởng cơ Lãnh binh - Nhiệm tín hầu (chưa rõ họ, tên). Vị này có nhiệm vụ huy động dân phu.

Về số lượng dân phu, sách *Gia Định* *thành thông chí* cho biết có 9.679 người; sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi có hơn 9.000 người; trong khi đó, bia *Phụng khai tân cảng ký* ghi chỉ có 3.225 người. Thực ra, ghi chép của các tài liệu đó không mâu thuẫn nhau. Sách *Gia Định thành thông chí* cho biết: “... *đem 9.679 dân phu chia làm 3 phiên, thay nhau đào mở*”. Như vậy, con số 3.225 dân phu được ghi trong bia *Phụng khai tân cảng ký* là số lượng dân phu của một phiên trong ba phiên đào mở của toàn bộ 9.679 dân phu mà *Gia Định thành thông chí* đã ghi chép. Dân phu tại công trình, theo sách *Gia Định thành thông chí*, mỗi người được cấp tiền và gạo; bia *Phụng khai tân cảng ký* cho biết cụ thể hơn: mỗi người được chính quyền địa phương cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo.

Công việc chính của dân phu là nạo vét, mở rộng tuyến kênh đã có và đào sửa cho thẳng những đoạn kênh khúc khuỷu. Sách *Gia Định thành thông chí* chép: “*hoặc nhân theo đường sông cũ uốn nắn mà đào sâu rộng thêm; hoặc mở kênh mới để cho liên lạc*”; bia *Phụng khai tân cảng ký* cũng ghi tương tự: “*hoặc đào thẳng qua ruộng bằng phẳng, hoặc sửa những chỗ nông sâu*”.

Công trình cải tạo kênh được tiến hành trong khoảng 3 tháng; khởi công ngày 28 tháng Giêng năm Kỷ Mão (23–2–1819); kết thúc theo ghi chép của *Gia Định thành thông chí* là ngày 4 tháng 4 nhuận năm Kỹ Mão (28–5–1819); theo ghi chép của bia *Phụng khai tân cảng ký* là ngày 10 tháng 4 nhuận năm Kỷ Mão (3–6–1819).

Sau khi công trình đã được hoàn thành mỹ mãn, vua Gia Long cho tạc sự kiện này vào bia đá dựng tại Thang Trông để “*truyền mãi về sau*”; và đặt tên cho kênh là Bảo Định. Lúc này, kênh có bề ngang 15 tầm (khoảng 32 mét), sâu 9 thước (khoảng 4 mét), hai bên bờ kênh có đường quan lộ được đắp bằng đất, rộng 6 tầm (khoảng 13 mét). Ngay khi ấy, Trịnh Hoài Đức có sáng tác bài thơ nói về tác dụng của kênh Bảo Định và cuộc sống sung túc của người dân ở dọc theo tuyến kênh:

*TÂN KINH THẦN MỤC*

*Lạc nguyệt đề ô náo cửu cai,*

*Tân kinh mục tử[[46]](#footnote-46)* *trục tương lai.*

*Địch xuy lô quản xâm yên tố,*

*Ngưu đạp vân căn[[47]](#footnote-47) nhập thủy ôi.*

*Thảo dụ bình điền hồ khả lạp,*

*Tang âm lục dã lộ kham môi.*

*Phong niên tiếu ngạo Hy Hoàng[[48]](#footnote-48)* *thế,*

*Túy ngọa hoa tùng bất thoát soa.*

Bản dịch thơ của Hoài Anh:

*SỚM CHĂN TRÂU Ở TÂN KINH*

*Trăng lặn quạ kêu rộn khoảng không,*

*Tân kinh mục tử ruỗi trên đồng.*

*Sáo bằng ống sậy vút trời thẳm,*

*Trâu dẫm đá chìm tới khuỷu sông.*

*Cỏ tốt bãi bằng, săn cáo tiện,*

*Dâu xanh bóng mát họp cò đông.*

*Được mùa ngạo thuở Hy Hoàng nhé,*

*Để áo, nằm say cạnh khóm hồng*

Dưới thời Thiệu Trị (1841 – 1847), kênh Bảo Định được đổi tên là An Định; rồi Trí Tường.

Kênh Bảo Định, ngoài việc nối với sông Vàm Cỏ Tây ở phía bắc và sông Mỹ Tho ở phía nam; còn thông lưu với 19 con rạch tự nhiên ở phía tây và phía đông, tạo nên một hệ thống kinh rạch tương đối dày đặc. Do đó, ngoài tác dụng về an ninh – quốc phòng, kênh Bảo Định còn có giá trị to lớn về khai hoang, thủy lợi và giao thông thủy đối với vùng đất mới phương Nam. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược của Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu và vua Gia Long trong việc khai đào và mở rộng con kênh được xem là đầu tiên ở Nam bộ.

Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm, kênh Bảo Định gắn liền với chiến công cùa quân dân ta vào năm 1861. Lúc bấy giờ, Định Tường là một tỉnh đông dân, nhiều của; lại là “cửa ngõ” của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cho nên, thực dân Pháp sau khi hạ đại đồn Chí Hoà ở Gia Định (2-1861) đã tính đến việc tiến đánh Định Tường, mà mục tiêu đầu tiên là thành Mỹ Tho.

Ngày 17-3-1861, tàu chiến Pháp đánh chiếm Vũng Gù (nay thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An) và cửa Tiểu (Gò Công) nhằm thực thi kế hoạch tấn công thành Mỹ Tho từ hai hướng: hướng thứ nhất, theo đường kênh Bảo Định

Riêng tại mặt trận kênh Bảo Định, từ Vũng Gù đến Mỹ Tho, quân dân Định Tường đã đắp 9 cản hàn sông và xây dựng 5 đồn quân kiên cố nhằm đối phó với quân địch[[49]](#footnote-49).

Ngày 5-4-1861, liên quân Pháp - Tây Ban Nha với 1 chiến thuyền lớn và 5 pháo hạm được trang bị nhiều đại bác bắt đầu tiến vào kênh Bảo Định. Trên đường hành tiến, quân giặc đã bị quân dân Định Tường chận đánh liên tục. Mãi đến chiều ngày 09-4-1861, mặc dù phải chịu nhiều tổn thất, nhưng với phương tiện chiến tranh và vũ khí vượt trội, đoàn tàu chiến của địch mới tiến đến được một địa điểm ở gần Mỹ Tho.

Trong buổi sáng ngày 10-4-1861, thực hiện mệnh lệnh của viên chỉ huy liên quân là đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo), đại úy pháo binh Sốp-phô (Chauffaut) chỉ huy một toán quân gồm bộ binh Tây Ban Nha, 01 đại đội bộ binh và 01 đại đội thủy quân lục chiến người Pháp, làm nhiệm vụ trinh sát thực địa, chuẩn bị cho việc tấn công thành Mỹ Tho. Toán quân này đi dọc theo bờ hữu ngạn kênh Bảo Định hướng vào trung tâm Mỹ Tho. Trên đường đi, quân giặc bị một quả đạn súng thần công do quân ta bắn rơi vào đội hình. Quả đạn, tuy không làm ai bị thiệt mạng hay bị thương; nhưng đã khiến cho bọn chúng hết sức hoang mang, hỗn loạn, vì không biết rõ đích xác quả đạn từ đâu bắn tới. Trước sự việc đó, quân giặc phải bỏ dỡ cuộc hành quân trinh sát, quay trở về, rút xuống tàu chiến và các pháo hạm đang neo đậu ở giữa dòng kênh Bảo Định.

Đến 15 giờ cùng ngày, mặc dù chưa rõ tình hình bố phòng của quân ta, nhưng với bản chất hung hăng, kiêu ngạo, xem thường đối phương của một tên sĩ quan thực dân, đại tá thủy quân lục chiến Đuy-ki-lô (Duquilo) ra lệnh cho trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) chỉ huy 03 đại đội bộ binh, thủy quân lục chiến với 300 binh lính và 4 pháo hạm mang số hiệu 16, 18, 22, 31, trong đó pháo hạm số 18 là pháo hạm chỉ huy, nhổ neo, xuôi dòng Bảo Định, tiến về thành Mỹ Tho.

Đoàn pháo hạm của địch tiến đến Bến Chùa[[50]](#footnote-50) gần Trung Lương[[51]](#footnote-51) thì xảy ra trận đấu súng quyết liệt giữa súng thần công của quân ta và đại bác của quân địch. Khi phát hiện đồn của quân ta, các pháo hạm của quân Pháp bắt đầu khai hỏa. Lập tức, quân ta bắn trả rất mãnh liệt. Chiếc pháo hạm chỉ huy số 18 bị bắn trúng ba quả đạn thần công, trong đó có 01 quả đạn đã khiến cho trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) chết ngay tại chỗ. Đây là một tổn thất lớn đối với liên quân Pháp - Tây Ban Nha. Bọn binh lính xâm lược ngày càng hoang mang, dao động.

Dòng kinh/kênh Bảo Định vốn hiền hòa nhưng đã nổi sóng căm hờn trước sự xâm lược của quân Pháp, tạo nên một chiến công oanh liệt của quân dân Định Tường trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trung tá hải quân Buộc-đe (Bourdais) đã phải đền tội trên dòng Bảo Định lịch sử. Đây là viên sĩ quan thực dân đầu tiên bị chết trận trong quá trình xâm lược nước ta của thực dân Pháp. Lịch sử Việt Nam ghi nhận chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 1 năm 1873 với cái chết của đại úy Phơ-răng-xi Gạc-ni-ê (Francis Garnier), chiến thắng Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ 2 năm 1883 với cái chết của tên thiếu tá hải quân Hăng-ri Ri-vi-e (Henri Rivière) thì chiến công của quân dân Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang) năm 1861 trên dòng Bảo Định sống mãi với non sông gấm vóc Việt Nam.

Dưới thời thuộc Pháp, năm 1867, giới cầm quyền Pháp ở Mỹ Tho đã sử dụng xáng múc (tàu cuốc) để nạo vét kênh Bảo Định. Lúc bấy giờ, chiếc xáng múc to như một chiến hạm, hoạt động bằng máy hơi nước, có công suất khoảng vài trăm mã lực, xúc đất bằng những chiếc gàu sắt đặt liền nhau theo hình đường tròn như kiểu guồng đạp nước, có khả năng đào sâu khoảng 5 – 6 mét. Sau khi công việc hoàn tất, kênh có chiều dài 28 km, nối liền hai tỉnh lỵ Tân An và Mỹ Tho. *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* cho biết: “*Con kênh này được ghe thuyền của người bản xứ xuôi ngược tấp nập*”.

Trước khi có kênh Chợ Gạo (1877), ngoài tác dụng thuỷ lợi, kênh Bảo Định là thuỷ lộ quan trọng để vận chuyển nông sản, hàng hóa, văn thư… từ Sài Gòn đi Đồng bằng sông Cửu Long và ngược lại, nên chính quyền thực dân Pháp mới đặt tên là kênh Bưu Điện (Arroyo de la Poste).

Năm 1974, cống Tân An đã được xây tại đầu phía Bắc của kênh (gần thành phố Tân An) nhằm ngăn nước mặn từ sông Vàm Cỏ Tây xâm nhập vào ruộng, vườn. Năm 2004, cống Bảo Định với chức năng tương tự cũng đã được xây ở đoạn kênh phía Nam trên Quốc lộ 50 tại xã Đạo Thạnh (TP Mỹ Tho). Vào mùa nước mặn hai cống ở phía bắc và phía nam đóng cửa, vai trò giao thông thủy của kênh hiện nay không như trước đây.

Kênh Bảo Định có thể nói là một phần không thể thiếu được của thành phố Mỹ Tho. Nhà thơ Xuân Diệu đã viết về điều này như sau:

*Mỹ Tho bóng mát đường cây,*

*Nước sông Bảo Định dồn mây với thuyền.*

*Cầu Quay phố xá đôi bên,*

*Ta không buôn bán, chỉ ghiền văn thơ.*

*Gió sông mát rượi hồn thanh,*

*Con đò Rạch Miễu chạy quanh đảo Rồng.*

Kinh/Kênh chảy xuyên qua các Phường 1, 2, 3, 7, 10, xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho; các xã Long An, Thân Cửu Nghĩa thuộc huyện Châu Thành; các xã Lương Hòa Lạc, Mỹ Tịnh An, Hòa Tịnh, Trung Hòa thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với sông Tiền tại Phường 1, thành phố Mỹ Tho, điểm cuối nối với rạch Bà Lý, xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, dài 19,8 km, bề ngang từ 40 - 60 m, sâu 4 m, diện tích phục vụ 10.300 ha.

**2. Kinh/Kênh Lộ Ngang**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: : Đường) + Vị trí (Ngang).



Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho; các xã Thanh Bình, Tân Bình Thạnh thuộc huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với rạch Gò Cát, điểm cuối nối với rạch Bà Lý, dài 11,8 km, bề ngang 11 - 13 m, sâu 1,5 - 2,0 m, diện tích phục vụ 825 ha.

**3. Kinh/Kênh Lộ Xoài**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Kinh/Kênh) + Công trình xây dựng mang yếu tố Hán Việt (Lộ: : Đường) + Thực vật (Xoài).



Kinh/Kênh chảy xuyên qua xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, xã Song Bình, huyện Chợ Gạo; điểm đầu nối với Vàm Kỳ Hôn, điểm cuối nối với rạch Gò Cát, dài 3,1 km, bề ngang 11 m, sâu 1 m, diện tích phục vụ 220 ha.

**Nghiên cứu địa danh tín ngưỡng, tôn giáo:**

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Đình:**

**Khái niệm Đình** (chữ Hán: 亭): là công trình trong tổng thể kiến trúc làng Việt Nam.

Đình Số thứ tự làng là nơi thờ Thành hoàng làng (là người thành lập làng hay có công với làng), đồng thời là nơi hội họp, bàn việc của dân làng. Đình được coi là trung tâm sinh hoạt văn hóa gắn bó với một cộng đồng cư dân và mang đặc trưng của nền văn minh lúa nước Việt Nam.

**1. Đình An Đức Đông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn An Đức Đông).

Đình An Đức Đông tọa lạc tại Ấp 1, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho.

Đình được xây dựng vào giữa thế kỷ XIX. Do là căn cứ cách mạng, đình bị quân Pháp và quân đội Sài Gòn đốt phá nhiều lần. Vì vậy, nhân dân địa phương góp công sức, tiền của tiến hành tu sửa nhỏ để có nơi cúng kiếng, thờ phụng. Năm 2007, đình được trùng tu với quy mô lớn nên khá khang trang. Đình có tổng diện tích 1.500 m², diện tích xây dựng 420 m².

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền, hậu hiền.

Đình được xây dựng theo kiểu chữ tam (≡), gồm ba phần: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Vỏ ca là ngôi nhà xây dựng theo kiểu tứ trụ, mái hình bánh ú lợp Fibrô xi măng. Vỏ quy là ngôi nhà nối liền vỏ ca và chánh điện, cột bê tông mái lợp Fibrô xi măng. Qua vỏ quy là chánh điện được xây dựng theo kiểu tứ trụ, mái bánh ú lợp Fibrô xi măng. Trên 4 cột cái của chánh điện đắp nổi 4 con rồng bằng xi măng.

**Hằng năm, đình có 2 lễ cúng:** Hạ điền ngày 15,16 tháng 2 âm lịch; Thượng điền ngày 15,16 tháng 12 âm lịch.

Đình An Đức Đông được UNND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn há cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009.

**2. Đình Điều Hòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Điều Hòa).

Đình Điều Hòa tọa lạc tại số 101, đường Trịnh Hoài Đức, Phường 2, thành phố Mỹ Tho.

Đình được xây dựng cuối thế kỷ 18. Lúc bấy giờ, đình tọa lạc gần bờ sông Tiền. Năm 1904, do ảnh hưởng của cơn bão Giáp Thìn, đình bị xuống cấp nặng nề. Trước tình trạng đó, các hương chức cùng với nhân dân làng Điều Hòa thống nhất dời đình đến gần miếu thờ Thần Nông nằm trên khu ruộng tịch điền. Năm 1913, đình được di dời về chỗ mới và giữ nguyên cho đến ngày nay. Năm 1967, đình được trùng tu, xây nhà khách, nhà khói và cổng tam quan. Năm 2005, đình được tu bổ mái ngói. Thời gian sau này thường xuyên được sửa chữa, tu bổ và bảo quản tốt nên đình rất khang trang.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị thần linh do nhân dân tín ngưỡng, những người có công lập ra thôn Điều Hòa như Tiền hiền cẩm địa Nguyễn Văn Kiên, Tiền hiền khai khẩn Nguyễn Văn Trước và Trương Văn Ân,....

Đình được xây dựng theo lối chữ “Tam” (≡), gồm có vỏ ca, vỏ quy và chánh điện. Ngoài ra, đình còn có nhà khách, nhà khói. Đình có tổng diện tích 1.605,98 m²; diện tích xây dựng 750 m².

Hiện trong đình còn lưu giữ, bảo quản các sưu tập lư, đỉnh đồng, binh khí thờ và nhiều cổ vật gốm sứ của Trung Quốc thế kỷ 19. Vào trong chánh điện, gian giữa với các bộ bao lam thếp vàng *“Long Phụng tranh châu”*, *“Bát tiên cỡi thú”*; phía trên bao lam là những khuôn chạm tứ quý, tứ linh, mai điểu, tùng lộc, liên áp (vịt - sen) và trên cùng là tấm hoành phi được sơn son thếp vàng rực rỡ và chạm Tứ linh. Trên hai cột là đôi liễn chạm hai lớp câu đối có nội dung:

*Miếu mạo nguy nga tân cựu tôn ty triêm thánh đức*

*Oai linh hách diệu sỹ nông công mãi mộc thần ân*.

Trên hai hàng cột hai bên chánh điện trang trí hoành phi, bao lam chạm trổ sơn son thếp vàng với họa tiết trang trí tứ quý, tứ linh, mai lan cúc trúc, hoa trái,... Đặc biệt, ở hàng cột ngoài cùng trong chánh điện, có đôi liễn chạm khắc hai câu đối của Thượng thư Bộ Học Cao Xuân Dục khi ông đến thăm đình năm 1907:

*“Tứ hải bổn đồng phùng Thuận trị*

*Nhất thôn phong hóa hảo Điều Hòa”*

Hàng năm cứ đến lệ kỳ, nhân dân trong vùng lại tề tựu về đình để tổ chức cúng Kỳ yên (vào các ngày 16-17-18 tháng 02 âm lịch và 16-17-18 tháng 10 âm lịch) đúng theo nghi thức truyền thống, thu hút đông đảo người dân tham dự. Nhân dân đã đến cầu an cho sự yên bình của làng xóm và tổ chức các hội thi làm bánh, đồ xôi, chưng nghi (bằng những loại trái cây của địa phương). Hội đình kéo dài 3 ngày 3 đêm, mỗi đêm đều có rước đoàn hát về hát bội các tuồng có nội dung phản ánh các điển tích xưa, thu hút hàng ngàn nhân dân đến xem hát để giải trí.

Đình Điều Hòa được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 313/QĐ-BVHTTDL ngày 22/01/2009.

**3. Đình Mỹ Chánh**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Mỹ Chánh).

Đình Mỹ Chánh tọa lạc tại Phường 8, thành phố Mỹ Tho.

**Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, được trùng tu, tôn tạo qua các năm 1959, 1980, 2018-2019. Với tổng diện tích 750 m², diện tích xây dựng 450 m²**, đình có kiến trúc theo hình chữ tam (≡), gồm: vỏ ca, vỏ quy và chánh điện.

Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, các vị tiền hiền, hậu hiền. Mỗi năm, đình có 3 lễ cúng: Hạ điền ngày 10,11 tháng 3 âm lịch; thần Thành hoàng ngày 10,11 tháng 5 âm lịch; Thượng điền ngày 11,12 tháng 11 âm lịch.

Hiện nay, đình còn lưu giữ nhiều di vật được tạo tác bằng gỗ, như khám thờ, hành phi, liễn, bao lam,... được chạm trổ họa tiết về tứ linh, tứ quý, hoa trái, chim thú,... hàm ý cầu mong cho quê hương đất nước, con người được an lành, hạnh phúc.

Đình Mỹ Chánh được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010.

**4.Đình Mỹ Phong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính (Xã Mỹ Phong).

Đình Mỹ Phong tọa lạc tại ấp Hội Gia, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho.

Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ XIX, đã trải qua các lần trùng tu, tôn tạo vào các năm 1935, 1942, 1946, 1959, 1980, 1985, 1990, 2006. Hiện nay, đình khá khang trang.

Đình có lối kiến trúc hình chữ tam (≡), gồm có vỏ ca, chánh điện và nhà khói, có tổng diện tích 1.500 m², diện tích xây dựng 450 m².

Đình thờ thần Thành hoàng bổ cảnh, thần Nông, Bạch mã thái giám, Ngũ phương thổ công, các vị tiền hiền, hậu hiền. Hiện nay, đình còn lưu giữ các sắc phong của vua Thiệu Trị (năm 1845), vua Tự Đức (năm 1850).

Hằng năm, đình có 03 lễ cúng: Kỳ yên (17/3 âm lịch), Hạ điền (17/5 âm lịch), Thượng điền (17/1 âm lịch).

Đình là cơ sở cách mạng quan tọng của địa phương trong hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đình Mỹ Phong được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/06/2012.

**5. Đình Phú Hội**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Đình) + Địa danh hành chính xưa (Thôn Phú Hội).

Đình Phú Hội tọa lạc tại Phường 8, thành phố Mỹ Tho.

**Đình được xây dựng vào đầu thế kỷ 19, được trùng tu vào các năm 1912, 1973, 2013, 2018-2019 với tổng diện tích trên 300 m²; diện tích xây dựng 291 m², theo kiến trúc hình chữ tam** (≡), **gồm vỏ ca, chánh điện và nhà khói.**

**Đình thờ thần Thành hoàng bổn cảnh, thần Nông,** Chúa Xứ nương nương, **các vị tiền hiền, hậu hiền.**

**Hiện nay, đình còn lưu giữ các bàn thờ, hoành phi, liễn, bao lam,… được sơn son thếp vàng, chạm trỗ rất công phu, tinh xảo với họa tiết tứ linh (long, lân, quy, phụng), tứ quý (xuân, hạ, thu, đông), hoa lan, hoa cúc, chim trĩ, chim phụng, chum nho, sóc, cá,…**

**Hằng năm, đình có 2 lễ cúng:** Hạ điền ngày 15,16 tháng 3 âm lịch; Thượng điền ngày 15,16 tháng 11 âm lịch.

**Đình Phú Hội được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo** Quyết định số: 3418/QĐ-UBND ngày 01/12/2010**.**

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Miếu:**

**Khái niệm Miếu**

Miếu là một dạng di tích văn hóa trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam có quy mô nhỏ hơn đền. Đối tượng được thờ ở miếu rất đa dạng, thể hiện ở tên gọi của miếu - tên gọi theo đối tượng được thờ thường phiếm chỉ và tượng trưng. Ví dụ: miếu Cô, miếu Cậu, miếu thờ thần núi gọi là miếu Sơn thần, miếu thờ thần nước gọi là miếu Hà Bá hoặc miếu Thủy thần, miếu thờ thần đất gọi là miếu thổ thần.

**Miếu Cây Vông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Miếu) + Địa danh chỉ thực vật (Cây vông).

Miếu Cây Vông tọa lạc tại Ấ**p 4, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho.**

**Miếu được xây dựng vào cuối thế kỷ 18, do nằm bên cạnh cây vông to, nên được gọi là miếu Cây Vông. Năm 1849, được xây dựng lại. Năm 1996, miếu được trùng tu khang trang. Năm 2016, nhà khách, nhà bếp và nhà hậu được tu bổ.**

Miếu có tổng diện tích 1.000 m2, diện tích xây dựng 157 m2, được xây dựng theo kiểu chữ nhị (=), gồm: vỏ ca, chánh điện, nhà khách, nhà hậu, nhà bếp. Tại chánh điện có 5 nghi thờ: nghi giữa thờ Thổ Thần, nghi bên phải thờ Bà Chúa Xứ, nghi bên trái thờ Ngũ Hành, nghi hai bên hông vách thờ Tiền Hiền và Hậu Hiền.

Miếu là cơ sở cách mạng quan trọng của xã Trung An và thành phố Mỹ Tho trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975).

Miếu Cây Vông được UBND tỉnh Tiền Giang công nhận Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh tại Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/11/2013.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Chùa:**

**Khái niệm Chùa**

Chùa là cơ sở hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ Phật giáo.

**1. Chùa Bửu Lâm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Bửu Lâm).

Chùa Bửu Lâm tọa lạc tại số 162B, đường Nguyễn Văn Giác, Phường 3, thành phố Mỹ Tho.

Vào những năm cuối thế kỷ XVIII, lưu dân người Việt từ các tỉnh miền Trung vào miền Nam khai khẩn đất hoang để lập làng định cư, sinh sống. Trong đoàn người ấy có một vị Ni cô (không rõ tên) am hiểu về cây thuốc Nam đã đến xóm Dầu (nơi này ngày xưa nhân dân sống bằng nghề ép dầu mù u) lập am nhỏ để tu niệm và trồng cây thuốc chữa bệnh cho nhân dân quanh vùng. Sau khi Ni cô qua đời, không người kế vị, những cây thuốc quý mặc không người chăm sóc nhưng vẫn sinh sôi, nảy nở.

Năm Gia Long thứ 2 (1803), bà Phạm Thị Đạt là một Phật tử giàu có và mộ đạo nhất trong vùng đã rước Hòa thượng Tiên Thiện tự Từ Lâm từ chùa Đức Lâm về trụ trì. Bà bỏ tiền ra xây dựng lại ngôi chùa bằng các loại gỗ quý, có quy mô lớn và tồn tại đến ngày nay. Để tưởng nhớ đến công đức của vị Ni cô sáng lập ra Chùa đầu tiên và thấy nhiều cây thuốc quý mọc quanh chùa, Hòa thượng Tiên Thiện đặt tên chùa là “Bửu Lâm” với ngụ ý “báu vật nhiều như cây trong rừng”.

Về kiến trúc: Ban đầu khi thành lập, chùa Bửu Lâm được xây dựng theo lối kiến trúc “Nội Công Ngoại Quốc”[[52]](#footnote-52). Chùa được xây dựng gồm 3 phần: Tiền đường, Chánh điện và Hậu Tổ, tất cả nằm trên nền cao 1 m, có diện tích 987 m². Mái lợp ngói hình vảy cá gồm 2 lớp mái cách khoảng. Mặt dựng được trang trí hoa văn rất đẹp. Các cây cột được làm bằng gỗ căm xe và cà chắt; kèo chạm võ đậu; đòn tay, rui, mè bằng gỗ thau lau; mái lợp ngói âm dương; nền đúc cao 1m, lát gạch tàu.

Trải qua 12 đời truyền thừa và hơn 200 năm tồn tại, với nhiều lần trùng tu nhưng chùa Bửu Lâm vẫn còn giữ được nét kiến trúc cổ kính thuở ban đầu. Lần trùng tu đầu tiên là năm 1803, nhưng đáng kể nhất là lần trùng tu sau cơn bão năm Giáp Thìn 1904 do Hòa thượng Như Lý tự Thiên Trường chủ xướng. Lần trùng tu tôn tạo lớn vào năm 1994 do Hòa thượng Thích Huệ Thông thực hiện. Năm này, Hòa thượng trụ trì cho sửa lại mặt tiền Chùa và tiếp tục tôn tạo ngôi chùa cổ khang trang và đẹp hẳn lên như hiện nay. Năm 2007, Đại đức trụ trì Thích Lệ Hiếu cho xây dựng tượng Quan Âm lộ thiên phía trước sân chùa. Năm 2008, cho kiến tạo khu vườn tượng Lâm-tỳ-ni, dựng Đại tượng Phật Di Lặc, Phật Thích Ca nhập Niết-bàn, xây mới cổng Tam quan và chỉnh trang lại toàn bộ khuôn viên chùa thêm thoáng mát, thanh nhã. Tiếp theo những năm sau, Đại đức trụ trì tiến hành xây dựng nhà khách Tăng, Giảng đường để cho Phật tử về tham dự khóa tu định kỳ mỗi tháng có nơi thính pháp và học hỏi giáo lý Đức Phật.

Hiện nay, chùa Bửu Lâm thờ theo phong cách Phật giáo Bắc truyền dòng Lâm Tế Chánh Tông ở Nam bộ. Trên bệ thờ của ngôi Chánh điện được tôn trí tượng Phật A Di Đà ngồi, gương mặt nhân hậu, xung quanh còn có các pho tượng Phật, Bồ Tát, La Hán lớn nhỏ làm bằng nhiều loại vật liệu với các dáng vẻ khác nhau. Gian Chánh điện được trang trí 9 bộ bao lam với những họa tiết và đường nét tinh xảo. Bộ bao lam trước bàn thờ chánh điện chạm lộng công phu với bộ “Cửu Long phún thủy” và đôi long trụ “Cá hóa rồng” sơn son thếp vàng óng ánh. Các bộ bao lam còn lại được chạm khắc mai điểu, song phụng chầu cuốn thư, mẫu đơn, chim trĩ và các họa tiết tứ linh, tứ quí, sen,... Bên cạnh đó, nghệ thuật chạm khắc gỗ còn được thể hiện trên 12 tấm hoành phi nền là một tấm gỗ dày 20cm, trên chạm 2 đến 3 lớp với hoa văn được thể hiện công phu, sinh động, xung quanh chạm tứ linh, lưỡng long tranh châu,... Đó là những tác phẩm khắc chữ nổi rất độc đáo, thực hiện bởi các đôi tay tài hoa, khéo léo của những nghệ nhân chạm trổ cách đây trên 100 năm.

Lối xuống nhà Hậu Tổ có 3 khuôn cửa lam chạm trổ tinh tế. Ngôi Chánh điện và Hậu Tổ được nối với nhau bằng hai dãi nhà với khoảng trống thông thoáng của sân thiên tĩnh được tôn trí tượng Bồ Tát Quán Thế Âm. Hậu Tổ tôn trí ban thờ Bồ Tát Chuẩn Đề, khám thờ long vị chư Hòa thượng Tổ sư khai sơn, truyền thừa tại chùa Bửu Lâm, tất cả đều được sơn son thếp vàng rất đẹp. Phía sau ngôi Hậu Tổ là khu vườn Tháp - nơi an trí nhục thân chư Hòa thượng trụ trì qua các thời đại.

Chùa Bửu Lâm là một trong những công trình kiến trúc chùa cổ tiêu biểu nhất thế kỷ 19 ở Đồng bằng sông Cửu Long. Về mặt lịch sử chùa còn là cơ sở cách mạng vững chắc của Thị ủy Mỹ Tho trong hai cuộc kháng chiến vệ quốc. Từ năm 1926 đến năm 1945, chùa Bửu Lâm là nơi tụ họp của các nhà yêu nước, trong đó có các cụ Nguyễn Sinh Sắc (thân sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh), Phan Châu Trinh, Mai Bạch Ngọc, Nguyễn Văn Nguyễn, Xích Hồng,… Hòa thượng Như Lý tự Thiên Trường là bạn thâm giao của cụ Phan Châu Trinh. Có lần vì công việc được giao khá quan trọng nên Hòa thượng phải thức sáng đêm để tìm phương pháp giải quyết, Cụ Phan nhìn cây đèn sáp leo loét bên phòng nên đã xuất khẩu thành thơ, tặng Hòa thượng Như Lý, trong đó có hai câu: *“Mở cửa vì dân nên gió lọt, Trót đêm nhỏ giọt tỏ cùng ai”.* Chùa cũng là nơi thành lập chi bộ Xóm Dầu, một trong những chi bộ Ðảng đầu tiên của tỉnh Tiền Giang, vào đầu năm 1930. Năm 1945, chiếc đại hồng chung cổ của chùa được Hòa thượng hiến cho cách mạng để sản xuất vũ khí, góp phần vào cuộc kháng chiến giành độc lập của dân tộc ta.

Chùa Bửu Lâm còn là nơi được Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Tiền Giang dùng làm nơi mở nhiều khóa An cư Kiết hạ, tổ chức Đại Giới Đàn và là Trường Phật học đào tạo được nhiều vị Tăng tài đức, góp phần xiểng dương Phật pháp.

Chùa Bửu Lâm được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 61/1999/QĐ-BVHTT ngày 13/9/2009 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

**2. Chùa Ông**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Nhân vật lịch sử (Quan Thánh Đế Quân còn gọi là Quan Đế, Quan Công, Ông).

Chùa Ông tọa lạc tại Phường 8, thành phố Mỹ Tho.

Đây là một trong những công trình kiến trúc văn hóa của cộng đồng người Hoa ở Mỹ Tho, được xây dựng vào năm 1679, được trùng tu 1925. Chùa Ông trước đây còn có tên là Toàn Bửu hội quán là trụ sở của người Minh Hương. Năm 1925, Toàn Bửu hội quán được trùng tu lại và đổi tên là Quan Đế Cổ Miếu là hội quán của người Hoa có nguồn gốc từ hai bang Phước Kiến và Triều Châu. Về sau, nhân dân gọi là Chùa Ông. Lúc đầu, chùa chỉ là một miếu nhỏ, qua nhiều lần tu bổ, ngày nay có tổng diện tích 908,72 m2. Chùa gồm có tiền sảnh và chánh điện. Chùa thờ Quan Thánh Đế tức Quan Vân Trường và hai tùy tướng Quan Bình, Châu Thương biểu tượng cho sự trung nghĩa.

Đây là một công trình kiến trúc rất độc đáo còn bảo tồn nhiều di vật quý hiếm của cộng đồng người Hoa ở Tiền Giang. Nhìn chung, trang trí của chùa Ông mang đậm bản sắc văn hóa Người Hoa được thể hiện rõ nét ở các hình tượng trang trí trên các bao lam, các khám thờ, trên kèo, cột.

Chùa Ông được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 5044/QĐ-UBND ngày 24/12/2009 của UBND tỉnh Tiền Giang.

**3. Chùa Ông Quan Đế**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Nhân vật lịch sử (Quan Thánh Đế Quân còn gọi là Quan Đế, Quan Công, Ông) + Địa danh hành chí (Xã Đạo Thạnh).

Chùa Ông Quan Đế tọa lạc tại ấp 5, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho.

Chùa Ông Quan Đế hay được xây dựng vào năm 1802 để thờ Quan Thánh Đế tức Quan Vân Trường và hai tùy tướng Quan Bình, Châu Thương biểu tượng cho sự trung nghĩa và các vị thần, phật phù hộ thôn ấp, làng xã.

Chùa trải qua các lần trùng tu tôn tạo vào các năm 1969, 1975, 1995, 2005, 2007, 2016; có tổng diện tích 3.000 m2, diện tích xây dựng khoảng 500 m2, bao gồm: cổng chùa, sân, vỏ ca, tiền điện, chánh điện, đền thờ Bác Hồ, nhà khách,...

Chùa là cơ sở cách mạng quan trọng của xã và thành phố Mỹ Tho trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đặc biệt, sau năm 1975, nhà chùa đã cắt khoảng 3.000 m2/6.000 m2 đất chùa cho 6 gia đình liệt sĩ và gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn làm nhà ở.

Chùa Ông Quan Đế - Đạo Thạnh được công nhận là Di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 27/01/2016 của UBND tỉnh Tiền Giang.

**4. Chùa Quan Đế**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Nhân vật lịch sử (Quan Thánh Đế Quân còn gọi là Quan Đế, Quan Công, Ông).

Chùa Quan Đế tọa lạc tại Phường 3, thành phố Mỹ Tho.

Chùa Quan Đế trước đây được gọi là Quỳnh Phủ Hội Quán do người Hoa Hải Nam (đảo Hải Nam, Trung Quốc) sinh sống và làm ăn ở Tiền Giang thành lập vào năm 1890. Chùa trải qua quá trình trùng tu tôn tạo vào các năm 1900, 1969, 1975. Hiện nay, chùa có diện mạo khá khang trang.

Chùa thờ Quan Thánh Đế tức Quan Vân Trường và hai tùy tướng Quan Bình, Châu Thương biểu tượng cho sự trung nghĩa. Ngoài ra, chùa còn thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, còn gọi là bà Thiên Hậu (vị thần bảo trợ của ngư phủ và người đi biển, tượng trưng cho sự cứu khổ, cứu nạn) và Quán Âm Bồ Tát còn gọi là Quan Âm Bồ Tát (cũng tượng trưng cho sự cứu khổ, cứu nạn)

Chùa có kiến trúc mang đậm dấu ấn kiến trúc của người Hoa, gồm cổng chùa, sân, tiền điện và điện thờ có tổng diện tích khoảng 300 m2. Chùa Quan Đế đã được các nghệ nhân dân gian tài hoa chạm trổ, trang trí các đề tài mang tính nghệ thuật cao. Các đề tài chạm trổ, trang trí đều tượng trưng cho sự hạnh phúc, phồn vinh tước lộc, công hầu theo tục lệ của người Hoa cũng như của người Việt.

Chùa Quan Đế được công nhận là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh theo Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 04/06/2012 của UBND tỉnh Tiền Giang.

**5. Chùa Vĩnh Tràng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Chùa) + Từ Hán Việt (Vĩnh Tràng).

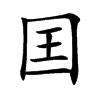
Chùa Vĩnh Tràng tọa lạc tại xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho.

Chùa Vĩnh Tràng là ngôi chùa cổ nổi tiếng ở tỉnh Tiền Giang, được xây dựng vào khoảng đều thế kỷ 19 bởi ông, bà Bùi Công Đạt. Lúc đó, chùa được xây cất đơn giản, chủ yếu bằng gỗ, tre, lá dừa nước.

Cũng trong thời gian này, Hòa thượng Minh Khiêm tự Hoằng Ân là một vị danh tăng từ chùa Giác Lâm ở Gia Định về Đồng bằng sông Cửu Long hóa đạo. Đến Mỹ Tho, ngài được Hòa thượng Từ Lâm, trụ trì chùa Bửu Lâm, mời về chùa cầu pháp và thuyết giảng Phật pháp cho phật tử. Vợ chồng ông Bùi Công Đạt xin quy y, làm phật tử tại gia và thỉnh Hòa thượng viếng thăm ngôi chùa của mình.

Được Hòa thượng Minh Khiêm giới thiệu, ông bà Bùi Công Đạt lên chùa Giác Lâm thỉnh Hòa thượng Huệ Đăng về trụ trì ngôi chùa của mình. Năm 1849, Hòa thượng Thích Huệ Đăng vận động tín đồ xây dựng thành ngôi đại tự, theo lối kiến trúc của chùa Giác Lâm, nhưng to lớn hơn, với 178 cây cột, 2 sân thiên tỉnh, 5 lớp nhà, với tên Vĩnh Trường, xuất phát từ hai câu đối: *“Vĩnh cửu đối sơn hà/ Trường tồn tề thiên địa”*. Về sau, người dân trong vùng gọi trại âm thành chùa Vĩnh Tràng. Người kế vị Hòa thượng Huệ Đăng là Hòa thượng Minh Đằng nối tiếp công việc trùng tu ngôi chùa.

Năm 1890, Phật tử đến chùa Sắc Tứ Linh Thứu thỉnh Hòa thượng Trà Chánh Hậu tự Quảng Ân về trụ trì chùa Vĩnh Tràng. Năm 1895, Hòa thượng Chánh Hậu cùng bổn đạo trùng tu toàn bộ ngôi chùa. Đến năm 1904, do một trận bão lớn, chùa lại bị tàn phá, vì vậy mà 3 năm sau (năm 1907) công việc trùng tu mới hoàn thành. Hòa thượng còn cho xây dựng lại bảo tháp Tổ Huệ Đăng và phần mộ của ông bà Bùi Công Đạt để tưởng niệm công ơn các bậc tiền bối. Trong những thập niên 30 của thế kỷ 20, chùa được trùng tu theo lới kiến trúc châu Âu.

Về tổng thể, chùa được xây dựng theo dạng chữ “Quốc” () của Hán tự, với những hoa văn theo kiểu thời Phục Hưng, vòm cửa theo kiểu La Mã, bông sắt theo phong cách Pháp, nền lót gạch men Nhật Bản. Nhìn tổng quan bên ngoài, kiến trúc chùa là sự giao thoa giữa Á và Âu một cách lạ mắt nhưng hài hòa. Tuy nhiên, kiến trúc bên trong chùa vẫn mang đậm lối kiến trúc và điêu khắc truyền thống Việt Nam.

Ngôi chùa gồm có bốn hạng mục nối tiếp nhau (tiền đường, chánh điện, nhà tổ, nhà hậu), có diện tích 1.400 m², vách tường xung quanh được xây bằng xi măng, toàn bộ cột được làm bằng gỗ quý, nền đúc cao 1m. Riêng mặt trước của tiền đường thì được xây dựng theo lối kiến trúc hài hòa Âu – Á với những hàng cột thanh mảnh, vòm cong và hoa văn nhiều màu sắc. Đáng chú ý hơn cả là những đôi long trụ trong ngôi chánh điện, đó là những cây cột tròn to, bằng gỗ quý kiến trúc theo kiểu “thượng thu hạ cách”.

Phía trong ngôi chính điện và nhà tổ làm theo kiểu kiến trúc truyền thống Việt Nam. Nối hai ngôi này là hai dãy Đông lang, Tây lang và một giếng trời có hòn non bộ ở giữa. Đứng trên hòn non bộ nhìn về mặt sau ngôi chánh điện, hai bên nhà cầu, mặt trước nhà tổ, ta sẽ thấy lối kiến trúc Rôma với những hàng đá hoa màu sắc sặc sỡ kiểu Pháp được trang trí trên thành nóc, trên những cột xây bằng xi măng kiểu cách.

Chùa Vĩnh Tràng còn có các cột, bao lam, hoành phi, câu đối... chạm khắc gỗ độc đáo. Cổng tam quan được nghệ nhân xây gạch vươn cao như hai tòa lâu đài cổ. Nét độc đáo của cổng tam quan chùa Vĩnh Tràng thể hiện ở nghệ thuật ghép mảnh sành, mảnh sứ để tạo nên những bức tranh với nhiều màu sắc hài hòa, minh họa những sự tích nhà Phật, những truyện tích dân gian và những đề tài: Tứ quý, tứ linh, hoa lá… Tầng lầu thượng của cổng tam quan có vòm cửa rộng.

Chùa còn bảo tồn 60 tượng quý, được tạo tác bằng đồng, gỗ, đất nung, tất cả đều được thếp vàng rực rỡ; trong đó có giá trị nghệ thuật nhất là bộ tượng 18 vị La Hán nằm ở hai bên tường chánh điện được tạc từ gỗ mít vào đầu thế kỷ XX. Trong chùa hiện còn hơn 20 bức tranh sơn thủy rất giá trị, mang đậm nét dân gian Việt Nam, in hình mai, lan, cúc, trúc, hình phong cảnh Việt Nam rất nên thơ.

Chùa có 3 tượng đồng (A Di Đà, cao 98 cm, Quan Âm và Thế Chí cao 93cm) được tạo tác giữa thế kỷ 19; bảy bộ bao lam tuyệt đẹp thếp vàng chạm hình Bát tiên, thần Mặt trời và thần Mặt trăng. Tất cả đều được các nghệ nhân địa phương chạm trổ công phu vào khoảng 1907-1908. Ngoài ra, còn có chiếc đại hồng chung mang tên Pháp Bảo Chuông cao 1,2m, nặng khoảng 150kg được đúc giữa tháng 5 năm 1854 trên thân có khắc chữ “Vĩnh Trường Tự”.

Xung quanh chùa là những vườn cây cảnh trồng nhiều loại hoa thơm cỏ lạ, những hồ nước thơm ngát hương sen và những cây cổ thụ che trùm bóng mát, tạo nên sự hài hòa tuyệt vời giữa khung cảnh thiên nhiên với không gian kiến trúc, làm chùa thêm cổ kính, thâm nghiêm. Gần đây, chùa đã xây dựng thêm 3 tượng Phật lớn: tượng Phật đứng, Phật ngồi và Phật nằm trong khuôn viên chùa, trông rất trang nghiêm, thanh tĩnh.

Vĩnh Tràng được xem là ngôi chùa cổ danh tiếng và là một công trình kiến trúc đặc sắc. Theo các chuyên gia văn hóa, vẻ đẹp của chùa Vĩnh Tràng tập trung ở nghệ thuật tạo hình và có thể xem ngôi chùa này là sự phản ánh lịch sử mỹ thuật của đất Tiền Giang.

Theo Nội San Đất Phật Định Tường số 18, trước năm 1975 thì chùa được “Liệt hạng di tích thắng cảnh của quốc gia”. Ngày 30-8-1984, chùa được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia Theo Quyết định số 114/VHQĐ ngày 30/8/1984 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Năm 2007, chùa Vĩnh Tràng được sách Kỷ lục Guinness Việt Nam công nhận là “Ngôi chùa đầu tiên ở Việt Nam có các kiến trúc kết hợp giữa phương Đông và phương Tây”. Năm 2013, Liên hiệp Các hội UNESCO Việt Nam công nhận chùa Vĩnh Tràng là Điểm du lịch văn hóa tâm linh trong Chương trình Việt Nam - Những điểm đến ấn tượng.

**\* Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên Nhà thờ:**

**Khái niệm Nhà thờ và Hạt (đạo Thiên Chúa):**

- Nhà thờ (đạo Thiên Chúa) là địa điểm để các vị linh mục và giáo dân cử hành các nghi lễ thờ phượng Thiên Chúa.

- Hạt (đạo Thiên Chúa) là một cấp quản lý của đạo Thiên Chúa, bao gồm nhiều nhà thờ nằm chung trên một khu vực địa lý.

- Hạt Mỹ Tho: 20 địa danh

**1**. **Nhà thờ An Đức**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh Hán Việt (An: : yên tĩnh, yên lành, Đức: : đạo đức, thiện).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Chợ, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, được thành lập năm 1884. Nhà thờ trải qua một số lần trùng tu; được xây dựng mới từ năm 2012-2015.

**2. Nhà thờ Bình Tạo**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính xưa (thôn Bình Tạo).

Nhà thờ tọa lạc tại số 90/4, đường Lê Hồng Gấm, Phường 6, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 1935; tu sửa vào các năm 1979, 2007.

**3. Nhà thờ Chánh Tòa**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh liên quan đến đạo Thiên chúa (Chánh tòa).

Ngày 24/11/1960, Giáo hoàng Gioan XXIII ban hành Sắc chỉ Venerabilium Nostrorum thành lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam, đồng thời tổ chức lại các giáo phận cũ và mới, trong đó có việc thiết lập Giáo phận Mỹ Tho tách ra từ Giáo phận Sài Gòn. Kể từ đây, nhà thờ Mỹ Tho được nâng lên thành Nhà thờ Chánh tòa.

Nhà thờ tọa lạc tại số 32, đường Hùng Vương, Phường 7, thành phố Mỹ Tho; được xây dựng năm 1906; trùng tu vào các năm 1960, 2006, 2009.

**4. Nhà thờ Chợ Cũ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Công trình xây dựng (Chợ) + Tính từ (Cũ).

Nhà thờ tọa lạc tại số 23/14, đường Học Lạc, Phường 8, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng từ năm 1962-1963; xây dựng mới tử năm 2007-2012.

**5. Nhà thờ Cồn Bà**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên và giới tính (Cồn Bà: bà Nguyễn Thị Nở cùng gia đình từ Phú Yên vào khai khẩn vùng đất mà ngày nay là Cồn Bà. Bà qua đời năm 1919. Cồn này từ đó mang tên cồn Bà Nở, vì dân chúng theo thói quen kỵ huý nên đã không gọi tên của Bà Nở mà chỉ gọi là Cồn Bà).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tân Thành 2, xã Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng từ năm 1930 - 1933; xây dựng mới từ năm 2008 - 2010.

**6. Nhà thờ Hòa Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính xưa (thôn Hòa Bình).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Khương Ninh, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1895; xây dựng lại năm 1926; tu sửa, tôn tạo năm 2009.

**7. Nhà thờ Hòa Định**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Hòa Định).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Hòa Lạc Trung, xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, được xây dựng năm 1920; bị hư hại nhiều trong thời kỳ từ năm 1960-1975; xây dựng mới từ năm 2009-2010.

**8. Nhà thờ Hòa Đồng**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính xưa (thôn/tổng/quận Hòa Đồng).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Hạ, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1958; xây dựng lại năm 1963.

**9. Nhà thờ Nữ Vương Hòa Bình**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Tên nhân vật tôn giáo (Nữ Vương Hòa Bình). Đức Mẹ Hòa Bình (hoặc Mẹ của Hòa Bình, Nữ Vương Hòa Bình) là một danh hiệu dành cho Mẹ Maria trong Giáo hội Công giáo Rôma. Trong nghệ thuật, hình tượng Đức Mẹ Hòa Bình được thể hiện trong dáng vẻ một người phụ nữ giữ một con chim bồ câu và một cành ô liu, biểu tượng của hòa bình.

Nhà thờ trải qua một số lần di đời địa đểm; đến năm 1994, được xây dựng mới, tọa lạc tại số 23, đường Lý Thường Kiệt, Phường 6, thành phố Mỹ Tho.

**10.** **Nhà thờ Rạch Cầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Rạch) + Công trình xây dựng (Cầu).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tân Định, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, được xây dựng khoảng đầu thế kỷ 20; xây dựng lại bằng bê tông và mái ngói năm 1953; xây dựng mới năm 1999; tu sửa, tôn tạo hai lần: từ năm 2005 - 2006, từ năm 2008

**11. Nhà thờ Tân Long**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (phường Tân Long).

Nhà thờ tọa lạc tại số 580, khu phố Tân Hoà, phường Tân Long, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 1975.

**12. Nhà thờ Tân Phước**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Tân Phước).

Nhà thờ tọa lạc tại Ấp 7, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1891, tu sửa năm 1911; xây dựng lại từ năm 1936 - 1937; tu sửa và tôn tạo vào những năm đầu thế kỷ 21.

**13 Nhà thờ Thánh Antôn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Danh nhân đạo Thiên chúa (Thánh Antôn). Antôn thành Padova hoặc Antôn thành Lisboa là một linh mục Công giáo người Bồ Đào Nha và là tu sĩ Dòng Phanxicô. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình giàu có ở Lisboa, Bồ Đào Nha nhưng mất tại Padova tại Ý.

Nhà thờ tọa lạc tại số 227/4, đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng năm 1964; bị sụp đổ năm 1972; xây dựng mới từ năm 1972 - 1974; xây dựng lại từ năm 2009 - 2010.

**14. Nhà thờ Thánh Giuse**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Tên vị thánh của đạo Thiên chúa (Thánh Giuse). Thánh Giuse là một vị thánh của đạo Tiên chúa. Những ghi chép về Thánh Giuse xuất hiện đầu tiên trong các bản Phúc Âm Luca và Matthew. Tuy các thông tin đề cập trong hai sách trên không hoàn toàn thống nhất với nhau; nhưng cùng mô tả Giuse là bạn thanh sạch của Maria và cha về mặt pháp lý của chúa Giêsu.

Nhà thờ tọa lạc tại Khu phố 3, Phường 2, thị xã Gò Công, được xây dựng năm 1973; xây dựng mới năm 1982; trùng tu, tôn tạo vào các năm 1987, 2007.

**15. Nhà thờ Thánh Tâm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Tên truyền thống thực hành tôn giáo phổ biến trong Công giáo (Thánh Tâm). Thánh Tâm là một truyền thống thực hành tôn giáo phổ biến trong Giáo hội Công giáo Rôma, qua việc liên tưởng trái tim vật lý của Chúa Giêsu chính là hiện thân về tình yêu của Thiên Chúa dành cho nhân loại.

Nhà thờ tọa lạc tại số 49, đường Nguyễn Trãi, Phường 2, thị xã Gò Công, được xây dựng từ năm 1940 - 1942, tu sửa năm 2005.

**16. Nhà thờ Thới Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Thới Sơn).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Thới Thuận, xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng khoảng năm 1890; xây dựng lại năm 1938; từ năm 1960-1975, do chiến tranh, nhà thờ bị sụp đổ hoàn toàn; sau năm 1975, nhà thờ được dựng bằng cây lá; từ năm 1991-1992, nhà thờ được tu sửa; năm 2008, nhà thờ được xây dựng mới.

**17. Nhà thờ Thủ Ngữ**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Chức quan võ hoặc thu thuế dưới thời nhà Nguyễn (Thủ) + Tên người (Ngữ).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Tân Ninh, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo; được xây dựng năm 1896; tu sửa, tôn tạo năm 1969; xây dựng mới từ năm 1998 - 2000. trùng tu năm 2008.

**18. Nhà thờ Trinh Vương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Hiệu của một vị nữ thánh của đạo Thiên chúa (Trinh Vương: Đức bà Maria. Theo kinh Tân ước, bà là mẹ của chúa Giêsu).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Vàm Kinh, xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông, được xây dựng năm 1973; tu sửa năm 1998.

**19. Nhà thờ Trung Lương**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính xưa (thôn Trung Lương).

Nhà thờ tọa lạc tại Khu phố 2, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, được xây dựng từ năm 1971-1972; xây dựng mới từ năm 1992-1993.

**20. Nhà thờ Vĩnh Hựu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Nhà thờ) + Địa danh hành chính (xã Vĩnh Hựu).

Nhà thờ tọa lạc tại ấp Thạnh Thới, xã Vĩnh Hựu, huyện Gò Công Tây, được xây dựng năm 1896; xây dựng lại năm 1942; bị bom pháo làm sụp đổ năm 1961; xây dựng lại năm 1976; xây dựng mới năm 1991.

\* **Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên thánh thất:**

**Khái niệm:**

Thánh thất: là nhà thờ Đức Chí Tôn (Đấng Cao Đài) và các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Hay còn gọi là ngôi nhà của chư thánh. Tại mỗi Tộc đạo (Họ đạo) đều phải xây dựng một Thánh thất để làm đền thờ Đức Chí Tôn và làm nơi tín ngưỡng cho bổn đạo địa phương.

**Thánh thất Mỹ Tho**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Công trình xây dựng (Thánh thất) + Địa danh hành chính (thành phố Mỹ Tho).

Thánh thất Mỹ Tho được xây dựng vào năm 1930, trùng tu năm 1972, tọa lạc tại Phường 4, thành phố Mỹ Tho.

**Nghiên cứu địa danh chỉ vùng:**

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên xóm:**

**Khái niệm:**

Xóm: là nơi quần tụ những hộ gia đình sinh sống gần nhau, có hoặc không có mối quan hệ họ hàng với nhau.

1. **Xóm Bánh Tét**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tên một loại bánh dân gian (Bánh tét).

Xóm Bánh Tét là nơi có nhiều hộ dân sản xuất bánh tét, thuộc xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho.

Mỗi ngày, Xóm sản xuất từ 3.000 đến 5.000 đòn bánh tét, dịp Tết Nguyên đán thì nhiều hơn, bán lẻ ở khắp các tỉnh thành Nam Bộ, nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Xóm Bún**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực phẩm (Bún).

Xóm Bún là xóm có nghề làm bún. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh Xóm Bún, gồm

- Xóm Bún (huyện Châu Thành): Có khoảng 10 lò bún; tọa lạc tại xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành.

- Xóm Bún (thành phố Mỹ Tho): Có khoảng 30 lò bún; tọa lạc tại xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho.

**3**. **Xóm Cá Ngoài và Xóm Cá Trong**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Động vật (Cá) + Vị trí (Ngoài và Trong).

Thuở xưa, rạch Mỹ Tho có 02 vàm: vàm ở phía trên có hình dáng ngay thẳng, rộng để ghe thuyền neo đậu khi đến buôn bán tại chợ Mỹ Tho mới (còn gọi là chợ Thành được lập năm 1826); vàm ở phía dưới có hình dáng cong, hẹp để ghe thuyền neo đậu khi đến buôn bán tại Mỹ Tho đại phố (chợ cũ được lập năm 1679). Tại vàm rạch Mỹ Tho phía trên giao với sông Tiền có một xóm nhà chuyên nghề đánh cá, được gọi là xóm Cá Ngoài; nay thuộc Phường 2, thành phố Mỹ Tho. Tại vàm rạch Mỹ Tho phía dưới có một xóm nhà cũng sinh sống bằng nghề đánh cá, được gọi là xóm Cá Trong; nay thuộc Phường 8, thành phố Mỹ Tho.

**4. Xóm Cây Trôm**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (cây trôm).

- Cây trôm: Trôm **là tiếng Việt gốc Khmer:** Tham rôn, gọi trại mà ra, là cây thân gỗ, cao từ 15 - 20 m. Gỗ dùng trong xây dựng, xẻ ván, đóng đồ mộc. Vỏ làm thuốc lợi tiểu và có chất nhầy làm săn da; lá làm thuốc kháng sinh, tiêu viêm, nhuận tràng. Hạt có dầu béo, màu vàng nhạt, dịu, có tác dụng nhuận tràng, lợi trung tiện, chữa ghẻ, thắp sáng, có thể ăn được và xay bột làm nhân bánh. Đặc biệt, nhựa trôm (mủ trôm) có dạng keo, dễ tan trong nước, chứa nhiều chất bổ dưỡng dùng để chế các loại nước giải khát, giải nhiệt. Ngoài ra, trôm còn được trồng trên đường phố, trong công viên để tạo cảnh quan và bóng mát..

Xóm Cây Trôm là xóm có một cây trôm cổ thụ. Đến năm 2000, cây trôm này bị đốn bỏ khi xây dựng Thư viện tỉnh Tiền Giang. Xóm Cây Trôm tọa lạc tại khu vực Đài Phát thanh - Truyền hình Tiền Giang và Thư viện Tiền Giang trên đường Lê Thị Hồng Gấm, thuộc Phường 4, thành phố Mỹ Tho.

**5. Xóm Dầu**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây dầu).

Xóm Dầu là nơi có trồng nhiều cây dầu và người dân ở đây làm nghề nấu dầu. Xóm nghề này được Trịnh Hoài Đức nhắc đến trong bài thơ “Mưa đêm ở Mỹ Tho” khi ông giữ chức Ký lục dinh Trấn Định (Tiền Giang ngày nay) năm 1794. Tháng 9/1929, tại Xóm Dầu, Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng được thành lập, gồm các đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Văn Hồng,… do đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn làm Bí thư. Đây là một trong những chi bộ cộng sản đầu tiên ở tỉnh Mỹ Tho. Xóm Dầu ngày nay là Khu phố 7, Phường 3, thành phố Mỹ Tho.

**6.** **Xóm Hát Bội**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Một loại hình nghệ thuật (Hát Bội).

Xóm Hát Bội là xóm có nhiều hộ gia đình theo lĩnh vực nghệ thuật Hát Bội, thuộc Phường 5, thành phố Mỹ Tho.

Xóm Hát Bội được hình thành những năm 40 của thế kỷ 20. Trước đây, xóm là khu đất vườn của một bà Đốc; và khi thành lập Đoàn hát bội Tấn Lộc Thành, ông bầu Tửng mới mời các nghệ sĩ Ba Kiên, Ba Quốc, Chín Hiếu, Ngọc An,… về thuê đất dựng nhà ở chung xóm để tiện bề tập tuồng, đi hát. Từ đó, tên gọi Xóm Hát Bội ra đời và tồn tại cho đến ngày nay. Hiện tại, Xóm Hát Bội có 2 đoàn: Đoàn Bảo Ân và Đoàn Hiệp Lợi, chuyên biểu diễn tại các đình vào dịp lễ hội cúng đình, tập trung vào các  tháng giêng, tháng hai, tháng ba, tháng mười và tháng mười một hằng năm.

**7. Xóm Lò Gạch**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lò gạch).

Xóm Lò Gạch là xóm nhà tọa lạc chung quanh lò gạch. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh xóm Lò Gạch, gồm:

- Xóm Lò Gạch (Huyện Gò Công Đông): Hiện nay là ấp Lò Gạch 1 và ấp Lò Gạch 2, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông.

Tại ấp Lò Gạch 1 có miếu thờ và nhà lưu niệm ông Trương Công Luận, một viên tướng của Bình Tây đại tướng quân Trương Định (tiểu sử của ông Trương Công Luận xin xem mục từ Xóm Gò).

- Xóm Lò Gạch (Thành phố Mỹ Tho): Tọa lạc tại Phường 4 và Phường 5, thành phố Mỹ Tho. Lò gạch do ông Bang Hoạch (người Hoa) dựng lên vào khoảng đầu thế kỷ 20. Lò gạch có vị trí đầu tiên nay là chợ Thạnh Trị (Phường 4), đất để nung làm gạch được đào dọc theo kênh Bảo Định, đoạn từ cầu Bạch Nha đến cầu Đạo Ngạn (Phường 5). Gạch, ngói của những ngôi nhà tường lợp ngói ở Mỹ Tho thời bấy giờ phần lớn được mua từ lò gạch này. Nghệ sĩ Nhân dân Phùng Há khởi đầu nghiệp cầm ca vào cuối thập niên 20 của thế kỷ trước cũng từ lò gạch của ông Bang Hoạch. Năm 1957, lò gạch ngưng hoạt động. Khu vực này trở thành bến xe Mỹ Tho; đến năm 1988, bến xe di dời, nơi đây thành chợ Thạnh Trị.

**8. Xóm Lộ Ma**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Địa danh chỉ công trình xây dựng (Lộ Ma).

Xóm Lộ Ma là xóm nhà nằm dọc theo đường Lộ Ma xưa, nay là đường Thái Sanh Hạnh, thuộc Phường 8 và Phường 9, thành phố Mỹ Tho.

Địa danh này có liên quan đến Lộ Ma. Năm 1792,thành Mỹ Tho được xây dựng, tọa tại thôn Mỹ Chánh. Năm 1826, thành Mỹ Tho (mới) được xây dựng tại thôn Điều Hòa và Bình Tạo. Thành Mỹ Tho được xây dựng năm 1792 bị bỏ hoang. Lúc đó, chính quyền nhà Nguyễn sử dụng một góc thành làm pháp trường. Đồng thời, người dân còn dựng một ngôi miếu thờ cô hồn, gọi là miếu Cây Gạo. Pháp trường, ngôi miếu cộng với sự hoang vắng trong khu vực nên người dân nơi đây gọi con đường này là đường Lộ Ma. Hiện nay, đường Lộ Ma xưa đã trở thành đường Thái Sanh Hạnh rất khang trang, chạy ngang qua Trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang, Trường Cao đẳng Tiền Giang và Công an Tiền Giang

**9. Xóm Phước Hải**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Tên hiệu của hãng sản xuất gạch bông (Phước Hải).

Xóm Phước Hải là xóm nhà nằm xung quanh hang gạch bộng có bảng hiệu Phước Hải. Hãng gạch này được thầy giáo Trần Văn Diệp (thầy Ba Diệp) xây dựng vào thập niên 50 của thế kỷ trước; ngừng hoạt động năm 1970. Địa điểm Hãng gạch Phước Hải nay là Trường Mẫu giáo Phường 6, thành phố Mỹ Tho.

**10**. **Xóm Tre**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xóm) + Thực vật (Cây tre).

Xóm Tre là xóm nhà có nhiều bụi tre. Ở tỉnh Tiền Giang có 02 địa danh Xóm Tre, gồm:

- Xóm Tre (Thành phố Mỹ Tho): Tọa lạc tại Phường 5, thành phố Mỹ Tho. Nơi đây là căn cứ lõm (căn cứ cách mạng nằm sâu trong vùng địch tạm chiếm, có quy mô nhỏ) của lực lượng du kích Phường 5 trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

- Xóm Tre (Huyện Cai Lậy): Tọa lạc tại xã Long Tiên, huyện Cai Lậy. Tại đây, đêm 24 rạng sáng ngày 25/7/1967, Tiểu đoàn 514 Tỉnh đội Mỹ Tho tập kích Sở chỉ huy hành quân của Tiểu đoàn 2 thuộc Sư đoàn 9 Mỹ, tiêu diệt hơn 100 lính Mỹ, thu 160 súng các loại, 03 máy truyền tin PRC25 và thu hồi toàn bộ số súng mà địch lấy được của Tiểu đoàn 263 (chủ lực Quân khu 8) ngày 23/7/1967. Đây là trận đánh trực tiếp với lính Mỹ giành được thắng lợi giòn giã nhất của Tiểu đoàn 514 trên chiến trường Mỹ Tho năm 1967.

**11.** **Xứ Cái Ngang**

Xứ Cái Ngang là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Đạo Ngạn, tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa hình tự nhiên (rạch Cái Ngang)

Theo *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902*, Cái Ngang là tên chợ; và khi mới lập chợ, người ta đã tụ tập thành từng nhóm, bày hàng hóa mua bán ở ngang giữa con đường, làm tắt nghẽn giao thông đi lại[[53]](#footnote-53). Chợ này hiện nay vẫn còn, mang tên là chợ Trung Lương, nằm sát Quốc lộ 1, gần vòng xoay Trung Lương, thuộc xã Trung An, thành phố Mỹ Tho.

Rạch Cái Ngang là rạch chảy ngang qua chợ Cái Ngang, dài 1,6 km, có điểm đầu nối vào kênh/kinh Bảo Định ở xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, điểm cuối tại cầu Chùa Lương Phước (xã Trung An, cùng thành phố).

Xứ Cái Ngang là vùng đất nằm dọc theo rạch Cái Ngang (còn gọi là rạch Trung Lương).

**12. Xứ Lò Gạch**

Xứ Lò Gạch là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Mỹ Hóa, tổng Thạnh Phong, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Công trình xây dựng và vật liệu (Lò gạch).

Xứ Lò Gạch là vùng đất có lò sản xuất gạch.

**13**. **Xứ Tôn Châu**

Xứ Tôn Châu là địa danh xưa, được ghi trong *Địa bạ Minh Mạng năm 1836*, tọa lạc ở thôn Thới Sơn (cù lao Tôn), tổng Thuận Trị, huyện Kiến Hưng, phủ Tân An, tỉnh Định Tường, nay thuộc xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Xứ) + Địa danh chỉ địa hình tự nhiên (Tôn Châu: tên Hán Việt chỉ cù lao Tôn hay cù lao Thới Sơn).

Cù lao Thới Sơn còn gọi là cù lao Tôn, còn có tục danh là cù lao Hộ hay cù lao Lân, 1 trong 4 cù lao được xem là “tứ linh” trên sông Tiền gồm: Long, Lân, Quy, Phụng. Đây là cù lao có diện tích lớn nhất trong nhóm tứ linh. Làng Thới Sơn được thành lập trong khoảng cuối thế kỷ XVIII. Trước đây, cù lao Thới Sơn thuộc huyện Châu Thành, nhưng sau này thuộc thành phố Mỹ Tho.

Thới Sơn là vùng đất ghi nhiều dấu ấn lịch sử. Cù lao này có liên quan đến chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút phá tan 5 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền (1785). Trong thời kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), cù lao này lại ghi dấu với thế trận lòng dân bao quanh căn cứ Đồng Tâm của Sư đoàn 9 Mỹ và sau đó là Sư đoàn 7 quân đội Sài Gòn. Vì thế, xã Thới Sơn được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang vào năm 1978. Đây là xã có thế mạnh kinh tế vườn và du lịch sinh thái.

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên khu:**

**Khái niệm:**

Khu là khoảng đất được giới hạn với những đặc điểm hoặc chức năng riêng, khác với xung quanh.

**Khu du lịch sinh thái miệt vườn Thới Sơn**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Khu) + Loại hình du lịch (Du lịch sinh thái miệt vườn) + Địa danh hành chính (Xã Thới Sơn).

Khu du lịch sinh thái miệt vườnThới Sơn tọa lạc tại ấp Thới Hòa, Xã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho. Được biết, Thới Sơn là cù lao, còn được gọi là Cồn Lân, để cùng với ba cồn khác là Cồn Long (Cồn Rồng, xã Tân Long, thành phố Mỹ Tho), Cồn Quy (xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) và Cồn Phụng (xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) hợp thành nhóm tứ linh trên sông Tiền.

Sách *Gia Định thành thông chí* mô tả: *“Cù lao này ở phía Tây đại giang Mỹ Tho, chu vi năm dặm, đất bồi khí vượng”*[[54]](#footnote-54).

Đây là khu du lịch nổi tiếng ở Đồng bằng sông Cửu Long, thu hút hơn hàng trăm ngàn lượt khách tham quan hằng năm. Đến đây, trong không khí xanh mát, trong lành của miệt vườn, du khách sẽ được thưởng thức rất nhiều các loại trái cây thơm ngon, uống trà mật ong và các món ăn đặc sản; trải nghiệm các hoạt động vui chơi giải trí dân dã như: tát mương bắt cá, đi cầu khỉ, làm bánh phồng, kẹo dừa; thả hồn với giai điệu mượt mà của nghệ thuật đờn ca tài tử; tham quan kênh rạch trên xuồng ba lá, đi xe ngựa trên đường làng,...

**\* Sưu tầm, thống kê, nghiên cứu, biên soạn tên địa điểm:**

**Khái niệm:**

Địa điểm là nơi chốn cụ thể tiến hành một hoạt động hoặc phản ánh một sự kiện, một sự việc nào đó.

**Điểm du lịch vườn lan Thảo Nguyên**

Địa danh được cấu tạo theo phương thức: Địa danh chỉ vùng (Điểm) + Loại hình du lịch (Du lịch vườn lan) + Tên điểm du lịch (Thảo Nguyên).

Điểm du lịch vườn lan Thảo Nguyêntọa lạc tạixã Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho.

Đây là điểm du lịch OCOP đầu tiên của thành phố Mỹ Tho. Điểm du lịch này có cảnh quan tươi đẹp, bao gồm vườn trồng hoa lan, các loại hoa kiểng và các hoạt động dịch vụ du lịch, như có hẳn một không gian rộng lớn trưng bày, quảng bá các sản phẩm OCOP của tỉnh, làm cho du khách, nhất là du khách quốc tế rất thích thú khám phá trải nghiệm quy trình từ trồng cây nguyên liệu, đến chế biến và thưởng thức các sản vật địa phương tại chỗ.

1. Tháng 12/2008, Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ đã cấp giấy chứng nhận độc quyền cho thương hiệu “Hủ tiếu Mỹ Tho”. Năm 2009, hủ tiếu Mỹ Tho của Tổ hợp tác sản xuất hủ tiếu Mỹ Tho (ấp Hội Gia, xã Mỹ Phong) được Trung tâm Thương hiệu Việt thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, cấp giấy chứng nhận “Thương hiệu Việt”. Tháng 3/2014, Tổ chức Kỷ lục châu Á đã trao Cúp vinh danh và chứng nhận “Hủ tiếu Mỹ Tho” là món ăn đạt giá trị ẩm thực châu Á năm 2013. Tỉnh Tiền Giang đã công nhận Làng nghề Hủ tiếu Mỹ Tho là một trong 13 làng nghề đầu tiên của tỉnh cần được đầu tư phát triển một cách toàn diện.

   (Theo Nguyễn Phúc Nghiệp, *Hủ tiếu Mỹ Tho*, Tạp chí Du lịch, ngày 20/7/2018). [↑](#footnote-ref-1)
2. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007), *Địa chí Tiền Giang (tập 2),* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, trang 923. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, tập 1 (1930 – 1954)*, Nxb Chính trị Quốc gia, trang 56. [↑](#footnote-ref-3)
4. Phan Thanh Sắc (2010), *Gò Công - Vọng tiếng đất lành*, Nxb Phương Đông, trang 256. [↑](#footnote-ref-4)
5. 1 Hai tổng Kiến Thuận và Hưng Xương thành lập trên cơ sở thuộc Kiến Hưng, mỗi tổng giữ 1 chữ. [↑](#footnote-ref-5)
6. 2 Hai tổng Kiến Thạnh và Hòa Bình thành lập trên cơ sở thuộc Kiến Hòa, mỗi tổng giữ 1 chữ. [↑](#footnote-ref-6)
7. Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn: Định Tường*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, trang 157-165. [↑](#footnote-ref-7)
8. Theo quyển *Địa phương chí tỉnh Mỹ Tho năm 1902* (*Monographie de la province de Mytho, 1902*). [↑](#footnote-ref-8)
9. Trần Thanh Đức chủ biên (2012), *Địa lý địa phương Tiền Giang*, Nxb Giáo dục, tr.10- 11. [↑](#footnote-ref-9)
10. Trần Thanh Đức chủ biên (2012), *Địa lý địa phương Tiền Giang*, Nxb Giáo dục, tr.12. [↑](#footnote-ref-10)
11. Trần Thanh Đức chủ biên (2012), *Địa lý địa phương Tiền Giang*, Nxb Giáo dục, tr.14. [↑](#footnote-ref-11)
12. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh cao hơn mức bình quân của vùng đồng bằng sông Cửu Long, quy mô GRDP của tỉnh chiếm 10,5%, đứng thứ 2/13 tỉnh, thành (sau Long An); giai đoạn 2016-2019 tăng 7,5%/năm. [↑](#footnote-ref-12)
13. Công tác giảm nghèo của tỉnh xếp thứ 4/13 tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long. [↑](#footnote-ref-13)
14. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, 1 tầm = 2,435 mét. [↑](#footnote-ref-14)
15. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, 1 trượng = 4,87 mét. [↑](#footnote-ref-15)
16. Địa bàn Tiểu khu hành chính Mỹ Tho quá rộng nên tuy đã xóa bỏ cấp phủ, huyện, nhưng vẫn phải dựa vào cơ sở cũ để lập các Trung tâm hành chính trực thuộc Tiểu khu hành chính, bao gồm 3 Trung tâm hành chính là Mỹ Tho, Chợ Gạo và Cai Lậy. [↑](#footnote-ref-16)
17. Khu vực hành chính Mỹ Tho có 4 tiểu khu hành chính: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An và Chợ Lớn.   [↑](#footnote-ref-17)
18. Từ năm 1876, chính quyền thực dân Pháp cho đổi đơn vị hành chính “thôn” thành “làng”. [↑](#footnote-ref-18)
19. Giang trạm Điều Hòa: trạm đường thủy đặt tại thôn Điều Hòa để vận chuyển công văn, thư từ hoặc để các phái đoàn triều đình từ Kinh đô Huế vào công tác sẽ nghỉ lại và tiếp tục đến các địa phương khác. [↑](#footnote-ref-19)
20. Lê Trung Hoa (2012), *Từ địa phương chỉ địa hình trong địa danh Nam Bộ*, Tạp chí Ngôn ngữ số 4, 2012, trang 37. [↑](#footnote-ref-20)
21. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 87. [↑](#footnote-ref-21)
22. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học xã hội, trang 43. [↑](#footnote-ref-22)
23. Nhiều tác giả (2000), *Các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia tại tỉnh Tiền Giang*, Sở Văn hóa - Thông tin Tiền Giang, trang 45. [↑](#footnote-ref-23)
24. Trong quyển *Nguyễn Hữu Huân: nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất* của Phạm Thiều - Cao Tự Thanh - Lê Minh Đức, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, ghi năm sinh của ông là năm 1816. [↑](#footnote-ref-24)
25. Trong quyển *Nguyễn Hữu Huân: nhà yêu nước kiên cường, nhà thơ bất khuất*, các tác giả Phạm Thiều - Cao Tự Thanh - Lê Minh Đức, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, cho rằng bài thơ *Hãn mã gian quan* không phải là thơ tuyệt mạng của Thủ khoa Huân, rất có thể do Thủ khoa Huân sáng tác để ca ngợi Thị độc học sĩ sung Binh bị Trần Xuân Hòa (Phủ Cậu) vào khoảng đầu mùa thu năm 1864, khi ông này bị quân Pháp bắt và giải ngang qua sông Mỹ Tho. [↑](#footnote-ref-25)
26. HL93 được viết tắt từ Tiếng Anh: **H**ighway **L**oad accepted in 19**93** (Tải trọng trên đường cao tốc được chấp nhận vào năm 1993), tải trọng HL93 tương đương 40 tấn. [↑](#footnote-ref-26)
27. Société des Études Indochinoises (1902), *Monographie de la province de Mỷ-Tho*, Imprimerie L. Ménard, Saigon, p. 65. [↑](#footnote-ref-27)
28. Xin xem mục từ: Bia lưu niệm căn cứ Thành đội Mỹ Tho tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm. [↑](#footnote-ref-28)
29. Xin xem mục từ: Bia lưu niệm căn cứ Thành ủy Mỹ Tho tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm. [↑](#footnote-ref-29)
30. Điển tích văn học *Đào Nguyên* hay *Đào Hoa Nguyên*, lấy từ tác phẩm văn học *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm (? - 427), một nhà thơ lớn của Trung Quốc, chỉ nơi cảnh đẹp. [↑](#footnote-ref-30)
31. Mai ẩn sĩ: Chỉ chiến sĩ cộng sản Mai Văn Ngọc, còn gọi là Mai Bạch Ngọc (1882-1932), quê ở xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Ông nổi tiếng là người yêu nước, có chí khí, thông thái, có tài văn chương và không màng danh lợi, được nhiều người kính nể, cung hiến toàn bộ tài sản, kể cả sinh mạng của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. [↑](#footnote-ref-31)
32. Xin xem Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm. [↑](#footnote-ref-32)
33. Xin xem mục từ: Tượng đài Tết Mậu Thân tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm. [↑](#footnote-ref-33)
34. Xin xem mục từ Giếng Nước tại Nội dung 5. Công việc 1: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn địa danh ao, bãi tắm, bàu, bến, bưng, hồ/giếng nước. [↑](#footnote-ref-34)
35. Xin xem mục từ: Tượng đài Tết Mậu Thân tại Nội dung 8. Công việc 27: Sưu tầm, thống kê, điều tra, nghiên cứu, biên soạn tên tượng đài, bia lưu niệm. [↑](#footnote-ref-35)
36. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, tr.165. [↑](#footnote-ref-36)
37. *Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003),* NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.22. [↑](#footnote-ref-37)
38. Vũ Xuân Phái *(2009)*, *Gốc và Nghĩa của Từ Việt thông dụng,* NXB Trẻ, tr.162. [↑](#footnote-ref-38)
39. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-39)
40. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-40)
41. Đặng Thị Hạnh (2012), *Chợ nổi đồng bằng sông Cửu Long từ góc nhìn văn hóa học,* Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41. [↑](#footnote-ref-41)
42. Lê Thị Mai (2004), *Chợ quê trong quá trình chuyển đổi*, NXB Thế Giới, tr.41. [↑](#footnote-ref-42)
43. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-43)
44. Chính phủ (2003), *Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 về phát triển và quản lý chợ*, Hà Nội, tr.1. [↑](#footnote-ref-44)
45. Phạm Thị Thúy Vinh, *Du lịch đồng bằng sông Cửu Long thời hội nhập - từ góc nhìn của các nhà du ký nửa đầu thế kỷ XX”*, Viện Văn học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Nguồn: http://www.saigonact.edu.vn. [↑](#footnote-ref-45)
46. Mục tử: Trẻ chăn trâu. [↑](#footnote-ref-46)
47. Vân căn: Gốc rễ của mây, tức là đá. Thơ thời nhà Tống có câu: “*Đồn yên nhiễu phong nguyệt, tích thủy nịch vân căn*”, nghĩa là: *Khói dồn lại làm rối loạn hang gió, nước tụ lại làm chìm đá núi*. [↑](#footnote-ref-47)
48. Hy Hoàng: là hai vị vua Phục Hy và Hoàng Đế thời cổ đại ở Trung Quốc. Dưới thời hai vị vua này, xã hội ổn định, thạnh trị, ý chỉ sự thái bình. [↑](#footnote-ref-48)
49. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn (chủ biên), *Địa chí Tiền Giang (tập 1),* Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu lịch sử và văn hóa Việt Nam, 2005, trang 326. [↑](#footnote-ref-49)
50. Nay thuộc xã Long An, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-50)
51. Nay thuộc Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. [↑](#footnote-ref-51)
52. Mô hình kiến trúc Nội công ngoại quốc là cách gọi theo lối chiết tự từ chữ Hán, “Nội công” là dạng mặt bằng hình chữ công (工), còn “Ngoại quốc” (国) là chiết tự từ đường bao của chữ Quốc (囗) .  [↑](#footnote-ref-52)
53. Société des Études Indochinoises (1902), *Monographie de la province de Mỷ-Tho*, Imprimerie L. Ménard, Saigon, p. 65. [↑](#footnote-ref-53)
54. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Giáo Dục, trang 43. [↑](#footnote-ref-54)